FBỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH**



**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT**

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH CHĂN NUÔI**

**THEO TIẾP CẬN CDIO**

**(***Ban hành theo Quyết định số 2033/QĐ-ĐHV ngày 10/9/2021*

*của Hiệu Trưởng Trường Đại học Vinh*)

***Nghệ An, 2022***

**MỤC LỤC**

[Khung chương trình đào tạo](#_Toc120534931) [ngành chăn nuôi 1](#_Toc120534932)

[Đề cương học phần chi tiết](#_Toc120534933) [nhập môn nông lâm ngư và môi trường 3](#_Toc120534934)

[Đề cương học phần chi tiết](#_Toc120534935) [sinh học trong nông lâm ngư - môi trường 33](#_Toc120534936)

[Đề cương học phần chi tiết](#_Toc120534944) [Tiếng anh 1 43](#_Toc120534945)

[Đề cương học phần chi tiết](#_Toc120534946) [Triết học mác – lênin 59](#_Toc120534947)

[Đề cương học phần chi tiết](#_Toc120534961) [Xác suất và thống kê 73](#_Toc120534962)

[Đề cương học phần chi tiết](#_Toc120534976) [Cơ sở quản lí tài nguyên và môi trường 93](#_Toc120534977)

[Đề cương học phần chi tiết](#_Toc120534978) [Hóa phân tích 105](#_Toc120534979)

[Đề cương học phần chi tiết](#_Toc120534980) [Hóa sinh động vật 123](#_Toc120534981)

[Đề cương học phần chi tiết](#_Toc120534982) [Kinh tế chính trị mác – lênin 131](#_Toc120534983)

[Đề cương học phần chi tiết](#_Toc120535007) [Mô phôi động vật 141](#_Toc120535008)

[Đề cương học phần chi tiết](#_Toc120535009) [Tiếng anh 2 151](#_Toc120535010)

[Đề cương học phần chi tiết](#_Toc120535011) [Chủ nghĩa xã hội khoa học 167](#_Toc120535012)

[- đọc giáo trình , tài liệu tham khảo 176](#_Toc120535016)

[Đề cương học phần chi tiết](#_Toc120535017) [Học phần : dy truyền đồng vật 179](#_Toc120535018)

[Đề cương học phần chi tiết](#_Toc120535022) [Nguyên lý thiết kế và quản lý dự án nông nghiệp và môi trường 189](#_Toc120535023)

[Đề cương học phần chi tiết](#_Toc120535024) [Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế -xã hội 205](#_Toc120535025)

[Đề cương học phần chi tiết](#_Toc120535067) [Tin học ứng dụng trong nông lâm ngư và môi trường 219](#_Toc120535068)

[Đề cương học phần chi tiết](#_Toc120535069) [Học phần: chọn và nhân giống vật nuôi 229](#_Toc120535070)

[Đề cương học phần chi tiết](#_Toc120535071) [Học phần: dinh dưỡng vật nuôi 239](#_Toc120535072)

[Đề cương học phần chi tiết](#_Toc120535073) [Học phần: giải phẩu vật nuôi 251](#_Toc120535074)

[Đề cương học phần chi tiết](#_Toc120535091) [Lịch sử đảng cộng sản việt nam 261](#_Toc120535092)

[Đề cương học phần chi tiết](#_Toc120535098) [Sinh lý động vật 273](#_Toc120535099)

[Đề cương học phần chi tiết](#_Toc120535100) [Vi sinh vật chăn nuôi 287](#_Toc120535101)

[Đề cương học phần chi tiết](#_Toc120535102) [Học phần: chuồng trại và thiết bị chăn nuôi 297](#_Toc120535103)

[Đề cương học phần chi tiết](#_Toc120535105) [Học phần: chăn nuôi lớn 305](#_Toc120535106)

[Đề cương học phần chi tiết](#_Toc120535107) [Công nghệ sinh sản vật nuôi 321](#_Toc120535108)

[Đề cương học phần chi tiết](#_Toc120535109) [Phương pháp nghiên cứu khoa học trong chăn nuôi – thú y 329](#_Toc120535110)

[Đề cương học phần chi tiết](#_Toc120535113) [Thú y cơ bản 345](#_Toc120535114)

[Đề cương học phần chi tiết](#_Toc120535115) [Thức ăn chăn nuôi 355](#_Toc120535116)

[Đề cương học phần chi tiết](#_Toc120535117) [Tư tưởng hồ chí minh 365](#_Toc120535118)

[Đề cương học phần chi tiết](#_Toc120535119) [Học phần: an toàn thực phẩm 381](#_Toc120535120)

[Đề cương học phần chi tiết](#_Toc120535121) [Học phần: bệnh truyền nhiễm thú y 391](#_Toc120535122)

[Đề cương học phần chi tiết](#_Toc120535125) [Học phần: chăn nuôi dê, thỏ 401](#_Toc120535126)

[Đề cương học phần chi tiết](#_Toc120535127) [Học phần: chăn nuôi gia cầm 409](#_Toc120535128)

[Đề cương học phần chi tiết](#_Toc120535130) [Học phần: chăn nuôi trâu bò 421](#_Toc120535131)

[Đề cương học phần chi tiết](#_Toc120535132) [Vệ sinh chăn nuôi 437](#_Toc120535133)

[Đề cương học phần chi tiết](#_Toc120535136) [Bảo quản và chế biến sản phẩm chăn nuôi 449](#_Toc120535137)

[Đề cương học phần chi tiết](#_Toc120535138) [Thực tập nghề chăn nuôi –thú y 1 461](#_Toc120535139)

[Đề cương học phần chi tiết](#_Toc120535142) [Học phần: chăn nuôi động vật cảnh 477](#_Toc120535143)

[Đề cương học phần chi tiết](#_Toc120535145) [Học phần: kiểm ngiệm sản phẩm động vật 485](#_Toc120535146)

[Đề cương học phần chi tiết](#_Toc120535150) [Học phần: tiếng anh chuyên ngành chăn nuôi 509](#_Toc120535151)

[Đề cương học phần chi tiết](#_Toc120535152) [Bệnh dinh dưỡng 519](#_Toc120535153)

[Đề cương học phần chi tiết](#_Toc120535154) [Bệnh nội khoa 527](#_Toc120535155)

[Đề cương học phần chi tiết](#_Toc120535157) [Bệnh ngoại khoa 537](#_Toc120535158)

[Đề cương học phần chi tiết](#_Toc120535159) [Dịch tễ học thú y 545](#_Toc120535160)

[Đề cương học phần chi tiết](#_Toc120535162) [Chính sách nông nghiệp và phát triển nông thôn 555](#_Toc120535163)

[Đề cương học phần chi tiết](#_Toc120535171) [Thực tập nghề chăn nuôi – thú y 2 563](#_Toc120535172)

[Đề cương học phần chi tiết](#_Toc120535174) [Marketing trong nông nghiệp 579](#_Toc120535175)

[Đề cương học phần chi tiết](#_Toc120535176) [Nhập môn nông lâm ngư và môi trường 591](#_Toc120535177)

[Đề cương học phần chi tiết](#_Toc120535179) [Đồ án tốt nghiệp 601](#_Toc120535180)

**KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

**NGÀNH CHĂN NUÔI**

**(***Ban hành theo Quyết định số 2033/QĐ-ĐHV ngày 10/9/2021 của Hiệu Trưởng Trường Đại học Vinh*)

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Mã**  **học phần** | **Tên học phần** | **TC** | **(1) Lý thuyết/ (2) Thực hành, thực tập / (3) Thảo luận,**  **Bài tập/ (4) Học phần dự án/**  **(5) Thực tập TN/ (6) Đồ án TN** | | | | | | **Học kỳ** | **Loại học phần** | **Đơn vị phụ trách (Khoa/Viện)** |
|  |  | **KIẾN THỨC BẮT BUỘC** |  | **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** |  |  |  |
| 1 | ANR20001 | Nhập môn khối ngành Nông lâm ngư  và Môi trường | **4** |  |  |  | 60 |  |  | 1 | Bắt buộc | Viện NN&TN |
| 2 | ANR20002 | Sinh học trong Nông Lâm Ngư - Môi  trường | **5** | 60 | 15 |  |  |  |  | 1 | Bắt buộc | Viện NN&TN |
| 3 | ENG10001 | Tiếng Anh 1 | **3** | 30 |  | 15 |  |  |  | 1 | Bắt buộc | SP Ngoại ngữ |
| 4 | POL11001 | Triết học Mác - Lênin | **3** | 30 |  | 15 |  |  |  | 1 | Bắt buộc | Giáo dục chính trị |
| 5 | MAT20012 | Xác suất và Thống kê (nhóm ngành  NLN&QLTN) | **3** | 30 |  | 15 |  |  |  | 1 | Bắt buộc | Toán học |
| 6 | ANR20003 | Biến đổi khí hậu | **3** | 30 |  | 15 |  |  |  | 2 | Bắt buộc | Viện NN&TN |
| 7 | ANR20004 | Cơ sở quản lí tài nguyên và môi trường | **4** |  |  |  | 60 |  |  | 2 | Bắt buộc | Viện NN&TN |
| 8 | CHE20004 | Hóa phân tích | **3** | 30 | 15 |  |  |  |  | 2 | Bắt buộc | Hóa học |
| 9 | AHY20001 | Hóa sinh động vật | **2** | 24 |  | 6 |  |  |  | 2 | Bắt buộc | Viện NN&TN |
| 10 | POL11002 | Kinh tế chính trị Mác - Lênin | **2** | 20 |  | 10 |  |  |  | 2 | Bắt buộc | Giáo dục chính trị |
| 11 | AQU20001 | Mô phôi động vật | **2** | 24 |  | 6 |  |  |  | 2 | Bắt buộc | Viện NN&TN |
| 12 | ENG10002 | Tiếng Anh 2 | **4** | 45 |  | 15 |  |  |  | 2 | Bắt buộc | SP Ngoại ngữ |
|  | NAP11001 | Giáo dục quốc phòng 1 (Đường lối  quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam) | **(2)** | 30 |  |  |  |  |  | (1-3) | Bắt buộc | GDQP-AN |
|  | NAP11002 | Giáo dục quốc phòng 2 (Công tác  quốc phòng và an ninh) | **(2)** | 30 |  |  |  |  |  | (1-3) | Bắt buộc | GDQP-AN |
|  | NAP11003 | Giáo dục quốc phòng 3 (Quân sự  chung) | **(2)** | 15 | 15 |  |  |  |  | (1-3) | Bắt buộc | GDQP-AN |
|  | NAP11004 | Giáo dục quốc phòng 4 (Kỹ thuật  chiến đấu bộ binh và Chiến thuật) | **(2)** | 4 | 26 |  |  |  |  | (1-3) | Bắt buộc | GDQP-AN |
|  | SPO10001 | Giáo dục thể chất | **(5)** | 15 | 60 |  |  |  |  | (1-3) | Bắt buộc | Giáo dục thể chất |
| 13 | POL11003 | Chủ nghĩa xã hội khoa học | **2** | 20 |  | 10 |  |  |  | 3 | Bắt buộc | Giáo dục chính trị |
| 14 | AHY30006 | Di truyền động vật | **3** | 30 | 15 |  |  |  |  | 3 | Bắt buộc | Viện NN&TN |
| 15 | ANR20005 | Nguyên lí thiết kế và quản lí dự án  Nông nghiệp và Môi trường | **4** |  |  |  | 60 |  |  | 3 | Bắt buộc | Viện NN&TN |
| 16 | ANR20006 | Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế -  xã hội | **3** | 30 |  | 15 |  |  |  | 3 | Bắt buộc | Viện NN&TN |
| 17 | INF20003 | Tin học ứng dụng trong Nông lâm  ngư và Môi trường | **3** | 30 | 15 |  |  |  |  | 3 | Bắt buộc | Viện KT&CN |
| 18 | AHY30009 | Chọn và nhân giống vật nuôi | **3** | 30 | 15 |  |  |  |  | 4 | Bắt buộc | Viện NN&TN |
| 19 | AHY30004 | Dinh dưỡng vật nuôi | **3** | 30 | 15 |  |  |  |  | 4 | Bắt buộc | Viện NN&TN |
| 20 | AHY30001 | Giải phẫu vật nuôi | **3** | 30 | 15 |  |  |  |  | 4 | Bắt buộc | Viện NN&TN |
| 21 | POL11004 | Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam | **2** | 20 |  | 10 |  |  |  | 4 | Bắt buộc | Giáo dục chính trị |
| 22 | AHY30003 | Sinh lý động vật | **4** | 30 | 15 |  | 15 |  |  | 4 | Bắt buộc | Viện NN&TN |
| 23 | AHY30005 | Vi sinh vật chăn nuôi | **3** | 30 | 15 |  |  |  |  | 4 | Bắt buộc | Viện NN&TN |
| 24 | AHY31012 | Chăn nuôi lợn | **4** |  |  |  | 60 |  |  | 5 | Bắt buộc | Viện NN&TN |
| 25 | AHY30036 | Chuồng trại và thiết bị chăn nuôi | **2** | 24 |  | 6 |  |  |  | 5 | Bắt buộc | Viện NN&TN |
| 26 | AHY30015 | Công nghệ sinh sản vật nuôi | **3** | 30 | 15 |  |  |  |  | 5 | Bắt buộc | Viện NN&TN |
| 27 | AHY31002 | Phương pháp nghiên cứu khoa học  trong chăn nuôi -Thú y | **3** | 30 | 15 |  |  |  |  | 5 | Bắt buộc | Viện NN&TN |
| 28 | AHY30007 | Thú y cơ bản | **3** | 30 | 15 |  |  |  |  | 5 | Bắt buộc | Viện NN&TN |
| 29 | AHY30008 | Thức ăn chăn nuôi | **3** | 30 | 15 |  |  |  |  | 5 | Bắt buộc | Viện NN&TN |
| 30 | POL10002 | Tư tưởng Hồ Chí Minh | **2** | 20 |  | 10 |  |  |  | 5 | Bắt buộc | Giáo dục chính trị |
| 31 | AHY30017 | An toàn thực phẩm | **3** | 30 | 15 |  |  |  |  | 6 | Bắt buộc | Viện NN&TN |
| 32 | AHY30010 | Bệnh truyền nhiễm thú y | **3** | 30 | 15 |  |  |  |  | 6 | Bắt buộc | Viện NN&TN |
| 33 | AHY31033 | Chăn nuôi dê, thỏ | **3** | 30 | 15 |  |  |  |  | 6 | Bắt buộc | Viện NN&TN |
| 34 | AHY30014 | Chăn nuôi gia cầm | **3** | 30 | 15 |  |  |  |  | 6 | Bắt buộc | Viện NN&TN |
| 35 | AHY31013 | Chăn nuôi trâu bò | **4** |  |  |  | 60 |  |  | 6 | Bắt buộc | Viện NN&TN |
| 36 | AHY30011 | Vệ sinh chăn nuôi | **3** | 30 | 15 |  |  |  |  | 6 | Bắt buộc | Viện NN&TN |
| 37 | AHY30021 | Bảo quản và chế biến sản phẩm chăn nuôi | **3** | 30 | 15 |  |  |  |  | 7 | Bắt buộc | Viện NN&TN |
| 38 | AHY32016 | Đồ án thực tập nghề Chăn nuôi – Thú y 1 | **6** |  |  |  | 90 |  |  | 7 | Bắt buộc | Viện NN&TN |
| 39 |  | **Tự chọn 1 (theo nhóm học phần)** | **3** |  |  |  |  |  |  | 7 | Tự chọn |  |
| 40 |  | **Tự chọn 2 (theo nhóm học phần)** | **3** |  |  |  |  |  |  | 7 | Tự chọn |  |
| 41 | AGR20006 | Chính sách nông nghiệp và phát triển nông thôn | **3** | 39 |  | 6 |  |  |  | 8 | Bắt buộc | Viện NN&TN |
| 42 | AHY32018 | Đồ án thực tập nghề Chăn nuôi – Thú y 2 | **6** |  |  |  | 90 |  |  | 8 | Bắt buộc | Viện NN&TN |
| 43 | AQU20002 | Marketing trong nông nghiệp | **4** |  |  |  | 60 |  |  | 8 | Bắt buộc | Viện NN&TN |
| 44 | AHY31020 | Quản lý chất thải chăn nuôi | **2** | 24 |  | 6 |  |  |  | 8 | Bắt buộc | Viện NN&TN |
| 45 | AHY31031 | Thực tập và Đồ án tốt nghiệp | **10** |  |  |  |  | 45 | 105 | 9 | Bắt buộc | Viện NN&TN |
|  |  | **Tổng** | **150** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

Chọn 1 trong 2 nhóm tự chọn

**Nhóm tự chọn 1.** (*Chọn 2 trong 4 học phần* )

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | AHY30035 | Chăn nuôi động vật cảnh | **3** | 39 |  | 6 |  |  |  | 7 | Tự chọn | Viện NN&TN |
| 2 | AHY30034 | Kiểm nghiệm sản phẩm động vật | **3** | 39 |  | 6 |  |  |  | 7 | Tự chọn | Viện NN&TN |
| 3 | AHY30029 | Thuốc và vắc xin dùng trong thú y | **3** | 39 |  | 6 |  |  |  | 7 | Tự chọn | Viện NN&TN |
| 4 | AHY30038 | Tiếng anh chuyên ngành Chăn nuôi -  Thú y | **3** | 39 |  | 6 |  |  |  | 7 | Tự chọn | Viện NN&TN |

**Nhóm tự chọn 2.** (*Chọn 2 trong 4 học phần* )

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | AHY30028 | Bệnh dinh dưỡng | **3** | 39 |  | 6 |  |  |  | 7 | Tự chọn | Viện NN&TN |
| 2 | AHY30027 | Bệnh ngoại khoa | **3** | 39 |  | 6 |  |  |  | 7 | Tự chọn | Viện NN&TN |
| 3 | AHY30026 | Bệnh nội khoa | **3** | 39 |  | 6 |  |  |  | 7 | Tự chọn | Viện NN&TN |
| 4 | AHY30025 | Dịch tễ học thú y | **3** | 39 |  | 6 |  |  |  | 7 | Tự chọn | Viện NN&TN |

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH**  **VIỆN NÔNG NGHIỆP VÀ TÀI NGUYÊN** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

## 

## **ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN CHI TIẾT**

## **Nhập môn Nông Lâm Ngư và Môi trường**

**1. Thông tin tổng quát:**

***1.1. Thông tin về giảng viên***

***Giảng viên 1:* Phạm Mỹ Dung**

Học hàm, học vị: Tiến sĩ, GVC

Địa chỉ liên hệ: 182 Lê Duẩn, TP Vinh, Nghệ An

Điện thoại: 0948.231.430 Email: [dungpm@vinhuni.edu.vn](mailto:dungpm@vinhuni.edu.vn)

Các hướng nghiên cứu chính: Dinh dưỡng và thức ăn động vật thủy sản; công nghệ sinh học sản xuất và nuôi thủy sản; Công nghệ tảo và ứng dụng

***Giảng viên 2:*** **Cao Thị Thu Dung**

Học hàm, học vị: Thạc sĩ

Địa chỉ liên hệ: 182 Lê Duẩn, TP Vinh, Nghệ An

Điện thoại: 0944.364.479 Email: [dungctt@vinhuni.edu.vn](mailto:dungctt@vinhuni.edu.vn)

Các hướng nghiên cứu chính: đất nông nghiệp, dinh dưỡng cây trồng, cây dược liệu.

***Giảng viên 3:*** **Trần Thị Tuyến**

Chức danh, học hàm, học vị: Tiến sĩ, GVC

Địa chỉ liên hệ: 182 Lê Duẩn, TP Vinh, Nghệ An

Điện thoại, email: 0915.346.082 Email: [tuyentt@vinhuni.edu.vn](mailto:tuyentt@vinhuni.edu.vn)

Các hướng nghiên cứu chính: Cảnh quan - Quy hoạch môi trường; Ứng dụng GIS - Viễn thám trong Quản lí tài nguyên & Môi trường.

***Giảng viên 4:*** **Trần Đình Du**

Chức danh, học hàm, học vị: Tiến sĩ

Địa chỉ liên hệ: 182 Lê Duẫn, TP Vinh, Nghệ An

Điện thoại: 0981.995.009 Email: [dutd@vinhuni.edu.vn](mailto:dutd@vinhuni.edu.vn)

Các hướng nghiên cứu chính: Ứng dụng Gis - viễn thám; Quản lý đất đai

***Giảng viên 5:*** **Nguyễn Hữu Hiền**

Chức danh, học hàm, học vị: Tiến sĩ

Địa chỉ liên hệ: 182 Lê Duẫn, TP Vinh, Nghệ An

Điện thoại: 0978.038.777 Email: [hiennh@vinhuni.edu.vn](mailto:hiennh@vinhuni.edu.vn)

Các hướng nghiên cứu chính: Dinh dưỡng cây trồng

***Giảng viên 6:*** **Hoàng Thị Mai**

Chức danh, học hàm, học vị: Tiến sĩ

Địa chỉ liên hệ: 182 Lê Duẩn, TP Vinh, Nghệ An

Điện thoại: 0977.006.137 Email: [maiht@vinhuni.edu.vn](mailto:maiht@vinhuni.edu.vn)

Hướng nghiên cứu chính: Chăn nuôi

***1.2. Thông tin về học phần:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| - Tên học phần (tiếng Việt): **Nhập môn Nông Lâm Ngư và Môi trường**  (tiếng Anh): Introduction to Agriculture, Forestry, Fishies and Environment | | |
| - Mã số học phần: ANR20001 | | |
| - Thuộc CTĐT ngành: Nuôi trồng thủy sản; Nông học; Quản lý TNMT, Quản lý đất đai; Chăn nuôi, | | |
| - Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:  Kiến thức cơ bản  Kiến thức cơ sở ngành  Kiến thức ngành | Học phần chuyên về kỹ năng chung  Học phần dạy học theo hình thức dự án/đồ án  Kiến thức khác | |
| - Thuộc loại học phần: Bắt buộc | Tự chọn | |
| - Số tín chỉ: (*đối với học phần có dự án/đồ án có ít nhất tối thiểu 4 tín chỉ*)  + Số tiết lý thuyết: 30  + Số tiết thảo luận/bài tập: 0  + Số tiết thực hiện đồ án, dự án: 30  + Số tiết tự học: 120 | | |
| - Điều kiện đăng ký học: | |  |
| + Học phần tiên quyết: | | Mã số HP: |
| + Học phần học trước: | | Mã số HP: |
| - Yêu cầu của học phần: Thực hiện theo Quy chế đào tạo của Trường Đại học Vinh. Cụ thể:  + Thời gian tối thiểu sinh viên phải có mặt trên lớp: 80% thời gian học trực tiếp  + Sinh viên phải nộp đầy đủ bài tập, báo cáo… qua hệ thống LMS (Mục 5.1). + Tham gia đầy đủ các bài thực hành. | | |
| - Bộ môn phụ trách học phần: Thủy sản và chăn nuôi/ Nông học/ Quản lý TNMT/QLĐĐ  Điện thoại: Email: | | |

**2. Mô tả học phần:**

Học phần Nhập môn Nông lâm ngư – môi trường là học phần bắt buộc, dạy học theo đồ án ngay từ kỳ 1 năm thứ nhất nhằm trang bị cho sinh viên đầu khóa những kiến thức về Trường Đại học Vinh, Viện Nông nghiệp và Tài nguyên. Học phần cũng giới thiệu tổng quát chương trình học và định hướng về nghề nghiệp, giúp sinh viên hiểu rõ nhiệm vụ, vai trò, trách nhiệm của người Kỹ sư ngành nông lâm ngư – môi trường trong tương lai. Đồng thời, giúp sinh viên xây dựng và bồi dưỡng nền tảng đạo đức cá nhân và nghề nghiệp. Nội dung học phần còn cung cấp cho sinh viên các kiến thức về kỹ năng mềm như: kỹ năng học tập, kỹ năng giải quyết vấn đề, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng làm việc nhóm… Đồng thời, người học sẽ trải nghiệm, tìm hiểu những thông tin về bối cảnh, hình thành ý tưởng, thiết kế và triển khai đồ án/ mô hình về ngành NLN và MT.

**3. Mục tiêu học phần:**

Học phần Nhập môn NLN – MT nhằm cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, pháp luật như: về trường, viện, các văn bản về ngành, kiến thức tổng quát về chương trình đào tạo ngành NLN – MT; Khả năng định hướng nghề nghiệp, xây dựng thái độ học tập đúng đắn và nền tảng đạo đức nghề nghiệp; Kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm; Khả năng tìm hiểu được nhu cầu của xã hội và doanh nghiệp đối với ngành NLN – MT; Khả năng hình thành ý tưởng, thiết kế và vận hành trong lĩnh vực NLN – MT.

**4. Chuẩn đầu ra học phần, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá**

***4.1. Ánh xạ chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo***

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **CĐR**  **học phần** | **Ánh xạ với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo** | | | | | | | | | | | | | |
| **PLO1.1** | **PLO2.1** | **PLO2.2** | | | **PLO3.1** | | **PLO3.2** | | **PLO4.1** | | **PLO 4.2** | | **PLO 4.3** |
|  | 1.1.1 | 2.1.1 | 2.2.1 | 2.2.2 | 2.2.3 | 3.1.1 | 3.1.2 | 3.2.1 | 3.2.2 | 4.1.1 | 4.1.2 | 4.2.1 | 4.2.2 | 4.3.1 |
| CLO1.1 | 1.0 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO2.1 |  | 1.0 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO2.2 |  |  | 1.0 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO2.3 |  |  |  | 1.0 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO2.4 |  |  |  |  | 1.0 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO3.1 |  |  |  |  |  | 1.0 |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO3.2 |  |  |  |  |  |  | 1.0 |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO3.3 |  |  |  |  |  |  |  | 1.0 |  |  |  |  |  |  |
| CLO3.4 |  |  |  |  |  |  |  |  | 1.0 |  |  |  |  |  |
| CLO4.1 |  |  |  |  |  |  |  |  |  | 1.0 |  |  |  |  |
| CLO4.2 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | 1.0 |  |  |  |
| CLO4.3 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | 1.0 |  |  |
| CLO4.4 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | 1.0 |  |
| CLO4.5 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | 1.0 |

***4.2. Nội dung chuẩn đầu ra, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá học phần***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **CĐR học phần (CLO)** | **TĐNL CĐR**  **học phần** | **Mô tả CĐR học phần** | **Phương pháp dạy học** | **Phương pháp đánh giá** |
| CLO1.1 | K2 | Mô tả được lịch sử phát triển, sơ đồ tổ chức; định hướng của Trường Đại học Vinh, Viện NN và TN. Giới thiệu được chuẩn đầu ra, chương trình đào tạo của ngành. | Elearning;  Thuyết trình | Trắc nghiệm khách quan |
| CLO2.1 | S2 | Lập luận và giải quyết được mối liên hệ giữa một số vấn đề nảy sinh trong học tập và thực tế công việc; Rèn luyện kỹ năng tư duy hệ thống thông qua việc giải quyết một số tình huống giả định. | Elearning;  Thuyết trình;  Xử lý tình huống giả định | Trắc nghiệm khách quan  Bài tập nhóm |
| CLO2.2 | A2 | Hiểu được tầm quan trọng của đạo đức, các nguyên tắc đạo đức trong học tập, đạo đức cá nhân và nghề nghiệp; Thể hiện sự linh hoạt, sẵn sàng chấp nhận rủi ro, thích ứng với sự phức tạp của thực tế | Elearning;  Thuyết trình; Xử lý tình huống giả định, làm việc nhóm | Rubric  Trắc nghiệm khách quan  Bài tập nhóm |
| CLO2.3 | A2 | Vận dụng kỹ năng quản lý thời gian và nguồn lực trong quá trình thực hiện đồ án | Hướng dẫn;  Làm việc nhóm | Rubric  Đồ án |
| CLO2.4 | A2 | Vận dụng các phương pháp học tập và thi có hiệu quả ở bậc đại học; Làm chủ bản thân để xây dựng được tâm thế học tập hiệu quả, phát triển tư duy sáng tạo. | Elearning;  Hướng dẫn;  Thảo luận | Trắc nghiệm khách quan  Bài tập nhóm |
| CLO3.1 | K3 | Hiểu được tầm quan trọng, các hình thức làm việc nhóm, các kỹ năng cần thiết để làm việc nhóm hiệu quả | Elearning;  Hướng dẫn; Thảo luận | Trắc nghiệm khách quan |
| CLO3.2 | S2 | Áp dụng thành lập nhóm và tổ chức hoạt động nhóm hiệu quả | Làm việc nhóm | Rubric  Bài tập nhóm  Đồ án |
| CLO3.3 | K3 | Có kỹ năng cơ bản về giao tiếp thông thường, giao tiếp bằng văn bản, giao tiếp điện tử và thuyết trình trước đám đông. | Elearning;  Hướng dẫn; Thuyết trình nhóm | Rubric  Bài tập nhóm |
| CLO3.4 | S2 | Vận dụng các hình thức giao tiếp để thực hiện thành công đồ án | Làm việc nhóm | Rubric  Đồ án |
| CLO4.1 | C2 | Hình dung về bối cảnh chung của khối ngành NLN – MT; Hiểu được vai trò, trách nhiệm của người kỹ sư và tác động của các hoạt động kỹ thuật đến sự phát triển của Xã hội | Elearning;  Hướng dẫn  Làm việc nhóm | Rubric  Đồ án |
| CLO4.2 | C2 | Hiểu rõ vai trò và các vị trí làm việc của kỹ sư ngành NLN – MT; tôn trọng văn hóa doanh nghiệp NLN – MT để từng bước thấu hiểu và hôi nhập | Elearning;  Làm việc nhóm | Rubric  Đồ án |
| CLO4.3 | C2 | Thực hiện hình thành ý tưởng về hoạt động sản xuất, kinh doanh, quy trình kỹ thuật… của đồ án và triển khai lập kế hoạch cho các hoạt động của đồ án | Hướng dẫn;  Làm việc nhóm | Rubric  Đồ án |
| CLO4.4 | C2 | Triển khai thực hiện và quản lý hệ thống các ý tưởng về hoạt động sản xuất, kinh doanh, quy trình kỹ thuật… của đồ án | Hướng dẫn;  Làm việc nhóm | Rubric  Đồ án |
| CLO4.5 | C2 | Đánh giá được quá trình triển khai, thực hiện, tổng kết đồ án | Làm việc nhóm;  Báo cáo đồ án | Rubric  Đồ án |

**5. Đánh giá học tập và các bộ tiêu chí đánh giá**

***5.1. Đánh giá học tập***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Bài đánh giá** | **Hình thức đánh giá,**  **minh chứng, lưu hồ sơ** | **Công cụ**  **đánh giá** | **CĐR học phần** | **Tỷ lệ**  **Cho bài đánh giá** | **Tỷ lệ cho học phần** |
| **A1. Đánh giá quá trình** | | | |  | **50%** |
| A1.1. Bài tập trắc nghiệm | - Bài tập trắc nghiệm trên LMS, chấm điểm tự động | Đáp án | CLO 1.1 | 30% | 10% |
| CLO2.1 | 15% |
| CLO2.2 | 15% |
| CLO2.4 | 20% |
| CLO3.1 | 20% |
| A1.2. Giáo viên đánh giá bài tập nhóm | - Bài tập nhóm trên E-Learning, thuyết trình trước lớp, GV chấm điểm | Rubric 1 | CLO2.1 | 15% | 15% |
| CLO2.2 | 15% |
| CLO2.4 | 5% |
| CLO3.2 | 25% |
| CLO3.3 | 40% |
| A1.3. Nhóm tự đánh giá cho bài tập nhóm | Tự đánh giá của nhóm cho các thành viên | Rubric 2 | CLO 2.2 | 50% | 10% |
| CLO 3.2 | 50% |
| A1.4. Đánh giá tiến độ đồ án | Đánh giá tiến độ đồ án/dự án | Rubric 3 | CLO 2.3 | 20% | 15% |
| CLO 3.2 | 15% |
| CLO 3.4 | 15% |
| CLO 4.1 | 10% |
| CLO 4.2 | 10% |
| CLO 4.3 | 20% |
| CLO 4.4 | 5% |
| CLO 4.5 | 5% |
| **A3. Đánh giá cuối kỳ** | | | |  | **50%** |
| A2.1. Hội đồng đánh giá kết thúc đồ án | Đánh giá chung của hội đồng đánh giá đồ án/dự án | - Rubric 3 | CLO 2.3 | 5% | 30% |
| CLO 3.2 | 10% |
| CLO 3.4 | 10% |
| CLO 4.1 | 10% |
| CLO 4.2 | 10% |
| CLO 4.3 | 5% |
| CLO 4.4 | 30% |
| CLO 4.5 | 20% |
| A2.2. Nhóm tự đánh giá đồ án | Nhóm tự đánh giá sự đóng góp của các thành viên cho đồ án | Rubric 2 | CLO 2.2 | 50% | 20% |
| CLO 3.2 | 50% |
| **Công thức tính điểm tổng kết:**  **Điểm TKHP = A1.1x0,1 + A1.2x0,15 + A1.3x0,1 + A1.4x0,15 + A2.1x0,3 + A2.2x0,2** | | | | | |

***Rubric 1:* Đánh giá bài A1.2.** *Đánh giá seminar/Bài tập nhóm*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **CĐR** | **Nội dung đánh giá** | **Trọng số bài A1.4**  **(%)** | **Mức độ đánh giá** | | | | |  |
| **A** | **B** | **C** | **D** | **F** | **Điểm** |
| CLO 2.1.  Lập luận và giải quyết được mối liên hệ giữa một số vấn đề nảy sinh trong học tập và thực tế công việc; Rèn luyện kỹ năng tư duy hệ thống thông qua việc giải quyết một số tình huống giả định. | Lập luận và giải quyết được mối liên hệ giữa một số vấn đề nảy sinh trong học tập và thực tế công việc | 15% | - Xác định rõ vấn đề  - Có khả năng tư duy để lập kế hoạch và đưa ra giải pháp giải quyết tốt vấn đề | **-** Xác định được vấn đề  - Có khả năng tư duy để lập kế hoạch và đưa ra giải pháp giải quyết vấn đề ở mức khá | **-** Cơ bản xác định được vấn đề  - Có khả năng tư duy để lập được kế hoạch và đưa ra giải pháp giải quyết vấn đề ở mức cơ bản | **-** Xác định vấn đề ở mức chung chung  - Có khả năng tư duy để lập được kế hoạch và đưa ra giải pháp giải quyết vấn đề ở mức thấp | - Không xác địn được vấn đề  - Không có khả năng tư duy để lập được kế hoạch và đưa ra giải pháp giải quyết vấn đề hoặc có nhưng ở mức rất thấp |  |
| CLO 2.2.  Hiểu được tầm quan trọng của đạo đức, các nguyên tắc đạo đức trong học tập, đạo đức cá nhân và nghề nghiệp; Thể hiện sự linh hoạt, sẵn sàng chấp nhận rủi ro, thích ứng với sự phức tạp của thực tế | Tầm quan trọng của đạo đức, các nguyên tắc đạo đức trong học tập, đạo đức cá nhân và nghề nghiệp | 15% | Nêu và phân tích được cụ thể các yêu cầu về đạo đức cá nhân và đạo đức của người kỹ sư ngành NLN - MT | Nêu và phân tích được các yêu cầu về đạo đức cá nhân và đạo đức của người kỹ sư ngành NLN - MT | Nêu và phân tích được cơ bản các yêu cầu về đạo đức cá nhân và đạo đức của người kỹ sư ngành NLN - MT | Nêu nhưng chưa phân tích được các yêu cầu về đạo đức cá nhân và đạo đức của người kỹ sư ngành NLN - MT | Chưa nêu và phân tích được cơ bản các yêu cầu về đạo đức cá nhân và đạo đức của người kỹ sư ngành NLN - MT |  |
| CLO 2.4.  Vận dụng các phương pháp học tập và thi có hiệu quả ở bậc đại học; Làm chủ bản thân để xây dựng được tâm thế học tập hiệu quả, phát triển tư duy sáng tạo. | Kỹ năng tìm kiếm tài liệu, thông tin phục vụ học tập | 5% | - Tìm được trên 7 tài liệu liên quan đến vấn đề yêu cầu  - Tài liệu mới cập nhật | - Tìm được 5-7 tài liệu liên quan đến vấn đề yêu cầu  - Tài liệu mới cập nhật | Tìm được trên 3 - 5 tài liệu liên quan đến vấn đề yêu cầu  **-** Một số tài liệu mới cập nhật | Tìm được trên < 3 tài liệu liên quan đến vấn đề yêu cầu.   * Tài liệu không cập nhật | Không tìm được các tài liệu liên quan |  |
| CLO 3.2.  Áp dụng thành lập nhóm và tổ chức hoạt động nhóm hiệu quả | Tổ chức nhóm | 25% | - Tham gia đầy đủ, tích cực các cuộc hợp nhóm  - Nhiệm vụ được phân công rõ ràng, đầy đủ cho các thành viên trong nhóm  **-** Chủ động tạo ra sự tương tác tích cực thực hiện nhiệm vụ | - Tham gia đầy đủ các hoạt động nhóm.  - Nhiệm vụ được phân công khá rõ ràng, đầy đủ cho các thành viên trong nhóm  - Chủ động tạo ra sự tương tác khá tích cực thực hiện nhiệm vụ | - Tham gia còn thiếu một số ít hoạt động  - Nhiệm vụ được phân công cho các thành viên trong nhóm đầy đủ  - Tương tác thực hiện nhiệm vụ ở mức cơ bản | - Chỉ tham gia một số ít hoạt động - Nhiệm vụ được phân công cho các thành viên trong nhóm chưa đầy đủ  - Còn bị động, phụ thuộc trong sử dụng các phương thức làm việc nhóm | - Không tham gia - Chưa có sự phân công nhiệm vụ  - Thụ động trong việc tương tác với các thành viên |  |
| Hợp tác nhóm | - Trao đổi, chia sẻ và chấp nhận các ý tưởng trong thực hiện nhiệm vụ với các thành viên ở mức độ cao  - Chủ động kết nối, sử dụng các phương thức làm việc nhóm hiệu quả cao | - Trao đổi và chấp nhận các ý tưởng trong thực hiện nhiệm vụ với các thành viên mức độ khá  - Chủ động kết nối, sử dụng các phương thức làm việc nhóm hiệu quả khá cao | - Trao đổi, chia sẻ và chấp nhận các ý tưởng trong thực hiện nhiệm vụ với các thành viên ở mức độ cơ bản  - Kết nối, sử dụng các phương thức làm việc nhóm hiệu quả cơ bản | - Trao đổi và chấp nhận các ý tưởng trong thực hiện nhiệm vụ với các thành viên ở mức độ thấp  - Kết nối, sử dụng các phương thức làm việc nhóm hiệu quả thấp | - Không trao đổi, chia sẻ trong nhóm  - Bị động trong kết nối, không hiệu quả |  |
| Thảo luận nhóm | Đề xuất, sáng kiến để đạt được tốt mục tiêu, kết quả nhóm | Đề xuất, sáng kiến để đạt được khá tốt mục tiêu, kết quả nhóm | Đề xuất, sáng kiến để đạt được mục tiêu, kết quả nhóm ở mức cơ bản | Đề xuất, sáng kiến để đạt được mục tiêu, kết quả nhóm thấp | Chưa có các đề xuất, sáng kiến |  |
| CLO 3.3.  Có kỹ năng cơ bản về giao tiếp thông thường, giao tiếp bằng văn bản, giao tiếp điện tử và thuyết trình trước đám đông. | Nội dung trình bày | 40% | Bố cục lô gíc, đầy đủ; thông tin chính xác, khoa học, đúng trọng tâm; có thông tin mới, cập nhật. | Bố cục khá lô gíc, đầy đủ; thông tin chưa thực sự chính xác, chưa khoa học; có thông tin mới, cập nhật. | Bố cục chưa lô gíc, chưa đầy đủ; có một số nội dung chưa đúng trọng tâm; có thông tin mới nhưng không nhiều và chưa cập nhật. | Bố cục chưa lô gíc, chưa đầy đủ; có một số nội dung chưa đúng trọng tâm; không có thông tin mới và chưa cập nhật. | Bố cục thiếu từ 2 phần trở lên; thông tin không chính xác; nhiều nội dung không đúng trọng tâm; không có thông tin mới, cập nhật |  |
| Hình thức thuyết trình (slide trình chiếu) | - Hình thức trình bày tốt *(hình ảnh khá sắc nét và kích thước khá phù hợp, cỡ chữ trình chiếu hợp lý, dễ nhìn)*; sử dụng công cụ hỗ trợ phù hợp với nội dung.  - Thể hiện sự sáng tạo và gây ấn tượng đối với khán giả | - Hình thức khá tốt *(hình ảnh chưa sắc nét và kích thước khá phù hợp, cỡ chữ trình chiếu khá hợp lý,khá dễ nhìn)*; sử dụng công cụ hỗ trợ chưa thực sự phù hợp với nội dung.  - Thể hiện sự sáng tạo nhưng chưa thực sự gây ấn tượng đối với khán giả. | - Hình thức khá tốt (*hình ảnh không sắc nét và kích thước quá nhỏ, cỡ chữ trình chiếu chưa hợp lý, khó nhìn, phông*); có sử dụng công cụ hỗ trợ nhưng chưa phù hợp nội dung.  - Thể hiện sự sáng tạo ở mức trung bình và chưa gây ấn tượng đối với khán giả | - Hình thức chưa tốt (*hình ảnh không sắc nét và kích thước quá nhỏ, cỡ chữ trình chiếu chưa hợp lý, khó nhìn, phông*); sử dụng công cụ hỗ trợ nhưng chưa phù hợp nội dung.  - Chưa thể hiện sự sáng tạo và chưa gây ấn tượng đối với khán giả | - Hình thức trình bày dường như chưa đạt yêu cầu *(không có hình ảnh hoặc có nhưng kích thước quá nhỏ, cỡ chữ trình chiếu chưa hợp lý, khó nhìn*); không hoặc có sử dụng công cụ hỗ trợ nhưng không phù hợp nội dung.  - Không thể hiện sự sáng tạo và không gây ấn tượng gì đối với khán giả |  |
| Sử dụng ngôn ngữ lời nói và phi ngôn ngữ | - Ngôn ngữ trình bày rõ ràng, ngắn gọn, dễ hiểu, truyền cảm và thuyết phục người nghe.  - Sử dụng ngôn ngữ khuôn mặt, cử chỉ tay chân và cơ thể hợp lý và tự nhiên | - Ngôn ngữ trình bày rõ ràng, ngắn gọn, dễ hiểu, song chưa thực sự truyền cảm và thuyết phục người nghe.  - Có sử dụng ngôn ngữ khuôn mặt, cử chỉ tay chân và cơ thể, song đôi khi chưa hợp lý và chưa tự nhiên. | - Trình bày đầy đủ nhưng khá dài dòng và chưa thực sự thuyết phục người nghe.  - Có sử dụng ngôn ngữ khuôn mặt, cử chỉ tay chân và cơ thể ở mức trung bình, chưa hợp lý và tự nhiên | - Trình bày chưa rõ ràng, khá dài dòng và hơi khó hiểu và chưa thuyết phục người nghe.  - Ít sử dụng ngôn ngữ khuôn mặt, cử chỉ tay chân và cơ thể. Nếu có sử dụng nhưng không hợp lý và không tự nhiên. | - Trình bày không rõ ràng, dài dòng và khó hiểu, không thuyết phục người nghe.  - Không sử dụng ngôn ngữ khuôn mặt, cử chỉ tay chân và cơ thể. |  |
| Tương tác với khản giả | - Sử dụng các hình thức tương tác phù hợp và hiệu quả *(nhìn, lắng nghe, gây chú ý, khuyến khích khán giả).* - Đặt câu hỏi và trả lời câu hỏi của khán giả đầy đủ, chính xác, súc tích | - Sử dụng các hình thức tương tác đôi khi chưa phù hợp và hiệu quả.  - Đặt câu hỏi và trả lời câu hỏi của khán giả khá đầy đủ, chính xác. | - Có sử dụng các hình thức tương tác ở mức trung bình nhưng chưa thực sự phù hợp và hiệu quả.  - Trả lời câu hỏi của khán giả khá đầy đủ, chính xác, nhưng chưa đưa ra được câu hỏi cho khán giả. | - Ít sử dụng các hình thức tương tác và nếu có thì dường như ít phù hợp và ít hiệu quả.  - Trả lời câu hỏi của khán giả chưa đầy đủ, chính xác, và chưa đưa ra được câu hỏi cho khán giả. | - Không sử dụng hình thức tương tác nào hoặc nếu có thì không phù hợp và không hiệu quả.  - Dường như không trả lời và không đưa ra được câu hỏi cho khán giả |  |
| Quản lý thời gian và hợp tác nhóm | - Thời gian trình bày đúng thời gian quy định. | - Thời gian trình bày nhanh/ chậm hơn so với thời gian quy định nhưng không đáng kể (khoảng 1-2 phút). | - Thời gian trình bày nhanh/ chậm hơn khá nhiều so với thời gian quy định (khoảng 3-4 phút). | . - Thời gian trình bày nhanh/ chậm hơn khá nhiều so với thời gian quy định (5-7 phút). | - Thời gian trình bày nhanh/ chậm rất nhiều hơn so với thời gian quy định (từ 8 phút trở lên). |  |

**Rubric 2. Đánh giá bài A1.3 và 2.2.** *Tự đánh giá của nhóm và các thành viên*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **CĐR** | **Nội dung đánh giá** | **Trọng số bài A1.3**  **(%)** | **Trọng số bài A2.2**  **(%)** | **Mức độ đánh giá** | | | | | **Điểm** |
| **A** | **B** | **C** | **D** | **F** |  |
| **8.5 - 10** | **7.0 - 8.4** | **5.5 - 6.9** | **4,0 -5,4** | **< 4,0** |
| **CLO 2.2.**  Hiểu được tầm quan trọng của đạo đức, các nguyên tắc đạo đức trong học tập, đạo đức cá nhân và nghề nghiệp; Thể hiện sự linh hoạt, sẵn sàng chấp nhận rủi ro, thích ứng với sự phức tạp của thực tế | **Ý thức, trách nhiệm khi tham gia hoạt động nghề nghiệp** | 25 | 25 | Ý thức, trách nhiệm cao khi tham gia hoạt động nghề nghiệp | Ý thức, trách nhiệm khá cao khi tham gia hoạt động nghề nghiệp | Ý thức, trách nhiệm khi tham gia hoạt động nghề nghiệp | Ý thức, trách nhiệm khi tham gia hoạt động nghề nghiệp đang còn thấp | Ý thức, trách nhiệm thấp hoặc không tham gia hoạt động nghề nghiệp |  |
| **Mức độ tham gia hoạt động học tập, nghề nghiệp** | 25 | 25 | Tham gia hoạt động học tập, nghề nghiệp với tần suất cao | Tham gia hoạt động học tập, nghề nghiệp tần suất khá cao | Tham gia hoạt động học tập, nghề nghiệp | Tham gia hoạt động học tập, nghề nghiệp tần suất thấp | Không tham gia hoạt động học tập, nghề nghiệp |  |
| **CLO3.2.**  Áp dụng thành lập nhóm và tổ chức hoạt động nhóm hiệu quả | **Tổ chức nhóm** | 10 | 10 | Tham gia đầy đủ, tích cực các cuộc hợp nhóm | Tham gia đầy đủ các hoạt động nhóm. | Tham gia còn thiếu một số ít hoạt động | Chỉ tham gia một số ít hoạt động | Không tham gia |  |
| Nhiệm vụ được phân công rõ ràng, đầy đủ cho các thành viên trong nhóm | Nhiệm vụ được phân công khá rõ ràng, đầy đủ cho các thành viên trong nhóm | Nhiệm vụ được phân công cho các thành viên trong nhóm đầy đủ | Nhiệm vụ được phân công cho các thành viên trong nhóm chưa đầy đủ | Chưa có sự phân công nhiệm vụ |  |
| **Hợp tác nhóm** | 20 | 20 | Chủ động tạo ra sự tương tác tích cực thực hiện nhiệm vụ | Chủ động tạo ra sự tương tác khá tích cực thực hiện nhiệm vụ | Tương tác thực hiện nhiệm vụ ở mức cơ bản | Còn bị động, phụ thuộc trong sử dụng các phương thức làm việc nhóm | Thụ động trong việc tương tác với các thành viên |  |
| - Trao đổi, chia sẻ và chấp nhận các ý tưởng trong thực hiện nhiệm vụ với các thành viên ở mức độ cao | - Trao đổi và chấp nhận các ý tưởng trong thực hiện nhiệm vụ với các thành viên mức độ khá | Trao đổi, chia sẻ và chấp nhận các ý tưởng trong thực hiện nhiệm vụ với các thành viên ở mức độ cơ bản | Trao đổi và chấp nhận các ý tưởng trong thực hiện nhiệm vụ với các thành viên ở mức độ thấp | Không trao đổi, chia sẻ trong nhóm |  |
| - Chủ động kết nối, sử dụng các phương thức làm việc nhóm hiệu quả cao | - Chủ động kết nối, sử dụng các phương thức làm việc nhóm hiệu quả khá cao | Kết nối, sử dụng các phương thức làm việc nhóm hiệu quả cơ bản | Kết nối, sử dụng các phương thức làm việc nhóm hiệu quả thấp | Bị động trong kết nối, không hiệu quả |  |
| **Thảo luận nhóm** | 20 | 20 | Đề xuất, sáng kiến để đạt được tốt mục tiêu, kết quả nhóm | Đề xuất, sáng kiến để đạt được khá tốt mục tiêu, kết quả nhóm | Đề xuất, sáng kiến để đạt được mục tiêu, kết quả nhóm ở mức cơ bản | Đề xuất, sáng kiến để đạt được mục tiêu, kết quả nhóm thấp | Chưa có các đề xuất, sáng kiến |  |

**Rubric 3. Đánh giá bài A1.4 và A2.1**  *Đánh giá của hội đồng*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **CĐR** | **Nội dung đánh giá** | **Trọng số bài A1.4**  **(%)** | **Trọng số bài 2.1**  **(%)** | **Mức độ đánh giá** | | | | |  |
| **A** | **B** | **C** | **D** | **F** | **Điểm** |
| **8.5 - 10** | **7.0 - 8.4** | **5.5 - 6.9** | **4,0 -5,4** | **< 4,0** |
| **CLO 2.3.** Vận dụng kỹ năng quản lý thời gian và nguồn lực trong quá trình thực hiện đồ án |  | 20% | 5% | - Xây dựng kế hoạch về mặt thời gian và phân công nhân lực cụ thể, khoa học, hợp lý.  - Làm tốt việc thực hiện nhiệm vụ, kiểm tra giám sát, đốc thúc nhắc nhở | - Xây dựng kế hoạch về mặt thời gian và phân công nhân lực tương đối khoa học, hợp lý.  - Việc thực hiện nhiệm vụ, kiểm tra giám sát, đốc thúc nhắc nhở ở mức đảm bảo | - Xây dựng kế hoạch về mặt thời gian và phân công nhân lực ở mức khá  - Việc thực hiện nhiệm vụ, kiểm tra giám sát, đốc thúc nhắc nhở ở mức khá | - Xây dựng kế hoạch về mặt thời gian và phân công nhân lực chưa cụ thể và hợp lý  - Một số thành viên chưa làm tốt việc thực hiện nhiệm vụ, lãnh đạo nhóm không kiểm tra giám sát, đốc thúc nhắc nhở thường xuyên | - Xây dựng kế hoạch về mặt thời gian và phân công nhân lực không đạt yêu cầu  - Các thành viên chưa thực hiện nhiệm vụ được giao, quản lý nhóm không kiểm tra giám sát, đốc thúc nhắc nhở |  |
| **CLO 3.2.**  Áp dụng thành lập nhóm và tổ chức hoạt động nhóm hiệu quả | Kế hoạch nhóm | 15% | 10% | - Kế hoạch rõ ràng, khoa học.  - Phân công nhiệm vụ cụ thể, công bằng và phù hợp với các thành viên của nhóm. | - Kế hoạch rõ ràng, khoa học.  - Phân công nhiệm vụ nhưng chưa cụ thể, chưa công bằng và chưa thực sự phù hợp với các thành viên của nhóm. | - Kế hoạch khá rõ ràng, khá khoa học.  - Phân công nhiệm vụ nhưng chưa cụ thể ràng, chưa phù hợp với các thành viên của nhóm. | - Kế hoạch chưa rõ ràng, khoa học.  - Phân công nhiệm vụ nhưng chưa cụ thể ràng, chưa phù hợp với các thành viên của nhóm. | - Kế hoạch chưa rõ ràng, khoa học.  - Không phân công nhiệm vụ cụ thể, không phù hợp với các thành viên của nhóm. |  |
| Tổ chức thực hiện | - Triển khai đúng kế hoạch đề ra.  - Thu thập được nhiều thông tin (minh chứng) và thông tin hữu ích.  - Toàn bộ thành viên đều tham gia tích cực. | - Triển khai đúng kế hoạch đề ra.  - Thu thập được khá nhiều thông tin (minh chứng) và thông tin khá hữu ích.  - Thành viên tham gia đầy đủ nhưng chưa thực sự tích cực. | - Triển khai tương đối đúng kế hoạch đề ra.  - Thu thập được một số thông tin (minh chứng) nhưng chưa đầy đủ và thông tin khá hữu ích  - Thành viên tham gia chưa đầy đủ và một số thành viên chưa tích cực. | - Triển khai tương đối đúng kế hoạch đề ra.  - Thu thập được ít thông tin (minh chứng) và thông tin chưa hữu ích  - Thành viên tham gia chưa đầy đủ và một số thành viên chưa tích cực. | - Triển khai chưa đúng kế hoạch đề ra.  - Thu thập được ít thông tin (minh chứng) và thông tin chưa hữu ích  - Nhiều thành viên không tham gia |  |
| Kết quả làm việc nhóm | - Cấu trúc sản phẩm hợp lí và hình thức trình bày đẹp, sinh động.  - Sản phẩm đạt chất lượng tốt.  - Hoàn thành đúng thời hạn.  - Có bảng đánh giá chi tiết thành viên trong nhóm.  - Trình bày và trả lời tốt câu hỏi về báo cáo sản phẩm. | - Cấu trúc sản phẩm khá hợp lí và hình thức trình bày khá đẹp, khá sinh động.  - Sản phẩm đạt chất lượng khá.  - Hoàn thành đúng thời hạn.  - Có bảng đánh giá thành viên trong nhóm nhưng chưa chi tiết  - Trình bày và trả lời khá tốt câu hỏi về báo cáo sản phẩm. | - Cấu trúc sản phẩm khá hợp lí nhưng hình thức trình bày chưa đẹp, và chưa sinh động.  - Sản phẩm đạt yêu cầu.  - Hoàn thành tương đối đúng thời hạn.  - Có bảng đánh giá thành viên trong nhóm nhưng hơi sơ sài  - Trình bày và trả lời được câu hỏi ở mức độ chấp nhận về báo cáo sản phẩm. | - Cấu trúc sản phẩm khá hợp lí nhưng hình thức trình bày chưa đẹp, và chưa sinh động.  - Sản phẩm đạt yêu cầu ở mức thấp.  - Hoàn thành chưa đúng thời hạn.  - Có bảng đánh giá thành viên trong nhóm nhưng sơ sài  - Trình bày và trả lời được câu hỏi ở mức độ thấp về báo cáo sản phẩm. | - Cấu trúc sản phẩm chưa hợp lí, hình thức trình bày không đẹp, và không sinh động.  - Sản phẩm không đạt yêu cầu.  - Hoàn thành không đúng thời hạn.  - Không có bảng đánh giá thành viên trong nhó  - Trình bày nhưng dường như không trả lời được câu hỏi về báo cáo sản phẩm. |  |
| **CLO 3.4.** Vận dụng các hình thức giao tiếp để thực hiện thành công đồ án | Nội dung, trình tự bài báo cáo | 15% | 10% | - Chủ đề trình bày liên quan và có trọng tâm - Nội dung phù hợp và chính xác chủ đề trình bày liên quan và có trọng tâm | -Chủ đề trình bày liên quan và có trọng tâm  - Nội dung có một số phần chưa chính xác | -Chủ đề trình bày liên quan và có trọng tâm  - Nội dung có nhiều phần chưa chính xác | -Chủ đề trình bày không trọng tâm  - Nội dung có nhiều phần chưa chính xác | -Chủ đề trình bày không trọng tâm, không liên quan  - Nội dung có nhiều phần chưa chính xác |  |
| Hình thức trình bày | -Slide trình bày với bố cục rõ ràng, hợp lý  - Trình bày các thuật ngữ, hình ảnh, bảng biểu, sơ đồ dễ hiểu | -Slide trình bày phù hợp  - Trình bày các thuật ngữ, hình ảnh, bảng biểu, sơ đồ hợp lý | - Slide trình bày phù hợp  - Trình bày hình ảnh, bảng biểu, sơ đồ hợp lý  - Dùng một số thuật ngữ khó hiểu, đưa nhiều nội dung vào slide | - Slide trình bày phù hợp  -Sử dụng một số hình ảnh, bảng biểu, sơ đồ không liên quan  - Dùng một số thuật ngữ khó hiểu, đưa nhiều nội dung vào slide | Slide không đảm bảo chất lượng theo yêu cầu |  |
| Kỹ năng trình bày | Nói rõ, tự tin, thuyết phục, báo quát, thu hút được toàn bộ người nghe tốt | Nói mạch lạc những không thu hút người nghe khá tốt, khá bao quát | Nói chưa rõ, thiếu tự tin, chưa bao quát, ít giao lưu với người nghe | Nói nhỏ, không tự tin, không giao lưu với người nghe | Không trình bày được |  |
| Trả lời câu hỏi | -Biết phân tích và trả lời đầy đủ, ngắn gọn liên quan trực tiếp đến câu hỏi  - Tự tin khi trả lời | -Trả lời ngắn gọn và phù hợp  - Tự tin khi trả lời | -Câu trả lời tập trung vào câu hỏi  - Hơi thiếu tự tin khi trả lời | Câu trả lời không rõ  ràng, ít liên quan đến câu hỏi  - Thiếu tự tin khi trả  lời | Không trả lời được bất kỳ câu hỏi nào hoặc trả lời sai |  |
| **CLO 4.1.** Hình dung về bối cảnh chung của khối ngành NLN – MT; Hiểu được vai trò, trách nhiệm của người kỹ sư và tác động của các hoạt động kỹ thuật đến sự phát triển của Xã hội | Hình dung về bối cảnh chung của khối ngành NLN – MT | 10% | 10% | Có minh chứng từ thực tiễn | Có tìm hiểu từ thực tiễn | Có tìm hiểu từ tài liệu tham khảo | Có tìm hiểu nhưng không thể hiện được | Không tìm hiểu |  |
| Hiểu được vai trò, trách nhiệm của người kỹ sư và tác động của các hoạt động kỹ thuật đến sự phát triển của Xã hội | - Nêu và phân tích rõ ràng, chính xác vai trò, trách nhiệm của người kỹ sư và tác động của các hoạt động kỹ thuật đến sự phát triển của Xã hội | - Nêu và phân tích được vai trò, trách nhiệm của người kỹ sư và tác động của các hoạt động kỹ thuật đến sự phát triển của Xã hội | - Nêu và phân tích được vai trò, trách nhiệm của người kỹ sư và tác động của các hoạt động kỹ thuật đến sự phát triển của Xã hội nhưng một số ý chưa chính xác | - Nêu nhưng chưa phân tích được vai trò, trách nhiệm của người kỹ sư và tác động của các hoạt động kỹ thuật đến sự phát triển của Xã hội hoặc phân tích không chính xác | - Chưa nêu và phân tích được vai trò, trách nhiệm của người kỹ sư và tác động của các hoạt động kỹ thuật đến sự phát triển của Xã hội |  |
| **CLO 4.2.**  Hiểu rõ vai trò và các vị trí làm việc của kỹ sư ngành NLN – MT; tôn trọng văn hóa doanh nghiệp NLN – MT để từng bước thấu hiểu và hôi nhập | Hiểu rõ vai trò và các vị trí làm việc của kỹ sư ngành NLN – MT | 10% | 10% | - Thể hiện rõ ràng, chính xác vai trò và các vị trí việc làm của kỹ sư ngành NLN – MT khi xác định nội dung đồ án | - Thể hiện được vai trò và các vị trí việc làm của kỹ sư ngành NLN – MT khi xác định nội dung đồ án | - Thể hiện vai trò và các vị trí việc làm của kỹ sư ngành NLN – MT khi xác định nội dung đồ án ở mức khá | - Thể hiện vai trò và các vị trí việc làm của kỹ sư ngành NLN – MT khi xác định nội dung đồ án nhưng một số nội dung chưa chính xác | - Chưa thể hiện vai trò và các vị trí việc làm của kỹ sư ngành NLN – MT khi xác định nội dung đồ án |  |
| Thể hiện sự tôn trọng văn hóa doanh nghiệp NLN – MT để từng bước thấu hiểu và hôi nhập | **-** Thể hiện được sự tôn trọng văn hóa doanh nghiệp trong quá trình tiến hành thực hiện đồ án cùng như trong nội dung đồ án ở mức cao | **-** Thể hiện được sự tôn trọng văn hóa doanh nghiệp trong quá trình tiến hành thực hiện đồ án cùng như trong nội dung đồ án ở mức khá | **-** Thể hiện được sự tôn trọng văn hóa doanh nghiệp trong quá trình tiến hành thực hiện đồ án cùng như trong nội dung đồ án ở mức trung bình | **-** Thể hiện được sự tôn trọng văn hóa doanh nghiệp trong quá trình tiến hành thực hiện đồ án cùng như trong nội dung đồ án ở mức thấp | **-** Chưa thể hiện được sự tôn trọng văn hóa doanh nghiệp trong quá trình tiến hành thực hiện đồ án cùng như trong nội dung đồ án |  |
| **CLO 4.3.**  Thực hiện hình thành ý tưởng về hoạt động sản xuất, kinh doanh, quy trình kỹ thuật… của đồ án và triển khai lập kế hoạch cho các hoạt động của đồ án | Xác định được ý tưởng đồ án | 20% | 5% | Đã nêu được tên hệ thống, quy trình phù hợp và rõ ràng thông tin. | Đã nêu tên hệ thống, quy trình phù hợp | Đã nêu được tên hệ thống, quy trình phù hợp nhưng một số thông tin chưa rõ ràng | Đã nêu được tên hệ thống, quy trình nhưng chưa phù hợp | Chưa nêu được tên tên hệ thống, quy trình |  |
| Lập kế hoạch thực hiện đồ án | Xây dựng được kế hoạch thực hiện đồ án một cách khoa học, hợp lý. Thể hiện đầy đủ nội dung công việc, thời gian, kết quả dự kiến, người thực hiện… | Xây dựng được kế hoạch thực hiện đồ án tương đối khoa học, hợp lý. Thể hiện đầy đủ nội dung công việc, thời gian, kết quả dự kiến, người thực hiện… | Xây dựng được kế hoạch thực hiện đồ án thể hiện đầy đủ nội dung công việc, thời gian, kết quả dự kiến, người thực hiện… | Xây dựng được kế hoạch thực hiện đồ án. Chưa thể hiện đầy đủ nội dung công việc, thời gian, kết quả dự kiến, người thực hiện… | Không xây dựng được kế hoạch thực hiện đồ án hoặc xây dựng được nhưng quá sơ sài, không thể hiện được nội dung công việc, thời gian, kết quả dự kiến, người thực hiện… |  |
| **CLO 4.4.** Triển khai thực hiện và quản lý hệ thống các ý tưởng về hoạt động sản xuất, kinh doanh, quy trình kỹ thuật… của đồ án | Triển khai thực hiệncác ý tưởng về hoạt động sản xuất, kinh doanh, quy trình kỹ thuật… của đồ án | 5% | 30% | - Thiết kế được mô hình hoặc ý tưởng về hoạt động sản xuất, kinh doanh, quy trình kỹ thuật đầy đủ và phù hợp | - Thiết kế được mô hình hoặc ý tưởng về hoạt động sản xuất, kinh doanh, quy trình kỹ thuật khá đầy đủ và phù hợp | Thiết kế được mô hình hoặc ý tưởng về hoạt động sản xuất, kinh doanh, quy trình kỹ thuật nhưng chưa đủ | Thiết kế được mô hình hoặc ý tưởng về hoạt động sản xuất, kinh doanh, quy trình kỹ thuật nhưng không phù hợp | Không thiết kế được mô hình hoặc ý tưởng về hoạt động sản xuất, kinh doanh, quy trình kỹ thuật |  |
|  | Quản lý thực hiệncác ý tưởng về hoạt động sản xuất, kinh doanh, quy trình kỹ thuật… của đồ án | - Nắm vững và quản lý triển khai mô hình hoặc ý tưởng về hoạt động sản xuất, kinh doanh, quy trình kỹ thuật ở mức độ hoàn chỉnh | - Quản lý triển khai mô hình hoặc ý tưởng về hoạt động sản xuất, kinh doanh, quy trình kỹ thuật ở mức độ khá | - Quản lý triển khai mô hình hoặc ý tưởng về hoạt động sản xuất, kinh doanh, quy trình kỹ thuật ở mức độ cơ bản | - Triển khai mô hình hoặc ý tưởng về hoạt động sản xuất, kinh doanh, quy trình kỹ thuật ở mức độ thấp | Không triển khai được mô hình hoặc ý tưởng về hoạt động sản xuất, kinh doanh, quy trình kỹ thuật |  |
| **CLO 4.5.** Đánh giá được quá trình triển khai, thực hiện, tổng kết đồ án | Đánh giá mô hình hoặc ý tưởng về hoạt động sản xuất, kinh doanh, quy trình kỹ thuật | 5% | 20% | - Xác định bộ tiêu chí đánh giá chi tiết, rõ ràng, hợp lý  - Các tiêu chí đạt được phù hợp ở mức độ cao | - Xác định bộ tiêu chí chi tiết nhưng có một số tiêu chí chưa hợp lý  - Các tiêu chí đạt được phù hợp ở mức độ khá | - Xác định được bộ tiêu chí tương đối đầy đủ, chưa chi tiết  - Các tiêu chí đạt được phù hợp ở mức độ cơ bản. | - Xác định được bộ tiêu chí tương đối đầy đủ, một số tiêu chí chưa chính xác  - Các tiêu chí đạt được phù hợp ở mức độ thấp | - Chưa xác định được bộ tiêu chí  - Các tiêu chí đạt được không phù hợp |  |
| Tổng kết việc thực hiện đồ án | - Đủ số lượng quy định.  - Cấu trúc đúng quy định, hình thức trình bày khoa học, hợp lý, đẹp, đầy đủ phụ lục theo quy định. | - Đủ số lượng quy định.  - Cấu trúc đúng quy định, hình thức trình bày khá khoa học, hợp lý và khá đẹp, có đủ phụ lục theo quy định. | - Đủ số lượng quy định.  - Cấu trúc chưa chưa thực sự đúng quy định, hình thức trình chưa hợp lý và chưa đẹp, không có đủ phụ lục theo quy định. | - Thiếu 1 sản phẩm.  - Cấu trúc chưa chưa thực sự đúng quy định, hình thức trình chưa hợp lý và chưa đẹp, không có đủ phụ lục theo quy định. | Thiếu từ 2 sản phẩm trở lên.  - Cấu trúc không đúng quy định, hình thức trình bày không hợp lý và không đẹp, không có đủ phụ lục theo quy định. |  |

**6. Tài liệu học tập**

***6.1. Giáo trình:***

[1] Trường Đại học Vinh (2022). Khung chương trình, chuẩn đầu ra, khung năng lực các ngành đào tạo thuộc nhóm ngành Nông Lâm Ngư và Môi trường (Tài liệu).

[2] Phạm Mỹ Dung, Cao Thị Thu Dung, Nguyễn Hữu Hiền, Hoàng Thị Mai, Trần Thị Tuyến, Trần Đình Du (2022). Bài giảng Nhập môn ngành Nông Lâm Ngư và môi trường, Đại học Vinh (Tài liệu).

***6.2 Tài liệu tham khảo:***

[1] Thủ tướng Chính phủ. Chiến lược phát triển nhân lực Việt Nam thời kỳ 2011 – 2020.

[2] Nguyễn Thế Đạt (2006). Giáo trình an toàn lao động. NXBGD.

[3] Lưu Tiến Dũng (2016). Phát triển nông nghiệp bền vững ở Việt Nam trong bối cảnh mới của Hội nhập kinh tế quốc tế.

[4] Bộ Tài nguyên và môi trường (2014). Quy định chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp của công chức, viên chức, người lao động ngành Tài nguyên và môi trường.

[5] Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (2015). Quy định về Chuẩn mực đạo đức công vụ của cán bộ, công chức, viên chức ngành Nông nghiệp và phát triển nông thôn.

[6] Business Edge (2007). Quản lý thời gian, Nhà xuất bản Trẻ.

[7] Business Edge (2006). Giải quyết vấn đề, Nhà xuất bản Trẻ.

[8] John C. Maxwell (2008). 17 nguyên tắc vàng trong làm việc nhóm. Nhà xuất bản Lao động – Xã hội.

**7. Kế hoạch dạy học**

7.1. Giảng dạy lý thuyết

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tuần, số tiết** | **Nội dung** | **Hình thức tổ chức dạy học** | **Yêu cầu SV chuẩn bị** | **CĐR học phần** | **Bài đánh giá** |
| **1** | **Chương 1. Giới thiệu về trường Đại học Vinh, Viện Nông nghiệp và Tài nguyên**  1.1. Giới thiệu về trường Đại học Vinh  1.2. Giới thiệu về Viện Nông nghiệp và Tài nguyên  1.3. Giới thiệu về website, cổng thông tin phục vụ học tập  1.4. Định hướng nghề nghiệp  1.5. Giao lưu với cựu sinh viên | - Địa điểm: Nhà học theo Nhà Trường sắp xếp  - Hoạt động giảng dạy:  + GV làm quen, giới thiệu môn học, đề cương môn học.  + Hướng dẫn lý thuyết nội dung bài giảng  + Trình chiếu các clip giới thiệu về trường, viện  + Chiếu và thao tác trực tiếp trên các website.  + Tổ chức giao lưu trực tiếp hoặc trực tuyến với cựu sinh viên.  + Giao nhiệm vụ tự học và hướng dẫn nghiên cứu tìm tài liệu | - Sau buổi học:  1.Tìm hiểu thông tin về CBVC của Viện thông qua subweb  2. Nghiên cứu chuẩn đầu ra của ngành, nội dung các môn học và phân tích mối liên quan giữa các môn học và chuẩn đầu ra.  3. Viết bài thu hoạch về buổi giao lưu (nếu có).  Bài tập 1: Trình bày các hiểu biết của bạn về trường Đại học Vinh, viện Nông nghiệp và Tài nguyên, các phòng thí nghiệm, trại thực nghiệm phục vụ học tập? | CLO1.1 | A1.1 |
| **2** | **Chương 2. Phương pháp học tập hiệu quả ở trường Đại học**  2.1. Giới thiệu về học tập ở bậc đại học  2.2. Các phương pháp học tập hiệu quả  2.3. Các kỹ năng hỗ trợ quá trình học tập  2.4. Phương pháp làm bài thi hiệu quả | - Địa điểm: Nhà học theo Nhà Trường sắp xếp  - Hoạt động giảng dạy  + Hướng dẫn lý thuyết nội dung bài giảng  + Đặt câu hỏi và thảo luận  + Giao nhiệm vụ tự học và hướng dẫn nghiên cứu tìm tài liệu | - Trước buổi học: Đọc tài liệu số 1,2  - Sau buổi học:  1. Tìm hiểu và thực hành các phương pháp thu thập thông tin, dữ liệu  2. Xây dựng và giới thiệu kế hoạch học tập của bản thân. | CLO1.1 | A1.1 |
| **3** | **Chương 3. Một số kỹ năng nghề nghiệp căn bản**  3.1. Kỹ năng làm việc nhóm | - Địa điểm: Nhà học theo Nhà Trường sắp xếp  - Hoạt động giảng dạy  + Hướng dẫn lý thuyết nội dung bài giảng  + Đặt câu hỏi và thảo luận  + Phân nhóm học tập  + Giao nhiệm vụ tự học và hướng dẫn nghiên cứu tìm tài liệu | - Trước buổi học: Đọc tài liệu số 2  - Sau buổi học:  + Thực hành kỹ năng hoạt động nhóm (bầu các chức danh, xây dựng quy chế hoạt động, khẩu hiệu hành động, bảng đánh giá thành viên) | CLO 3.1 | A1.1, |
| **4** | **Chương 3. Một số kỹ năng nghề nghiệp căn bản (tiếp)**  3.1.. Kỹ năng làm việc nhóm (tiếp) | -Địa điểm: Nhà học theo Nhà Trường sắp xếp  - Hoạt động giảng dạy  + Hướng dẫn lý thuyết nội dung bài giảng  + Thảo luận và làm việc nhóm  Game show: xé giấy, đoán ý đồng đội, ghép từ…  + Giao nhiệm vụ tự học và hướng dẫn nghiên cứu tìm tài liệu | - Trước buổi học: Đọc tài liệu số 2 và TLTK  - Sau buổi học:  1. Thực hành làm việc nhóm: xây dựng kế hoạch đi tham quan thực tế về ngành học trong 2 ngày 1 đêm với 20 người tham gia.  (*Nộp bài qua cổng thông tin sinh viên)* | CLO3.2 | A1.2  A1.4  A2.1  A2.2 |
| **5** | **Chương 3. Một số kỹ năng nghề nghiệp căn bản (tiếp)**  3.2. Kỹ năng giải quyết vấn đề | - Địa điểm: Nhà học theo Nhà Trường sắp xếp  - Hoạt động giảng dạy  + Hướng dẫn lý thuyết nội dung bài giảng  + Thảo luận và làm việc nhóm  + Giao nhiệm vụ tự học và hướng dẫn nghiên cứu tìm tài liệu | - Trước buổi học: Đọc tài liệu số 2 và TLTK  - Sau buổi học:  1. Thực hành làm việc nhóm sử dụng các công cụ để xác định vấn đề lớn nhất của nhóm và các bước giải quyết vấn đề đó  2. Sử dụng biểu đồ xương cá xác định nguyên nhân của 1 vấn đề của bản thân có ảnh hưởng lớn đến cuộc sống, học tập… | CLO2.1, 2.3, 2.4 | A1.1  A1.2  A1.4 |
| **6** | **Chương 3. Một số kỹ năng nghề nghiệp căn bản (tiếp)**  3.3. Kỹ năng giao tiếp | - Địa điểm: Nhà học theo Nhà Trường sắp xếp  - Hoạt động giảng dạy  + Hướng dẫn lý thuyết nội dung bài giảng  + Đặt câu hỏi thảo luận  + Tổ chức cuộc họp giả định tại lớp  + Giao nhiệm vụ tự học và hướng dẫn nghiên cứu tìm tài liệu | - Trước buổi học: Đọc tài liệu số 2 và TLTK  - Sau buổi học:  1. Làm việc nhóm chuẩn bị 1 bài thuyết trình theo chủ đề để trình bày tại lớp và nộp bài lên E-Learning  2. Sinh viên tự rèn luyện kỹ năng thuyết trình | CLO3.3, 3.4 | A1.2  A1.4  A2.1  A2.2 |
| **7** | **Chương 3. Một số kỹ năng nghề nghiệp căn bản (tiếp)**  3.3. Kỹ năng giao tiếp (tiếp) | - Địa điểm: Nhà học theo Nhà Trường sắp xếp  - Hoạt động giảng dạy  + Hướng dẫn lý thuyết nội dung bài giảng  + Sinh viên thực hành kỹ năng giao tiếp  + Giới thiệu 1 số mẫu văn bản thông dụng  + Giao nhiệm vụ tự học và hướng dẫn nghiên cứu tìm tài liệu | - Trước buổi học: Đọc tài liệu số 2 và TLTK  - Sau buổi học:  1. Thực hành gửi email cho giáo viên gửi kèm 1 văn bản (đơn xin nghỉ học, đơn đăng ký học, giấy mời họp, đơn xin trợ cấp khó khăn…) | CLO3.3, 3.4 | A1.2  A1.4  A2.1  A2.2 |
| **8** | **Chương 4. Một số văn bản luật và dưới luật liên quan đến kỹ sư Nông lâm ngư – môi trường**  4.1. Bộ luật lao động  4.2. Pháp lệnh bảo hộ lao động  4.3. Luật an toàn, vệ sinh lao động  4.4. Phòng chống cháy nổ và cấp cứu tai nạn | - Địa điểm: Nhà học theo Nhà Trường sắp xếp  - Hoạt động giảng dạy  + Hướng dẫn lý thuyết nội dung bài giảng  + Đặt câu hỏi thảo luận  + Xử lý tình huống liên quan đến các điều luật  + Giao nhiệm vụ tự học và hướng dẫn nghiên cứu tìm tài liệu | - Trước buổi học: Đọc tài liệu số 2 và TLTK  - Sau buổi học:  1. Xác định những điều luật quy định liên quan đến bản thân và nghề nghiệp trong tương lai.  2. Tìm kiếm và làm quen các biểu tượng cảnh báo trong bảo hộ lao động, an toàn vệ sinh lao động. | CLO2.1 | A1.1 |
| **9** | **Chương 5. Kỹ năng và đạo đức nghề nghiệp**  5.1. Đạo đức cá nhân và đạo đức nghề nghiệp  5.2. Chuẩn nghề nghiệp | - Địa điểm: Nhà học theo Nhà Trường sắp xếp  - Hoạt động giảng dạy  + Hướng dẫn lý thuyết nội dung bài giảng  + Đặt câu hỏi, thảo luận  + Giao nhiệm vụ tự học và hướng dẫn nghiên cứu tìm tài liệu | - Trước buổi học: Đọc tài liệu số 2 và TLTK  - Sau buổi học:  1. Phân tích, nhận diện các chuẩn mực nghề nghiệp cốt lõi của ngành nghề mình đang theo học.  2. Phân tích, nhận diện các chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp của ngành nghề mình đang theo học có nhiều khả năng bị tác động, bị vi phạm trong tương lai. | CLO2.2 | A1.1  A1.2 |
| **10** | **Chương 5. Kỹ năng và đạo đức nghề nghiệp (tiếp)**  5.3. Cơ hội, thách thức và những yêu cầu về đạo đức, kỹ năng của người kỹ sư | - Địa điểm: Nhà học theo Nhà Trường sắp xếp  - Hoạt động giảng dạy  + Hướng dẫn lý thuyết nội dung bài giảng  + Đặt câu hỏi, thảo luận  + Tổng kết nội dung, nhận xét tinh thần, thái độ học tập của sinh viên sau 2 tín chỉ lý thuyết.  + Giao nhiệm vụ tự học. | - Trước buổi học: Đọc tài liệu số 2 và TLTK  - Sau buổi học:  1. Phân tích cơ hội và thách thức của bản thân trong bối cảnh nghề nghiệp và bối cảnh xã hội của Quốc tế và Việt Nam.  2. Từ những nội dung đã học, sinh viên viết bài thu hoạch định hướng nghề nghiệp của bản thân  (*Nộp bài qua cổng thông tin sinh viên)* | CLO 4.1 | A1.3  A2.1 |

7.2. Giảng dạy đồ án

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tuần** | **Nội dung công việc** | **Địa điểm/không gian thực hiện** | **Hoạt động của sinh viên** | **Kết quả cần đạt được** | **Bài đánh giá** | **CĐR học phần** |
| **1** | **Tìm hiểu cơ sở sản xuất NLN, MT**  Đưa ra tên đồ án thực tập cho nhóm | Theo Bộ môn sắp xếp | - Tìm hiểu bối cảnh, về trại/ cơ sở sản xuất, nghiên cứu về NLN, MT,  - Hình thành ý tưởng cho đồ án nhóm. | Xác định được vấn đề cần giải quyết cho đồ án | A1.3 | CLO 2.3, 3.2, 3.4, 4.1, 4.2, 4.3, 4.4, 4.5 |
| **2** | **-Hướng dẫn xây dựng và viết thuyết minh đề cương đồ án Nhập môn** | Theo Bộ môn sắp xếp | - Thao tác các kỹ thuật theo hướng dẫn của Cán bộ CS. | Viết đề cương, xây dựng kế hoạch thực hiện đồ án | A1.3 | CLO 2.3, 3.2, 3.4, 4.1, 4.2, 4.3, 4.4, 4.5 |
| **3** | **Hướng dẫn hoàn thiện đề cương đồ án, Nhập môn** | Theo Bộ môn sắp xếp | -Thao tác các kỹ thuật theo hướng dẫn của Cán bộ CS. | Bản đề cương/thuyết minh đồ án | A1.3 | CLO 2.3, 3.2, 3.4, 4.1, 4.2, 4.3, 4.4, 4.5 |
| **4** | **Triển khai thiết kế thí nghiệm, kế hoạch đồ án** | Theo Bộ môn sắp xếp | -Thao tác các kỹ thuật theo hướng dẫn của Cán bộ CS. | Các hoạt động, nội dung đồ án được triển khai | A1.3  A2.1 | CLO 2.3, 3.2, 3.4, 4.1, 4.2, 4.3, 4.4, 4.5 |
| **5** | **Báo cáo tiến độ** |  | Viết, trình bày tiến độ đồ án với GV hướng dẫn | Báo cáo tiến độ đồ án | A1.3 | CLO 2.3, 3.2, 3.4, 4.1, 4.2, 4.3, 4.4, 4.5 |
| **4 -9** | Triển khai đồ án Nhập môn | Theo Bộ môn sắp xếp | - Lắp đặt hệ thống thí nghiệm của đồ án.  -Tiến hành triển khai thí nghiệm đồ án.  - Ghi nhật ký thực tập, số liệu. | Triển khai và hoàn thành sản phẩm, kết quả đồ án | A2.1 | CLO 2.3, 3.2, 3.4, 4.1, 4.2, 4.3, 4.4, 4.5 |
| **10** | **Viết và hoàn thiện báo cáo đồ án**  **Phỏng vấn đồ án** | Theo lịch của Nhà trường, | -Viết và hoàn thành đồ án | Báo cáo, sản phẩm đồ án | A2.1A2.2 | CLO 2.3, 3.2, 3.4, 4.1, 4.2, 4.3, 4.4, 4.5 |

**8. Nhiệm vụ của người học**

***8.1. Phần tự học***

- Nghiên cứu tài liệu, xem các slide/video/website.

- Chủ động tìm các nguồn tài liệu khác liên quan đến nội dung học phần.

- Thảo luận, trao đổi những vấn đề liên quan đến học phần với bạn học/cựu sinh viên/cán bộ tại đơn vị trải nghiệm hoặc các nguồn lực hỗ trợ khác.

- Hoàn thành các bài tập được giao trên LMS.

***8.2. Phần học trên lớp trực tiếp hoặc online với giảng viên***

- Dự lớp ≥ 80% tổng thời lượng của học phần.

- Chủ động, tích cực trong giờ học.

- Phát hiện, đưa ra câu hỏi hoặc vấn đề liên quan đến nội dung học tập.

***8.3. Làm việc nhóm, thực hiện đồ án môn học***

- Tham gia xây dựng kế hoạch hoạt động của nhóm.

- Tôn trọng ý kiến và chịu trách nhiệm về kết quả làm việc chung.

- Hoàn thành đầy đủ nhiệm vụ và sản phẩm dự án được giao.

**9. Ngày phê duyệt:**

**10. Cấp phê duyệt:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **KT. HIỆU TRƯỞNG**  **PHÓ HIỆU TRƯỞNG** | **VIỆN TRƯỞNG**  **TS. Nguyễn Đình Vinh** | **TRƯỞNG BỘ MÔN**  **TS. Lê Minh Hải** |

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH**  **VIỆN NÔNG NGHIỆP VÀ TÀI NGUYÊN** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

## **ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN CHI TIẾT**

## **SINH HỌC TRONG NÔNG LÂM NGƯ - MÔI TRƯỜNG**

# **1. Thông tin tổng quát:**

***1.1. Thông tin về giảng viên***

***Giảng viên 1:* Nguyễn Đình Vinh**

Học hàm, học vị: Tiến sĩ

Địa chỉ liên hệ: 182 Lê Duẩn, TP Vinh, Nghệ An

Điện thoại: 0914970709, email: Vinhnd[@vinhuni.edu.vn](mailto:binhtt@vinhuni.edu.vn)

Các hướng nghiên cứu chính: Dinh dưỡng động vật thủy sản

***Giảng viên 2:* Trần Ngọc Toàn**

Học hàm, học vị: Thạc sĩ, Nghiên cứu sinh

Địa chỉ liên hệ: 182 Lê Duẩn, TP Vinh, Nghệ An

Điện thoại: 0988.346.620, email: toantn[@vinhuni.edu.vn](mailto:binhtt@vinhuni.edu.vn)

Các hướng nghiên cứu chính: Đa dạng sinh học nông nghiệp với Biến đổi khí hậu

***1.2. Thông tin về học phần:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| - Tên môn học (tiếng Việt): **SINH HỌC TRONG NÔNG LÂM NGƯ – MÔI TRƯỜNG**  (tiếng Anh): **Biology in Agriculture, Forestry and Fishery - Environment** | | |
| - Mã số học phần: ANR20002 | | |
| - Thuộc CTĐT ngành: Nông lâm ngư – Môi trường | | |
| - Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:  x  Kiến thức cơ bản  Kiến thức cơ sở ngành  Kiến thức ngành  x | Học phần chuyên về kỹ năng chung  Kiến thức khác | |
| - Thuộc loại học phần: Bắt buộc | Tự chọn | |
| - Số tín chỉ: | |  |
| + Số tiết lý thuyết: 60 | |  |
| + Số tiết thảo luận/bài tập: | |  |
| + Số tiết thực hành: 15 | |  |
| + Số tiết tự học: 150 | |  |
| - Điều kiện đăng ký học: | |  |
| + Học phần tiên quyết: | | Mã số HP: |
| + Học phần học trước: | | Mã số HP: |
| - Yêu cầu của học phần: Thực hiện theo Quy chế đào tạo của Trường Đại học Vinh. Cụ thể:  + Thời gian tối thiểu sinh viên phải có mặt trên lớp: 80%  + Sinh viên phải nộp đầy đủ bài tập, báo cáo qua hệ thống LMS (Mục 5.1). + Tham gia đầy đủ các bài thực hành. | | |
| - Bộ môn phụ trách học phần:  Điện thoại: Email: | | |

# **2. Mô tả học phần**

Sinh học trong Nông lâm ngư – Môi trường là môn học cung cấp cho sinh viên thuộc khối ngành Nông lâm ngư -Môi trường những kiến thức cơ sở và khái quát nhất về thế giới sống. Nội dung của môn học gồm 8 chương, đề cập đến Hệ thống sinh giới, Sinh học tế bào, Sinh học cơ thể, Di truyền – tiến hóa, Sinh thái học. Sau khi kết thúc môn học này, sinh viên sẽ nắm bắt được tốt hơn các kiến thức thuộc môn học chuyên ngành tiếp theo. Đồng thời, chương trình dạy và học của môn Sinh học trong nông lâm ngư – Môi trường được thiết kế theo hướng giúp người học rèn luyện kỹ năng tư duy logic, thái độ học tập, nghiên cứu nghiêm túc và khả năng làm việc nhóm cũng như thuyết trình.

# **3. Mục tiêu học phần**

Học phần này giúp sinh viên nêu được các quan điểm phân chia sinh giới từ xa xưa đến ngày nay. Trình bày được đặc điểm, phân loại và ứng dụng trong thực tiễn của sinh vật thuộc các lớp, ngành, nhóm trong mỗi giới. Trình bày và phân tích được các vấn đề cơ bản về sinh học tế bào; các vấn đề cơ bản về sinh học cơ thể. Trình bày và giải thích được những vấn đề cơ bản về di truyền và tiến hóa. Trình bày được các cấp độ tổ chức của sinh vật trong sinh thái học và các đặc tính của chúng. Bên cạnh đó, người học sẽ hoàn thành các bài thực hành đơn giản trên các đối tượng động vật và thực vật.

# **4. Chuẩn đầu ra học phần, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá**

***4.1. Ánh xạ chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **CĐR học phần** | **Ánh xạ với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo** | | |
| **PLO1.1** | **PLO2.3** | **PLO3.1** |
| 1.1.2 | 2.3.1 | 3.1.2 |
| CLO1.1 | 0,25 |  |  |
| CLO1.2 | 0,25 |  |  |
| CLO1.3 | 0,25 |  |  |
| CLO1.4 | 0,25 |  |  |
| CLO2.1 |  | 1,0 |  |
| CLO3.1 |  |  | 1,0 |

***4.2. Nội dung chuẩn đầu ra, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá học phần***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **CĐR học phần (CLO)** | **TĐNL CĐR**  **học phần** | **Mô tả CĐR học phần** | **Phương pháp dạy học** | **Phương pháp đánh giá** |
| CLO1.1 | K3 | Nêu được các quan điểm phân chia sinh giới từ xa xưa đến ngày nay. Hiểu được đặc điểm về hình dạng, cấu tạo, sinh sản, phân bố, nguồn gốc, tiến hóa, phân loại và vai trò của các giới: Vi khuẩn – tảo lam, Nấm, Thực vật và Động vật | Thuyết trình, hướng dẫn  Tự học/tự nghiên cứu | Thi tự luận  Bài kiểm tra nhanh |
| CLO1.2 | K3 | Nêu được tế bào là đơn vị cơ sở của sự sống. Hiểu được cấu trúc chung, cấu tạo và chức năng các bộ phận, trao đổi chất và và chu kỳ sống của tế bào | Thuyết trình, hướng dẫn  Tự học/tự nghiên cứu | Thi tự luận  Bài kiểm tra nhanh |
| CLO1.3 | K3 | Hiểu được cấu trúc cơ thể và quá trình sinh trưởng, phát triển ở thực vật và động vật | Thuyết trình, hướng dẫn  Tự học/tự nghiên cứu | Thi tự luận |
| CLO1.4 | K3 | Hiểu được vật chất và các quy luật di truyền. Đánh giá được các quan điểm tiến hóa. Hiểu được các đặc điểm của hệ sinh thái và đa dạng sinh học, cảnh quan | Thuyết trình, hướng dẫn  Tự học/tự nghiên cứu | Thi tự luận |
| CLO2.1 | S2 | Đảm bảo quy tắc an toàn khi làm việc trong phòng thí nghiệm. Thực hiện thành thạo các thí nghiệm, quan sát và phân tích được kết quả thí nghiệm đã được thực hiện | Hướng dẫn  Thực hành | Rubric 1 |
| CLO3.1 | S2 | Nêu cao trách nhiệm cá nhân và tích cực hợp tác với các thành viên trong nhóm khi tiến hành thí nghiệm | Thực hành  Làm việc nhóm | Rubric 1 |

# **5. Đánh giá học tập và các bộ tiêu chí đánh giá**

***5.1. Đánh giá học tập***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Bài đánh giá** | **Hình thức đánh giá,**  **minh chứng, lưu hồ sơ** | **Công cụ**  **đánh giá** | **CĐR học phần** | **Tỷ lệ**  **Cho bài đánh giá** | **Tỷ lệ cho học phần** |
| **A1. Đánh giá quá trình** | | | |  | **50%** |
| A1.1. Bài trắc nghiệm 1 | - Bài trắc nghiệm trên LMS, chấm điểm tự động | Đáp án | CLO 1.1 | 100% | 15% |
| A1.2. Bài trắc nghiệm 2 | - Bài trắc nghiệm trên LMS, chấm điểm tự động | Đáp án | CLO 1.2 | 100% | 15% |
| A1.3. Thực hành | - Đánh giá kỹ năng thực hành tại PTN | Rubric 1 | CLO 2.1 | 70% | 20% |
| CLO 3.1 | 30% |
| **A2. Đánh giá cuối kỳ** | | | |  | **50%** |
| A2.1. Thi Tự luận | - Thi Tự luận; TT Đảm bảo chất lượng tổ chức thi và lưu hồ sơ | Đáp án | CLO 1.1  CLO 1.2  CLO 1.3  CLO 1.4 | 100% | 50% |
| **Công thức tính điểm tổng kết:**  **Điểm TKHP = A1.1x0,15 + A1.2x0,15 + A1.3x0,2 + A2.1x0,5** | | | | | |

*- Ghi chú: Các bài đánh giá thiết kế sao cho đánh giá được từng CĐR.*

*- Ví dụ về công cụ đánh giá: Rubrics, đáp án, bảng kiểm…*

***5.2. Các bộ tiêu chí đánh giá***

***5.2.1. Rubric 1: Đánh giá bài A1.3***

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **CĐR học phần** | **Tiêu chí đánh giá** | **Trọng số (%)** | **Mức độ đánh giá** | | | | | **Điểm** | |
| **A** | **B** | **C** | **D** | **F** |  |
| **8.5 - 10** | **7.0 - 8.4** | **5.5 - 6.9** | **4,0 -5,4** | **< 4,0** |
| **CLO2.1.** Đảm bảo quy tắc an toàn khi làm việc trong phòng thí nghiệm. Thực hiện thành thạo các thí nghiệm, quan sát và phân tích được kết quả thí nghiệm đã được thực hiện | Chuẩn bị | 10 | Có sự chuẩn bị tốt về bài thực hành | Có sự chuẩn bị khá tốt về bài thực hành | Có sự chuẩn bị về bài thực hành | Có sự chuẩn bị về bài thực hành sơ sài | Chưa có sự chuẩn bị về bài thực hành |  |
| Thao tác thực hành, thí nghiệm | 30 | Thao tác thực hiện chính xác ở mức độ cao | Thao tác thực hiện chính xác ở mức độ khá | Thao tác thực hiện chính xác ở mức độ cơ bản | Thao tác thực hiện chính xác ở mức độ thấp | Không thực hiện được |  |
| Kết quả thực hành | 30 | Sản phẩm thực hành đạt tiêu chuẩn cao | Sản phẩm thực hành đạt tiêu chuẩn khá | Sản phẩm thực hành đạt tiêu chuẩn cơ bản | Sản phẩm thực hành đạt tiêu chuẩn khá thấp | Không có sản phẩm hoặc không đạt |  |
| **CLO 3.1.** Nêu cao trách nhiệm cá nhân và tích cực hợp tác với các thành viên trong nhóm khi tiến hành thí nghiệm | Tổ chức nhóm | 10 | Tham gia đầy đủ, tích cực các cuộc họp nhóm | Tham gia đầy đủ các hoạt động nhóm. | Tham gia còn thiếu một số ít hoạt động | Chỉ tham gia một số ít hoạt động | Không tham gia |  |
| Nhiệm vụ được phân công rõ ràng, đầy đủ cho các thành viên trong nhóm | Nhiệm vụ được phân công khá rõ ràng, đầy đủ cho các thành viên trong nhóm | Nhiệm vụ được phân công cho các thành viên trong nhóm đầy đủ | Nhiệm vụ được phân công cho các thành viên trong nhóm chưa đầy đủ | Chưa có sự phân công nhiệm vụ |  |
| Hợp tác nhóm | 10 | Chủ động tạo ra sự tương tác tích cực thực hiện nhiệm vụ | Chủ động tạo ra sự tương tác khá tích cực thực hiện nhiệm vụ | Tương tác thực hiện nhiệm vụ ở mức cơ bản | Còn bị động, phụ thuộc trong sử dụng các phương thức làm việc nhóm | Thụ động trong việc tương tác với các thành viên |  |
| - Trao đổi, chia sẻ và chấp nhận các ý tưởng trong thực hiện nhiệm vụ với các thành viên ở mức độ cao | - Trao đổi và chấp nhận các ý tưởng trong thực hiện nhiệm vụ với các thành viên mức độ khá | Trao đổi, chia sẻ và chấp nhận các ý tưởng trong thực hiện nhiệm vụ với các thành viên ở mức độ cơ bản | Trao đổi và chấp nhận các ý tưởng trong thực hiện nhiệm vụ với các thành viên ở mức độ thấp | Không trao đổi, chia sẻ trong nhóm |  |
| - Chủ động kết nối, sử dụng các phương thức làm việc nhóm hiệu quả cao | - Chủ động kết nối, sử dụng các phương thức làm việc nhóm hiệu quả khá cao | Kết nối, sử dụng các phương thức làm việc nhóm hiệu quả cơ bản | Kết nối, sử dụng các phương thức làm việc nhóm hiệu quả thấp | Bị động trong kết nối, không hiệu quả |  |
| Thảo luận nhóm | 10 | Đề xuất, sáng kiến để đạt được tốt mục tiêu, kết quả nhóm | Đề xuất, sáng kiến để đạt được khá tốt mục tiêu, kết quả nhóm | Đề xuất, sáng kiến để đạt được mục tiêu, kết quả nhóm ở mức cơ bản | Đề xuất, sáng kiến để đạt được mục tiêu, kết quả nhóm thấp | Chưa có các đề xuất, sáng kiến |  |
| **Tổng** | | | | | | |  |  | |

# **6. Tài liệu học tập**

***6.1. Giáo trình:***

1. Phan Cự Nhân, Trần Bá Hoành, Lê Quang Long, Phạm Đình Thái, Hoàng Thị Sản, Mai Đình Yên (2004), *Sinh học đại cương (tập 1).* NXB Đại học Sư phạm

2. Phan Cự Nhân, Trần Bá Hoành, Lê Quang Long, Phạm Đình Thái, Hoàng Thị Sản, Mai Đình Yên (2005), *Sinh học đại cương (tập 2).* NXB Đại học Sư phạm

3. Nguyễn Lê Ái Vĩnh, Đào Thị Minh Châu, Mai Văn Chung, Trần Thị Gái, Phạm Thị Hương, Hoàng Vĩnh Phú, Nguyễn Thị Thảo (2016), *Sinh học đại cương B1*, NXB Đại học Vinh

***6.2. Tài liệu tham khảo:***

4. Hoàng Đức Cự (2006), *Sinh học thực vật*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội

5. Vũ Trung Tạng (2008), *Sinh thái học hệ sinh thái*, NXB Giáo dục

6. Thái Trần Bái (chủ biên), Nguyễn Văn Khang (2005), *Động vật không xương sống*, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội

7. Nguyễn Bá (2009), *Giáo trình thực vật học*, NXB Giáo dục

8. Hoàng Thị Sản, Hoàng Thị Bé (2003), *Thực hành Phân loại thực vật*, NXB Đại học Sư phạm

9. Qũy quốc tế về bảo vệ thiên nhiên (2003), *Sổ tay hướng dẫn điều tra và giám sát đa dạng sinh học*, NXB Giao thông vận tải

# **7. Kế hoạch dạy học**

***Lý thuyết:***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tuần/**  **Buổi học**  **(1)** | **Nội dung**  **(2)** | **Hình thức tổ chức dạy học (3)** | **Chuẩn bị**  **của SV (4)** | **CĐR môn học (5)** | **Bài đánh giá**  **(6)** |
| **Tuần 1**  **(4 tiết)** | **Chương 1. Trên giới Procaryota**  1.1. Các quan điểm phân chia sinh giới hiện nay  1.2. Siêu vi khuẩn (Virut)  1.3. Vi khuẩn  1.4. Tảo lam | **Hoạt động 1:** Thuyết giảng kết hợp trình chiếu Slide các nội dung bài học. Đặt câu hỏi liên quan để sv suy nghĩ trả lời  **Hoạt động 2:** Hướng dẫn tự học trên LMS | - Đọc tài liệu  - Nghiên cứu hệ thống LMS | CLO1.1 | A1.1  A2.1 |
| **Tuần 2**  **(4 tiết)** | **Chương 2. Trên giới Eucaryota**  2.1. Giới nấm  2.1.1. Ngành nấm nhày  2.1.2. Ngành nấm  2.2. Giới thực vật  2.2.1. Thực vật bậc thấp (nhóm tảo)  2.2.2. Thực vật bậc thấp (địa y) | **Hoạt động 1:** Thuyết giảng kết hợp trình chiếu Slide các nội dung bài học. Đặt câu hỏi liên quan để sv suy nghĩ trả lời  **Hoạt động 2** Thảo luận | - Đọc tài liệu  - Nghe bài giảng elearning và làm bài tập trước khi đến lớp | CLO1.1 | A1.1  A2.1 |
| **Tuần 3**  **(4 tiết)** | 2.2.3. Thực vật bậc cao  2.3. Giới động vật  2.3.1. Đặc điểm và phân loại động vật không xương sống  2.3.2. Đặc điểm và phân loại động vật có xương sống  2.3.3. Sự tiến hóa của giới động vật | **Hoạt động 1:** Kiểm tra nội dung tự học của sinh viên.  **Hoạt động 2:** Thuyết giảng kết hợp trình chiếu Slide các nội dung bài học. Đặt câu hỏi liên quan để sv suy nghĩ trả lời  **Hoạt động 3:** Thảo luận | - Đọc tài liệu  - Nghe bài giảng elearning và làm bài tập trước khi đến lớp | CLO1.1 | A1.1  A2.1 |
| **Tuần 4**  **(4 tiết)** | **Chương 3. Sinh học tế bào**  3.1. Tế bào là đơn vị cơ sở của sự sống  3.2. Thành phần hóa học của tế bào  3.3. Cấu trúc khái quát của tế bào  3.4. Cấu trúc và chức năng các bộ phận của tế bào  3.4.1. Hệ thống màng | **Hoạt động 1:** Kiểm tra nội dung tự học của sinh viên  **Hoạt động 2:** Thuyết giảng kết hợp trình chiếu Slide các nội dung bài học. Đặt câu hỏi liên quan để sv suy nghĩ trả lời  **Hoạt động 3:** Thảo luận | - Nghe bài giảng elearning và làm bài tập trước khi đến lớp  - Nghe bài giảng elearning và làm bài tập trước khi đến lớp | CLO1.2 | A1.2  A2.1 |
| **Tuần 5**  **(4 tiết)** | 3.4.2. Các bào quan  3.4.3. Nhân  3.5. Sự vận chuyển các chất qua màng tế bào  3.6. Chu kỳ sống của tế bào | **Hoạt động 1:** Kiểm tra nội dung tự học của sinh viên  **Hoạt động 2:** Thuyết giảng kết hợp trình chiếu Slide các nội dung bài học. Đặt câu hỏi liên quan để sv suy nghĩ trả lời  **Hoạt động 3:** Thảo luận | - Đọc tài liệu  - Nghe bài giảng elearning và làm bài tập trước khi đến lớp | CLO1.2 | A1.2  A2.1 |
| **Tuần 6**  **(4 tiết)** | **Chương 4. Cấu trúc cơ thể và quá trình sinh trưởng, phát triển ở thực vật**  4.1. Cấu trúc của cơ thể thực vật  4.1.1. Các loại mô  4.1.2. Các cơ quan sinh dưỡng (rễ, thân, lá)  4.1.3. Vận chuyển vật chất trong cơ thể thực vật  4.2. Các loại hormone sinh trưởng và phát triển của thực vật | **Hoạt động 1:** Kiểm tra nội dung tự học của sinh viên  **Hoạt động 2:** Thuyết giảng kết hợp trình chiếu Slide các nội dung bài học. Đặt câu hỏi liên quan để sv suy nghĩ trả lời  **Hoạt động 3:** Thảo luận | - Đọc tài liệu  - Nghe bài giảng elearning và làm bài tập trước khi đến lớp | CLO1.3 | A2.1 |
| **Tuần 7**  **(4 tiết)** | 4.3. Qúa trình hút nước và muối khoáng ở thực vật  4.4. Quang hợp và hô hấp ở thực vật  4.5. Các hình thức sinh sản | **Hoạt động 1:** Kiểm tra nội dung tự học của sinh viên  **Hoạt động 2:** Thuyết giảng kết hợp trình chiếu Slide các nội dung bài học. Đặt câu hỏi liên quan để sv suy nghĩ trả lời  **Hoạt động 3:** Thảo luận | - Đọc tài liệu  - Nghe bài giảng elearning và làm bài tập trước khi đến lớp | CLO1.3 | A2.1 |
| **Tuần 8**  **(4 tiết)** | **Chương 5. Tổ chức cấu tạo và sự phát triển cơ thể ở động vật**  5.1. Cấu tạo cơ thể  5.2. Sự phát triển cơ thể  5.3. Các hệ cơ quan  5.3.1. Hệ cơ quan có chức năng truyền thông tin | **Hoạt động 1:** Kiểm tra nội dung tự học của sinh viên tuần 9.  **Hoạt động 2:** Thuyết giảng kết hợp trình chiếu Slide các nội dung bài học. Đặt câu hỏi liên quan để sv suy nghĩ trả lời  **Hoạt động 3:** Thảo luận | - Đọc tài liệu].  - Nghe bài giảng elearning và làm bài tập trước khi đến lớp | CLO1.3 | A2.1 |
| **Tuần 9**  **(4 tiết)** | 5.3.2. Hệ cơ quan có chức năng vận động  5.3.3. Các hệ cơ quan trao đổi chất | **Hoạt động 1:** Kiểm tra nội dung tự học của sinh viên  **Hoạt động 2:** Thuyết giảng kết hợp trình chiếu Slide các nội dung bài học. Đặt câu hỏi liên quan để sv suy nghĩ trả lời  **Hoạt động 3:** Thảo luận | - Đọc tài liệu  - Nghe bài giảng elearning và làm bài tập trước khi đến lớp | CLO1.3 | A2.1 |
| **Tuần 10**  **(4 tiết)** | **Chương 6. Di truyền học**  6.1. Cơ sở tế bào của hiện tượng di truyền  6.2. Quy luật di truyền Mendel  6.2.1. Quy luật phân ly của Mendel  6.2.2. Quy luật phân ly độc lập của Mendel  6.2.3. Đột biến | **Hoạt động 1:** Kiểm tra nội dung tự học của sinh viên  **Hoạt động 2:** Thuyết giảng kết hợp trình chiếu Slide các nội dung bài học. Đặt câu hỏi liên quan để sv suy nghĩ trả lời  **Hoạt động 3:** Thảo luận | - Đọc tài liệu  - Nghe bài giảng elearning và làm bài tập trước khi đến lớp | CLO1.4 | A2.1 |
| **Tuần 11**  **(4 tiết)** | 6.3. Mở rộng học thuyết di truyền Mendel  6.4. Di truyền ngoài nhân  6.5. Cơ sở phân tử của hiện tượng di truyền | **Hoạt động 1:** Kiểm tra nội dung tự học của sinh viên  **Hoạt động 2:** Thuyết giảng kết hợp trình chiếu Slide các nội dung bài học. Đặt câu hỏi liên quan để sv suy nghĩ trả lời  **Hoạt động 3:** Thảo luận | - Đọc tài liệu  - Nghe bài giảng elearning và làm bài tập trước khi đến lớp | CLO1.4 | A2.1 |
| **Tuần 12**  **(4 tiết)** | **Chương 7. Tiến hóa**  7.1. Học thuyết tiến hóa của Lamarck  7.2. Học thuyết tiến hóa của Darwin  7.2.1. Chọn lọc tự nhiên và sự thích nghi  7.2.2. Chọn lọc nhân tạo | **Hoạt động 1:** Kiểm tra nội dung tự học của sinh viên  **Hoạt động 2:** Thuyết giảng kết hợp trình chiếu Slide các nội dung bài học. Đặt câu hỏi liên quan để sv suy nghĩ trả lời  **Hoạt động 3:** Thảo luận | - Đọc tài liệu  - Nghe bài giảng elearning và làm bài tập trước khi đến lớp | CLO1.4 | A2.1 |
| **Tuần 13**  **(4 tiết)** | 7.3. Thuyết tiến hóa tổng hợp hiện đại  7.3.1. Khái niệm  7.3.2. Quần thể - Đơn vị tiến hóa cơ sở  7.3.3. Quy luật Hardy - Weinberg  7.3.4. Các con đường hình thành loài | **Hoạt động 1:** Kiểm tra nội dung tự học của sinh viên  **Hoạt động 2:** Thuyết giảng kết hợp trình chiếu Slide các nội dung bài học. Đặt câu hỏi liên quan để sv suy nghĩ trả lời  **Hoạt động 3:** Thảo luận | - Đọc tài liệu  - Nghe bài giảng elearning và làm bài tập trước khi đến lớp | CLO1.4 | A2.1 |
| **Tuần 14**  **(4 tiết)** | **Chương 8. Sinh thái học**  [8.1. Sinh thái học cá thể](#_Toc492737286)  8.2. Sinh thái học quần thể  8.3. Sinh thái học quần xã | **Hoạt động 1:** Kiểm tra nội dung tự học của sinh viên  **Hoạt động 2:** Thuyết giảng kết hợp trình chiếu Slide các nội dung bài học. Đặt câu hỏi liên quan để sv suy nghĩ trả lời  **Hoạt động 3:** Thảo luận | - Đọc tài liệu  - Nghe bài giảng elearning và làm bài tập trước khi đến lớp | CLO1.4 | A2.1 |
| **Tuần 15**  **(4 tiết)** | 8.4. Sinh thái học hệ sinh thái  8.5. Sinh thái học cảnh quan  8.6. Sinh quyển và đa dạng sinh học | **Hoạt động 1:** Kiểm tra nội dung tự học của sinh viên  **Hoạt động 2:** Thuyết giảng kết hợp trình chiếu Slide các nội dung bài học. Đặt câu hỏi liên quan để sv suy nghĩ trả lời  **Hoạt động 3:** Thảo luận | - Đọc tài liệu  - Nghe bài giảng elearning và làm bài tập trước khi đến lớp | CLO1.4 | A2.1 |

***Thực hành:***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Số tiết/tuần** | **Nội dung** | **Hình thức tổ chức dạy học** | **Yêu cầu SV chuẩn bị** | **CĐR học phần** | **Bài đánh giá** |
| 3 | **Bài thực hành 1**  Quan sát tế bào và mô | Hướng dẫn quan sát, giải phẩu mẫu vật, thực hành. | Vở ghi chép, bút, giấy A4  Đọc tài liệu liên quan ở nhà | CLO2.1 CLO3.1 | A1.3 |
| 3 | **Bài thực hành 2**  Thu thập, xử lý và trình bày mẫu thực vật | Hướng dẫn quan sát, giải phẩu mẫu vật, thực hành. | Vở ghi chép, bút, giấy A4  Đọc tài liệu liên quan ở nhà | CLO2.1 CLO3.1 | A1.3 |
| 3 | **Bài thực hành 3** Quan sát hình thái các cơ quan sinh dưỡng và sinh sản của thực vật | Hướng dẫn quan sát, giải phẩu mẫu vật, thực hành. | Vở ghi chép, bút, giấy A4  Đọc tài liệu liên quan ở nhà | CLO2.1 CLO3.1 | A1.3 |
| 3 | **Bài thực hành 4** Thu thập, xử lý và trình bày mẫu động vật | Hướng dẫn quan sát, giải phẩu mẫu vật, thực hành. | Vở ghi chép, bút, giấy A4  Đọc tài liệu liên quan ở nhà | CLO2.1 CLO3.1 | A1.3 |
| 3 | **Bài thực hành 5** Quan sát các hệ cơ quan ở động vật | Hướng dẫn quan sát, giải phẩu mẫu vật, thực hành. | Vở ghi chép, bút, giấy A4  Đọc tài liệu liên quan ở nhà | CLO2.1 CLO3.1 | A1.3 |

**8. Nhiệm vụ của người học**

***8.1. Phần tự học***

- Nghiên cứu tài liệu, xem các slide/video/website.

- Chủ động tìm các nguồn tài liệu khác liên quan đến nội dung học phần.

- Thảo luận, trao đổi những vấn đề liên quan đến học phần với bạn học/cựu sinh viên/cán bộ tại đơn vị trải nghiệm hoặc các nguồn lực hỗ trợ khác.

- Hoàn thành các bài tập được giao trên LMS.

***8.2. Phần học trên lớp trực tiếp hoặc online với giảng viên***

- Dự lớp ≥ 80% tổng thời lượng của học phần.

- Chủ động, tích cực trong giờ học.

- Phát hiện, đưa ra câu hỏi hoặc vấn đề liên quan đến nội dung học tập.

***8.3. Thực hành***

- Tham gia đầy đủ các bài thực hành

- Tôn trọng ý kiến và chịu trách nhiệm về kết quả làm việc chung.

- Hoàn thành đầy đủ nhiệm vụ và sản phẩm thực hành được giao.

**9. Ngày phê duyệt:**

**10. Cấp phê duyệt:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **KT. HIỆU TRƯỞNG**  **PHÓ HIỆU TRƯỞNG** | **VIỆN TRƯỞNG**  **TS. Nguyễn Đình Vinh** | **TRƯỞNG BỘ MÔN**  **TS. Lê Minh Hải** |

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH**  **KHOA SƯ PHẠM NGOẠI NGỮ**  **----------------------------** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**  **-------------------------** |

## **ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN CHI TIẾT**

## **Tiếng Anh 1**

**1. Thông tin tổng quát:**

***1.1. Thông tin về giảng viên***

**Giảng viên 1**

Họ tên: **Vũ Thị Hà**

Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên chính – Tiến sĩ

Thời gian, địa điểm làm việc: Bộ môn Ngoại ngữ chuyên ngành, Khoa Sư phạm Ngoại ngữ, Trường Đại học Vinh

Địa chỉ liên hệ: Phường Đội Cung – Thành phố Vinh

Điện thoại: 0915099229 Email: vuhadhv2020@gmail.com

Hướng nghiên cứu chính: So sánh đối chiếu thành ngữ tiếng Anh – tiếng Việt

**Giảng viên 2**

Họ và tên: **Lê Thị Tuyết Hanh**

Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên chính - Tiến sĩ

Thời gian, địa điểm làm việc: Bộ môn Ngoại ngữ chuyên ngành, khoa Sư phạm Ngoại ngữ, Trường Đại học Vinh

Địa chỉ liên hệ: Phường Quang Trung – Thành phố Vinh

Điện thoại: 0898606686 Email: [hanhfran@gmail.com](mailto:hanhfran@gmail.com)

Hướng nghiên cứu chính: Phương pháp giảng dạy tiếng Anh

**Giảng viên 3**

Họ và tên: **Lê Thái Bình**

Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên – Thạc sĩ

Thời gian, địa điểm làm việc: Bộ môn Ngoại ngữ chuyên ngành, khoa Sư phạm Ngoại ngữ, Trường Đại học Vinh

Địa chỉ liên hệ: Phường Lê Lợi – Thành phố Vinh

Điện thoại: 0902225505 Email: [libisino@gmail.com](mailto:libisino@gmail.com)

Hướng nghiên cứu chính: Ứng dụng Công nghệ thông tin vào việc dạy ngoại ngữ

**Giảng viên 4**

Họ và tên: **Trần Thị Vân Anh**

Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên – Thạc sĩ

Thời gian, địa điểm làm việc: Bộ môn Ngoại ngữ chuyên ngành, khoa Sư phạm Ngoại ngữ, Trường Đại học Vinh

Địa chỉ liên hệ: Phường Quán Bàu – Thành phố Vinh

Điện thoại: 090187097 Email: [manhcuongthuyhang@gmail.com](mailto:manhcuongthuyhang@gmail.com)

Hướng nghiên cứu chính: Cú pháp học

**Giảng viên 5**

Họ và tên: **Nguyễn Thị Lành**

Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên – Thạc sĩ

Thời gian, địa điểm làm việc: Bộ môn Ngoại ngữ chuyên ngành, khoa Sư phạm Ngoại ngữ, Trường Đại học Vinh

Địa chỉ liên hệ: Phường Hưng Bình – Thành phố Vinh

Điện thoại:  0936531777 Email: [lanh100978@yahoo.com](mailto:lanh100978@yahoo.com)

Hướng nghiên cứu chính: So sánh đối chiếu

***1.2. Thông tin về học phần:***

|  |  |
| --- | --- |
| - Tên học phần (tiếng Việt): Tiếng Anh 1  (tiếng Anh): English 1 | |
| - Mã số học phần: ENG10001 | |
| - Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:  ⟏ Kiến thức cơ bản  □ Kiến thức chuyên ngành  □ **Học phần chuyên về kỹ năng chung** | □ Kiến thức cơ sở ngành  □ Kiến thức khác  □ Học phần đồ án tốt nghiệp |
| - Số tín chỉ: | 03 |
| + Số tiết lý thuyết: | 30 |
| + Số tiết thảo luận/bài tập: | 15 |
| * Số tiết thực hành: | 05 |
| * Số tiết hoạt động nhóm: | 10 |
| + Số tiết tự học: | 90 |
| - Học phần tiên quyết: |  |
| - Học phần song hành: |  |

**2.** **Mô tả học phần**

Tiếng Anh 1 là học phần ngoại ngữ bắt buộc trong chương trình đào tạo trình độ đại học cho sinh viên các ngành không chuyên ngữ. Học phần này được dạy – học theo định hướng chuẩn đầu ra bậc 3 Khung năng lực Ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (tương đương B1 khung tham chiếu châu Âu). Học phần (1) cung cấp cho sinh viên kiến thức ngôn ngữ về từ vựng, ngữ pháp, ngữ âm, (2) hỗ trợ sinh viên thực hành và phát triển các kĩ năng nghe, nói, đọc, viết tương đương bậc 3; (3) cung cấp cho sinh viên những kiến thức văn hóa xã hội của các quốc gia nói tiếng Anh và các nước trong khu vực cũng như trên thế giới; (4) phát triển các kĩ năng phát hiện và giải quyết vấn đề liên quan hình thành ý tưởng giao tiếp, xây dựng ngữ liệu giao tiếp, thực hiện hoạt động giao tiếp, cải tiến hoạt động giao tiếp bằng ngoại ngữ.

**3. Mục tiêu học phần**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Mục tiêu (Gx)**  **(1)** | **Mô tả mục tiêu**  **(2)** | **CĐR của CTĐT (X.x.x) (3)** | **TĐNL**  **(4)** |
| **CO1** | Mô tả các từ vựng liên quan đến các chủ đề quen thuộc được đề cập trong chương trình. Xác định được vấn đề ngữ pháp đơn giản, các thành tố âm tiết, ngữ âm trong các tình huống giao tiếp cơ bản | PLO3.1 | 2.0 |
| **CO2** | Phân biệt được các vấn đề ngữ pháp, nguồn từ vựng đã học trong chương trình để thực hiện các tình huống giao tiếp bằng tiếng Anh cơ bản | POL3.1 | 3.0 |
| **CO3** | Thực hiện tương tác nhóm, làm việc nhóm, phát triển nhóm, thuyết trình kết quả hoạt động nhóm bằng tiếng Anh về các chủ đề chủ đề quen thuộc, phát triển các hoạt động giao tiếp hiệu quả | POL3.1 | 3.0 |

**4. Chuẩn đầu ra học phần, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Mục tiêu (Gx.x) (1)** | | **Mô tả CĐR**  **(2)** | **Mức độ giảng dạy (I,T,U) (3)** |
| **CO1** | **CLO1.1** | Ghi nhớ được kiến thức từ vựng về các lĩnh vực quen thuộc khác nhau trong cuộc sống hàng ngày, các kiến thức ngữ âm, ngữ pháp cơ bản với độ khó tiền bậc 3 theo KNNL 6 bậc dùng cho Việt Nam. | I, T |
| **CLO1.2** | Nhận biết được các kiến thức cơ bản về văn hóa, xã hội các quốc gia trên thế giới, liên quan đến các chủ đề quen thuộc trong cuộc sống hàng ngày | I, T |
| **CLO1.3** | Viết được các loại văn bản ngắn, các dạng viết notes và email giao dịch khoảng 50 từ | T, U |
| **CLO1.4** | Liệt kê được các thông tin trong đoạn văn bản ngắn độ khó ngữ liệu tiền bậc 3 theo KNNL 6 bậc dùng cho Việt Nam. | T, U |
| **CLO1.5** | Nhận biết âm và xác định được nội dung chính từ đoạn hội thoại giao tiếp, phỏng vấn với tốc độ chậm; Nói tiếng Anh về các lĩnh vực quen thuộc trong cuộc sống hàng ngày; độ khó tiền bậc 3 theo KNNL 6 bậc dùng cho Việt Nam. | T, U |
| **CO2** | **CLO2.1** | Phân biệt được các kiến thức ngữ pháp, ngữ âm cơ bản với độ khó tiền bậc 3 theo KNNL 6 bậc dùng cho Việt Nam. | I, T |
| **CLO2.2** | Phân tích được các cấu trúc ngữ pháp cơ bản độ khó tiền bậc 3 theo KNNL 6 bậc dùng cho Việt Nam. | T, U |
| **CLO2.3** | Vận dụng các cấu trúc ngữ pháp trong tiếng Anh vào các tình huống giao tiếp cụ thể ở độ khó tiền bậc 3 theo KNNL 6 bậc dùng cho Việt Nam. | U |
| **CLO2.4** | Biết xử lý các tình huống phát sinh trong giao tiếp về các chủ đềquen thuộc trong cuộc sống hàng ngày | T, U |
| **G2.5** | Xây dựng thái độ học tập tích cực, năng lực tự học, tự nghiên cứu | I |
| **CO3** | **CLO3.1** | Hình thành, tổ chức nhóm hiệu quả bao gồm hiểu nhiệm vụ và quy trình làm việc nhóm, trách nhiệm của nhóm, điểm mạnh điểm yếu của nhóm và từng thành viên | I, T |
| **CLO3.2** | Triển khai hoạt động, tương tác nhóm hiệu quả bao gồm thiết lập mục tiêu và các công việc cần làm của nhóm, lên chương trình thực hiện một đề án, trao quyền cho các thành viên trong nhóm | T, U |
| **CLO3.3** | Làm việc hiệu quả giữa các nhóm bao gồm khả năng hợp tác giữa nhóm nhỏ, nhóm lớn | U |
| **CLO3.4** | Phát triển khả năng thuyết trình kết quả hoạt động nhóm logic, dễ hiểu bằng tiếng Anh (bao gồm chuẩn bị bài thuyết trình và phương tiện truyền thông hỗ trợ, trả lời câu hỏi một cách hiệu quả) về thông tin cá nhân và các chủ đề quen thuộc trong đời sống hàng ngày | T, U |
| **CLO3.5** | Thực hiện hoạt động giao tiếp trong các tình huống quen thuộc | U |

**5. Đánh giá học tập và các bộ tiêu chí đánh giá**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Thành phần đánh giá**  **(1)** | **Bài đánh giá**  **(2)** | **CĐR học phần (Gx.x) (3)** | **Tỷ lệ (%)**  **(4)** |
| **A1. Đánh giá quá trình** | | | **50%** |
| ***A1.1. Ý thức học tập (chuyên cần, thái độ học tập)*** | | | **10%** |
| Chuyên cần | A1.1.1. Tham gia tích cực giờ học trên lớp | CLO2.5 | 5% |
| Thái độ học tập | A1.1.2. Hoàn thành ít nhất 50% các bài tập trực tuyến phần tự học | CLO2.5 | 5% |
| ***A1.2. Hồ sơ học phần (bài tập, bài thu hoạch nhiệm vụ nhóm,…)*** | | | **20%** |
| Kiểm tra kỹ năng nghe hiểu | A1.2.1. Hoàn thành các bài tập nghe được giao trên hệ thống online (1) | CLO1.5 | 5% |
| Nhiệm vụ nhóm + kĩ năng thuyết trình | A1.2.2. Bài thu hoạch nhiệm vụ nhóm  (Thuyết trình về một chủ đề đã học trên lớp hoặc qua video) | CLO1.2, CLO1.3, CLO1.5, CLO2.3, CLO2.4, CLO2.5  CLO3.1-CLO3.4,  CLO3.5 | 10% |
| Kiểm tra kỹ năng viết luận | A1.2.3. Viết một lá thư điện tử giao dịch khoảng 50 từ về một chủ đề đã học (online) (2) | CLO1.3,CLO2.3,  CLO2.4, CLO2.5  CLO3.5 | 5% |
| ***A1.3. Đánh giá định kỳ (điểm kiểm tra định kỳ)*** | | | **20%** |
|  | A1.3.1. Kiểm tra trắc nghiệm khách quan | CLO1.1- CLO1.5, CLO2.1- CLO2.3, | 20% |
| **A2. Đánh giá cuối kỳ (điểm thi kết thúc học phần)** | | | **50%** |
| ***HP*** Lý thuyết | A2.1.Thi trắc nghiệm khách quan | CLO1.1- CLO1.5, CLO2.1- CLO2.3. | 50% |

1. *Bài listening 1của mỗi unit phần online assignment*
2. *Bài writing 2 của unit 3 phần online assignment*

**6. Nguồn học liệu**

***Giáo trình:***

[1] Hughes, J., Stephenson, H. & Dummett, P. (2015). *Life Pre-intermediate*. Asia ELT/School.

**Tài liệu tham khảo**

[1] Hughes, J., Stephenson, H. & Dummett, P. (2015). *Life Elementary* . Asia ELT/School.

[2] Hughes, J., Stephenson, H. & Dummett, P. (2015). *Life Intermediate*. Asia ELT/School.

**7. Kế hoạch dạy học**

*Phương tiện hỗ trợ giảng dạy*: bảng, phấn, máy chiếu, máy tính, loa, phần mềm LIFE online

*Cách thức kiểm tra đánh giá kết quả tự học*: Thông qua các bài tập trên phần mềm Self-study và assignments. Ngoài ra GV có thể kiểm tra bài tập về nhà, các bài kiểm tra tại lớp, nhiệm vụ nhóm.

| **Tuần**  **(1)** | **Nội dung**  **(2)** | **Gợi ý hình thức tổ chức dạy học (3)** | **Hoạt động của SV**  **(4)** | **CĐR học phần**  **(5)** | **Bài đánh giá (6)** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | **1. Course introduction**  1.1. Requirements and Assessment  1.2. Online class sign in  1.3. Group devision | Lecturing  Discussion | - Getting a copy of the textbook (Life - Pre-intermediate)  - Logining into online class  - Joining one’s group | CLO2.5  CLO3.1 | A1.1.1 |
| **2. Unit 1**  **2.1. 1a: How well do you sleep**  2.1.1. Reading and speaking  2.1.2. Grammar: Present simple and Adverbs of frequency  2.1.3. Pronunciation: /s/, /z/, or /iz/  3.1.4. Practice | Individual work  Pair work  Question and aswer | - working with a partner to ask and answer the quiz  - Listening to the quiz and checking with the teacher.  -Doing grammar exercises and pronunciation practice | CLO1.1  CLO1.2  CLO1.4  CLO1.5  CLO2.1  CLO2.3  CLO2.5 | A1.1.1  A1.1.2 |
| 2 | **2.2. 1b: The secret of long life**  2.2.1. Reading: the secret of long life  2.2.2. Vocabulary: do, play, go  2.2.3. Grammar: Present simple and present continuous  2.2.4. Practice  **2.3. 1c: Health and Happiness**  2.3.1. Reading: measuring Health and Happiness  2.3.2. Word focus: Feel  2.3.3. Critical thinking: the main argument | Lecturing  Individual work  Pair work  Group work | - Reading about the secret of long life/ health and happiness and answering the given questions and checking with friends and then the teacher.  - Doing grammar exercises to identify the form and use of verb tenses: present simple and present continuos  - Developing critical thinking skill through reading tasks | CLO1.1  CLO1.2  CLO1.4  CLO1.5  CLO2.1  CLO2.2  CLO2.3  CLO2.4  CLO2.5  CLO3.2  CLO3.3  CLO3.4  CLO3.5 | A1.1.1  A1.1.2 |
| 3 | **2.4. 1d: At the doctor’s**  2.4.1. Vocabulary: medical problems  2.4.2. Pronunciation and spelling  2.4.3. Real life: Talking about illness  **2.5. 1e: medical advice online**  2.5.1. Writing: Online advice  2.5.2. Writing skill: conjunctions (and. Or, but, so)  2.5.3. Speaking: giving advice  **2.6. 1f: Slow food (optional)**  **2.7. Review** | Lecturing  Individual work  Online writing  Role play | -Getting to know and finding out the meaning of medical vocabulary  - Practising Pronunciation -with each others  - Listening to 2 conversations at a pharmacy and at a doctor’s  - Playing the role of doctor and patient to talk about medical problems and give advice  - writing about medical problems by using conjunctions  - writing online advice and post it into class gmail  - Revising language knowledge and language skills learnt in the whole unit | CLO1.1  CLO1.2  CLO1.3  CLO1.5  CLO2.1  CLO2.2  CLO2.3  CLO2.4  CLO2.5  CLO3.5 | A1.1.1  A1.1.2  A1.2.1 |
| 4 | **3. Unit 2: Competitions**  **3.1. 2a: Competitive sports**  3.1.1. Grammar: Verb\_ing forms/ like\_ing/ would like to  3.1.2. Pronunciation:  3.1.3. Vocabulary and listening: talking about sports  3.1.4. Speaking: ambitions for the future  3.1.5. Practice | Lecturing  Discussion/ group work  Individual work | - Identifying the difference in use between Verb-ing form and would like to by practising doing grammar exercises  - Practising pronunciation  - working with groups and tak about sports/ favorite sports  - Practising listening  - Talking about ambitions | CLO1.1  CLO1.2  CLO1.5  CLO2.1  CLO2.2  CLO2.3  CLO2.4  CLO2.5  CLO3.2  CLO3.3  CLO3.4  CLO3.5 | A1.1.1  A1.1.2 |
| 5 | **3.2. 2c: Crazy competitions**  3.2.1. Grammar: Modal verbs  3.2.2. Vocabulary: competitions  3.2.3. Speaking: describing a competition  **3.3. 2c: Bolivian wrestlers**  3.3.1. Reading: Bolivian wrestlers  3.3.2. Word focus: like | Lecturing  Group work  Presentation | Think – pair - share  - Finding the meaning and use of competition vocabulary  - working in group to describe a competition  - Presenting in front of the class  - Reading the article “Bolivian wrestlers” and answering given questions  - differentiating the use of the verb “like”  - developing critical thinking through reading questions | CLO1.1  CLO1.2  CLO1.4  CLO1.5  CLO2.1  CLO2.2  CLO2.3  CLO2.5  CLO3.2  CLO3.3  CLO3.4  CLO3.5 | A1.1.1  A1.1.2 |
| 6 | **3.3. 2d: Joining a club**  3.3.1. Speaking: joining a club  3.3.2. Real life: talking about interests  3.3.3. Pronunciation: silent letters  **3.4. 2e: Advertising for members**  3.4.1. Writing: an advert or notice  3.4.2. Writing skill: checking your writing  **3.5. 2f: Cheese rolling (optional)**  **3.6. Review** | Lecturing  Group work  Pair work  Individual work | - talking with friends about experience of joining a club.  - Talking one’s interests  - Practice pronunciation  - writing an advert or notice and peer checking  - Doing grammar and vocabulary exercises  - Revising language knowledge and language skills learnt in the whole unit | CLO1.1  CLO1.2  CLO1.3  CLO1.5  CLO2.2  CLO2.3  CLO2.4  CLO2.5  CLO3.2  CLO3.3  CLO3.5 | A1.1.1  A1.1.2  A1.2.1 |
| **Kiểm tra giữa kì** | | | | CLO1.1- CLO1.5, CLO2.1- CLO2.3, | A1.3.1 |
| 7 | **4. Unit 3: Transport**  **4.1. 3a: Transport in the future**  4.1.1. Reading: Transport in the future  4.1.2. Vocabulary: Transport 1: nouns  4.1.3. Grammar: comparartive and superlative  4.1.4. Practice  4.1.5. Listening  4.1.6. Pronunciation: than  4.1.7. Speaking and writing: questionnaire | Lecturing  Individual work  Pair work | - Read about transport in the future  - Finding out the differences between words relating to transport  - Doing grammar exercies  - Asking and answering the questionnaire, then writing down information from questionnaire | CLO1.1  CLO1.2  CLO1.3  CLO1.4  CLO1.5  CLO2.1  CLO2.2  CLO2.3  CLO2.5  CLO3.5 | A1.1.1  A1.1.2 |
| 8 | **4.2. 3b: Animal Transport (Optional)**  4.2.1. Grammar: As..as  4.2.2. Listening  4.2.3. Reading: the best way to travel  **4.3. 3c: Last days of the ricksaw**  4.3.1. Reading: Last days of the ricksaw  4.3.2. Vocabulary: Transport 2: verbs  4.3. 3 Critical thinking: reading between the lines | Individual work  Pair work  Group work | - Doing grammar exercises with “as…as”  - Reading the best way to travel/ last days of ricksaw  - Indentifying the differences between verbs relating to transports  - Developing crtitical thinking thorugh reading tasks | CLO1.1  CLO1.2  CLO1.4  CLO1.5  CLO2.1  CLO2.2  CLO2.3  CLO2.4  CLO2.5  CLO3.2  CLO3.3  CLO3.4  CLO3.5 | A1.1.1  A1.1.2 |
| 9 | **4.4. 3d: Getting arounf the town**  4.4.1. Vocabulary and listening: taking transport  4.4.2. Pronunciation: Intonation  **4.5. 3e: Quick communication**  4.5.1. Writing: Notes and messages  4.5.2. Writing skill: writing in note form  **4.6. 3f: Indian Railways (optional)**  **4.7. Review** | Lecturing  Individual work  Pair work  Group work | - Identifying the appropriate expressions/ sentences to use when taking a transport  - Recognizing the rules of writing a note/ message  - Writing a note/ message to a friend in a given situation  - Revising language knowledge and language skills learnt in the whole unit | CLO1.1  CLO1.2  CLO1.3  CLO1.5  CLO2.3  CLO2.4  CLO2.5  CLO3.2  CLO3.4  CLO3.5 | A1.1.1  A1.1.2  A1.2.1  A1.2.3. |
| 10 | **5. Unit 4: Adventure**  **5.1. 4a: Aventure of the year**  5.1.1. Grammar: Past Simple  5.1.2. Practice  5.1.3. Pronunciation: /d/, /t/ or /id/  5.1.4. Speaking: asking about partners’ pasts  **5.2. 4b: The survivors**  5.2.1. Grammar: Past Continous  5.2.2. Practice | Lecturing  Individual work  Pair work | - Recognizing the form, use and meaning of verbs used in past simple and past continous.  - Doing grammar exercices relating to past simple and past continuous to identify the differences between the uses of these tenses.  - Practising Pronunciation  - Working with group members and talking about the past | CLO1.1  CLO1.2  CLO1.5  CLO2.1  CLO2.2  CLO2.3  CLO2.4  CLO2.5 | A1.1.1  A1.1.2 |
| 11 | 5.2.3. Vocabulary and speaking:  Personal qualities  5.2.4. Speaking: Past events  **5.3. 4c: The right decision**  5.3.1. Reading: The right decision  5.3.2. Vocabulary: Geographical features/ on, in, at for time expressions  5.3.3. Critical thinking: identifying opinion | Lecturing  Individual work  Games  Group work | - Identifying the form, meaning and use of vovabulary about personalities  - Participating in guessing games (a classmate will describe any one in the class and all the other students try to find out who is that person)  - Reading the text individually to answer the questions and discussing with friends about the answer.  - Developing the critical thinking skill: identifying opinion, through the reading task  - Recognizing the use of preposition and practising with exercises. | CLO1.1  CLO1.2  CLO1.4  CLO1.5  CLO2.2  CLO2.3  CLO2.4  CLO2.5  CLO3.2  CLO3.3  CLO3.4  CLO4.5 | A1.1.1  A1.1.2 |
| 12 | * 1. **4d**: **A happy ending**      1. Listening: Real life      2. Pronunciation: Intonation for responding      3. Speaking: Telling a story   2. **4e: A story of survival**      1. Writing: a true story      2. Writing skill: using –ly adverbs in stories   3. **4f: Alaskan ice climbing (optional)**   4. **Review** | Lecturing  Group work  Presentation | * Identifying the information of camping trip through listening * Working in groups and making a story by sequencing the story. * Working in pair and practising conversations by using expressions to react to good news and bad news * Writing their own stories by using adverb\_ly * Presenting the stories in front of the class | CLO1.1  CLO1.2  CLO1.3  CLO1.5  CLO2.3  CLO2.4  CLO2.5  CLO3.2  CLO3.3  CLO3.4  CLO3.5 | A1.1.1  A1.1.2  A1.2.1 |
| **Hết tín chỉ 2** | | | | |  |
| 13 | 1. U**nit 5: The environment**   6.1. 5a: Recycling  6.1.1. Vocabulary: household items  6.1.2. Listening  6.1.3. Grammar: Quantifiers  6.1.4. Practice  6.1.5. Reading: E-rubbish  **6.2. 5b: The Greendex**  6.2.1. Grammar: definite articles (the) or no article  6.2.2. Practice | Lecturing  Pair work  Individual work | - Recognizing the form, meaning and use of vocabulary about household items and recycling objects  - Identifying the differences between countable nouns and uncountable nouns through exercises  - Working with friends and doing grammar exercise to practice using appropriate quantifiers  - Using appropriate articles in sentences thanks to the ability of recognizing the differences in use and meaning. | CLO1.1  CLO1.2  CLO1.4  CLO1.5  CLO2.1  CLO2.2  CLO2.3  CLO2.4  CLO2.5 | A1.1.1  A1.1.2 |
| Presentation | Groupwork | Presentation in groups | CLO1.2 CLO1.3 CLO1.5 CLO2.3 CLO2.4 CLO2.5  CLO3.2-CLO3.4,  CLO3.5 | A1.2.2 |
| 14 | 6.2.3. Vocabulary: results and figures  6.2.4. Pronunciation: /ðə/ or /ði:/  **6.3. 5c: A boat made of bottles**  6.3.1. Reading: A boat made of bottles  6.3.2. Critical thinking: close reading  6.3.3. Word focus: take   * 1. **5d: Online shopping**   6.4.1. Real life: Phoning about an order  6.4.2. Pronunciation: Sounding friendly | Individual work  Role play  Group work | - Practising Pronunciation and recognizing the difference between two sounds  - Reading the text “a boat made of bottles” individually and answer the related questions  - developing the critical thinking through answering reading questions  - Doing exercises to identifying the use of the verb “take”  - Role playing to practice a phone call and trying to sound friendly | CLO1.1  CLO1.2  CLO1.4  CLO1.5  CLO2.3  CLO3.2  CLO3.3  CLO3.4  CLO3.5 | A1.1.1  A1.1.2  A1.2.1 |
| 15 | * 1. **5e: Problem with an order**      1. Writing: emails      2. Writing skill: formal language   2. **5f: Coastal clean-up**      1. Watching the video      2. Speaking: Role-play   3. **Review** | Individual work  Role play  Group work | - Identifying the differences between formal and informal langangue used in an email through doing exercises  - writing an intereactive email in an given situation  - watching the video about the coastal clean-up  - Roleplay a conversation about the environment | CLO1.3  CLO1.5  CLO2.3  CLO2.4  CLO2.5  CLO3.2  CLO3.3  CLO3.4 | A1.1.1  A1.1.2 |
| **Hết tín chỉ 3 – Thi cuối kì** | | | | CLO1.1- CLO1.5, CLO2.1- CLO2.3 | A2.1 |

**8. Nhiệm vụ của người học**

***8.1. Phần tự học***

- Nghiên cứu tài liệu, xem các slide/video bài giảng.

- Chủ động tìm các nguồn tài liệu tham khảo liên quan đến nội dung học phần.

- Nghiêm túc, tự giác trong việc tự học và làm bài tập ở nhà.

- Thảo luận, trao đổi những vấn đề liên quan đến học phần với bạn học/ hoặc các nguồn lực hỗ trợ khác.

- Hoàn thành các bài tập được giao trên LMS.

***8.2. Phần học trên lớp trực tiếp hoặc online với giảng viên***

- Dự lớp ≥ 80% tổng thời lượng của học phần.

- Chủ động, tích cực trong giờ học; có đề xuất/ sáng kiến về cách học tập tốt.

- Phát hiện, đưa ra câu hỏi hoặc vấn đề liên quan đến nội dung học tập.

***8.3. Làm bài thảo luận học phần***

- Tham gia 80%-100% các buổi làm việc nhóm, thảo luận hoàn thành bài thảo luận của nhóm.

- Tham gia tích cực các hoạt động thảo luận

- Tuân thủ các quy định của giáo viên và của nhóm.

- Hoàn thành đầy đủ nhiệm vụ học tập được giao.

**9. Ngày phê duyệt:**

**10. Cấp phê duyệt:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **KT. HIỆU TRƯỞNG**  **PHÓ HIỆU TRƯỞNG** | **TRƯỞNG KHOA** | **TRƯỞNG BỘ MÔN** |
|  |  |  |

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH**  **TRƯỜNG SƯ PHẠM**  **KHOA GIÁO DỤC CHÍNH TRỊ**  **----------------------------** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**  **-------------------------** |

## **ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN CHI TIẾT**

## **Triết học Mác – Lênin**

***1.1. Thông tin về giảng viên***

**Giảng viên 1:****Nguyễn Thái Sơn**

Chức danh, học hàm, học vị:GVCC. PGS.TS

Thời gian, địa điểm làm việc: Khoa GDCT, Trường Sư Phạm; Trường Đại học Vinh.

Địa chỉ liên hệ: 182 Lê Duẩn, TP Vinh, tỉnh Nghệ An

Điện thoại: 0916152529 Email:[ntsdhv@gmail.com](mailto:ntsdhv@gmail.com)

Hướng nghiên cứu chính: Triết học; Lịch sử triết học; Logic học.

**Giảng viên 2: Trần Viết Quang**

Chức danh, học hàm, học vị:GVCC. PGS.TS

Thời gian, địa điểm làm việc: Khoa Chính trị và Báo Chí, Trường KHXH&NV; Trường Đại học Vinh.

Địa chỉ liên hệ: 182 Lê Duẩn, TP Vinh, tỉnh Nghệ An

Điện thoại: 09126271109 Email: quangtv@vinhuni.edu.vn

Hướng nghiên cứu chính: phép biện chứng, nhận thức luận, lôgíc biện chứng; phương pháp giảng dạy triết học.

**Giảng viên 3: Phạm Thị Bình**

Chức danh, học hàm, học vị:GVCC. TS

Thời gian, địa điểm làm việc: Khoa Chính Trị - Báo Chí, Trường KHXH&NV; Trường Đại học Vinh

Địa chỉ liên hệ: 182 Lê Duẩn, TP Vinh, tỉnh Nghệ An

Điện thoại: 0983551387 Email: phamthibinhdhv@gmail.com

Các hướng nghiên cứu chính:một số vấn đề triết học, văn hóa lãnh đạo và quản lý

**Giảng viên 4: Nguyễn Văn Sang**

Chức danh, học hàm, học vị:GVC.TS

Thời gian, địa điểm làm việc: Khoa GDCT, Trường Sư Phạm; Trường Đại học Vinh.

Địa chỉ liên hệ: 182 Lê Duẩn, TP Vinh, tỉnh Nghệ An

Điện thoại: 0984980988 Email: Sangnv@vinhuni.edu.vn

Hướng nghiên cứu chính: Triết học Mác – Lênin, Lịch sử triết học, Logic học

**Giảng viên 5: Trương Phương Thảo**

Chức danh, học hàm, học vị:GV.TS

Thời gian, địa điểm làm việc: Khoa Chính Trị - Báo Chí, Trường KHXH&NV; Trường Đại học Vinh

Địa chỉ liên hệ: 182 Lê Duẩn, TP Vinh, tỉnh Nghệ An

Điện thoại: 0912488444 Email: [thaottp\_gdct@vinhuni.edu.vn](mailto:thaottp_gdct@vinhuni.edu.vn)

Hướng nghiên cứu: Triết học Mác, triết học hiện sinh, vấn đề con người, nguồn nhân lực, đạo đức, mỹ học Mác - Lênin

**Giảng viên 6:Lê Thị Nam An**

Chức danh, học hàm, học vị:GV, ThS

Thời gian, địa điểm làm việc: Khoa GDCT, Trường Sư Phạm; Trường Đại học Vinh

Địa chỉ liên hệ: 182 Lê Duẩn, TP Vinh, tỉnh Nghệ An

Điện thoại: 0911215181 Email: namandhv@gmail.com

Hướng nghiên cứu chính: Triết học Mác – Lênin, Đạo đức học, Logic học

**Giảng viên 7:Phan Huy Chính**

Chức danh, học hàm, học vị:GVC. ThS

Thời gian, địa điểm làm việc: Khoa GDCT, Trường Sư Phạm; Trường Đại học Vinh

Địa chỉ liên hệ: 182 Lê Duẩn, TP Vinh, tỉnh Nghệ An

Điện thoại: 0915233880 Email: phanhuychinh@yahoo.com

Hướng nghiên cứu chính: Triết học Mác – Lênin, Lịch sử triết học, Logic học

***1.2. Thông tin về học phần:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| - Tên học phần (tiếng Việt): **Triết học Mác – Lênin**  (tiếng Anh): **Marxist - Leninist Philosophy** | | |
| - Mã số học phần: POL11001 | | |
| - Thuộc CTĐT ngành: | | |
| - Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:  ☑ Kiến thức đại cương  Kiến thức cơ sở ngành  Kiến thức ngành | Học phần chuyên về kỹ năng chung  Kiến thức khác | |
| - Thuộc loại học phần: ☑ Bắt buộc | Tự chọn | |
| - Số tín chỉ: 03 | |  |
| + Số tiết lý thuyết: 30 | |  |
| + Số tiết thảo luận/bài tập: 15 | |  |
| + Số tiết thực hành: 0 | |  |
| + Số tiết tự học: 90 | |  |
| - Điều kiện đăng ký học: | |  |
| + Học phần tiên quyết: | | Mã số HP: |
| + Học phần học trước: | | Mã số HP: |
| - Yêu cầu của học phần: Thực hiện theo Quy chế đào tạo của Trường Đại học Vinh. Cụ thể:  + Thời gian tối thiểu sinh viên phải có mặt trên lớp: 80% số tiết  + Sinh viên phải nộp đầy đủ bài tập, báo cáo qua hệ thống LMS (Mục 5.1). + Tham gia đầy đủ các bài thảo luận, thực hành. | | |
| - Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Triết học - Khoa Giáo dục Chính trị - Trường Sư phạm – Trường Đại học Vinh  Điện thoại: Email: | | |

**2. Mô tả học phần**

Học phần Triết học Mác - Lênin là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức đại cương của các ngành đào tạo trình độ đại học.

Học phần có 3 chương, bao gồm hệ thống tri thức về Triết học và Triết học Mác – Lênin, về chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử. Trên cơ sở đó, định hướng xây dựng và hình thành thế giới quan khoa học và phương pháp luận biện chứng cho sinh viên, giúp sinh viên phát triển năng lực tư duy biện chứng, nhận thức được thực chất cuộc cách mạng trong triết học do C.Mác và Ph. Ăngghen thực hiện và các giai đoạn hình thành phát triển của Triết học Mác – Lênin; vai trò của Triết học Mác – Lênin trong đời sống xã hội và trong thời đại hiện nay; giúp sinh viên phản triển năng lực tư duy phản biện, biết vận dụng tri thức đã học làm cơ sở cho việc đấu tranh chống lại những luận điểm sai trái, phủ nhận sự hình thành, phát triển của triết học Mác –Lênin, cũng như bản thân các nguyên lý cơ bản của Triết học Mác –Lênin; có bản lĩnh chính trị vững vàng vào bản chất khoa học và cách mạng của Chủ nghĩa Mác - Lênin nói chung, Triết học Mác - Lênin nói riêng.

**3. Mục tiêu học phần**

**- CO1:** Trang bị cho sinh viên những tri thức cơ bản về triết học Mác - Lênin, từ vận dụng vào nghiên cứu khoa học chuyên ngành và thực tiễn xã hội.

**- CO2:** Bồi dưỡng phẩm chất chính trị, đạo đức, hình thành ở sinh viên năng lực vận dụng những nguyên tắc phương pháp luận của CNDVBC và CNDVLS vào nhận thức và thực tiễn.

- **CO3:** Rèn luyện cho sinh viên kỹ năng phân tích các vấn đề của đời sống chính trị, xã hội và tư tưởng, từ đó có thể phản biện được những luận điểm sai trái, phủ nhận sự hình thành, phát triển của triết học Mác – Lênin, cũng như bản thân các nguyên lý cơ bản của Triết học Mác – Lênin.

**4. Chuẩn đầu ra học phần, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá**

***4.1. Ánh xạ chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra chung các môn lý luận chính trị***

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **CĐR học phần** | **Ánh xạ với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo** | | | | | | | | | | | |
| PLO1.1 | | | PLO1.2 | | | PLO2.1 | | | PLO2.2 | | |
| 1.1.1 | 1.1.2 | … | 1.2.1 | 1.2.2 | … | 2.1.1 | 2.1.2 | …. | 2.2.1 | 2.2.2 | …. |
| CLO1.1 | 1,0 | 1,0 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO2.1 |  |  |  |  |  |  | 1,0 |  |  |  |  |  |
| CLO2.2 |  |  |  |  |  |  |  |  |  | 1,0 |  |  |

***4.2. Nội dung chuẩn đầu ra***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **CĐR học phần** | **Mức độ năng lực CĐR**  **học phần** | **Mô tả CĐR** | **Phương pháp dạy học** | **Phương pháp đánh giá** |
| CLO1.1 | K3 | **Giải thích** được những tri thức cơ bản về triết học Mác – Lênin | Thuyết trình | Trắc nghiệm |
| CLO1.2 | K3 | **Vận dụng** lý luận triết học Mác - Lênin vào nhận thức khoa học và thực tiễn xã hội | Thuyết trình, thảo luận nhóm | Trắc nghiệm; Bài tập nhóm |
| CLO2.1 | S2 | **Thể hiện** bản lĩnh chính trị, lập trường tư tưởng vững vàng, đạo đức trong sáng | Tự học, thảo luận nhóm | Bài tập nhóm |
| CLO2.2 | A3 | **Có khả năng** vận dụng những nguyên tắc phương pháp luận của CNDVBC và CNDVLS vào nhận thức và thực tiễn; **phê phán,** đấu tranh chống luận điệu sai trái của chủ nghĩa duy tâm, chủ nghĩa nghĩa duy vật trước C.Mác | Tự học, thảo luận nhóm, | Quan sát;  Tự luận |

**5. Đánh giá học tập và các bộ tiêu chí đánh giá**

***5.1. Đánh giá học tập***

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Bài đánh giá** | **Hình thức đánh giá và lưu hồ sơ** | **Công cụ**  **đánh giá** | **CĐR học phần** | **Tỷ lệ cho bài đánh giá** | | **Tỷ lệ**  **cho học phần** | |
| **A1. Đánh giá thường xuyên** | | | | |  | | **50%** | |
| A1.1 | - Chuyên cần  - Ý thức, thái độ học tập | Rubric 1 | CLO1.1 | 30% | | 10% | |
| CLO1.2 | 20% | |
| CLO2.1 | 30% | |
| CLO2.2 | 20% | |
| A1.2 | - Bài tập cá nhân; SV nộp bài qua LMS; GV đánh giá và lưu hồ sơ | Đáp án | CLO1.1  CLO1.2 | 40% | | 20% | |
| - Seminar; nhóm trưởng nộp báo cáo qua LMS; GV đánh giá và lưu hồ sơ | Rubric 2 | CLO2.1  CLO2.2 | 40%  20% | |
| A1.3 | Bài thi trắc nghiệm; TT Đảm bảo chất lượng tổ chức thi và lưu hồ sơ | Đáp án | CLO1.1  CLO1.2 | 100% | | 20% | |
| **A2. Đánh giá cuối kỳ** | | | | |  | | **50%** | |
| A2 | Bài thi trắc nghiệm; TT Đảm bảo chất lượng tổ chức thi và lưu hồ sơ | Đáp án | CLO1.1 | 30% | |  | |
| CLO1.2 | 20% | |
| CLO2.1 | 30% | |
| CLO2.2 | 20% | |
| **Công thức tính điểm học phần:** (A1.1+A1.2\*2+A1.3\*2+A2\*5)**/**10 | | | | |  | |  | |

***5.2. Các bộ tiêu chí đánh giá***

***5.2.1. Rubric 1: Đánh giá bài A1.1***

***Rubric 1: Đánh giá bài A1.1 (10%)***

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí đánh giá** | **Mức độ đánh giá** | | | | | **Trọng số** |
| **A (8.5-10)** | **B (7.0-8.4)** | **C (5.5-6.9)** | **D (4.0-5.4)** | **F (0-3.9)** |
| **Tham gia nghe giảng elearning và tham gia học trực tiếp tại các buổi học** | - Nghe 100% bài giảng SCORM,  - Tham gia 100% tổng số giờ lên lớp quy định  - Tích cực phát biểu xây dựng bài | - Nghe trên 90% bài CORM;  - Tham gia trên 90% tổng số giờ lên lớp quy định  - Có phát biểu xây dựng bài | - Nghe trên 80% bài CORM;  - Tham gia trên 80% tổng số giờ lên lớp quy định  - Không phát biểu xây dựng bài | - Nghe dưới 80% bài CORM;  - Tham gia dưới 80% tổng số giờ lên lớp quy định  - Không phát biểu xây dựng bài | - Nghe 100% bài giảng SCORM,  - Tham gia 100% tổng số giờ lên lớp quy định  - Tích cực phát biểu xây dựng bài | 70% |
| **Tham gia các hoạt động trên lớp (bài tập tại lớp, thảo luận nhóm, phát biểu, trình bày báo cáo,…)** | Tích cực  tham gia làm bài tập; thảo luận;  phát biểu  (>=N) (N  được tính 100% hoạt động) | Thường xuyên tham gia làm bài tập; thảo luận; phát biểu (~75%N  hoạt động) | Có tham gia làm bài tập; thảo luận;  phát biểu (~50%N  hoạt động) | Ít tham gia làm bài tập; thảo luận; phát biểu  (~25%N  hoạt động) | Không tham gia các hoạt động trên lớp | 30% |

***5.2.2. Rubric 2: Đánh giá bài A1.2***

***Đánh giá bài A1.2 (20%)***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí đánh giá** | **Mức độ đánh giá** | | | | **Trọng số** |
| **A**  **(8.5-10)** | **B**  **(7.0-8.4)** | **C**  **(5.5-6.9)** | **D**  **(4.0-5.4)** |
| **Bài tập cá nhân; SV nộp bài qua LMS** | - Hoàn thành tốt bài tập, đúng tiến độ.  - Nội dung thể hiện rõ sự nhìn nhận khách quan, đúng đắn đối với vấn đề đặt ra, có chất lượng nội dung rất tốt,  - Kết cấu đúng yêu cầu, hợp lý, logic  - Hình thức đẹp, đúng quy định, không có lỗi chính tả. | - Hoàn thành trên 80% nội dung bài tập, đúng tiến độ.  - Nội dung thể hiện sự nhìn nhận khách quan đúng đắn đối với vấn đề đưa ra;  - Kết cấu đúng yêu cầu, khá hợp lý, lôgic | - Hoàn thành trên 50% nội dung bài tập, đúng tiến độ.  - Nội dung thể hiện sự nhìn nhận khách quan đúng đắn đối với vấn đề đưa ra;  - Kết cấu đúng yêu cầu, nhưng chưa hợp lý, lôgic  - Hình thức đúng quy định. có lỗi chính tả chính tả. | 50% nội dung bài tập, chậm tiến độ  - Nội dung thể hiện sự nhìn nhận khách quan đúng đắn đối với vấn đề đưa ra;  - Kết cấu chưa đúng yêu cầu, không hợp lý, lôgic  - Hình thức chưa đúng quy định, còn nhiều lỗi chính tả. | 40% |
| **Thảo luận nhóm, hợp tác nhóm** | - Thu thập và đưa ra nhiều tài liệu liên quan đề tài  - Đưa ra  những ý  tưởng rõ  ràng, liên quan đến đề tài;  - Luôn lắng nghe, chia sẻ và ủng hộ những nỗ lực của thành viên trong nhóm  - Giải quyết tốt mục tiêu, nhiệm vụ vấn đề thảo luận.  - Lập luận logic chặt chẽ, đưa ra được những minh chứng thuyết phục.  - Rút ra được kêt luận đúng đối với vấn đề thảo luận.  - Trình bày mạch lạc, rõ ràng,  - Tranh luận hiệu quả, phản bác được các ý kiến sai trái. | - Thu thập thông tin cơ bản về đề tài  - Thỉnh thoảng đưa ra những ý tưởng liên quan đến đề tài  - Có lắng nghe, chia sẻ trong nhóm;  - Giải quyêt khá tốt mục tiêu, nhiệm vụ vấn đề thảo luận.  - Lập luận khá chặt chẽ, đưa ra được những minh chứng thuyết phục.  - Rút ra được kêt luận đúng đối với vấn đề thảo luận.  Trình bày khá mạch lạc, rõ ràng.  - Có tranh luận, nhưng không phản bác các ý kiến sai trái | - Chỉ thu thập thông tin khi có yêu cầu  - Ít khi đưa ra ý tưởng liên quan đến đề tài  - Có 3-4 lần tham gia  thảo luận nhóm và  bình luận  - Không giải quyết được mục tiêu, nhiệm vụ vấn đề thảo luận.  - Lập luận không rõ ràng, không có minh chứng.  - Không đưa ra quan điểm đúng đối với vấn đề thảo luận.  - Trình bày không mạch lạc, rõ ràng.  - Không tranh luận, phản bác lại các ý kiến trái chiều | - Không thu thập thông tin  - Có đưa ra ý tưởng nhưng không liên quan đến đề tài  - Có 1-2 lần tham gia  thảo luận nhóm và  bình luận | 40 |
| **Tổ chức nhóm** | Phân công nhiệm vụ rõ ràng, tương tác giữa các thành viên trong nhóm tốt | Phân công nhiệm vụ cụ thể, tương tác giữa các thành viên chưa cao | Phân công nhiệm vụ chưa rõ, sự tương tác giữa các thành viên kém | Phân công nhiệm vụ không rõ ràng, chưa có sự tương tác giữa các thành viên | 20% |

**6. Tài liệu học tập**

***6.1. Giáo trình:***

Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Giáo trình triết học Mác - Lênin,* Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021.

***6.2. Tài liệu tham khảo:***

Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Giáo trình triết học Mác - Lênin,* Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2006.

**7. Kế hoạch dạy học**

***Lý thuyết:***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tuần, số tiết** | **Nội dung** | **Hình thức tổ chức dạy học** | **Yêu cầu SV chuẩn bị** | **CĐR học phần** | **Bài đánh giá** |
| 1  (3 tiết) | Chương 1. Khái luận về triết học và triết học Mác- Lênin  1.1. Triết học và vấn đề cơ bản của triết học  1.2. Triết học Mác- Lênin và vai trò của triết học Mác- Lênin trong đời sống xã hội  *1.2.1. Sự ra đời và phát triển của triết học Mác- Lênin* | - GV sử dụng các phương pháp dạy học gợi mở, vấn đáp; thuyết trình.  - Tự học: GV hướng dẫn SV nghe bài giảng Elearning; hướng dẫn nghiên cứu nội dung tự học | - Đọc giáo trình [1] tr 12-95; nghiên cứu các nội dung tự học  - Nghe bài giảng Elearning  - Tham gia vấn đáp.  - Chuẩn bị câu hỏi thảo luận. | - CLO1.1  - CLO1.2  - CLO2.1  - CLO2.2 | A1.1  A1.2  A1.3  A2 |
| 2  (3 tiết) | *1.2.2. Đối tượng và chức năng của triết học Mác- Lênin*  *1.2.3. Vai trò của triết học Mác- Lênin trong đời sống xã hội và trong sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam* | - Lý thuyết: Thuyết giảng các nội dung cơ bản của tuần học  - Tự học: SV nghe bài giảng trên E-learning, đọc giáo trình, làm bài test nhanh và chuẩn bị nội dung thảo luận. | - SV nghe giảng và trả lời các câu hỏi TNKQ trên E-learning  - Đọc giáo trình triết học Mác- Lênin (tr.95-115).  - Trả lời câu hỏi ôn tập và gửi lên LMS. | - CLO1.1  - CLO1.2  - CLO2.1  - CLO2.2 | A1.1  A1.2  A1.3  A2 |
|  | Thảo luận nhóm nội dung Chương 1 (1 tiết) | - Hoạt động thảo luận nhóm  + Các nhóm thống nhất nội dung được phân công và thuyết trình trước lớp.  + Các nhóm nhận xét và đặt câu hỏi.  + Giáo viên nhận xét và tổng kết vấn đề thảo luận. | - Đọc giáo trình , tài liệu tham khảo  - Chuẩn bị câu hỏi thảo luận nhóm  - Thực hiện thảo luận nhóm | CLO1.1  CLO1.2  CLO2.1  CLO2.2 | A1.1  A1.2  A1.3  A2 |
| 3  (3 tiết) | **Chương 2. Chủ nghĩa duy vật biện chứng**  2.1.Vật chất và ý thức  *1.1.1.Vật chất và phương thức tồn tại của vật chất* | - Lý thuyết: Thuyết giảng các nội dung cơ bản của chương 2.  - Tự học: SV nghe bài giảng trên E-learning, đọc giáo trình, làm bài test nhanh và chuẩn bị nội dung thảo luận. | - SV nghe giảng và làm bài test nhanh trên E-learning.  - Đọc Giáo trình triết học Mác- Lênin (tr.117-149) để hiểu được quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng về vật chất; các hình thức, phương thức tồn tại của vật chất; tính thống nhất vật chất của thế giới. | - CLO1.1  - CLO1.2  - CLO2.1  - CLO2.2 | A1.1  A1.2  A1.3  A2 |
|  | *1.1.2. Nguồn gốc, bản chất và kết cấu của ý thức*  *1.1.3. Mối quan hệ giữa vật chất và ý thức* | - Lý thuyết: Thuyết giảng các nội dung cơ bản của chương 2. - GVsử dụng các phương pháp dạy học gợi mở, vấn đáp; thuyết trình.  - Tự học: GV hướng dẫn SV nghiên cứu nội dung tự học  - Tự học: SV nghe bài giảng trên E-learning, đọc giáo trình, làm bài test nhanh và chuẩn bị nội dung thảo luận. | - SV nghe giảng và làm bài test nhanh trên E-learning.  - Đọc giáo trình triết học Mác- Lênin (tr.149-182) để hiểu được nguồn gốc, bản chất của ý thức; mối quan hệ biện chứng giữa vật chất và ý thức.  - Trả lời câu hỏi thảo luận. | - CLO1.1  - CLO1.2  - CLO2.1  - CLO2.2 | A1.1  A1.2  A1.3 |
| 4  (3 tiết) | **Chương 2. Chủ nghĩa duy vật biện chứng**  2.2.1. Hai nguyên lý, sáu cặp phạm trù và ba quy luật cơ bản của phép biện chứng duy vật  2.2.2. Sáu cặp phạm trù cơ bản của Phép biện chứng duy vật | - Thuyết trình  - Hướng dẫn nội dung thảo luận. - GVsử dụng các phương pháp dạy học gợi mở, vấn đáp; thuyết trình.  - Tự học: GV hướng dẫn SV nghiên cứu nội dung tự học  - Hướng dẫn làm việc nhóm | -Đọc tài liệu số [1] từ trang 83 đến trang 92  -Thực hiện yêu cầu đã giao cho nhóm trên LMS  - Đọc tài liệu số [1] từ trang 93 đến trang 119  - Chuẩn bị bài thuyết trình trên powerpoint |  | A1.1  A1.2  A1.3  A2 |
| 5  (3 tiết) | Thảo luận nhóm nội dung: Chương 2, phần hai nguyên lý, sáu cặp phạm trù của Phép biện chứng duy vật | - Hoạt động thảo luận nhóm  + Các nhóm thống nhất nội dung được phân công và thuyết trình trước lớp.  + Các nhóm nhận xét và đặt câu hỏi cho nhau.  + Giáo viên nhận xét và tổng kết vấn đề thảo luận. | - Đọc giáo trình , tài liệu tham khảo  - Chuẩn bị câu hỏi thảo luận nhóm  - Thực hiện thảo luận nhóm | CLO1.1  CLO1.2  CLO2.1  CLO2.2 | A1.1  A1.2  A1.3  A2.1 |
| 6  (3 tiết) | 2.2.3. Các quy luật cơ bản của Phép biện chứng duy vật | - Lý thuyết: Thuyết giảng các nội dung cơ bản của tuần học. - GVsử dụng các phương pháp dạy học gợi mở, vấn đáp; thuyết trình.  - Tự học: GV hướng dẫn SV nghiên cứu nội dung tự học  - Hướng dẫn nội dung thảo luận. | - Đọc giáo trình , tài liệu tham khảo  - Chuẩn bị câu hỏi thảo luận nhóm | CLO1.1  CLO1.2  CLO2.1  CLO2.2 | A1.1  A1.2  A2 |
| 7 | Thảo luận nhóm nội dung  (2 tiết)  Chương 2, phần hai nguyên lý, sáu cặp phạm trù của Phép biện chứng duy vật | - Hoạt động thảo luận nhóm  + Các nhóm thống nhất nội dung được phân công và thuyết trình trước lớp.  + Các nhóm nhận xét và đặt câu hỏi cho nhau.  + Giáo viên nhận xét và tổng kết vấn đề thảo luận. | - Đọc giáo trình , tài liệu tham khảo  - Chuẩn bị câu hỏi thảo luận nhóm  - Thực hiện thảo luận nhóm | CLO1.1  CLO1.2  CLO2.1  CLO2.2 | A1.1  A1.2  A1.3  A2.1 |
| 8  (3 tiết) | Chương 2. Chủ nghĩa duy vật biện chứng  2.3. Lý luận nhận thức  2.3.1. Quan niệm về nhận thức trong lịch sử triết học  *\* Khái niệm lý luận nhận thức*  *\* Các quan điểm khác nhau,...*  *\* Các nguyên tắc xây dựng lý luận nhận thức của chủ nghĩa duy vật biện chứng* | - Lý thuyết: Thuyết giảng các nội dung cơ bản của tiết 2.3. - GVsử dụng các phương pháp dạy học gợi mở, vấn đáp; thuyết trình.  - Tự học: GV hướng dẫn SV nghiên cứu nội dung tự học | - SV nghe giảng và làm bài test nhanh trên E-learning.  - Đọc giáo trình triết học Mác- Lênin (tr.116-128) để nhận biết được các quan niệm khác nhau về nhận thức.  - Trả lời câu hỏi ôn tập và gửi lên LMS. | - CLO1.1  - CLO1.2  - CLO2.1  - CLO2.2 | A1.1  A1.2  A2 |
|  | 2.3.2. Lý luận nhận thức duy vật biện chứng | - Lý thuyết: Thuyết giảng các nội dung cơ bản của tuần học. - GVsử dụng các phương pháp dạy học gợi mở, vấn đáp; thuyết trình.  - Tự học: GV hướng dẫn SV nghiên cứu nội dung tự học | - Đọc giáo trình, tài liệu theo hướng dẫn của GV | - CLO1.1  - CLO1.2  - CLO2.1  - CLO2.2 | A1.1  A1.2  A2 |
| 9 | Thảo luận nhóm nội dung:  Chương 2, phần Lý luận nhận thức DVBC | - Hoạt động thảo luận nhóm  + Các nhóm thống nhất nội dung được phân công và thuyết trình trước lớp.  + Các nhóm nhận xét và đặt câu hỏi cho nhau.  + Giáo viên nhận xét và tổng kết vấn đề thảo luận. | - Đọc giáo trình , tài liệu tham khảo  - Chuẩn bị câu hỏi thảo luận nhóm  - Thực hiện thảo luận nhóm | CLO1.1  CLO1.2  CLO2.1  CLO2.2 | A1.1  A1.2  A1.3  A2.1 |
| 10  (3 tiết) | **Chương 3. Chủ nghĩa duy vật lịch sử**  1. Học thuyết hình thái kinh tế - xã hội  1.1. Sản xuất vật chất là cơ sở của sự tồn tại và phát triển xã hội  1.2. Biện chứng giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất  1.3. Biện chứng giữa cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng của xã hội | - Lý thuyết: giảng các nội dung cơ bản của chương 3, phần 1: Học thuyết hình thái kinh tế - xã hội  - GVsử dụng các phương pháp dạy học gợi mở, vấn đáp; thuyết trình.  - Tự học: GV hướng dẫn SV nghiên cứu nội dung tự học | - Tự học: SV nghe bài giảng E-learning, đọc giáo trình Triết học Mác-Lênin (tr.287-316) để bước đầu nắm được những khái niệm cơ bản của học thuyết hình thái kinh tế - xã hội như sản xuất vật chất, phương thức sản xuất, lực lượng sản xuất, quan hệ sản xuất...  - Làm bài test nhanh trên hệ thống.  - Chuẩn bị kiến thức cho câu hỏi thảo luận. | CLO1.1  CLO1.2  CLO2.1  CLO2.2 | A1.1  A1.2  A2 |
|  | 1.4. Sự phát triển của các hình thái kinh tế - xã hội là một quá trình lịch sử-tự nhiên | - Lý thuyết: giảng các nội dung còn lại của phần 1 (chương 3).  - - GVsử dụng các phương pháp dạy học gợi mở, vấn đáp; thuyết trình.  - Tự học: GV hướng dẫn SV nghiên cứu nội dung tự học | - Tự học: SV nghe bài giảng E-learning và trả lời các câu hỏi TNKQ trên hệ thống. Đọc giáo trình triết học Mác- Lênin (tr.317-329).  - Xây dựng câu trả lời cho các câu hỏi thảo luận.  - Trả lời câu hỏi ôn tập và gửi lên LMS. | CLO1.1  CLO1.2  CLO2.1  CLO2.2 | A1.1  A1.2  A2 |
| 11 | Thảo luận nhóm nội dung:  Chương 3, phần Học thuyết hình thái kinh tế - xã hội | - Hoạt động thảo luận nhóm  + Các nhóm thống nhất nội dung được phân công và thuyết trình trước lớp.  + Các nhóm nhận xét và đặt câu hỏi cho nhau.  + Giáo viên nhận xét và tổng kết vấn đề thảo luận. | - Đọc giáo trình , tài liệu tham khảo  - Chuẩn bị câu hỏi thảo luận nhóm  - Thực hiện thảo luận nhóm | CLO1.1  CLO1.2  CLO2.1  CLO2.2 | A1.1  A1.2  A1.3  A2.1 |
| 12  (3 tiết) | **Chương 3. Chủ nghĩa duy vật lịch sử**  2. Giai cấp và dân tộc  2.1. Giai cấp và đấu tranh giai cấp  2.2. Dân tộc  2.3. Mối quan hệ giữa giai cấp – dân tộc – nhân loại  3. Nhà nước và cách mạng xã hội  3.1. Nhà nước  3.2. Cách mạng xã hội | -Lý thuyết: Thuyết trình kết hợp trình chiếu slide để giảng dạy các nội dung của mục 2, mục 3 chương 3  - GVsử dụng các phương pháp dạy học gợi mở, vấn đáp; thuyết trình.  - Tự học: GV hướng dẫn SV nghiên cứu nội dung tự học  -Hướng dẫn thảo luận: GV tổ chức nhóm, cử trưởng nhóm và yêu cầu các thành viên trả lời các câu hỏi thảo luận  - Tự học: SV đọc giáo trình, tài liệu tham khảo, các sách hỏi đáp triết học và các tài liệu khác phục vụ môn học  - Thảo luận: SV trình bày nội dung thảo luận, nêu các thắc mắc, tranh luận với bạn học, cố gắng giải đáp các câu hỏi liên quan đến bài học. | SV nghe bài giảng và làm bài test nhanh trên E- learning  - Đọc giáo trình triết học Mác – Lênin (tr. 329 – 419) để hiểu được lý luận về giai cấp và dân tộc, nhà nước và cách mạng xã hội theo quan điểm triết học Mác -Lênin như: nguồn gốc, đặc trưng của giai cấp; tính tất yếu và thực chất của đấu tranh giai cấp; quan hệ giai cấp- dân tộc –nhân loại; nguồn gốc, bản chất của nhà nước, các kiểu nhà nước; nguồn gốc, bản chất của cách mạng xã hội…  - Trả lời câu hỏi thảo luận | CLO 1.1  CLO1.2  CLO2.1  CLO2.2 | A1.1  A1.2  A2 |
| 13  (3 tiết) | **Chương 3. Chủ nghĩa duy vật lịch sử**  4. Ý thức xã hội  4.1. Khái niệm tồn tại xã hội và các yếu tố cơ bản của tồn tại xã hội  4.2. Khái niệm, kết cấu, tính giai cấp, các hình thái của ý thức xã hội  4.3. Quan hệ biện chứng giữa tồn tại xã hội và ý thức xã hội, tính độc lập tương đối của ý thức xã hội | -Lý thuyết: Thuyết trình kết hợp trình chiếu slide để giảng dạy các nội dung của mục 4, chương 3  - GVsử dụng các phương pháp dạy học gợi mở, vấn đáp; thuyết trình.  - Tự học: GV hướng dẫn SV nghiên cứu nội dung tự học  -Hướng nội dung thảo luận  - Tự học: SV đọc giáo trình, tài liệu tham khảo, các sách hỏi đáp triết học và các tài liệu khác phục vụ môn họ | - SV nghe bài giảng trên trang E-learning và làm bài test nhanh trên E- learning  - Đọc giáo trình triết học Mác – Lênin (tr. 419 – 489)  - Trả lời câu hỏi thảo luận  - Trả lời câu hỏi ôn tập và gửi lên LMS | CLO1.1  CLO1.2  CLO2.1  CLO2.2 | A1.1  A1.2  A2 |
| 14  (3 tiết) | **Chương 3. Chủ nghĩa duy vật lịch sử**  5. Triết học về con người  5.1. Con người và bản chất co người  5.2. Hiện tượng tha hóa con người và vấn đề giải phóng con người  5.3. Quan điểm của triết học Mác – Lê nin về quan hệ cá nhân và xã hội, về vai trò của quần chúng nhân dân và lãnh tụ trong lịch sử  5.4. Vấn đề con người trong sự nghiệp cách mạng ở Việt Nam | -Lý thuyết: Thuyết trình kết hợp trình chiếu slide để giảng dạy các nội dung của mục 5 chương 3  -Hướng dẫn thảo luận: GV tổ chức nhóm, cử trưởng nhóm và yêu cầu các thành viên trả lời các câu hỏi thảo luận  - Tự học: SV đọc giáo trình, tài liệu tham khảo, các sách hỏi đáp triết học và các tài liệu khác phục vụ môn học  - Thảo luận: SV trình bày nội dung thảo luận, nêu các thắc mắc, tranh luận với bạn học, cố gắng giải đáp các câu hỏi liên quan đến bài học. |  | CLO1.1  CLO1.2  CLO2.1  CLO2.2 | A1.1  A1.2  A2 |
| 15 | Thảo luận nhóm nội dung Chương 3 | - Hoạt động thảo luận nhóm  + Các nhóm thống nhất nội dung được phân công và thuyết trình trước lớp.  + Các nhóm nhận xét và đặt câu hỏi cho nhau.  + Giáo viên nhận xét và tổng kết vấn đề thảo luận. | - Đọc giáo trình , tài liệu tham khảo  - Chuẩn bị câu hỏi thảo luận nhóm  - Thực hiện thảo luận nhóm | CLO1.1  CLO1.2  CLO2.1  CLO2.2 | A1.1  A1.2  A1.3  A2.1 |

**8. Nhiệm vụ của người học**

***8.1. Phần tự học***

- Nghiên cứu tài liệu, xem các slide/video bài giảng.

- Chủ động tìm các nguồn tài liệu tham khảo liên quan đến nội dung học phần.

- Thảo luận, trao đổi những vấn đề liên quan đến học phần với bạn học/ hoặc các nguồn lực hỗ trợ khác.

- Hoàn thành các bài tập được giao trên LMS.

***8.2. Phần học trên lớp trực tiếp hoặc online với giảng viên***

- Dự lớp ≥ 80% tổng thời lượng của học phần.

- Chủ động, tích cực trong giờ học; có đề xuất/ sáng kiến về cách học tập tốt.

- Phát hiện, đưa ra câu hỏi hoặc vấn đề liên quan đến nội dung học tập.

***8.3. Làm bài thảo luận học phần***

- Tham gia 80%-100% các buổi làm việc nhóm, thảo luận hoàn thành bài thảo luận của nhóm.

- Tham gia tích cực các hoạt động thảo luận

- Tuân thủ các quy định của giáo viên và của nhóm.

- Hoàn thành đầy đủ nhiệm vụ học tập được giao.

**9. Ngày phê duyệt:**

**10. Cấp phê duyệt:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **KT. HIỆU TRƯỞNG**  **PHÓ HIỆU TRƯỞNG** | **HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG SƯ PHẠM** | **TRƯỞNG KHOA GDCT** |
|  |  |  |

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH**  **TRƯỜNG SƯ PHẠM**  **KHOA TOÁN**  **----------------------------** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**  **-------------------------** |

# **ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN CHI TIẾT**

# **Xác suất và Thống kê**

1. **Thông tin tổng quát:**
   1. ***Thông tin về giảng viên***

# **Giảng viên 1:**

Họ và tên: Dương Xuân Giáp Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Tiến sĩ

Địa điểm làm việc: Khoa Toán học, Trường Sư phạm, Trường ĐH Vinh Địa chỉ: 182 Lê Duẩn, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An

Email: [giapdx@vinhuni.edu.vn](mailto:giapdx@vinhuni.edu.vn)

Các hướng nghiên cứu chính: Các định lý giới hạn trong lý thuyết xác suất, Lý thuyết

ergodic.

# **Giảng viên 2:**

Họ và tên: Trần Anh Nghĩa

Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên chính, Tiến sĩ

Địa điểm làm việc: Khoa Toán học, Trường Sư phạm, Trường ĐH Vinh Địa chỉ: 182 Lê Duẩn, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An

Email: [nghiata@vinhuni.edu.vn](mailto:nghiata@vinhuni.edu.vn)

Các hướng nghiên cứu chính: Lý thuyết độ tin cậy, Quá trình ngẫu nhiên.

# **Giảng viên 3:**

Họ và tên: Nguyễn Văn Quảng Chức danh, học hàm, học vị: Giáo sư, Tiến sĩ

Địa điểm làm việc: Khoa Toán học, Trường Sư phạm, Trường ĐH Vinh Địa chỉ: 182 Lê Duẩn, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An

Email: [quangnv@vinhuni.edu.vn](mailto:quangnv@vinhuni.edu.vn)

Các hướng nghiên cứu chính: Các định lý giới hạn trong lý thuyết xác suất.

# **Giảng viên 4:**

Họ và tên: Lê Văn Thành Chức danh, học hàm, học vị: Phó giáo sư, Tiến sĩ

Địa điểm làm việc: Khoa Toán học, Trường Sư phạm, Trường ĐH Vinh Địa chỉ: 182 Lê Duẩn, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An

Email: [levt@vinhuni.edu.vn](mailto:levt@vinhuni.edu.vn)

Các hướng nghiên cứu chính: Các định lý giới hạn trong lý thuyết xác suất.

# **Giảng viên 5:**

Họ và tên: Nguyễn Thị Thế

Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên chính, Tiến sĩ

Địa điểm làm việc: Khoa Toán học, Trường Sư phạm, Trường ĐH Vinh Địa chỉ: 182 Lê Duẩn, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An

Email: [thent@vinhuni.edu.vn](mailto:thent@vinhuni.edu.vn)

Các hướng nghiên cứu chính: Lý thuyết Xác suất và Thống kê toán, Phương trình vi

phân ngẫu nhiên, Phương trình vi phân đại số ngẫu nhiên.

# **Giảng viên 6:**

Họ và tên: Nguyễn Trần Thuận Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Tiến sĩ

Địa điểm làm việc: Khoa Toán học, Trường Sư phạm, Trường ĐH Vinh Địa chỉ: 182 Lê Duẩn, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An

Email: [thuannt@vinhuni.edu.vn](mailto:thuannt@vinhuni.edu.vn)

Các hướng nghiên cứu chính: Phương trình vi phân ngẫu nhiên ngược, Tính toán Malliavin và ứng dụng.

# **Giảng viên 7:**

Họ và tên: Võ Thị Hồng Vân

Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên chính, Tiến sĩ

Địa điểm làm việc: Khoa Toán học, Trường Sư phạm, Trường ĐH Vinh Địa chỉ: 182 Lê Duẩn, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An

Email: [vanvth@vinhuni.edu.vn](mailto:vanvth@vinhuni.edu.vn)

Các hướng nghiên cứu chính: Quá trình ngẫu nhiên, Các định lý giới hạn trong lý

thuyết xác suất.

* 1. ***Thông tin về học phần:***

|  |  |
| --- | --- |
| - Tên học phần (tiếng Việt): **Xác suất và Thống kê** (Nhóm ngành NLN&QLTN)  (tiếng Anh): Probability and Statistics | |
| - Mã số học phần: MAT20012 | |
| - Thuộc CTĐT ngành: Chăn nuôi, Nuôi trồng thủy sản, Quản lý tài nguyên môi trường,  Quản lý đất đai, Nông học | |
| - Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:   Kiến thức cơ bản  Kiến thức cơ sở ngành Kiến thức ngành | Học phần chuyên về kỹ năng chung Kiến thức khác |
| - Thuộc loại học phần:  Bắt buộc | Tự chọn |
| - Số tín chỉ: 3  + Số tiết lý thuyết: 30  + Số tiết thảo luận/bài tập: 15  + Số tiết thực hành: 0  + Số tiết tự học: 90 | |
| - Điều kiện đăng ký học: Không  + Học phần tiên quyết:  + Học phần học trước: | Mã số HP: Mã số HP: |
| - Yêu cầu của học phần: Thực hiện theo Quy chế đào tạo của Trường ĐH Vinh. Cụ thể:  + Thời gian tối thiểu sinh viên phải có mặt trên lớp: 80% tổng thời lượng của học phần.  + Sinh viên phải xem bài giảng trên hệ thống LMS, nạp đầy đủ bài tập. | |
| - Khoa phụ trách học phần: Khoa Toán học, Trường Sư phạm  Điện thoại: Email: [faculmath@vinhuni.edu.vn](mailto:faculmath@vinhuni.edu.vn) | |

# 2.Mô tả học phần

Xác suất và thống kê (MAT20012) là học phần bắt buộc dành cho sinh viên nhóm ngành Nông lâm ngư và Quản lý tài nguyên, thuộc khối kiến thức cơ bản, được giảng dạy ở học kì 1.

Học phần gồm 3 chương: Biến cố và xác suất, Biến ngẫu nhiên và phân phối xác suất, Thống kê. Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản của lý thuyết xác suất cổ điển và thống kê toán học, cùng cách sử dụng phần mềm R để xử lý số liệu thống kê.

# Mục tiêu học phần

**Kiến thức (CO1):** Sinh viên hiểu được các kiến thức cơ bản của lý thuyết xác suất và thống kê, bao gồm: biến cố, xác suất của biến cố, biến ngẫu nhiên, phân phối xác suất, các đặc trưng số của biến ngẫu nhiên, vectơ ngẫu nhiên, các đặc trưng mẫu, ước lượng tham số, kiểm định giả thuyết, tương quan và hồi quy.

**Kỹ năng (CO2):** Sinh viên có kỹ năng vận dụng được các kiến thức cơ bản của xác suất và thống kê để giải các bài toán cụ thể. Đồng thời, sinh viên có kỹ năng sử dụng phần mềm R trong một số bài toán thống kê cơ bản.

**Thái độ (CO3):** Sinh viên tham gia vào các hoạt động học tập một cách tích cực.

# Chuẩn đầu ra học phần, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá

* 1. ***Ánh xạ chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **CĐR**  **học phần** | **Ánh xạ với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo** | | |
| PLO1.1 | PLO2.1 | PLO2.2 |
| 1.1.2 | 2.1.2 | 2.2.1 |
|  | K3 | S2 | A2 |
| CLO1.1 |  |  |  |
| CLO2.1 |  |  |  |
| CLO3.1 |  |  |  |

* 1. ***Nội dung chuẩn đầu ra, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá học phần***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **CĐR**  **học phần (CLO)** | **TĐNL CĐR**  **học phần** | **Mô tả CĐR học phần** | **Phương pháp dạy học** | **Phương pháp đánh giá** |
|  |  | Hiểu được khái niệm và các tính chất của biến cố, quan hệ và phép toán giữa các biến cố, xác suất của biến cố. |  |  |
| CLO1.1 | K3 | Hiểu được khái niệm và các tính chất của biến ngẫu nhiên, phân phối xác suất của biến ngẫu nhiên, các đặc trưng số của biến ngẫu nhiên, vectơ ngẫu nhiên. | Thuyết trình Thảo luận Bài tập | Trắc nghiệm Vấn đáp |
|  |  | Hiểu được các công thức của các đặc trưng mẫu, ước lượng tham số, kiểm định giả thuyết, tương quan, hồi quy. |  |  |
| CLO2.1 | S2 | Tìm được mối quan hệ giữa các biến cố và tính được xác suất của các biến cố. | Thuyết trình  Thảo luận Bài tập | Trắc nghiệm Vấn đáp |
|  |  | Giải được các bài toán về bảng phân phối và hàm mật độ của biến ngẫu nhiên. Tìm được hàm phân phối của biến ngẫu nhiên. Tính được các đặc trưng số cơ bản của biến ngẫu nhiên. Giải được các bài toán về vectơ ngẫu nhiên rời rạc 2 chiều.  Tính được giá trị của các đặc trưng mẫu. Tìm được khoảng tin cậy của trung bình và tỉ lệ tổng thể. Giải được bài toán kiểm định giả thuyết về trung bình và tỉ lệ tổng thể, về so sánh trung bình và tỉ lệ của hai tổng thể. Tính được hệ số tương quan mẫu. Viết được phương trình đường hồi quy tuyến tính thực nghiệm.  Sử dụng được phần mềm R để tính giá trị của các đặc trưng mẫu, giải các bài toán về ước lượng khoảng, kiểm định giả thuyết, tương quan, hồi quy. |  |  |
| CLO3.1 | A2 | Có thái độ tự giác, tích cực, chủ động trong việc học và làm bài tập.  Có tinh thần hợp tác với giảng viên và các sinh viên khác trong quá trình học tập. | Thảo luận Bài tập Tự học | Rubric |

# Đánh giá học tập và các bộ tiêu chí đánh giá

* 1. ***Đánh giá học tập***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Bài đánh giá** | **Hình thức đánh giá, minh chứng, lưu hồ sơ** | **Công cụ đánh giá** | **CĐR**  **học phần** | **Tỷ lệ cho bài đánh giá** | **Tỷ lệ cho học phần** |
| **A1. Đánh giá thường xuyên** | | | |  | **50%** |
| A1.1 | Chuyên cần và ý thức học tập:   * SV tham gia các buổi học ở lớp học. * SV tham gia phát biểu xây dựng bài ở lớp học. * SV ghi vở nội dung bài học. * GV theo dõi điểm danh, đánh giá và lưu hồ sơ. | Rubric | CLO3.1 | 100% | 10% |
| A1.2 | Xem video bài giảng:   * SV xem các video bài giảng trên LMS. * Hệ thống chấm điểm và lưu hồ sơ. | Hệ thống | CLO3.1 | 100% | 10% |
| A1.3 | Bài tập:   * SV làm bài tập ở lớp hoặc trên LMS. * GV/Hệ thống chấm điểm và lưu hồ sơ. | Đáp án | CLO1.1 | 50% | 30% |
| CLO2.1 | 50% |
| **A2. Đánh giá cuối kỳ** | | | |  | **50%** |
| A2.1 | Bài thi trắc nghiệm khách quan cuối kì:   * SV làm bài thi TNKQ. * Trung tâm Đảm bảo chất lượng tổ chức thi và lưu hồ sơ. | Đáp án | CLO1.1 | 50% | 50% |
| CLO2.1 | 50% |

**Công thức tính điểm tổng kết:** (A1.1+A1.2+A1.3\*3+A2.1\*5)/10

* 1. ***Các bộ tiêu chí đánh giá Rubric: Đánh giá bài A1.1***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí đánh giá** | **Mức độ đạt chuẩn quy định và thang điểm** | | | | |
| **A**  **(8,5-10 điểm)** | **B**  **(7,0-8,4 điểm)** | **C**  **(5,5-6,9 điểm)** | **D**  **(4,0-5,4 điểm)** | **F**  **(0-3,9 điểm)** |
| Chuyên cần | Thời gian học trên lớp từ 95% trở lên hoặc trên 90% nhưng có lý do chính đáng.  Vào học đúng  giờ. | Thời gian học trên lớp từ 90%- 95% hoặc từ  85%-90%  nhưng có lý do chính đáng.  Vào học muộn  1-2 buổi. | Thời gian học trên lớp từ 85%-90% hoặc  từ 80%-85%  nhưng có lý do chính đáng.  Vào học muộn  3-4 buổi. | Thời gian học trên lớp từ 80%-85%.  Vào học muộn 5-6 buổi. | Thời gian học trên lớp dưới 80%. Vào học muộn nhiều hơn 6 buổi. |
| Đóng góp tại lớp | Tham gia tích cực các hoạt động tại lớp: phát biểu, trao đổi ý kiến liên quan đến bài học.  Các đóng góp  hiệu quả. | Thường phát biểu và trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. | Thỉnh thoảng tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến tại lớp.  Phát biểu ít khi có hiệu quả. | Hiếm khi tham gia phát biểu, đóng góp cho bài học tại lớp. Đóng góp không hiệu quả. | Không tham gia phát biểu, đóng góp cho bài học tại lớp. |
| Vở ghi nội dung bài học | Nội dung vở ghi 85%-100%.  Ghi rõ ràng. | Nội dung vở ghi 70%-84%.  Ghi rõ ràng. | Nội dung vở ghi 55%-69% Ghi rõ ràng. | Nội dung vở ghi 40%-54%.  Ghi cẩu thả. | Nội dung vở ghi dưới 40%.  Ghi cẩu thả. |

# **Tài liệu học tập**

* 1. ***Giáo trình:***

1. Nguyễn Thị Thế, Dương Xuân Giáp, Nguyễn Thị Thanh Hiền, *Toán thống kê trong thể dục thể thao*, NXB Đại học Vinh, 2019.
2. Đặng Hùng Thắng, *Thống kê và ứng dụng*, NXB Giáo dục, Tái bản lần thứ 3, 2015.
   1. ***Tài liệu tham khảo:***
3. Nguyễn Văn Tuấn, *Phân tích số liệu và biểu đồ bằng R*, https://cran.r- project.org/doc/contrib/Intro\_to\_R\_Vietnamese.pdf
4. Jay L. Devore, *Probability and Statistics for Engineering and the Sciences*, 8th edition, Cengage Learning, 2010.
5. Sheldon Ross, *A first course in probability*, Prentice Hall, 2009.

# **Kế hoạch dạy học**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tuần (3 tiết**  **/tuần)** | **Nội dung** | **Hình thức tổ chức dạy học** | **Yêu cầu sinh viên chuẩn bị** | **CĐR**  **học phần** | **Bài**  **đánh giá** |
| 1 | **Giới thiệu học phần** | - Địa điểm: lớp | - Đọc đề cương | CLO1.1 | A1.1 |
|  | **Chương 1. Biến cố và** | học | chi tiết. | CLO2.1 | A1.2 |
|  | **xác suất** | - Phương pháp: | - Chuẩn bị các | CLO3.1 | A1.3 |
|  | 1.1 Giới thiệu phần mềm | thuyết trình, kết | học liệu cần thiết. |  |  |
|  | R | hợp giảng lý | - Xem bài giảng |  |  |
|  | 1.1.1 Ưu điểm của R | thuyết và hướng | và làm bài tập |  |  |
|  | 1.1.2 Tải và cài đặt | dẫn giải ví dụ. | được giao trên E- |  |  |
|  | 1.1.3 Nhập dữ liệu | - Cung cấp trước | learning. |  |  |
|  | 1.1.4 Thực hiện các tính | đề cương chi tiết | - Đọc và ghi bài |  |  |
|  | toán cơ bản | và bài giảng cho | giảng mục 1.1 và |  |  |
|  | 1.2 Bổ túc về giải tích tổ | sinh viên. | 1.2. |  |  |
|  | hợp |  | - Tham gia thảo |  |  |
|  | 1.2.1 Quy tắc nhân |  | luận. |  |  |
|  | 1.2.2 Quy tắc cộng |  |  |  |  |
|  | 1.2.3 Tổ hợp |  |  |  |  |
| 2 | 1.3 Không gian mẫu và | - Địa điểm: lớp | - Xem bài giảng | CLO1.1 | A1.1 |
|  | biến cố | học | và làm bài tập | CLO2.1 | A1.2 |
|  | 1.3.1 Phép thử và không | - Phương pháp: | được giao trên E- | CLO3.1 | A1.3 |
|  | gian mẫu | thuyết trình, kết | learning. |  | A2.1 |
|  | 1.3.2 Biến cố | hợp giảng lý | - Đọc và ghi bài |  |  |
|  | 1.3.3 Quan hệ và phép | thuyết và hướng | giảng mục 1.3. |  |  |
|  | toán giữa các biến cố | dẫn giải ví dụ. | - Tham gia thảo |  |  |
|  |  | - Cung cấp trước | luận. |  |  |
|  |  | bài giảng cho |  |  |  |
|  |  | sinh viên. |  |  |  |
| 3 | 1.4 Xác suất của biến cố | - Địa điểm: lớp | - Xem bài giảng | CLO1.1 | A1.1 |
|  | 1.4.1 Các định nghĩa về | học | và làm bài tập | CLO2.1 | A1.2 |
|  | xác suất | - Phương pháp: | được giao trên E- | CLO3.1 | A1.3 |
|  | 1.4.2 Tính chất của xác | thuyết trình, kết | learning. |  | A2.1 |
|  | suất | hợp giảng lý | - Đọc và ghi bài |  |  |
|  |  | thuyết và hướng | giảng mục 1.4. |  |  |
|  |  | dẫn giải ví dụ. | - Tham gia thảo |  |  |
|  |  | - Cung cấp trước | luận. |  |  |
|  |  | bài giảng cho |  |  |  |
|  |  | sinh viên. |  |  |  |
| 4 | 1.5 Xác suất có điều kiện | - Địa điểm: lớp | - Xem bài giảng | CLO1.1 | A1.1 |
|  | 1.5.1 Định nghĩa và tính | học | và làm bài tập | CLO2.1 | A1.2 |
|  | chất | - Phương pháp: | được giao trên E- | CLO3.1 | A1.3 |
|  | 1.5.2 Công thức nhân xác | thuyết trình, kết | learning. |  | A2.1 |
|  | suất | hợp giảng lý | - Đọc và ghi bài |  |  |
| 1.5.3 Sự độc lập của các | thuyết và hướng | giảng mục 1.5. |
| biến cố | dẫn giải ví dụ. | - Tham gia thảo |
| 1.5.4 Công thức xác suất | - Cung cấp trước | luận. |
| toàn phần và công thức | bài giảng cho |  |
| Bayes | sinh viên. |  |
| 5 | **Chương 2. Biến ngẫu** | - Địa điểm: lớp | - Xem bài giảng | CLO1.1 | A1.1 |
|  | **nhiên và phân phối xác** | học | và làm bài tập | CLO2.1 | A1.2 |
|  | **suất** | - Phương pháp: | được giao trên E- | CLO3.1 | A1.3 |
|  | 2.1 Biến ngẫu nhiên | thuyết trình, kết | learning. |  | A2.1 |
|  | 2.1.1 Khái niệm | hợp giảng lý | - Đọc và ghi bài |  |  |
|  | 2.1.2 Hàm phân phối | thuyết và hướng | giảng mục 2.1. |  |  |
|  | 2.1.3 Bảng phân phối xác | dẫn giải ví dụ. | - Tham gia thảo |  |  |
|  | suất | - Cung cấp trước | luận. |  |  |
|  | 2.1.4 Hàm mật độ xác | bài giảng cho |  |  |  |
|  | suất | sinh viên. |  |  |  |
| 6 | 2.2. Các đặc trưng số của | - Địa điểm: lớp | - Xem bài giảng | CLO1.1 | A1.1 |
|  | biến ngẫu nhiên | học | và làm bài tập | CLO2.1 | A1.2 |
|  | 2.2.1 Kỳ vọng | - Phương pháp: | được giao trên E- | CLO3.1 | A1.3 |
|  | 2.2.2 Phương sai và độ | thuyết trình, kết | learning. |  | A2.1 |
|  | lệch chuẩn | hợp giảng lý | - Đọc và ghi bài |  |  |
|  |  | thuyết và hướng | giảng mục 2.2. |  |  |
|  |  | dẫn giải ví dụ. | - Tham gia thảo |  |  |
|  |  | - Cung cấp trước | luận. |  |  |
|  |  | bài giảng cho |  |  |  |
|  |  | sinh viên. |  |  |  |
| 7 | 2.3 Một số phân phối xác | - Địa điểm: lớp | - Xem bài giảng | CLO1.1 | A1.1 |
|  | suất quan trọng | học | và làm bài tập | CLO2.1 | A1.2 |
|  | 2.3.1 Phân phối nhị thức | - Phương pháp: | được giao trên E- | CLO3.1 | A1.3 |
|  | 2.3.2 Phân phối Poisson | thuyết trình, kết | learning. |  | A2.1 |
|  |  | hợp giảng lý | - Đọc và ghi bài |  |  |
|  |  | thuyết và hướng | giảng mục 2.3. |  |  |
|  |  | dẫn giải ví dụ. | - Tham gia thảo |  |  |
|  |  | - Cung cấp trước | luận. |  |  |
|  |  | bài giảng cho |  |  |  |
|  |  | sinh viên. |  |  |  |
| 8 | 2.3.3 Phân phối đều | - Địa điểm: lớp | - Xem bài giảng | CLO1.1 | A1.1 |
|  | 2.3.4 Phân phối mũ | học | và làm bài tập | CLO2.1 | A1.2 |
|  | 2.3.5 Phân phối chuẩn | - Phương pháp: | được giao trên E- | CLO3.1 | A1.3 |
|  |  | thuyết trình, kết | learning. |  | A2.1 |
|  |  | hợp giảng lý | - Đọc và ghi bài |  |  |
|  |  | thuyết và hướng | giảng mục 2.3. |  |  |
|  |  | dẫn giải ví dụ. | - Tham gia thảo |  |  |

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  |  | - Cung cấp trước  bài giảng cho sinh viên. | luận. |  |  |
| 9 | * 1. Vectơ ngẫu nhiên      1. Định nghĩa và ví dụ      2. Vectơ ngẫu nhiên rời rạc hai chiều | * Địa điểm: lớp học * Phương pháp: thuyết trình, kết hợp giảng lý thuyết và hướng dẫn giải ví dụ. * Cung cấp trước bài giảng cho   sinh viên. | * Xem bài giảng và làm bài tập được giao trên E- learning. * Đọc và ghi bài giảng mục 2.4. * Tham gia thảo luận. | CLO1.1 CLO2.1 CLO3.1 | A1.1 A1.2 A1.3 A2.1 |
| 10 | **Chương 3. Thống kê**   * 1. Thống kê mô tả      1. Tổng thể và mẫu      2. Cách biểu diễn mẫu | * Địa điểm: lớp học * Phương pháp: thuyết trình, kết hợp giảng lý thuyết và hướng dẫn giải ví dụ. * Cung cấp trước bài giảng cho   sinh viên. | * Xem bài giảng và làm bài tập được giao trên E- learning. * Đọc và ghi bài giảng mục 3.1. * Tham gia thảo luận. | CLO1.1 CLO2.1 CLO3.1 | A1.1 A1.2 A1.3 A2.1 |
| 11 | 3.1.3 Các đặc trưng mẫu   * 1. Ước lượng tham số      1. Khái niệm | * Địa điểm: lớp học * Phương pháp: thuyết trình, kết hợp giảng lý thuyết và hướng dẫn giải ví dụ. * Cung cấp trước   bài giảng cho sinh viên. | * Xem bài giảng và làm bài tập được giao trên E- learning. * Đọc và ghi bài giảng mục 3.1 và 3.2. * Tham gia thảo luận. | CLO1.1 CLO2.1 CLO3.1 | A1.1 A1.2 A1.3 A2.1 |
| 12 | * + 1. Khoảng tin cậy của giá trị trung bình     2. Khoảng tin cậy của tỉ lệ | * Địa điểm: lớp học * Phương pháp: thuyết trình, kết hợp giảng lý thuyết và hướng dẫn giải ví dụ. * Cung cấp trước   bài giảng cho sinh viên. | * Xem bài giảng và làm bài tập được giao trên E- learning. * Đọc và ghi bài giảng mục 3.2. * Tham gia thảo luận. | CLO1.1 CLO2.1 CLO3.1 | A1.1 A1.2 A1.3 A2.1 |

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 13 | * 1. Kiểm định giả thuyết      1. Khái niệm      2. Kiểm định giả thuyết về giá trị trung bình      3. Kiểm định giả thuyết về tỉ lệ | * Địa điểm: lớp học * Phương pháp: thuyết trình, kết hợp giảng lý thuyết và hướng dẫn giải ví dụ. * Cung cấp trước bài giảng cho   sinh viên. | * Xem bài giảng và làm bài tập được giao trên E- learning. * Đọc và ghi bài giảng mục 3.3. * Tham gia thảo luận. | CLO1.1 CLO2.1 CLO3.1 | A1.1 A1.2 A1.3 A2.1 |
| 14 | * + 1. So sánh hai giá trị trung bình     2. So sánh hai tỉ lệ | * Địa điểm: lớp học * Phương pháp: thuyết trình, kết hợp giảng lý thuyết và hướng dẫn giải ví dụ. * Cung cấp trước bài giảng cho   sinh viên. | * Xem bài giảng và làm bài tập được giao trên E- learning. * Đọc và ghi bài giảng mục 3.3. * Tham gia thảo luận. | CLO1.1 CLO2.1 CLO3.1 | A1.1 A1.2 A1.3 A2.1 |
| 15 | * 1. Tương quan và hồi quy      1. Hệ số tương quan mẫu      2. Đường hồi quy tuyến tính thực nghiệm | * Địa điểm: lớp học * Phương pháp: thuyết trình, kết hợp giảng lý thuyết và hướng dẫn giải ví dụ. * Cung cấp trước bài giảng cho   sinh viên. | * Xem bài giảng và làm bài tập được giao trên E- learning. * Đọc và ghi bài giảng mục 3.4. * Tham gia thảo luận. | CLO1.1 CLO2.1 CLO3.1 | A1.1 A1.2 A1.3 A2.1 |

**8. Nhiệm vụ của người học**

***8.1. Phần tự học***

- Nghiên cứu tài liệu, xem các slide/video bài giảng.

- Chủ động tìm các nguồn tài liệu tham khảo liên quan đến nội dung học phần.

- Thảo luận, trao đổi những vấn đề liên quan đến học phần với bạn học/ hoặc các nguồn lực hỗ trợ khác.

- Hoàn thành các bài tập được giao trên LMS.

***8.2. Phần học trên lớp trực tiếp hoặc online với giảng viên***

- Dự lớp ≥ 80% tổng thời lượng của học phần.

- Chủ động, tích cực trong giờ học; có đề xuất/ sáng kiến về cách học tập tốt.

- Phát hiện, đưa ra câu hỏi hoặc vấn đề liên quan đến nội dung học tập.

***8.3. Làm bài thảo luận học phần***

- Tham gia 80%-100% các buổi làm việc nhóm, thảo luận hoàn thành bài thảo luận của nhóm.

- Tham gia tích cực các hoạt động thảo luận

- Tuân thủ các quy định của giáo viên và của nhóm.

- Hoàn thành đầy đủ nhiệm vụ học tập được giao.

**9. Ngày phê duyệt:**

**10. Cấp phê duyệt:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **KT. HIỆU TRƯỞNG**  **PHÓ HIỆU TRƯỞNG** | **HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG SƯ PHẠM** | **TRƯỞNG KHOA TOÁN** |

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH**  **VIỆN NÔNG NGHIỆP VÀ TÀI NGUYÊN**  **----------------------------** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**  **-------------------------** |

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN CHI TIẾT**

**Biến đổi khí hậu**

**1. Thông tin tổng quát:**

***1.1. Thông tin về giảng viên***

***Giảng viên 1:* Trần Thị Tuyến**

Chức danh, học hàm, học vị: PGS.Tiến sĩ, GVCC

Địa chỉ liên hệ: 182 Lê Duẩn, TP Vinh, Nghệ An

Điện thoại, email: 0915.346.082 Email: [tuyentt@vinhuni.edu.vn](mailto:tuyentt@vinhuni.edu.vn)

Các hướng nghiên cứu chính: Cảnh quan - Quy hoạch môi trường; BĐKH; Ứng dụng GIS - Viễn thám trong Quản lí tài nguyên & Môi trường.

***Giảng viên 2:*** **Trần Đình Du**

Chức danh, học hàm, học vị: Tiến sĩ

Địa chỉ liên hệ: 182 Lê Duẫn, TP Vinh, Nghệ An

Điện thoại: 0981.995.009 Email: [dutd@vinhuni.edu.vn](mailto:dutd@vinhuni.edu.vn)

Các hướng nghiên cứu chính: Ứng dụng GIS - viễn thám; Quản lý đất đai

***Giảng viên 3:*** **Nguyễn Hữu Hiền**

Chức danh, học hàm, học vị: Tiến sĩ

Địa chỉ liên hệ: 182 Lê Duẫn, TP Vinh, Nghệ An

Điện thoại: 0978.038.777 Email: [hiennh@vinhuni.edu.vn](mailto:hiennh@vinhuni.edu.vn)

Các hướng nghiên cứu chính: Dinh dưỡng cây trồng

***Giảng viên 4:* Nguyễn Lê Ái Vĩnh**

Chức danh, học hàm, học vị: Tiến sĩ

Thời gian, địa điểm làm việc: Phòng Đào tạo

Địa chỉ liên hệ: Viện Công nghệ Hóa Sinh - Môi trường, Trường Đại học Vinh

Điện thoại, email: 0912540541, [vinhnla@vinhuni.edu.vn](mailto:vinhnla@vinhuni.edu.vn)

Các hướng nghiên cứu chính: Vi sinh vật môi trường, Môi trường đất và nước

***1.2. Thông tin về học phần:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| - Tên học phần (tiếng Việt): **Biến đổi khí hậu**  (tiếng Anh): Climate Change | | |
| - Mã số học phần: ANR20003 | | |
| - Thuộc CTĐT ngành: Nuôi trồng thủy sản; Nông học; Quản lý TNMT, Quản lý đất đai; Chăn nuôi, | | |
| - Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:  Kiến thức cơ bản  Kiến thức cơ sở ngành  Kiến thức ngành | Học phần chuyên về kỹ năng chung  Học phần dạy học theo hình thức dự án/đồ án  Kiến thức khác | |
| - Thuộc loại học phần: Bắt buộc | Tự chọn | |
| - Số tín chỉ: (*đối với học phần có dự án/đồ án có ít nhất tối thiểu 4 tín chỉ*)  + Số tiết lý thuyết: 30  + Số tiết thực hiện thảo luận/bài tập: 15  + Số tiết tự học: 90 | | |
| - Điều kiện đăng ký học: | |  |
| + Học phần tiên quyết: Không | | Mã số HP: |
| + Học phần học trước: Không | | Mã số HP: |
| - Yêu cầu của học phần: Thực hiện theo Quy chế đào tạo của Trường Đại học Vinh. Cụ thể:  + Thời gian tối thiểu sinh viên phải có mặt trên lớp:  + Sinh viên phải nộp đầy đủ bài tập, báo cáo… qua hệ thống LMS (Mục 5.1). + Tham gia đầy đủ các bài thực hành. | | |
| - Bộ môn phụ trách học phần: Quản lý TNMT/QLĐĐ/…  Điện thoại: 0915346082 Email: tuyentt@vinhuni.edu.vn | | |

**2. Mô tả học phần**

Biến đổi khí hậu đã trở thành vấn đề thách thức lớn nhất đối với toàn nhân loại, đặc biệt là nhiệm vụ duy trì được sự cân bằng giữa ứng phó với biến đổi khí hậu và phát triển kinh tế - xã hội của loài người. Học phần Biến đổi khí hậu cung cấp cho người học các kiến thức về biến đổi khí hậu, giải pháp thích ứng với biến đổi khí hậu. Học phần “Biến đổi khí hâu” được xem là phần kiến thức cơ bản, bắt buộc đối với các ngành thuộc lĩnh vực nông lâm ngư – môi trường, trong đó sinh viên cần tập trung nghiên cứu một hoặc một số chủ đề sau: (*1*) Hệ thống khí hậu; (*2*) Nguyên nhân và biểu hiện của biến đổi khí hậu; (*3*) Tác động của biến đổi khí hậu; (*4*) Ứng phó với biến đổi khí hậu; (*5*) Thích ứng và giảm thiểu tác động của biến đổi khí hậu trong các lĩnh vực sản xuất (nông, lâm, ngư nghiệp).

**3. Mục tiêu học phần**

Học phần biến đổi khí hậu giúp sinh viên có kiến thức cơ bản về biến đổi khí hậu, tiếp cận với các mạng lưới làm việc về biến đổi khí hậu ở Việt Nam, khu vực và thế giới thông quan hoạt động dạy học; Có ý tưởng ý tưởng nghiên cứu, ứng dụng giải pháp thích ứng, giảm thiểu biến đổi khí hậu trong lĩnh vực chuyên môn và cơ hội việc làm về biến đổi khí hậu trong ngành nghề đào tạo của mình.

**4. Chuẩn đầu ra học phần, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá**

***4.1. Ánh xạ chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **CĐR học phần** | PLO1.1 | PLO3.2 | PLO4.1 |
| 1.3.1 | 3.2.1 | 4.1.1 |
| CLO1.1 | 0.5 |  |  |
| CLO3.2 | 0.5 | 1.0 |  |
| CLO4.1 |  |  | 1.0 |

***4.2. Nội dung chuẩn đầu ra, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá học phần***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **CĐR học phần (CLO)** | **TĐNL CĐR**  **học phần** | **Mô tả CĐR học phần** | **Phương pháp dạy học** | **Phương pháp đánh giá** |
| CLO1.1 | K2 | Phát biểu được định nghĩa, đặc điểm của thời tiết và khí hậu; Vận dụng kiến thức để mô tả điều kiện thời tiết và khí hậu của một địa phương. | Thuyết trình & hoạt động nhóm | Tự luận |
| CLO1.2 | K2 | Mô tả được đặc điểm cơ bản các thành phần của hệ thống khí hậu (khí quyển, thủy quyển, băng quyển, thạch quyển và sinh quyển) và sự tương tác giữa chúng. | Thuyết trình & hoạt động nhóm | Tự luận |
| CLO1.3 | K2 | Mô tả được một số mô hình liên quan đến sự biến thiên khí hậu (sự cân bằng năng lượng toàn cầu, hiệu ứng nhà kính tự nhiên, hoàn lưu khí quyển, hoàn lưu đại dương, El Nino, La Nina). | Thuyết trình & hoạt động nhóm | Tự luận |
| CLO1.4 | K2 | Giải thích được nguyên nhân và mô tả được biểu hiện của BĐKH BĐKH | Thuyết trình & hoạt động nhóm | Tự luận |
| CLO1.5 | K2 | Trình bày được tác động của Biến đổi khí hậu lên nông lâm ngư nghiệp, chăn nuôi, tài nguyên và môi trường | Thuyết trình & hoạt động nhóm | Tự luận |
| CLO1.6 | K2 | Tóm tắt được các chương trình nghị sự toàn cầu (Công ước khung về biến đổi khí hậu của Liên hiệp quốc, Nghị định thư Kyoto) nhằm cắt giảm sự phát thải khí nhà kính; chiến lược quốc gia về biến đổi khí hậu của Việt Nam. | Thuyết trình & hoạt động nhóm | Tự luận |
| CLO1.7 | K2 | Đề xuất các lựa chọn để giảm phát thải khí nhà kính từ sản xuất nông nghiệp nông lâm ngư nghiệp, chăn nuôi, khai thác tài nguyên,… | Thuyết trình & hoạt động nhóm | Rubric |
| CLO3.2 | S2 | Có khả năng chia sẻ và hợp tác nhóm; Diễn giải được vai trò của thành viên trong nhóm và kỹ năng cần thiết để làm việc theo nhóm có hiệu quả | Hoạt động nhóm | Bảng kiểm  Phiếu đánh giá |
| CLO4.1 | C2 | Hình thành các ý tưởng nhằm ứng phó với tác động của biến đổi khí hậu đến nông lâm ngư nghiệp, chăn nuôi, tài nguyên và môi trường,… | Chuyên gia & hoạt động nhóm | Báo cáo;  Phiếu đánh giá |

**5. Đánh giá học tập và các bộ tiêu chí đánh giá**

***5.1. Đánh giá học tập***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Bài đánh giá** | **Hình thức đánh giá,**  **minh chứng, lưu hồ sơ** | **Công cụ**  **đánh giá** | **CĐR học phần** | **Tỷ lệ**  **(%)** |
| **A1. Đánh giá thường xuyên** | | | | **30%** |
| A1.1 | - Bài tập 1: Đọc tài liệu, xem video và phân tích một số mô hình liên quan đến sự biến thiên khí hậu; SV nạp bài qua LMS; GV đánh giá và lưu hồ sơ. | - Đáp án | CLO1.3 | 10% |
| A1.2 | - Seminar về các tác động của BĐKH trong lĩnh vực Nông nghiệp, TNMT, Thủy sản, Chăn nuôi,…; SV nạp báo cáo quá LMS; GV đánh giá và lưu hồ sơ. | - Rubric 1 | CLO1.5 | 20% |
| **A2. Đánh giá giữa kỳ** | | | | **20%** |
| A2.1 | - Bài thi trắc nghiệm; TT Đảm bảo chất lượng tổ chức thi và lưu hồ sơ | - Đáp án | CLO1.1 – CLO1.4 | 10% |
| A2.2 | - Viết báo cáo và trình bày: đề xuất giải pháp ứng phó với BĐKH (làm việc nhóm); SV nạp bài qua LMS; GV đánh giá và lưu hồ sơ | - Rubric 2 | CLO1.6  CLO1.7  CLO4.1 | 10% |
| **A3. Đánh giá cuối kỳ** | | | | **50%** |
| A3.1 (Lý thuyết) | - Thi tự luận/báo cáo;  - BM ra đề và lập HĐ chấm/đánh giá. | - Đáp án | CLO1.1 - CLO1.7 | 50% |
| **Công thức tính điểm tổng kết: Điểm TKHP = A1.1 \*0,1+A1.2\*0,1+A1.3\*0,3+A2.1\*0.5** | | | | |

***5.2. Các bộ tiêu chí đánh giá***

Rubric 1 : Đánh giá bài A1.2; A2.2

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| CĐR | Tiêu chí đánh giá | Trọng số bài A1.2 | Mức độ đánh giá | | | | |
| A | B | C | D | F |
| 8.5 - 10 | 7.0 - 8.4 | 5.5 - 6.9 | 4,0 -5,4 | < 4,0 |
| Có khả năng chia sẻ và hợp tác nhóm; Diễn giải được vai trò của thành viên trong nhóm và kỹ năng cần thiết để làm việc theo nhóm có hiệu quả. | Có khả năng chia sẻ và hợp tác nhóm | 10 | Có khả năng chia sẻ và hợp tác nhóm tốt | Có trách nhiệm và biết chia sẻ và hợp tác nhóm | Có tham gia chia sẻ và hợp tác nhóm | Chưa biết chia sẻ và hợp tác nhóm | Thiếu trách nhiệm và biết chia sẻ và hợp tác nhóm chưa hiệu quả |
| Xác định được vai trò của thành viên trong nhóm và kỹ năng cần thiết để làm việc theo nhóm có hiệu quả | 10 | Xác định tốt vai trò của thành viên trong nhóm và kỹ năng tốt, làm việc theo nhóm có hiệu quả | Xác định được vai trò của thành viên trong nhóm và có kỹ năng cần thiết để làm việc theo nhóm | Xác định được vai trò của thành viên trong nhóm nhưng kỹ năng làm việc nhóm chưa tốt | Chưa xác định được vai trò của thành viên trong nhóm và làm việc nhóm chưa có hiệu quả | Chưa xác định được vai trò của thành viên trong nhóm và làm việc nhóm không hiệu quả |
| - Trình bày được tác động của Biến đổi khí hậu lên nông lâm ngư nghiệp, chăn nuôi, tài nguyên và môi trường (A1.2)  - Đề xuất giải pháp ứng phó với BĐKH (A2.2) | Tác động của Biến đổi khí hậu lên nông lâm ngư nghiệp, TNMT (A1.2)  - Đề xuất giải pháp ứng phó với BĐKH (A2.2) | 50 | - Trình bày tốt vấn đề  - Nội dung phù hợp và chính xác.  - Phân tích, lập luận logic, cập nhật, có số liệu/dẫn chứng | - Trình bày đầy đủ vấn đề  - Nội dung phù hợp và chính xác.  - Phân tích, lập luận logic, có số liệu/dẫn chứng | - Trình bày tương đối đầy đủ vấn đề  - Nội dung phù hợp và chính xác.  - Biết phân tích, lập luận một cách logic. | - Trình bày được 50% yêu cầu  - Nội dung phù hợp và chính xác.  - Phân tích, lập luận logic, có số liệu/dẫn chứng | - Trình bày được dưới 50% yêu cầu |
| Hình thức bài báo cáo nhóm | 15 | -Slide/Bản báo được trình bày với bố cục rõ ràng, hợp lý  - Trình bày các thuật ngữ, hình ảnh, bảng biểu, sơ đồ, công thức tính toán logic dễ hiểu | Slide trình bày  các thuật ngữ, hình  ảnh, bảng biểu, sơ đồ, công thức tính toán phù hợp | Slide trình bày phù hợp. Trình bày hình ảnh, bảng biểu, sơ đồ, công thức tính toán phù hợp  - Dùng một số thuật ngữ khó hiểu, đưa nhiều nội dung vào slide. | Slide trình bày phù hợp  Sử dụng một số hình ảnh, bảng biểu, sơ đồ, công thức tính toán không liên quan  - Dùng một số thuật ngữ khó hiểu, đưa nhiều nội dung vào slide | Slide/Báo cáo không đúng trọng tâm; không đảmbảo chất lượng theo yêu cầu |
| Khả năng hiểu và bảo vệ kết quả | Trả lời câu hỏi | 15 | Biết phân tích và trả lời đầy đủ, ngắn gọn liên quan trực tiếp đến câu hỏi  - Tự tin khi trả lời | Trả lời ngắn gọn và phù hợp  - Tự tin khi trả lời | Câu trả lời tập trung  vào câu hỏi  - Hơi thiếu tự tin khi trả lời | Câu trả lời không rõ  ràng, ít liên quan đến  câu hỏi  - Thiếu tự tin khi trả  lời | Không trả lời được bất kỳ câu hỏi nào hoặc trả lời sai |

**6. Tài liệu học tập**

***6.1. Giáo trình:***

[1] Nguyễn Lê Ái Vĩnh, Đào Thị Minh Châu, Hồ Thị Phương. *Giáo trình Biến đổi khí hậu*. NXB Đại học Vinh, 2017.

***6.2.******Tài liệu tham khảo:***

[1] Nguyễn Văn Thắng, Nguyễn Trọng Hiệu, Trần Thục, Phạm Thị Thanh Hương, Nguyễn Thị Lan & Vũ Văn Thắng. *Biến đổi khí hậu và tác động ở Việt Nam*. NXB Khoa học và Kỹ thuật, 2010, 276 tr.

[2] Đặng Duy Lợi, Đào Ngọc Hùng. *Giáo trình Biến đổi khí hậu*. NXB Đại học Sư phạm, 2014, 202 tr.

[3] Bộ Tài nguyên và Môi trường. *Kịch bản biến đổi khí hậu, nước biển dâng cho Việt Nam*.NXB tài nguyên - môi trường và bản đồ Việt Nam, 2012, 83 tr.

[4] Trần Thanh Xuân, Trần Thục, Hoàng Minh Tuyển. *Tác động của biến đổi khí hậu đến tài nguyên nước Việt Nam*. NXB Khoa học và Kỹ thuật, 2011.

[5] Nguyễn Văn Viết, Đinh Vũ Thanh. *Biến đổi khí hậu và nông nghiệp Việt Nam*. NXB Tài nguyên – Môi trường và Bản đồ Việt Nam, 2014.

[6] Website của IPCC: <https://www.ipcc.ch/>

**7. Kế hoạch dạy học**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tuần** | **Nội dung công việc** | **Địa điểm/**  **không gian thực hiện** | **Hoạt động của sinh viên** | **Hoạt động của GV** | **Kết quả cần đạt được** | **Bài đánh giá** | **CĐR học phần** |
| **1** | ***Mở đầu*** | Lớp học và không gian tự học | Trả lời câu hỏi, thảo luận; | Thuyết giảng, tổ chức thảo luận; Trò chơi | K2 | A1.1 | CLO1.1 |
| **2** | **Chương 1. Hệ thống khí hậu**   * 1. Thời tiết và khí hậu   2. Các thành phần của hệ thống khí hậu | Lớp học và không gian tự học | Trả lời câu hỏi, thảo luận;  tự nghiên cứu, thảo luận nhóm | Thuyết giảng, tổ chức thảo luận; | K2 | A1.1  A1.2 | CLO1.1 |
| **3** | * 1. Sự tương tác giữa các thành phần của hệ thống khí hậu | Lớp học và không gian tự học | Trả lời câu hỏi, thảo luận;  tự nghiên cứu, thảo luận nhóm | Thuyết giảng, tổ chức thảo luận; | K2 | A1.1  A1.2 | CLO1.2 |
| **4** | * 1. Biến thiên và dị thường khí hậu   2. El nino và La nina | Lớp học và không gian tự học | Trả lời câu hỏi, thảo luận;  tự nghiên cứu, thảo luận nhóm | Thuyết giảng, tổ chức thảo luận; | K2 | A1.1  A1.2 | CLO1.2  CLO2.1 |
| **5** | **Chương 2. Khái quát về Biến đổi khí hậu**  2.1. Khái niệm  2.2. Nguyên nhân  2.3. Biểu hiện của BĐKH | Lớp học và không gian tự học | Trả lời câu hỏi, thảo luận;  tự nghiên cứu, thảo luận nhóm | Thuyết giảng, tổ chức thảo luận; | K2 | A1.1  A1.2 | CLO1.2 |
| **6** | **Chương 3. Tác động của Biến đổi khí hậu**  3.1. BĐKH và nước biển dâng | Lớp học và không gian tự học | Trả lời câu hỏi, thảo luận;  tự nghiên cứu, thảo luận nhóm | Thuyết giảng, tổ chức thảo luận; | C2 | A1.1  A1.2 | CLO4.4 |
| **7** | 3.2. Tác động của BĐKH lên tài nguyên thiên nhiên  3.3. Tác động của BĐKH lên sản xuất nông nghiệp | Lớp học và không gian tự học | Trả lời câu hỏi, thảo luận;  tự nghiên cứu, thảo luận nhóm | Tổ chức thảo luận; làm việc nhóm | S2, K2 | A1.1  A1.2 | CLO4.5 |
| **8** | 3.4. Tác động của BĐKH lên ngành thủy sản, chăn nuôi | Lớp học và không gian tự học | Thảo luận nhóm | Tư vấn, định hướng | S2, K2 | A2.1 |  |
| **9** | **Chương 4. Ứng phó với BĐKH**  4.1. Một số khái niệm | Lớp học và không gian tự học | Thảo luận; Tự nghiên cứu | Gợi mở, định hướng | S2, K2 | A2.1 |  |
| **10** | 4.2. Chiến lược ứng phó với BĐKH | Lớp học và không gian tự học | Thảo luận nhóm | Tư vấn, định hướng | S2, K2 | A2.1 |  |
| **11** | 4.3. Thích ứng với BĐKH | Lớp học và không gian tự học | Thảo luận nhóm | Tư vấn, định hướng | S2, K2 | A2.1 |  |
| **12** | 4.4. Giải pháp ứng phó với BĐKH trong lĩnh vực nông lâm ngư – môi trường | Lớp học và không gian tự học | Thảo luận nhóm | Tư vấn, định hướng | S2, K2 | A2.1 |  |
| **13** | Thảo luận nhóm – chuyên gia BĐKH | Lớp học | Thảo luận nhóm | GV và chuyên gia trao đổi, nhận xét, đánh giá | S2, K2 | A2.2 | CLO3.2  CLO4.3 |
| **14** | Báo cáo nhóm | Lớp học | SV báo cáo theo nhóm | GV nhận xét, đánh giá | S2, K2 | A2.2 | CLO3.2  CLO4.3 |
| **15** | Báo cáo nhóm | Lớp học | SV báo cáo theo nhóm | GV nhận xét, đánh giá | S2, K2 | A2.2 | CLO3.2  CLO4.3 |

**8. Nhiệm vụ của người học**

***8.1. Phần tự học***

- Nghiên cứu tài liệu, xem các slide/video/website.

- Chủ động tìm các nguồn tài liệu khác liên quan đến nội dung học phần.

- Thảo luận, trao đổi những vấn đề liên quan đến học phần với bạn học/cựu sinh viên/cán bộ tại đơn vị trải nghiệm hoặc các nguồn lực hỗ trợ khác.

- Hoàn thành các bài tập được giao trên LMS.

***8.2. Phần học trên lớp trực tiếp hoặc online với giảng viên***

- Dự lớp ≥ 80% tổng thời lượng của học phần.

- Chủ động, tích cực trong giờ học.

- Phát hiện, đưa ra câu hỏi hoặc vấn đề liên quan đến nội dung học tập.

**9. Ngày phê duyệt:**

**10. Cấp phê duyệt:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **KT. HIỆU TRƯỞNG**  **PHÓ HIỆU TRƯỞNG** | **VIỆN TRƯỞNG**  **TS. Nguyễn Đình Vinh** | **TRƯỞNG BỘ MÔN**  **PGS.TS. Trần Thị Tuyến** |

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH**  **VIỆN NÔNG NGHIỆP VÀ TÀI NGUYÊN**  **----------------------------** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**  **-------------------------** |

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN CHI TIẾT**

**Cơ sở quản lí tài nguyên và môi trường**

**1. Thông tin tổng quát**

**1.1. Thông tin về giảng viên**

**Giảng viên 1:**

Họ và tên: **Hoàng Thị Thủy**

Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Thạc sỹ

Địa chỉ liên hệ: 182 Lê Duẩn, TP Vinh, Nghệ An

Điện thoại, email: 0982.900.499 htthuy@vinhuni.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Kinh tế môi trường; Quản lí tài nguyên môi trường

**Giảng viên 2:**

Họ và tên: **Trần Thị Tuyến**

Chức danh, học hàm, học vị: Tiến sĩ, GVC

Địa chỉ liên hệ: 182 Lê Duẩn, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

Điện thoại, email: 0915.346.082 tuyentt@vinhuni.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: DVCQ – QHMT; Ứng dụng công nghệ trong QL TN&MT

**Giảng viên 3:**

Họ và tên: **Phạm Mỹ Dung**

Học hàm, học vị: Tiến sĩ, GVC

Địa chỉ liên hệ: 182 Lê Duẩn, TP Vinh, Nghệ An

Điện thoại: 0948.231.430 Email: [dungpm@vinhuni.edu.vn](mailto:dungpm@vinhuni.edu.vn)

Các hướng nghiên cứu chính: Dinh dưỡng và thức ăn động vật thủy sản; Công nghệ sinh học sản xuất và nuôi thủy sản; Công nghệ tảo và ứng dụng

**Giảng viên 4:**

Họ và tên: **Cao Thị Thu Dung**

Học hàm, học vị: Thạc sĩ

Địa chỉ liên hệ: 182 Lê Duẩn, TP Vinh, Nghệ An

Điện thoại: 0944.364.479 Email: [dungctt@vinhuni.edu.vn](mailto:dungctt@vinhuni.edu.vn)

Các hướng nghiên cứu chính: Đất nông nghiệp, dinh dưỡng cây trồng, cây dược liệu.

**Giảng viên 5:**

Họ và tên: **Trần Đình Du**

Chức danh, học hàm, học vị: Tiến sĩ

Địa chỉ liên hệ: 182 Lê Duẫn, TP Vinh, Nghệ An

Điện thoại: 0981.995.009 Email: [dutd@vinhuni.edu.vn](mailto:dutd@vinhuni.edu.vn)

Các hướng nghiên cứu chính: Ứng dụng GIS - viễn thám; Quản lý đất đai

**Giảng viên 6:**

Họ và tên: **Nguyễn Hữu Hiền**

Chức danh, học hàm, học vị: Tiến sĩ

Địa chỉ liên hệ: 182 Lê Duẫn, TP Vinh, Nghệ An

Điện thoại: 0978.038.777 Email: [hiennh@vinhuni.edu.vn](mailto:hiennh@vinhuni.edu.vn)

Các hướng nghiên cứu chính: Dinh dưỡng cây trồng

**1.2. Thông tin về môn học**

|  |  |
| --- | --- |
| - Tên môn học (tiếng Việt): **Cơ sở quản lí tài nguyên và môi trường**  (tiếng Anh): Fundamentals of resources and environment management | |
| - Mã số môn học: ANR20004 | |
| |  |  | | --- | --- | | - Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:  Kiến thức cơ bản  Kiến thức cơ sở ngành  Kiến thức ngành | Học phần chuyên về kỹ năng chung  Học phần dạy học theo hình thức dự án/đồ án  Kiến thức khác | | |
| - Số tín chỉ: | 4 |
| + Số tiết lý thuyết: | 30 |
| + Số tiết thực hiện đồ án: | 30 |
| + Số tiết tự học: | 120 |
| - Học phần tiên quyết: | không |
| - Học phần song hành: | không |

**2. Mô tả học phần**

Học phần Cơ sở quản lí tài nguyên và môi trường thuộc khối kiến thức cơ sở ngành, được giảng dạy cho sinh viên khối ngành Nông – lâm – ngư, môi trường. Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản về tài nguyên, môi trường, phát triển bền vững; đặc điểm các loại tài nguyên và ô nhiễm môi trường đất, nước, không khí, rừng, khoáng sản, biển và đại dương; các vấn đề tài môi trường toàn cầu; các vấn đề cơ bản về quản lí tài nguyên và môi trường. Thông qua phương pháp, hình thức tổ chức dạy học các nội dung trên, sinh viên được rèn luyện các kỹ năng làm việc nhóm, khả năng giải quyết các vấn đề tài nguyên – môi trường nảy sinh trong quá trình sản xuất (nông, lâm, ngư nghiệp).

**3. Mục tiêu học phần**

Học phần *Cơ sở quản lí tài nguyên và môi trường* áp dụng những kiến thức về nông lâm ngư – môi trường vào giải quyết các vấn đề tài nguyên và môi trường trong thực tiễn. Người học thể hiện tư duy hệ thống, tư duy sáng tạo, khả năng làm việc nhóm; khả năng hình thành ý tưởng, thiết kế hoạt động quản lí tài nguyên và môi trường. Từ đó, người học đưa ra định hướng học tập để đáp ứng yêu cầu công việc và bối cảnh nghề nghiệp.

**4. Chuẩn đầu ra học phần, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá**

**4.1.** ***Ánh xạ chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo***

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| CĐR học phần |  | | Ánh xạ với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO) | | | | |
| PLO1.3 | | | PLO2.1 | PLO3.1 | PLO4.1 | PLO4.2 |
| 1.3.1 | 1.3.2 | | 2.1.2 | 3.1.1 | 4.1.1 | 4.2.1 |
| CLO1.1 |  | 1,0 | |  |  |  |  |
| CLO1.2 | 0,5 |  | |  |  |  |  |
| CLO1.3 | 0,5 |  | |  |  |  |  |
| CLO2.1 |  |  | | 1,0 |  |  |  |
| CLO3.1 |  |  | |  | 1,0 |  |  |
| CLO4.1 |  |  | |  |  | 0,5 |  |
| CLO4.2 |  |  | |  |  | 0,5 |  |
| CLO4.3 |  |  | |  |  |  | 1,0 |

***4.2.*** ***Nội dung chuẩn đầu ra, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá học phần***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **CĐR học phần (CLO)** | **TĐNL CĐR**  **học phần** | **Mô tả CĐR học phần** | **Phương pháp dạy học** | **Phương pháp đánh giá** |
| CLO1.1 | K3 | Trình bày được khái niệm cơ bản về tài nguyên thiên nhiên và môi trường; các mục tiêu, nguyên tắc của phát triển bền vững. | Thuyết giảng,  Thảo luận | Trắc nghiệm |
| CLO1.2 | K3 | Phân tích được đặc điểm các loại tài nguyên thiên nhiên và ô nhiễm môi trường đất, nước, không khí, tài nguyên rừng, khoáng sản, biển và đại dương; những vấn đề tài nguyên – môi trường toàn cầu. | Thuyết giảng,  Thảo luận | Trắc nghiệm |
| CLO1.3 | K3 | Hiểu nguyên tắc, công cụ, quản lí tài nguyên và môi trường. | Thuyết giảng, Thảo luận | Trắc nghiệm |
| CLO2.1 | S2 | Có kỹ năng lập luận, giải quyết các vấn đề trong lĩnh vực sản xuất nông – lâm – ngư, môi trường. | Trải nghiệm & hoạt động nhóm | Phiếu đánh giá |
| CLO3.1 | S3 | Có khả năng làm việc nhóm và hợp tác hiệu quả giữa các nhóm liên ngành. | Trải nghiệm & hoạt động nhóm | Phiếu đánh giá |
| CLO4.1 | C2 | Phát hiện các vấn đề về quản lí tài nguyên, môi trường trong lĩnh sản xuất nông – lâm – ngư. | Trải nghiệm & hoạt động nhóm | Phiếu đánh giá |
| CLO4.2 | C2 | Phân tích tác động của vấn đề môi trường trong lĩnh vực nông – lâm – ngư với văn hóa, xã hội địa phương. | Trải nghiệm & hoạt động nhóm | Phiếu đánh giá |
| CLO4.3 | C2 | Có khả năng hình thành ý tưởng trong hoạt động quản lí tài nguyên – môi trường. | Trải nghiệm & hoạt động nhóm | Phiếu đánh giá |

**5. Đánh giá học tập và các bộ tiêu chí đánh giá** *(các thành phần, các bài đánh giá và tỷ lệ đánh giá, thể hiện sự tương quan với các CĐR của môn học)*

***5.1. Đánh giá học tập***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Bài đánh giá** | **Hình thức đánh giá và lưu hồ sơ** | **Công cụ đánh giá** | **CĐR học phần** | **Tỷ lệ**  **(%)** |
| **A1. Đánh giá thường xuyên** | |  |  | **30%** |
| A1.1 | Bài tập nhóm nộp qua hệ thống LMS | Rubric 1 | CLO1.1 CLO1.2  CLO1.3 | 30% |
| **A2. Đánh giá giữa kỳ** | |  |  | **20%** |
| A2.1 | Bài thi trắc nghiệm | Đáp án | CLO1.1 CLO1.2 | 20% |
| **A3. Đánh giá cuối kỳ** | |  |  | **50%** |
| A3.1 | Hoạt động nhóm | Rubric 2 | CLO2.1  CLO3.1  CLO4.1  CLO4.2  CLO4.3 | 10% |
| A3.2 | Báo cáo đồ án | Rubric 3 | CLO2.1  CLO3.1  CLO4.1  CLO4.2  CLO4.3 | 40% |
| **Công thức tính điểm tổng kết:** (A1.1 \*3+A2.1\*2+A3.1+A3.2\*4)/10 | | | | |

***5.2. Các bộ tiêu chí đánh giá***

**5.2.1. Bộ tiêu chí đánh giá học tập thường xuyên**

**Bảng 1. Rubric 1: Rubric đánh giá bài tập nhóm (A1.1)**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí đánh giá** | **Trọng số** | **Mô tả mức chất lượng** | | | | **Điểm** |
| **Giỏi** | **Khá** | **Trung bình** | **Yếu** |  |
| **10 – 8.5** | **8.4 – 7.0** | **6.9 – 5.0** | **4.9 - 0** |  |
| **Hình thức báo cáo** | 10% | - Hình thức báo cáo đẹp, rõ, không lỗi chính tả. | - Hình thức báo cáo khá đẹp, rõ, nhưng có từ 1-5 lỗi chính tả. | - Hình thức báo cáo đạt, khá rõ, nhưng có nhiều lỗi chính tả. | - Hình thức báo cáo đơn điệu, không rõ, rất nhiều lỗi chính tả. |  |
| **Kỹ năng trình bày** | 10% | - Tự tin, ngôn ngữ trình bày rõ ràng, ngắn gọn, dễ hiểu, truyền cảm và thuyết phục người nghe. | - Ngôn ngữ trình bày rõ ràng, ngắn gọn, dễ hiểu, song chưa thực sự truyền cảm và thuyết phục người nghe. | - Trình bày chưa rõ ràng, khá dài dòng và hơi khó hiểu và chưa thuyết phục người nghe. | - Trình bày không rõ ràng, dài dòng và khó hiểu, không thuyết phục người nghe. |  |
| **Nội dung báo cáo** | 40% | Đáp ứng 80%- 100% yêu cầu | Đáp ứng 70%- 80% yêu cầu | Đáp ứng 50%- 70% yêu cầu | Đáp ứng dưới 50% yêu cầu |  |
| **Trả lời câu hỏi** | 20% | Trả lời đúng tất cả các câu hỏi | Trả lời đúng trên 2/3 số câu hỏi | Trả lời đúng trên 1/2 số câu hỏi | Trả lời đúng dưới 1/2 số câu hỏi |  |
| **Tham gia thực hiện** | 20% | 100% thành viên tham gia thực hiện | Thành viên tham gia đầy đủ nhưng chưa thực sự tích cực. | Thành viên tham gia chưa đầy đủ và một số thành viên chưa tích cực. | Nhiều thành viên không tham gia |  |

**5.2.2. Bộ tiêu chí đánh giá giữa kỳ: Đáp án**

**5.2.3. Bộ tiêu chí đánh giá cuối kỳ**

**Bảng 2. Rubric đánh giá hoạt động nhóm (A3.1)**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí** | **Mức độ (theo thang điểm)** | | | | |
|  | **8.5-10** | **7.0-8.4** | **5.0-6.9** | **4.9-0.0** |
| **1. Kế hoạch nhóm**  ***(40%)*** | - Kế hoạch rõ ràng, khoa học.  - Phân công nhiệm vụ cụ thể, công bằng và phù hợp với các thành viên của nhóm. | - Kế hoạch rõ ràng, khoa học.  - Phân công nhiệm vụ nhưng chưa cụ thể, chưa công bằng và chưa thực sự phù hợp với các thành viên của nhóm. | - Kế hoạch khá rõ ràng, khá khoa học.  - Phân công nhiệm vụ nhưng chưa cụ thể ràng, chưa phù hợp với các thành viên của nhóm. | - Kế hoạch chưa rõ ràng, chưa khoa học  - Phân công nhiệm vụ nhưng không cụ thể, không phù hợp với các thành viên của nhóm. |
| **2. Tổ chức thực hiện**  ***(60%)*** | - Triển khai đúng kế hoạch đề ra.  - Phát huy thế mạnh của các thành viên trong nhóm.  - Tương tác, phối hợp tốt giữa các  thành viên. | - Triển khai đúng kế hoạch đề ra.  - Thành viên tham gia đầy đủ nhưng chưa thực sự tích cực. | - Triển khai tương đối đúng kế hoạch đề ra.  - Thành viên tham gia chưa đầy đủ và một số thành viên chưa tích cực. | - Triển khai chưa đúng kế hoạch đề ra.  - Nhiều thành viên không tham gia |
| **TỔNG ĐIỂM: \_\_\_\_\_\_/10 *(bằng chữ: …………………………………………………)*** | | | | | |

**Bảng 3. Rubric đánh giá đồ án (A3.2)**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí đánh giá** | **Mô tả mức chất lương** | | | |
| **Giỏi** | **Khá** | **Trung bình** | **Yếu** |
| **8.5-10** | **7.0-8.4** | **5.0-6.9** | **0.0-4.9** |
| **Nội dung đồ án**  *(60 %)* | - Trình bày đầy đủ và rõ ràng mục tiêu, đối tượng của đồ án.  - Trình bày đầy đủ, logic cơ sở lý luận và thực tiễn của vấn đề tài nguyên, môi trường.  - Đánh giá đầy đủ hiện trạng tại lãnh thổ nghiên cứu (hiện trạng tài nguyên- môi trường, hiện trạng hoạt động quản lí tài nguyên, môi trường).  - Đề xuất được giải pháp cho vấn đề tài nguyên, môi trường. | - Trình bày đầy đủ nhưng chưa thực sự rõ ràng các mục tiêu, đối tượng của đồ án.  - Trình bày khá đầy đủ cơ sở lý luận và thực tiễn của vấn đề tài nguyên, môi trường.  - Đánh giá được hiện trạng tại lãnh thổ nghiên cứu (hiện trạng tài nguyên- môi trường, hiện trạng hoạt động quản lí tài nguyên, môi trường).  - Đề xuất được một số giải pháp cho vấn đề tài nguyên, môi trường. | - Trình bày chưa đầy đủ và chưa thực sự rõ ràng các mục tiêu, đối tượng của đồ án.  - Trình bày chưa đầy đủ cơ sở lý luận và thực tiễn của vấn đề tài nguyên, môi trường.  - Đánh giá khá sơ sài về hiện trạng tại lãnh thổ nghiên cứu (hiện trạng tài nguyên- môi trường, hiện trạng hoạt động quản lí tài nguyên, môi trường).  - Chưa đề xuất được giải pháp cho vấn đề tài nguyên, môi trường. | - Trình bày thiếu nhiều nội dung và không rõ ràng các mục tiêu, đối tượng của đồ án.  - Trình bày sơ sài cở sở lý luận và thực tiễn.  - Chưa đánh giá được hiện trạng tại lãnh thổ nghiên cứu.  - Chưa đề xuất được giải pháp cho vấn đề tài nguyên, môi trường. |
| **Hình thức trình bày**  *(20%)* | Nội dung phù  hợp. Trình tự,  cấu trúc logic,  rõ ràng, đáp  ứng yêu cầu.  Hình ảnh, bảng  biểu rõ ràng,  logic, ghi chú  phù hợp. | Nội dung phù hợp. Trình tự, cấu trúc logic, rõ ràng đáp  ứng yêu cầu. Hình ảnh, bảng biểu rõ ràng, logic, ghi chú phù hợp. | Nội dung, trình tự  trình bày thuyết minh  phù hợp theo yêu  cầu. Trình bày còn một số lỗi về  chính tả. | Trình tự trình bày  Không đúng. Nội  dung phù hợp theo  yêu cầu. Hình vẽ,  bảng biểu còn nhiều  mâu thuẫn với nội  dung. |
| **Kỹ năng thuyết trình**  *(20%)* | - Tự tin, ngôn ngữ trình bày rõ ràng, ngắn gọn, dễ hiểu, truyền cảm và thuyết phục người nghe. | - Ngôn ngữ trình bày rõ ràng, ngắn gọn, dễ hiểu, song chưa thực sự truyền cảm và thuyết phục người nghe. | - Trình bày chưa rõ ràng, khá dài dòng và hơi khó hiểu và chưa thuyết phục người nghe. | - Trình bày không rõ ràng, dài dòng và khó hiểu, không thuyết phục người nghe. |
| **TỔNG ĐIỂM: \_\_\_\_\_\_/10 *(bằng chữ: …………………………………………………)*** | | | | |

**6. Tài liệu học tập**

***6.1. Giáo trình***

[1] Trần Thị Tuyến (chủ biên), *Giáo trình Cơ sở quản lí tài nguyên và môi trường*, NXB Đại học Vinh, 2020.

***6.2. Tài liệu tham khảo***

[2] Nguyễn Ngọc Dung, *Quản lý tài nguyên & môi trường*, NXB Xây dựng 2010.

**7. Kế hoạch dạy học**

7.1. Giảng dạy lý thuyết

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tuần** | **Nội dung** | **Địa điểm/**  **không gian thực hiện** | **Hoạt động của sinh viên** | **Hoạt động của GV** | **Kết quả cần đạt được** | **Bài đánh giá** | **CĐR học phần** |
| 1 | Chương 1. Tài nguyên -môi trường và phát triển bền vững  1.1. Tài nguyên thiên nhiên  1.2. Môi trường | Lớp học và không gian tự học. | Trả lời câu hỏi, thảo luận; tự nghiên cứu, thảo luận nhóm, học trên LMS. | Thuyết giảng, tổ chức thảo luận;  hướng dẫn và giám sát việc tự học của sinh viên | K3 | A1.1  A2.1 | CLO1.1 |
| 2 | 1.3. Phát triển bền vững | Lớp học và không gian tự học. | Trả lời câu hỏi, thảo luận; tự nghiên cứu, thảo luận nhóm, học trên LMS. | Thuyết giảng, tổ chức thảo luận;  hướng dẫn và giám sát việc tự học của sinh viên | K3 | A1.1  A2.1 | CLO1.1 |
| 3 | Chương 2. Tài nguyên và môi trường đất, nước, không khí  2.1. Tài nguyên và môi trường đất  2.2. Tài nguyên và môi trường nước | Lớp học và không gian tự học. | Trả lời câu hỏi, thảo luận; tự nghiên cứu, thảo luận nhóm, học trên LMS. | Thuyết giảng, tổ chức thảo luận;  hướng dẫn và giám sát việc tự học của sinh viên | K3 | A1.1  A2.1 | CLO1.2  CLO3.1 |
| 4 | 2.3. Tài nguyên khí hậu và môi trường không khí | Lớp học và không gian tự học. | Trả lời câu hỏi, thảo luận; tự nghiên cứu, thảo luận nhóm, học trên LMS. | Thuyết giảng, tổ chức thảo luận;  hướng dẫn và giám sát việc tự học của sinh viên | K3 | A1.1  A2.1 | CLO1.2 |
| 5 | Chương 3. Tài nguyên và môi trường rừng, khoáng sản, biển và đại dương  3.1. Tài nguyên rừng  3.2. Tài nguyên khoáng sản và môi trường trong khai thác khoáng sản | Lớp học và không gian tự học. | Trả lời câu hỏi, thảo luận; tự nghiên cứu, thảo luận nhóm, học trên LMS. | Thuyết giảng, tổ chức thảo luận;  hướng dẫn và giám sát việc tự học của sinh viên | K3 | A1.1  A2.1 | CLO1.2 |
| 6 | 3.3. Tài nguyên và môi trường biển và đại dương | Lớp học và không gian tự học. | Trả lời câu hỏi, thảo luận; tự nghiên cứu, thảo luận nhóm, học trên LMS. | Thuyết giảng, tổ chức thảo luận;  hướng dẫn và giám sát việc tự học của sinh viên | K3 | A1.1  A2.1 | CLO1.2 |
| 7 | Chương 4. Vấn đề môi trường toàn cầu  4.1. Các áp lực đối với môi trường  4.2. Biến đổi khí hậu  4.3. Suy giảm đa dạng sinh học | Lớp học và không gian tự học. | Trả lời câu hỏi, thảo luận; tự nghiên cứu, thảo luận nhóm, học trên LMS. | Thuyết giảng, tổ chức thảo luận;  hướng dẫn và giám sát việc tự học của sinh viên | K3 | A1.1  A2.1 | CLO1.2 |
| 8 | 4.4. Sa mạc hóa  4.5. An ninh nguồn nước  4.6. Ô nhiễm môi trường xuyên biên giới trên thế giới | Lớp học và không gian tự học. | Trả lời câu hỏi, thảo luận; tự nghiên cứu, thảo luận nhóm, học trên LMS. | Thuyết giảng, tổ chức thảo luận;  hướng dẫn và giám sát việc tự học của sinh viên | K3 | A1.1  A2.1 | CLO1.2 |
| 9 | Chương 5. Khái quát quản lí tài nguyên và môi trường  5.1. Khái quát về quản lí và quản lí nhà nước  5.2. Quản lí tài nguyên và môi trường | Lớp học và không gian tự học. | Trả lời câu hỏi, thảo luận; tự nghiên cứu, thảo luận nhóm, học trên LMS. | Thuyết giảng, tổ chức thảo luận;  hướng dẫn và giám sát việc tự học của sinh viên | K3 | A1.1 | CLO1.3 |
| 10 | 5.3. Các công cụ quản lí tài nguyên và môi trường | Lớp học và không gian tự học. | Trả lời câu hỏi, thảo luận; tự nghiên cứu, thảo luận nhóm, học trên LMS. | Thuyết giảng, tổ chức thảo luận;  hướng dẫn và giám sát việc tự học của sinh viên | K3 | A1.1 | CLO1.3 |

**7.2. Giảng dạy đồ án**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tuần** | **Nội dung** | **Địa điểm/**  **không gian thực hiện** | **Hoạt động của sinh viên** | **Hoạt động của GV** | **Kết quả cần đạt được** | **Bài đánh giá** | **CĐR học phần** |
| 1 | Lựa chọn đề cương nghiên cứu vấn đề tài nguyên môi trường | Lớp học và không gian tự học của nhóm và cá nhân | Thảo luận nhóm;  tự nghiên cứu theo hướng dẫn của GV | Tổ chức thảo luận;  hướng dẫn và giám sát việc tự học của sinh viên | S2, S3, C2 | A3.1 | CLO3.1 |
| 2 | Lập đề cương nghiên cứu và kế hoạch khảo sát thực tế tại cơ sở sản xuất nông lâm ngư, môi trường. | Lớp học và không gian tự học của nhóm và cá nhân | Thảo luận nhóm;  tự nghiên cứu theo hướng dẫn của GV | Tổ chức thảo luận;  hướng dẫn và giám sát việc tự học của sinh viên | S2, S3, C2 | A3.1 | CLO3.1 |
| 3 | Báo cáo đề cương và kế hoạch trải nghiệm tại cơ sở sản xuất nông lâm ngư, môi trường. | Lớp học | SV báo cáo theo nhóm | Nhận xét, đánh giá, hướng dẫn điều chỉnh kế hoạch (nếu có) | S2, S3, C2 | A3.1 | CLO3.1 |
| 4 | Khảo sát thực tế tại cơ sở sản xuất nông lâm ngư, môi trường. | Cơ sở sản xuất nông lâm ngư, môi trường. | Khảo sát hoạt động của các cơ sở, xác định những vấn đề tài nguyên, môi trường. | Hỗ trợ, giám sát | S2, S3, C2 | A3.1 | CLO4.1 |
| 5 | Khảo sát thực tế tại cơ sở sản xuất nông lâm ngư, môi trường. | Cơ sở sản xuất nông lâm ngư, môi trường. | Khảo sát hoạt động của các cơ sở, xác định những vấn đề tài nguyên, môi trường. | Hỗ trợ, giám sát | S2, S3, C2 | A3.1 | CLO4.1 |
| 6 | Thiết kế hoạt động quản lí và bảo vệ môi trường | Lớp học hoặc nhóm SV tự chọn không gian làm việc | Thảo luận nhóm | Tư vấn, định hướng, giám sát | S2, S3, C2 | A3.1 | CLO4.3 |
| 7 | Thiết kế hoạt động quản lí và bảo vệ môi trường | Lớp học hoặc nhóm SV tự chọn không gian làm việc | Thảo luận nhóm | Tư vấn, định hướng, giám sát | S2, S3, C2 | A3.1 | CLO4.3 |
| 8 | Viết báo cáo dự án học phần | Lớp học hoặc nhóm SV tự chọn không gian làm việc | Thảo luận nhóm  Viết báo cáo | Tư vấn, định hướng, giám sát | S3, C2 | A3.1 | CLO2.1  CLO4.1  CLO4.2 |
| 9 | Viết báo cáo dự án học phần | Lớp học hoặc nhóm SV tự chọn không gian làm việc | Thảo luận nhóm  Viết báo cáo | Tư vấn, định hướng, giám sát | S3, C2 | A3.1 | CLO2.1  CLO4.1  CLO4.2 |
| 10 | Báo cáo dự án học phần  (Đánh giá cuối kì) | Lớp học | SV báo cáo theo nhóm | GV nhận xét, đánh giá | S2, S3, C2 | A3.1  A3.2 | CLO4.2  CLO4.3 |

**8. Nhiệm vụ của người học**

***8.1. Phần tự học***

- Nghiên cứu tài liệu, xem các slide/video/website.

- Chủ động tìm các nguồn tài liệu khác liên quan đến nội dung học phần.

- Thảo luận, trao đổi những vấn đề liên quan đến học phần với bạn học/cựu sinh viên/cán bộ tại đơn vị trải nghiệm hoặc các nguồn lực hỗ trợ khác.

- Hoàn thành các bài tập được giao trên LMS.

***8.2. Phần học trên lớp trực tiếp hoặc online với giảng viên***

- Dự lớp ≥ 80% tổng thời lượng của học phần.

- Chủ động, tích cực trong giờ học.

- Phát hiện, đưa ra câu hỏi hoặc vấn đề liên quan đến nội dung học tập.

***8.3. Làm việc nhóm, thực hiện đồ án môn học***

- Tham gia xây dựng kế hoạch hoạt động của nhóm.

- Tôn trọng ý kiến và chịu trách nhiệm về kết quả làm việc chung.

- Hoàn thành đầy đủ nhiệm vụ và sản phẩm dự án được giao.

**9. Ngày phê duyệt:**

**10. Cấp phê duyệt:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **KT. HIỆU TRƯỞNG**  **PHÓ HIỆU TRƯỞNG** | **VIỆN TRƯỞNG**  **TS. Nguyễn Đình Vinh** | | **TRƯỞNG BỘ MÔN**  **PGS.TS. Trần Thị Tuyến** |
| **TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH**  **TRƯƠNG SƯ PHẠM**  **----------------------------** | | | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**  **-------------------------** | | |

## **ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN CHI TIẾT**

## **Hóa phân tích**

**1. Thông tin tổng quát:**

***1.1. Thông tin về giảng viên***

**Giảng viên 1:**

Họ và tên: Đinh Thị Trường Giang

Chức danh, học hàm, học vị: PGS.TS

Địa chỉ liên hệ: Khoa Hóa học, Trường Sư Phạm, Đại học Vinh, 182 - Lê Duẩn - TP Vinh

Điện thoại: 0912 922 718 Email: giangdtt@vinhuni.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính:

- Phân tích thực phẩm, dược - mỹ phẩm

- Phân tích môi trường, vật liệu, hóa chất, phân bón, khoáng sản.

**Giảng viên 2:**

Họ và tên: Đinh Thị Huyền Trang

Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Thạc sĩ

Địa chỉ liên hệ: Khoa Hóa học, Trường Sư Phạm, Đại học Vinh, 182 - đường Lê Duẩn - TPVinh

Điện thoại: 0976973011 Email: huyentrang1706@gmail.com

Các hướng nghiên cứu chính:

- Phân tích thực phẩm, dược - mỹ phẩm

- Phân tích môi trường, vật liệu, hóa chất, phân bón, khoáng sản.

**Giảng viên 3:**

Họ và tên: Trương Thị Bình Giang

Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Thạc sĩ

Địa chỉ liên hệ: Khoa Hóa học, Trường Sư Phạm, Đại học Vinh, 182 - đường Lê Duẩn - TPVinh

Điện thoại: 0917603737 Email: tbgiang1912@gmail.com

Các hướng nghiên cứu chính:

- Phân tích thực phẩm, dược - mỹ phẩm

- Phân tích môi trường, vật liệu, hóa chất, phân bón, khoáng sản.

***1.2. Thông tin về học phần:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| - Tên học phần (tiếng Việt): **Hóa phân tích**  (tiếng Anh): **Analytical Chemistry** | | |
| - Mã số học phần: CHE21001 | | |
| - Thuộc CTĐT Ngành Nuôi trồng thủy sản | | |
| - Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:  Kiến thức cơ bản  **Kiến thức cơ sở ngành**  x  Kiến thức ngành | Học phần chuyên về kỹ năng chung  Kiến thức khác | |
| - Thuộc loại học phần: **Bắt buộc** | Tự chọn | |
| - Số tín chỉ: **3** | |  |
| + Số tiết lý thuyết: **25** | |  |
| + Số tiết thảo luận/bài tập: **5** | |  |
| + Số tiết thực hành: **15** | |  |
| + Số tiết tự học: 90 | |  |
| - Điều kiện đăng ký học: | |  |
| + Học phần tiên quyết: | | Mã số HP: |
| + Học phần học trước: | | Mã số HP: |
| - Yêu cầu của học phần: Thực hiện theo Quy chế đào tạo của Trường Đại học Vinh. Cụ thể:  + Sinh viên phải nộp đầy đủ bài tập, báo cáo… qua hệ thống LMS | | |
| - Khoa phụ trách: Hóa học | | |

**2. Mô tả học phần**

Học phần Hóa phân tích là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ sở ngành của nhóm ngành Nông lâm ngư - Môi trường trong đó có ngành Nuôi trồng thủy sản; trang bị cho người học các kiến thức cơ bản về Hóa phân tích: chuẩn bị dung dịch, các phương pháp phân tích thể tích và khối lượng, cách biểu diễn và đánh giá kết quả phân tích. Học phần cũng trang bị các nội dung lý thuyết và thực hành về các phương pháp phân tích ứng dụng trong lĩnh vực Nông lâm ngư - Môi trường; bao gồm các phương pháp phân tích hóa học, các phương pháp phân tích sử dụng công cụ. Trên cơ sở đó, sinh viên có khả năng vận dụng các kiến thức về hóa học phân tích trong lĩnh vực chuyên ngành và các lĩnh vực liên quan. Học phần này còn góp phần hình thành năng lực tư duy logic thông qua mối quan hệ giữa lý thuyết - thực hành và khả năng ứng dụng; rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp cho người học.

**3. Mục tiêu học phần**

Sau khi học xong học phần Hóa phân tích, sinh viên sẽ:

- Vận dụng được các kiến thức về lý thuyết và thực hành của các phương pháp phân tích hóa học và phân tích công cụ để học tập các môn học thuộc nhóm ngành Nông lâm ngư – Môi trường nói chung và ngành Nuôi trồng thủy sản nói riêng.

- Phát triển được phẩm chất cá nhân, đạo đức, kỹ năng tư duy logic, khả năng tự học.

- Phát triển được kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp.

- Áp dụng được kiến thức và các kỹ năng để giải quyết được các vấn đề thực tiễn liên quan đến hóa phân tích.

**4. Chuẩn đầu ra học phần, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá**

CLO1.1: Trình bày được bản chất các phương pháp phân tích hóa học và công cụ để định tính và định lượng trong phân tích thuộc các đối tượng trong nuôi trồng thủy sản.

CLO1.2: Biểu diễn được kết quả phân tích và áp dụng toán học tính toán được một số đặc trưng thống kê đơn giản.

CLO2.1: Có kỹ năng thực hiện giao tiếp bằng văn bản và qua LMS.

CLO2.2: Giải thích được các quy trình phân tích đơn giản và triển khai được một số thí nghiệm phân tích cơ bản.

***4.1. Ánh xạ chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **CĐR học phần** | **Ánh xạ với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo** | |
| PLO1.1 | PLO2.3 |
| 1.1.2 | 2.3.1 |
| CLO1.1 | 0,8 |  |
| CLO1.2 | 0,2 |  |
| CLO2.1 |  | 0,2 |
| CLO2.2 |  | 0,8 |

***4.2. Nội dung chuẩn đầu ra, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá học phần***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **CĐR học phần (CLO)** | **TĐNL CĐR**  **học phần** | **Mô tả CĐR học phần** | **Phương pháp dạy học** | **Phương pháp đánh giá** |
| CLO1.1 | K3 | Trình bày được bản chất các phương pháp phân tích hóa học và công cụ để định tính và định lượng trong phân tích thuộc các đối tượng trong nuôi trồng thủy sản | Thuyết trình  + Bài tập | Trắc nghiệm, Tự luận |
| CLO1.2 | K3 | Biểu diễn được kết quả phân tích và áp dụng toán học tính toán được một số đặc trưng thống kê | Thuyết trình+ bài tập | Trắc nghiệm, Tự luận |
| CLO 2.1 | S2 | Có kỹ năng thực hiện giao tiếp bằng văn bản và qua LMS. | Bài tập | Hồ sơ học tập |
| CLO2.2 | S2 | Giải thích được các quy trình phân tích đơn giản và triển khai được một số thí nghiệm phân tích cơ bản | Bài tập + Thực hành | Hỏi đáp + Đánh giá qua sản phẩm và hồ sơ học tập |

**5. Đánh giá học tập và các bộ tiêu chí đánh giá**

***5.1. Đánh giá học tập***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **PHẦN LÝ THUYẾT ( 2 tín chỉ) + PHẦN THỰC HÀNH (1 tín chỉ)** | | | | | |
| **Bài đánh giá** | **Hình thức đánh giá,**  **minh chứng, lưu hồ sơ** | **Công cụ đánh giá** | **CĐR học phần** | **Tỷ lệ cho bài đánh giá** | **Tỷ lệ cho học phần** |
| **A1. Đánh giá thường xuyên** | | | | | **50%** |
| A1.1 | Tương tác tại lớp (đi học đầy đủ, đúng giờ, phát biểu, xung phong làm bài tập trên lớp, tham gia thảo luận chung); tương tác elearning. | Ghi chép, LMS | CLO 1.1 | 50% | 10% |
| CLO1.2 | 50 % |
| A1.2 | Bài tập cá nhân tính số 1 – Ch2; SV nạp bài qua LMS; GV đánh giá và lưu hồ sơ | Đáp án + Rubric 1 | CLO 1.1 | 70% | 5% |
| CLO2.1 | 30% |
| A1.3 | Bài tập cá nhân đọc hiểu quy trình số 2 – Ch7,8; SV nạp bài qua LMS; GV đánh giá và lưu hồ sơ | Đáp án + Rubric 1 | CLO2.1 | 30% | 5% |
| CLO2.2 | 70% |
| A1.4 | **Đánh giá giữa kỳ:**  Bài thi trắc nghiệm; TT Đảm bảo chất lượng tổ chức thi và lưu hồ sơ | Đáp án | CLO 1.1 | 80% | 10% |
| CLO1.2 | 20% |
| A1.5 | **Thực hành** | Rubric 2 | CLO2.2 | 100% | 20% |
| **A2. Đánh giá cuối kỳ** | | | | | **50%** |
| A2.1 | - Thi viết; TT Đảm bảo chất lượng tổ chức thi và lưu hồ sơ | Đáp án | CLO 1.1 | 80 % | 50% |
| CLO 1.2 | 20 % |
|  |  |  | |  |  |
| ***Công thức tính điểm tổng kết học phần: 0,5A1 + 0,5A2*** | | | | | |

*- Ghi chú: Các bài đánh giá thiết kế sao cho đánh giá được từng CĐR.*

*- Ví dụ về công cụ đánh giá: Rubrics, đáp án, bảng kiểm…*

***5.2. Các bộ tiêu chí đánh giá***

***Rubric 1: Đánh giá bài A1.2 và A1.3( Bài tập cá nhân trên LMS)***

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **CĐR** | **Nội dung đánh giá** | **Kém**  **(0-4)** | **Trung bình**  **(5-6)** | **Khá**  **(7-8)** | **Giỏi**  **(9-10)** | **Trọng số A1.2** | **Trọng số A1.3** | **Điểm tối đa** |
| CLO 1.1 | Mức độ hoàn thành số lượng bài tập được giao qua LMS | *dưới 40 % số bài* | *50 – <60% số bài* | *70 – <80% số bài* | *90 – 100% số bài* | *0,2* | *0* |  |
| Chất lượng hoàn thành bài tập: trả lời/giải đúng đáp án. | *dưới 40 % số bài* | *50 – <60% số bài* | *70 – <80% số bài* | *90 – 100% số bài* | *0,3* | *0* |  |
| Trình bày | *Rất kém, nhiều lỗi* | *Rõ ràng, còn lỗi* | *Trình bày rõ ràng, ít lỗi* | *Trình bày rõ ràng, có rất ít/không lỗi* | *0,2* | *0* |  |
| CLO 2.1 | Mức độ thành thạo giao tiếp | *Chỉ gửi được bài tập qua bản giấy* | *Chỉ gửi được bài tập bằng zalo hoặc facebook hoặc email...* | *Chỉ gửi bài được qua đồng thời các phương tiện mạng xã hội* | *Gửi được bài tập qua LMS* | *0,3* | *0,3* |  |
| CLO 2.2 | Nêu được các bước của quy trình | *Không nêu được dưới ½ số bước* | *Nêu được ½ số bước* | *Nêu được 2/3 số bước* | *Nêu được đủ số bước* | *0* | *0,2* |  |
| Viết được phương trình | *Viết được dưới ½ số phương trình* | *Viết được ½ đến 2/3 số phương trình* | *Viết được 2/3 đến 3/4 số phương trình* | *Viết được ¾ đến đủ số phương trình* | *0* | *0,2* |  |
| Giải thích được các bước | *Giải thích được dưới ½ số bước* | *Giải thích được ½ số bước* | *Giải thích được 2/3 số bước* | *Giải thích đầy đủ các bước* | *0* | *0,3* |  |
| **Tổng** | | | | | | **1,0** | **1,0** | **10** |

***Rubric 2: Đánh giá phần thực hành***

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **CĐR** | **Nội dung đánh giá** | | **Kém**  **(0-4)** | **Trung bình**  **(5-6)** | | **Khá**  **(7-8)** | | **Giỏi**  **(9-10)** | | **Trọng số**  **A1.5** | **Điểm tối đa** | |
| CLO 2.2 | **Hồ sơ học phần** | | | | | | | | | | | |
| Tiêu chí 1: *Chuẩn bị bài (áo thí nghiệm, các kĩ thuật thí nghiệm cơ bản, giáo trình, tìm hiểu trước bài, tương tác)* | | *Chuẩn bị chưa đầy đủ ( thiếu áo TN hoặc giáo trình, ít tương tác)* | *Có áo TN, giáo trình nhưng chưa tìm hiểu bài, ít tương tác* | | *Có áo TN, giáo trình và có tìm hiểu trước bài, ít tương tác* | | *Có áo TN, giáo trình và có tìm hiểu kĩ bài thông qua trả lời câu hỏi hoặc biết nêu vấn đề thể hiện tương tác tốt* | | *0,1* | |  |
| Tiêu chí 2: *Báo cáo tường trình thí nghiệm* | | *Có báo cáo nhưng còn sơ sài, chưa biết cách xử lý số liệu thực nghiệm.* | *Có báo cáo khá đầy đủ nhưng xử lý chưa tốt các vấn đề thực nghiệm.* | | *Có báo cáo đầy đủ, xử lý được các vấn đề thực nghiệm.* | | *Có báo cáo đầy đủ, rõ ràng, xử lý số liệu tốt, biết tìm nguyên nhân sai số và đề xuất khắc phục* | | *0,1* | |  |
| **Kỹ năng thực hành thí nghiệm** | | | | | | | | | | | |
| Tiêu chí 1: *Thành lập, phân công nhóm, tổ chức hoạt động nhóm* | *Có thành lập nhưng chưa phân công cụ thể* | | *Có thành lập và phân công nhưng phân công chưa chi tiết* | | *Có thành lập và phân công cụ thể, nhưng chưa phối hợp tốt* | | *Có thành lập và phân công cụ thể, phối hợp tốt khi hoạt động* | | *0,1* | |  |
| Tiêu chí 2: *Chuẩn bị, sắp xếp dụng cụ, thiết bị, hóa chất trước và sau thí nghiệm (bao gồm cả việc sử dụng, làm sạch dụng cụ, thiết bị)* | *Có thực hiện công việc nhưng sơ sài* | | *Có thực hiện công việc nhưng chưa gọn gàng, ngăn nắp* | | *Có thực hiện công việc khá gọn gàng, ngăn nắp.* | | *Có thực hiện công việc rất gọn gàng, ngăn nắp, đúng kĩ thuật.* | | *0,1* | |  |
| Tiêu chí 3: *Thao tác thí nghiệm* | *Làm sai một số thao tác thí nghiệm* | | *Làm đúng thao tác nhưng tốc độ chậm, chưa thành thạo* | | *Khá thành thạo các thao tác, kĩ thuật thí nghiệm* | | *Thuần thục các thao tác, kĩ thuật thí nghiệm* | | *0,2* | |  |
| Tiêu chí 4: *An toàn* | *Có biết nhưng chưa am hiểu an toàn PTN, vẫn có các thao tác mất an toàn* | | *Hiểu biết cơ bản về an toàn, chưa thành thạo các kỹ thuật nên vẫn còn nguy cơ mất an toàn* | | *Hiểu biết về an toàn, thực hiện khá tốt đảm bảo an toàn với hóa chất, dụng cụ, thiết bị và kỹ thuật thí nghiệm* | | *Hiểu biết về an toàn, thực hiện tốt đảm bảo an toàn với hóa chất, dụng cụ, thiết bị và kỹ thuật thí nghiệm* | | *0,1* | |  |
| **Kết quả thí nghiệm** | | | | | | | | | | | |
| Tiêu chí 1*:*  *Số lượng và độ trung thực của các kết quả thí nghiệm* | *Dữ liệu thực nghiệm thu được còn ít và có dấu hiệu không trung thực* | | *Dữ liệu thực nghiệm thu được ít nhưng đảm bảo tính trung thực* | *Dữ liệu thực nghiệm thu được tương đối nhiều và đảm bảo tính trung thực* | | *Dữ liệu thực nghiệm thu được nhiều và đảm bảo tính trung thực* | | *0,1* | | |  |
| Tiêu chí 2: *Tính khoa học của kết quả thí nghiệm* | *Kết quả thí nghiệm chưa khoa học.* | | *Kết quả thí nghiệm cần cải thiện* | *Kết quả thí nghiệm tương đối chính xác, còn có sai số nhỏ* | | *Kết quả thí nghiệm chính xác, khoa học* | | *0,2* | | |  |
| **Tổng** | | | | | | | | | ***1,0*** | | | ***10*** |

**6. Tài liệu học tập**

***6.1. Giáo trình:***

[1]. Nguyễn Tinh Dung, *Hóa học phân tích – Phần III*,Nxb Giáo dục, Hà nội, 2000

[2]. Đinh Thị Trường Giang, Đinh Thị Huyền Trang, *Hóa phân tích***,** Nxb ĐH Vinh, 2017

[3].Nguyễn Tinh Dung, *Hóa học phân tích – Cân bằng ion trong dung dịch,*Nxb Giáo dục,

Hà nội, 2001.

***6.2. Tài liệu tham khảo:***

[4] Đinh Thị Trường Giang, Mai Thị Thanh Huyền, *Thực hành phân tích,* Nxb Đại học Vinh 2014.

[5].Nguyễn Tinh Dung, *Hóa học phân tích – Phần II*,Nxb Giáo dục, Hà nội, 2000

[6] Trần Tứ Hiếu, *Hoá học phân tích*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2000.

[7] Hồ Viết Quý, *Các phương pháp phân tích công cụ trong Hoá học hiện đại,* NXB Đại học Sư phạm, 2005.

[8] David Harvey, *Modern analytical chemistry,* Depaw university, 2000.

**7. Kế hoạch dạy học**

***7.1. Lý thuyết:***

| **Tuần**  **(1)** | **Nội dung**  **(2)** | **Hình thức tổ chức DH (3)** | **Yêu cầu SV chuẩn bị (4)** | **CĐR học phần (5)** | **Bài đánh giá (6)** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **1**  (3) | **Chương 1.** **Đại cương về phương pháp phân tích khối lượng và phân tích thể tích (2 tiết)**  *1.1. Nguyên tắc của phương pháp phân tích khối lượng*  *1.2. Nguyên tắc của phương pháp phân tích thể tích*  *1.3. Các loại phản ứng dùng trong hóa phân tích*  *1.4. Các loại nồng độ dung dịch và chuẩn bị dung dịch dùng trong phân tích* | *Elearning (1 tiết:)*  + Giới thiệu học phần  + Nguyên tắc của phương pháp phân tích khối lượng.  + Các yêu cầu của dạng kết tủa và dạng cân  + Các điều kiện kết tủa hoàn toàn chất  + Các lưu ý khi lọc, rửa, sấy, nung kết tủa  + Nguyên tắc của phương pháp phân tích thể tích ( phương pháp chuẩn độ)  + Các cách chuẩn độ  *Lý thuyết + bài tập học trực tiếp (2 tiết)*  + Cách tính kết quả trong phân tích thể tích  + Các loại phản ứng: Trung hòa, tạo phức, oxi hóa khử, phản ứng tạo hợp chất ít tan  + Các loại nồng độ: Nồng độ thể tích,mol/lit, C%; nồng độ đương lượng; độ chuẩn, độ chuẩn theo.  *Tự học:* Đọc trước nội dung 1.5 | + Đọc chương 4[1] và chương 5[1]  + Đọc trước phần tự học trong chương 2[1] | CLO1.1 | A1.1  A1.4  A2.1 |
| **2**  (3) | **Chương 1 (Tiếp ).**  **Đại cương về phương pháp phân tích khối lượng và phân tích thể tích (2 tiết)**  *1.5. Cách ghi kết quả phân tích và một số đặc trưng thống kê* | *Elearning (0,5 tiết:)*  + Cách xác định số có nghĩa và cách ghi kết quả phân tích  + Các đặc trưng thống kê thường dùng: Trung bình, độ lệch trung bình, độ lệch chuẩn, phương sai.  *Lý thuyết + Bài tập trực tiếp: Chữa bài tập tính toán chương 1( 2,5 tiết)*  *Tự học:* Đọc và tìm hiểu trước nội dung chương 2 | + Đọc chương 2 [1] | CLO1.2 | A1.1  A1.4  A 2.1 |
| **3**  (3) | **Chương 2. Phản ứng trao đổi proton - phương pháp chuẩn độ axit -bazơ**  *2.1. Phản ứng trao đổi proton*  *2.2, Tính pH của các dung dịch*  *2.3. Phương pháp chuẩn độ axit - bazơ và ứng dụng trong lĩnh vực nông, lâm, ngư và môi trường.* | *Eleaning (1 tiết)*  + Khái niệm phản ứng trao đổi proton  + Cách tính pH của các dung dịch: axit mạnh, bazơ mạnh, đơn axit yếu, đơn bazơ yếu, dung dịch đệm, đa axit và dung dịch đa muối của nó, dung dịch chứa chất lưỡng tính (*Không chứng minh công thức, chỉ áp dụng công thức, 1 ví dụ)*  + Chỉ thị dùng trong chuẩn độ axit - bazơ  + Chuẩn độ axit mạnh bằng bazơ mạnh và ngược lại; chuẩn độ đơn axit yếu bằng đơn bazơ mạnh và ngược lại; chuẩn độ đa axit; đa bazơ  + Các ứng dụng của chuẩn độ axit – bazơ trong lĩnh vực nuôi trồng thủy sản.  *Học trực tiếp (2 tiết):* Các bài tập tính toán tương ứng lý thuyết về pH và chuẩn độ  *Tự học:* Ứng dụng của phản ứng trung hòa trong lĩnh vực nuôi trồng thủy sản  *Ra bài tập cá nhân số 1, chương 2 trên LMS* | +Đọc chương 2 [3], 6[1]  + Tìm các nguồn tài liệu trên internet về UD của phản ứng trung hòa, phương pháp chuẩn độ axit – bazơ trong lĩnh vực vực nông, lâm, ngư và môi trường*.*  + Hoàn thành bài tập trên LMS | CLO1.1  CLO 2.1 | A1.1  A1.2  A1.4  A2.1 |
| **4**  (3) | **Chương 3. Phản ứng oxi hoá - khử và phương pháp chuẩn độ oxi hoá-khử ( 2 tiết)**  *3.1. Phản ứng oxi hóa - khử*  *3.2 Phương pháp chuẩn độ oxi hóa - khử và ứng dụng trong lĩnh vực nông, lâm, ngư và môi trường.*  **Chương 4.**  **Phản ứng tạo phức chất và phương pháp chuẩn độ tạo phức**  *4.1. Phản ứng tạo phức*  *4.2. Phương pháp chuẩn độ tạo phức và ứng dụng trong lĩnh vực nông, lâm, ngư, môi trường.* | *Eleaning Lý thuyết chương 3 (1 tiết):*  + Thế oxi hóa khử, thế oxi hóa khử điều kiện  +Các yếu tố ảnh hưởng đến thế oxi hóa - khử  +Tính thế oxi hóa của dung dịch và hằng số cân bằng của phản ứng oxi hóa - khử  + Đánh giá chiều phản ứng của phản ứng oxi hóa - khử  + Giới thiệu chất chỉ thị trong chuẩn độ oxi hóa - khử  + Một số phương pháp chuẩn độ oxi hóa - khử thường dùng và ứng dụng  + Đại cương về phức chất và phản ứng tạo phức  + Phép chuẩn độ phức chất với phối tử là chất vô cơ  + Phép chuẩn độ phức chất với phối tử là chất hữu cơ  + Phương pháp chuẩn độ Complexon  + Ứng dụng của phức chất trong hóa học phân tích và trong lĩnh vực nuôi trồng thủy sản  *Học trực tiếp (2 tiết):* Bài tập về tính E, K và đánh giá chiều phản ứng oxi hóa - khử, tính toán về chuẩn độ tạo phức | + Đọc chương 4 [3] và Chương 9 [1]  + Đọc chương 7 [1] và chương 3[3]  + Tìm các nguồn tài liệu trên internet về UD của phương pháp chuẩn độ oxi hóa - khử, tạo phức trong hóa phân tích và trong lĩnh vực nông, lâm, ngư và môi trường. | CLO1.1 | A1.1  A1.4  A2.1 |
| **5**  (3) | **Chương 5:** **Phản ứng tạo kết tủa và phương pháp chuẩn độ kết tủa**  *5.1. Phản ứng tạo kết tủa*  *5.2. Phương pháp chuẩn độ kết tủa và ứng dụng trong lĩnh vực nông, lâm, ngư, môi trường.* | *Elearning (1 tiết):*  + Điều kiện tạo kết tủa  + Quan hệ giữa độ tan và tích số tan  + Các yếu tố ảnh hưởng đến độ tan của kết tủa ( ảnh hưởng của ion cùng tên, ảnh hưởng của pH, ảnh hưởng của chất tạo phức)  + Nguyên tắc phương pháp chuẩn độ kết tủa  + Một số phương pháp chuẩn độ kết tủa thường dùng và chất chỉ thị  + Các ứng dụng của phản ứng kết tủa và chuẩn độ kết tủa trong lĩnh vực vực nuôi trồng thủy sản  *Học trực tiếp (2 tiết):* Hướng dẫn làm bài tập về độ tan, điều kiện tạo kết tủa, chuẩn độ kết tủa  *Tự học chương 5:* Ứng dụng của phương pháp xử lý mẫu và phương pháp tách chiết trong lĩnh vực nuôi trồng thủy sản | + Đọc chương 6[3] và chương 8[1] | CLO1.2 | A1.1;  A1.4;  A2.1 |
| **6**  (3) | **Chương 6:** **Phương pháp quang phổ hấp thụ phân tử**  *6.1. Đại cương về các phương pháp đo quang*  *6.2. Phương pháp quang phổ hấp thụ phân tử (UV-Vis) và ứng dụng trong phân tích thuộc lĩnh vực nông, lâm, ngư, môi trường* | *Elearning - Lý thuyết chương 6 (1 tiết):*  *+* Đặc tính của bức xạ điện từ, phổ điện từ  *+* Phân loại các phương pháp phân tích quang học  + Bản chất phương pháp UV-Vis  *+* Các định luật hấp thụ ánh sáng  + Các nguyên nhân làm sai lệch định luật Beer  + Thuốc thử và phức màu trong phép đo  + Các yếu tố ảnh hưởng trong phép đo UV-Vis  + Các phương pháp định tính và định lượng sử dụng trong phương pháp UV- Vis  *Học trực tiếp: Hướng dẫn làm bài tập chương 6 ( 2 tiết)*  *Tự học:* Tìm hiểu các loại thiết bị đo UV-Vis tại các PTN, các phương pháp phân tích huỳnh quang phân tử, hồng ngoại | + Đọc chương 8 [1]  + Tìm các nguồn tài liệu sách và trên internet về các phương pháp xử lý mẫu và phương pháp tách chiết trong phân tích  thuộc lĩnh vực nông, lâm, ngư, môi trường.  + Đọc chương 2 và làm các bài tập cuối chương 2 [2]  + Tìm các nguồn internet và tại PTN các thiết bị đo UV -Vis | CLO1.1 | A1.1;  A1.4;  A2.1 |
| **7**  (3) | **Chương 7. Phương pháp quang phổ hấp thụ nguyên tử (AAS)**  *7.1. Sự xuất hiện phổ và các bước ghi đo phổ AAS*  *7.2. Các kỹ thuật nguyên tử hóa*  *7.3. Phân tích định lượng*  *7.4. Các yếu tố ảnh hưởng*  *7.5. Phạm vi ứng dụng và ưu - nhược điểm của phương pháp AAS* | *Elearning: Lý thuyết chương 7( 1 tiết)*  + Sự xuất hiện phổ  + Các bước ghi đo  + Các kỹ thuật nguyên tử hóa: ngọn lửa, không ngọn lửa, hydrua hóa, hóa hơi lạnh và cơ chế phản ứng của các chất trong môi trường kích thích  + Các kỹ thuật định lượng: Đường chuẩn, thêm chuẩn  + Các yếu tố ảnh hưởng: 6 nhóm  + Phạm vi ứng dụng phân tích kim loại hàm lượng vết và các ứng dụng trong phân tích thuộc lĩnh vực nuôi trồng thủy sản  *Học trực tiếp (2 tiết):* Hướng dẫn làm bài tập định lượng ứng dụng AAS  *Tự học: tìm hiểu trang thiết bị AAS tại PTN của Đại họcVinh* | + Đọc chương 2 và làm các bài tập cuối chương 2 [2]  + Tìm các nguồn internet và tại PTN các thiết bị AAS | CLO1.1 | A1.1 ;  A1.4 ;  A2.1. |
| **8**  (3) | **Chương 8. Phương pháp phổ khối lượng ICP – MS**  **(2 tiết)**  8*.1. Bản chất của phổ ICP - MS*  *8.2. Các bước ghi đo của phương pháp ICP-MS*  *8.3. Trang thiết bị của phép đo ICP - MS*  *8.4. Cơ chế kích thích phổ ICP - MS*  *8.5. Phân tích định tính và định lượng trong phương pháp ICP - MS*  *8.6.Ưu- nhược điểm và phạm vi ứng dụng của phương pháp ICP - MS* | *Elearning: Lý thuyết chương 8 (0,5 tiết):*  *+* Về bản chất, các bước ghi đo, trang thiết bị, các cơ chế kích phổ trong plasma của phương pháp ICP-MS.  + Định tính: Xác định đồng vị, hoặc các kim loại  +Kỹ thuật định lượng: đường chuẩn, thêm chuẩn  + Tóm tắt ưu nhược điểm và phạm vi xác định vết kim loại, có ứng dụng trong lĩnh vực nuôi trồng thủy sản  *Học trực tiếp (2,5 tiết):* Hướng dẫn làm bài tập định tính và định lượng về phương pháp ICP - MS, hướng dẫn thêm làm các bài tập về phương pháp UV-Vis, AAS.  *Ra bài tập cá nhân số 2 – Đọc hiểu quy trình chương 7,8 trên LMS.*  *Tự học: tìm hiểu trang thiết bị AAS, ICP-MS tại PTN của Đại họcVinh* | *+ Đọc chương 2[2]*  *Hoàn thành bài tập cá nhân trên LMS* | CLO1.1 ;  CLO2.1  CLO2.2 | A1.1 ;  A1.3;  A1.4  A2.1 |
| **9**  (3) | **Chương 9. Nhóm phương pháp phân tích điện hóa**  **( 2 tiết )**  *9.1. Phương pháp phân tích đo điện thế*  *9.2. Phương pháp phân tích cực phổ và Von –Ampe hòa tan* | *Elearning - Lý thuyết chương 9 (1 tiết)*  *+* Đặc điểm chung của phương pháp phân tích đo điện thế: Phương trình Nernst, nguyên tắc đo thế điện cực, ứng dụng xác định đo pH và nồng độ các ion khác (chỉ đưa công thức, không thành lập)  *+* Phương pháp chuẩn độ điện thế và ứng dụng (Phương pháp đo thế gián tiếp)  + Cơ sở của phương pháp Cực phổ: Dòng khuếch tán, phương trình incovich và các hệ quả  + Các phương pháp cực phổ hiện đại  + Phương pháp Von - Am pe hòa tan: Bản chất, các loại điện cực, ứng dụng, ưu – nhược điểm  *Học trực tiếp (2 tiết):* Các bài tập định lượng, định tính sử dụng phương pháp phân tích cực phổ và Von – Ampe hòa tan  *Tự học: tìm hiểu các loại máy đo pH và ứng dụng trong lĩnh vực nông, lâm, ngư, môi trường.* | + Đọc chương 3 [2]  + Tìm hiểu các nguồn tài liệu về các loại máy pH và ứng dụng sử dụng trong lĩnh vực nông, lâm, ngư và môi trường. | CLO1.1 ; | A1.1 ;  A1.4  A2.1 |
| **10**  (2) | **Chương 10. Các phương pháp phân tích sắc ký ( 2 tiết)**  *10.1. Các vấn đề chung về phương pháp sắc ký*  *10.2. Sắc ký lớp mỏng (TLC)* | *Lý thuyết chương 10 (0,5 tiết)*  + Bản chất của phương pháp sắc ký  + Phân loại các phương pháp sắc ký  + Các phương pháp tiến hành phân tích sắc ký  + Các đại lượng đặc trưng của pic sắc ký  + Bản chất của phương pháp TLC  + Các đại lượng đặc trưng  + Kỹ thuật tiến hành sắc ký lớp mỏng  *Học trực tiếp (1,5 tiết):* Định tính bằng phương pháp TLC, ứng dụng của các đại lượng đặc trưng của pic sắc ký  *Tự học:* Tìm hiểu ứng dụng của phương pháp TLC | + Đọc chương 4 [2]  + Tìm sách và các nguồn trên internet về ứng dụng của phương pháp TLC | CLO1.1 | A1.1 ;  A1.4;  A2.1 |
| **11**  (2) | **Chương 10 (Tiếp). Các phương pháp phân tích sắc ký**  *10.3. Sắc ký lỏng hiệu năng cao (HPLC)*  *10.4. Sắc ký khí (GC)*  *10.5. Sắc ký trao đổi ion (IC)* | *Elearning - Lý thuyết chương 10 ( 0,5 tiết)*  + Bản chất của phương pháp HPLC  + Các đại lượng đặc trưng của HPLC  + Kỹ thuật tiến hành sắc ký HPLC  + Bản chất, các đại lượng đặc trưng, kỹ thuật tiến hành sắc ký GC  +Sắc ký khí khối phổ (GC-MS)  + Bản chất, các đại lượng đặc trưng, kỹ thuật tiến hành sắc ký IC  *Học trực tiếp (1,5 tiết):* Định lượng, định tính bằng phương pháp HPLC, GC, IC  *Tự học:* Tìm hiểu các trang thiết bị về sắc ký tại PTN | + Đọc chương 4[2],  + Lên PTN tìm hiểu các thiết bị sắc ký hiện có của nhà trường  + Tìm sách và các nguồn trên internet về ứng dụng của phương pháp chuẩn độ và phương pháp phân tích công cụ | CLO1.1 ; | A1.1 ;  A1.4;  A2.1. |

***7.2. Thực hành***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tuần (1)** | **Nội dung**  **(2)** | **Hình thức tổ chức DH (3)** | **Chuẩn bị của SV (4)** | **CĐR học phần (5)** | **Bài đánh giá (6)** |
| **10**  (4) | **Bài thực hành 1**: Các kỹ thuật, thao tác thí nghiệm hóa học cơ bản và chuẩn bị một số dung dịch | *Trên lớp (4 tiết)* : GV hướng dẫn SV thực hành các thao tác TN cơ bản, pha chế một số dung dịch: HCl, NaOH, KMnO4, phenolphtalein; chuẩn hóa HCl bằng borax, chuẩn hóa NaOH bằng HCl; chuẩn hóa KMnO4 bằng H2C2O4  *Tự học:* Ôn tập các loại nồng độ và cách tính đồng thời chuẩn bị bài thực hành 2, viết bài báo cáo thu hoạch của bài thực hành 1. | - Áo blouse trắng  - Phân nhóm thực hành, công việc từng SV trong nhóm và tiến hành thực hành  (chuẩn bị dụng cụ, hóa chất, làm TN, ghi chép, tính toán) | CLO 2.2 | A1.5 |
| **11**  (4) | **Bài thực hành 2:** Chuẩn độ đơn axit, đơn bazơ và chuẩn độ kết tủa | *Trên lớp (4 tiết):* GV hướng dẫn SV làm bài thực hành chuẩn độ đơn axit, bazơ và chuẩn độ kết tủa, bao gồm: Chuẩn độ NaOH bằng HCl  - Chuẩn độ dung dịch CH3COOH bằng dung dịch chuẩn NaOH  - Chuẩn độ dung dịch NH3 bằng HCl; Xác định AgNO3 bằng phương pháp Volhard; xác định nồng độ Cl- bằng phương pháp Mohr.  *Tự học:*  Viết bài báo cáo thu hoạch của bài thực hành 2 và đọc chuẩn bị bài thực hành 3 | - Nộp bài báo cáo thu hoạch của bài thực hành 1.  - Áo blouse trắng  - Phân nhóm thực hành, công việc từng SV trong nhóm và tiến hành thực hành | CLO 2.2 | A1.5 |
| **12**  (4) | **Bài thực hành 3:** Chuẩn độ oxi hóa – khử và chuẩn độ tạo phức | *Trên lớp (4 tiết):* GV hướng dẫn SV làm bài thực hành chuẩn độ oxi hóa - khử và chuẩn độ tạo phức, bao gồm: Xác định nồng độ Fe2+ bằng KMnO4; chuẩn hoá dung dịch Na2S2O3; chuẩn hoá dung dịch EDTA; xác định độ cứng của nước  *Tự học:*  Viết bài báo cáo thu hoạch của bài thực hành 3 và đọc chuẩn bị bài thực hành 4 | - Nộp bài báo cáo thu hoạch của bài thực hành 2.  - Áo blouse trắng  - Phân nhóm thực hành, công việc từng SV trong nhóm và tiến hành thực hành | CLO 2.2 | A1.5 |
| **13**  (4) | **Bài thực hành 4:**  Xác định Fe3+ với axit sunfosalixilic bằng kỹ thuật định lượng dựa vào đường chuẩn sử dụng phương pháp UV-Vis | *Trên lớp (4 tiết):* GV hướng dẫn SV làm các nội dung của bài: Mục đích, nguyên tắc, cách sử dụng máy UV- Vis, cách tiến hành  *Tự học:* Đọc lại lý thuyết phương pháp UV - Vis  *Tự học:*  Viết bài báo cáo thu hoạch của bài thực hành 4 và đọc chuẩn bị bài thực hành 5 | - Nộp bài báo cáo thu hoạch của bài thực hành 3.  - Áo blouse trắng  - Phân nhóm thực hành, công việc từng SV trong nhóm và tiến hành thực hành | CLO 2.2 | A1.5 |
| **14**  (4) | **Bài thực hành 5:** Xác định DO, COD và độ kiềm của nước tự nhiên | *Trên lớp:* GV hướng dẫn SV làm bài thực hành:  - Xác định DO bằng phương pháp Winkler  - Xác định COD bằng KMnO4  - Xác định độ kiềm tự do và toàn phần  *Tự học:*  Viêt bài báo cáo thu hoạch của bài thực hành 5 và đọc chuẩn bị bài thực hành 6. | - Nộp bài báo cáo thu hoạch của bài thực hành 4.  - Áo blouse trắng  - Phân nhóm thực hành, công việc từng SV trong nhóm và tiến hành thực hành | CLO 2.2 | A1.5 |
| **15**  (4) | **Bài thực hành 6:**  Xác định độ chua, tổng mùn của đất | *Trên lớp:* GV hướng dẫn SV làm bài thực hành xác định độ chua và tổng mùn.  *Tự học:*  Viêt bài báo cáo thu hoạch của bài thực hành 6 và ôn tập tổng thể các bài thực hành đã làm, (nộp bài thu hoạch thực hành 6 theo lịch hẹn phù hợp của GV). | - Nộp bài báo cáo thu hoạch của bài thực hành 5.  - Áo blouse trắng  - Phân nhóm thực hành, công việc từng SV trong nhóm và tiến hành thực hành | CLO 2.2 | A1.5 |
| **15\***  (4) | **Bài thực hành 7**  **( Bài dự phòng)**  Xác định Na, Ca, Mg và một số kim loại khác trong một số loại nước bằng phương pháp hấp thụ nguyên tử dùng ngọn lửa (F-AAS) | *Trên lớp ( 4 tiết):* GV hướng dẫn SV làm các nội dung của TH: Mục đích, nguyên tắc, cách sử dụng máy AAS, cách tiến hành.  *Tự học:* Đọc về các vấn đề lý thuyết của phương pháp AAS  -Viết bài báo cáo thu hoạch của bài thực hành 7 | - Nộp bài báo cáo thu hoạch của bài thực hành 7.  - Áo blouse trắng  - Phân nhóm thực hành, công việc từng SV trong nhóm và tiến hành thực hành | CLO 2.2 | A1.5 |

**8. Nhiệm vụ của người học**

***8.1. Phần tự học***

- Nghiên cứu tài liệu, xem các slide/video/website.

- Chủ động tìm các nguồn tài liệu khác liên quan đến nội dung học phần.

- Thảo luận, trao đổi những vấn đề liên quan đến học phần với bạn học/cựu sinh viên/cán bộ tại đơn vị trải nghiệm hoặc các nguồn lực hỗ trợ khác.

- Hoàn thành các bài tập được giao trên LMS.

***8.2. Phần học trên lớp trực tiếp hoặc online với giảng viên***

- Dự lớp ≥ 80% tổng thời lượng của học phần.

- Chủ động, tích cực trong giờ học.

- Phát hiện, đưa ra câu hỏi hoặc vấn đề liên quan đến nội dung học tập.

**8.3. Thực hành**

- Tham gia đầy đủ các bài thực hành

- Tôn trọng ý kiến và chịu trách nhiệm về kết quả làm việc chung.

- Hoàn thành đầy đủ nhiệm vụ và sản phẩm thực hành được giao.

**9. Ngày phê duyệt:**

**10. Cấp phê duyệt:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **KT. HIỆU TRƯỞNG**  **PHÓ HIỆU TRƯỞNG** | **TRƯỜNG SƯ PHẠM** | **TRƯỞNG KHOA** |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  |  |  |
|  |  |  |

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH**  **VIỆN NÔNG NGHIỆP VÀ TÀI NGUYÊN**  **----------------------------** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**  **-------------------------** |

## **ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN CHI TIẾT**

## **Hóa sinh động vật**

**1. Thông tin tổng quát:**

**1. Thông tin tổng quát:**

***1.1. Thông tin về giảng viên***:

1. **Nguyễn Thức Tuấn**

Chức danh. Học hàm, học vị: Giảng viên – Tiến sĩ

Địa chỉ liên hệ: Bộ môn Nuôi trồng Thủy sản và Chăn nuôi – Viện Nông nghiệp và Tài Nguyên

Email: nttuan@vinhuni.edu.vn ĐT: 0988506099

1. **Lê Minh Hải**

Chức danh. Học hàm, học vị: Giảng viên – Tiến sĩ

Địa chỉ liên hệ: Bộ môn Thủy sản và Chăn nuôi – Viện Nông nghiệp và Tài Nguyên

Email: [minhhaidhv@gmail.com](mailto:minhhaidhv@gmail.com); ĐT: 0912383216

***1.2. Thông tin về học phần:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| - Tên môn học (tiếng Việt): **Hóa sinh động vật**  (tiếng Anh): Animal Biochemistry | | |
| - Mã số học phần: AHY20001 | | |
| - Thuộc CTĐT ngành: **Nuôi trồng thủy sản và Chăn nuôi** | | |
| - Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:  Kiến thức cơ bản  Kiến thức cơ sở ngành  x  Kiến thức ngành | Học phần chuyên về kỹ năng chung  Kiến thức khác | |
| - Thuộc loại học phần: Bắt buộc  x | Tự chọn | |
| - Số tín chỉ: | |  |
| + Số tiết lý thuyết: 25 | |  |
| + Số tiết thảo luận/bài tập: 5 | |  |
| + Số tiết thực hành: 0 | |  |
| + Số tiết tự học: 60 | |  |
| - Điều kiện đăng ký học: | |  |
| + Học phần tiên quyết: không | | Mã số HP: |
| + Học phần học trước: không | | Mã số HP: |
| - Yêu cầu của học phần: Thực hiện theo Quy chế đào tạo của Trường Đại học Vinh. Cụ thể:  + Thời gian tối thiểu sinh viên phải có mặt trên lớp: 80%  + Sinh viên phải nộp đầy đủ bài tập, báo cáo… qua hệ thống LMS (Mục 5.1). + Tham gia đầy đủ các bài thực hành. | | |
| - Bộ môn phụ trách học phần: Thủy sản và Chăn nuôi  Điện thoại: Email: | | |

**2. Mô tả học phần:**

Hóa sinh động vật là học phần thuộc kiến thức cơ sở ngành, là học phần nghiên cứu cơ sở phân tử của sự sống trên đối tượng là động vật thủy sản: thành phần cấu tạo hoá học (tĩnh hoá sinh); quá trình chuyển hoá các chất trong tế bào và cơ thể sống (động hoá sinh); cơ sở hoá học của các quá trình hoạt động sống (hoá sinh chức năng). Hiểu về cấu trúc và chức năng sinh học của các sinh chất chủ yếu của tế bào và cơ thể sống: amino acid, protein, enzyme, vitamin và coenzyme, các horcmone, lipit, carbohydrate, nucleotide và nucleic acid. Hiểu các nguyên lý trao đổi chất và năng lượng trong tế bào, quá trình chuyển hoá (phân giải và tổng hợp) của các hợp chất carbohydrate, lipid, protein và nucleic acid của các chất cũng như mối liên hệ giữa các quá trình chuyển hoá tạo nên sự thống nhất cao trong tế bào và cơ thể.

**3. Mục tiêu học phần**

Học phần *Hóa sinh động vật c*ung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về cơ sở phân tử của sự sống bao gồm: thành phần cấu tạo hoá học; quá trình chuyển hoá các chất trong tế bào và cơ thể sống và cơ sở hoá học của các quá trình hoạt động sống trong cơ thể động vật; trang bị cho sinh viên kỹ năng thực hiện các thí nghiệm hoá sinh ngắn hạn hoặc trường diễn trong phòng thí nghiệm, kỹ năng vận hành các thiết bị liên quan phục vụ cho các thí nghiệm. Đồng thời, giúp nâng cao kỹ năng làm việc theo nhóm, tự học, tự nghiên cứu, kỹ năng phát hiện và giải quyết các vấn đề thực tiễn liên quan đến môn học.

**4. Chuẩn đầu ra học phần, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá**

***4.1. Ánh xạ chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| CĐR học phần | **Ánh xạ với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo** | |
| PLO 1.2 | PLO 3.1 |
| 1.2.2 | 3.1.2 |
| CLO 1.2 | 1,0 |  |
| CLO 3.1 |  | 1,0 |

***4.2. Nội dung chuẩn đầu ra, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá học phần***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **CĐR học phần (CLO)** | **TĐNL CĐR**  **học phần** | **Mô tả CĐR học phần** | **Phương pháp dạy học** | **Phương pháp đánh giá** |
| CLO1.2 | K3 | Hiểu đượckiến thức cơ bản về cơ sở phân tử của sự sống, quá trình chuyển hoá các chất trong tế bào và cơ thể động vật, từ đó vận dụng được vào kiến thức và kỹ năng chuyên ngành | Thuyết trình  Thảo luận | Trắc nghiệm  Rubric 1 |
| CLO3.1 | S3 | Có khả năng tổ chức, hoạt động, phát triển và lãnh đạo nhóm | Hướng dẫn  Làm việc nhóm | Bài tập nhóm |

**5. Đánh giá học tập và các bộ tiêu chí đánh giá**

***5.1. Đánh giá học tập***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Bài đánh giá** | **Hình thức đánh giá và lưu hồ sơ** | **Công cụ đánh giá** | **CĐR học phần** | **Tỷ lệ cho bài đánh giá** | **Tỷ lệ**  **cho học phần** |
| **A1. Đánh giá quá trình** | |  |  |  | **50%** |
| A1.1 | - Bài thi trắc nghiệm; GV tổ chức đánh giá và lưu hồ sơ | - Đáp án | CLO1.2 | 100% | 20% |
| A1.2. | - Bài tập nhóm; nhóm SV nạp báo cáo quá LMS; GV đánh giá và lưu hồ sơ | Rubric 1 | CLO1.2 | 40% | 30% |
| CLO3.1 | 60% |
| **A2. Đánh giá cuối kỳ** | |  |  |  | **50%** |
| A2.1 | **Bài thi tự luận**  TT Đảm bảo chất lượng tổ chức thi và lưu hồ sơ | Đáp án | CLO1.1 | 100% | *50%* |
| **Công thức tính điểm tổng kết:**  **Điểm TKHP = A1.1 \*0,2+A1.2\*0,3+A2.1\*0,5** | | | | | | |

***5.2. Các bộ tiêu chí đánh giá***

***Rubric 1: Đánh giá bài A1.2***

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **CĐR** | **Tiêu chí đánh giá** | **Trọng số bài A1.2 (%)** | **Mức độ đánh giá** | | | | |
| **A** | **B** | **C** | **D** | **F** |
| **8.5 - 10** | **7.0 - 8.4** | **5.5 - 6.9** | **4,0 -5,4** | **< 4,0** |
| **CLO1.2. Hiểu đượckiến thức cơ bản về cơ sở phân tử của sự sống, quá trình chuyển hoá các chất trong tế bào và cơ thể động vật, từ đó vận dụng được vào kiến thức và kỹ năng chuyên ngành** | **Nội dung vận dụng kiến thức về cơ sở phân tử của sự sống, quá trình chuyển hoá các chất trong tế bào và cơ thể động vật** | **30** | Nội dung vận dụng kiến thức về cơ sở phân tử của sự sống, quá trình chuyển hoá các chất trong tế bào và cơ thể động vật đầy đủ, rõ ràng, tính thực tiễn cao. | Nội dung vận dụng kiến thức về cơ sở phân tử của sự sống, quá trình chuyển hoá các chất trong tế bào và cơ thể động vật khá đầy đủ | Nội dung vận dụng kiến thức về cơ sở phân tử của sự sống, quá trình chuyển hoá các chất trong tế bào và cơ thể động vật cơ bản đáp ứng yêu cầu | Nội dung vận dụng kiến thức về cơ sở phân tử của sự sống, quá trình chuyển hoá các chất trong tế bào và cơ thể động vật đang còn sơ lược | Chưa có nội dung vận dụng kiến thức đúng phần yêu cầu của học phần |
| **CLO3.1.** **Làm việc theo nhóm hiệu quả để đánh giá chất lượng thức ăn chăn nuôi; chế biến thức ăn chăn nuôi** | **Tổ chức nhóm** | 10 | Tham gia đầy đủ, tích cực các cuộc hợp nhóm | Tham gia đầy đủ các hoạt động nhóm. | Tham gia còn thiếu một số ít hoạt động | Chỉ tham gia một số ít hoạt động | Không tham gia |
|  |  |  | Nhiệm vụ được phân công rõ ràng, đầy đủ cho các thành viên trong nhóm | Nhiệm vụ được phân công khá rõ ràng, đầy đủ cho các thành viên trong nhóm | Nhiệm vụ được phân công cho các thành viên trong nhóm đầy đủ | Nhiệm vụ được phân công cho các thành viên trong nhóm chưa đầy đủ | Chưa có sự phân công nhiệm vụ |
|  | **Hợp tác nhóm** | 20 | - Trao đổi, chia sẻ và chấp nhận các ý tưởng trong thực hiện nhiệm vụ với các thành viên ở mức độ cao | - Trao đổi và chấp nhận các ý tưởng trong thực hiện nhiệm vụ với các thành viên mức độ khá | Trao đổi, chia sẻ và chấp nhận các ý tưởng trong thực hiện nhiệm vụ với các thành viên ở mức độ cơ bản | Trao đổi và chấp nhận các ý tưởng trong thực hiện nhiệm vụ với các thành viên ở mức độ thấp | Không trao đổi, chia sẻ trong nhóm |
|  | **Thảo luận nhóm** | 10 | Đề xuất, sáng kiến để đạt được tốt mục tiêu, kết quả nhóm | Đề xuất, sáng kiến để đạt được khá tốt mục tiêu, kết quả nhóm | Đề xuất, sáng kiến để đạt được mục tiêu, kết quả nhóm ở mức cơ bản | Đề xuất, sáng kiến để đạt được mục tiêu, kết quả nhóm thấp | Chưa có các đề xuất, sáng kiến |
|  | **Báo cáo nhóm** | 20 | Hình thức, bố cục báo cáo nhóm đúng quy định, rõ ràng, đầy đủ, trình bày ở mức tốt | Hình thức, bố cục báo cáo đúng quy định, đầy đủ ở mức khá | Hình thức, bố cục báo cáo đúng quy định, bố cục cơ bản hợp lý. | Hình thức bố cục báo cáo cơ bản hợp lý tuy nhiên đang còn sơ sài. | Hình thức bố cục báo cáo nhóm không đúng quy định |

**6. Tài liệu học tập**

***Tài liệu bắt buộc:***

(1). Phạm Thị Trân Châu và cs (1998), *Hoá sinh học,* NXB giáo dục, Hà Nội.

(2). Lê Minh Hải (2008), *Bài giảng hóa sinh động vật.* Trường Đại học Vinh.

(3). Nguyễn Tiến Thắng, Nguyễn Đình Huyên (1998), *Giáo trình sinh hoá hiện đại,* NXB giáo dục, Hà Nội.

***Tài liệu tham khảo:***

(4). Phạm Thị Trân Châu và cs (1998), *Thực hành hoá sinh học,*  NXB giáo dục, Hà Nội.

(5). Nguyễn Hữu Chấn (1983), *Enzyme và xúc tác sinh học,* NXB Y học, Hà Nội.

(6). Nguyễn Hữu Chấn và cs, (2000), *Những vấn đề hoá sinh học hiện đại,* NXB khoa học – kỹ thuật Hà Nội.

**7. Kế hoạch dạy học**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tuần/**  **Buổi học (1)** | **Nội dung**  **(2)** | **Hình thức tổ chức dạy học (3)** | **Chuẩn bị của SV (4)** | **CĐR học phần (5)** | **Bài đánh giá (6)** |
| 1 | Chương 1. AMINO ACID VÀ PROTEIN  1.1. Amino acid và peptide. | \* Giảng viên (GV):  Truyền thụ, diễn giảng; vấn đáp; cây vấn đề  - Hướng dẫn SV tự học  \* Sinh viên (SV):  - Làm việc nhóm để trao đổi về các loài động vật giáp xác kinh tế  **-** Trả lời các câu hỏi của Giảng viên | - Vở ghi chép, Tài liệu tham khảo,  **-** Tự học: Lịch sử phát triển nghề nuôi giáo xác; đọc trước tài liệu liên quan đến nội dung học tuần sau | CLO1.2  CLO3.1 | A1.1A1..2A2.1  A3.1 |
| 2 | Chương 2. ENZIME  2.1. Khái niệm về enzyme.  2.2. Cấu tạo của enzyme.  2.3. Cơ chế xúc tác của enzyme.  2.4. Động học của enzyme.  2.6. Cách gọi tên và phân loại enzyme. | * Giảng viên:   - Truyền thụ; Vấn đáp; thảo luận  \* Sinh viên:  - Thảo luận: Sự khác nhau trong đặc điểm sinh học của tôm he nước ngọt và tôm he nước lợ, mặn; giữa nhóm có thelycum kín và nhóm thelycum hở  **-** Trả lời các câu hỏi của Giảng viên | - Vở ghi chép, Tài liệu tham khảo  **-** Tự học: Đặc điểm sinh trưởng và phát triển của tôm he; đọc trước tài liệu liên quan đến nội dung học tuần kế tiếp. | CLO1.2  CLO3.1 | A1.1A1..2A2.1  A3.1 |
| 3 | **Chương 3.** VITAMIN VÀ HORMONE  3.1. Đại cương về vitamin, coenzyme và hormone  3.2. Phân loại vitamin.  3.3. Phân loại horcmone và cơ chế tác động của horcmone động vật. | * Giảng viên:   - Truyền thụ; vấn đáp; Thảo luận về Đặc điểm dinh tưỡng và tập tính ăn của tôm Càng xanh?  - Vấn đáp khác   * Sinh viên:   - Chú ý nghe giảng viên giảng dạy  - Thảo luận: Vòng đời của tôm Càng xanh  - Trả lời các câu hỏi của GV; | - Vở ghi chép, Tài liệu tham khảo,  - Chuẩn bị bài thảo luận của nhóm  - Tự học: Phân loại, hình thái và phân bố của tôm càng xanh | CLO1.2  CLO3.1 | A1.1A1..2A2.1  A3.1 |
| 4 | **Chương 4.** CARBOHYDRATE  4.1. Đại cương về carbohydrate.  4.2. Monosaccharide.  4.3. Oligosaccharide. | * Giảng viên: * Truyền thụ, diễn giảng, vấn đáp; * - Thảo luận: Vòng đời của các loài cua biển   Sinh viên:  - Chú ý nghe giảng viên giảng dạy  - Làm việc nhóm: Mỗi nhóm nêu và phân tích được đặc điểm sinh học của một loài cua hoặc tôm hùm theo chỉ định của GV | - Vở ghi chép, Tài liệu tham khảo,  - Chuẩn bị bài thảo luận của nhóm  - Tự học: Đặc điểm hình thái và cấu tạo của các loài cua biển và tôm hùm; đọc trước tài liệu liên quan đến nội dung học tuần kế tiếp. | CLO1.2  CLO3.1 | A1.1A1..2A2.1  A3.1 |
| 5 | **Chương 5.** LIPID  5.1. Đại cương về lipid.  5.2. Lipid đơn giản.  5.3. Lipid phức tạp. | * Giảng viên:   - Truyền thụ, diễn giảng  - Cho SV xem các video về các công đoạn kỹ thuật   * Sinh viên   - Chú ý nghe giảng viên giảng dạy; trao đổi tích cực | * Vở ghi chép, Tài liệu tham khảo,   - Chuẩn bị bài liên quan đến nội dung ở nhà.  - Tự học: Lựa chọn địa điểm xây dựng trại giống | CLO1.2  CLO3.1 | A1.1A1..2A2.1  A3.1 |
| 6 | **Kiểm tra giữa kỳ** | * Giảng viên:   - Truyền thụ, diễn giảng, Tổ chức cho sinh viên học dựa trên vấn đề  - Cho SV xem video về các kỹ thuật tương ứng   * Sinh viên   - Chú ý nghe giảng viên giảng dạy; tích cực trao đổi  - Làm việc nhóm: Mỗi nhóm giới thiệu 01 quy trình sản xuất giống tôm he hiện hành | - Vở ghi chép, Tài liệu tham khảo,  - Chuẩn bị bài liên quan đến nội dung ở nhà.  - Tự học: Kỹ thuật định lượng ấu trùng | CLO1.2 | A1.1A1..2A2.1  A3.1 |
| 7 | **Chương 6.** TRAO ĐỔI CHẤT VÀ NĂNG LƯỢNG  6.1. Đại cương về trao đổi chất và năng lượng.  6.2. Năng lượng sinh học và nhiệt động học.  6.3. Quá trình oxy - hoá khử sinh học.  6.4. Sự photphoryl hoá - oxy hoá. | * Giảng viên:   Truyền thụ, diễn giảng, vấn đáp, Thảo luận về hình dạng ấu trùng biến thái của cua biển   * Sinh viên   - Chú ý nghe giảng viên giảng dạy | - Vở ghi chép, Tài liệu tham khảo,  - Chuẩn bị bài liên quan đến nội dung ở nhà.  - Tự học: đọc trước tài liệu liên quan đến nội dung học tuần kế tiếp. | CLO1.2  CLO3.1 | A3.1 |
| 8 | **Chương 7.** TRAO ĐỔI CARBOHYDRATE  7.1. Phân giải carbohydrate.  7.2. Sinh tổng hợp carbohydrate. | * Giảng viên:   Truyền thụ, diễn giảng, vấn đáp, Thảo luận về hình dạng ấu trùng biến thái của cua biển   * Sinh viên   - Chú ý nghe giảng viên giảng dạy | - Vở ghi chép, Tài liệu tham khảo,  - Chuẩn bị bài liên quan đến nội dung ở nhà.  - Tự học: đọc trước tài liệu liên quan đến nội dung học tuần kế tiếp. | CLO1.2  CLO3.1 | A3.1 |
| 9 | **Chương 8.** TRAO ĐỔI LIPID  8.1. Phân giải lipit.  8.2. Sinh tổng hợp lipit. | * Giảng viên: Truyền thụ, diễn giảng, mô phỏng, giới thiệu các video clip chuyên ngành   - Thảo luận: Tầm quan trọng của kỹ thuật thu hoạch và vận chuyển giống trong nghề nuôi giáp xác.   * Sinh viên   - Chú ý nghe giảng viên giảng dạy; trao đổi tích cực  - Bài tập 2: Thiết lập quy trình SXG một đối tượng giáp xác mới | * Vở ghi chép, Tài liệu tham khảo,   - Chuẩn bị bài liên quan đến nội dung ở nhà.  - Tự học: đọc trước tài liệu liên quan đến nội dung học tuần kế tiếp. | CLO1.2  CLO3.1 | A3.1 |
| 10 | **Chương 9.** TRAO ĐỔI PROTEIN  9.1. Phân giải protein.  9.2. Sinh tổng hợp protein. | * Giảng viên:   - Truyền thụ, diễn giảng, mô phỏng, giới thiệu các video clip về cấu tạo hình thái và giải phẫu cá  - Thảo luận: vai trò của việc chọn giống  Sinh viên:  - Chú ý nghe giảng viên giảng dạy; tham gia trao đổi  - Thảo luận: Việc định lượng tôm trong ao nuôi | - Vở ghi chép, Tài liệu tham khảo,  - Chuẩn bị bài liên quan đến nội dung ở nhà.  - Tự học: Các hình thức nuôi tôm he | CLO1.2  CLO3.1 | A3.1 |

**8. Nhiệm vụ của người học**

***8.1. Phần tự học***

- Nghiên cứu tài liệu, xem các slide/video/website.

- Chủ động tìm các nguồn tài liệu khác liên quan đến nội dung học phần.

- Thảo luận, trao đổi những vấn đề liên quan đến học phần với bạn học/cựu sinh viên/cán bộ tại đơn vị trải nghiệm hoặc các nguồn lực hỗ trợ khác.

- Hoàn thành các bài tập được giao trên LMS.

***8.2. Phần học trên lớp trực tiếp hoặc online với giảng viên***

- Dự lớp ≥ 80% tổng thời lượng của học phần.

- Chủ động, tích cực trong giờ học.

- Phát hiện, đưa ra câu hỏi hoặc vấn đề liên quan đến nội dung học tập.

**9. Ngày phê duyệt:**

**10. Cấp phê duyệt:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **KT. HIỆU TRƯỞNG**  **PHÓ HIỆU TRƯỞNG** | **VIỆN TRƯỞNG**  **TS. Nguyễn Đình Vinh** | **TRƯỞNG BỘ MÔN**  **TS. Lê Minh Hải** |

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH**  **TRƯỜNG SƯ PHẠM**  **KHOA GIÁO DỤC CHÍNH TRỊ**  **----------------------------** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**  **-------------------------** |

## **ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN CHI TIẾT**

## **Kinh tế chính trị Mác – Lênin**

**1. Thông tin tổng quát:**

***1.1. Thông tin về giảng viên***

**1. Thông tin tổng quát:**

***1.1. Thông tin về giảng viên***

**- Giảng viên 1: Nguyễn Thị Diệp**

Chức danh, học hàm, học vị: GVC,ThS

Địa điểm làm việc: Khoa Giáo dục chính trị, Trường Sư phạm, Trường Đại học Vinh

Địa chỉ liên hệ: 182 Lê Duẩn, TP Vinh, tỉnh Nghệ An

Điện thoại: 0914447188 Email: [diepnt@vinhuni.edu.vn](mailto:diepnt@vinhuni.edu.vn)

Các hướng nghiên cứu chính:Kinh tế chính trị; Kinh tế học; Lịch sử tư tưởng kinh tế; Tác phẩm kinh điển KTCT của C.Mác; Kinh tế phát triển.

**- *Giảng viên 2*: Nguyễn Thị Mỹ Hương**

Chức danh, học hàm, học vị: GVC, Ths

Địa điểm làm việc: Khoa Giáo dục chính trị, Trường Sư phạm, Trường Đại học Vinh

Địa chỉ liên hệ: 182 Lê Duẩn, TP Vinh, tỉnh Nghệ An

Điện thoại: 0915905578 Email: hươngntm@vinhuni.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Các vấn đề kinh tế của thời kỳ quá độ lên CNXH; Chủ nghĩa tư bản hiện đại; Tác phẩm kinh điển KTCT của C. Mác, Kinh tế học, hội nhập kinh tế quốc tế...

**- Giảng viên 3: Đinh Trung Thành**

Chức danh, học hàm, học vị: GVCC, PGS,TS

Địa điểm làm việc: Khoa Giáo dục chính trị, Trường Sư phạm, Trường Đại học Vinh

Địa chỉ liên hệ: 182 Lê Duẩn, TP Vinh, tỉnh Nghệ An

Điện thoại: 0904252425 Email: thanhdt@vinhuni.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Lịch sử kinh tế và chính sách kinh tế; Tác phẩm kinh điển KTCT của V.I.Lênin, Hội nhập kinh tế quốc tế; Chính sách công, ...

**- Giảng viên 4: Nguyễn Thị Hải Yến**

Chức danh, học hàm, học vị: GVC, TS

Địa điểm làm việc: Khoa Giáo dục chính trị, Trường Sư phạm, Trường Đại học Vinh

Địa chỉ liên hệ: 182 Lê Duẩn, TP Vinh, tỉnh Nghệ An

Điện thoại: 0962662626 Email: yennth@vinhuni.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Lịch sử tư tưởng kinh tế; Kinh tế thị tr­ường định h­ướng XHCN; Công nghiệp hoá, hiện đại hoá và phát triển kinh tế tri thức; Quản lý kinh tế; Kinh tế phát triển.

***1.2. Thông tin về học phần:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| - Tên học phần (tiếng Việt): **Kinh tế chính trị Mác – Lênin**  (tiếng Anh):Political economics of Marxism and Leninism | | |
| - Mã số học phần:POL11002 | | |
| - Thuộc CTĐT ngành: Tất cả các chuyên ngành đào tạo đại học | | |
| - Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:  ☒ Kiến thức đại cương  Kiến thức cơ sở ngành  Kiến thức ngành | Học phần chuyên về kỹ năng chung  Học phần dạy học theo hình thức dự án/đồ án  Kiến thức khác | |
| - Thuộc loại học phần: ☒ Bắt buộc | Tự chọn | |
| - Số tín chỉ: 2 | |  |
| + Số tiết lý thuyết: 20 | |  |
| + Số tiết thảo luận/bài tập: 10 | |  |
| + Số tiết thực hành: | |  |
| + Số tiết tự học: 60 | |  |
| - Điều kiện đăng ký học: | |  |
| + Học phần học trước: Triết học Mác – Lênin | | Mã số HP: POL11001 |
| - Yêu cầu của học phần: Thực hiện theo Quy chế đào tạo của Trường Đại học Vinh. Cụ thể  + Thời gian tối thiểu sinh viên phải có mặt trên lớp: 80% tổng số giờ lên lớp  + Sinh viên phải nộp đầy đủ bài tập, báo cáo qua hệ thống LMS (Mục 5.1). + Tham gia đầy đủ các buổi thảo luận nhóm. | | |
| - Đơn vị phụ trách học phần: Khoa Giáo dục Chính trị, trường Sư phạm, trường ĐH Vinh  Điện thoại Email: giaoducchinhtri2021@gmail.com | | |

**2. Mô tả học phần**

Kinh tế chính trị Mác - Lênin là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ bản của các ngành đào tạo trình độ đại học.

Học phần có 6 chương, bao gồm hệ thống tri thức về hàng hóa, thị trường, giá trị thặng dư, cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường, về kinh thế thị trường định hướng XHCN và các quan hệ lợi ích kinh tế, về công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam. Trên cơ sở đó, trang bị cho sinh viên cơ sở lý luận để nhận thức đúng bản chất của các hiện tượng, các quan hệ kinh tế trong nền kinh tế thị trường và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam. Đồng thời, góp phần hình thành kỹ năng thực hiện các hoạt động kinh tế, nâng cao bản lĩnh chính trị cho sinh viên.

**3. Mục tiêu học phần**

**-** Trang bị cho sinh viên những tri thức cơ bản của kinh tế chính trị Mác - Lênin. Từ đó giúp sinh viên hiểu và giải thích được quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin về phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa, của Đảng Cộng sản về những vấn đề kinh tế chính trị của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

**-** Bồi dưỡng phẩm chất chính trị, ý thức trách nhiệm cho sinh viên trong bối cảnh toàn cầu hóa.

**-** Rèn luyện cho sinh viên kỹ năng phân tích các vấn đề kinh tế chính trị, từ đó có thể phản biện được các quan điểm, tư tưởng về các vấn đề kinh tế chính trị.

**4. Chuẩn đầu ra học phần, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá**

***4.1. Sự tương thích chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **CĐR học phần** | **Sự tương thích với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo** | | |
| PLO1.1 | PLO2.1 | PLO 2.2 |
| 1.1.1 | 2.1.1 | 2.2.1 |
| CLO1.1 | 0,7 |  |  |
| CLO1.2 | 0,3 |  |  |
| CLO2.1 |  | 1,0 |  |
| CLO2.2 |  |  | 1,0 |

***.***

***4.2. Nội dung chuẩn đầu ra, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá học phần***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **CĐR học phần (CLO)** | **Mức độ năng lực CĐR**  **học phần** | **Mô tả CĐR học phần** | **Phương pháp dạy học** | **Phương pháp đánh giá** |
| CLO1.1 | K3 | *Giải thích* được kiến thức cơ bản của kinh tế chính trị Mác – Lênin. | Thuyết trình | Trắc nghiệm |
| CLO1.2 | K3 | *Vận dụng* lý luận kinh tế chính trị Mác - Lênin vào giải thích các vấn đề kinh tế chính trị trong thực tiễn. | Thuyết trình; Thảo luận nhóm | Trắc nghiệm; Bài tập nhóm |
| CLO2.1 | S2 | *Có khả năng* phản biệncác quan điểm, tư tưởng về kinh tế chính trị | Thảo luận nhóm | Bài tập nhóm |
| CLO2.2 | A3 | *Thể hiện* phẩm chất chính trị, tin tưởng vào sự phát triển kinh tế - xã hội ở Việt Nam | Tự học | Quan sát;  Tự luận |

**5. Đánh giá học tập và các bộ tiêu chí đánh giá**

***5.1. Đánh giá học tập***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Bài đánh giá** | **Hình thức đánh giá và**  **lưu hồ sơ** | **Công cụ**  **đánh giá** | **CĐR học phần** | **Tỷ lệ cho bài đánh giá** | **Tỷ lệ**  **cho học phần** |
| **A1. Đánh giá thường xuyên** | | | |  | **50%** |
| A1.1 | Quan sát, điểm danh, bài tập cá nhân; GV đánh giá và lưu hồ sơ. | Rubric 1 | CLO2.2 | 100% | 20% |
| A1.2 | Thảo luận nhóm; nhóm trưởng nôp báo cáo qua LMS; GV đánh giá và lưu hồ sơ | Rubric 2 | CLO1.2 | 40% | 20% |
| CLO2.1 | 60% |
| A1.3 | Bài thi trắc nghiệm; TT đảm bảo chất lượng tổ chức thi và lưu hồ sơ | Câu hỏi/Đáp án | CLO1.1 | 70% | 10% |
| CLO1.2 | 30% |
| **A2. Đánh giá cuối kỳ** | | | |  | **50%** |
| A2.1 | Bài thi trắc nghiệm; TT đảm bảo chất lượng tổ chức thi và lưu hồ sơ | Câu hỏi/Đáp án | CLO1.1 | 70% | 50% |
| CLO1.2 | 30% |
| **Công thức tính điểm học phần:** (A1.1\*2+A1.2\*2+A1.3+A2.1\*5)**/**10 | | | | | |

***5.2. Các bộ tiêu chí đánh giá***

***5.2.1. Rubric 1: Đánh giá bài A1.1***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí đánh giá** | **Mức độ đánh giá (theo thang điểm)** | | | | |
| **5,0 – 4,5** | **4,0 – 3,0** | **2.5 – 2,0** | **1,5 - 0** |
| **Tham gia lớp học**  ***(5 điểm)*** | - Nghe 100% bài giảng SCORM,  - Tham gia 100% tổng số giờ lên lớp theo quy định  - Tích cực phát biểu xây dựng bài | - Nghe trên 90% bài SCORM;  - Tham gia trên 90% tổng số giờ lên lớp quy định  - Có phát biểu xây dựng bài | - Nghe trên 80% bài SCORM;  - Tham gia trên 80% tổng số giờ lên lớp quy định  - Không phát biểu xây dựng bài | - Nghe dưới 80% bài SCORM;  - Tham gia dưới 80% tổng số giờ lên lớp quy định  - Không phát biểu xây dựng bài |
|  | **5,0 – 4,5** | **4,0 – 3,0** | **2.5 – 2,0** | **1,5 - 0** |
| **Thực hiện bài tập cá nhân**  ***(5 điểm)*** | - Hoàn thành tốt bài tập, đúng tiến độ.  - Nội dung thể hiện rõ sự nhìn nhận khách quan, đúng đắn đối với vấn đề mà bài tập đưa ra  - Thể hiện rõ niềm tin đối với sự lãnh đạo cúa Đảng, sự quản lý của Nhà nước đối với quá trình phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. | - Hoàn thành trên 80% nội dung bài tập, đúng tiến độ.  - Nội dung thể hiện sự nhìn nhận khách quan đúng đắn đối với vấn đề mà bài tập đưa ra  - Có niềm tin đối với sự lãnh đạo cúa Đảng, sự quản lý của Nhà nước đối với quá trình phát triển kinh tế - xã hội. | - Hoàn thành trên 50% nội dung bài tập, đúng tiến độ.  - Nội dung thể hiện sự nhìn nhận khách quan đúng đắn đối với vấn đề mà bài tập đưa ra  - Có niềm tin đối với sự lãnh đạo cúa Đảng, quản lý của Nhà nước đối với quá trình phát triển kinh tế - xã hội. | - Hoàn thành dưới 50% nội dung bài tập, chậm tiến độ  - Nội dung thể hiện sự nhìn nhận khách quan đúng đắn đối với vấn đề mà bài tập đưa ra  - Chưa có niềm tin đối với sự lãnh đạo cúa Đảng, sự quản lý của Nhà nước đối với quá trình phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. |
| **TỔNG ĐIỂM: \_\_\_\_\_/10 (Bằng chữ: ………………………………………………………)** | | | | | |

***5.2.2. Rubric 2: Đánh giá bài A1.2***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí đánh giá** | **Mức độ đánh giá (theo thang điểm)** | | | |
| **2.0** | **1.5** | **1.0** | **0.5 - 0** |
| **Cấu trúc và hình**  ***(2 điểm)*** | - Kết cấu đúng yêu cầu, hợp lý, lôgic  - Hình thức đẹp, đúng quy định, không có lỗi chính tả. | - Kết cấu đúng yêu cầu, khá hợp lý, lôgic  - Hình thức khá đẹp, đúng quy định, không có lỗi chính tả. | - Kết cấu đúng yêu cầu, nhưng chưa hợp lý, lôgic.  - Hình thức đúng quy định, có một số lỗi chính tả chính tả. | - Kết cấu chưa đúng yêu cầu, không hợp lý, lôgic.  - Hình thức chưa đúng quy định, còn nhiều lỗi chính tả. |
|  | **5.0 – 4,5** | **4.0 – 3.5** | **3.0 - 2.0** | **1.5 - 0** |
| **Nội dung**  ***(5 điểm)*** | - Giải quyết tốt mục tiêu, nhiệm vụ vấn đề thảo luận.  - Lập luận logic chặt chẽ, đưa ra được những minh chứng thuyết phục.  - Rút ra được kêt luận đúng đối với vấn đề thảo luận. | - Giải quyêt khá tốt mục tiêu, nhiệm vụ vấn đề thảo luận.  - Lập luận khá chặt chẽ, đưa ra được những minh chứng thuyết phục.  - Rút ra được kêt luận đúng đối với vấn đề thảo luận. | - Giải quyết được một số tiêu, nhiệm vụ vấn đề thảo luận.  - Lập luận khá chặt chẽ, nhưng chưa đưa ra được minh chứng thuyết phục.  - Rút ra được kêt luận đúng đối với vấn đề thảo luận. | - Không giải quyết được mục tiêu, nhiệm vụ vấn đề thảo luận.  - Lập luận không rõ ràng, không có minh chứng.  - Không đưa ra quan điểm đúng đối với vấn đề thảo luận. |
|  | **3,0** | **2,0** | **1,0** | **0,5** |
| **Trình bày *(3 điểm)*** | - Trình bày mạch lạc, rõ ràng, tự tin.  - Tranh luận hiệu quả, đưa ra được nhiều dẫn chứng thuyết phục, phản bác được các ý kiến sai trái. | - Trình bày khá mạch lạc, rõ ràng, khá tự tin.  - Có tranh luận, phản bác và đưa ra được một vài dẫn chứng thuyết phục. | - Trình bày tương đối mạch lạc, rõ ràng, nhưng chưa được tự tin.  - Có tranh luận, đưa ra được dẫn chứng nhưng chưa được thuyết phục và chưa thể hiện được khả năng phản bác các ý kiến sai trái | - Trình bày không mạch lạc, rõ ràng, không tự tin.  - Không thể hiện được khả năng tranh luận, phản bác lại các ý kiến sai trái. |
| **TỔNG ĐIỂM: \_\_\_\_\_/10 (Bằng chữ: ………………………………………………………)** | | | | |

**6. Tài liệu học tập**

***6.1. Giáo trình:***

[1] Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Giáo trình Kinh tế chính trị Mác - Lênin* (Dành cho bậc đại học hệ không chuyên lý luận chính trị), NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021

***6.2. Tài liệu tham khảo:***

[2] PGS.TS Phạm Quang Phan, PGS.TS Vũ Anh Tuấn, TS Tô Đức Hạnh (Đồng chủ biên) *Hướng dẫn học môn Kinh tế chính trị Mác - Lênin*, NXB Thống kê, 2005.

[3] PGS.TS An Như Hải (Chủ biên), *110 câu hỏi và bài tập Kinh tế chính trị Mác- Lênin*, NXB Lý luận Chính trị, Hà Nội, 2014.

**7. Kế hoạch dạy học**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tuần,**  **số tiết** | **Nội dung** | **Hình thức tổ chức dạy học** | **Yêu cầu SV chuẩn bị** | **CĐR học phần** | **Bài đánh giá** |
| 1(2) | Chương 1: Đối tượng phương pháp nghiên cứu và chức năng của Kinh tế chính trị Mác - Lênin  1.1. Khái quát sự hình thành và phát triển của Kinh tế chính trị Mác - Lênin  1.2. Đối tượng và phương pháp nghiên cứu Kinh tế chính trị Mác – Lênin  1.3. Chức năng của Kinh tế chính trị Mác – Lênin | - GVsử dụng các phương pháp dạy học gợi mở, vấn đáp; thuyết trình.  - Tự học: GV hướng dẫn SV nghe bài giảng Elearning; hướng dẫn nghiên cứu nội dung tự học | - Đọc giáo trình [1] tr. 11-33; nghiên cứu các nội dung tự học  - Nghe bài giảng Elearning Chương 1  - Chuẩn bị câu hỏi thảo luận. | CLO1.1  CLO1.2  CLO2.1  CLO2.2 | A1.1  A1.2  A1.3  A2.1 |
| 2 (2) | Chương 2: Hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể tham gia thị trường  2.1. Lý luận của C.Mác về sản xuất hàng hóa và hàng hóa | - GVsử dụng các phương pháp dạy học gợi mở, vấn đáp; thuyết trình.  - Tự học: GV hướng dẫn SV nghiên cứu nội dung tự học | - Đọc giáo trình [1] tr. 34-56; nghiên cứu các nội dung tự học  - Nghe bài giảng Elearning Chương 2 (Phần 1)  - Chuẩn bị câu hỏi thảo luận. | CLO1.1  CLO1.2  CLO2.1  CLO2.2 | A1.1  A1.2  A1.3  A2.1 |
| 3 (2) | Chương 2: Hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể tham gia thị trường  2.2. Thị trường và nền kinh tế thị trường  2.3. Vai trò của một số chủ thể tham gia thị trường | - GVsử dụng các phương pháp dạy học gợi mở, vấn đáp; thuyết trình.  - Tự học: GV hướng dẫn SV nghiên cứu nội dung tự học | - Đọc giáo trình [1] tr 57-82; nghiên cứu các nội dung tự học  - Nghe bài giảng Elearning Chương 2 (Phần 1)  - Chuẩn bị câu hỏi thảo luận. | CLO1.1  CLO1.2  CLO2.1  CLO2.2 | A1.1  A1.2  A1.3  A2.1 |
| 4 (2) | Thảo luận nhóm, nội dung Chương 1, 2 | - Hoạt động thảo luận nhóm  + Các nhóm thống nhất nội dung được phân công và thuyết trình trước lớp.  + Các nhóm nhận xét và đặt câu hỏi cho nhau.  - Giáo viên nhận xét và tổng kết vấn đề thảo luận. | - Đọc giáo trình , tài liệu tham khảo  - Chuẩn bị câu hỏi thảo luận nhóm  - Thực hiện thảo luận nhóm | CLO1.1  CLO1.2  CLO2.1  CLO2.2 | A1.1  A1.2  A1.3  A2.1 |
| 5 (2) | Chương 3: Giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường  3.1. Lý luận của C.mác về giá trị thặng dư | - GVsử dụng các phương pháp dạy học gợi mở, vấn đáp; thuyết trình.  - Tự học: GV hướng dẫn SV nghiên cứu nội dung tự học | - Đọc giáo trình [1] tr 84 -98; nghiên cứu các nội dung tự học  - Nghe bài giảng Elearning Chương 3 (Phần 1)  - Chuẩn bị câu hỏi thảo luận. | CLO1.1  CLO1.2  CLO2.1  CLO2.2 | A1.1  A1.2  A1.3  A2.1 |
| 6 (2) | Chương 3: Giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường  3.1. Lý luận của C.Mác về giá trị thặng dư (tiếp)   * 1. Tích lũy tư bản | - GVsử dụng các phương pháp dạy học gợi mở, vấn đáp; thuyết trình.  - Tự học: GV hướng dẫn SV nghiên cứu nội dung tự học | - Đọc giáo trình [1] tr. 99-109; nghiên cứu các nội dung tự học  - Nghe bài giảng Elearning Chương 3 (Phần 2)  - Chuẩn bị câu hỏi thảo luận. | CLO1.1  CLO1.2  CLO2.1  CLO2.2 | A1.1  A1.2  A1.3  A2.1 |
| 7 (2) | Chương 3: Giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường  3.3. Các hình thức biểu hiện của giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường | - GVsử dụng các phương pháp dạy học gợi mở, vấn đáp; thuyết trình.  - Tự học: GV hướng dẫn SV nghiên cứu nội dung tự học | - Đọc giáo trình [1] tr. 110 - 122; nghiên cứu các nội dung tự học  - Nghe bài giảng Elearning Chương 3 (Phần 3)  - Chuẩn bị câu hỏi thảo luận. | CLO1.1  CLO1.2  CLO2.1  CLO2.2 | A1.1  A1.2  A1.3  A2.1 |
| 8 (2) | Thảo luận nhóm nội dung chương 3 | - Hoạt động thảo luận nhóm  + Các nhóm thống nhất nội dung được phân công và thuyết trình trước lớp.  + Các nhóm nhận xét và đặt câu hỏi cho nhau.  - Giáo viên nhận xét và tổng kết vấn đề thảo luận. | - Đọc giáo trình, tài liệu tham khảo  - Chuẩn bị câu hỏi thảo luận nhóm  - Thực hiện thảo luận nhóm | CLO1.1  CLO1.2  CLO2.1  CLO2.2 | A1.1  A1.2  A1.3  A2.1 |
| 9 (2) | Chương 4: Cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường  4.1. Cạnh tranh ở cấp độ độc quyền trong nền kinh tế thị trường | - GVsử dụng các phương pháp dạy học gợi mở, vấn đáp; thuyết trình.  - Tự học: GV hướng dẫn SV nghiên cứu nội dung tự học | - Đọc giáo trình [1] tr. 124 - 136; nghiên cứu các nội dung tự học  - Nghe bài giảng Elearning Chương 4 (Phần 1)  - Chuẩn bị câu hỏi thảo luận. | CLO1.1  CLO1.2  CLO2.1  CLO2.2 | A1.1  A1.2  A2.1 |
| 10 (2) | Chương 4: Cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường  4.2. Lý luận của V.I.Lênin về các đặc điểm kinh tế của độc quyền và độc quyền nhà nước trong nền kinh tế thị trường TBCN  4.3. Biểu hiện mới của độc quyền và độc quyền nhà nước trong điều kiện ngày nay, vai trò lịch sử của chủ nghĩa tư bản | - GVsử dụng các phương pháp dạy học gợi mở, vấn đáp; thuyết trình.  - Tự học: GV hướng dẫn SV nghiên cứu nội dung tự học | - Đọc giáo trình [1] tr. 136 - 166; nghiên cứu các nội dung tự học  - Nghe bài giảng Elearning Chương 4 (Phần 2)  - Chuẩn bị câu hỏi thảo luận. | CLO1.1  CLO1.2  CLO2.1  CLO2.2 | A1.1  A1.2  A2.1 |
| 11 (2) | Thảo luận nhóm nội dung chương 4 | - Hoạt động thảo luận nhóm  + Các nhóm thống nhất nội dung được phân công và thuyết trình trước lớp.  + Các nhóm nhận xét và đặt câu hỏi cho nhau.  - Giáo viên nhận xét và tổng kết | - Đọc giáo trình, tài liệu tham khảo  - Chuẩn bị câu hỏi thảo luận nhóm  - Thực hiện thảo luận nhóm | CLO1.1  CLO1.2  CLO2.1  CLO2.2 | A1.1  A1.2  A2.1 |
| 12(2) | Chương 5: Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam  5.1. Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam  5.2. Hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam  5.3. Quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam | - GVsử dụng các phương pháp dạy học gợi mở, vấn đáp; thuyết trình.  - Tự học: GV hướng dẫn SV nghiên cứu nội dung tự học | - Đọc giáo trình [1] tr. 170 - 219; nghiên cứu các nội dung tự học  - Nghe bài giảng Elearning Chương 5  - Chuẩn bị câu hỏi thảo luận. | CLO1.1  CLO1.2  CLO2.1  CLO2.2 | A1.1  A1.2  A2.1 |
| 13 (2) | Thảo luận nhóm nội dung chương 5 | - Hoạt động thảo luận nhóm  + Các nhóm thống nhất nội dung được phân công và thuyết trình trước lớp.  + Các nhóm nhận xét và đặt câu hỏi cho nhau.  - Giáo viên nhận xét và tổng kết vấn đề thảo luận. | - Đọc giáo trình, tài liệu tham khảo  - Chuẩn bị câu hỏi thảo luận nhóm  - Thực hiện thảo luận nhóm | CLO1.1  CLO1.2  CLO2.1  CLO2.2 | A1.1  A1.2  A2.1 |
| 14 (2) | Chương 6: Công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam  6.1. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam  6.2. Hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam | - GVsử dụng các phương pháp dạy học gợi mở, vấn đáp; thuyết trình.  - Tự học: GV hướng dẫn SV nghiên cứu nội dung tự học | - Đọc giáo trình [1] tr. 224 - 283; nghiên cứu các nội dung tự học  - Nghe bài giảng Elearning Chương 6.  - Chuẩn bị câu hỏi thảo luận. | CLO1.1  CLO1.2  CLO2.1  CLO2.2 | A1.1  A1.2  A2.1 |
| 15 (2) | - Thảo luận nhóm nội dung chương 6  - Tổng kết học phần | - Hoạt động thảo luận nhóm  + Các nhóm thống nhất nội dung được phân công và thuyết trình trước lớp.  + Các nhóm nhận xét và đặt câu hỏi cho nhau.  - Giáo viên nhận xét và tổng kết vấn đề thảo luận; tổng kết học phần | - Đọc giáo trình, tài liệu tham khảo  - Chuẩn bị câu hỏi thảo luận nhóm  - Thực hiện thảo luận nhóm | CLO1.1  CLO1.2  CLO2.1  CLO2.2 | A1.1  A1.2  A2.1 |

**8. Nhiệm vụ của người học**

***8.1. Phần tự học***

- Nghiên cứu tài liệu, xem các slide/video/website.

- Chủ động tìm các nguồn tài liệu khác liên quan đến nội dung học phần.

- Thảo luận, trao đổi những vấn đề liên quan đến học phần với bạn học/cựu sinh viên/cán bộ tại đơn vị trải nghiệm hoặc các nguồn lực hỗ trợ khác.

- Hoàn thành các bài tập được giao trên LMS.

***8.2. Phần học trên lớp trực tiếp hoặc online với giảng viên***

- Dự lớp ≥ 80% tổng thời lượng của học phần.

- Chủ động, tích cực trong giờ học.

- Phát hiện, đưa ra câu hỏi hoặc vấn đề liên quan đến nội dung học tập.

**9. Ngày phê duyệt:**

**10. Cấp phê duyệt:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **KT. HIỆU TRƯỞNG**  **PHÓ HIỆU TRƯỞNG** | **HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG SƯ PHẠM** | **TRƯỞNG KHOA GDCT** |

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH**  **VIỆN NÔNG NGHIỆP VÀ TÀI NGUYÊN**  **----------------------------** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**  **-------------------------** |

## **ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN CHI TIẾT**

## **Mô phôi động vật**

**1. Thông tin tổng quát:**

***1.1. Thông tin về giảng viên***

***Giảng viên 1:Tạ Thị Bình***

Học hàm, học vị: Giảng viên – Tiến sỹ

Địa chỉ liên hệ: Bộ môn Nuôi trồng Thủy sản và Chăn nuôi – Viện Nông nghiệp và Tài Nguyên

Điện thoại, email: : [tathibinhdhv@gmail.com](mailto:tathibinhdhv@gmail.com); ĐT: 0984.596.189

Các hướng nghiên cứu chính:

***Giảng viên 2: Nguyễn Thị Thanh***

Học hàm, học vị: Giảng viên – Tiến sỹ

Địa chỉ liên hệ: Bộ môn Thủy sản và Chăn nuôi – Viện Nông nghiệp và Tài Nguyên Điện thoại, email: nguyenthithanhnln@.gmail.com; ĐT: 0984806773

Các hướng nghiên cứu chính:

***1.2. Thông tin về học phần:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| - Tên môn học (tiếng Việt): Mô phôi động vật  (tiếng Anh): | | |
| - Mã số học phần: AQU20001 | | |
| - Thuộc CTĐT ngành: Nuôi trồng thuỷ sản, Chăn nuôi – Thú y | | |
| - Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:  Kiến thức cơ bản  Kiến thức cơ sở ngành  x  Kiến thức ngành  xx | Học phần chuyên về kỹ năng chung  Kiến thức khác | |
| - Thuộc loại học phần: Bắt buộc | Tự chọn | |
| - Số tín chỉ: 2  x | |  |
| + Số tiết lý thuyết: 26 | |  |
| + Số tiết thảo luận/bài tập: 4 | |  |
| + Số tiết thực hành: 0 | |  |
| + Số tiết tự học: 60 | |  |
| - Điều kiện đăng ký học: | |  |
| + Học phần tiên quyết: | | Mã số HP: |
| + Học phần học trước: | | Mã số HP: |
| - Yêu cầu của học phần: Thực hiện theo Quy chế đào tạo của Trường Đại học Vinh. Cụ thể:  + Thời gian tối thiểu sinh viên phải có mặt trên lớp: 80%  + Sinh viên phải nộp đầy đủ bài tập, báo cáo qua hệ thống LMS (Mục 5.1).  Sinh viên phải tham gia đầy đủ các bài thực hành | | |
| - Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Thủy sản và Chăn nuôi  Điện thoại: Email: | | |

**2. Mô tả học phần**

Học phần này giúp sinh viên có kiến thức đại cương về cấu trúc và chắc năng của tế bào động vật. Trong phần mô học đại cương sinh viên sẽ được trang bị kiến thức về cấu tao, nhiệm vụ, phân Biểu mô, mô liên kết, mô cơ và mô thần kinh. Trên cơ sở này sinh viên sẽ tiếp cận sâu hơn các kiến thức liên quan đến mô học chuyên khoa như đặc điểm và cấu tạo vi thể các hệ cơ quan tiêu hoá, hô hấp, sinh dục trong cơ thể động vật; kiến thức đại cương về tế bào sinh dục, quá trình phát triển phôi của động vật. Bên cạch đó, sinh viên còn được thực hành quan sát các tiêu bản mô dưới kính hiển vi để biết và phân biệt các loại mô.

**3. Mục tiêu học phần**

*Mục tiêu học phần trình bày thành một đoạn văn; diễn đạt khá tổng quát về kiến thức/kỹ năng/thái độ sẽ đạt được (phù hợp với CĐR CTĐT và TĐNL phân bổ cho học phần); thể hiện được sự học tập chủ động của sinh viên (lấy người học làm trung tâm).*

Giúp sinh viên hiểu rõ về cấu trúc vi thể các loại mô trong cơ thể động vật như: Biểu mô, liên kết, cơ, thần kinh và cấu tạo vi thể các hệ cơ quan trong cơ thể động vật. Kiến thức đại cương về tế bào sinh dục, quá trình phát triển phôi của động vật. Qua môn học sinh viên sẽ sử dụng thành thạo kính hiển vi quang học, đọc được các loại tiêu bản cố định của tổ chức và cơ quan (tiêu bản sinh lý bình thường). Có khả năng suy luận, tổng hợp các kiến thức đã học để Giải thích được giải thích sự liên quan chặt chẽ giữa cấu tạo và chắc năng trong từng loại mô và cơ quan, ứng dụng trong thực tế chăn nuôi.

**4. Chuẩn đầu ra học phần, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá**

***4.1. Ánh xạ chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **CĐR học phần.** | **Ánh xạ với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo** | | |
| PLO1.2 | PLO2.2 | PLO3.1 |
| 1.2.2 | 2.2.1 | 3.1.2 |
| CLO 1.1 | 0,5 |  |  |
| CLO 1.2 | 0,5 |  |  |
| CLO 1.3 |  | 1,0 | 1,0 |

***4.2. Nội dung chuẩn đầu ra, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá học phần***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **CĐR học phần (CLO)** | **TĐNL CĐR**  **học phần** | **Mô tả CĐR học phần** | **Phương pháp dạy học** | **Phương pháp đánh giá** |
| CLO 1.1 | K3 | Hiểu và áp dụng các kiến thức về cấu trúc vi thể các loại mô trong cơ thể động vật; kiến thức về tế bào sinh dục, quá trình phát triển phôi động vật vào chăn nuôi; | Thuyết trình; phát vấn; thảo luận; tự học; | Thi TNKQ  Thi viết |
| CLO 1.2 | K3 | Giải thích được giải thích sự liên quan chặt chẽ giữa cấu tạo và chắc năng trong từng loại mô và cơ quan, ứng dụng trong thực tế chăn nuôi. | Thuyết trình; phát vấn; thảo luận; tự học; | Bài tập  Thi viết |
| CLO2.1 | A3 | Thể hiện thái độ hành xử chuyên nghiệp, tinh thần hợp tác trong học tập | Tự học | Rubic 1 |
| CLO 3.1 | S3 | Tổ chức hoạt động nhóm hiệu quả | Tự học | Rubic 1 |

*Ghi chú:*

*- Khi đối sánh với CĐR CTĐT, cần ghi rõ trình độ năng lực (TĐNL) phân nhiệm cho học phần bằng số tương ứng trong ngoặc đơn.*

*- TĐNL được ký hiệu bằng chữ số chẵn tương ứng: 1, 2, 3, 4, 5 (Phụ lục 1)*

*- Ví dụ về phương pháp dạy học: Thuyết trình, bài tập, thảo luận, làm việc nhóm, nghiên cứu tình huống, thực hành, đồ án/dự án, tự học/tự nghiên cứu…*

*- Ví dụ về phương pháp đánh giá:**Trắc nghiệm, tự luận, vấn đáp, thực hành, biểu diễn, bài tập lớn, phỏng vấn, quan sát, hồ sơ học tập, chấm đồ án/dự án…*

**5. Đánh giá học tập và các bộ tiêu chí đánh giá**

***5.1. Đánh giá học tập***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Bài đánh giá** | **Hình thức đánh giá,**  **minh chứng, lưu hồ sơ** | **Công cụ**  **đánh giá** | **CĐR học phần** | **Tỷ lệ**  **Cho bài đánh giá** | **Tỷ lệ cho học phần** |
| **A1. Đánh giá quá trình** | | | |  | **50%** |
| A1.1. Bài trắc nghiệm | - Bài trắc nghiệm trên LMS, chấm điểm tự động | Đáp án | CLO 1.1 | 100% | 20% |
| A1.2. Thảo luận nhóm | - Nộp trên LMS, GV chấm điểm | Đáp án | CLO 1.2 | 70% | 30% |
| - Sinh viên tự chấm điểm thảo luận nhóm | Rubric 1 | CLO 2.1 | 15% |
| CLO 3.1 | 15% |
| **A3. Đánh giá cuối kỳ** | | | |  | **50%** |
| A2.1. Thi tự luận | - Thi viết; TT Đảm bảo chất lượng tổ chức thi và lưu hồ sơ | Đáp án | CLO 1.1 | 50% | 50% |
| CLO 1.2 | 50% |
| **Công thức tính điểm tổng kết:**  **Điểm TKHP = A1.1x0,2 + A1.2x0,3 +A2.1x0,5** | | | | | |

***5.2. Các bộ tiêu chí đánh giá***

***5.2.1. Rubric 1: Đánh giá bài A1.2***

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **CĐR cấp 2** | **Tiêu chí đánh giá** | **Trọng số (%)** | **Mức độ đánh giá** | | | | |
| **A** | **B** | **C** | **D** | **F** |
| **8.5 - 10** | **7.0 - 8.4** | **5.5 - 6.9** | **4,0 -5,4** | **< 4,0** |
| **CLO 2.1.**  **Thể hiện thái độ hành xử chuyên nghiệp, tinh thần hợp tác trong học tập** | **Ý thức, trách nhiệm khi tham gia hoạt động học tập** | 10 | Ý thức, trách nhiệm cao khi tham gia hoạt động học tập | Ý thức, trách nhiệm khá cao khi tham gia hoạt động học tập | Ý thức, trách nhiệm khi tham gia hoạt động học tập | Ý thức, trách nhiệm khi tham gia hoạt động học tập đang còn thấp | Ý thức, trách nhiệm thấp hoặc không có khi tham gia hoạt động học tập |
|  | **Mức độ tham gia hoạt động học tập** | 10 | Tham gia hoạt động học tập, với tần suất cao | Tham gia hoạt động học tập, tần suất khá cao | Tham gia hoạt động học tập | Tham gia hoạt động học tập, tần suất thấp | Không tham gia hoạt động học tập |
| **CLO 3.2**  **Tổ chức hoạt động nhóm hiệu quả** | **Tổ chức nhóm** | 5 | Tham gia đầy đủ, tích cực các cuộc hợp nhóm | Tham gia đầy đủ các hoạt động nhóm. | Tham gia còn thiếu một số ít hoạt động | Chỉ tham gia một số ít hoạt động | Không tham gia |
| Nhiệm vụ được phân công rõ ràng, đầy đủ cho các thành viên trong nhóm | Nhiệm vụ được phân công khá rõ ràng, đầy đủ cho các thành viên trong nhóm | Nhiệm vụ được phân công cho các thành viên trong nhóm đầy đủ | Nhiệm vụ được phân công cho các thành viên trong nhóm chưa đầy đủ | Chưa có sự phân công nhiệm vụ |
| **Hợp tác nhóm** | 10 | Chủ động tạo ra sự tương tác tích cực thực hiện nhiệm vụ | Chủ động tạo ra sự tương tác khá tích cực thực hiện nhiệm vụ | Tương tác thực hiện nhiệm vụ ở mức cơ bản | Còn bị động, phụ thuộc trong sử dụng các phương thức làm việc nhóm | Thụ động trong việc tương tác với các thành viên |
| - Trao đổi, chia sẻ và chấp nhận các ý tưởng trong thực hiện nhiệm vụ với các thành viên ở mức độ cao | - Trao đổi và chấp nhận các ý tưởng trong thực hiện nhiệm vụ với các thành viên mức độ khá | Trao đổi, chia sẻ và chấp nhận các ý tưởng trong thực hiện nhiệm vụ với các thành viên ở mức độ cơ bản | Trao đổi và chấp nhận các ý tưởng trong thực hiện nhiệm vụ với các thành viên ở mức độ thấp | Không trao đổi, chia sẻ trong nhóm |
| - Chủ động kết nối, sử dụng các phương thức làm việc nhóm hiệu quả cao | - Chủ động kết nối, sử dụng các phương thức làm việc nhóm hiệu quả khá cao | Kết nối, sử dụng các phương thức làm việc nhóm hiệu quả cơ bản | Kết nối, sử dụng các phương thức làm việc nhóm hiệu quả thấp | Bị động trong kết nối, không hiệu quả |
| **Thảo luận nhóm** | 5 | Đề xuất, sáng kiến để đạt được tốt mục tiêu, kết quả nhóm | Đề xuất, sáng kiến để đạt được khá tốt mục tiêu, kết quả nhóm | Đề xuất, sáng kiến để đạt được mục tiêu, kết quả nhóm ở mức cơ bản | Đề xuất, sáng kiến để đạt được mục tiêu, kết quả nhóm thấp | Chưa có các đề xuất, sáng kiến |
| **Tổng** | | | | | | |  |

**6. Tài liệu học tập**

**6.1.Tài liệu bắt buộc:**

1. Lâm Thị Thu Hương , Mô phôi gia súc, NXB Đại học quốc gia TPHCM, 2021

2. Lưu Thị Dung, Phạm Quốc Hùng , Giáo trình mô phôi học thuỷ sản, Nhà xuất bản Nông nghiệp, 2015

**6.2.Tài liệu tham khảo:**

3. Lương Thị Hồng Vân , *Tế bào học*, Nxb ĐH Quốc gia Hà Nội, 2010

4. Phạm Thị Hiền Lương, Phan Đình Thắm , *Tổ chức và phôi thai học,* NXB Nông Nghiệp Hà Nội, 2009

**7. Kế hoạch dạy học**

***Lý thuyết:***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tuần/**  **Buổi**  **học [1]** | **Nội dung**  **[2]** | **Hình thức tổ chức dạy và học [3]** | **Chuẩn bị của sinh viên [4]** | **CĐR học phần [5]** | **Bài đánh giá**  **[6]** |
| 1  (3 tiết) | **Mở đầu**  1. Sơ lược lịch sử phát triển tế bào học và tổ chức học  2. Nhiệm vụ, nội dung, đối tượng của tổ chức học  3. Quan hệ giữa tổ chức học với các ngành khoa học khác trong sinh học  4. Phương pháp, kỹ thuật nghiên cứu tế bào và tổ chức  Chương 1. Tế bào học  1.1. Cấu tạo đại cương của tế bào  1.2. Cấu trúc vi thể và siêu vi thể của tế bào  1.2.1. Màng tế bào  1.2.2. Nguyên sinh chất  1.2.3. Nhân tế bào  1.3. Sự sinh trưởng và sinh sản của tế bào  1.3.1. Chu kỳ sống của tế bào  1.3.2. So sánh phân bào giảm nhiễm và nguyên nhiễm  1.3.3. Ý nghĩa phân bào giảm nhiễm  1.4. Sự biệt hoá tế bào  1.5. Sự lão hoá tế bào  1.6. Sự chết của tế bào  1.4. Sự biệt hoá tế bào  1.5. Sự lão hoá tế bào  1.6. Sự chết của tế bào | **Hoạt động 1:** Thuyết giảng kết hợp trình chiếu Slide các nội dung bài học. Đặt câu hỏi liên quan để sv suy nghĩ trả lời  **Hoạt động 2:** Hướng dẫn tự học trên LMS | - Đọc tài liệu  - Nghiên cứu hệ thống LMS | CLO1.1 | A1.1  A1.1 |
| 2  (3 tiết) | **Chương 1. Tổ chức học đại cương**  1. 1. Biểu mô  1.1.1. Đặc điểm chung về cấu tạo  1.1.2. Phân loại biểu mô  1.1.3. Biểu mô phủ  1.1.4. Biểu mô tuyến  1.2. Mô liên kết  1.2.1. Đặc điểm chung về cấu tạo  1.2.2. Các loại mô liên kết | **Hoạt động 1:** Thuyết giảng kết hợp trình chiếu Slide các nội dung bài học. Đặt câu hỏi liên quan để sv suy nghĩ trả lời  **Hoạt động 2** Thảo luận | - Đọc tài liệu  - Nghe bài giảng elearning và làm bài tập trước khi đến lớp | CLO1.1 | A1.1  A2.1 |
| 3  (3 tiết) | **Chương 1. Tổ chức học đại cương**  1.3. Mô cơ  1.3.1. Đặc điểm chung về cấu tạo và hoạt động  1.3.2. Các loại mô cơ  1.4. Mô thần kinh  1.4.1. Đặc điểm chung về cấu tạo và hoạt động  1.4.2. Các tổ chức thần kinh | **Hoạt động 1:** Kiểm tra nội dung tự học của sinh viên.  **Hoạt động 2:** Thuyết giảng kết hợp trình chiếu Slide các nội dung bài học. Đặt câu hỏi liên quan để sv suy nghĩ trả lời  **Hoạt động 3:** Thảo luận | - Đọc tài liệu  - Nghe bài giảng elearning và làm bài tập trước khi đến lớp | CLO1.1  CLO1.2 | A1.1  A2.1 |
| 4  (3 tiết) | **Chương 3. Hệ hô hấp**  6.1. Đường hô hấp  6.1.1. Khí quản  6.1.2. Phế quản  6.2. Phổi  Chương 4. Hệ tiêu hoá  7.1. Ống tiêu hoá  7.1.1. Cấu tạo chung  7.1.2. Thực quản  7.1.3. Dạ dày  7.1.4. Ruột non  7.1.5. Ruột già  7.2. Tuyến tiêu hoá  7.2.1. Tuyến nước bọt  7.2.2. Tuỵ  7.2.3. Gan | **Hoạt động 1:** Kiểm tra nội dung tự học của sinh viên  **Hoạt động 2:** Thuyết giảng kết hợp trình chiếu Slide các nội dung bài học. Đặt câu hỏi liên quan để sv suy nghĩ trả lời  **Hoạt động 3:** Thảo luận | - Nghe bài giảng elearning và làm bài tập trước khi đến lớp  - Nghe bài giảng elearning và làm bài tập trước khi đến lớp | CLO1.1  CLO1.2 | A1.1  A2.1 |
| 5  (3 tiết) | Chương 8. Hệ sinh dục  8.1. Tinh hoàn  8.1.1. Cấu tạo  8.1.2. Sự sinh tinh  8.1.3. Sinh lý tổ chức  8.1.4. Ống dẫn tinh  8.2. Buồng trứng  8.2.1. Cấu tạo  8.2.2. Sinh lý tổ chức  8.3. Nhau thai | **Hoạt động 1:** Kiểm tra nội dung tự học của sinh viên  **Hoạt động 2:** Thuyết giảng kết hợp trình chiếu Slide các nội dung bài học. Đặt câu hỏi liên quan để sv suy nghĩ trả lời  **Hoạt động 3:** Thảo luận | - Đọc tài liệu  - Nghe bài giảng elearning và làm bài tập trước khi đến lớp | CLO1.1  CLO1.2 | A1.1  A2.1 |
| 6  (4 tiết) | Thảo luận | **Hoạt động 1:** Ra chủ đề thảo luận  **Hoạt động 2**: Chia nhóm thảo luận  **Hoạt động 3:** Thảo luận | - Đọc tài liệu  - Nghe bài giảng elearning và làm bài tập trước khi đến lớp | CLO 1.1  CLO 1.2  CLO 2.1  CLO 3.1 | A1.2 |
| 7  (3 tiết) | Chương 9: Phôi thai học  9.1. Hình thái sinh lý tế bào sinh dục  9.1.2. Tinh trùng  9.1.3. Tế bào trứng  9.2. Phát sinh của tế bào sinh dục  9.3. Tác dụng thụ tinh  9.4. Đặc điểm của phát dục phôi thai ở ĐV có XS  9.5. Phát dục phôi thai lớp chim | **Hoạt động 1:** Kiểm tra nội dung tự học của sinh viên  **Hoạt động 2:** Thuyết giảng kết hợp trình chiếu Slide các nội dung bài học. Đặt câu hỏi liên quan để sv suy nghĩ trả lời  **Hoạt động 3:** Thảo luận | - Đọc tài liệu  - Nghe bài giảng elearning và làm bài tập trước khi đến lớp | CLO1.1  CLO1.2 | A2.1 |
| 8  (2 tiêt) | Chương 9: Phôi thai học  9.6. Các giai đoạn phát dục phôi gà  9.7. Phát dục phôi thai ở động vật có vú | **Hoạt động 1:** Kiểm tra nội dung tự học của sinh viên tuần 9.  **Hoạt động 2:** Thuyết giảng kết hợp trình chiếu Slide các nội dung bài học. Đặt câu hỏi liên quan để sv suy nghĩ trả lời  **Hoạt động 3:** Thảo luận | - Đọc tài liệu].  - Nghe bài giảng elearning và làm bài tập trước khi đến lớp | CLO1.1  CLO1.2 | A2.1 |
| 9  (3 tiết) | Chương 9: Phôi thai học  9.8. Sự hình thành màng thai và tác dụng của nó  9.10. Các giai đoạn phát dục trong tử cung của động vật có vú | **Hoạt động 1:** Kiểm tra nội dung tự học của sinh viên  **Hoạt động 2:** Thuyết giảng kết hợp trình chiếu Slide các nội dung bài học. Đặt câu hỏi liên quan để sv suy nghĩ trả lời  **Hoạt động 3:** Thảo luận | - Đọc tài liệu  - Nghe bài giảng elearning và làm bài tập trước khi đến lớp | CLO1.1  CLO1.2 | A2.1 |
| 9  (3 tiết) | **Chương 10. Phát triển của động vật thân mềm**  3.1. Đặc điểm chung về sự phát triển của động vật thân mềm  3.1.1. Phân tính và sự thay đổi tính  3.1.2. Đẻ trứng và sự phát triển phôi  3.2. Phát triển của bào ngư (Haliotis) 3.2.1. Tế bào sinh dục  3.2.2. Các giai đoạn phát triển phôi  3.2.3. Các giai đoạn biến thái ấu trùng  3.3. Phát triển của vẹ  3.3.1. Tế bào sinh dục  3.3.2. Các giai đoạn phát triển phôi  3.3.3. Các giai đoạn biến thái ấu trùng | **Hoạt động 1:** Kiểm tra nội dung tự học của sinh viên  **Hoạt động 2:** Thuyết giảng kết hợp trình chiếu Slide các nội dung bài học. Đặt câu hỏi liên quan để sv suy nghĩ trả lời  **Hoạt động 3:** Thảo luận | - Đọc tài liệu  - Nghe bài giảng elearning và làm bài tập trước khi đến lớp | CLO1.2  CLO1.3 | A1.2 |

**8. Nhiệm vụ của người học**

***8.1. Phần tự học***

- Nghiên cứu tài liệu, xem các slide/video/website.

- Chủ động tìm các nguồn tài liệu khác liên quan đến nội dung học phần.

- Thảo luận, trao đổi những vấn đề liên quan đến học phần với bạn học/cựu sinh viên/cán bộ tại đơn vị trải nghiệm hoặc các nguồn lực hỗ trợ khác.

- Hoàn thành các bài tập được giao trên LMS.

***8.2. Phần học trên lớp trực tiếp hoặc online với giảng viên***

- Dự lớp ≥ 80% tổng thời lượng của học phần.

- Chủ động, tích cực trong giờ học.

- Phát hiện, đưa ra câu hỏi hoặc vấn đề liên quan đến nội dung học tập.

**9. Ngày phê duyệt:**

**10. Cấp phê duyệt:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **KT. HIỆU TRƯỞNG**  **PHÓ HIỆU TRƯỞNG** | **VIỆN TRƯỞNG**  **TS. Nguyễn Đình Vinh** | **TRƯỞNG BỘ MÔN**  **TS. Lê Minh Hải** |

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH**  **KHOA SƯ PHẠM NGOẠI NGỮ**  **----------------------------** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**  **-------------------------** |

## **ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN CHI TIẾT**

## **Tiếng Anh 2**

**1. Thông tin tổng quát:**

*1.1. Thông tin về giảng viên*

**Giảng viên 1**

Họ và tên: Lê Thị Tuyết Hạnh

Chức danh, học hàm, học vị: TS.GVC

Thời gian, địa điểm làm việc: Bộ môn Ngoại ngữ chuyên ngành, Khoa Sư phạm Ngoại ngữ, Trường Đại học Vinh

Địa chỉ liên hệ: Phường Quang Trung – Thành phố Vinh

Điện thoại: Email: lehanh@vinhuni.edu.vn

Hướng nghiên cứu chính: Phương pháp giảng dạy tiếng Anh

**Giảng viên 2**

Họ và tên: Trần Thị Phương Thảo

Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên – Thạc sĩ

Thời gian, địa điểm làm việc: Bộ môn Ngoại ngữ chuyên ngành, Khoa Sư phạm Ngoại ngữ, Trường Đại học Vinh

Địa chỉ liên hệ: Phường Hà Huy Tập – Thành phố Vinh

Điện thoại: 0904392924 Email: [thaottp@vinhuni.edu.vn](mailto:thaottp@vinhuni.edu.vn)

Hướng nghiên cứu chính: Phương pháp giảng dạy tiếng Anh

**Giảng viên 3**

Họ và tên: Hoàng Thị Chung

Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên – Thạc sĩ

Thời gian, địa điểm làm việc: Bộ môn Ngoại ngữ chuyên ngành, Khoa Sư phạm Ngoại ngữ, Trường Đại học Vinh

Địa chỉ liên hệ: Phường Hưng Dũng – Thành phố Vinh

Điện thoại: 0985 98 9116 Email: chunght@vinhuni.edu.vn

Hướng nghiên cứu chính: Phương pháp giảng dạy tiếng Anh

**Giảng viên 4**

Họ và tên: Phạm Thị Lương Giang

Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên – Thạc sĩ

Thời gian, địa điểm làm việc: Bộ môn Ngoại ngữ chuyên ngành, Khoa Sư phạm Ngoại ngữ, Trường Đại học Vinh

Địa chỉ liên hệ: Phường Quang Trung – Thành phố Vinh

Điện thoại: 0983 717782 Email: giangptl@vinhuni.edu.vn

Hướng nghiên cứu chính: Phương pháp giảng dạy tiếng Anh

**Giảng viên 5**

Họ và tên: Nguyễn Thị Hồng Thắm

Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên – Thạc sĩ

Thời gian, địa điểm làm việc: Bộ môn Ngoại ngữ chuyên ngành, Khoa Sư phạm Ngoại ngữ, Trường Đại học Vinh

Địa chỉ liên hệ: Phường Hà Huy Tập – Thành phố Vinh

Điện thoại: 0976605079 Email: thamnth@vinhuni.edu.vn

Hướng nghiên cứu chính: Phương pháp giảng dạy tiếng Anh

*1.2. Thông tin về học phần:*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| - Tên học phần (tiếng Việt**): Tiếng Anh 2**  (tiếng Anh): English 2 | | |
| - Mã số học phần: ENG10002 | | |
| - Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:  v  Kiến thức cơ bản | |  |
| - Số tín chỉ: | 04 | |
| + Số tiết lý thuyết: | 45 | |
| + Số tiết thảo luận/bài tập: | 15 | |
| + Số tiết thực hành: |  | |
| + Số tiết hoạt động nhóm: |  | |
| + Số tiết tự học: | 120 | |
| - Học phần tiên quyết: | Tiếng Anh 1 | |
| - Học phần song hành: |  | |

**2. Mô tả học phần**

Tiếng Anh 2 là học phần ngoại ngữ bắt buộc trong chương trình đào tạo trình độ đại học cho sinh viên các khoa không chuyên ngữ. Học phần này được dạy – học theo định hướng chuẩn đầu ra bậc 3 Khung năng lực Ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (tương đương B1 khung tham chiếu châu Âu). Học phần (1) cung cấp cho sinh viên kiến thức ngôn ngữ về từ vựng, ngữ pháp, ngữ âm, (2) hỗ trợ sinh viên thực hành và phát triển các kĩ năng nghe, nói, đọc, viết tương đương bậc 3; (3) cung cấp cho sinh viên những kiến thức văn hóa xã hội của các quốc gia nói tiếng Anh và các nước trong khu vực cũng như trên thế giới; (4) phát triển các kĩ năng phát hiện và giải quyết vấn đề liên quan hình thành ý tưởng giao tiếp, xây dựng ngữ liệu giao tiếp, thực hiện hoạt động giao tiếp, cải tiến hoạt động giao tiếp bằng ngoại ngữ.

**3. Mục tiêu học phần**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Mục tiêu** | **Mô tả**  *(Học phần này trang bị cho sinh viên:)* | **Chuẩn đầu ra**  **CTĐT** | **TĐNL** |
| **CO1** | Nắm vững kiến thức tổng quan về ngôn ngữ bao gồm ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp và kỹ năng nghe, nói, đọc, viết tiếng Anh bậc 3 trong giao tiếp. | PLO 3.1 | 3.0 |
| **CO2** | Phát hiện và giải quyết vấn đề liên quan đến kiến thức và kỹ năng tiếng Anh bậc 3. | PLO 3.1 | 3.0 |
| **CO3** | Hình thành ý tưởng giao tiếp, xây dựng ngữ liệu giao tiếp, thực hiện hoạt động giao tiếp, nâng cao hiệu quả hoạt động giao tiếp bằng tiếng Anh | POL 3.1 | 3.0 |

**4. Chuẩn đầu ra học phần, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Mục tiêu (Gx.x) (1)** | | **Mô tả CĐR**  **(2)** | **Mức độ giảng dạy (I,T,U) (3)** |
| **CO1** | **CLO1.1** | Nêu được các hiện tượng ngữ pháp tiếng Anh: *verb pattern + to infinitive; going to, will; hiện tại hoàn thành; giới từ, đại từ quan hệ; câu điều kiên; câu bị động, câu gián tiếp; các động từ tình thái.* | I, T |
| **CLO1.2** | Phân biệt được kiến thức thông dụng trong tiếng Anh: *các giai đoạn trong cuộc đời; công việc; công nghệ; ngôn ngữ và việc học; du lịch và các kì nghỉ; lịch sử; thiên nhiên.* | I, T |
| **CLO1.3** | Liệt kê được các kiến thức cơ bản về văn hóa xã hội của các nước trong khu vực và trên thế giới. | T, U |
| **CLO1.4** | Xác định được các thông tin chính trong các bài nghe khác nhau về các chủ đề được học: *các giai đoạn trong cuộc đời; công việc; công nghệ; ngôn ngữ và việc học; du lịch và các kì nghỉ; lịch sử; thiên nhiên.* | T, U |
| **CLO1.5** | Xác định được các thông tin quan trọng từ các dạng bài đọc khác nhau về các chủ đề: *các giai đoạn trong cuộc đời; công việc; công nghệ; ngôn ngữ và việc học; du lịch và các kì nghỉ; lịch sử; thiên nhiên.* | T, U |
| **CLO1.6** | Trình bày được có loại văn bản khác nhau, viết đoạn , viết CV, viết thư trang trọng, liên quan đến các chủ đề *(du lịch, thể thao, trang phục, điện ảnh, nghề nghiệp, trường học, môi trường, giao thông, thế giới tự nhiên, chi tiêu)* | T, U |
| **CO2** | **CLO2.1** | Phân biệt được các thì động từ trong tiếng Anh; các loại liên từ, đại từ quan hệ; câu trực tiếp gián tiếp, bị động, chủ động; các loại câu điều kiện trong tiếng Anh. | I, T |
| **CLO2.2** | Phân tích các cấu trúc ngữ pháp về thì; các loại liên từ, đại từ quan hệ; câu trực tiếp gián tiếp, bị động, chủ động; các loại câu điều kiện trong tiếng Anh. | T, U |
| **CLO2.3** | Vận dụng các cấu trúc ngữ pháp về thì, các loại liên từ, đại từ quan hệ; câu trực tiếp gián tiếp, bị động, chủ động; các loại câu điều kiện vào trong các giao tiếp cơ bản bằng tiếng Anh | T, U |
| **CLO2.4** | Biết xử lý các tình huống phát sinh trong giao tiếp | T, U |
| **CLO2.5** | Xây dựng thái độ học tập tích cực, năng lực tự học, tự nghiên cứu | T, U |
| **CO3** | **CLOG3.1** | Xác định cấu trúc, quy trình, mục đích giao tiếp | I, T |
| **CLO3.2** | Xây dựng hệ thống từ vựng, cấu trúc ngữ pháp, kiến thức văn hóa xã hội phục vụ mục đích giao tiếp | T, U |
| **CLO3.3** | Thực hiện hoạt động giao tiếp trong các tình huống quen thuộc | U |
| **CLO3.4** | Nâng cao hiệu quả năng lực giao tiếp cơ bản bằng tiếng Anh | U |

**5. Đánh giá học tập và các bộ tiêu chí đánh giá**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Thành phần đánh giá (1)** | **Bài đánh giá**  **(2)** | **CĐR học phần (Gx.x) (3)** | **Tỷ lệ (%)**  **(4)** |
| **A1. Đánh giá quá trình** | | | **50%** |
| ***A1.1. Ý thức học tập*** | | | ***10%*** |
| Chuyên cần | Tham gia giờ học trên lớp tối thiểu 80% | CLO2.5 | **5%** |
| Thái độ học tập | Tham gia tích cực các hoạt động học tập trong và ngoài lớp do GV yêu cầu (bao gồm hoàn thành ít nhất 50% bài tập self-study online) | CLO2.5 | **5%** |
| ***A1.2. Hồ sơ học phần*** | | | ***20%*** |
|  | A1.2.1. Xây dựng cơ sở học liệu: hoàn thành các bài tập nghe, ngữ pháp và từ vựng sau mỗi unit online | CLO1.1; CLO1.2, CLO1.3, CLO1.4 | **5%** |
| A1.2.2. Bài thu hoạch hoạt động nhóm: trình bày về một trong các chủ đề trong chương trình học (qua video or trực tiếp trên lớp) | CLO3.1; CLO3.3. CLO3.4 | **10%** |
| A1.2.3. Bài kiểm tra viết: viết bài luận 100 từ về một trong các chủ đề đã học | CLO2.3; CLO3.1; CLO3.2; CLO3.3; CLO3.4 | **5%** |
|  |  |  |
| ***A1.3. Đánh giá định kỳ (điểm kiểm tra định kỳ)*** | | | ***20%*** |
|  | A1.3.1. Kiểm tra trắc nghiệm trực tuyến bài số 1 | CLO1.1, CLO1.2, CLO1.4, CLO1.5, CLO2.1, CLO2.2, CLO2.3 | **10%** |
| A1.3.2. Kiểm tra trắc nghiệm trực tuyến bài số 2 | CLO1.1, CLO1.2, CLO1.4, CLO1.5, CLO2.1, CLO2.2, CLO2.3 | **10%** |
| ***A2. Đánh giá cuối kỳ (điểm thi kết thúc học phần)*** | | | **50%** |
| *HP Lý thuyết* | A2.1 Thi trắc nghiệm trực tuyến  Thời gian thi: Sau khi kết thúc học phần, thời gian cụ thể do Trung tâm ĐBCL sắp xếp. | CLO1.1, CLO1.2, CLO1.4, CLO1.5, CLO2.1, CLO2.2, CLO2.3 | **50%** |

**6. Tài liệu học tập**

***Giáo trình:***

[1] Hughes, J., Stephenson, H. & Dummett, P. (2015). *Life Pre-intermediate*. Asia ELT/School.

**Tài liệu tham khảo**

[1] Hughes, J., Stephenson, H. & Dummett, P. (2015). *Life Elementary* . Asia ELT/School.

[2] Hughes, J., Stephenson, H. & Dummett, P. (2015). *Life Intermediate*. Asia ELT/School.

**7. Kế hoạch dạy học**

| **Tuần** | **Nội dung** | **Hình thức tổ chức dạy học** | | **Hoạt động của SV** | | **CĐR học phần** | **Bài đánh giá** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | **1. Course introduction**  1.1. Requirements and Assessment  1.2. Online class sign in  1.3. Group devision | Lecturing  Discussion | - Getting a copy of the textbook (Life - Pre-intermediate)  - Logining into online class  - Joining one’s group | | CLO2.5  CLO3.1 | |  |
| **2. Unit 6**  **2.1. 6a: Changing your life**  2.1.1. Vocabulary: stages in Life  2.1.2. Grammar: verb pattern + to infinitif  2.1.3. Pronunciation: /tə/  3.1.4. Practice | Individual work  Pair work | - Working individually to complete the vocabulary task in the coursebook  -Doing grammar exercises and pronunciation practice | | CLO1.1  CLO1.2  CLO1.5  CLO2.1  CLO2.3  CLO3.1  CLO3.2 | | A1.1.1  A1.1.2  A1.2.1  A1.3.1  A2.1 |
| 2 | **2.2. 6b. World party**  2.2.1. Reading: World party  2.2.2. Vocabulary: celebrations  2.2.3. Grammar: Future forms  2.2.4. Listening: Mardi Gras  2.2.5. Speaking: plan and prepare a celebration  **2.3. 6c: Masai rite of passage**  2.3.1. Reading: Masai rite of passage  2.3.2. Critical thinking: identifying key information  2.3.3. Word focus: Get | Lecturing  Individual work  Group work | - Reading World party answering the given questions and checking with friends and then the teacher.  - Doing grammar exercises to identify the form and use of futire forms;  - Group work: speaking about celebrations.  - Reading “Masai rite of passage” and answering given questions.  - Developing critical thinking by identifying key information  - differentiate the use of “Get” | | CLO1.1  CLO1.2  CLO1.3  CLO1.4  CLO1.5  CLO2.1  CLO2.2  CLO2.3  CLO2.4  CLO2.5  CLO3.1 | | A1.1.1  A1.1.2  A1.2.1  A1.3.1  A2.1 |
| 3 | **2.4. 6d: An invitation**  2.4.1. Real life: inviting, accepting and declining  2.4.2. Pronunciation: emphasizing words  **2.5. 6e: A wedding in Madagascar**  2.5.1. Writing: a description  2.5.2. Writing skill: descriptive adjectives  **2.6. 6f: Steel drum (optional)**  **2.7. Review** | Individual work  Pair work  Online writing | - Listening to 2 conversations and identifying structures expressing the invitation/ acceptance and decline;  - Practice Pronunciation -with each others  - working in pair to practice the invitation conversation;  - Practising writing a description;  - Practising writing skill by using different adjectives;  - Revising language knowledge and language skills learnt in the whole unit. | | CLO1.1  CLO1.2  CLO1.3  CLO1.3  CLO1.5  CLO1.6  CLO2.1  CLO2.2  CLO2.3  CLO2.4  CLO2.5  CLO3.1  CLO3.3 | | A1.1.1  A1.1.2  A1.2.1  A1.3.1  A2.1 |
|  | **3. Unit 7: Work**  **3.1. 7a: X-ray photographer**  3.1.1. Grammar: Prepositions of placement and movement  3.1.2. Pronunciation: Intrusive /*w*/  3.1.3. Listening: the photographer Nick Veasey  3.1.4. Vocabulary: office equipment  3.1.5. Practice | Lecturing  Group work  Individual work | - Identifying the difference in use between different preposition of placement and movement by practising doing grammar exercises;  - Practising pronunciation  - Working with friends to practice new words  - Practising listening | | CLO1.1  CLO1.2  CLO1.4  CLO1.5  CLO2.1  CLO2.2  CLO2.3  CLO2.4  CLO2.5  CLO3.2  CLO3.3 | |  |
| 4 | **3.2. 7b: The cost of new jobs**  3.2.1. Grammar: Present perfect simple  3.2.2. Listening: The changes in the region  3.2.3. Speaking: asking ans answering questions relating familiar topics  **3.3. 7c: Twenty-first century cowboys**  3.3.1.Vocabulary: Job sastifaction  3.3.2. Reading: Twenty-first century cowboys  3.3.3. Word focus: make or do  3.3.4. Critical thinking: the author’s opinion | Lecturing  Individual work  Pair work | Think – pair - share  - Thinking the big change in life and share with friends  - Identifying the meaning and use of Present Perfect Simple and practice with exercises.  - Reading the article “Twenty-first century cowboys” and answering comprehension questions  - Differentiating the use of “make” and ‘do”  - Developing critical thinking through identifying the author’s opinion. | | CLO1.1  CLO1.2  CLO1.4  CLO1.5  CLO2.1  CLO2.2  CLO2.3  CLO2.5  CLO3.2 | | A1.1.1  A1.1.2  A1.2.1  A1.3.1  A2.1 |
| 5 | **3.4. 7d: A job interview**  3.4.1. Vocabulary: Job adverts  3.4.2. Real life: Job interview  **3.5. 7e: Applying for a job**  3.5.1. Writing: a CV  3.5.2. Writing skill: action verbs for CVs  **3.6. 7f: Butler school (optional)**  **3.7. Review** | Lecturing  Group work  Pair work  Individual work | - Recognizing and using appropriate words relating to jobs  - Practising a job interview after listening to a sample  - Writing a CV following the provided sample and using different actions verbs;  - Writing a complete CV of one’s own and post on google doc. | | CLO1.1  CLO1.2  CLO1.5  CLO1.6  CLO2.3  CLO2.5  CLO3.3 | |  |
| **Kiểm tra giữa kì lần 1** | | | | | | | A1.3.1 |
| 6 | **4. Unit 8: Technology**  **4.1. 7a: Invention for the eyes**  4.1.1. Listening: science programme about the glasses  4.1.2. Grammar: defining relative clauses  4.1.3. Practice  4.1.4. Speaking: talking about an imaginary robot | Lecturing  Individual work  Group work | - Listening about a science programme about the glasses and identifying the main and then detail information from the listening;  - Finding out the meaning and use of relative clauses by doing grammar exercise;  - Group working and discussing about an imaginary robot. | | CLO1.1  CLO1.2  CLO1.3  CLO1.4  CLO1.5  CLO2.1  CLO2.2  CLO2.3  CLO2.5  CLO3.2 | | A1.1.1  A1.1.2  A1.2.1  A1.3.2  A2.1 |
|  | **4.2. 8b: Technology for explorers**  4.2.1. Vocabulary: The Internet  4.2.2. Grammar: Zero and first conditional  4.2.3. Reading: NGM BlogWild  4.2.4. Pronunciation: intonation in conditional sentences  **4.3. 8c: Design from Nature**  4.3.1. Reading: Design from Nature  4.3.2. Word focus: have  4.3. 3 Critical thinking: reading between the lines | Individual work  Pair work | - Doing vocabulary exercises relating to the Internet;  - Doing grammar exercises with zero and first conditional  - Practising pronunciation  - Indentifying key information from the reading “Design from Nature”;  - Developing crtitical thinking through reading tasks. | | CLO1.1  CLO1.2  CLO1.3  CLO1.5  CLO2.1  CLO2.2  CLO3.2 | |  |
| 7 | **4.4. 8d: Gadgets**  4.4.1. Vocabulary: Technology verbs  4.4.2. Real life: asking how something works  **4.5. 8e: An argument for technology**  4.5.1. Writing a paragraph  4.5.2. Writing skill: connecting words  **4.6. 8f: Wind power (optional)**  **4.7. Review** | Individual work  Pair work | - Identifying the appropriate verbs and nouns about technology;  - Practising asking and explaining how something works  - Recognizing the format of writing a paragraph , using connecting words in a paragraph  - Writing a paragraph about technology  - Revising language knowledge and language skills learnt in the whole unit | | CLO1.1  CLO1.2  CLO1.3  CLO1.5  CLO1.6  CLO2.1  CLO2.2  CLO2.3  CLO2.4  CLO2.5  CLO3.3 | | A1.1.1  A1.1.2  A1.2.1  A1.3.2 |
| 8 | **5. Unit 9: Language and learning**  **5.1. 9a: Ways of learning**  5.1.1. Vocabulary: Education  5.1.2. Pronunciation: stress in two-syllabe words  5.1.3. Grammar: Present simple passive/ by + agent  5.1.4. Speaking: discuss given topics  **5.2. 9b: The history of writing**  5.2.1. Grammar: Past Simple passive  5.2.2. Practice | Lecturing  Individual work  Group work | - Differentiating the use of education vocabulary;  - Practising pronunciation of two-syllabe words;  - Doing grammar exercices relating to present and past simple passive;  - Working with group members and talking about the given topics in Ex 10 (p.107) | | CLO1.1  CLO2.1  CLO2.2  CLO2.3  CLO2.4  CLO3.3 | | A1.1.1  A1.1.2  A1.2.1  A1.3.2  A2.1 |
| 9 | **5.3. 9c: Saving languages**  5.3.1. Reading: Saving languages  5.3.2. Vocabulary: Phrasal verbs  5.3.3. Critical thinking: fact or opinion | Lecturing  Individual work  Pair work | - Identifying the form, meaning and use of phrasal verbs in the reading;  - Reading the text individually to answer the questions and discussing with friends about the answer.  - Developing the critical thinking skill: identifying fact or opinion. | | CLO1.1  CLO1.4  CLO2.2  CLO2.5  CLO3.1  CLO3.3 | | A1.1.1  A1.1.2  A1.2.1  A1.3.2  A2.1 |
|  | * 1. **9d**: **Enrolling on a course**      1. Reading and speaking      2. Real life: describing a process   2. **9e: Providing information**      1. Writing: filling in a form      2. Writingskill: providing the correct information.   3. **9f: Disappearing voices (optional)**   4. **Review** | Lecturing  Group work  Presentation | * Working in groups and discussing the evening classes; * Working in pair and practising conversations by using expressions to describe a process; * Learn how to fill in a form | | CLO1.2  CLO1.3  CLO2.3  CLO2.4  CLO2.5  CLO3.1  CLO3.4 | |  |
| **Kiểm tra giữa kì lần 2** | | | | | | |  |
| 10 | 1. U**nit 10: Travel and Holiday**   **6.1. 10a: Holiday stories**  6.1.1. Reading: Holiday stories  6.1.2. Grammar: Past perfect simple/ subject-object questions.  6.1.3. Practice  6.1.4. Speaking: ask questions about one’s holiday  **6.2. 10b: Adventure holidays**  6.2.1. Grammar: ed/ing adjectives  6.2.2. Vocabulary: Holiday adjectives  6.2.3. Listening: Radio interview about holiday | Lecturing  Pair work  Individual work | - Discovering cultural differences through reading text “Holiday stories”;  - Recognizing the form, meaning and use of Past perfect simple/ subject-object questions by doing grammar exercises;  - Working with friends, taking turns to ask questions about each other’s holiday or journey;  - Recognizing the differences in use and meaning of ed/ing adjectives;  - using appropriate adjectives to describe a holiday. | | CLO1.1  CLO1.2  CLO1.3  CLO1.4  CLO1.5  CLO2.1  CLO2.2  CLO3.3 | | A1.1.1  A1.1.2  A1.2.2  A2.1 |
| 11 | **6.3. 10c: A tour under Paris**  6.3.1. Reading: A tour under Paris  6.3.2. Critical thinking: reading between the lines  6.3.3. Vocabulary: places in a city   * 1. **10d: At tourist information**   6.4.1. Real life: direct and indirect questions  6.4.2. Pronunciation: /ʤə/  **6.5. 10e: Requesting information**  6.5.1. Writing: a formal letter  6.5.2. Writing skill: formal expressions  **6.6. 10f: Living in Venice (optional)**  **6.7. Review** | Individual work  Role play  Group work | - Reading the text individually and answer the related questions  - Developing the critical thinking through answering reading questions  - Role playing to practice asking direct and indirect questions  -Practising writing a formal letter and post it on google doc | | CLO1.1  CLO1.2  CLO1.4  CLO1.5  CLO2.1  CLO2.2  CLO3.3 | | A1.1.1  A1.1.2  A1.2.2  A2.1 |
| 12 | 1. **Unit 11: History**    1. **11a. An ancient civilisation**       1. Vocabulary: archeology       2. Listening: an interview with an archeologist       3. Grammar: Used to       4. Pronunciation: /s/ or /z/    2. **11b: Modern History**       1. Reading: Moments in space history       2. Grammar: Reported speech       3. Vocabulary: Say or Tell | Individual work  Role play  Group work | * Reading about the structure *used to* and make two sentences with this structure. * Thinking of some important historical events about some of these topics: world politics, famous individuals, space exploration, culture and the arts, countries and cities, technology.   - Recognizing the form and use of Reported speech by doing grammar exercises; | | CLO1.2  CLO1.3  CLO1.4  CLO2.3  CLO2.4  CLO2.5  CLO3.1  CLO3.3 | | A1.1.1  A1.1.2  A1.2.2  A2.1 |
| 13 | * 1. **11c: The life of Jane Goodall**      1. Reading: The life of Jane Goodall      2. Critical thinking: relevance      3. Word focus: set   2. **11d: A journey to Machu Picchu**      1. Real life: giving a short presentation      2. Pronunciation: pausing   3. **11e: The greatest mountaineer**      1. Writing: a biography      2. Writing skill: punctuation in direct speech   4. **11f: The lost city of Machu Picchu (optional)**   5. **Review** | Individual work  Pair work | * Reading the text and answering the comprehension questions * Developing critical thinking through reading questions * Identifying the use and meaning of the verb “set” * Practising presenting a short talk * Practising writing a biography and using puncatuation in direct speech appropriatly | | CLO1.1  CLO1.5  CLO1.6  CLO2.2  CLO2.5  CLO3.1  CLO3.3  CLO3.4 | | A1.1.1  A1.1.2  A1.2.2  A2.1 |
| 14 | 1. **Unit 12: Nature**    1. **12a: Nature in one cubic foot**       1. Listening: a documentary about David Liittschwager       2. Grammar: infinite determiners: any/ some/ every…    2. **12b: The power of nature**       1. Vocabulary and reading: extreme weather       2. Grammar: second conditional       3. Pronunciation: would/ ‘d       4. Speaking    3. **12c: Changing Greenland**       1. Reading: Changing Greenland       2. Critical thinking: close reading       3. Vocabulary: society and economics       4. Grammar: Will/ might       5. Speaking: Changing your country | Individual work  Pair work  Group work | * Identifying the key information from the listening * Recognizing the use and meaning of different infinite determiners * Reading the text “extreme weather’ and equipe themselves with new words; * Recognizing the use and meaning of conditional sentences by doing related exercises. * Developing critical thinking by answering reading questions * Working in group to discussion solution to change one’s country or regions. | | CLO1.1  CLO1.2  CLO1.3  CLO1.4  CLO1.5  CLO2.1  CLO2.2  CLO3.3 | | A1.1.1  A1.1.2  A1.2.2  A2.1 |
| 15 | * 1. **12d: Saying the zoo**      1. Speaking and reading: talk about the zoo      2. Real life: finding a solution   2. **12e: Good news**      1. Writing: a press release      2. Writing skill: using bullet points   3. **12f: Cambodia animal rescue**   4. **Review** | - Group work  - Individual work  - Pair work | * Group working and discussing the solution for the zoo; * Writing a press release of nay topic and post it on google doc; * Watching video relating to animal rescue and discussing the solution to protect animals * Revising all related items learnt thoughout the unit. | | CLO1.1  CLO1.2  CLO1.4  CLO1.5  CLO1.6  CLO2.1  CLO2.2  CLO3.3  CLO3.4 | | A1.1.1  A1.1.2  A1.2.2  A2.1 |
| **Thi cuối kì** | | | | | | | A2.1 |

**8. Nhiệm vụ của người học**

***8.1. Phần tự học***

- Nghiên cứu tài liệu, xem các slide/video bài giảng.

- Chủ động tìm các nguồn tài liệu tham khảo liên quan đến nội dung học phần.

- Nghiêm túc, tự giác trong việc tự học và làm bài tập ở nhà.

- Thảo luận, trao đổi những vấn đề liên quan đến học phần với bạn học/ hoặc các nguồn lực hỗ trợ khác.

- Hoàn thành các bài tập được giao trên LMS.

***8.2. Phần học trên lớp trực tiếp hoặc online với giảng viên***

- Dự lớp ≥ 80% tổng thời lượng của học phần.

- Chủ động, tích cực trong giờ học; có đề xuất/ sáng kiến về cách học tập tốt.

- Phát hiện, đưa ra câu hỏi hoặc vấn đề liên quan đến nội dung học tập.

***8.3. Làm bài thảo luận học phần***

- Tham gia 80%-100% các buổi làm việc nhóm, thảo luận hoàn thành bài thảo luận của nhóm.

- Tham gia tích cực các hoạt động thảo luận

- Tuân thủ các quy định của giáo viên và của nhóm.

- Hoàn thành đầy đủ nhiệm vụ học tập được giao.

**9. Ngày phê duyệt:**

**10. Cấp phê duyệt:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **KT. HIỆU TRƯỞNG**  **PHÓ HIỆU TRƯỞNG** | **TRƯỞNG KHOA** | **TRƯỞNG BỘ MÔN** |

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH**  **TRƯỜNG SƯ PHẠM**  **KHOA GIÁO DỤC CHÍNH TRỊ**  **----------------------------** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**  **-------------------------** |

## **ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN CHI TIẾT**

## **Chủ nghĩa xã hội khoa học**

**1. Thông tin tổng quát:**

***1.1. Thông tin về giảng viên***

**Giảng viên 1:**

Họ và tên: Đinh Thế Định

Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, PGS.TS

Địa điểm làm việc: Trường Khoa học Xã hội và Nhân văn, Trường Đại học Vinh, số 182 – Lê Duẩn, Tp. Vinh

Email: dinhdt@vinhuni.edu.vn

**Giảng viên 2:**

Họ và tên: Vũ Thị Phương Lê

Chức danh, học hàm, học vị: Trưởng khoa, Tiến sĩ

Địa điểm làm việc: Trường Khoa học Xã hội và Nhân văn, Trường Đại học Vinh, số 182 – Lê Duẩn, Tp. Vinh

Email: levtp@vinhuni.edu.vn

**Giảng viên 3:**

Họ và tên: Phạm Thị Thúy Hồng

Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Thạc sĩ

Địa điểm làm việc: Trường Khoa học Xã hội và Nhân văn, Trường Đại học Vinh, số 182 – Lê Duẩn, Tp. Vinh

Email: thuyhong@vinhuni.edu.vn

**Giảng viên 4:**

Họ và tên: Nguyễn Thị Lê Vinh

Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Thạc sĩ

Địa điểm làm việc: Trường Khoa học Xã hội và Nhân văn, Trường Đại học Vinh, số 182 – Lê Duẩn, Tp. Vinh

Email: [vinhntl@vinhuni.edu.vn](mailto:vinhntl@vinhuni.edu.vn)

**Giảng viên 5:**

Họ và tên: Hoàng Thị Nga

Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Thạc sĩ

Địa điểm làm việc: Trường Sư phạm, Trường Đại học Vinh, số 182 – Lê Duẩn, Tp. Vinh

Email: [htnga@vinhuni.edu.vn](mailto:htnga@vinhuni.edu.vn)

***1.2. Thông tin về học phần:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| - Tên học phần (tiếng Việt): **Chủ nghĩa xã hội khoa học**  (tiếng Anh): Scientific Socialism | | |
| - Mã số học phần: POL11003 | | |
| - Thuộc CTĐT ngành: | | |
| - Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:  ☑ Kiến thức chung  Kiến thức cơ sở ngành  Kiến thức ngành | Học phần chuyên về kỹ năng chung  Kiến thức khác | |
| - Thuộc loại học phần: ☑ Bắt buộc | Tự chọn | |
| - Số tín chỉ: 2 | |  |
| + Số tiết lý thuyết: 20 | |  |
| + Số tiết thảo luận/bài tập: 10 | |  |
| + Số tiết thực hành: 0 | |  |
| + Số tiết tự học: 60 | |  |
| - Điều kiện đăng ký học: | |  |
| + Học phần tiên quyết: | | Mã số HP: |
| + Học phần học trước: Triết học Mác - Lênin | | Mã số HP: POL11001 |
| - Yêu cầu của học phần: Thực hiện theo Quy chế đào tạo của Trường Đại học Vinh. Cụ thể:  + Thời gian tối thiểu sinh viên phải có mặt trên lớp: 80% số buổi  + Sinh viên phải nộp đầy đủ bài tập qua hệ thống LMS (Mục 5.1). + Tham gia đầy đủ các buổi thảo luận nhóm. | | |
| - Đơn vị phụ trách học phần: Khoa Giáo dục Chính trị, trường Sư phạm, trường ĐH Vinh | | |

**2. Mô tả học phần**

Đây là học phần thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương, bắt buộc đối với sinh viên tất cả các ngành theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Học phần cung cấp cho sinh viên nhữngkiến thức lý luận cơ bản, hệ thống về chủ nghĩa xã hội: về sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, về dân chủ và nhà nước xã hội chủ nghĩa, về vấn đề dân tộc và tôn giáo, về vấn đề gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội và việc vận dụng những lý luận đó vào thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam hiện nay.

**3. Mục tiêu học phần**

**-** Giải thích kiến thức lý luận của chủ nghĩa Mác – Lênin về chủ nghĩa xã hội.

**-** Thể hiện niềm tin vào CNXH và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

**-** Có khả năng phê phán, đấu tranh chống luận điệu sai trái về CNXH và về con đường đi lên CNXH ở Việt Nam.

**4. Chuẩn đầu ra học phần**

***4.1. Ánh xạ chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **CĐR học phần** | **Sự tương thích với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo** | | |
| PLO1.1 | PLO2.1 | PLO 2.2 |
| 1.1.1 | 2.1.1 | 2.2.1 |
| CLO1.1 | 0,7 |  |  |
| CLO1.2 | 0,3 |  |  |
| CLO2.1 |  | 1,0 |  |
| CLO2.2 |  |  | 1,0 |

***4.2. Nội dung chuẩn đầu ra, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá học phần***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **CĐR học phần** | **Mức đô năng lực CĐR**  **học phần** | **Mô tả CĐR** | **Phương pháp dạy học** | **Phương pháp đánh giá** |
| CLO1.1 | K3 | **Giải thích** được những quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin về chủ nghĩa xã hội | Thuyết trình | Trắc nghiệm |
| CLO1.2 | K3 | **Vận dụng** lý luận của Chủ nghĩa Mác – Lênin về chủ nghĩa xã hội vào thực tiễn Việt Nam | Thuyết trình; Thảo luận nhóm | Trắc nghiệm; Bài tập nhóm |
| CLO2.1 | A3 | **Thể hiện** niềm tin vào CNXH và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam | Tự học | Quan sát;  Tự luận |
| CLO2.2 | S2 | **Có khả năng phê phán,** đấu tranh chống luận điệu sai trái về CNXH và về con đường đi lên CNXH ở Việt Nam | Thảo luận nhóm | Bài tập nhóm |

**5. Đánh giá học tập và các bộ tiêu chí đánh giá**

***5.1. Đánh giá học tập***

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Bài đánh giá** | **Hình thức đánh giá và**  **lưu hồ sơ** | **Công cụ**  **đánh giá** | **CĐR học phần** | **Tỷ lệ cho bài đánh giá** | | **Tỷ lệ**  **cho học phần** | |
| **A1. Đánh giá thường xuyên** | | | | |  | | **50%** | |
| A1.1 | Quan sát, điểm danh, bài tập cá nhân nộp qua LMS; GV đánh giá và lưu hồ sơ. | Rubric 1 | CLO2.1 | 100% | | 20% | |
| A1.2 | Thảo luận nhóm; nhóm trưởng nộp báo cáo qua LMS; GV đánh giá và lưu hồ sơ | Rubric 2 | CLO1.2 | 40% | | 20% | |
| CLO2.2 | 60% | |
| A1.3 | Bài thi trắc nghiệm; TT đảm bảo chất lượng tổ chức thi và lưu hồ sơ | Câu hỏi/Đáp án | CLO1.1 | 70% | | 10% | |
| CLO1.2 | 30% | |
| **A2. Đánh giá cuối kỳ** | | | | |  | | **50%** | |
| A2.1 | Bài thi trắc nghiệm; TT đảm bảo chất lượng tổ chức thi và lưu hồ sơ | Câu hỏi/Đáp án | CLO1.1 | 70% | | 50% | |
| CLO1.2 | 30% | |
| **Công thức tính điểm học phần:** (A1.1\*2+A1.2\*2+A1.3+A2.1\*5)**/**10 | | | | | | | | |

***5.2. Các bộ tiêu chí đánh giá***

***5.2.1. Rubric 1: Đánh giá bài A1.1***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí đánh giá** | **Mức độ đánh giá (theo thang điểm)** | | | | |
| **5,0 – 4,5** | **4,0 – 3,0** | **2.5 – 2,0** | **1,5 - 0** |
| **Tham gia lớp học**  ***(5 điểm)*** | - Nghe 100% bài giảng SCORM    - Tham gia 100% tổng số giờ lên lớp theo quy định  - Tích cực phát biểu xây dựng bài | - Nghe trên 90% bài SCORM  - Tham gia trên 90% tổng số giờ lên lớp quy định  - Có phát biểu xây dựng bài | - Nghe trên 80% bài SCORM  - Tham gia trên 80% tổng số giờ lên lớp quy định  - Không phát biểu xây dựng bài | - Nghe dưới 80% bài SCORM  - Tham gia dưới 80% tổng số giờ lên lớp quy định  - Không phát biểu xây dựng bài |
|  | **5,0 – 4,5** | **4,0 – 3,0** | **2.5 – 2,0** | **1,5 - 0** |
| **Thực hiện bài tập cá nhân**  ***(5 điểm)*** | - Hoàn thành tốt bài tập, đúng tiến độ  - Nội dung thể hiện rõ sự nhìn nhận khách quan, đúng đắn đối với vấn đề mà bài tập đưa ra  - Thể hiện rõ niềm tin vào CNXH và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam | - Hoàn thành trên 80% nội dung bài tập, đúng tiến độ  - Nội dung thể hiện sự nhìn nhận khách quan đúng đắn đối với vấn đề mà bài tập đưa ra  - Có niềm tin vào CNXH và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam | - Hoàn thành trên 50% nội dung bài tập, đúng tiến độ  - Nội dung thể hiện sự nhìn nhận khách quan đúng đắn đối với vấn đề mà bài tập đưa ra  - Có niềm tin nhưng chưa vững chắc vào CNXH và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam | - Hoàn thành dưới 50% nội dung bài tập, chậm tiến độ  - Nội dung thể hiện sự nhìn nhận khách quan đúng đắn đối với vấn đề mà bài tập đưa ra  - Chưa có niềm tin vào CNXH và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam |
| **TỔNG ĐIỂM: \_\_\_\_\_/10 (Bằng chữ: ………………………………………………………)** | | | | | |

***5.2.2. Rubric 2: Đánh giá bài A1.2***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí đánh giá** | **Mức độ đánh giá (theo thang điểm)** | | | |
| **2.0** | **1.5** | **1.0** | **0.5 - 0** |
| **Cấu trúc và hình thức**  ***(2 điểm)*** | - Kết cấu đúng yêu cầu, hợp lý, lôgic  - Hình thức đẹp, đúng quy định, không có lỗi chính tả | - Kết cấu đúng yêu cầu, khá hợp lý, lôgic  - Hình thức đẹp, đúng quy định, nhưng có một số lỗi chính tả | - Kết cấu đúng yêu cầu, nhưng chưa hợp lý, lôgic  - Hình thức đúng quy định, có một số lỗi chính tả chính tả | - Kết cấu chưa đúng yêu cầu, không hợp lý, lôgic  - Hình thức chưa đúng quy định, còn nhiều lỗi chính tả |
|  | **5.0 – 4,5** | **4.0 – 3.5** | **3.0 - 2.0** | **1.5 - 0** |
| **Nội dung**  ***(5 điểm)*** | - Giải quyết tốt mục tiêu, nhiệm vụ vấn đề thảo luận  - Lập luận logic chặt chẽ, đưa ra được những minh chứng thuyết phục  - Rút ra được kết luận đúng đối với vấn đề thảo luận | - Giải quyết đầy đủ mục tiêu, nhiệm vụ vấn đề thảo luận  - Lập luận chặt chẽ, đưa ra được một số minh chứng thuyết phục  - Rút ra được kết luận đúng đối với vấn đề thảo luận | - Giải quyết được một số mục tiêu, nhiệm vụ vấn đề thảo luận  - Lập luận chưa chặt chẽ, chưa đưa ra được minh chứng thuyết phục  - Rút ra được kết luận đúng đối với vấn đề thảo luận | - Không giải quyết được mục tiêu, nhiệm vụ vấn đề thảo luận  - Lập luận không rõ ràng, không có minh chứng  - Không đưa ra quan điểm đúng đối với vấn đề thảo luận |
|  | **3,0** | **2,0** | **1,0** | **0,5** |
| **Trình bày *(3 điểm)*** | - Trình bày mạch lạc, rõ ràng, tự tin  - Tranh luận hiệu quả, đưa ra được nhiều dẫn chứng thuyết phục, phản bác được các ý kiến sai trái | - Trình bày khá mạch lạc, rõ ràng, khá tự tin  - Có tranh luận, phản bác và đưa ra được một vài dẫn chứng thuyết phục | - Trình bày tương đối mạch lạc, rõ ràng, nhưng chưa được tự tin  - Có tranh luận, đưa ra được dẫn chứng nhưng chưa được thuyết phục và chưa thể hiện được khả năng phản bác các ý kiến sai trái | - Trình bày không mạch lạc, rõ ràng, không tự tin  - Không thể hiện được khả năng tranh luận, phản bác lại các ý kiến sai trái |
| **TỔNG ĐIỂM: \_\_\_\_\_/10 (Bằng chữ: ………………………………………………………)** | | | | |

**6. Nguồn học liệu**

***6.1. Giáo trình***

[1] Bộ Giáo dục và đào tạo (2021), *Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học,* Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

***6.2. Tài liệu tham khảo***

[2] Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh – Viện Chủ nghĩa xã hội khoa học (2016), *Hỏi – đáp môn Chủ nghĩa xã hội khoa học,* Nxb Chính trị quốc gia.

[3] Hoàng Chí Bảo, Dương Xuân Ngọc, Đỗ Thị Thạch, Bùi Ngọc Lan (2021), *Hướng dẫn ôn thi hiệu quả môn Chủ nghĩa xã hội khoa học,* Nxb. Đại học Sư phạm.

**7. Kế hoạch dạy học**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tuần, số tiết** | **Nội dung** | **Hình thức tổ chức DH** | **Chuẩn bị của SV** | **CĐR học phần** | **Bài đánh giá** |
| 1(2) | CHƯƠNG 1: NHẬP MÔN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC  1.1.Sự ra đời của Chủ nghĩa xã hội khoa học  [1.2. Các giai đoạn phát triển cơ bản của Chủ nghĩa xã hội khoa học](#_Toc501289627)  1.3. Đối tượng, phương pháp và ý nghĩa của việc nghiên cứu Chủ nghĩa xã hội khoa học | - Cung cấp đề cương chi tiết học phần; Giới thiệu học phần; phương pháp giảng dạy và học tập; phương pháp đánh giá.  - Hướng dẫn nghe giảng trên Elearning  Lý thuyết:  - Thuyết giảng: GV viết bảng, thuyết trình và kết hợp trình chiếu slide các nội dung.  - Sử dụng Phương pháp dạy học gợi mở - vấn đáp; Phương pháp thuyết trình, giải thích.  - Tự học: GV hướng dẫn SV nghiên cứu nội dung tự học | - Học trên Elearning.  - Đọc giáo trình [1] tr11-49  - Chuẩn bị giáo trình, vở ghi chép, vở bài tập | CLO1.1  CLO1.2  CLO2.1 | A1.1  A1.3  A2 |
| 2(2) | CHƯƠNG 2: SỨ MỆNH LỊCH SỬ CỦA GIAI CẤP CÔNG NHÂN  2.1. Những quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin về giai cấp công nhân và sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân  2.2. Giai cấp công nhân và việc thực hiện sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân hiện nay | - Thuyết giảng: GV viết bảng, thuyết trình và kết hợp trình chiếu slide các nội dung.  - Sử dụng Phương pháp dạy học gợi mở - vấn đáp; Phương pháp thuyết trình, giải thích. | - Học trên Elearning.  - Đọc giáo trình [1] tr51-65  - Nghiên cứu các nội dung tự học | CLO1.1  CLO1.2  CLO2.1 | A1.1  A1.3  A2 |
| 3(2) | Chương 2 (Tiếp)  2.3. Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân Việt Nam | - Thuyết giảng: GV viết bảng, thuyết trình và kết hợp trình chiếu slide các nội dung.  - Sử dụng Phương pháp dạy học gợi mở - vấn đáp; Phương pháp thuyết trình, giải thích.  - Tự học: GV hướng dẫn SV nghiên cứu nội dung tự học | - Học trên Elearning.  - Đọc giáo trình [1] tr66-84  - Nghiên cứu các nội dung tự học | CLO1.1  CLO1.2  CLO2.1 | A1.1  A1.3  A2 |
| 4(2) | Thảo luận nhóm nội dung Chương 1, 2 | - Hoạt động thảo luận nhóm  + Các nhóm thống nhất nội dung được phân công và thuyết trình trước lớp.  + Các nhóm nhận xét và đặt câu hỏi cho nhau.  + GV nhận xét và tổng kết vấn đề thảo luận. | - Đọc giáo trình , tài liệu tham khảo  - Chuẩn bị câu hỏi thảo luận nhóm  - Thực hiện thảo luận nhóm | CLO1.1  CLO1.2  CLO2.1 | A1.1 |
| 5(2) | CHƯƠNG 3: CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI  3.1. Chủ nghĩa xã hội  3.2. Thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội | - Thuyết giảng: GV viết bảng, thuyết trình và kết hợp trình chiếu slide các nội dung.  - Sử dụng Phương pháp dạy học gợi mở - vấn đáp; Phương pháp thuyết trình, giải thích. | - Học trên Elearning.  - Đọc giáo trình [1] tr86-104  - Nghiên cứu các nội dung tự học | CLO1.1  CLO1.2  CLO2.1 | A1.1  A1.3  A2 |
| 6(2) | Chương 3 (tiếp):  3.3. Quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam | - Thuyết giảng: GV viết bảng, thuyết trình và kết hợp trình chiếu slide các nội dung.  - Sử dụng Phương pháp dạy học gợi mở - vấn đáp; Phương pháp thuyết trình, giải thích.  - Tự học: GV hướng dẫn SV nghiên cứu nội dung tự học | - Học trên Elearning.  - Đọc giáo trình [1] tr105-109  - Nghiên cứu các nội dung tự học | CLO1.1  CLO1.2  CLO2.1 | A1.1  A1.3  A2 |
| 7(2) | CHƯƠNG 4: DÂN CHỦ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VÀ NHÀ NƯỚC XÃ HỘI CHỦ NGHĨA  4.1. Dân chủ và dân chủ xã hội chủ nghĩa  4.2. Nhà nước xã hội chủ nghĩa  4.3. Dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam | - Thuyết giảng: GV viết bảng, thuyết trình và kết hợp trình chiếu slide các nội dung  - Tổ chức thảo luận | - Học trên Elearning.  - Đọc giáo trình [1] tr125-163  - Nghiên cứu các nội dung tự học  - Chuẩn bị trước câu hỏi thảo luận  - Làm bài tập nộp lên LMS | CLO1.1  CLO1.2  CLO2.1 | A1.1  A1.3  A2 |
| 8(2) | Thảo luận nhóm nội dung chương 3,4 | - Hoạt động thảo luận nhóm  + Các nhóm thống nhất nội dung được phân công và thuyết trình trước lớp.  + Các nhóm nhận xét và đặt câu hỏi cho nhau.  + GV nhận xét và tổng kết vấn đề thảo luận. | - Đọc giáo trình , tài liệu tham khảo  - Chuẩn bị câu hỏi thảo luận nhóm  - Thực hiện thảo luận nhóm | CLO1.1  CLO1.2  CLO2.1 | A1.1 |
| 9(2) | CHƯƠNG 5: CƠ CẤU XÃ HỘI - GIAI CẤP VÀ LIÊN MINH GIAI CẤP, TẦNG LỚP TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI  5.1. Cơ cấu xã hội - giai cấp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội  5.2. Liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội  5.3. Cơ cấu xã hội - giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam | - Thuyết giảng: GV viết bảng, thuyết trình và kết hợp trình chiếu slide các nội dung.  - Sử dụng Phương pháp dạy học gợi mở - vấn đáp; Phương pháp thuyết trình, giải thích. | - Học trên Elearning.  - Đọc giáo trình [1] tr165-193  - Nghiên cứu các nội dung tự học  - Chuẩn bị trước câu hỏi thảo luận | CLO1.2  CLO1.2  CLO2.1 | A1.1  A2 |
| 10(2) | Thảo luận nội dung chương 5 | - Hoạt động thảo luận nhóm  + Các nhóm thống nhất nội dung được phân công và thuyết trình trước lớp.  + Các nhóm nhận xét và đặt câu hỏi cho nhau.  + GV nhận xét và tổng kết vấn đề thảo luận. | - Đọc giáo trình , tài liệu tham khảo  - Chuẩn bị câu hỏi thảo luận nhóm  - Chuẩn bị PPT thuyết trình | CLO1.1  CLO1.2  CLO2.1 | A1.1  A1.2 |
| 11(2) | CHƯƠNG 6: VẤN ĐỀ DÂN TỘC VÀ TÔN GIÁO TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI  6.1. Dân tộc trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội  6.2. Tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội  6.3. Quan hệ dân tộc và tôn giáo ở Việt Nam | - Thuyết giảng: GV viết bảng, thuyết trình và kết hợp trình chiếu slide các nội dung.  - Sử dụng Phương pháp dạy học gợi mở - vấn đáp; Phương pháp thuyết trình, giải thích. | - Học trên Elearning.  - Đọc giáo trình [1] tr195-237  - Nghiên cứu các nội dung tự học  - Chuẩn bị trước câu hỏi thảo luận | CLO1.1  CLO1.2  CLO2.1 | A1.1  A2 |
| 12(2) | Thảo luận nội dung chương 6 | - Hoạt động thảo luận nhóm  + Các nhóm thống nhất nội dung được phân công và thuyết trình trước lớp.  + Các nhóm nhận xét và đặt câu hỏi cho nhau.  + GV nhận xét và tổng kết vấn đề thảo luận. | - Đọc giáo trình , tài liệu tham khảo  - Chuẩn bị câu hỏi thảo luận nhóm  - Chuẩn bị PPT thuyết trình | CLO1.1  CLO1.2  CLO2.2 | A1.1  A1.2 |
| 13(2) | CHƯƠNG 7: VẤN ĐỀ GIA ĐÌNH TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI  7.1. Khái niệm, vị trí và chức năng của gia đình  7.2. Cơ sở xây dựng gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội | - Thuyết giảng: GV viết bảng, thuyết trình và kết hợp trình chiếu slide các nội dung.  - Sử dụng Phương pháp dạy học gợi mở - vấn đáp; Phương pháp thuyết trình, giải thích.  - Tự học: GV hướng dẫn SV nghiên cứu nội dung tự học | - Học trên Elearning.  - Đọc giáo trình [1] tr239-256.  - Nghiên cứu các nội dung tự học. | CLO1.1  CLO1.2  CLO2.1 | A1.1  A2 |
| 14(2) | Chương 7 (tiếp)  7.3. Xây dựng gia đình Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội | - Thuyết giảng: GV viết bảng, thuyết trình và kết hợp trình chiếu slide các nội dung.  - Tự học: GV hướng dẫn SV nghiên cứu nội dung tự học | - Học trên Elearning.  - Đọc giáo trình [1] tr257-269.  - Nghiên cứu các nội dung tự học. | CLO1.1  CLO1.2  CLO2.1 | A1.1  A2 |
| 15(2) | Ôn tập và thảo luận chương 7 | Giáo viên hướng dẫn ôn tập.  GV đề nghị các nhóm cử đại diện trình bày và nghe góp ý các nhóm bạn | Chuẩn bị trước câu hỏi ôn tập. | CLO1.1  CLO1.2 | A1.1  A2 |

**8. Nhiệm vụ của người học**

***8.1. Phần tự học***

- Nghiên cứu tài liệu, xem các slide/video/website.

- Chủ động tìm các nguồn tài liệu khác liên quan đến nội dung học phần.

- Thảo luận, trao đổi những vấn đề liên quan đến học phần với bạn học

- Hoàn thành các bài tập được giao trên LMS.

***8.2. Phần học trên lớp trực tiếp hoặc online với giảng viên***

- Dự lớp ≥ 80% tổng thời lượng của học phần.

- Chủ động, tích cực trong giờ học.

- Phát hiện, đưa ra câu hỏi hoặc vấn đề liên quan đến nội dung học tập.

**9. Ngày phê duyệt:**

**10. Cấp phê duyệt:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **KT. HIỆU TRƯỞNG**  **PHÓ HIỆU TRƯỞNG** | **HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG SƯ PHẠM** | **TRƯỞNG KHOA GDCT** |

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH**  **VIỆN NÔNG NGHIỆP VÀ TÀI NGUYÊN** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

## **ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN CHI TIẾT**

## **Học phần : Dy truyền đồng vật**

**1. Thông tin tổng quát:**

***1.1. Thông tin về giảng viên***

***Giảng viên 1:* Lê Minh Hải**

Học hàm, học vị: Tiến sĩ

Địa chỉ liên hệ: 182 Lê Duẩn, TP Vinh, Nghệ An

Điện thoại, email: 0912383216

Email: [minhhaidhv@gmail.com](mailto:minhhaidhv@gmail.com); hoặc [hailm@vinhuni.edu.vn](mailto:hailm@vinhuni.edu.vn)

***Giảng viên 2:* Phạm Mỹ Dung**

Học hàm, học vị: Tiến sĩ

Địa chỉ liên hệ: 182 Lê Duẩn, TP Vinh, Nghệ An

Điện thoại: 0948231430

Email: [phammydungnln@gmail.com](mailto:phammydungnln@gmail.com) hoặc [dungpm@vinhuni.edu.vn](mailto:dungpm@vinhuni.edu.vn)

***1.2. Thông tin về học phần:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| - Tên học phần (tiếng Việt): Di truyền động vật  (tiếng Anh): **Animal genetics** | | |
| - Mã số học phần: AHY30006 | | |
| - Thuộc CTĐT ngành: **Chăn nuôi** | | |
| - Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:  Kiến thức cơ bản  Kiến thức cơ sở ngành  Kiến thức ngành  x | Học phần chuyên về kỹ năng chung  Kiến thức khác | |
| - Thuộc loại học phần: Bắt buộc  x | Tự chọn | |
| - Số tín chỉ: 3 | |  |
| + Số tiết lý thuyết: 30 | |  |
| + Số tiết thảo luận/bài tập: 0 | |  |
| + Số tiết thực hành: 15 | |  |
| + Số tiết tự học: 90 | |  |
| - Điều kiện đăng ký học: | |  |
| + Học phần tiên quyết: | | Mã số HP: |
| + Học phần học trước: Mô phôi động vật; Hóa sinh động vật | | Mã số HP: |
| - Yêu cầu của học phần: Thực hiện theo Quy chế đào tạo của Trường Đại học Vinh. Cụ thể:  + Thời gian tối thiểu sinh viên phải có mặt trên lớp: 80%  + Sinh viên phải nộp đầy đủ bài tập, báo cáo… qua hệ thống LMS (Mục 5.1). + Tham gia đầy đủ các bài thực hành. | | |
| - Bộ môn phụ trách học phần: Thủy sản và Chăn nuôi  Điện thoại: Email: | | |

**2. Mô tả học phần:**

“Di truyền động vật” là học phần chuyên ngành của chương trình ngành chăn nuôi, nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức về cơ sở vật chất của sự di truyền. Các quy luật di truyền của tính trạng ở sinh vật, ở động vật, vận dụng các kiến thức này vào việc chọn và lai giống động vật .Cung cấp các kiến thức về biến dị, đột biến, quần thể, lai tạo, chọn lọc tạo và ứng dụng lai tạo, ứng dụng công nghệ di truyền trong nghiên cứu và thực tiễn chăn nuôi.

**3. Mục tiêu học phần**

CO1. Giúp sinh viên hiểu được những kiến thức về cơ sở vật chất của sự di truyền. Hiểu được các quy luật di truyền của tính trạng ở sinh vật, ở động vật nuôi và vận dụng các kiến thức này vào việc chọn và lai giống. Nắm được các kiến thức về biến dị, đột biến,di truyền quần thể, lai tạo, chọn lọc tạo và ứng dụng lai tạo, ứng dụng công nghệ di truyền, di truyền quần thể.

CO2. Có kỹ năng thao tác thành thạo một số kỹ thuật trong di truyền động vật quy mô phòng thí nghiệm.

CO3. Kỹ năng làm việc nhóm để nghiên cứu, thảo luận, liên hệ thực tiễn chăn nuôi.

**4. Chuẩn đầu ra học phần, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá**

***4.1. Ánh xạ chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **CĐR học phần** | **Ánh xạ với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo** | | |
| **PLO1.2** | **PLO2.3** | **PLO3.1** |
| 1.2.2 | 2.3.1 | 3.1.2 |
| CLO1.1 | 0,5 |  |  |
| CLO1.2 | 0,5 |  |  |
| CLO2.1 |  | 1,0 |  |
| CLO3.1 |  |  | 1,0 |

***4.2. Nội dung chuẩn đầu ra, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá học phần***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **CĐR học phần (CLO)** | **TĐNL CĐR**  **học phần** | **Mô tả CĐR học phần** | **Phương pháp dạy học** | **Phương pháp đánh giá** |
| CLO1.1 | **K4** | Hiểu được những kiến thức về cơ sở vật chất của sự di truyền; cấu tạo và hoạt động của gen; quy luật di truyền của tính trạng ở sinh vật; Áp dụng kiến thức về cơ sở vật chất của sự di truyền trong chăn nuôi. | Thuyết trình; hướng dẫn; tự học; thực hành | Thi TNKQ  Thi tự luận |
| CLO1.2 | **K4** | Vận dụng các kiến thức về quy luật di truyền của tính trạng, biến dị, đột biến, quần thể, ở sinh vật, ở động vật ứng dụng vào việc chọn và lai tạo, chọn lọc giống động vật trong chăn nuôi. | Thuyết trình; hướng dẫn; tự học; thực hành | Thực hành  Thi TNKQ  Thi tự luận |
| CLO2.1 | **S3** | Kỹ năng thao tác một số kỹ thuật trong di truyền, chọn giống động vật ở quy mô phòng thí nghiệm. | Hướng dẫn  Thực hành | Thực hành |
| CLO3.1 | **S3** | Làm việc theo nhóm hiệu quả để tìm hiểu, đánh giá về di truyền, biến dị, đột biến, lai tạo giống trong chăn nuôi. | Làm việc nhóm | Bài tập nhóm |

**5. Đánh giá học tập và các bộ tiêu chí đánh giá**

***5.1. Đánh giá học tập***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Bài đánh giá** | **Hình thức đánh giá và lưu hồ sơ** | **Công cụ đánh giá** | **CĐR học phần** | **Tỷ lệ cho bài đánh giá** | **Tỷ lệ**  **cho học phần** |
| **A1. Đánh giá quá trình** | |  |  |  | **50%** |
| A1.1 | - Bài tập nhóm; nhóm SV nạp báo cáo quá LMS; GV đánh giá và lưu hồ sơ | Rubric 1 | CLO3.1 | 100% | 10% |
| A1.2 | - Bài thi trắc nghiệm;  TT Đảm bảo chất lượng tổ chức thi và lưu hồ sơ | - Đáp án | CLO1.1 | 50% | 20% |
| CLO1.2 | 50% |
| A1.3 | - Kiểm tra kỹ năng thực hành tại PTN | - Rubric 1 | CLO2.1 | 70% | 20% |
| CLO3.1 | 30% |  |
| **A.2. Đánh giá cuối kỳ** | |  |  |  |  |
| A2.1 | Bài thi tự luận  TT Đảm bảo chất lượng tổ chức thi và lưu hồ sơ | Đáp án | CLO1.1 | 50% | *50%* |
| CLO1.2 | 50% |
| **Công thức tính điểm tổng kết:**  **Điểm TKHP = A1.1 \*0,1+A1.2\*0,2+A1.3\*0,2+A2.1\*0,5** | | | | | |

***5.2. Các bộ tiêu chí đánh giá***

***Rubric 1: Đánh giá bài A1.1 và bài A1.3.***

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **CĐR** | **Tiêu chí đánh giá** | **Trọng số bài A1.1** | **Trọng số bài A1.3** | **Mức độ đánh giá** | | | | |
| **A** | **B** | **C** | **D** | **F** |
| **8.5 - 10** | **7.0 - 8.4** | **5.5 - 6.9** | **4,0 -5,4** | **< 4,0** |
| **CLO2.1.** Kỹ năng thao tác một số kỹ thuật trong di truyền, chọn giống động vật ở quy mô phòng thí nghiệm. | **Chuẩn bị** |  | 10 | Có sự chuẩn bị tốt về bài thực hành | Có sự chuẩn bị khá tốt về bài thực hành | Có sự chuẩn bị về bài thực hành | Có sự chuẩn bị về bài thực hành sơ sài | Chưa có sự chuẩn bị về bài thực hành |
| **Thao tác thực hành, thí nghiệm** |  | 40 | Thực hiện chính xác thao tác thực hành, đúng quy trình thí nghiệm | Thực hiện đúng thao tác thực hành, đúng quy trình thí nghiệm | Thực hiện đúng thao tác thực hành, quy trình thí nghiệm đạt mức cơ bản | Thực hiện đúng thao tác thực hành, quy trình thí nghiệm đạt ở mức độ thấp | Không thực hiện đúng thao tác thực hành, quy trình thí nghiệm |
| **Kết quả thực hành, thí nghiệm** |  | 20 | Kết quả thực hành, thí nghiệm đúng, đạt tiêu chuẩn tốt, | Kết quả thực hành, TN đúng , đạt tiêu chuẩn khá tốt | Kết quả thực hành, TN đúng , đạt tiêu chuẩn | Kết quả thực hành, TN đúng , chưa đạt tiêu chuẩn, một số lỗi sai | Kết quả thực hành, TN sai |
| CLO3.1. Làm việc theo nhóm hiệu quả để tìm hiểu, đánh giá về di truyền, biến dị, đột biến, lai tạo giống trong chăn nuôi. | **Tổ chức nhóm** | 20 | 5 | Tham gia đầy đủ, tích cực các cuộc hợp nhóm | Tham gia đầy đủ các hoạt động nhóm. | Tham gia còn thiếu một số ít hoạt động | Chỉ tham gia một số ít hoạt động | Không tham gia |
| Nhiệm vụ được phân công rõ ràng, đầy đủ cho các thành viên trong nhóm | Nhiệm vụ được phân công khá rõ ràng, đầy đủ cho các thành viên trong nhóm | Nhiệm vụ được phân công cho các thành viên trong nhóm đầy đủ | Nhiệm vụ được phân công cho các thành viên trong nhóm chưa đầy đủ | Chưa có sự phân công nhiệm vụ |
| **Hợp tác nhóm** | 20 | 10 | - Trao đổi, chia sẻ và chấp nhận các ý tưởng trong thực hiện nhiệm vụ với các thành viên ở mức độ cao | - Trao đổi và chấp nhận các ý tưởng trong thực hiện nhiệm vụ với các thành viên mức độ khá | Trao đổi, chia sẻ và chấp nhận các ý tưởng trong thực hiện nhiệm vụ với các thành viên ở mức độ cơ bản | Trao đổi và chấp nhận các ý tưởng trong thực hiện nhiệm vụ với các thành viên ở mức độ thấp | Không trao đổi, chia sẻ trong nhóm |
| **Thảo luận nhóm** | 20 | 5 | Đề xuất, sáng kiến để đạt được tốt mục tiêu, kết quả nhóm | Đề xuất, sáng kiến để đạt được khá tốt mục tiêu, kết quả nhóm | Đề xuất, sáng kiến để đạt được mục tiêu, kết quả nhóm ở mức cơ bản | Đề xuất, sáng kiến để đạt được mục tiêu, kết quả nhóm thấp | Chưa có các đề xuất, sáng kiến |
|  | **Báo cáo nhóm** | 40 | 10 | Hình thức, bố cục báo cáo nhóm đúng quy định, rõ ràng, đầy đủ, trình bày ở mức tốt | Hình thức, bố cục báo cáo đúng quy định, đầy đủ ở mức khá | Hình thức, bố cục báo cáo đúng quy định, bố cục cơ bản hợp lý. | Hình thức bố cục báo cáo cơ bản hợp lý tuy nhiên đang còn sơ sài. | Hình thức bố cục báo cáo nhóm không đúng quy định |

**6. Tài liệu học tập**

***6.1. Giáo trình:***

[1] Nguyễn Kim Đường, Nguyễn Minh Hoàn, Phạm Khánh Từ. *Di truyền học động vật*. NXB Nông nghiệp, 2000.

[2] Lê Minh Hải, *Bài giảng di truyền động vật*. NXB Trường Đại học Vinh, 2020.

***6.2. Tài liệu tham khảo:***

[3] **Nguyễn Hoàng Thịnh, Giáo trình** *Di truyền học động vật*, NXB Học viện Nông nghiệp, 2018.

[4] Nguyễn Kim Đường, *Di truyền học quần thể*, Nhà XB Nông nghiệp, 2008.

**7. Kế hoạch dạy học**

***Lý thuyết:***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tuần, số tiết** | **Nội dung** | **Hình thức tổ chức dạy học** | **Yêu cầu SV chuẩn bị** | **CĐR học phần** | **Bài đánh giá** |
| **1(3)** | Mở đầu  I. Nhập môn-các khái niệm  1.1. Đối tượng nghiên cứu của di truyền học  1.2. Những nội dung nghiên cứu của di truyền học  1.3. Các mức độ nghiên cứu của di truyền học  1.4. Các phương pháp nghiên cứu của di truyền học  II. Mối quan hệ giữa di truyền học và các ngành khoa học khác  III. Các giai đoạn phát triển của di truyền học  IV. Ý nghĩa của di truyền học đối với động vật  Chương 1. Cơ sở vật chất di truyền ở động vật  1.1. Nhiễm sắc thể (NST) và chức năng của NST trong di truyền và hoạt động sống của sinh vật. | - Địa điểm: Nhà học theo Nhà Trường sắp xếp  - Thuyết trình  - Hướng dẫn nghiên cứu tìm kiếm tài tài liệu | - Sinh viên đọc các tài liệu liên quan đến bài mở đầu và chương 1.  - Chú ý nghe giảng viên giảng dạy;  - Trả lời câu hỏi giảng viên hỏi. | CLO1.1 | A1.1  A2.1 |
| **2(3)** | Chương 1. Cơ sở vật chất di truyền ở động vật  1.2. Chu kỳ tế bào và quá trình nguyên phân, giảm phân hình thành giao tử.  1.3. Cơ sở phân tử của hiện tượng di truyền.  1.4. Quá trình tái bản ADN, sao mã, dịch mã | - Địa điểm: Nhà học theo Nhà Trường sắp xếp  - Thuyết trình, hỏi đáp  - Hướng dẫn nghiên cứu tìm kiếm tài tài liệu | - Đọc trước tài liệu liên quan đến chương 1 ở nhà;  - Chú ý nghe giảng viên giảng dạy;.  - Trả lời câu hỏi của giảng viên hỏi. | CLO1.2 | A1.1  A1.2  A2.1 |
| **3 (3)** | Chương 2. Cấu tạo và hoạt động của gen  2.1. Cấu tạo của gen  2.2. Tổ chức các gen ở genom  2.3. Hoạt động của gen  2.4. Đặc điểm điều hòa hoạt động gen ở sinh vật nhân chuẩn và sinh vật nhân sơ.  2.5. Mối quan hệ giữa kiểu hình, kiểu gen và ngoại cảnh. | - Địa điểm: Nhà học theo Nhà Trường sắp xếp.  -Thuyết trình, hỏi đáp  - Hướng dẫn bài tập.  - Hướng dẫn quan sát hình ảnh, video. | - Đọc trước tài liệu liên quan đến chương 2 ở nhà;  - Chú ý nghe giảng viên giảng dạy;  - Trả lời câu hỏi của giảng viên hỏi.  - Tự học ở nhà mục 2.5. | **CLO1.2** | A1.2  A2.1 |
| **4 (3)** | Chương 3. Tính trạng chất lượng và quy luật di truyền tính trạng chất lượng ở động vật thuỷ sản  3.1. Tính trạng chất lượng và đặc điểm di truyền các tính trạng chất lượng.  3.2. Các quy luật di truyền Mendel trên động vật.  3.3. Quy luật tương tác gen trên một số đối tượng vật nuôi.  3.4. Liên kết gen, trao đổi chéo và bản đồ nhiễm sắc thể. | Địa điểm: Nhà học theo Nhà Trường sắp xếp  - Thuyết trình, hỏi đáp.  - Hướng dẫn thảo luận | - Đọc trước tài liệu liên đến chương 3 quan ở nhà;  - Chú ý nghe giảng viên giảng dạy.  - Làm việc nhóm trả lời câu hỏi thảo luận.  - Tự học mục 3.4 phần bản đồ gen ở nhà.  - Trả lợi các câu hỏi của giảng viên. | CLO1.1  CLO1.2 | A1.1  A2.1 |
| **5 (3)** | Chương 4. Tính trạng số lượng và quy luật di truyền tính trạng số lượng ở động vật  4.1. Tính trạng số lượng và thuyết di truyền đa gen.  4.2. Tương quan kiểu hình, kiểu gen và môi trường.  4.3. Hệ số di truyền (h2)  4.4. Các phương pháp xác định hệ số di truyền trên vật nuôi.  4.5. Quy luật di truyền và biến dị trên một số tính trạng số lượng ở động vật | - Địa điểm: Nhà học theo Nhà Trường sắp xếp  - Thuyết trình, diễn giải. | - Đọc trước tài liệu liên đến chương 4 quan ở nhà;  - Chú ý nghe giảng viên giảng dạy. | CLO1.1  CLO1.2 | A2.1 |
| **6 (3)** | Chương 5. Di truyền và xác định giới tính ở động vật  5.1. Lưỡng hình sinh dục.  5.2. Sự phân ly giới tính ở động vật.  5.3. Thuyết gen quy định giới tính và sự cân bằng gen.  5.4. Hiện tượng lưỡng tính và trung gian.  5.5. Khả năng làm thay đổi tỷ lệ phân ly.  5.6. Một số phương pháp làm thay đổi tỷ lệ đực cái. | - Địa điểm: Nhà học theo Nhà Trường sắp xếp  - Thuyết trình, hỏi đáp.  - Hướng dẫn thảo luận | - Đọc trước tài liệu liên quan đến chương 5 ở nhà;  - Chú ý nghe giảng viên giảng dạy;  - Làm việc nhóm:  - Trả lời câu hỏi của giảng viên và chất vấn của các nhóm sinh viên.  - Tự học: 5.5. Khả năng làm thay đổi tỷ lệ phân ly. | CLO1.2  CLO2.1 | A1.1  A2.1 |
| **7 (3)** | Chương 6. Biến dị và đột biến ở động vật  6.1. Khái niệm và phân loại của biến dị  6.2. Thường biến và mức phản ứng  6.3. Đột biến  6.4. Định luật về dãy biến dị đồng nguồn của Vavilop  6.5. Đột biến tự nhiên và đột biến nhân tạo  6.6. Các tác nhân gây đột biến và ý nghĩa của chúng  - Kiểm tra giữa kỳ | - Địa điểm: Nhà học theo Nhà Trường sắp xếp  - Thuyết trình, hỏi đáp.  - Hướng dẫn quan sát hình ảnh | - Đọc trước tài liệu liên quan đến chương 6 ở nhà;  - Chú ý nghe giảng viên giảng dạy;  - Trả lời câu hỏi của giảng viên.  Làm kiểm tra giữa kỳ bài. | CLO2.1  **CLO1.2** | A2.1 |
| **8 (3)** | Chương 7. Di truyền học quần thể  7.1. Khái niệm về quần thể và quần thể Mendel  7.2. Một số đặc trưng của quần thể sinh sản tự do  7.3. Tính tần số gen và kiểu gen trong quần thể  7.4. Các yếu tố làm thay đổi tần số gen của quần thể  7.5. Ứng dụng định luật Hardy-Weinberg  7.6. Chọn lọc trong quần thể và dòng thuần | - Địa điểm: Nhà học theo Nhà Trường sắp xếp  - Thuyết trình, hỏi đáp. | - Đọc trước tài liệu liên quan ở nhà  - Chú ý nghe giảng viên giảng dạy  - Trả lời câu hỏi của giảng viên.  - Tự học ở nhà mục 7.6. | CLO1.2  CLO2.1 | A2.1  **A1.3** |
| **9 (3)** | Chương 8. Phương pháp chọn giống động vật  8.1. Công tác giống và vấn đề sử dụng nguồn nguyên liệu di truyền trong chọn giống.  8.2. Cận huyết và vấn đề cận huyết ở động vật.  8.3. Ưu thế lai  8.4. Các phương pháp lai.  8.5. Các phương pháp đánh dấu  8.6. Chọn lọc  8.7. Thuần hóa, di giống và bảo tồn nguồn gen. | - Địa điểm: Nhà học theo Nhà Trường sắp xếp  - Thuyết trình, hỏi đáp. | - Đọc trước tài liệu liên quan ở nhà  - Chú ý nghe giảng viên giảng dạy  - Trả lời câu hỏi của giảng viên.  - Tự học ở nhà mục 8.7. | CLO2.1  CLO1.2  **CLO3.1** | A2.1  **A1.3** |
| **10 (3)** | Chương 9. Kỹ thuật di truyền trong chọn giống giống động vật  9.1. Các enzym giới hạn và các đoạn cắt ADN  9.2. Phương pháp RFLP  9.3. Phản ứng chuỗi trùng hợp (PCR).  9.4. Thu nhận các gen  10.5. Các hướng tạo động vật chuyển gen | - Địa điểm: Nhà học theo Nhà Trường sắp xếp  - Thuyết trình  - Hướng dẫn qua hình ảnh, video | - Đọc trước tài liệu liên quan ở nhà  - Chú ý nghe giảng viên giảng dạy  - Trả lời câu hỏi của giảng viên.  Sinh viên tự học mục 9.4 | CLO1.2  CLO2.1 | A2.1  **A1.3** |

***Thực hành:***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Số tiết/tuần**  **(1)** | **Nội dung**  **(2)** | **Hình thức tổ chức dạy học (3)** | **Chuẩn bị**  **của SV (4)** | **CĐR môn học (5)** | **Bài đánh giá**  **(6)** |
| **4 (3)** | Bài thực hành 1. Phân chia của tế bào | Hướng dẫn cách làm tiêu bản, quan sát, vẻ hình và nhận xét kết quả | Vở ghi chép, bút, giấy A4  Đọc tài liệu liên quan ở nhà  Làm tiêu bản, quan sát, vẻ hình, nhận xét kết quả viết báo cáo. | CLO2.1  CLO3.1 | A1.3 |
| **5(3)** | Bài thực hành 2. Quan sát nhiễm sắc thể khổng lồ | Hướng dẫn cách làm tiêu bản, quan sát, vẻ hình và nhận xét kết quả | Vở ghi chép, bút, giấy A4  Đọc tài liệu liên quan ở nhà  Làm tiêu bản, quan sát, vẻ hình, nhận xét kết quả viết báo cáo. | CLO2.1  CLO3.1 | A1.3 |
| **6(3)** | Bài thực hành 3. Di truyền tính trạng số lượng | Hướng dẫn quan sát nhận biết các tinh trạng số lượng, đo đếm và đánh giá một số tính trạng số lượng khảo sát. | Vở ghi chép, bút, giấy A4  Đọc tài liệu liên quan ở nhà.  Nhận biết các tinh trạng số lượng, đo đếm và đánh giá, phân tích một số tính trạng số lượng khảo sát | CLO2.1  CLO3.1 | A1.3 |
| **8(3)** | Bài thực hành 4.  Nghiên cứu các dạng đột biến nhiễm sắc thể | Hướng dẫn cách làm tiêu bản, quan sát, vẻ hình và nhận xét kết quả | Vở ghi chép, bút, giấy A4  Đọc tài liệu liên quan ở nhà  Làm tiêu bản, quan sát, vẻ hình, nhận xét kết quả viết báo cáo. | CLO2.1  CLO3.1 | A1.3 |
| **9 (3)** | Bài thực hành 5. Đánh giá chất lượng tinh lợn và tinh bò | Hướng dẫn cách làm tiêu bản, quan sát, làm các thí nghiệm, đánh giá chất lượng lượng tinh lợn và tinh bò | Vở ghi chép, bút,  Đọc tài liệu liên quan ở nhà.  Thao tác quan sát tiêu bản, nhận xét đán giá chất lượng sẹ, kết luận và viết báo cáo. | CLO2.1  CLO3.1 | A1.3 |

**8. Nhiệm vụ của người học**

***8.1. Phần tự học***

- Nghiên cứu tài liệu, xem các slide/video/website.

- Chủ động tìm các nguồn tài liệu khác liên quan đến nội dung học phần.

- Thảo luận, trao đổi những vấn đề liên quan đến học phần với bạn học/cựu sinh viên/cán bộ tại đơn vị trải nghiệm hoặc các nguồn lực hỗ trợ khác.

- Hoàn thành các bài tập được giao trên LMS.

***8.2. Phần học trên lớp trực tiếp hoặc online với giảng viên***

- Dự lớp ≥ 80% tổng thời lượng của học phần.

- Chủ động, tích cực trong giờ học.

- Phát hiện, đưa ra câu hỏi hoặc vấn đề liên quan đến nội dung học tập.

***8.3. Thực hành***

- Tham gia đầy đủ các bài thực hành

- Tôn trọng ý kiến và chịu trách nhiệm về kết quả làm việc chung.

- Hoàn thành đầy đủ nhiệm vụ và sản phẩm thực hành được giao.

**9. Ngày phê duyệt:**

**10. Cấp phê duyệt:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **KT. HIỆU TRƯỞNG**  **PHÓ HIỆU TRƯỞNG** | **VIỆN TRƯỞNG**  **TS. Nguyễn Đình Vinh** | **TRƯỞNG BỘ MÔN**  **TS. Lê Minh Hải** |

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH**  **VIỆN NÔNG NGHIỆP VÀ TÀI NGUYÊN**  **----------------------------** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**  **-------------------------** |

## **ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN CHI TIẾT**

## **Nguyên lý thiết kế và quản lý dự án Nông nghiệp và Môi trường**

**1. Thông tin tổng quát:**

***1.1. Thông tin về giảng viên***

***Giảng viên 1:* Nguyễn Thị Hương Giang**

Học hàm, học vị: Thạc sĩ

Địa chỉ liên hệ: 182 Lê Duẩn, TP Vinh, Nghệ An

Điện thoại: 0919.554.220 Email: [giangnth@vinhuni.edu.vn](mailto:giangnth@vinhuni.edu.vn)

Các hướng nghiên cứu chính: Phát triển bền vững; quản lý tài nguyên và môi trường; biến đổi khí hậu; kiến thức bản địa; nghiên cứu và triển khai các hoạt động xoá đói giảm nghèo, bảo vệ tài nguyên môi trường và phát triển bền vững

***Giảng viên 2:* Phạm Mỹ Dung**

Học hàm, học vị: Tiến sĩ, GVC

Địa chỉ liên hệ: 182 Lê Duẩn, TP Vinh, Nghệ An

Điện thoại: 0948.231.430 Email: [dungpm@vinhuni.edu.vn](mailto:dungpm@vinhuni.edu.vn)

Các hướng nghiên cứu chính: Dinh dưỡng và thức ăn động vật thủy sản; công nghệ sinh học sản xuất và nuôi thủy sản; Công nghệ tảo và ứng dụng

***Giảng viên 3:*** **Cao Thị Thu Dung**

Học hàm, học vị: Thạc sĩ

Địa chỉ liên hệ: 182 Lê Duẩn, TP Vinh, Nghệ An

Điện thoại: 0944.364.479 Email: [dungctt@vinhuni.edu.vn](mailto:dungctt@vinhuni.edu.vn)

Các hướng nghiên cứu chính: đất nông nghiệp, dinh dưỡng cây trồng, cây dược liệu.

***Giảng viên 4:*** **Trần Thị Tuyến**

Chức danh, học hàm, học vị: Tiến sĩ, GVC

Địa chỉ liên hệ: 182 Lê Duẩn, TP Vinh, Nghệ An

Điện thoại, email: 0915.346.082 Email: [tuyentt@vinhuni.edu.vn](mailto:tuyentt@vinhuni.edu.vn)

Các hướng nghiên cứu chính: Cảnh quan - Quy hoạch môi trường; Ứng dụng GIS - Viễn thám trong Quản lí tài nguyên & Môi trường.

***Giảng viên 5:*** **Trần Đình Du**

Chức danh, học hàm, học vị: Tiến sĩ

Địa chỉ liên hệ: 182 Lê Duẫn, TP Vinh, Nghệ An

Điện thoại: 0981.995.009 Email: [dutd@vinhuni.edu.vn](mailto:dutd@vinhuni.edu.vn)

Các hướng nghiên cứu chính: Ứng dụng Gis - viễn thám; Quản lý đất đai

***Giảng viên 6:*** **Nguyễn Hữu Hiền**

Chức danh, học hàm, học vị: Tiến sĩ

Địa chỉ liên hệ: 182 Lê Duẫn, TP Vinh, Nghệ An

Điện thoại: 0978.038.777 Email: [hiennh@vinhuni.edu.vn](mailto:hiennh@vinhuni.edu.vn)

Các hướng nghiên cứu chính: Dinh dưỡng cây trồng

***Giảng viên 7:*** **Hoàng Thị Mai**

Chức danh, học hàm, học vị: Tiến sĩ

Địa chỉ liên hệ: 182 Lê Duẩn, TP Vinh, Nghệ An

Điện thoại: 0977.006.137 Email: [maiht@vinhuni.edu.vn](mailto:maiht@vinhuni.edu.vn)

Hướng nghiên cứu chính: Chăn nuôi

***1.2. Thông tin về học phần:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| - Tên học phần (tiếng Việt): **Nguyên lý thiết kế và quản lý dự án Nông nghiệp và Môi trường**  (tiếng Anh): Principles of design and management of agricultural and environmental projects | | |
| - Mã số học phần: ANR20005 | | |
| - Thuộc CTĐT ngành: Nuôi trồng thủy sản; Nông học; Quản lý TNMT, Quản lý đất đai; Chăn nuôi, | | |
| - Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:  Kiến thức cơ bản  Kiến thức cơ sở ngành  Kiến thức ngành | Học phần chuyên về kỹ năng chung  Học phần dạy học theo hình thức dự án/đồ án  Kiến thức khác | |
| - Thuộc loại học phần: Bắt buộc | Tự chọn | |
| - Số tín chỉ: (*đối với học phần có dự án/đồ án có ít nhất tối thiểu 4 tín chỉ*)  + Số tiết lý thuyết: 30  + Số tiết thực hiện đồ án, dự án: 30  + Số tiết tự học: 120 | | |
| - Điều kiện đăng ký học: | |  |
| + Học phần tiên quyết: | | Mã số HP: |
| + Học phần học trước: | | Mã số HP: |
| - Yêu cầu của học phần: Thực hiện theo Quy chế đào tạo của Trường Đại học Vinh. Cụ thể:  + Thời gian tối thiểu sinh viên phải có mặt trên lớp:  + Sinh viên phải nộp đầy đủ bài tập, báo cáo… qua hệ thống LMS (Mục 5.1). + Tham gia đầy đủ các bài thực hành. | | |
| - Bộ môn phụ trách học phần: Thủy sản và chăn nuôi/ Nông học/ Quản lý TNMT/QLĐĐ  Điện thoại: Email: | | |

**2. Mô tả học phần**

Học phần Nguyên lý thiết kế và quản lý dự án nông nghiệp, môi trường thuộc khối kiến thức Cơ sở khối ngành, đóng vai trò quan trọng trong việc hình thành những kiến thức, kỹ năng cơ bản làm cơ sở khoa học cho việc thiết kế và quản lý dự án phát triển nông nghiệp, môi trường khi đất nước chuyển sang nền kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Trang bị cho người học phương pháp luận chung về xây dựng, tổ chức thực hiện và quản lý các dự án phát triển nông nghiệp, môi trường ( chủ yếu dự án quy mô vừa và nhỏ) một loại hình dự án mà hầu hết các sinh viên của ngành sau khi ra trường đều phải thực hiện. Thực tế cho thấy, các dự án nông nghiệp và môi trường chỉ thực sự bển vững khi nó đáp ứng được nguyện vọng và sự quân tâm của các bên liên quan, nhất là những người hưởng lợi trực tiếp từ dự án, đồng thời họ phải tham gia một cách chủ động và tích cực vào tất cả các quá trình của dự án. Chính vì vậy, mục đích chủ yếu của này là nhằm trang bị cho sinh viên một số kiến thức và kỹ năng cơ bàn về thiết kế, quản lý và lập kế hoạch theo phương pháp cỏ sự tham gia để sau này họ có thể tổ chức thực hiện tốt các dự án ở cấp độ địa phương.

**3. Mục tiêu học phần**

Học phần Nguyên lý thiết kế và quản lý dự án nông nghiệp và môi trường sẽ giúp người học hiểu được những nguyên lý thiết kế và quản lý dự án nông nghiệp và môi trường, từ đó áp dụng những kiến thức về nông lâm ngư – môi trường vào xây dựng, tổ chức thực hiện và quản lý các dự án nông nghiệp và môi trường. Người học thể hiện tư duy hệ thống, tư duy sáng tạo, khả năng làm việc nhóm; khả năng hình thành ý tưởng, thiết kế và quản lí các dự án nông nghiệp và môi trường. Từ đó, người học đưa ra định hướng học tập để đáp ứng yêu cầu công việc và bối cảnh nghề nghiệp.

**4. Chuẩn đầu ra học phần, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá**

(Thống nhất ký hiệu các CĐR học phần là: CLO1.1, CLO1.2, CLO2.1,…)

***4.1. Ánh xạ chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo***

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **CĐR học phần** | **Ánh xạ với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)** | | | | | | |
| PLO1.2 | PLO2.1 | PLO2.2 | PLO3.1 | | PLO4.1 | |
| 1.2.3 | 2.1.1 | 2.2.2 | 3.1.2 | 3.2.2 | 4.2.1 | 4.2.2 |
| CLO1.1 | 0,5 |  |  |  |  |  |  |
| CLO1.2 | 0,3 |  |  |  |  |  |  |
| CLO1.3 | 0,2 |  |  |  |  |  |  |
| CLO2.1 |  | 1,0 |  |  |  |  |  |
| CLO2.2 |  |  | 1,0 |  |  |  |  |
| CLO3.1 |  |  |  | 1,0 |  |  |  |
| CLO3.2 |  |  |  |  | 1,0 |  |  |
| CLO4.1 |  |  |  |  |  | 1,0 |  |
| CLO4.2 |  |  |  |  |  |  | 1,0 |

***4.2. Nội dung chuẩn đầu ra, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá học phần***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **CĐR học phần (CLO)** | **TĐNL CĐR**  **học phần** | **Mô tả CĐR học phần** | **Phương pháp dạy học** | **Phương pháp đánh giá** |
| CLO1.1 | K3 | Hiểu được những khái niệm cơ bản về dự án và nội dung xây dựng, soạn thảo dự án nông nghiệp và\hoặc môi trường. Áp dụng để soạn thảo một dự án nông nghiệp và\hoặc môi trường khả thi. | Thuyết giảng,  Thảo luận | Trắc nghiệm |
| CLO1.2 | K3 | Hiểu được nội dung về phân tích và thẩm định dự án nông nghiệp và môi trường. Áp dụng để phân tích và thẩm định một dự án nông nghiệp và\hoặc môi trường | Thuyết giảng,  Thảo luận | Trắc nghiệm |
| CLO1.3 | K3 | Hiểu được kiến thức tổ chức quản lí và đánh giá dự án nông nghiệp và môi trường. | Thuyết giảng, Thảo luận | Phiếu đánh giá |
| CLO2.1 | S3 | Hình thành kỹ năng đánh giá các nguồn lực, lập luận và từ đó xác định vấn đề, xây dựng giải pháp khả thi cho vấn đề. | Trải nghiệm, hoạt động nhóm và hướng dẫn  Nghiên cứu tình huống | Trắc nghiệm |
| CLO2.2 | A3 | Lập luận, phân tích và giải quyết vấn đề trong thực tiễn cũng như nghề nghiệp | Thuyết trình  Hướng dẫn  Nghiên cứu tình huống | Trắn nghiệm |
| CLO3.1 | S3 | Áp dụng các kiến thức về dự án, thành lập nhóm để xác định, các vấn đề ưu tiên trong xây dựng dự án. Tổ chức nhóm soạn thảo, thuyết trình dự án nông nghiệp và/hoặc môi trường. | Trải nghiệm & hoạt động nhóm | Phiếu đánh giá |
| CLO3.2 | S3 | Áp dụng các kiến thức tiến hành phân tích, thẩm định các đề xuất dự án nông nghiệp và/hoặc môi trường đã xây dựng | Trải nghiệm & hoạt động nhóm | Phiếu đánh giá |
| CLO4.1 | C2 | Có khả năng vận dụng các kiến thức về tổ chức thực hiện và quản lý dự án để lập kế hoạch, xác định mục tiêu và xây dựng nội dung hoạt động của ngành | Trải nghiệm & hoạt động nhóm | Phiếu đánh giá |
| CLO4.2 | C2 | Xây dựng được công cụ giám sát, đánh giá các hoạt động của ngành | Trải nghiệm & hoạt động nhóm | Phiếu đánh giá |

**5. Đánh giá học tập và các bộ tiêu chí đánh giá**

***5.1. Đánh giá học tập***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Bài đánh giá** | **Hình thức đánh giá và lưu hồ sơ** | **Công cụ đánh giá** | **CĐR học phần** | **Tỷ lệ**  **Cho bài đánh giá** | **Tỷ lệ cho học phần** |
| **A1. Đánh giá thường xuyên** | |  |  |  | **50%** |
| A1.1. Bài tập trắc nghiệm | - Bài tập trắc nghiệm trên LMS, chấm điểm tự động | Đáp án | CLO1.1 | 50% | 10% |
| CLO1.2 | 30% |
| CLO1.3 | 20% |
| A1.2. Giáo viên đánh giá bài tập nhóm | - Bài tập nhóm trên LMS, GV chấm điểm | Đáp án | CLO 3.1 | 50% | 15% |
| CLO 3.2 | 50% |
| A1.3. Nhóm tự đánh giá cho bài tập nhóm | Tự đánh giá của nhóm cho các thành viên | Rubric 1 | CLO 2.1 | 50% | 15% |
| CLO 2.2 | 50% |
| A1.4. Đánh giá tiến độ đồ án | Đánh giá tiến độ đồ án\ dự án | Rubric 2 | CLO1.1 | 40% | 10% |
| CLO2.2 | 20% |
| CLO4.1 | 20% |
| CLO4.2 | 20% |  |
| **A2. Đánh giá cuối kỳ** | |  |  |  | **50%** |
| A2.1. Hội đồng đánh giá kết thúc đồ án | Đánh giá chung của hội đồng đánh giá đồ án/dự án | Rubric 2 | CLO1.1 | 40% | 30% |
| CLO2.2 | 20% |
| CLO4.1 | 20% |
| CLO4.2 | 20% |
| A2.2. Nhóm tự đánh giá đồ án | Nhóm tự đánh giá sự đóng góp của các thành viên cho đồ án | Rubric 1 | CLO 2.1 | 50% | 20% |
| CLO 2.2 | 50% |
| **Công thức tính điểm tổng kết:**  **Điểm TKHP = A1.1x0,1 + A1.2x0,15 + A1.3x0,15 + A1.4x0,1 + A2.1x0,3 + A2.2x0,2** | | | | | | |

***5.2. Các bộ tiêu chí đánh giá***

5.2.1. Bộ tiêu chí đánh giá học tập thường xuyên

***Rubric 1:* Đánh giá bài A1.3 và A2.2**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tiêu chí** | **CĐR** | **Trọng số bài A1.3**  **(%)** | **Trọng số bài A2.2**  **(%)** | **Mô tả mức chất lượng** | | | | |
| **A**  **8.5 - 10** | **B**  **7.0 - 8.4** | **C**  **5.5 - 6.9** | **D**  **4,0 -5,4** | **F**  **< 4,0** |
| **1** | **Hình thức, bố cục trình bày** | **CLO2.1** | **10** | **10** | Format bài seminar đúng quy định : Times New Roman, cỡ chữ 24, hàng 1.3 lines,  Hình thức báo cáo đẹp, hấp dẫn, thu hút (hình ảnh, sơ đồ) | Format bài seminar đúng quy định : Times New Roman, cỡ chữ 24,  hàng 1.3 lines,  Hình thức báo cáo tốt | Format bài seminar đúng quy định : Times New Roman, cỡ chữ 24,  hàng 1.3 lines,  Hình thức báo cáo còn một số lỗi chính tả | Format bài seminar nhóm chưa đúng quy định :  cỡ chữ, font chữ còn chưa thống nhất, giãn cách hàng chưa đúng, | Format bài seminar nhóm chưa đúng quy định :  cỡ chữ, font chữ còn chưa thống nhất, giãn cách hàng chưa đúng,  Hình thức báo cáo còn nhiều lỗi chính tả |
| **2** | **Nội dung bài seminar** | **CLO2.1** | **20** | **20** | -Bố cục bài seminar logic, rõ ràng  -Nội dung báo cáo đầy đủ yêu cầu, còn cung cấp thêm thông tin ví dụ rất hay, rất thực tế.  -Hình thức báo cáo đẹp, hấp dẫn, thu hút | -Bố cục bài seminar logic, rõ ràng  -Nội dung báo cáo đầy đủ yêu cầu, còn cung cấp thêm thông tin ví dụ rất hay, rất thực tế.  -Hình thức tốt | -Bố cục bài seminar logic, rõ ràng  -Nội dung báo cáo cơ bản đủ theo yêu cầu.  -Hình thức báo cáo đúng khuôn mẫu quy định. | - Bố cục bài seminar chưa hợp lý  - Nội dung báo cáo chưa đáp ứng yêu cầu đặt ra.  -Hình thức báo cáo đúng quy định. | - Bố cục bài seminar chưa hợp lý  - Nội dung báo cáo chưa đáp ứng yêu cầu đặt ra.  -Hình thức báo cáo đúng quy định, tuy nhiên đang còn một vài chỗ chưa hợp lý. |
| **3** | **Kỹ năng tìm kiếm tài liệu, thông tin liên quan để giải quyết các vấn đề** | **CLO2.2** | **5** | **5** | Tìm được 03-05 tài liệu liên quan, mới, ý nghĩa cao.  Nguồn trích dẫn tài liệu rõ ràng. | Tìm được 03 -05 tài liệu liên quan.  Có trích dẫn nguồn tài liệu nhưng chưa thật chi tiết. | Tìm được 01 -02 tài liệu liên quan.  Có trích dẫn nguồn tài liệu nhưng chưa thật chi tiết. | Hầu như chưa có tài liệu liên quan, | Chưa có tài liệu liên quan |
| **4** | **Thời hạn nạp báo cáo seminar** | **CLO2.1** | **5** | **5** | Nạp bài báo cáo, hồ sơ trên hệ thống trước thời gian quy định, có đầy đủ hồ sơ, báo cáo yêu cầu | Nạp bài báo cáo, hồ sơ trên hệ thống đúng thời gian quy định, có đầy đủ hồ sơ, báo cáo yêu cầu | Nạp bài báo cáo, hồ sơ trên hệ thống trong thời gian quy định, có hồ sơ, báo cáo nhưng còn một số lỗi nhỏ. | Hết thời gian quy định vẫn chưa có bài báo cáo, hồ sơ, cần phải gia hạn thêm. | Hết thời gian quy định vẫn chưa có bài báo cáo |
| **5** | **Trả lời câu hỏi** | **CLO2.2** | **10** | **10** | Trả lời đúng 100% số câu hỏi | Chỉ trả lời đúng 80% số câu hỏi | Chỉ trả lời đúng 60% số câu hỏi | Chỉ trả lời đúng 40% số câu hỏi | Không trả lời được |

**Rubric 2. Đánh giá bài A1.4 và A2.1**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí đánh giá** | **CĐR** | **Trọng số bài A1.4**  **(%)** | **Trọng số bài A2.1**  **(%)** | **Mô tả mức chất lượng** | | | | | |
| **A** | **B** | **C** | **D** | **F** |
| **8.5 - 10** | **7.0 - 8.4** | **5.5 - 6.9** | **4,0 -5,4** | **< 4,0** |
| **Hình thức và bố cục trình bày** | CLO2.2 | 10 | 10 | -Format bài đồ án đúng mẫu quy định của GV: Giấy A4, kiểu chữ (Times New Roman, cỡ chữ 13) Căn lề (3 cm),  Khoảng cách hàng 1.3 lines,  - Đầy đủ các phần của đồ án. | -Format bài đồ án đúng mẫu quy định của GV chữ (Times New Roman, cỡ chữ 13) Căn lề (3 cm),  Khoảng cách hàng 1.3 lines,  . | -Format bài đồ án đúng mẫu quy định của GV: Giấy A4, kiểu chữ (Times New Roman, cỡ chữ 13) Căn lề (3 cm), giãn cách hàng chưa đúng, | Format bài đồ án đúng mẫu quy định của GV: Giấy A4, kiểu chữ (Times New Roman, cỡ chữ 13) lề , khoảng cách hàng còn chưa thống nhất trong toàn bộ báo cáo, | Format bài đồ án không đúng mẫu quy định của GV |
|  | - Hình thức báo cáo đẹp, hấp dẫn, thu hút (hình ảnh, sơ đồ) | Hình thức báo cáo đạt yêu cầu | - Còn một số lỗi chính tả | -Còn nhiều lỗi chính tả | Không đạt yêu cầu |
| - Đầy đủ các phần của đồ án. | - Đầy đủ các phần của đồ án. | - Chưa đầy đủ các phần của đồ án. | - Chưa đầy đủ các phần của đồ án, lộn xộn | Không đầy đủ các phần |
| **Nội dung đồ án** | CLO1.1 | 40 | 40 | -Trình bày được lý do, tên bài đồ án, mục đích, mục tiêu của đồ án | -Trình bày được lý do, tên bài đồ án, mục đích, mục tiêu của đồ án | Trình bày chưa hoàn chỉnh được lý do, tên bài đồ án, chưa nêu rõ mục đích, mục tiêu của đồ án | - Trình bày thiếu hoặc chưa nêu được lý do chọn đồ án, tên đồ án, mục đích, mục tiêu của đồ án | Trình bày thiếu các phần |
| - Tổng quan: trình bày đầy đủ, logic được các vấn đề liên quan đến chủ đề đồ án | - Tổng quan: trình bày đầy đủ được các vấn đề liên quan đến chủ đề đồ án | - Tổng quan: trình bày chưa đầy đủ các vấn đề liên quan đến chủ đề đồ án | - Tổng quan: trình bày chưa đầy đủ các vấn đề liên quan đến chủ đề đồ án | Tổng quan không phù hợp |
| - Trình bày đầy đủ, logic phương pháp nghiên cứu | - Trình bày đầy đủ phương pháp nghiên cứu | - Trình bày chưa đầy đủ phương pháp nghiên cứu | - Chưa trình bày rõ phương pháp nghiên cứu | Phương pháp nghiên cứu không đúng |
| - Kết quả đầy đủ, phù hợp, logic với mục đích, mục tiêu. | - Kết quả tương đối đầy đủ, phù hợp, logic với mục đích, mục tiêu. | -Kết quả chưa đầy đủ, phù hợp với mục đích, mục tiêu. | -Kết quả chưa đầy đủ, chưa phù hợp với mục đích, mục tiêu | Kết quả nghiên cứu không đúng |
| -Kết luận rõ ràng, logic, thể hiện được quy mô sản xuất | -Kết luận rõ ràng, thể hiện được quy mô sản xuất | -Kết luận rõ ràng, chưa thể hiện được quy mô sản xuất | -Kết luận chưa rõ ràng chưa thể hiện được quy mô sản xuất |  |
| - Tài liệu tham khảo: Trích dẫn rõ ràng, trình bày theo đúng quy định | - Tài liệu tham khảo: Trích dẫn rõ ràng, trình bày theo đúng quy định | - Tài liệu tham khảo: Trích dẫn rõ ràng, trình bày chưa theo đúng quy định | - Tài liệu tham khảo: Trích dẫn lộn xộn, trình bày chưa theo đúng quy định | Tài liệu tham khảo không có, hoặc không phù hợp |
| **Kỹ năng tìm kiếm tài liệu** | CLO2.2 | 5 | 5 | - Tìm được 8 - 10 tài liệu liên quan đến vấn đề của đồ án. | - Tìm được 5-7 tài liệu liên quan đến vấn đề của đồ án. | - Tìm được trên 2 - 4 tài liệu liên quan đến vấn đề của đồ án. | - Tìm được < 2 tài liệu liên quan đến vấn đề của đồ án. | Tài liệu không tìm được hoặc không liên quan |
| **Sản phẩm đồ án** | CLO4.1 | 10 | 10 | - Sản phẩm có đặc tính phù hợp so với mục đích/mục tiêu đề tài - Có tính khả thi để triển khai nghiên cứu & sản xuất thực tế | - Sản phẩm có đặc tính phù hợp so với mục đích/mục tiêu đề tài nhưng thiếu tính khả thi | - Sản phẩm giống với tên đề tài nhưng có đặc tính không phù hợp so với mục đích/mục tiêu đề tài | - Sản phẩm giống với tên đề tài nhưng có đặc tính không phù hợp so với mục đích/mục tiêu đề tài & thiếu tính khả thi | Sản phẩm không phù hợp |
| **Vấn đáp đồ án** | CLO4.1 | 30 | 30 | Trả lời đúng tất cả các câu hỏi | Trả lời đúng trên 2/3 số câu hỏi | Trả lời đúng trên 1/2 số câu hỏi | Trả lời đúng dưới ½ số câu hỏi | Không trả lời được |

**6. Tài liệu học tập**

***6.1. Giáo trình:***

[1] Hoàng Mạnh Quân, Giáo trình Lập và quản lý dự án phát triển nông nghiệp, nông thôn’, NXB Nông nghiệp Hà Nội, 2007.

[2] Nguyễn Thị Hương Giang (2017). Bài giảng Nguyên lý thiết kế và quản lý dự án nông nghiệp và môi trường, Đại học Vinh (Tài liệu).

***6.2 Tài liệu tham khảo:***

[1]. Đỗ Kim Chung, Giáo trình “Dự án phát triển nông thôn”, NXB Nông nghiệp, Hà Nội, 2002.

[2]. Từ Quang Hiển, Xây dựng và quản lý dự án có sự cùng tham gia, NXB Khoa học xã hội, 2003.

[3]. Hoàng Việt, Giáo trình “ Lập dự án đầu tư phát triển nông nghiêp, nông thôn”, NXB Thống kê, Hà Nội, 2001.

[4] Lê Anh Tuấn, M.Eng, Bài giảng Phân tích dự án phát triển nông thôn, Trường Đại học Cần Thơ, 2010.

[5] Lê ĐìnhThắng, Giáo trình Lập Và Phân Tích Dự Án Phát Triển Nông Thôn, NXB Nông Nghiệp 1995

[6]. GS.TS. Phước Minh Hiệp - Th.S. Lê Thị Vân Đan, Giáo Trình Thiết Lập & Thẩm Định Dự Án Đầu Tư, Nhà xuất bản Thống Kê, 2009

[7]. Quản lý dự án, *Bài giảng của AITCV*, Hà Nội, 1998

**7. Kế hoạch dạy học**

7.1. Giảng dạy lý thuyết

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tuần, số tiết** | **Nội dung** | **Hình thức tổ chức dạy học** | **Yêu cầu SV chuẩn bị** | **CĐR học phần** | **Bài đánh giá** |
| **1** | Chương 1: Những khái niệm cơ bản về dự án  1.1.Tính cấp thiết của dự án nông nghiệp và môi trường  1.2. Khái niệm  1.2.1. Khái niệm về dự án  1.2.2. Các yêu cầu cơ bản của dự án ( tính thực tiễn, tính khoa học, tính pháp lý, tính thống nhất,...)  1.3. Phân loại dự án  1.3.1.Phân loại dự án ( phân theo nghành, phân theo mục tiêu, phân theo nội dung)  1.3.2. Vai trò của dự án trong việc hoạch định phát triển  1.4. Chu trình của dự án  1.4.1. Khái niệm về chu trình dự án  1.4.2. Các giai đoạn của chu trình dự án  1.4.3. Nội dung cơ bản của từng gia đoạn trong chu trình dự án  1.4.3.1. Xác định dự án  1.4.3.2. Xây dựng dự án  1.4.3.3. Thẩm định và ra quyết định đầu tư  1.4.3.4. Triển khai thực hiện dự án  1.4.3.5. Đánh giá kết thúc dự án và xác định dự án mới  1.5. Sự tham gia của cộng đồng trong các dự án nông nghiệp và môi trường  1.5.1. Các cấp độ của sự tham gia  1.5.2. Các hình thức tham gia của cộng đồng trong các dự án nông nghiệp và môi trường | - Địa điểm: Nhà học theo Nhà Trường sắp xếp  - Hoạt động giảng dạy:  Thuyết giảng, tổ chức thảo luận;  hướng dẫn và giám sát việc tự học của sinh viên | Trả lời câu hỏi, thảo luận; tự nghiên cứu, thảo luận nhóm, học trên LMS. | CLO1.1 | A1.1 |
| **2** | Chương 2 : Nội dung cơ bản của việc xây dựng và soạn thảo dự án  2.1. Xác định các vấn đề ưu tiên trong xây dựng dự án  2.1.1. Mục đích  2.1.2. Cách xác định nguyên nhân đói nghèo và những khó khăn của người dân  2.1.3. Xác định các nhu cầu của người dân  2.1.4. Cách lựa chọn vấn đề ưu tiên | - Địa điểm: Nhà học theo Nhà Trường sắp xếp  - Hoạt động giảng dạy  + Hướng dẫn lý thuyết nội dung bài giảng  + Đặt câu hỏi và thảo luận  + Giao nhiệm vụ tự học và hướng dẫn nghiên cứu tìm tài liệu | Trả lời câu hỏi, thảo luận; tự nghiên cứu, thảo luận nhóm, học trên LMS. | CLO1.1  CLO2.2 | A1.1 |
| **3** | 2.2 Khái quát các bước nghiên cứu và hình thành một dự án  2.2.1. Nghiên cứu phát hiện và đánh giá các cơ hội đầu tư  2.2.2. Nghiên cứu khả thi  2.2.3. Thẩm định và phê duyệt dự án  2.3. Nội dung của dự án khả thi | - Địa điểm: Nhà học theo Nhà Trường sắp xếp  - Hoạt động giảng dạy  + Hướng dẫn lý thuyết nội dung bài giảng  + Đặt câu hỏi và thảo luận  + Giao nhiệm vụ tự học và hướng dẫn nghiên cứu tìm tài liệu | Trả lời câu hỏi, thảo luận; tự nghiên cứu, thảo luận nhóm, học trên LMS. | CLO1.1  CLO2.2 | A1.1  A2.1 |
| **4** | 2.4. Trình tự nghiên cứu và lập dự án khả thi  2.4.1. Công tác chuẩn bị lập dự án khả thi  2.4.2. Các bước tiến hành nghiên cứu xây dựng dự án | -Địa điểm: Nhà học theo Nhà Trường sắp xếp  - Hoạt động giảng dạy  + Hướng dẫn lý thuyết nội dung bài giảng  + Thảo luận và làm việc nhóm  + Giao nhiệm vụ tự học và hướng dẫn nghiên cứu tìm tài liệu | Trả lời câu hỏi, thảo luận; tự nghiên cứu, thảo luận nhóm, học trên LMS. | CLO1.1  CLO2.2 | A1.2  A2.1 |
| **5** | 2.5. Phương pháp trình bày một văn bản dự án khả thi  2.5.1. Bố cục thông thường của một bản đề cương dự án  2.5.2. Khái quát cách trình bày các phần của một bản dự án | - Địa điểm: Nhà học theo Nhà Trường sắp xếp  - Hoạt động giảng dạy  + Hướng dẫn lý thuyết nội dung bài giảng  + Thảo luận và làm việc nhóm  + Giao nhiệm vụ tự học và hướng dẫn nghiên cứu tìm tài liệu | Trả lời câu hỏi, thảo luận; tự nghiên cứu, thảo luận nhóm, học trên LMS. | CLO1.1  CLO2.2 | A2.1  A3.1 |
| **6** | Chương 3 : Phân tích dự án nông nghiệp và môi trường  3.1. Phân tích tài chính dự án  3.1.1. Mục đích của phân tích tài chính  3.1.2. Trình tự phân tích tài chính của dự án  3.1.3. Các yếu tố khác khi phân tích tài chính và lựa chọn dự án | - Địa điểm: Nhà học theo Nhà Trường sắp xếp  - Hoạt động giảng dạy  + Hướng dẫn lý thuyết nội dung bài giảng  + Đặt câu hỏi thảo luận  + Tổ chức cuộc họp giả định tại lớp  + Giao nhiệm vụ tự học và hướng dẫn nghiên cứu tìm tài liệu | Trả lời câu hỏi, thảo luận; tự nghiên cứu, thảo luận nhóm, học trên LMS. | CLO1.2  CLO2.2 | A1.1  A3.2 |
| **7** | 3.2. Phân tích kinh tế – xã hội và môi trường của dự án  3.2.1. Mục đích của phân tích kinh tế – xã hội và môi trường  3.2.2. Những đặc điểm trong phân tích kinh tế – xã hội và môi trường  3.2.3. Phương pháp chung trong phân tích kinh tế dự án 3.2.4. Phân tích khía cạnh xã hội và môi trường của dự án | - Địa điểm: Nhà học theo Nhà Trường sắp xếp  - Hoạt động giảng dạy  + Hướng dẫn lý thuyết nội dung bài giảng  + Sinh viên thực hành kỹ năng giao tiếp  + Giới thiệu 1 số mẫu văn bản thông dụng  + Giao nhiệm vụ tự học và hướng dẫn nghiên cứu tìm tài liệu | Trả lời câu hỏi, thảo luận; tự nghiên cứu, thảo luận nhóm, học trên LMS. | CLO1.2  CLO2.2 | A1.1  A1.2  A2.1 |
| **8** | Chương 4 : Thẩm định các dự nông nghiệp và môi trường  4.1. Khái niệm, mục đích và ý nghĩa của việc thẩm định dự án  4.2. Trình tự và thủ tục thẩm định dự án  4.3. Nội dung thẩm định dự án | - Địa điểm: Nhà học theo Nhà Trường sắp xếp  - Hoạt động giảng dạy  + Hướng dẫn lý thuyết nội dung bài giảng  + Đặt câu hỏi thảo luận  + Xử lý tình huống liên quan đến các điều luật  + Giao nhiệm vụ tự học và hướng dẫn nghiên cứu tìm tài liệu | Trả lời câu hỏi, thảo luận; tự nghiên cứu, thảo luận nhóm, học trên LMS. | CLO1.2  CLO2.1 | A1.1 |
| **9** | Chương 5 : Tổ chức thực hiện và quản lý, giám sát và đánh giá dự án nông nghiệp môi trường  5.1. Tổ chức thực hiện  5.2. Quản lý dự án | - Địa điểm: Nhà học theo Nhà Trường sắp xếp  - Hoạt động giảng dạy  + Hướng dẫn lý thuyết nội dung bài giảng  + Đặt câu hỏi, thảo luận  + Giao nhiệm vụ tự học và hướng dẫn nghiên cứu tìm tài liệu | Trả lời câu hỏi, thảo luận; tự nghiên cứu, thảo luận nhóm, học trên LMS. | CLO1.3  CLO2.2 | A1.1  A1.2  A2.1  A2.2 |
| **10** | 5.3. Giám sát và đánh giá  **- Tổng kết nội dung 2TC** | - Địa điểm: Nhà học theo Nhà Trường sắp xếp  - Hoạt động giảng dạy  + Hướng dẫn lý thuyết nội dung bài giảng  + Đặt câu hỏi, thảo luận  + Tổng kết nội dung, nhận xét tinh thần, thái độ học tập của sinh viên sau 2 tín chỉ lý thuyết.  + Giao nhiệm vụ tự học. | Trả lời câu hỏi, thảo luận; tự nghiên cứu, thảo luận nhóm, học trên LMS. | CLO1.3  CLO2.2 | A1.1  A2.1  A2.2 |

7.2. Giảng dạy đồ án

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tuần** | **Nội dung công việc** | **Địa điểm/không gian thực hiện** | **Hoạt động của sinh viên** | **Kết quả cần đạt được** | **Bài đánh giá** | **CĐR học phần** |
| **1** | **Tìm hiểu xác định** các vấn đề của một cộng đồng, xếp thứ tự ưu tiên trong xây dựng dự án cho cộng đồng đã tìm hiểu | Theo Bộ môn sắp xếp | - Tìm hiểu xác định bối cảnh dự án  - Hình thành ý tưởng cho dự án | Xác định được vấn đề cần giải quyết cho đồ án | A1.3 | CLO2.2, 4.1 |
| **2** | **-Hướng dẫn xây dựng và viết thuyết minh đề cương đồ án** | Theo Bộ môn sắp xếp | - Thao tác theo hướng dẫn | Viết đề cương, xây dựng kế hoạch thực hiện đồ án | A1.3 | CLO3.1, 3.2  4.1 |
| **3** | **Hướng dẫn hoàn thiện đề cương đồ án** | Theo Bộ môn sắp xếp | -Thao tác theo hướng dẫn | Bản đề cương/thuyết minh đồ án | A1.3 | CLO3.1, 3.2, 4.1 |
| **4** | **Triển khai soạn thảo, thực hiện kế hoạch đồ án** | Theo Bộ môn sắp xếp | -Thao tác theo hướng dẫn | Các hoạt động, nội dung đồ án được triển khai | A1.3  A1.4 | CLO  4.2 |
| **5** | **Báo cáo tiến độ** |  | Viết, trình bày tiến độ đồ án với GV hướng dẫn | Báo cáo tiến độ đồ án | A2.1 | CLO 3.1 |
| **6 -9** | Triển khai đồ án | Theo Bộ môn sắp xếp | Viết các phần theo nội dung của 1 dự án | Triển khai và hoàn thành sản phẩm, kết quả đồ án | A2.1 | CLO 3.1, 3.2, 4.2, |
| **10** | **Viết và hoàn thiện báo cáo đồ án**  **Phỏng vấn đồ án** | Theo lịch của Nhà trường, | -Viết và hoàn thành đồ án | Báo cáo, sản phẩm đồ án | A2.1, A2.2 | CLO1.1, 2.2, 4.1, 4.2 |

**8. Nhiệm vụ của người học**

***8.1. Phần tự học***

- Nghiên cứu tài liệu, xem các slide/video/website.

- Chủ động tìm các nguồn tài liệu khác liên quan đến nội dung học phần.

- Thảo luận, trao đổi những vấn đề liên quan đến học phần với bạn học/cựu sinh viên/cán bộ tại đơn vị trải nghiệm hoặc các nguồn lực hỗ trợ khác.

- Hoàn thành các bài tập được giao trên LMS.

***8.2. Phần học trên lớp trực tiếp hoặc online với giảng viên***

- Dự lớp ≥ 80% tổng thời lượng của học phần.

- Chủ động, tích cực trong giờ học.

- Phát hiện, đưa ra câu hỏi hoặc vấn đề liên quan đến nội dung học tập.

***8.3. Làm việc nhóm, thực hiện đồ án môn học***

- Tham gia xây dựng kế hoạch hoạt động của nhóm.

- Tôn trọng ý kiến và chịu trách nhiệm về kết quả làm việc chung.

- Hoàn thành đầy đủ nhiệm vụ và sản phẩm dự án được giao.

**9. Ngày phê duyệt:**

**10. Cấp phê duyệt:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **KT. HIỆU TRƯỞNG**  **PHÓ HIỆU TRƯỞNG** | **VIỆN TRƯỞNG**  **TS. Nguyễn Đình Vinh** | **TRƯỞNG BỘ MÔN**  **TS. Lê Minh Hải** |

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH**  **VIỆN NÔNG NGHIỆP VÀ TÀI NGUYÊN**  **----------------------------** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**  **-------------------------** |

## **ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN CHI TIẾT**

## **Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế -xã hội**

**1. Thông tin tổng quát:**

***1.1. Thông tin về giảng viên***

***Giảng viên 1:* Phạm Thị Hà**

Học hàm, học vị: Thạc sĩ

Địa chỉ liên hệ: 182 Lê Duẩn, TP Vinh, Nghệ An

Điện thoại, email: hapt@vinhuni.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Quy hoạch tổng thể phát triển KT-XH, bản đồ, GIS, viễn thám, trắc địa, quy hoạch sử dụng đất, bất động sản

***Giảng viên 2:* Trần Đình Du**

Học hàm, học vị: Tiến sĩ

Địa chỉ liên hệ: 182 Lê Duẩn, TP Vinh, Nghệ An

Điện thoại, email: dutd@vinhuni.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Quy hoạch tổng thể phát triển KT-XH; Thị trường bất động sản, quy hoạch đô thị.

***1.2. Thông tin về học phần:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| - Tên học phần (tiếng Việt): **Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế -xã hội**  (tiếng Anh): Master planing Socio-economic Development | | |
| - Mã số học phần: ANR20006 | | |
| - Thuộc CTĐT ngành: **Quản lý đất đai ; Nuôi trồng thủy sản; Nông học; Quản lý TNMT; Chăn nuôi.** | | |
| - Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:  Kiến thức cơ bản  Kiến thức cơ sở ngành  Kiến thức ngành | Học phần chuyên về kỹ năng chung  Kiến thức khác | |
| - Thuộc loại học phần: Bắt buộc | Tự chọn | |
| - Số tín chỉ: | |  |
| + Số tiết lý thuyết: 30 | |  |
| + Số tiết thảo luận/bài tập: 15 | |  |
| + Số tiết thực hành: 0 | |  |
| + Số tiết tự học: 90 | |  |
| - Điều kiện đăng ký học: | |  |
| + Học phần tiên quyết: | |  |
| + Học phần học trước: Nhập môn khối ngành NLN môi trường | | Mã số: ANR20001 |
| - Yêu cầu của học phần: Thực hiện theo Quy chế đào tạo của Trường Đại học Vinh. Cụ thể:  + Thời gian tối thiểu sinh viên phải có mặt trên lớp: 80%  + Sinh viên phải tham gia vào bài tập A1.1, A1.2 (Mục 5.1) được nạp qua hệ thống LMS. + Tham gia đánh giá giữa kỳ theo yêu cầu của Đề cương.  Sinh viên đủ điều kiện dự thi kết thúc học phần khi thoả mãn đồng thời 03 điều kiện trên. | | |
| - Bộ môn phụ trách học phần: QLĐĐ/Thủy sản và chăn nuôi/ Nông học/ Quản lý TNMT  Điện thoại: Email: | | |

**2. Mô tả học phần:** Học phần Quy hoạch TTPTKTXH là học phần bắt buộc, thuộc khối kiến thức cơ sở ngành của khối ngành Nông lâm ngư, Môi trường. Học phần cung cấp những kiến thức về quy hoạch, quy hoạch phát triển KT – XH làm nền tảng cho việc nghiên cứu những kiến thức chuyên ngành như quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch phát triển các ngành kinh tế, quy hoạch bảo vệ môi trường,… và các chuyên ngành khác. Học phần cung cấp kiến thức về cơ sở lí luận của quy hoạch tổng thể; hệ thống kế hoạch hóa phát triển, nội dung và phương pháp lập quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội; trang bị cho sinh viên kĩ năng phân tích thực trạng phát triển KT – XH, phương pháp luận chứng phương án tăng trưởng GDP và chuyển dịch cơ cấu kinh tế trong quy hoạch tổng thể phát triển KT – XH.

**3. Mục tiêu học phần:**

**CO1.** Giúp người học hiểu được vai trò, nội dung của hệ thống kế hoạch hoá phát triển; nội dung và phương pháp lập quy hoạch tổng thể phát triển KT – XH cấp tỉnh.

**CO2.** Có khả năng nhận dạng được một vấn đề quản lí, hình thành giả thuyết, phác thảo vấn đề trong quy hoạch; có khả năng tổ chức làm việc nhóm và thuyết trình hiệu quả; có khả năng xác định mục tiêu và nguồn lực trong lập kế hoạch.

**CO3.** Thực hiện được các phương pháp tính toán, phân tích thực trạng phát triển KT - XH và luận chứng phương án tăng trưởng GDP trong qui hoạch tổng thể PTKTXH cấp tỉnh; áp dụng những kiến thức về quy hoạch tổng thể để giải quyết những vấn đề trong thực tiễn nghề nghiệp.

**4. Chuẩn đầu ra học phần, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá**

***4.1. Ánh xạ chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **CĐR học phần** | **Ánh xạ với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo** | | |
| PLO1.2 | PLO2.2 | PLO3.2 |
| 1.2.1 | 2.2.1 | 3.2.2 |
| CLO1.1 | 0,5 |  |  |
| CLO1.2 | 0,5 |  |  |
| CLO2.1 |  | 1,0 |  |
| CLO3.1 |  |  | 1,0 |

***4.2. Nội dung chuẩn đầu ra, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá học phần***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **CĐR học phần (CLO)** | **TĐNL CĐR**  **học phần** | **Mô tả CĐR học phần** | **Phương pháp dạy học** | **Phương pháp đánh giá** |
| **CLO1.1** | K4 | Hiểu được vai trò, nội dung của hệ thống kế hoạch hoá phát triển; Phân biệt được một số chỉ tiêu đánh giá sự phát triển kinh tế, xã hội và môi trường | Hướng dẫn  Tự học  Thuyết trình | Trắc nghiệm  Bài tập nhóm |
| **CLO1.2** | K4 | Hiểu nội dung và phương pháp lập quy hoạch tổng thể phát triển KTXH cấp tỉnh; Luận chứng phương hướng phát triển và phân bố các ngành và các lĩnh vực;Luận chứng phương án tăng trưởng GDP, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, dự báo nhu cầu lao động, đề xuất các giải pháp và các dự án ưu tiên đầu tư trong quy hoạch tổng thể cấp tỉnh | Thuyết trình  Hướng dẫn | Trắc nghiệm  Bài tập nhóm |
| **CLO2.1** | A3 | Đạo đức, trách nhiệm, thái độ hành xử chuyên nghiệp, tinh thần hợp tác trong hoạt động nghề nghiệp | Làm việc nhóm  Thuyết trình | Trắc nghiệm  Bài tập nhóm |
| **CLO3.1** | S3 | Tính toán, phân tích các vấn đề liên quan QHTTPTKTXH, thực trạng phát triển KT - XH và luận chứng phương án tăng trưởng GDP trong qui hoạch tổng thể PTKTXH cấp tỉnh | Thảo luận  Làm việc nhóm  Thuyết trình | Trắc nghiệm  Bài tập nhóm |

**5. Đánh giá học tập và các bộ tiêu chí đánh giá**

***5.1. Đánh giá học tập***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Bài đánh giá** | **Hình thức đánh giá và lưu hồ sơ** | **Công cụ đánh giá** | **CĐR học phần** | **Tỷ lệ cho bài đánh giá** | **Tỷ lệ**  **cho học phần** |
| **A1. Đánh giá quá trình** | |  |  |  | **50%** |
| A1.1. | - Bài tập nhóm; nhóm SV nạp báo cáo quá LMS; GV đánh giá và lưu hồ sơ | Rubric 1 | CLO2.1 | 40% | 10% |
| CLO3.1 | 60% |
| A1.2 | - Bài tập nhóm; nhóm SV nạp báo cáo quá LMS; GV đánh giá và lưu hồ sơ | Rubric 1 | CLO2.1 | 40% | 10% |
| CLO3.1 | 60% |
| A1.3 | - Bài thi trắc nghiệm; TT Đảm bảo chất lượng tổ chức thi và lưu hồ sơ | Đáp án | CLO1.1 | 30% | 30% |
| CLO1.2 | 40% |
| CLO3.1 | 30% |
| **A2. Đánh giá cuối kỳ** | |  |  |  | **50%** |
| A2.1 | - Bài thi trắc nghiệm; TT Đảm bảo chất lượng tổ chức thi và lưu hồ sơ | Đáp án | CLO1.1 | 30% | 50% |
| CLO1.2 | 40% |
| CLO3.1 | 30% |
| **Công thức tính điểm tổng kết:**  **Điểm TKHP = A1.1 \*0,1+A1.2\*0,1+A1.3\*0,3+A2.1\*0.5** | | | | | | |

***5.2. Các bộ tiêu chí đánh giá***

**Rubric 1 : Đánh giá bài A1.1, A1.2**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **CĐR** | **Tiêu chí đánh giá** | **Trọng số bài A1.1, A1.2** | **Mức độ đánh giá** | | | | |
| **A** | **B** | **C** | **D** | **F** |
| **8.5 - 10** | **7.0 - 8.4** | **5.5 - 6.9** | **4,0 -5,4** | **< 4,0** |
| **CLO2.1.** Đạo đức, trách nhiệm, thái độ hành xử chuyên nghiệp, tinh thần hợp tác trong hoạt động nghề nghiệp | Ý thức, trách nhiệm khi tham gia hoạt động nghề nghiệp | **20** | Ý thức, trách nhiệm cao khi tham gia hoạt động nghề nghiệp | Ý thức, trách nhiệm khá cao khi tham gia hoạt động nghề nghiệp | Ý thức, trách nhiệm khá khi tham gia hoạt động nghề nghiệp | Ý thức, trách nhiệm khi tham gia hoạt động nghề nghiệp đang còn thấp | Ý thức, trách nhiệm thấp hoặc không có khi tham gia hoạt động nghề nghiệp |
| Mức độ tham gia hoạt động học tập, nghề nghiệp | **20** | Tham gia hoạt động học tập, nghề nghiệp với tần suất cao | Tham gia hoạt động học tập, nghề nghiệp tần suất khá cao | Tham gia hoạt động học tập, nghề nghiệp | Tham gia hoạt động học tập, nghề nghiệp tần suất thấp | Không tham gia hoạt động học tập, nghề nghiệp |
| **CLO3.1.** Tính toán, phân tích các vấn đề liên quan QHTTPTKTXH, thực trạng phát triển KT - XH và luận chứng phương án tăng trưởng GDP trong qui hoạch tổng thể PTKTXH cấp tỉnh. | **Nội dung, trình tự bài báo cáo nhóm** | **30** | Chủ đề trình bày liên quan và có trọng tâm - Nội dung phù hợp và chính xác. Chủ đề trình bày liên quan và có trọng tâm - Phân tích tính toán đúng, lập luận logic các yêu cầu đặt ra. | Chủ đề trình bày  liên quan và có trọng tâm  - Nội dung có một số phần chưa chính xác  - Phân tích tính toán, lập luận các yêu cầu đặt ra một số phần chưa chính xác | Chủ đề trình bày liên quan và có trọng tâm  - Nội dung có nhiều phần chưa chính xác  - Phân tích tính toán, lập luận các yêu cầu đặt ra nhiều phần chưa chính xác | Chủ đề trình bày không trọng tâm  - Nội dung có nhiều phần chưa chính xác  -Phân tích tính toán, lập luận các yêu cầu đặt ra nhiều phần chưa chính xác | Chủ đề trình bày không trọng tâm, không liên quan  - Nội dung có nhiều phần chưa chính xác  -Phân tích tính toán, lập luận các yêu cầu đặt ra rất nhiều phần chưa chính xác |
| **Hình thức bài báo cáo nhóm** | 10 | -Slide trình bày với bố cục rõ ràng, hợp lý  - Trình bày các thuật ngữ, hình ảnh, bảng biểu, sơ đồ, công thức tính toán logic dễ hiểu | Slide trình bày  các thuật ngữ, hình  ảnh, bảng biểu, sơ đồ, công thức tính toán phù hợp | Slide trình bày phù hợp. Trình bày hình ảnh, bảng biểu, sơ đồ, công thức tính toán phù hợp  - Dùng một số thuật ngữ khó hiểu, đưa nhiều nội dung vào slide. | Slide trình bày phù hợp  Sử dụng một số hình ảnh, bảng biểu, sơ đồ, công thức tính toán không liên quan  - Dùng một số thuật ngữ khó hiểu, đưa nhiều nội dung vào slide | Slide không đảmbảo chất lượng theo yêu cầu |
|  | **Trả lời câu hỏi** | 20 | Biết phân tích và trả lời đầy đủ, ngắn gọn liên quan trực tiếp đến câu hỏi  - Tự tin khi trả lời | Trả lời ngắn gọn và phù hợp  - Tự tin khi trả lời | Câu trả lời tập trung  vào câu hỏi  - Hơi thiếu tự tin khi trả lời | Câu trả lời không rõ  ràng, ít liên quan đến  câu hỏi  - Thiếu tự tin khi trả  lời | Không trả lời được bất kỳ câu hỏi nào hoặc trả lời sai |

**6. Tài liệu học tập**

***6.1. Giáo trình:***

[1]. Nguyễn Thị Trang Thanh (chủ biên). *Giáo trình Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội.* NXB Đại học Vinh, 2018.

[2] Ngô Thắng Lợi. *Giáo trình* *Kế hoạch hoá phát triển*. Trường Đại học Kinh tế Quốc dân. NXB Thống kê. Hà Nội, 2008.

[3] Ngô Doãn Vịnh. *Quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, một số vấn đề lí luận và thực tiễn.* NXB Chính trị Quốc gia. Hà Nội, 2005.

***6.2. Tài liệu tham khảo:***

[4] Chính phủ. *Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07/9/2006 của Chính phủ về Lập, phê duyệt và quản lí quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội*. Năm 2006.

[5] Chính phủ. *Nghị định số 04/2008/NĐ-CP ngày 11/01/2008 của Chính phủ về Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07/9/2006 của Chính phủ về Lập, phê duyệt và quản lí quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội*. Năm 2008.

[6]. Quốc hội Nước CHXHCN Việt Nam. *Luật Quy hoạch Số 21/2017QH14.* 2017

**7. Kế hoạch dạy học**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tuần/buổi** | **Nội dung** | **Hình thức tổ chức dạy học** | **Yêu cầu SV chuẩn bị** | **CĐR học phần** | **Bài đánh giá** |
| **Chương 1. Đối tượng, nội dung và phương pháp nghiên cứu quy hoạch TTPTKTXH** | | | | | |
| 1 | 1.1. Khái niệm về quy hoạch tổng thể phát triển KT-XH  1.2. Vai trò của quy hoạch tổng thể phát triển KT – XH  1.3. Đối tượng nghiên cứu môn học  1.4. Nội dung nghiên cứu  1.5. Một số chỉ tiêu đánh giá sự phát triển kinh tế - xã hội  1.6. Phương pháp nghiên cứu quy hoạch TTPTKTXH | **GV:**  - Cung cấp đề cương chi tiết môn học; Giới thiệu môn học; phương pháp giảng dạy và học tập; phương pháp đánh giá  - Giảng bàikết hợp trình chiếu Slide  - Phát vấn**:** Khái niệm về quản lí, chức năng của quản lí?  - Hướng dẫn tự học và yêu cầu vở tự học.  **SV tự học:**  Các chỉ tiêu đánh giá phát triển bền vững về kinh tế, xã hội và môi trường | - Chuẩn bị giáo trình chính và tài liệu tham khảo.  - Khái niệm về quản lí, chức năng của quản lí?  - Khái niệm về quy hoạch TT.  Đọc [2] (tr.15-101), [1] (tr.15-30)  - Một số khái niệm về cơ cấu kinh tế?  - Trình bày một số chỉ tiêu đánh giá sự phát triển kinh tế, xã hội | CLO 1.1  CLO 1.2 | A1.3  A2.1 |
| **Chương 2. Cơ sở lí luận của quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội** | | | | | |
| 2 | 2.1. Kế hoạch hóa phát triển trong nền kinh tế thị trường  2.1.1. Khái niệm và vai trò  2.1.2. Bản chất của kế hoạch hoá  2.1.3. Chức năng và nguyên tắc chủ yếu của kế hoạch hoá phát triển | **GV:** Giới thiệu mục tiêu, nội dung của bài  **SV:**  - Hoạt động theo cặp (2 hoặc 3 SV) trao đổi những nội dung đã chuẩn bị (phần tự học)  - Lên trình bày những phần theo yêu cầu của GV.  - Nhận xét, nêu câu hỏi với những phần bạn trình bày.  GV: Nhận xét phần trình bày của SV;  - Đưa ra một số vấn đề SV chưa đề cập đến;  - Tóm tắt những nội dung chính của bài.  - Trả lời những phần SV hỏi. | Đọc [1] (tr. 32-59) và chuẩn bị:  - Khái niệm và vai trò của hệ thống kế hoạch hoá phát triển?  - Bản chất và chức năng cơ bản của kế hoạch? | CLO 1.1  CLO 1.2 | A1.3  A2.1 |
| 3 | 2.2. Hệ thống kế hoạch hóa phát triển  2.2.1. Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội  2.2.2. Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội  2.2.3. Các chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội | **GV:** Giới thiệu mục tiêu, nội dung của bài  **SV:**  - Hoạt động theo cặp (2 hoặc 3 SV) trao đổi những nội dung đã chuẩn bị (phần tự học)  - Lên trình bày những phần theo yêu cầu của GV.  - Nhận xét, nêu câu hỏi với những phần bạn trình bày.  GV: Nhận xét phần trình bày của SV;  - Đưa ra một số vấn đề SV chưa đề cập đến;  - Tóm tắt những nội dung chính của bài.  - Trả lời những phần SV hỏi.  **Tự học:**  Tìm hiểu 1 chương trình, dự án phát triển KT – Xh | Đọc [1] (tr. 32-59)  và chuẩn bị:  - Khái niệm, nội dung và đặc trưng cơ bản của chiến lược phát triển KT – XH?  - Khái niệm, nội dung và đặc trưng cơ bản của kế hoạch phát triển KT – XH?  - Khái niệm, chức năng của chương trình, dự án phát triển KT – XH? | CLO 1.1  CLO 1.2 | A1.3  A2.1 |
| 4 | 2.3. Khái quát về quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội  2.3.1. Đặc điểm của quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội  2.3.2. Yêu cầu cơ bản của quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội  2.3.3. Nguyên tắc chung QHTTPTKTXH  2.3.4. Nội dung tổng quát của QHTTPTKTXH  2.3.5. Quy trình lập quy hoach tổng thể PTKTXH  2.3.6. Mối quan hệ giữa QHTTPTKTXH với các loại hình quy hoạch khác | **GV:** Giới thiệu mục tiêu, nội dung của bài  **SV:**  - Hoạt động theo cặp (2 hoặc 3 SV) trao đổi những nội dung đã chuẩn bị (phần tự học)  - Lên trình bày những phần theo yêu cầu của GV.  - Nhận xét, nêu câu hỏi với những phần bạn trình bày.  GV: Nhận xét phần trình bày của SV;  - Đưa ra một số vấn đề SV chưa đề cập đến;  - Trả lời những phần SV hỏi.  - Tóm tắt những nội dung chính của bài.  **GV:** Tổ chức nhóm (mỗi nhóm từ 6 – 8 SV); Giao chuẩn bị phần thảo luận tuần tới.  **Tự học:**  Tìm hiểu hệ thống bản đồ trong quy hoạch tổng thể phát triển KT –XH | Đọc [1] (tr. 60-80), [2],[3] và chuẩn bị:  - Phân tích đặc trưng và nguyên tắc của quy hoạch tổng thể PT KT – XH? So sánh với chiến lược phát triển KT – XH?  - Nội dung tổng quát của quy hoạch TT PT KT – XH cấp vùng, tỉnh, huyện?  - So sánh nội dung của quy hoạch TT cấp vùng, tỉnh, huyện? | CLO 1.2  CLO 2.1 | A1.3  A2.1 |
| 5 | 1. So sánh sự khác nhau giữa kế hoạch phát triển KT - XH và chiến lược phát triển KT - XH.  2. Phân tích Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam đến năm 2020  3. Phân tích Quy hoạch TTPTKTXH, Kế hoạch phát triển KT – XH của 1 tỉnh, Chương trình, dự án phát triển KT – XH. | **GV:** Giới thiệu mục tiêu, nội dung của buổi học.  **SV:**  - Làm việc theo nhóm, thống nhất nội dung báo cáo theo bài đã chuẩn bị trước (20 phút)  - Mỗi nhóm cử 1 đại diện lên trình bày (10 phút)  - Các nhóm khác bổ sung, góp ý, phát vấn, nhận xét.  - Đánh giá bài làm của nhóm khác theo tiêu chí đưa ra (tiêu chí ở phần đánh giá)  GV:  - Nhận xét kết quả làm việc của các nhóm.  - Tổng kết nội dung, yêu cầu đạt được của các nhóm.  - Đánh giá kết quả làm việc của nhóm theo các tiêu chí đưa ra.  **Tự học:**  Hoàn thiện bài báo cáo theo góp ý vào vở tự học | - Mỗi nhóm chuẩn bị 1 vấn đề sau:  1. Tìm hiểu Chiến lược phát triển KT –XH của VN đến năm 2020  2. Tìm hiểu 1 quy hoạch TTPTKTXH của 1 tỉnh.  3. Tìm hiểu kế hoạch phát triển KT – XH giai đoạn 2016 – 2020 của 1 tỉnh.  4. Tìm hiểu 01 chương trình, dự án phát triển KT –XH.  - SV chuẩn bị bài thảo luận ở nhà. | CLO 1.2  CLO 2.1 | A1.3  A2.1 |
| **Chương 3. Nội dung và phương pháp phân tích tiềm năng, thực trạng phát triển KT – XH trong quy hoạch tổng thể PTKT – XH cấp tỉnh** | | | | | |
| 6 | 3.1. Những quy định chung trong lập quy hoạch tổng thể cấp tỉnh  3.1.1. Nguyên tắc  3.1.2. Mục đích, yêu cầu  3.1.3. Căn cứ  3.1.4. Nội dung tổng quát và trình tự lập quy hoạch TT cấp tỉnh  3.2. Phân tích tiềm năng, thế mạnh, lợi thế so sánh  3.2.1. Phân tích, đánh giá vị trí địa lý và địa thế của tỉnh  3.2.2. Phân tích, đánh giá tiềm năng và khả năng khai thác các tài nguyên thiên nhiên 3.2.3. Phân tích, đánh giá nguồn nhân lực 3.2.4. Phân tích về cơ sở vật chất đã tạo dựng và khả năng phát huy | **GV:** Giới thiệu mục tiêu, nội dung của bài  **SV:**  - Hoạt động theo cặp (2 hoặc 3 SV) trao đổi những nội dung đã chuẩn bị (phần tự học)  - Lên trình bày những phần theo yêu cầu của GV.  - Nhận xét, nêu câu hỏi với những phần bạn trình bày.  GV: Nhận xét phần trình bày của SV;  - Đưa ra một số vấn đề SV chưa đề cập đến;  - Trả lời những phần SV hỏi.  - Tóm tắt những nội dung chính của bài.  **Tự học:**  Nội dung phân tích đánh giá dân số, đặc điểm dân cư, dân tộc trong QHTT? | Đọc [2] (tr. 114-133) và chuẩn bị:  Nội dung chủ yếu trong phân tích tiềm năng, thế mạnh, lợi thế so sánh trong quy hoạch TT? | CLO 1.2  CLO 2.1  CLO 3.1 | A1.2  A1.3  A2.1 |
| 7 | 3.3. Phân tích thực trạng phát triển kinh tế - xã hội  3.3.1. Phân tích tăng trưởng kinh tế  3.3.2. Phân tích cơ cấu kinh tế và chuyển dịch cơ cấu kinh tế  3.3.3. Phân tích về xuất khẩu và độ mở của nền kinh tế  3.3.4. Phân tích thực trạng đầu tư phát triển và hiệu quả sử dụng vốn | **GV:** Giới thiệu mục tiêu, nội dung của bài  **SV:**  - Hoạt động theo cặp (2 hoặc 3 SV) trao đổi những nội dung đã chuẩn bị (phần tự học)  - Lên trình bày những phần theo yêu cầu của GV.  - Nhận xét, nêu câu hỏi với những phần bạn trình bày.  GV: Nhận xét phần trình bày của SV;  - Đưa ra một số vấn đề SV chưa đề cập đến;  - Trả lời những phần SV hỏi.  - Tóm tắt những nội dung chính của bài.  **Tự học:**  Tìm hiểu thực trạng phát triển kinh tế - xã hội của 1 tỉnh trong QHTT. | Đọc [2] (tr. 144-153) và chuẩn bị:  Nội dung và phương pháp phân tích thực trạng phát triển KT – XH trong quy hoạch TT? | CLO 1.2  CLO 2.1  CLO 3.1 | A1.2  A1.3  A2.1 |
| 8 | 3.3.5. Phân tích trình độ công nghệ  3.3.6. Phân tích tình trạng và trình độ phát triển các ngành và lĩnh vực sản xuất  3.3.7. Hiện trạng phát triển các lĩnh vực xã hội  3.3.8. Phân tích hệ thống kết cấu hạ tầng  3.3.9. Vấn đề môi trường  3.3.10. Vấn đề an ninh - quốc phòng  3.3.11. Những biện pháp đã thực thi trong giai đoạn trước | **GV:** Giới thiệu mục tiêu, nội dung của bài  **SV:**  - Hoạt động theo cặp (2 hoặc 3 SV) trao đổi những nội dung đã chuẩn bị (phần tự học)  - Lên trình bày những phần theo yêu cầu của GV.  - Nhận xét, nêu câu hỏi với những phần bạn trình bày.  GV: Nhận xét phần trình bày của SV;  - Đưa ra một số vấn đề SV chưa đề cập đến;  - Trả lời những phần SV hỏi.  - Tóm tắt những nội dung chính của bài.  **Tự học:**  Vấn đề an ninh – quốc phòng, vấn đề môi trường trong QHTT? | Đọc [2] (tr. 134-149) và chuẩn bị:  - Nội dung phân tích hiện trạng phát triển các ngành sản xuất?  - Nội dung phân tích hiện trạng phát triển các lĩnh vực xã hội?  - Phương pháp phân tích hiện trạng các lĩnh vực phát triển xã hội? | CLO 1.2  CLO 2.1 | A1.2  A1.3  A2.1 |
| 9 | 3.4. Phân tích hạn chế và thách thức phát triển  3.4.1. Hạn chế  3.4.2. Thách thức  3.4. Phân tích ảnh hưởng của bối cảnh trong nước và quốc tế  3.4.1. Bối cảnh trong nước  3.4.2. Bối cảnh quốc tế | **GV:** Giới thiệu mục tiêu, nội dung của bài  **SV:**  - Hoạt động theo cặp (2 hoặc 3 SV) trao đổi những nội dung đã chuẩn bị (phần tự học)  - Lên trình bày những phần theo yêu cầu của GV.  - Nhận xét, nêu câu hỏi với những phần bạn trình bày.  GV: Nhận xét phần trình bày của SV;  - Đưa ra một số vấn đề SV chưa đề cập đến;  - Trả lời những phần SV hỏi.  - Tóm tắt những nội dung chính của bài.  **Tự học:**  Vai trò của mục tiêu phát triển KT – XH của cả nước, của vùng đối với việc xác định mục tiêu phát triển KT – XH của tỉnh trong giai đoạn QH? | Đọc [2] (tr. 150– 161) và chuẩn bị:  - Nội dung phân tích hạn chế và thách thức trong QHTT?  - Nội dung phân tích ảnh hưởng của bối cảnh trong nước và quốc tế trong QHTT?  **-** Thế nào là hạn chế, thách thức trong phát triển KT - XH? | CLO 1.2  CLO 2.1 | A1.2  A1.3  A2.1 |
| 10 | Xử lí số liệu và phân tích thực trạng phát triển kinh tế của 1 tỉnh trong giai đoạn 10 năm (so sánh với Việt Nam) theo các yêu cầu sau:  1. Tốc độ phát triển kinh tế, tốc độ phát triển các ngành kinh tế  2. Cơ cấu kinh tế và chuyển dịch cơ cấu kinh tế  3. Thu nhập bình quân đầu người  4. Năng suất lao động phân theo ngành kinh tế và tốc độ tăng năng suất lao động  5. Thực trạng xuất nhập khẩu và độ mở của nền kinh tế  6. Thực trạng thu hút vốn đầu tư và hiệu quả sử dụng vốn đầu tư | **GV:** Giới thiệu mục tiêu, nội dung của buổi học.  **SV:**  - Làm việc theo nhóm, thống nhất nội dung báo cáo theo bài đã chuẩn bị trước (20 phút)  - Mỗi nhóm cử 1 đại diện lên trình bày (10 phút)  - Các nhóm khác bổ sung, góp ý, phát vấn, nhận xét.  - Đánh giá bài làm của nhóm khác theo tiêu chí đưa ra (tiêu chí ở phần đánh giá)  GV:  - Nhận xét kết quả làm việc của các nhóm.  - Tổng kết nội dung, yêu cầu đạt được của các nhóm.  - Đánh giá kết quả làm việc của nhóm theo các tiêu chí đưa ra.  **Tự học:**  Hoàn thiện bài báo cáo theo góp ý vào vở tự học. | - SV xử lí số liệu và phân tích thực trạng phát triển KT – XH của 1 tỉnh cụ thể (GV cho số liệu trước).  - SV chuẩn bị bài ở nhà (cá nhân). | CLO 1.2  CLO 2.1  CLO 3.1 | A1.2  A1.3  A2.1 |
| **Chương 4. Nội dung và phương pháp luận chứng phương án tăng trưởng GDP, đề xuất các giải pháp trong quy hoạch TTPTKT – XH cấp tỉnh** | | | | | |
| 11 | 4.1. Luận chứng phương hướng phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh  4.1.1. Xác định quan điểm, mục tiêu phát triển  4.1.2. Luận chứng các phương án tăng trưởng GDP | **GV:** Giới thiệu mục tiêu, nội dung của bài  **SV:**  - Hoạt động theo cặp (2 hoặc 3 SV) trao đổi những nội dung đã chuẩn bị (phần tự học)  - Lên trình bày những phần theo yêu cầu của GV.  - Nhận xét, nêu câu hỏi với những phần bạn trình bày.  GV: Nhận xét phần trình bày của SV;  - Đưa ra một số vấn đề SV chưa đề cập đến;  - Trả lời những phần SV hỏi.  - Tóm tắt những nội dung chính của bài.  **Tự học:**  Cách tiếp cận luận chứng phương án tăng trưởng GDP từ tiềm năng? | Đọc [2] (tr. 265-276) và chuẩn bị:  - Nội dung và phương pháp luận chứng phương án tăng trưởng GDP trong quy hoạch TT? | CLO 1.2  CLO 2.1  CLO 3.1 | A1.2  A1.3  A2.1 |
| 12 | 4.2. Luận chứng phương hướng phát triển và phân bố các ngành và các lĩnh vực  4.2.1. Ngành nông, lâm, ngư nghiệp  4.2.2. Ngành công nghiệp  4.2.3. Ngành dịch vụ  4.3. Phương hướng phát triển các lĩnh vực xã hội | **GV:** Giới thiệu mục tiêu, nội dung của bài  **SV:**  - Hoạt động theo cặp (2 hoặc 3 SV) trao đổi những nội dung đã chuẩn bị (phần tự học)  - Lên trình bày những phần theo yêu cầu của GV.  - Nhận xét, nêu câu hỏi với những phần bạn trình bày.  GV: Nhận xét phần trình bày của SV;  - Đưa ra một số vấn đề SV chưa đề cập đến;  - Trả lời những phần SV hỏi.  - Tóm tắt những nội dung chính của bài.  **Phát vấn:**  Nội dung luận chứng phương hướng phát triển các lĩnh vực xã hội? | Đọc [2] (tr. 265-276) và chuẩn bị:  - Nội dung luận chứng phương hướng phát triển và phân bố các ngành sản xuất?  - Nội dung luận chứng phương hướng phát triển các lĩnh vực xã hội? | CLO 1.2  CLO 2.1  CLO 3.1 | A1.2  A1.3  A2.1 |
| 13 | 4.4. Quy hoạch phát triển không gian (quy hoạch vùng lãnh thổ)  4.4.1.Quy hoạch phát triển không gian chung (phân bố lãnh thổ)  4.4.2. Tổ chức lãnh thổ hệ thống đô thị và khu công nghiệp  4.4.3. Tổ chức lãnh thổ khu vực nông thôn  4.4.4. Quy hoạch các lãnh thổ đặc biệt (kém phát triển, động lực,..)  4.5. Quy hoạch phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng  4.6. Định hướng quy hoạch sử dụng đất | **GV:** Giới thiệu mục tiêu, nội dung của bài  **SV:**  - Hoạt động theo cặp (2 hoặc 3 SV) trao đổi những nội dung đã chuẩn bị (phần tự học)  - Lên trình bày những phần theo yêu cầu của GV.  - Nhận xét, nêu câu hỏi với những phần bạn trình bày.  GV: Nhận xét phần trình bày của SV;  - Đưa ra một số vấn đề SV chưa đề cập đến;  - Trả lời những phần SV hỏi.  - Tóm tắt những nội dung chính của bài.  **Tự học:**  Định hướng quy hoạch sử dụng đất trong QHTT? | Đọc [2] (tr. 277-280) và chuẩn bị:  - Nội dung quy hoạch phát triển không gian trong quy hoạch TT? | CLO 1.2  CLO 2.1  CLO 3.1 | A1.2  A1.3  A2.1 |
| 14 | 4.7. Luận chứng danh mục dự án ưu tiên đầu tư  4.7.1. Xác định bước đi theo giai đoạn 5 năm phát triển kinh tế xã hội  4.7.2. Xác định chương trình và dự án đầu tư triển khai xây dựng theo từng giai đoạn  4.8. Luận chứng bảo vệ môi trường  4.9. Xác định các giải pháp chủ yếu nhằm thực hiện mục tiêu quy hoạch  4.10. Thể hiện phương án quy hoạch lên bản đồ | **GV:** Giới thiệu mục tiêu, nội dung của bài  **SV:**  - Hoạt động theo cặp (2 hoặc 3 SV) trao đổi những nội dung đã chuẩn bị (phần tự học)  - Lên trình bày những phần theo yêu cầu của GV.  - Nhận xét, nêu câu hỏi với những phần bạn trình bày.  GV: Nhận xét phần trình bày của SV;  - Đưa ra một số vấn đề SV chưa đề cập đến;  - Trả lời những phần SV hỏi.  - Tóm tắt những nội dung chính của bài.  **Tự học:**  Nội dung và kí hiệu thể hiện trên bản đồ quy hoạch tổng thể PT KT –XH cấp tỉnh? | Đọc [2] (tr. 280-288) và chuẩn bị:  - Tiêu chí để xác định dự án ưu tiên đầu tư?  - Nội dung các giải pháp thực hiện quy hoạch? | CLO 1.2  CLO 2.1  CLO 3.1 | A1.2  A1.3  A2.1 |
| 15 | 1. Luận chứng phương án tăng trưởng GDP và chuyển dịch cơ cấu kinh tế của 1 tỉnh cụ thể trong quy hoạch tổng thể.  2. Dự báo nhu cầu lao động của 1 tỉnh trong quy hoạch tổng thể. | **GV:** Giới thiệu mục tiêu, nội dung của buổi học.  **SV:**  - Làm việc theo nhóm, thống nhất nội dung báo cáo theo bài đã chuẩn bị trước (20 phút)  - Mỗi nhóm cử 1 đại diện lên trình bày (10 phút)  - Các nhóm khác bổ sung, góp ý, phát vấn, nhận xét.  - Đánh giá bài làm của nhóm khác theo tiêu chí đưa ra (tiêu chí ở phần đánh giá)  GV:  - Nhận xét kết quả làm việc của các nhóm.  - Tổng kết nội dung, yêu cầu đạt được của các nhóm.  - Đánh giá kết quả làm việc của nhóm theo các tiêu chí đưa ra.  **Tự học:**  Hoàn thiện bài báo cáo theo góp ý vào vở tự học | - SV xử lí số liệu và phương án tăng trưởng GDP của 1 tỉnh cụ thể (GV cho số liệu trước).  - Dự báo nhu cầu lao động của 1 tỉnh.  - SV chuẩn bị bài ở nhà (cá nhân). | CLO 2.1  CLO 3.1 | A1.2  A1.3  A2.1 |

**8. Nhiệm vụ của người học**

***8.1. Phần tự học***

- Nghiên cứu tài liệu, xem các slide/video/website.

- Chủ động tìm các nguồn tài liệu khác liên quan đến nội dung học phần.

- Thảo luận, trao đổi những vấn đề liên quan đến học phần với bạn học/cựu sinh viên/cán bộ tại đơn vị trải nghiệm hoặc các nguồn lực hỗ trợ khác.

- Hoàn thành các bài tập được giao trên LMS.

***8.2. Phần học trên lớp trực tiếp hoặc online với giảng viên***

- Dự lớp ≥ 80% tổng thời lượng của học phần.

- Chủ động, tích cực trong giờ học.

- Phát hiện, đưa ra câu hỏi hoặc vấn đề liên quan đến nội dung học tập.

**9. Ngày phê duyệt:**

**10. Cấp phê duyệt:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **KT. HIỆU TRƯỞNG**  **PHÓ HIỆU TRƯỞNG** | **VIỆN TRƯỞNG**  **TS. Nguyễn Đình Vinh** | **TRƯỞNG BỘ MÔN**  **TS. Lê Minh Hải** |

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH**  **VIỆN KỸ THUẬT VÀ CÔNG NGHỆ** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

## **ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN CHI TIẾT**

## **Tin học ứng dụng trong Nông Lâm Ngư và Môi trường**

**1. Thông tin tổng quát:**

***1.1. Thông tin về giảng viên***

**Giảng viên 1:**

Họ và tên: Cao Thanh Sơn

Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Tiến sĩ

Địa đi Viện Nghiên cứu và Đào tạo trực tuyến, Trường ĐH Vinh

Địa chỉ: 182 Lê Duẩn, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An

Email: sonct@vinhuni.edu.vn

Các hướng nghiên Cơ sở dữ liệu suy diễn; Lập trình logic; Web ngữ nghĩa

**Giảng viên 2:**

Họ và tên: Phan Anh Phong

Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên chính, Tiến sĩ

Địa điểm làm việc: Viện Kỹ thuật và Công nghệ, Trường ĐH Vinh

Địa chỉ: 182 Lê Duẩn, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An

Email: phongpa@vinhuni.edu.vn

Các hướng nghiê Cơ sở dữ liệu; Logic mờ

**Giảng viên 3:**

Họ và tên: Võ Đức Quang

Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Thạc sĩ

Địa điểm làm việc: Viện Nghiên cứu và Đào tạo trực tuyến, Trường ĐH Vinh

Địa chỉ: 182 Lê Duẩn, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An

Email: quangvd@vinhuni.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Trí tuệ nhân tạo, xử lý thông tin mờ

***1.2. Thông tin về học phần:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| - Tên học phần (tiếng Việt): **Tin học ứng dụng trong Nông lâm ngư và Môi trường**  (tiếng Anh): Applied Informatics in Agriculture-Forestry-Fisheries and  Environment | | |
| - Mã số học phần: INF20003 | | |
| - Thuộc CTĐT ngành: Chăn nuôi, Nuôi trồng thủy sản, Quản lý tài nguyên môi trường, Quản lý đất đai, Nông học | | |
| - Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:  ☑ Kiến thức cơ bản  Kiến thức cơ sở ngành  Kiến thức ngành | Học phần chuyên về kỹ năng chung  Kiến thức khác | |
| - Thuộc loại học phần: ☑ Bắt buộc | Tự chọn | |
| - Số tín chỉ: | |  |
| + Số tiết lý thuyết: 30 | |  |
| + Số tiết thảo luận/bài tập: 0 | |  |
| + Số tiết thực hành: 15 | |  |
| + Số tiết tự học: 90 | |  |
| - Điều kiện đăng ký học: Không | |  |
| + Học phần tiên quyết: | | Mã số HP: |
| + Học phần học trước: | | Mã số HP: |
| - Yêu cầu của học phần: Thực hiện theo Quy chế đào tạo của Trường ĐH Vinh. Cụ thể:  + Thời gian tối thiểu sinh viên phải có mặt trên lớp: 80% tổng thời lượng của học phần.  + Sinh viên phải xem bài giảng trên LMS, nộp đầy đủ bài tập. | | |
| - Khoa phụ trách học phần: Viện Kỹ thuật và Công nghệ  Điện thoại: Email: | | |

**2. Mô tả học phần**

Học phần nhằm trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về máy tính; hướng dẫn sử dụng hệ điều hành Windows; hướng dẫn soạn thảo văn bản bằng phần mềm Microsoft Word và tạo bài trình chiếu bằng phần mềm Microsoft PowerPoint. Học phần còn trang bị cho sinh viên cách sử dụng một số phần mềm thông dụng để phân tích dữ liệu thống kê như Microsoft Excel, SPSS.

**3. Mục tiêu học phần**

**Sinh viên sau khi học xong học phần này có khả năng:** Nhận biết cấu trúc, vai trò và khả năng ứng dụng của máy tính; Trình bày văn bản hành chính và bài trình chiếu; Tính toándựa trên số liệu và kết xuất kết quả trong Excel;Phân tích dữ liệu thống kê với các phần mềm thông dụng.

**4. Chuẩn đầu ra học phần, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá**

***4.1. Ánh xạ chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **CĐR học phần** | **Ánh xạ với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo** | | | |
|  | PLO1.1 | PLO2.1 | PLO2.2 | PLO3.2 |
|  | 1.1.3 | 2.1.1 | 2.2.2 | 3.2.1 |
| CLO1 | ✓ |  |  |  |
| CLO2 |  | ✓ |  |  |
| CLO3 |  |  | ✓ |  |
| CLO4 |  |  |  | ✓ |

***4.2. Nội dung chuẩn đầu ra, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá học phần***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **CĐR học phần (CLO)** | **TĐNL CĐR**  **học phần** | **Mô tả CĐR học phần** | **Phương pháp dạy học** | **Phương pháp đánh giá** |
| CLO1 | K3 | *Thực hiện* các thao tác cơ bản trong hệ điều hành Windows và các phần mềm thông dụng | Thuyết trình, bài tập, tự học | Trắc nghiệm, vấn đáp |
| CLO2 | S3 | *Vận dụng* một số công cụ và các phương pháp thống kê để phân tích dữ liệu | Thuyết trình, bài tập, tự học | Trắc nghiệm, vấn đáp |
| CLO3 | A3 | *Thế hiện* thái độ tự giác, tích cực, chủ động trong việc học và quản lý thời gian, nguồn lực để thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ | Thuyết trình, bài tập, tự học | Quán sát, vấn đáp |
| CLO4 | S3 | *Trình bày* văn bản hành chính và bài trình chiếu đáp ứng công việc | Thuyết trình, bài tập, tự học | Trắc nghiệm, vấn đáp |

**5. Đánh giá học tập và các bộ tiêu chí đánh giá**

***5.1. Đánh giá học tập***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Bài đánh giá** | **Hình thức đánh giá,**  **minh chứng, lưu hồ sơ** | **Công cụ**  **đánh giá** | **CĐR học phần** | **Tỷ lệ**  **(%)** | |
| **A1. Đánh giá thường xuyên** | | | | | **50%** | |
| A1.1 | Chuyên cần thái độ | Rubric 1 | CLO2 | 10% | |
| A1.2 | Hồ sơ học phần (bài tập) | Đáp án | CLO1,2,4 | 20% | |
| A1.3 | Bài kiểm tra thực hành | Đáp án | CLO2,4 | 20% | |
| **A2. Đánh giá cuối kỳ** | | | | | **50%** | |
|  | Bài thi thực hành | Đáp án | CLO2,4 | 50% | |
| **Công thức tính điểm tổng kết: A1.1\*0.1+A1.2\*0.2+A1.3\*0.2+A2\*0.5** | | | | | | |

***5.2. Các bộ tiêu chí đánh giá***

**Rubric 1** - Bộ tiêu chí đánh giá chuyên cần thái độ

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí đánh giá** | **Mức độ đánh giá** | | | | | **Trọng số** |
| **A**  **(8.5-10)** | **B**  **(7.0-8.4)** | **C**  **(5.5-6.9)** | **D**  **(4.0-5.4)** | **F**  **(0-3.9)** |
| **Tham gia lớp học** | - Đầy đủ, đúng giờ | - Muộn 2-3 tiết  -Vắng 1-2 tiết | - Muộn 4-5 tiết  -Vắng 3-4 tiết | - Muộn 6-7 tiết  -Vắng 5-6 tiết | Vắng học quá 20% | 30% |
| **Tham gia các hoạt động trên lớp (bài tập tại lớp, thảo luận nhóm, phát biểu, trình bày báo cáo,…)** | >5 lần | Tham gia 4-5 lần | Tham gia 2-3 lần | Tham gia 1 lần | Không tham gia | 30% |
| **Xem tương tác với các bài giảng E-Learning trên LMS** | 90-100% | 75-89% | 60-74% | 50-59% | 0-49% | 40% |

**6. Tài liệu học tập**

***6.1. Giáo trình:***

[1]. Lê Văn Minh, Các ứng dụng cơ bản của Microsoft Office, NXB Đại học Vinh, 2016.

***6.2. Tài liệu tham khảo:***

[2]. Phạm Quang Huy, Trần Tường Thụy, *Microsoft Office 2013 dành cho người bắt đầu*, NXB Thời Đại, 2014.

[3]. Hoàng Kiếm, Nguyễn Đức Thắng, Đinh Nguyễn Anh Dũng, *Giáo trình Tin học đại cương,* NXB ĐHQG TP.HCM, 2014

[4]. Nguyễn Hải Thanh, *Tin học ứng dụng trong ngành nông nghiệp*, NXB Khoa học và kỹ thuật, 2005.

[5]. Cao Thanh Sơn, Phan Anh Phong, Trần Thị Kim Oanh, Võ Đức Quang, *Bài giảng học phần Tin học ứng dụng trong NLN & MT*, 2017

**7. Kế hoạch dạy học**

**Lý thuyết:**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tuần**  **2tiết/Tuần** | **Nội dung** | **Hình thức tổ chức DH** | **Chuẩn bị của SV** | **CĐR học phần** | **Bài đánh giá** |
| 1. | **Chương 1. Máy tính, hệ điều hành Windows**  - Máy tính và tin học  - Khai thác hệ điều hành Windows | Lý thuyết: 02  - GV giới thiệu môn học, tài liệu, hình thức đánh giá, các bài kiểm tra và bài thi  - Giới thiệu các nội dung kiến thức bằng BGĐT | - Các tài liệu học tập theo yêu cầu của giáo viên  - Đọc tài liệu [1], chương 1  - SV vẽ được cấu trúc của máy tính; cấu trúc cây thư mục | CLO1 | A1.1  A1.2 |
| 2. | **Chương 1. (tiếp)**  - Một số phần mềm tiện ích thông dụng  - Khai thác các dịch vụ cơ bản trên Internet  - Một số ứng dụng phổ biến của tin học trong NLN & MT | Lý thuyết: 02  - GV yêu cầu vẽ cấu trúc cây thư mục  - GV yêu cầu liệt kê các dịch vụ Internet mà sinh viên đã biết  - Tổng kết các câu trả lời từ sinh viên  - Trình bày nội dung bài mới thông qua BGĐT | - SV thực hiện vẽ cây thư mục  - SV liệt kê các dịch vụ Internet đã biết  - Các tài liệu học tập theo yêu cầu của giáo viên.  - Đọc tài liệu [1], chương 1 | CLO1 | A1.1  A1.2 |
| 3. | **Chương 2. Soạn thảo văn bản**  - Các thao tác cơ bản  - Định dạng văn bản | Lý thuyết: 02  - GV đưa ra một số câu hỏi trắc nghiệm về các thao tác thêm, sửa, xoá, đổi tên tệp và thư mục, một số dịch vụ cơ bản trên Internet  - Trình bày nội dung bài mới thông qua BGĐT | - Sinh viên trả lời câu hỏi trắc nghiệm  - Các tài liệu học tập theo yêu cầu của giáo viên.  Đọc tài liệu [1], chương 2 | CLO4 | A1.1  A1.2  A1.3  A2 |
| 4. | **Chương 2. (tiếp)**  - Chèn các đối tượng vào văn bản  - In ấn văn bản  - Các ví dụ minh hoạ | Lý thuyết: 02  - Viết nhanh một số quy cách soạn thảo văn bản hành chính  - Trình bày nội dung bài mới thông qua BGĐT | - SV thực hiện viết nhanh vào giấy những quy cách soạn thảo văn bản đã học ở tiết trước  - SV đọc tài liệu [1], Chương 2.  - Tham khảo tài liệu [2] | CLO4 | A1.1  A1.2  A1.3  A2 |
| 5. | **Chương 3. Thiết kế bài trình chiếu**  - Giới thiệu MS-PowerPoint  - Làm việc với bản trình chiếu  - Chèn các đối tượng vào Slide | Lý thuyết: 02  - GV đưa ra một số câu hỏi trắc nghiệm về các thao tác soạn thao văn bản, cách chèn các đối tượng vào văn bản trong dung chương 2 để củng cố kiến thức  - Giới thiệu bài mới thông qua BGĐT | - Sinh viên trả lời câu hỏi trắc nghiệm  Các tài liệu học tập theo yêu cầu của giáo viên.  Đọc tài liệu [2] | CLO4 | A1.1  A1.2  A1.3  A2 |
| 6. | **Chương 3. (tiếp)**  - Các hiệu ứng trình diễn  - In ấn bài trình chiếu  - Các ví dụ minh hoạ | Lý thuyết: 02  - GV trình bảy một số ví dụ thực tiễn (các bài giảng và các mẫu slide có sẵn)  - GV ra bài tập nhóm theo lớp thực hành, mỗi nhóm 4-5 sinh viên, thiết kế slides theo chủ đề sinh viên tự lựa chọn (có gợi ý của giáo viên)  - GV yêu cầu sinh viên nạp bài tập nhóm theo đúng lịch trên cổng giao tiếp giảng viên - sinh viên và lên lịch báo cáo bài thuyết trình | - Sinh viên theo dõi và hình dung các thao tác  - SV nhận nhóm, bầu nhóm trưởng, triển khai kế hoạch thực hiện bài tập  - Đọc tài liệu [1], chương 4.  - Tham khảo tài liệu [2].  - Chuẩn bị cho buổi báo cáo ở phòng thực hành. | CLO4 | A1.1  A1.2  A1.3  A2 |
| 7. | **Chương 4. Khai thác bảng tính điện tử**  - Các khái niệm và thao tác cơ bản  - Lập và định dạng bảng tính | Lý thuyết: 02  - GV đưa ra một số câu hỏi trắc nghiệm về các thao tác với slide, chèn các đối tượng vào slide liên quan đến nội dung Chương 3 để củng cố kiến thức  - GV trình bày các khái niệm cơ bản và cách định dạng bảng tính qua slides  - Cuối buổi GV trình bày một bảng tính có dữ liệu sinh viên và môn học có điểm thực hành, yêu cầu sinh viên tự đọc một số hàm cơ bản của Excel để tính toán điểm trung bình. | - Sinh viên trả lời câu hỏi trắc nghiệm  - Đọc tài liệu [1], chương 3  - Tham khảo tài liệu [2]  - Sinh viên hình dung bài toán, ghi chép một số dữ liệu đầu vào | CLO2 | A1.1  A1.2  A1.3  A2 |
| 8. | **Chương 4. (tiếp)**  - Lập công thức và các hàm cơ bản | Lý thuyết: 02  - Viết nhanh: GV yêu cầu sinh viên nêu bài toán và viết nhanh công thức tính toán của bài toán đã nêu ở buổi trước.  - GV nhận xét chung về bài viết nhanh  - GV trình bày một số bài toán cơ bản, các hàm để thực hiện bài toán bằng BGĐT. | - Thực hiện bài tập viết nhanh công thức.  - Hiểu cách thực hiện các hàm và cách vận dụng hàm vào các bài toán cụ thể.  - Đọc tài liệu [1], chương 3  Tham khảo tài liệu [2] | CLO2 | A1.1  A1.2  A1.3  A2 |
| 9. | **Chương 4. (tiếp)**  - Sắp xếp và trích lọc dữ liệu | Lý thuyết: 02  - GV trình bày một số bài toán cơ bản, các hàm để thực hiện bài toán bằng BGĐT | - Các tài liệu học tập theo yêu cầu của giáo viên  - Đọc tài liệu [1, 2] | CLO2 | A1.1  A1.2  A1.3  A2 |
| 10. | **Chương 4. (tiếp)**  - Biểu diễn số liệu bằng biểu đồ  - Các ví dụ minh hoạ | Lý thuyết: 02  - GV yêu cầu sinh viên nêu lên sự cần thiết và lấy ví dụ về việc sắp xếp và trích lọc dữ liệu  - GV hỏi một số câu hỏi liên quan đến biểu diễn số liệu | - Trả lời câu hỏi của GV  - Các tài liệu học tập theo yêu cầu của giáo viên.  - Đọc tài liệu [1], chương 3  - Tham khảo tài liệu [2] | CLO2 | A1.1  A1.2  A1.3  A2 |
| 11. | **Chương 5. Phân tích dữ liệu thống kê**  - Mục đích của việc xử lý dữ liệu thống kê  - Quy trình xử lý và phân tích dữ liệu thống kê | Lý thuyết: 02  - GV đưa ra một số câu hỏi trắc nghiệm về các hàm IF, VLOOKUP, SUM, MAX trong nội dung Chương 4 để củng cố kiến thức  - Giới thiệu nội dung bài mới bằng BGĐT | - Trả lời câu hỏi trắc nghiệm  - Các tài liệu học tập theo yêu cầu của giáo viên.  - Đọc tài liệu [2, 4, 5] | CLO2 | A1.1  A1.2  A1.3  A2 |
| 12. | **Chương 5. (tiếp)**  - Một số phương pháp thống kê | Lý thuyết: 02  - Giới thiệu các phương pháp thống kê, ứng dụng các phương pháp thống kê | - Các tài liệu học tập theo yêu cầu của giáo viên.  - Đọc tài liệu [2, 4, 5] | CLO2 | A1.1  A1.2  A1.3  A2 |
| 13. | **Chương 5. (tiếp)**  - Một số phương pháp thống kê (tiếp) | Lý thuyết: 02  - Giới thiệu các phương pháp thống kê, ứng dụng các phương pháp thống kê | - Các tài liệu học tập theo yêu cầu của giáo viên.  - Đọc tài liệu [2, 4, 5] | CLO2 | A1.1  A1.2  A1.3  A2 |
| 14 | **Chương 5. (tiếp)**  - Trình bày kết quả phân tích thống kê | Lý thuyết: 02  - GV trình bảy một số ví dụ thực tiễn, yêu cầu sinh viên trình bày các kết quả với nhiều hình thức khác nhau  - GV ra bài tập nhóm theo lớp thực hành, mỗi nhóm 4-5 sinh viên thực hiện bài tập và nạp bài tập theo đúng lịch trên cổng giao tiếp giảng viên - sinh viên | - Các tài liệu học tập theo yêu cầu của giáo viên.  - Đọc tài liệu [2, 4, 5] | CLO2 | A1.1  A1.2  A1.3  A2 |
| 15 | **Chương 5. (tiếp)**  - Các ví dụ minh hoạ | Lý thuyết: 02  - GV trình bày các ví dụ minh hoạ, cho sinh viên lên bảng chữa bài tập. | - Thực hiện các bài tập theo yêu cầu  - Đọc tài liệu [2, 4, 5] | CLO2 | A1.1  A1.3 |

***Thực hành:***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tuần** | **Nội dung** | **Hình thức tổ chức DH** | **Chuẩn bị của SV** | **CĐR học phần** | **Bài đánh giá** |
| 1-2 | **Bài thực hành 1**: Khai thác hệ điều hành Windows | Trên lớp: 4  Tự học: 12  - Hướng dẫn sinh viên làm bài thực hành  - Phân tích và chỉnh sửa bài làm của sinh viên | - Thực hiện bài tập thực hành theo yêu cầu  - Nạp bài tập vào cuối mỗi buổi thực hành thông qua cổng giao tiếp giáo viên và sinh viên | CLO1 | A1.2 |
| 3-4 | **Bài thực hành 2**: Soạn thảo văn bản | Trên lớp: 4  Tự học: 12  - Hướng dẫn sinh viên làm bài thực hành  - Phân tích và chỉnh sửa bài làm của sinh viên | - Thực hiện bài tập thực hành theo yêu cầu  - Nạp bài tập vào cuối mỗi buổi thực hành thông qua cổng giao tiếp giáo viên và sinh viên | CLO4 | A1.2 |
| 5-6 | **Bài thực hành 3**: Thiết kế bài trình chiếu | Trên lớp: 4  Tự học: 12  - Hướng dẫn sinh viên làm bài thực hành  - Phân tích và chỉnh sửa bài làm của sinh viên | - Thực hiện các bài tập thực hành theo yêu cầu  - Trình bày báo cáo nhóm đã thực hiện | CLO4 | A1.2 |
| 7-10 | **Bài thực hành 4**: Khai thác bảng tính điện tử | Trên lớp: 8  Tự học: 24  - Hướng dẫn sinh viên làm bài thực hành  - Phân tích và chỉnh sửa bài làm của sinh viên | - Thực hiện bài tập thực hành theo yêu cầu  - Nạp bài tập vào cuối mỗi buổi thực hành thông qua cổng giao tiếp giáo viên và sinh viên | CLO2 | A1.2 |
| 11-15 | **Bài thực hành 5**: Phân tích dữ liệu thống kê | Trên lớp: 10  Tự học: 30  - Hướng dẫn sinh viên làm bài thực hành  - Phân tích và chỉnh sửa bài làm của sinh viên | - Thực hiện bài tập thực hành theo yêu cầu  - Nạp bài tập vào cuối mỗi buổi thực hành thông qua cổng giao tiếp giáo viên và sinh viên | CLO2 | A1.2 |

**8. Nhiệm vụ của người học**

***8.1. Phần tự học***

- Nghiên cứu tài liệu, xem các slide/video/website.

- Chủ động tìm các nguồn tài liệu khác liên quan đến nội dung học phần.

- Thảo luận, trao đổi những vấn đề liên quan đến học phần với bạn học/cựu sinh viên/cán bộ tại đơn vị trải nghiệm hoặc các nguồn lực hỗ trợ khác.

- Hoàn thành các bài tập được giao trên LMS.

***8.2. Phần học trên lớp trực tiếp hoặc online với giảng viên***

- Dự lớp ≥ 80% tổng thời lượng của học phần.

- Chủ động, tích cực trong giờ học.

- Phát hiện, đưa ra câu hỏi hoặc vấn đề liên quan đến nội dung học tập.

**9. Ngày phê duyệt:**

**10. Cấp phê duyệt:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **KT. HIỆU TRƯỞNG**  **PHÓ HIỆU TRƯỞNG** | **VIỆN TRƯỞNG** | **TRƯỞNG BỘ MÔN** |

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH**  **VIỆN NÔNG NGHIỆP VÀ TÀI NGUYÊN** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

## **ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN CHI TIẾT**

## **Học phần: Chọn và nhân giống vật nuôi**

**1. Thông tin tổng quát:**

***1.1. Thông tin về giảng viên***

***Giảng viên 1:* Lê Minh hải**

Học hàm, học vị: Tiến sĩ

Địa chỉ liên hệ: 182 Lê Duẩn, TP Vinh, Nghệ An

Điện thoại, email: [hailm@vinhuni.edu.vn](mailto:hailm@vinhuni.edu.vn), minhhaidhv@gmail.com

Các hướng nghiên cứu chính: Công trình và thiết bị chăn nuôi; Di truyền và chọn giống động vật; Bệnh động vật.

***Giảng viên 2:* Nguyễn Thị Thanh**

Học hàm, học vị: Tiến sĩ

Địa chỉ liên hệ: 182 Lê Duẩn, TP Vinh, Nghệ An

Điện thoại, email: nguyenthithanhnln@gmail.com

Các hướng nghiên cứu chính: Sinh lý động vật, Quản lý môi trường nuôi thủy sản

***1.2. Thông tin về học phần:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| - Tên học phần (tiếng Việt): **Chọn và nhân giống vật nuôi**  (tiếng Anh):  **Selection and breeding animal** | | |
| - Mã số học phần: AHY30009 | | |
| - Thuộc CTĐT ngành: **Chăn nuôi** | | |
| - Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:  Kiến thức cơ bản  Kiến thức cơ sở ngành  Kiến thức ngành  x | Học phần chuyên về kỹ năng chung  Kiến thức khác | |
| - Thuộc loại học phần: Bắt buộc  x | Tự chọn | |
| - Số tín chỉ: 03 | |  |
| + Số tiết lý thuyết: 30 | |  |
| + Số tiết thảo luận/bài tập: 0 | |  |
| + Số tiết thực hành: 15 | |  |
| + Số tiết tự học: 90 | |  |
| - Điều kiện đăng ký học: | |  |
| + Học phần tiên quyết: | | Mã số HP: |
| + Học phần học trước: | | Mã số HP: |
| - Yêu cầu của học phần: Thực hiện theo Quy chế đào tạo của Trường Đại học Vinh. Cụ thể:  + Thời gian tối thiểu sinh viên phải có mặt trên lớp: 80%  + Sinh viên phải nộp đầy đủ bài tập, báo cáo… qua hệ thống LMS (Mục 5.1). + Tham gia đầy đủ các bài thực hành. | | |
| - Bộ môn phụ trách học phần: Thủy sản và Chăn nuôi  Điện thoại: Email: | | |

**2. Mô tả học phần:**

Môn học chọn và nhân giống vật nuôi trang bị cho người học những kiến thức về giống và công tác giống vật nuôi, ngoại hình và thể chất của vật nuôi, các quy luật sinh trưởng và phát dục của vật nuôi, quan hệ họ hàng và các tham số di truyền, và những kiến thức liên quan đến chọn lọc và nhân giống vật nuôi, bảo tồn nguồn gen vật nuôi.

**3. Mục tiêu học phần**

Học phần giúp cho sinh viên hiểu được các kiến thức về những kiến thức về giống và công tác giống vật nuôi, ngoại hình và thể chất của vật nuôi, các quy luật sinh trưởng và phát dục, sức sản xuất của vật nuôi. Hiểu và phân tích được các kiến thức về quan hệ họ hàng và các tham số di truyền và những kiến thức liên quan đến chọn lọc và nhân giống vật nuôi, bảo tồn nguồn gen vật nuôi. Đánh giá hiệu quả chọn giồn phù hợp với phương thức sản xuất giống. Vận dụng kiến thức về di truyền giống để quản lý đàn nhằm tránh cận huyết và tận dụng được ưu thế lai. Thao tác thành thạo một số kỹ thuật trong chọn và nhân giống vật nuôi ở quy mô phòng thí nghiệm; Có khả năng sử dụng phần mềm quản lý giống, thiết bị xác định năng suất giống. Tổ chức hoạt động nhóm hiệu quả để thao tác thực hành nhóm và thực hiện tìm hiểu kết quả nghiên cứu, hoạt động sản xuất về chọn và nhân giống vật nuôi.

**4. Chuẩn đầu ra học phần, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá**

***4.1. Ánh xạ chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **CĐR học phần** | **Ánh xạ với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo** | | |
| **PLO1.3** | **PLO2.3** | **PLO3.1** |
| 1.3.1 | 2.3.1 | 3.1.2 |
| CLO1.1 | 0,5 |  |  |
| CLO1.2 | 0,5 |  |  |
| CLO2.1 |  | 1,0 |  |
| CLO3.1 |  |  | 1,0 |

***4.2. Nội dung chuẩn đầu ra, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá học phần***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **CĐR học phần (CLO)** | **TĐNL CĐR**  **học phần** | **Mô tả CĐR học phần** | **Phương pháp dạy học** | **Phương pháp đánh giá** |
| CLO1.1 | **K4** | Hiểu được các kiến thức về về giống và công tác giống vật nuôi, ngoại hình và thể chất của vật nuôi, các quy luật sinh trưởng và phát dục, sức sản xuất của vật nuôi. Hiểu kiến thức liên quan đến chọn lọc và nhân giống vật nuôi, bảo tồn nguồn gen vật nuôi. | Thuyết trình  Hướng dẫn | Thi TNKQ  Thi tự luận |
| CLO1.2 | **K4** | Đánh giá hiệu quả chọn giống phù hợp với phương thức sản xuất giống.  Vận dụng kiến thức về di truyền giống để quản lý đàn nhằm tránh cận huyết và tận dụng được ưu thế lai. | Thuyết trình  Hướng dẫn  Làm việc nhóm | Thi tự luận  Thi TNKQ |
| CLO2.1 | **S4** | Thao tác thành thạo một số kỹ thuật trong chọn và nhân giống vật nuôi ở quy mô phòng thí nghiệm; Có khả năng sử dụng phần mềm quản lý giống, thiết bị xác định năng suất giống. | Thuyết trình  Hướng dẫn thực hành | Bài tập nhóm  Thực hành |
| CLO3.1 | **S4** | Tổ chức hoạt động nhóm hiệu quả để thao tác thực hành nhóm và thực hiện tìm hiểu kết quả nghiên cứu, hoạt động sản xuất về chọn và nhân giống vật nuôi. | Hướng dẫn  Thảo luận nhóm | Bài tập nhóm  Thực hành |

**5. Đánh giá học tập và các bộ tiêu chí đánh giá**

***5.1. Đánh giá học tập***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Bài đánh giá** | **Hình thức đánh giá và lưu hồ sơ** | **Công cụ đánh giá** | **CĐR học phần** | **Tỷ lệ cho bài đánh giá** | **Tỷ lệ**  **cho học phần** |
| **A1. Đánh giá quá trình** | |  |  |  | **50%** |
| A1.1 | - Bài tập nhóm; nhóm SV nạp báo cáo quá LMS; GV đánh giá và lưu hồ sơ | Rubric 1 | CLO3.1 | 100% | 10% |
| A1.2 | - Bài thi trắc nghiệm;  TT Đảm bảo chất lượng tổ chức thi và lưu hồ sơ | - Đáp án | CLO1.1 | 60% | 20% |
| CLO1.2 | 40% |
| A1.3 | - Kiểm tra kỹ năng thực hành tại PTN | - Rubric 1 | CLO2.1 | 70% | 20% |
| CLO3.1 | 30% |  |
| **A.2. Đánh giá cuối kỳ** | |  |  |  |  |
| A2.1 | Bài thi tự luận  TT Đảm bảo chất lượng tổ chức thi và lưu hồ sơ | Đáp án | CLO1.1 | 50% | *50%* |
| CLO1.2 | 50% |
| **Công thức tính điểm tổng kết:**  **Điểm TKHP = A1.1 \*0,1+A1.2\*0,2+A1.3\*0,2+A2.1\*0,5** | | | | | | |

***5.2. Các bộ tiêu chí đánh giá***

***Rubric 1: Đánh giá bài A1.1 và bài A1.3.***

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **CĐR** | **Tiêu chí đánh giá** | **Trọng số bài A1.1** | **Trọng số bài A1.3** | **Mức độ đánh giá** | | | | |
| **A** | **B** | **C** | **D** | **F** |
| **8.5 - 10** | **7.0 - 8.4** | **5.5 - 6.9** | **4,0 -5,4** | **< 4,0** |
| **CLO2.1.** Thao tác thành thạo một số kỹ thuật trong chọn và nhân giống vật nuôi ở quy mô phòng thí nghiệm; Có khả năng sử dụng phần mềm quản lý giống, thiết bị xác định năng suất giống. | **Chuẩn bị** |  | 10 | Có sự chuẩn bị tốt về bài thực hành | Có sự chuẩn bị khá tốt về bài thực hành | Có sự chuẩn bị về bài thực hành | Có sự chuẩn bị về bài thực hành sơ sài | Chưa có sự chuẩn bị về bài thực hành |
| **Thao tác thực hành, thí nghiệm** |  | 40 | Thực hiện chính xác thao tác thực hành, đúng quy trình thí nghiệm | Thực hiện đúng thao tác thực hành, đúng quy trình thí nghiệm | Thực hiện đúng thao tác thực hành, quy trình thí nghiệm đạt mức cơ bản | Thực hiện đúng thao tác thực hành, quy trình thí nghiệm đạt ở mức độ thấp | Không thực hiện đúng thao tác thực hành, quy trình thí nghiệm |
| **Kết quả thực hành, thí nghiệm** |  | 20 | Kết quả thực hành, thí nghiệm đúng, đạt tiêu chuẩn tốt, | Kết quả thực hành, TN đúng , đạt tiêu chuẩn khá tốt | Kết quả thực hành, TN đúng , đạt tiêu chuẩn | Kết quả thực hành, TN đúng , chưa đạt tiêu chuẩn, một số lỗi sai | Kết quả thực hành, TN sai |
| **CLO3.1.** Tổ chức hoạt động nhóm hiệu quả để thao tác thực hành nhóm và thực hiện tìm hiểu kết quả nghiên cứu, hoạt động sản xuất về chọn và nhân giống vật nuôi. | **Tổ chức nhóm** | 20 | 5 | Tham gia đầy đủ, tích cực các cuộc hợp nhóm | Tham gia đầy đủ các hoạt động nhóm. | Tham gia còn thiếu một số ít hoạt động | Chỉ tham gia một số ít hoạt động | Không tham gia |
| Nhiệm vụ được phân công rõ ràng, đầy đủ cho các thành viên trong nhóm | Nhiệm vụ được phân công khá rõ ràng, đầy đủ cho các thành viên trong nhóm | Nhiệm vụ được phân công cho các thành viên trong nhóm đầy đủ | Nhiệm vụ được phân công cho các thành viên trong nhóm chưa đầy đủ | Chưa có sự phân công nhiệm vụ |
| **Hợp tác nhóm** | 10 | 5 | - Trao đổi, chia sẻ và chấp nhận các ý tưởng trong thực hiện nhiệm vụ với các thành viên ở mức độ cao | - Trao đổi và chấp nhận các ý tưởng trong thực hiện nhiệm vụ với các thành viên mức độ khá | Trao đổi, chia sẻ và chấp nhận các ý tưởng trong thực hiện nhiệm vụ với các thành viên ở mức độ cơ bản | Trao đổi và chấp nhận các ý tưởng trong thực hiện nhiệm vụ với các thành viên ở mức độ thấp | Không trao đổi, chia sẻ trong nhóm |
| **Thảo luận nhóm** | 20 | 5 | Đề xuất, sáng kiến để đạt được tốt mục tiêu, kết quả nhóm | Đề xuất, sáng kiến để đạt được khá tốt mục tiêu, kết quả nhóm | Đề xuất, sáng kiến để đạt được mục tiêu, kết quả nhóm ở mức cơ bản | Đề xuất, sáng kiến để đạt được mục tiêu, kết quả nhóm thấp | Chưa có các đề xuất, sáng kiến |
|  | **Báo cáo nhóm** | 50 | 15 | Hình thức, bố cục báo cáo nhóm đúng quy định, rõ ràng, đầy đủ, trình bày ở mức tốt | Hình thức, bố cục báo cáo đúng quy định, đầy đủ ở mức khá | Hình thức, bố cục báo cáo đúng quy định, bố cục cơ bản hợp lý. | Hình thức bố cục báo cáo cơ bản hợp lý tuy nhiên đang còn sơ sài. | Hình thức bố cục báo cáo nhóm không đúng quy định |

**6. Tài liệu học tập**

***6.1. Giáo trình:***

[1] Đặng Vũ Bình, Phạm Thị Huệ, Ngô Thị Kim Cúc*, Giáo trình* *chọn giống và nhân giống vật nuôi.* NXB Học viện Nông nghiệp,2018.

[2] Lê Minh Hải, *Bài giảng chọn giống và nhân giống vật nuôi.* Trường Đại học Vinh,2021.

***6.2. Tài liệu tham khảo:***

[3] Nguyễn Hải Quân, Đặng Vũ Bình, Đinh Văn Chỉnh, Ngô Thị Đoan Trinh. *Giáo trình Chọn giống và nhân giống gia súc*. Trường Đại học Nông Nghiệp I, Hà Nội, 1995.

[4] Nguyễn Đức Hưng, Nguyễn Minh Hoàn và Lê Đình Phùng. *Giáo trình chọn giống và nhân giống gia súc*. NXB Đại học Huế, 2007.

[5] Trần Đình Miên. *Chọn giống và nhân giống gia súc.* NXB Nông nghiệp, 1977.

**7. Kế hoạch dạy học**

***Lý thuyết:***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tuần, số tiết** | **Nội dung** | **Hình thức tổ chức dạy học** | **Yêu cầu SV chuẩn bị** | **CĐR học phần** | **Bài đánh giá** |
| 1 (3) | CHƯƠNG 1: NGUỒN GỐC, THUẦN HOÁ VÀ THÍCH NGHI CỦA VẬT NUÔI  1.1. Lịch sử môn học giống vật nuôi  1.2. Các quan niệm ảnh hưởng đến chọn giống và nhân giống vật nuôi  1.3. Nguồn gốc, sự thuần hoá¸ sự thích nghi của vật nuôi  1.4. Đặc điểm các giống vật nuôi hiện có ở Việt Nam | - Địa điểm: Nhà học theo Nhà Trường sắp xếp  - Thuyết trình  - Hướng dẫn qua hình ảnh, video  -Hướng dẫn nghiên cứu, giải quyết tình huống | - Đọc tài liệu liên quan đến chương 1.  -Vở ghi chép, Tài liệu tham khảo,  - Chuẩn bị bài liên quan đến nội dung ở nhà. | CLO1.1  CLO1.2 | A1.1  A1.2  A2.1 |
| 2 (3) | CHƯƠNG 1: NGUỒN GỐC, THUẦN HOÁ VÀ THÍCH NGHI CỦA VẬT NUÔI  1.4. (Tiếp) | - Địa điểm: Nhà học theo Nhà Trường sắp xếp  - Thuyết trình  - Hướng dẫn qua hình ảnh, video  -Hướng dẫn nghiên cứu, giải quyết tình huống | - Đọc tài liệu liên quan đến chương 1.  -Vở ghi chép, Tài liệu tham khảo  - Chuẩn bị bài liên quan đến nội dung ở nhà. | CLO1.1  CLO1.2 | A1.1  A2.1  A1.2 |
| 3(3) | CHƯƠNG 2. NGOẠI HÌNH, THỂ CHẤT, SINH TRƯỞNG VÀ PHÁT DỤC CỦA VẬT NUÔI  2.1. Ngoại hình của vật nuôi  2.2. Thể chất của vật nuôi  2.3. Sinh trưởng và phát dục của vật nuôi | Địa điểm: Nhà học theo Nhà Trường sắp xếp  - Thuyết trình  - Hướng dẫn qua hình ảnh, video | - Đọc tài liệu liên quan đến chương 2.  -Vở ghi chép, Tài liệu tham  khảo,  - Chuẩn bị bài liên quan đến nội dung ở nhà. | CLO1.1  CLO1.2 | A1.2  A2.1  A1.3 |
| 4 (3) | CHƯƠNG 2. NGOẠI HÌNH, THỂ CHẤT, SINH TRƯỞNG VÀ PHÁT DỤC CỦA VẬT NUÔI  2.4. Các quy luật sinh trưởng ở vật nuôi  2.5. Các yếu tố ảnh hưởng đến sinh trưởng và phát dục của vật nuôi | Địa điểm: Nhà học theo Nhà Trường sắp xếp  - Thuyết trình  - Hướng dẫn qua hình ảnh, video | - Đọc tài liệu liên quan đến chương 2.  -Vở ghi chép, Tài liệu tham  khảo,  - Chuẩn bị bài liên quan đến nội dung ở nhà. | CLO1.1  CLO1.2 | A2.1  A1.2 |
| 5(3) | CHƯƠNG 3. SỨC SẢN XUẤT CỦA VẬT NUÔI  3.1. Khái niệm về sức sán xuất của vật nuôi  3.2. Sức sán xuất của vật nuôi  3.3. Sức sán xuất của vật nuôi  3.4. sức sán xuất thịt của vật nuôi  3.5. Sức đẻ trứng của các loại vật nuôi  3.6. Sức sản xuất lông, da, gan, . . . của các loại vật nuôi  3.7. Sức cày kéo của các loại vật nuôi  3.8. Các gen tham gia điều khiển sức sản xuất của vật nuôi  3.9. Các yếu tố ảnh hưởng đến sức sản xuất của vật nuôi | - Địa điểm: Nhà học theo Nhà Trường sắp xếp  - Thuyết trình  - Hướng dẫn qua hình ảnh, video  -Hướng dẫn nghiên cứu, giải quyết tình huống  - Hướng dẫn thảo luận nhóm | - Đọc tài liệu liên quan đến chương 3.  -Vở ghi chép, Tài liệu tham khảo  - Chuẩn bị bài liên quan đến nội dung ở nhà.  - Tự học mục 3.8  -Làm việc nhóm thảo luận nhóm | CLO1.1  CLO1.2 | A1.2  A2.1  A1.1 |
| 6(3) | CHƯƠNG 4. QUAN HỆ HỌ HÀNG VÀ CÁC THAM SỐ DI TRUYỀN  4.1. Hệ phổ/hệ phả  4.2. Quan hệ di truyền cộng gộp giữa các cá thể  4.3. Hệ số cận huyết  4.4. Quan hệ di truyền trội giữa các cá thể  4.5. Hiệp phương sai di truyền giữa các cá thể  4.6. Các tham số di truyền | - Địa điểm: Nhà học theo Nhà Trường sắp xếp  - Thuyết trình, hỏi đáp  - Hướng dẫn qua hình ảnh, video | - Đọc trước tài liệu liên đến quan chương 4 ở nhà.  - Chú ý nghe giảng viên giảng dạy.  - Trả lợi các câu hỏi của giảng viên. | CLO2.1  CLO3.1 | A2.1 |
| 7(3) | CHƯƠNG 5. CHỌN LỌC VẬT NUÔI GIỐNG  5.1. Các vấn đề cơ bản của chọn lọc vật nuôi  5.2. Hiệu quả của chọn lọc  5.3. Sự chính xác của chọn lọc  5.4. Các nguồn thông tin cần có để chọn lọc vật nuôi  5.5. Các phương pháp chọn lọc vật nuôi | - Địa điểm: Nhà học theo Nhà Trường sắp xếp  - Thuyết trình, hỏi đáp  - Hướng dẫn qua hình ảnh, video | - Đọc trước tài liệu liên đến chương 5 quan ở nhà;  - Chú ý nghe giảng viên giảng dạy.  - Trả lợi các câu hỏi của giảng viên.  - Tự học mục 5.4 | CLO1.1  CLO1.2  CLO3.1 | A1.1  A2.1 |
| 8 | Thi trắc nghiệm khách quan | - Địa điểm: Nhà học theo Nhà Trường sắp xếp | Đọc trước tài liệu liên quan ở nhà   * Làm bài thi trắc nghiệm | CLO1.1  CLO1.2 | A1.2 |
| 9(3) | CHƯƠNG 6. LAI TẠO GIỐNG VẬT NUÔI  6.1. Cơ sở khoa học của lai giống  6.2. Các phương pháp lai | - Địa điểm: Nhà học theo Nhà Trường sắp xếp  - Thuyết trình, hỏi đáp  - Hướng dẫn qua hình ảnh, video | - Đọc trước tài liệu liên quan đến chương 6 ở nhà;  - Chú ý nghe giảng viên giảng dạy.  - Trả lời câu hỏi của giảng viên và chất vấn của các nhóm sinh viên. | CLO1.1  CLO1.2 | A2.1 |
| 10 (3) | CHƯƠNG 7. NHÂN GIÓNG GIA SÚC  7.1. Nhân giống thuần chủng  7.2. Nhân giống theo dòng  7.3. Công tác bảo tồn các giống vật nuôi  7.4. Công tác cấy truyền phôi và nhân bản ở vật nuôi | - Địa điểm: Nhà học theo Nhà Trường sắp xếp  - Thuyết trình, hỏi đáp  - Hướng dẫn qua hình ảnh, video  - Hướng dẫn thảo luận | - Đọc trước tài liệu liên quan đến chương 7 ở nhà;  - Chú ý nghe giảng viên giảng dạy.  - Làm việc nhóm | CLO1.1  CLO1.2 | A2.1  A1.1 |
| 11(3) | CHƯƠNG 8. CÔNG TÁC QUẢN LÝ GIỐNG VẬT NUÔI  8.1. Các nguyên lý chung  8.2. Trạm kiệm tra giống vật nuôi  8.3. Một số biện pháp công tác giống  8.4. Các bước thực hiện một chương trình giống  8.5. Hiện trạng và chiến lược công tác giống đối với một số loại vật nuôi ở Việt Nam | - Địa điểm: Nhà học theo Nhà Trường sắp xếp  - Thuyết trình, hỏi đáp  - Hướng dẫn qua hình ảnh, video | - Đọc trước tài liệu liên quan đến chương 8 ở nhà;  - Chú ý nghe giảng viên giảng dạy.  - Tự học mục 8.3 | CLO1.1  CLO1.2 | A2.1  A1.1 |

***Thực hành:***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Số tiết/tuần**  **(1)** | **Nội dung**  **(2)** | **Hình thức tổ chức dạy học (3)** | **Chuẩn bị**  **của SV (4)** | **CĐR môn học (5)** | **Bài đánh giá**  **(6)** |
| **4 (3)** | Bài thực hành 1 Nhận biết và phân biệt các giống vật nuôi | Hướng dẫn Nhận biết và phân biệt các giống vật nuôi và nhận xét kết quả | Vở ghi chép, bút, giấy A4  Đọc tài liệu liên quan ở nhà  Thực tế, quan sát, vẻ hình, nhận xét kết quả viết báo cáo. | CLO2.1  CLO3.1 | A1.3 |
| **5(3)** | Bài thực hành 2. Đánh giá sinh trưởng của vật nuôi | Hướng dẫn cách Đánh giá sinh trưởng của vật nuôi và nhận xét kết quả | Vở ghi chép, bút, giấy A4  Đọc tài liệu liên quan ở nhà  Đo các chỉ số sinh trưởng, nhận xét kết quả viết báo cáo. | CLO2.1  CLO3.1 | A1.3 |
| **6(3)** | Bài thực hành 3. Kỹ thuật bấm và đánh số tai vật nuôi | Hướng dẫn quan kỹ thuật bấm và đánh số tai vật nuôi. | Vở ghi chép, bút, giấy A4  Đọc tài liệu liên quan ở nhà.  Thực hành thao tác kỹ thuật bấm và đánh số tai vật nuôi. | CLO2.1  CLO3.1 | A1.3 |
| **8(3)** | Bài thực hành 4.  Khảo sát phẩm chất thịt vật nuôi | Hướng dẫn quy trình khảo sát và cách xác định các chỉ số khảo sát, nhận xét kết quả. | Vở ghi chép, bút, giấy A4  Đọc tài liệu liên quan ở nhà  Thực hiện quy trình khảo sát và xác định các chỉ số khảo sát, nhận xét kết quả., nhận xét kết quả viết báo cáo. | CLO2.1  CLO3.1 | A1.3 |
| **9 (3)** | Bài thực hành 5. Phương pháp giám định lơn giống | Hướng dẫn quy trình giám định và nhận xét kêt quả | Vở ghi chép, bút,  Đọc tài liệu liên quan ở nhà.  Biết quy trình giám định và thao tác quan sát, đo các chỉ số giám định, phân tíc, kết luận và viết báo cáo. | CLO2.1  CLO3.1 | A1.3 |

**8. Nhiệm vụ của người học**

***8.1. Phần tự học***

- Nghiên cứu tài liệu, xem các slide/video/website.

- Chủ động tìm các nguồn tài liệu khác liên quan đến nội dung học phần.

- Thảo luận, trao đổi những vấn đề liên quan đến học phần với bạn học/cựu sinh viên/cán bộ tại đơn vị trải nghiệm hoặc các nguồn lực hỗ trợ khác.

- Hoàn thành các bài tập được giao trên LMS.

***8.2. Phần học trên lớp trực tiếp hoặc online với giảng viên***

- Dự lớp ≥ 80% tổng thời lượng của học phần.

- Chủ động, tích cực trong giờ học.

- Phát hiện, đưa ra câu hỏi hoặc vấn đề liên quan đến nội dung học tập.

***8.3. Thực hành***

- Tham gia đầy đủ các bài thực hành

- Tôn trọng ý kiến và chịu trách nhiệm về kết quả làm việc chung.

- Hoàn thành đầy đủ nhiệm vụ và sản phẩm thực hành được giao.

**9. Ngày phê duyệt:**

**10. Cấp phê duyệt:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **KT. HIỆU TRƯỞNG**  **PHÓ HIỆU TRƯỞNG** | **VIỆN TRƯỞNG**  **TS. Nguyễn Đình Vinh** | **TRƯỞNG BỘ MÔN**  **TS. Lê Minh Hải** |

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH**  **VIỆN NÔNG NGHIỆP VÀ TÀI NGUYÊN** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

## **ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN CHI TIẾT**

## **Học phần: Dinh dưỡng vật nuôi**

**1. Thông tin tổng quát:**

***1.1. Thông tin về giảng viên***

***Giảng viên 1:*  Nguyễn Đình Vinh**

Chức danh. Học hàm, học vị: Giảng viên – Tiến sĩ

Địa chỉ liên hệ: Bộ môn Thủy sản và Chăn nuôi – Viện Nông nghiệp và Tài Nguyên

Email: [vinhnd@vinhuni.edu.vn](mailto:vinhnd@vinhuni.edu.vn); ĐT: 0914970709

***Giảng viên 2:*** **Phạm Mỹ Dung**

Chức danh. Học hàm, học vị: Giảng viên – Tiến sĩ

Địa chỉ liên hệ: Bộ môn Thủy sản và CN – Viện Nông nghiệp và Tài Nguyên

Email: dungpm@vinhuni.edu.vn; ĐT: 0948231430

***1.2. Thông tin về học phần:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| - Tên học phần (tiếng Việt): **Dinh dưỡng vật nuôi** | | |
| - Mã số học phần: AHY30004 | | |
| - Thuộc CTĐT ngành: Chăn nuôi | | |
| - Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:  Kiến thức cơ bản  **Kiến thức cơ sở ngành**  Kiến thức ngành | Học phần chuyên về kỹ năng chung  Kiến thức khác | |
| - Thuộc loại học phần: Bắt buộc  x | Tự chọn | |
| - Số tín chỉ: | |  |
| + Số tiết lý thuyết: 30 | |  |
| + Số tiết thảo luận/bài tập: | |  |
| + Số tiết thực hành: 15 | |  |
| + Số tiết tự học: 90 | |  |
| - Điều kiện đăng ký học: | |  |
| + Học phần tiên quyết: | | Mã số HP: |
| + Học phần học trước: Hóa sinh động vật | | Mã số HP: AHY20001 |
| - Yêu cầu của học phần: Thực hiện theo Quy chế đào tạo của Trường Đại học Vinh. Cụ thể:  + Thời gian tối thiểu sinh viên phải có mặt trên lớp: 80%  + Sinh viên phải nộp đầy đủ bài tập, báo cáo… qua hệ thống LMS (Mục 5.1). + Tham gia đầy đủ các bài thực hành. | | |
| - Bộ môn phụ trách học phần: Thủy sản và Chăn nuôi  Điện thoại: Email: | | |

**2. Mô tả học phần:** Là học phần cơ sở ngành Chăn nuôi, thý y. Học phần giới thiệu về đặc điểm dinh dưỡng của vật nuôi; Vai trò dinh dưỡng của các thành phần thức ăn bao gồm vai trò dinh dưỡng, giá trị dinh dưỡng, nhu cầu dinh dưỡng của Protein, Lipid, Carbohydrate, Vitamine, Khoáng chất, nước. Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về dinh dưỡng vật nuôi; dinh dưỡng các thành phần thức ăn, năng lượng và chuyển hoá năng lượng ở vật nuôi. Đặc biệt học phần trang bị những kiến thức cơ bản về nhu cầu dinh dưỡng của vật nuôi cho duy trì và sản xuất (tăng trưởng, sinh sản, tiết sữa và đẻ trứng).

**3. Mục tiêu học phần:**

**CO1.** Phân tích được tổng quan, kiến thức về dinh dưỡng vật nuôi; lịch sử và thực trạng về nghiên cứu dinh dưỡng vật nuôi.

**CO2**. Hiểu và vận dụng được nguyên lý các quá trình về dinh dưỡng ở vật nuôi; nguyên lý về dinh dưỡng các thành phần thức ăn của vật nuôi.

**CO3.** Hiểu và vận dụng được kiến thức về giá trị dinh dưỡng, năng lượng và quá trình chuyển hóa các chất dinh dưỡng, chuyển hoá năng lượng ở vật nuôi.

**CO4.** Áp dụng các kỹ năng căn bản phòng thí nghiệm động vật; kỹ thuật phân tích các thành phần thức ăn, phương pháp xác định năng lượng có trong thức ăn vật nuôi.

**4. Chuẩn đầu ra học phần, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá**

***4.1. Ánh xạ chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **CĐR học phần** | **Ánh xạ với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo** | | | |
| PLO1.2 | PLO2.2 | PLO2.3 | PLO3.1 |
| 1.2.2 | 2.2.1 | 2.3.1 | 3.1.2 |
| CLO1.1 | 0,5 |  |  |  |
| CLO1.2 | 0,5 |  |  |  |
| CLO2.1 |  | 1,0 |  |  |
| CLO2.2 |  |  | 1,0 |  |
| CLO3.1 |  |  |  | 1,0 |

***4.2. Nội dung chuẩn đầu ra, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá học phần***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **CĐR học phần (CLO)** | **TĐNL CĐR**  **học phần** | **Mô tả CĐR học phần** | **Phương pháp dạy học** | **Phương pháp đánh giá** |
| CLO1.1 | K3 | Hiểu được bối cảnh lịch sử phát triển về nghiên cứu dinh dưỡng, ngành chăn nuôi | Hướng dẫn  Tự học/tự nghiên cứu | Bài tập |
| CLO1.2 | K4 | Hiểu đặc điểm đặc điểm dinh dưỡng, nhu cầu dinh dưỡng của vật nuôi nói chung và vận dụng vào thực tiễn. | Thuyết trình  Thực hành | Bài tập  Trắc nghiệm  Bài thi Tự luận  Thực hành |
| CLO2.1 | A3 | Có đạo đức, trách nhiệm, thái độ hành xử chuyên nghiệp, tinh thần hợp tác trong hoạt động nghề nghiệp, sẵn sàng chấp nhận thử thách và rủi ro trong chăn nuôi | Thuyết trình  Nghiên cứu tình huống | Thực hành  Bài thi tự luận |
| CLO2.2 | S4 | Thể hiện được kỹ năng nghề nghiệp về nhận diện, phân loại, xây dựng khẩu phần dinh dưỡng, phân tích giá trị dinh dưỡng của thức ăn vật nuôi. | Làm việc nhóm  Thực hành | Rubric 1 |
| CLO3.1 | S4 | Làm việc theo nhóm hiệu quả để xây dựng khẩu phần dinh dưỡng, phân tích giá trị dinh dưỡng của thức ăn vật nuôi. | Hướng dẫn  Thực hành | Thực hành  Rubric 1 |

**5. Đánh giá học tập và các bộ tiêu chí đánh giá**

***5.1. Đánh giá học tập***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Bài đánh giá** | **Hình thức đánh giá và lưu hồ sơ** | **Công cụ đánh giá** | **CĐR học phần** | **Tỷ lệ cho bài đánh giá** | **Tỷ lệ**  **cho học phần** |
| **A1. Đánh giá quá trình** | |  |  |  | **50%** |
| A1.1 | - Bài tập nhóm; nhóm SV nạp báo cáo quá LMS; GV đánh giá và lưu hồ sơ | Rubric 1 | CLO2.1 | 40% | 10% |
| CLO3.1 | 60% |
| A1.2 | - Bài thi trắc nghiệm;  TT Đảm bảo chất lượng tổ chức thi và lưu hồ sơ | - Đáp án | CLO1.1 | 100% | 20% |
| A1.3 | - Kiểm tra kỹ năng thực hành tại PTN | - Rubric 1 | CLO2.2 | 70% | 20% |
| CLO3.1 | 30% |  |
| **A.2. Đánh giá cuối kỳ** | |  |  |  |  |
| A2.1 | Bài thi tự luận  TT Đảm bảo chất lượng tổ chức thi và lưu hồ sơ | Đáp án | CLO1.1 | 100% | *50%* |
| **Công thức tính điểm tổng kết:**  **Điểm TKHP = A1.1 \*0,1+A1.2\*0,2+A1.3\*0,2+A2.1\*0,5** | | | | | |

***5.2. Các bộ tiêu chí đánh giá***

***Rubric 1: Đánh giá bài A1.1 và bài A1.3.***

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **CĐR** | **Tiêu chí đánh giá** | **Trọng số bài A1.1** | **Trọng số bài A1.3** | **Mức độ đánh giá** | | | | |
| **A** | **B** | **C** | **D** | **F** |
| **8.5 - 10** | **7.0 - 8.4** | **5.5 - 6.9** | **4,0 -5,4** | **< 4,0** |
| CLO2.1. Có đạo đức, trách nhiệm, thái độ hành xử chuyên nghiệp, tinh thần hợp tác trong hoạt động nghề nghiệp, sẵn sàng chấp nhận thử thách và rủi ro trong chăn nuôi | **Ý thức, trách nhiệm khi tham gia hoạt động nghề nghiệp** | 20 |  | Ý thức, trách nhiệm cao khi tham gia hoạt động nghề nghiệp | Ý thức, trách nhiệm khá cao khi tham gia hoạt động nghề nghiệp | Ý thức, trách nhiệm khi tham gia hoạt động nghề nghiệp | Ý thức, trách nhiệm khi tham gia hoạt động nghề nghiệp đang còn thấp | Ý thức, trách nhiệm thấp hoặc không có khi tham gia hoạt động nghề nghiệp |
| **Mức độ tham gia hoạt động học tập, nghề nghiệp** | 20 |  | Tham gia hoạt động học tập, nghề nghiệp với tần suất cao | Tham gia hoạt động học tập, nghề nghiệp tần suất khá cao | Tham gia hoạt động học tập, nghề nghiệp | Tham gia hoạt động học tập, nghề nghiệp tần suất thấp | Không tham gia hoạt động học tập, nghề nghiệp |
| **CLO2.2.** Thể hiện được kỹ năng nghề nghiệp về nhận diện, phân loại, xây dựng khẩu phần dinh dưỡng, phân tích giá trị dinh dưỡng của thức ăn vật nuôi. | **Chuẩn bị** |  | 20 | Có sự chuẩn bị tốt về bài thực hành | Có sự chuẩn bị khá tốt về bài thực hành | Có sự chuẩn bị về bài thực hành | Có sự chuẩn bị về bài thực hành sơ sài | Chưa có sự chuẩn bị về bài thực hành |
| **Thao tác thực hành, thí nghiệm** |  | 40 | Thực hiện chính xác thao tác thực hành, đúng quy trình thí nghiệm | Thực hiện đúng thao tác thực hành, đúng quy trình thí nghiệm | Thực hiện đúng thao tác thực hành, quy trình thí nghiệm đạt mức cơ bản | Thực hiện đúng thao tác thực hành, quy trình thí nghiệm đạt ở mức độ thấp | Không thực hiện đúng thao tác thực hành, quy trình thí nghiệm |
| **Kết quả thực hành, thí nghiệm** |  | 10 | Kết quả thực hành, thí nghiệm đúng, đạt tiêu chuẩn tốt, | Kết quả thực hành, TN đúng , đạt tiêu chuẩn khá tốt | Kết quả thực hành, TN đúng , đạt tiêu chuẩn | Kết quả thực hành, TN đúng , chưa đạt tiêu chuẩn, một số lỗi sai | Kết quả thực hành, TN sai |
| **CLO3.1.** Làm việc theo nhóm hiệu quả để xây dựng khẩu phần dinh dưỡng, phân tích giá trị dinh dưỡng của thức ăn vật nuôi. | **Tổ chức nhóm** | 10 | 5 | Tham gia đầy đủ, tích cực các cuộc hợp nhóm | Tham gia đầy đủ các hoạt động nhóm. | Tham gia còn thiếu một số ít hoạt động | Chỉ tham gia một số ít hoạt động | Không tham gia |
| Nhiệm vụ được phân công rõ ràng, đầy đủ cho các thành viên trong nhóm | Nhiệm vụ được phân công khá rõ ràng, đầy đủ cho các thành viên trong nhóm | Nhiệm vụ được phân công cho các thành viên trong nhóm đầy đủ | Nhiệm vụ được phân công cho các thành viên trong nhóm chưa đầy đủ | Chưa có sự phân công nhiệm vụ |
| **Hợp tác nhóm** | 30 | 10 | - Trao đổi, chia sẻ và chấp nhận các ý tưởng trong thực hiện nhiệm vụ với các thành viên ở mức độ cao | - Trao đổi và chấp nhận các ý tưởng trong thực hiện nhiệm vụ với các thành viên mức độ khá | Trao đổi, chia sẻ và chấp nhận các ý tưởng trong thực hiện nhiệm vụ với các thành viên ở mức độ cơ bản | Trao đổi và chấp nhận các ý tưởng trong thực hiện nhiệm vụ với các thành viên ở mức độ thấp | Không trao đổi, chia sẻ trong nhóm |
| **Thảo luận nhóm** | 20 | 5 | Đề xuất, sáng kiến để đạt được tốt mục tiêu, kết quả nhóm | Đề xuất, sáng kiến để đạt được khá tốt mục tiêu, kết quả nhóm | Đề xuất, sáng kiến để đạt được mục tiêu, kết quả nhóm ở mức cơ bản | Đề xuất, sáng kiến để đạt được mục tiêu, kết quả nhóm thấp | Chưa có các đề xuất, sáng kiến |
|  | **Báo cáo nhóm** |  | 10 | Hình thức, bố cục báo cáo nhóm đúng quy định, rõ ràng, đầy đủ, trình bày ở mức tốt | Hình thức, bố cục báo cáo đúng quy định, đầy đủ ở mức khá | Hình thức, bố cục báo cáo đúng quy định, bố cục cơ bản hợp lý. | Hình thức bố cục báo cáo cơ bản hợp lý tuy nhiên đang còn sơ sài. | Hình thức bố cục báo cáo nhóm không đúng quy định |

**6. Tài liệu học tập**

**6.1.Tài liệu bắt buộc:**

1. Lê Đức Ngoan. *Dinh Dưỡng gia súc*. NXB Nông nghiệp, 2002.

2. Lê Đức Ngoan, Dư Thanh Hằng, *Giáo trinh dinh dưỡng vật nuôi*. NXB Đại học Huế, 2014.

3. Nguyễn Đình Vinh ( 2021), *Bài giảng* *Dinh dưỡng vât nuôi (Dùng cho hệ đào tạo Đại học chính quy ngành chăn nuôi, thú y - CDIO).* Trường Đại học Vinh.

**6.2. Tài liệu tham khảo:**

4. McDowell L R. *Mineral in Animal and Human Nutrition*. New York, Academic Press. 1992

5. Dương Thanh Liêm, Bùi Huy Như Phúc, Dương Duy Đồng. *Thức ăn và Dinh dưỡng động vật*. NXB Nông nghiệp, 2002.

6. Vũ Duy Giảng, Nguyễn Thị Lương Hồng, Tôn Thất Sơn. *Dinh Dinh Dưỡng và Thức ăn gia súc*, NXB nông nghiệp, 1999.

**7. Nội dung và kế hoạch giảng dạy**

**7.1. Giảng dạy lý thuyết**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tuần/**  **Buổi học (1)** | **Nội dung**  **(2)** | **Hình thức tổ chức dạy học (3)** | **Chuẩn bị của SV (4)** | **CĐR môn học (5)** | **Bài đánh giá (6)** |
| 1 | **Tin chỉ 1: Dinh dưỡng các thành phần thức ăn của vật nuôi**  **Mở đầu**  1.1.Khái niệm và lư­ợc sử nghiên cứu dinh dưỡng ĐV  1.2. Đặc điểm dinh dưỡng của vật nuôi  1.3. Các khái niệm cơ bản về dinh dưỡng vật nuôi  **Chương 1. Dinh dưỡng Protein**  1.1. Giới thiệu  1.2. Trao đổi Protein.  1.3. Nhu câu Protein.  cầu | **GV:** Giảng dạy lý thuyết bằng phương pháp thuyết trình và Đặt câu hỏi.  Kết hợp quan sát hình ảnh,  - Nêu vấn đề về sử dụng Protein ở vật nuôi?  **SV:**  -Nghe giảng, trả lời câu hỏi.  - Thảo luận | Vở ghi chép, Tài liệu tham khảo,  Đọc trước các vấn đề liên quan | CLO1.1  CLO1.2  CLO 2.1  CLO3.1 | A2.1 |
| 2 | **Chương 2. Dinh dưỡng Lipid và Carbohydrate**  **2*.1. Dinh dưỡng Lipid***  ***2.2. Dinh dưỡng Carbohydrate*** | **GV:**  - Giảng dạy lý thuyết bằng phương pháp thuyết trình và quan sát hình ảnh,  - Đặt câu hỏi về đặc điểm tiêu hóa và hấp thu Lipid, Carbohydrate ở vật nuôi ?  **SV:**  -Nghe giảng, trả lời câu hỏi. | Vở ghi chép, đọc trước các 1ài liệu tham khảo. | CLO1.2  CLO 2.1  CLO3.1 | A1.1  A2.1  A3.2 |
| 3 | **Chương 3. Dinh dưỡng Vitamin, Khoáng chất và nước**  ***3.1. Dinh dưỡng Vitamine***  ***3.2. Dinh dưỡng khoáng***  ***3.3. Nước và quá trình dinh dưỡng***  sản | **GV:**  - Giảng dạy lý thuyết bằng phương pháp thuyết trình và quan sát hình ảnh,  - Đặt câu hỏi về vai trò và dinh dưỡng Vitamin, Khoáng và nước ở vật nuôi ?  **SV:**  - Nghe giảng, trả lời câu hỏi. | Vở ghi chép, Đọc àti liệu tham khảo 1, 2. | CLO1.2  CLO 2.1  CLO3.1 | A1.1  A2.1  A3.2 |
| 4 | **Chương 4. Thức ăn và thành phần hóa học của thức ăn vật nuôi**  4.1. Thức ăn chăn nuôi  4.2. Các phương pháp phân tích các thành phần hóa học thức ăn chăn nuôi | **GV:**  - Giảng dạy lý thuyết bằng phương pháp thuyết trình và quan sát hình ảnh,  - Đặt câu hỏi về các loại thức ăn trong chăn nuôi ?  **SV:**  -Nghe giảng, trả lời câu hỏi. | Vở ghi chép, Tài liệu tham khảo,  Chuẩn bị bài liên quan đến nội dung ở nhà. | CLO1.2  CLO 2.1  CLO3.1 | A1.1  A2.1  A3.2 |
| 5 | **Chương 5. Nhu cầu năng lượng**  **của vật nuôi**  5.1. Khái niệm chung  5.2. Phương pháp xác định năng lượng  5.3. Các dạng năng lượng  5.4. Sự biết đổi năng lượng trong cơ thể vật nuôi  5.5. Nhu cầu năng lượng | **GV:**  - Giảng dạy lý thuyết bằng phương pháp thuyết trình và quan sát hình ảnh,  - Đặt câu hỏi về các dạng năng lượng ở vật nuôi ?  **SV:**  -Nghe giảng, trả lời câu hỏi. | Vở ghi chép, Tài liệu tham khảo,  Chuẩn bị bài các nội dung liên quan đến nội dung ở nhà. | CLO1.2  CLO2.2  CLO2.1 | A2.1  A3.2 |
| 6 | **Tín chỉ 2: Nhu cầu dinh dưỡng của vật nuôi**  **Chương 6. Nhu cầu dinh dưỡng cho duy trì**  6.1. Khái niệm chung  6.2. Các phương pháp xác định nhu cầu năng lượng cho duy trì  6.3. Các phương pháp xác định nhu cầu protein cho gia súc ở trạng thái nuôi duy trì  6.4. Những nhân tố ảnh hưởng đến nhu cầu duy trì  6.5. Ý nghĩa xác định nhu cầu duy trì | **GV:**  - Giảng dạy lý thuyết bằng phương pháp thuyết trình và quan sát hình ảnh,  - Đặt câu hỏi về đặc điểm của nhu cầu dinh dưỡng duy trì ở vật nuôi ?  **SV:**  -Nghe giảng, trả lời câu hỏi. | Vở ghi chép, Tài liệu tham khảo,  Chuẩn bị bài các nội dung liên quan đến nội dung ở nhà. | CLO 1.2  CLO 2.1  CLO2.2  CLO3.1 | A1.2  A3.1  A3.2 |
| 7 | **Chương 7. Nhu cầu dinh dưỡng cho vật nuôi tăng trưởng**  7.1. Khái niệm chung  7.2. Các qui luật sự sinh trưởng và phát triển  7.3. Nhu cầu dinh dưỡng của gia súc sinh trưởng | **GV:**  - Giảng dạy lý thuyết bằng phương pháp thuyết trình và quan sát hình ảnh.  - Đặt câu hỏi về đặc điểm tăng trưởng của vật nuôi ?  **SV:**  -Nghe giảng, trả lời câu hỏi. | Vở ghi chép, Tài liệu tham khảo,  Chuẩn bị bài các nội dung liên quan đến nội dung ở nhà. | CLO1.2  CLO 2.1  CLO2.2  CLO3.1 | A1.2  A3.1  A3.2 |
| 7 | **Chương 8. Nhu cầu dinh dưỡng cho gia súc tiết sữa**  8.1. Đặc điểm của gia súc tiết sữa  8.2. Thành phần hóa học của sữa và.sự tạo thành các thành phần của sữa  8.3. Nhu cầu dinh dưỡng | **GV:**  - Giảng dạy lý thuyết bằng phương pháp thuyết trình và quan sát hình ảnh.  - Đặt câu hỏi về đặc điểm dinh dưỡng cho gia súc tiết sữa?  **SV:**  -Nghe giảng, trả lời câu hỏi. | Vở ghi chép, Tài liệu tham khảo,  Chuẩn bị bài các nội dung liên quan đến nội dung ở nhà. | CLO1.2  CLO 2.1  CLO2.2  CLO3.1 | A1.2  A3.1  A3.2 |
| 14 | **Chương 9. Nhu cầu dinh dưỡng cho gia cầm đẻ trứng**  9.1. Đặc điểm chung của gia cầm đẻ trứng  9.2. Nhu Cầu dinh dưỡng cho gia cầm đẻ trứng  9.3. Các yếu tố ảnh hưởng đến nhu cầu và sự lợi dụng protein ở gia cầm | **GV:**  - Giảng dạy lý thuyết bằng phương pháp thuyết trình và quan sát hình ảnh.  - Đặt câu hỏi về chung của gia cầm đẻ trứng ?  **SV:**  -Nghe giảng, trả lời câu hỏi. | Vở ghi chép, Tài liệu tham khảo,  Chuẩn bị bài các nội dung liên quan đến nội dung ở nhà. | CLO1.2  CLO 2.1  CLO2.2  CLO3.1 | A1.2  A3.1  A3.2 |
| 15 | **Chương 10. Nhu cầu dinh dưỡng cho gia súc sinh sản**  10.1. Đặc điểm của gia súc sinh sản  10.2. Nhu cầu dinh dưỡn | GV: Thuyết trình  SV: nghe giảng và trả lời câu hỏi | Vở ghi chép, Tài liệu tham khảo,  Chuẩn bị bài các nội dung liên quan đến nội dung ở nhà. | CLO1.2  CLO 2.1  CLO2.2  CLO3.1 | A1.2  A3.1  A3.2 |

* 1. **Giảng dạy thực hành**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | **Bài thực hành 01 :**  Tìm hiểu đặc điểm cấu tạo của cơ quan tiêu hóa, dinh dưỡng của gia cầm | **\*Đối với GV:** Giảng dạy thực hành bằng phương pháp thuyết trình trên mẫu vật tại phòng thí nghiệm.  - Giới thiệu nội quy, mục tiêu, yêu cầu, chuẩn bị và các phương pháp tiến hành bài thực hành.  - Giới thiệu về cách nhận diện, phân tích các đặc điểm cơ quan tiêu hoá, dinh dưỡng của gia cầm.  **\*Đối với SV:**  - Nghe, hiểu được các vấn đề yêu cầu bài thực hành, các bước tiến hành, vận dụng vào thực tiễn.  - Thức hiện các bước của bài thực hành và viết báo cáo thực hành. | - Vở ghi chép.  - Đọc tài liệu liên quan đến nội dung bài thực hành.  - Thực hiện việc thực hành trực tiếp tại phòng thí nghiệm.  - Viết báo cáo thực hành. | CLO 2.1  CLO2.2  CLO 3.1 | A3.2 |
| 2 | **Bài thực hành 02:**  Tìm hiểu đặc điểm cấu tạo của cơ quan tiêu hóa, dinh dưỡng của gia súc | **\*Đối với GV:** Giảng dạy thực hành bằng phương pháp thuyết trình trên mẫu vật tại phòng thí nghiệm.  - Giới thiệu nội quy, mục tiêu, yêu cầu, chuẩn bị và các phương pháp tiến hành bài thực hành.  - Giới thiệu về cách nhận diện, phân tích các đặc điểm cơ quan tiêu hoá, dinh dưỡng của gia cầm.  **\*Đối với SV:**  - Nghe, hiểu được các vấn đề yêu cầu bài thực hành, các bước tiến hành, vận dụng vào thực tiễn.  - Thức hiện các bước của bài thực hành và viết báo cáo thực hành. | - Vở ghi chép.  - Đọc tài liệu liên quan đến nội dung bài thực hành.  - Thực hiện việc thực hành trực tiếp tại phòng thí nghiệm.  - Viết báo cáo thực hành. | CLO 2.1  CLO2.2  CLO 3.1 | A1.2  A3.2 |
| 3 | **Bài thực hành 03:**  Phân tích giá trị dinh dưỡng của các thành phần thức ăn của vật nuôi | **\*Đối với GV:** Giảng dạy thực hành bằng phương pháp thuyết trình trên mẫu vật, thiết bị tại phòng thí nghiệm.  - Giới thiệu nội quy, mục tiêu, yêu cầu, chuẩn bị và các phương pháp tiến hành bài thực hành.  - Giới thiệu về phương pháp phân tích các thành phần hóa học (Tro, độ ẩm, Protein,..) của thức ăn vật nuôi.  **\*Đối với SV:**  - Nghe, hiểu được các vấn đề yêu cầu bài thực hành, các bước tiến hành, vận dụng vào thực tiễn.  - Thức hiện các bước của bài thực hành và viết báo cáo thực hành. | - Vở ghi chép.  - Đọc tài liệu liên quan đến nội dung bài thực hành.  - Thực hiện việc thực hành trực tiếp tại phòng thí nghiệm.  - Viết báo cáo thực hành. | CLO 2.1  CLO2.2  CLO 3.1 | A3.2 |
| 4 | **Bài thực hành 04:**  Tìm hiểu,tham quan và trải nghiệm trang trại chăn nuôi | **\*Đối với GV:** Giảng dạy thực hành bằng phương pháp thuyết trình trên mẫu vật tại phòng thí nghiệm.  - Giới thiệu nội quy, mục tiêu, yêu cầu, chuẩn bị và các phương pháp tiến hành bài thực hành.  - Giới thiệu về nhu cầu dinh dưỡng của vật nuôi ở các giai đoạn phát triển khác nhau tại trang trại chăn nuôi.  **\*Đối với SV:**  - Nghe, hiểu được các vấn đề yêu cầu bài thực hành, các bước tiến hành, vận dụng vào thực tiễn.  - Thức hiện các bước của bài thực hành và viết báo cáo thực hành. | - Vở ghi chép.  - Đọc tài liệu liên quan đến nội dung bài thực hành.  - Thực hiện việc trải nghiệm trực tiếp tại trang trại chăn nuôi.  - Viết báo cáo thực hành. | CLO 2.1  CLO 3.1  CLO 4.1  CLO 4.2 | A1.2  A3.2 |
| 5 | **Bài thực hành 05:**  Tìm hiểu, tham quan và trải nghiệm nhà máy sản xuất thức ăn chăn nuôi | **\*Đối với GV:** Giảng dạy thực hành bằng phương pháp thuyết trình trên mẫu vật tại trang chăn nuôi.  - Giới thiệu nội quy, mục tiêu, yêu cầu, chuẩn bị và các phương pháp tiến hành bài thực hành.  - Giới thiệu các phương pháp phân tích giá trị dinh dưỡng của thức ăn chăn nuôi.  **\*Đối với SV:**  - Nghe, hiểu được các vấn đề yêu cầu bài thực hành, các bước tiến hành, vận dụng vào thực tiễn.  - Thức hiện các bước của bài thực hành và viết báo cáo thực hành. | - Vở ghi chép.  - Đọc tài liệu liên quan đến nội dung bài thực hành.  - Thực hiện việc trải nghiệm trực tiếp tại nhà máy sản xuất thức ăn chăn nuôi.  - Viết báo cáo thực hành. | CLO 2.1  CLO2.2  CLO3.1 | A3.2 |

**8. Nhiệm vụ của người học**

***8.1. Phần tự học***

- Nghiên cứu tài liệu, xem các slide/video/website.

- Chủ động tìm các nguồn tài liệu khác liên quan đến nội dung học phần.

- Thảo luận, trao đổi những vấn đề liên quan đến học phần với bạn học/cựu sinh viên/cán bộ tại đơn vị trải nghiệm hoặc các nguồn lực hỗ trợ khác.

- Hoàn thành các bài tập được giao trên LMS.

***8.2. Phần học trên lớp trực tiếp hoặc online với giảng viên***

- Dự lớp ≥ 80% tổng thời lượng của học phần.

- Chủ động, tích cực trong giờ học.

- Phát hiện, đưa ra câu hỏi hoặc vấn đề liên quan đến nội dung học tập.

***8.3. Thực hành***

- Tham gia đầy đủ các bài thực hành

- Tôn trọng ý kiến và chịu trách nhiệm về kết quả làm việc chung.

- Hoàn thành đầy đủ nhiệm vụ và sản phẩm thực hành được giao.

**9. Ngày phê duyệt:**

**10. Cấp phê duyệt:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **KT. HIỆU TRƯỞNG**  **PHÓ HIỆU TRƯỞNG** | **VIỆN TRƯỞNG**  **TS. Nguyễn Đình Vinh** | **TRƯỞNG BỘ MÔN**  **TS. Lê Minh Hải** |

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH**  **VIỆN NÔNG NGHIỆP VÀ TÀI NGUYÊN** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

## **ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN CHI TIẾT**

## **Học phần: Giải phẩu vật nuôi**

**1. Thông tin tổng quát:**

**1. Thông tin tổng quát:**

***1.1. Thông tin về giảng viên***:

1. **Nguyễn Thức Tuấn**

Chức danh. Học hàm, học vị: Giảng viên – Tiến sĩ

Địa chỉ liên hệ: Bộ môn Nuôi trồng Thủy sản và Chăn nuôi – Viện Nông nghiệp và Tài Nguyên

Email: nttuan@vinhuni.edu.vn ĐT: 0988506099

1. **Nguyễn Thị Thanh**

Chức danh. Học hàm, học vị: Giảng viên – Tiến sĩ

Địa chỉ liên hệ: Bộ môn Thủy sản và Chăn nuôi – Viện Nông nghiệp và Tài Nguyên

Email: thanhnt[@vinhuni.edu.vn](mailto:binhtt@vinhuni.edu.vn); ĐT: 0984.806.773

***1.2. Thông tin về học phần:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| - Tên môn học (tiếng Việt): **Giải phẫu vật nuôi**  (tiếng Anh): Anatomy of livestock animals | | |
| - Mã số học phần: AHY30001   |  | | --- | |  | |  | | | |
| - Thuộc CTĐT ngành: **Chăn nuôi** | | |
| - Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:  Kiến thức cơ bản  Kiến thức cơ sở ngành  Kiến thức ngành  x | Học phần chuyên về kỹ năng chung  Kiến thức khác | |
| - Thuộc loại học phần: Bắt buộc  x | Tự chọn | |
| - Số tín chỉ: | |  |
| + Số tiết lý thuyết: 25 | |  |
| + Số tiết thảo luận/bài tập: 5 | |  |
| + Số tiết thực hành: 15 | |  |
| + Số tiết tự học: 90 | |  |
| - Điều kiện đăng ký học: | |  |
| + Học phần tiên quyết: | | Mã số HP: |
| + Học phần học trước: Mô phôi động vật | | Mã số HP: AQU20001 |
| - Yêu cầu của học phần: Thực hiện theo Quy chế đào tạo của Trường Đại học Vinh. Cụ thể:  + Thời gian tối thiểu sinh viên phải có mặt trên lớp: 80%  + Sinh viên phải nộp đầy đủ bài tập, báo cáo… qua hệ thống LMS (Mục 5.1). + Tham gia đầy đủ các bài thực hành. | | |
| - Bộ môn phụ trách học phần: Thủy sản và Chăn nuôi  Điện thoại: Email: | | |

**2. Mô tả học phần:**

Học phần Giải phẫu động vật đề cập đến những nội dung cơ bản nhất về vị trí, hình thái, cấu tạo của các cơ quan trong cơ thể động vật nuôi, mối liên hệ giữa các cơ quan đó, đồng thời với môn sinh lý học đề cập đến hoạt động chức năng của các cơ quan, bộ phận trong cơ thể động vật. Qua môn học, sinh viên cũng sẽ nắm được lịch sử tiến hóa các cơ quan trong cơ thể động vật và có được các kỹ năng cơ bản trong giải phẫu động vật nuôi.

**3. Mục tiêu học phần**

Sinh viên hiểu và áp dụng được những kiến thức cơ bản về vị trí, hình thái, cấu tạo giải phẫu các cơ quan trong cơ thể động vật (lấy Bò hoặc Ngựa làm đối tượng nghiên cứu, sau đó so sánh với các gia súc khác: Dê, cừu, lợn, chó, gia cầm) vào thực tiễn sản xuất. Thể hiện được khả năng làm việc nhóm và có kỹ năng giải phẫu các động vật chăn nuôi quan trọng.

**4. Chuẩn đầu ra học phần, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá**

***4.1. Ánh xạ chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **CĐR học phần** | **Ánh xạ với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo** | | |
| **PLO 1.2** | **PLO 2.3** | **PLO 3.1** |
| **1.2.2** | **2.3.1** | **3.1.2** |
| CLO1.1 | **1,0** |  |  |
| CLO2.1 |  | **1,0** |  |
| CLO3.1 |  |  | **1,0** |

***4.2. Nội dung chuẩn đầu ra, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá học phần***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **CĐR học phần (CLO)** | **TĐNL CĐR**  **học phần** | **Mô tả CĐR học phần** | **Phương pháp dạy học** | **Phương pháp đánh giá** |
| CLO1.1 | K4 | Áp dụng được các kiến thức về hình thái, giải phẩu, phân loại, đặc điểm sinh lý, sinh thái và sinh học của động vật nuôi | Thuyết trình  Thực hành | Trắc nghiệm  Rubric 1 |
| CLO2.1 | S4 | Thể hiện thành thạo kỹ thuật phòng thí nghiệm, kỹ năng giải phẫu động vật nuôi | Hướng dẫn  Thực hành | Trắc nghiệm  Thực hành  Rubric 2 |
| CLO3.1 | S4 | Tổ chức, hoạt động, phát triển và lãnh đạo nhóm để tiến hành tìm hiểu, nghiên cứu bài tập nhóm, thực hành về giải phẩu vật nuôi | Hướng dẫn  Làm việc nhóm | Trắc nghiệm  Bài tập |

**5. Đánh giá học tập và các bộ tiêu chí đánh giá**

***5.1. Đánh giá học tập***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Bài đánh giá** | **Hình thức đánh giá và lưu hồ sơ** | **Công cụ đánh giá** | **CĐR học phần** | **Tỷ lệ cho bài đánh giá** | **Tỷ lệ**  **cho học phần** |
| **A1. Đánh giá quá trình** | |  |  |  | **50%** |
| A1.1 | - Bài tập nhóm; nhóm SV nạp báo cáo quá LMS; GV đánh giá và lưu hồ sơ | Rubric 1 | CLO2.1 | 30% | 10% |
| CLO3.1 | 70% |
| A1.2 | - Bài thi trắc nghiệm;  TT Đảm bảo chất lượng tổ chức thi và lưu hồ sơ | - Đáp án | CLO1.1 | 100% | 20% |
| A1.3 | - Kiểm tra kỹ năng thực hành tại PTN | - Rubric 1 | CLO2.1 | 70% | 20% |
| CLO3.1 | 30% |  |
| **A.2. Đánh giá cuối kỳ** | |  |  |  |  |
| A2.1 | Bài thi tự luận  TT Đảm bảo chất lượng tổ chức thi và lưu hồ sơ | Đáp án | CLO1.1 | 100% | *50%* |
| **Công thức tính điểm tổng kết:**  **Điểm TKHP = A1.1 \*0,1+A1.2\*0,2+A1.3\*0,2+A2.1\*0,5** | | | | | |

***5.2. Các bộ tiêu chí đánh giá***

***Rubric 1: Đánh giá bài A1.1 và bài A1.3.***

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **CĐR** | **Tiêu chí đánh giá** | **Trọng số bài A1.1** | **Trọng số bài A1.3** | **Mức độ đánh giá** | | | | |
| **A** | **B** | **C** | **D** | **F** |
| **8.5 - 10** | **7.0 - 8.4** | **5.5 - 6.9** | **4,0 -5,4** | **< 4,0** |
| **CLO2.1.** Thể hiện thành thạo kỹ thuật phòng thí nghiệm, kỹ năng giải phẫu động vật nuôi | **Chuẩn bị** | 30 | 10 | Có sự chuẩn bị tốt về bài thực hành | Có sự chuẩn bị khá tốt về bài thực hành | Có sự chuẩn bị về bài thực hành | Có sự chuẩn bị về bài thực hành sơ sài | Chưa có sự chuẩn bị về bài thực hành |
| **Thao tác thực hành, thí nghiệm** |  | 40 | Thực hiện chính xác thao tác thực hành, đúng quy trình thí nghiệm | Thực hiện đúng thao tác thực hành, đúng quy trình thí nghiệm | Thực hiện đúng thao tác thực hành, quy trình thí nghiệm đạt mức cơ bản | Thực hiện đúng thao tác thực hành, quy trình thí nghiệm đạt ở mức độ thấp | Không thực hiện đúng thao tác thực hành, quy trình thí nghiệm |
| **Kết quả thực hành, thí nghiệm** |  | 20 | Kết quả thực hành, thí nghiệm đúng, đạt tiêu chuẩn tốt, | Kết quả thực hành, TN đúng , đạt tiêu chuẩn khá tốt | Kết quả thực hành, TN đúng , đạt tiêu chuẩn | Kết quả thực hành, TN đúng , chưa đạt tiêu chuẩn, một số lỗi sai | Kết quả thực hành, TN sai |
| **CLO3.1.** Tổ chức, hoạt động, phát triển nhóm hiệu quả để tiến hành tìm hiểu, nghiên cứu bài tập nhóm, thực hành về giải phẩu vật nuôi | **Tổ chức nhóm** | 10 | 5 | Tham gia đầy đủ, tích cực các cuộc hợp nhóm | Tham gia đầy đủ các hoạt động nhóm. | Tham gia còn thiếu một số ít hoạt động | Chỉ tham gia một số ít hoạt động | Không tham gia |
| Nhiệm vụ được phân công rõ ràng, đầy đủ cho các thành viên trong nhóm | Nhiệm vụ được phân công khá rõ ràng, đầy đủ cho các thành viên trong nhóm | Nhiệm vụ được phân công cho các thành viên trong nhóm đầy đủ | Nhiệm vụ được phân công cho các thành viên trong nhóm chưa đầy đủ | Chưa có sự phân công nhiệm vụ |
| **Hợp tác nhóm** | 20 | 10 | - Trao đổi, chia sẻ và chấp nhận các ý tưởng trong thực hiện nhiệm vụ với các thành viên ở mức độ cao | - Trao đổi và chấp nhận các ý tưởng trong thực hiện nhiệm vụ với các thành viên mức độ khá | Trao đổi, chia sẻ và chấp nhận các ý tưởng trong thực hiện nhiệm vụ với các thành viên ở mức độ cơ bản | Trao đổi và chấp nhận các ý tưởng trong thực hiện nhiệm vụ với các thành viên ở mức độ thấp | Không trao đổi, chia sẻ trong nhóm |
| **Thảo luận nhóm** | 10 | 5 | Đề xuất, sáng kiến để đạt được tốt mục tiêu, kết quả nhóm | Đề xuất, sáng kiến để đạt được khá tốt mục tiêu, kết quả nhóm | Đề xuất, sáng kiến để đạt được mục tiêu, kết quả nhóm ở mức cơ bản | Đề xuất, sáng kiến để đạt được mục tiêu, kết quả nhóm thấp | Chưa có các đề xuất, sáng kiến |
|  | **Báo cáo nhóm** | 30 | 10 | Hình thức, bố cục báo cáo nhóm đúng quy định, rõ ràng, đầy đủ, trình bày ở mức tốt | Hình thức, bố cục báo cáo đúng quy định, đầy đủ ở mức khá | Hình thức, bố cục báo cáo đúng quy định, bố cục cơ bản hợp lý. | Hình thức bố cục báo cáo cơ bản hợp lý tuy nhiên đang còn sơ sài. | Hình thức bố cục báo cáo nhóm không đúng quy định |

*a. Tài liệu bắt buộc*

1. Giáo trình Giải phẫu gia súc. Phạm Thị Xuân Vân, NXB Nông nghiệp 1982

2. Giáo trình Giải phẫu gia súc (Phần 2: Giải phẫu cục bộ). Phạm Thị Xuân Vân, Phạm Văn Tự, Trần Duy Ty, NXB Nông nghiệp 1993

*b. Tài liệu tham khảo:*

*3.* Cù Xuân Dần – Lê Khắc Thận dịch, 1985. *Sinh lý sinh sản gia súc. (A.A. Xuxoep).* NXB Nông nghiệp.

**7. Kế hoạch dạy học**

***Lý thuyết:***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tuần/**  **Buổi học (1)** | **Nội dung**  **(2)** | **Hình thức tổ chức dạy học (3)** | **Chuẩn bị của SV (4)** | **CĐR học phần (5)** | **Bài đánh giá (6)** |
| 1 | Chương 1. Tổng quan 1.1. CÁC PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU GIẢI PHẪU  1.2.LỊCH SỬ PHÁT TRIỂN GIẢI PHẪU HỌC  1.3. MỘT SỐ KHÁI NIỆM THƯỜNG GẶP TRONG XÁC ĐỊNH VỊ TRÍ, PHƯƠNG HƯỚNG CÁC PHẦN CỦA CON VẬT  1.4. PHƯƠNG PHÁP HỌC GIẢI PHẪU | \* Giảng viên (GV):  Truyền thụ, diễn giảng; vấn đáp; cây vấn đề  - Hướng dẫn SV tự học  \* Sinh viên (SV):  - Làm việc nhóm để trao đổi vềlịch sử và các phương pháp giải phẫu  **-** Trả lời các câu hỏi của Giảng viên | - Vở ghi chép, Tài liệu tham khảo,  **-** Tự học: Lịch sử nghiên cứu và phát triển ngành giải phẫu học | CLO1.1  CLO2.1  CLO3.1 | A1.1  A 1.2  A2.1 |
| 2 | Chư­ơng 2 HỆ XƯƠNG (OSTEOLOGIA)2.1. CẤU TẠO XƯƠNG2.2. THÀNH PHẦN HÓA HỌC CỦA XƯƠNG2.3. CHI TIẾT VỀ BỘ XƯƠNG2.4. KHỚP XƯƠNG | * Giảng viên:   - Truyền thụ, diễn giảng, mô phỏng, giới thiệu các video clip về cấu tạo hình thái và giải phẫu của tổ chức và hệ cơ quan  - Thảo luận: nguồn gốc, cấu tạo, vai trò của hệ cơ quan  \* Sinh viên:  - Chú ý nghe giảng viên giảng dạy; tham gia trao đổi  - Thảo luận theo chủ đề mà giảng viên nêu ra | - Vở ghi chép, Tài liệu tham khảo,  - Chuẩn bị bài liên quan đến nội dung ở nhà.  - Tự học: Các nôi dụng được hướng dẫn theo bài giảng và tài liệu đã cung cấp | CLO1.1  CLO2.1  CLO3.1 | A1.1  A 1.2  A2.1  A3.1 |
| 3 | Chương 3. HỆ CƠ (MYOLOGY)  3.1. ĐẠI CƯƠNG VỀ HỆ CƠ  3.2. CẤU TẠO VÀ HÌNH DẠNG CỦA CƠ VÂN  3.3. NHỮNG CẤU TẠO HỖ TRỢ CHO CƠ 3.4. THÀNH PHẦN HÓA HỌC CỦA CƠ3.5. CHI TIẾT VỀ HỆ CƠ | * Giảng viên:   - Truyền thụ, diễn giảng, mô phỏng, giới thiệu các video clip về cấu tạo hình thái và giải phẫu của tổ chức và hệ cơ quan  - Thảo luận: nguồn gốc, cấu tạo, vai trò của hệ cơ quan  \* Sinh viên:  - Chú ý nghe giảng viên giảng dạy; tham gia trao đổi  - Thảo luận theo chủ đề mà giảng viên nêu ra | - Vở ghi chép, Tài liệu tham khảo,  - Chuẩn bị bài liên quan đến nội dung ở nhà.  - Tự học: Các nôi dụng được hướng dẫn theo bài giảng và tài liệu đã cung cấp | CLO1.1  CLO2.1  CLO3.1 | A1.1  A 1.2  A2.1 |
| 4 | **Chương 4. Hệ tiêu hóa (DIGESTIVE)** 4.1. KHÍ QUAN TIÊU HÓA TRƯỚC CƠ HOÀNH  4.2. KHÍ QUAN TIÊU HÓA SAU CƠ HOÀNH  4.3. CÁC TUYẾN TIÊU HÓA | * Giảng viên:   - Truyền thụ, diễn giảng, mô phỏng, giới thiệu các video clip về cấu tạo hình thái và giải phẫu của tổ chức và hệ cơ quan  - Thảo luận: nguồn gốc, cấu tạo, vai trò của hệ cơ quan  \* Sinh viên:  - Chú ý nghe giảng viên giảng dạy; tham gia trao đổi  - Thảo luận theo chủ đề mà giảng viên nêu ra | - Vở ghi chép, Tài liệu tham khảo,  - Chuẩn bị bài liên quan đến nội dung ở nhà.  - Tự học: Các nôi dụng được hướng dẫn theo bài giảng và tài liệu đã cung cấp | CLO1.1  CLO2.1  CLO3.1 | A1.1  A 1.2  A2.1 |
| 5 | Chương 5 HỆ HÔ HẤP (RESPIRATORY SYSTEM) 5.1. XOANG MŨI5.2. XOANG ĐẦU MẶT 5.3. SO SÁNH QUA CÁC LOÀI  5.4. THANH QUẢN  5.5. XOANG NGỰC | * Giảng viên:   - Truyền thụ, diễn giảng, mô phỏng, giới thiệu các video clip về cấu tạo hình thái và giải phẫu của tổ chức và hệ cơ quan  - Thảo luận: nguồn gốc, cấu tạo, vai trò của hệ cơ quan  \* Sinh viên:  - Chú ý nghe giảng viên giảng dạy; tham gia trao đổi  - Thảo luận theo chủ đề mà giảng viên nêu ra | - Vở ghi chép, Tài liệu tham khảo,  - Chuẩn bị bài liên quan đến nội dung ở nhà.  - Tự học: Các nôi dụng được hướng dẫn theo bài giảng và tài liệu đã cung cấp | CLO1.1  CLO2.1  CLO3.1 | A1.1  A 1.2  A2.1 |
| 6 | CHƯƠNG 6. CƠ QUAN NIỆU - SINH SỤC  6.1. CƠ QUAN TIẾT NIỆU  6.2. CƠ QUAN SINH DỤC ĐỰC  6.3. CƠ QUAN SINH DỤC CÁI  TUYẾN VÚ | * Giảng viên:   - Truyền thụ, diễn giảng, mô phỏng, giới thiệu các video clip về cấu tạo hình thái và giải phẫu của tổ chức và hệ cơ quan  - Thảo luận: nguồn gốc, cấu tạo, vai trò của hệ cơ quan  \* Sinh viên:  - Chú ý nghe giảng viên giảng dạy; tham gia trao đổi  - Thảo luận theo chủ đề mà giảng viên nêu ra | - Vở ghi chép, Tài liệu tham khảo,  - Chuẩn bị bài liên quan đến nội dung ở nhà.  - Tự học: Các nôi dụng được hướng dẫn theo bài giảng và tài liệu đã cung cấp | CLO1.1  CLO2.1  CLO3.1 | A1.1  A 1.2  A2.1 |
| 7 | CHƯƠNG 7. HỆ TUẦN HOÀN  7.1. TIM  7.2. CÁC ỐNG MẠCH  7.3. MỘT SỐ MẠCH QUẢN CHÍNH TRONG CƠ THỂ  7.4. HỆ MẠCH BẠCH HUYẾT  7.5. SỰ PHÂN BỐ CÁC HẠCH BẠCH HUYẾT TRONG CƠ THỂ  7.6. MỘT SỐ HẠCH BẠCH HUYẾT DÙNG ĐỂ KHÁM SỐNG VÀ KHÁM THỊT  7.7. CƠ QUAN TẠO HUYẾT | * Giảng viên:   - Truyền thụ, diễn giảng, mô phỏng, giới thiệu các video clip về cấu tạo hình thái và giải phẫu của tổ chức và hệ cơ quan  - Thảo luận: nguồn gốc, cấu tạo, vai trò của hệ cơ quan  \* Sinh viên:  - Chú ý nghe giảng viên giảng dạy; tham gia trao đổi  - Thảo luận theo chủ đề mà giảng viên nêu ra | - Vở ghi chép, Tài liệu tham khảo,  - Chuẩn bị bài liên quan đến nội dung ở nhà.  - Tự học: Các nôi dụng được hướng dẫn theo bài giảng và tài liệu đã cung cấp | CLO1.1  CLO2.1  CLO3.1 | A1.1  A 1.2  A2.1 |
| 8 | CHƯƠNG 8. TUYẾN NỘI TIẾT 8.1. ĐẠI CƯƠNG 8.2. TIẾT CÁC TUYẾN NỘI TIẾT | * Giảng viên:   - Truyền thụ, diễn giảng, mô phỏng, giới thiệu các video clip về cấu tạo hình thái và giải phẫu của tổ chức và hệ cơ quan  - Thảo luận: nguồn gốc, cấu tạo, vai trò của hệ cơ quan  \* Sinh viên:  - Chú ý nghe giảng viên giảng dạy; tham gia trao đổi  - Thảo luận theo chủ đề mà giảng viên nêu ra | - Vở ghi chép, Tài liệu tham khảo,  - Chuẩn bị bài liên quan đến nội dung ở nhà.  - Tự học: Các nôi dụng được hướng dẫn theo bài giảng và tài liệu đã cung cấp | CLO1.1  CLO2.1  CLO3.1 | A1.1  A2.1 |
| 9 | CHƯƠNG *9.* CƠ QUAN CẢM GIÁC  9.1. CƠ QUAN CẢM GIÁC  9.2. CƠ QUAN THỊ GIÁC – MẮT  9.3. CƠ QUAN THÍNH GIÁC VÀ THĂNG BẰNG - TAI | * Giảng viên:   - Truyền thụ, diễn giảng, mô phỏng, giới thiệu các video clip về cấu tạo hình thái và giải phẫu của tổ chức và hệ cơ quan  - Thảo luận: nguồn gốc, cấu tạo, vai trò của hệ cơ quan  \* Sinh viên:  - Chú ý nghe giảng viên giảng dạy; tham gia trao đổi  - Thảo luận theo chủ đề mà giảng viên nêu ra | - Vở ghi chép, Tài liệu tham khảo,  - Chuẩn bị bài liên quan đến nội dung ở nhà.  - Tự học: Các nôi dụng được hướng dẫn theo bài giảng và tài liệu đã cung cấp | CLO1.1  CLO2.1  CLO3.1 | A1.1  A2.1 |
| 10 | **CHƯƠNG 10. HỆ THẦN KINH (NEUROLOGIA)**  10.1. TRUNG ƯƠNG THẦN KINH  **10.2.** THẦN KINH NGOẠI BIÊN 10.3. HỆ THẦN KINH THỰC VẬT | * Giảng viên:   - Truyền thụ, diễn giảng, mô phỏng, giới thiệu các video clip về cấu tạo hình thái và giải phẫu của tổ chức và hệ cơ quan  - Thảo luận: nguồn gốc, cấu tạo, vai trò của hệ cơ quan  \* Sinh viên:  - Chú ý nghe giảng viên giảng dạy; tham gia trao đổi  - Thảo luận theo chủ đề mà giảng viên nêu ra | - Vở ghi chép, Tài liệu tham khảo,  - Chuẩn bị bài liên quan đến nội dung ở nhà.  - Tự học: Các nôi dụng được hướng dẫn theo bài giảng và tài liệu đã cung cấp | CLO1.1  CLO2.1  CLO3.1 | A1.1  A2.1 |

***Thực hành:***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tuần/**  **Buổi học (1)** | **Nội dung**  **(2)** | **Hình thức tổ chức dạy học (3)** | **Chuẩn bị của SV (4)** | **CĐR môn học (5)** | **Bài đánh giá (6)** |
| **1** | Bài 1 QUAN SÁT BỘ XƯƠNG VÀ XÁC ĐỊNH VỊ TRÍ MỘT SỐ CƠ QUAN TRÊN CƠ THỂ TRÂU, BÒ  (Thời gian 5 tiết) | **GV:** Giảng dạy thực hành bằng thuyết trình, quan sát mẫu vật. | SV: Đọc tài liệu tìm hiểu đặc điểm hình thái, cấu tạo của trâu bò | CLO2.1  CLO3.1 | A1.3 |
| **2** | BÀI 2. QUAN SÁT CẤU TẠO GIẢI PHẪU CƠ THỂ LỢN(Thời gian 5 tiết) | **GV:** Giảng dạy thực hành bằng thuyết trình, quan sát mẫu vật. | SV: Đọc tài liệu tìm hiểu đặc điểm hình thái, cấu tạo của lợn | CLO2.1  CLO3.1 | A1.3 |
| **3** | BÀI 3. GIẢI PHẪU GIA CẦM (Thời gian: 5 tiết) | **GV:** Giảng dạy thực hành bằng thuyết trình, quan sát mẫu vật. | SV: Đọc tài liệu tìm hiểu đặc điểm hình thái, cấu tạo của gia cầm | CLO2.1  CLO3.1 | A1.3 |

**8****. Nhiệm vụ của người học**

***8.1. Phần tự học***

- Nghiên cứu tài liệu

- Chủ động tìm các nguồn tài liệu khác liên quan đến nội dung học phần.

- Thảo luận, trao đổi những vấn đề liên quan đến học phần với bạn học/cựu sinh viên/cán bộ tại đơn vị trải nghiệm hoặc các nguồn lực hỗ trợ khác.

***8.2. Phần học trên lớp trực tiếp hoặc online với giảng viên***

- Dự lớp ≥ 80% tổng thời lượng của học phần.

- Chủ động, tích cực trong giờ học.

- Phát hiện, đưa ra câu hỏi hoặc vấn đề liên quan đến nội dung học tập.

***8.3. Thực hành***

- Tham gia đầy đủ các bài thực hành

- Tôn trọng ý kiến và chịu trách nhiệm về kết quả làm việc chung.

- Hoàn thành đầy đủ nhiệm vụ và sản phẩm thực hành được giao.

**9. Ngày phê duyệt:**

**10. Cấp phê duyệt:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | **TRƯỞNG KHOA/VIỆN**  **TS. Nguyễn Đình Vinh** | **TRƯỞNG BỘ MÔN**  **TS. Lê Minh Hải** |

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH**  **TRƯỜNG SƯ PHẠM**  **KHOA GIÁO DỤC CHÍNH TRỊ**  **----------------------------** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**  **-------------------------** |

## **ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN CHI TIẾT**

## **Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam**

**1. Thông tin tổng quát:**

***1.1. Thông tin về giảng viên***

***Giảng viên 1***: Nguyễn Văn Trung

Chức danh, học hàm, học vị: GVC, TS

Thời gian, địa điểm làm việc: Khoa Du lịch và Công tác xã hội - Trường KHXH & NV - Trường Đại học Vinh

Địa chỉ liên hệ: 182 Lê Duẩn, TP Vinh, tỉnh Nghệ An

Điện thoại: 091.50.52.736 Email: trunglsd@ vinhuni.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Lịch sử Đảng CS Việt Nam, Đường lối cách mạng Đảng CS Việt Nam, Xây dựng Đảng…

***Giảng viên 2***: Trần Cao Nguyên

Chức danh, học hàm, học vị: GV, TS

Thời gian, địa điểm làm việc: Khoa Giáo dục Chính trị - Trường Sư phạm - Trường Đại học Vinh

Địa chỉ liên hệ: 182 Lê Duẩn, TP Vinh, tỉnh Nghệ An

Điện thoại: 0902252168 Email: nguyengdct@vinhuni.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Lịch sử Đảng CS Việt Nam, Đường lối cách mạng Đảng CS Việt Nam, Xây dựng Đảng…

***Giảng viên 3***: Trần Thị Hạnh

Chức danh, học hàm, học vị: GV, ThS

Thời gian, địa điểm làm việc: Khoa Giáo dục Chính trị - Trường Sư phạm - Trường Đại học Vinh

Địa chỉ liên hệ: 182 Lê Duẩn, TP Vinh, tỉnh Nghệ An

Điện thoại: 0905797656 Email: hanhtran2202@ vinhuni.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Lịch sử Đảng CS Việt Nam, Đường lối cách mạng Đảng CS Việt Nam, Xây dựng Đảng…

***Giảng viên 4***: Phan Thị Nhuần

Chức danh, học hàm, học vị: GV, ThS

Thời gian, địa điểm làm việc: Khoa Giáo dục Chính trị - Trường Sư phạm - Trường Đại học Vinh

Địa chỉ liên hệ: 182 Lê Duẩn, TP Vinh, tỉnh Nghệ An

Điện thoại: 0933698094 Email: phannhuandhv@ vinhuni.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Lịch sử Đảng CS Việt Nam, Đường lối cách mạng Đảng CS Việt Nam, Xây dựng Đảng…

***Giảng viên 5***: Dương Thị Mai Hoa

Chức danh, học hàm, học vị: GV, ThS

Thời gian, địa điểm làm việc: Khoa Giáo dục Chính trị - Trường Sư phạm - Trường Đại học Vinh

Địa chỉ liên hệ: 182 Lê Duẩn, TP Vinh, tỉnh Nghệ An

Điện thoại: 0972989797 Email: hoaduong.project@ vinhuni.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Lịch sử Đảng CS Việt Nam, Đường lối cách mạng Đảng CS Việt Nam, Xây dựng Đảng…

***1.2. Thông tin về học phần:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| - Tên học phần (tiếng Việt): Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam  (tiếng Anh): The history of the Communist Party of Vietnam. | | |
| - Mã số học phần: POL11004 | | |
| - Thuộc CTĐT ngành: | | |
| - Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:  ☑ Kiến thức chung  Kiến thức cơ sở ngành  Kiến thức ngành | Học phần chuyên về kỹ năng chung  Kiến thức khác | |
| - Thuộc loại học phần: ☑ Bắt buộc | Tự chọn | |
| - Số tín chỉ: | |  |
| + Số tiết lý thuyết: 20 | |  |
| + Số tiết thảo luận/bài tập: 10 | |  |
| + Số tiết thực hành: 0 | |  |
| + Số tiết tự học: 60 | |  |
| - Điều kiện đăng ký học: | |  |
| + Học phần tiên quyết: Triết học Mác - Lênin | | Mã số HP:POL 11001 |
| + Học phần học trước: | | Mã số HP: |
| - Yêu cầu của học phần: Thực hiện theo Quy chế đào tạo của Trường Đại học Vinh. Cụ thể:  + Thời gian tối thiểu sinh viên phải có mặt trên lớp: 80% tổng số giờ lên lớp  + Sinh viên phải nộp đầy đủ bài tập, báo cáo qua hệ thống LMS (Mục 5.1). + Tham gia đầy đủ các buổi thảo luận nhóm. | | |
| Đơn vị phụ trách học phần: Khoa Giáo dục Chính trị, trường Sư phạm, trường ĐH Vinh  Điện thoại Email: giaoducchinhtri2021@gmail.com | | |

**2. Mô tả học phần**

Học phần Lịch sử Đảng là học phần bắt buộc thuộc khối khối kiến thức chung của các ngành đào tạo. Học phần trang bị những nội dung bản về sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam và vai trò lãnh đạo của Đảng trong tiến trình cách mạng Việt Nam. Qua học tập sinh viên có niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng, có bản lĩnh chính trị, tư tưởng. Học phần không những cung cấp những kiến thức cơ bản về sự ra đời và lãnh đạo của Đảng, mà còn hình thành cho sinh viên năng lực phân tích các sự kiện Lịch sử Đảng, bài học kinh nghiệm qua các thời kỳ.

**3. Mục tiêu học phần**

Học phần Lịch sử Đảng nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về sự ra đời và đường lối chính trị của Đảng Cộng sản Việt Nam trong tiến trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam. Thông qua học tập học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam giúp sinh viên có niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng, bảo vệ đường lối lãnh đạo của Đảng. Đồng thời rèn luyện sinh viên có bản lĩnh chính trị, tư tưởng vững vàng, năng lực phân tích sự kiện và đúc rút bài học kinh nghiệm.

**4. Chuẩn đầu ra học phần, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá**

(Thống nhất ký hiệu các CĐR học phần là: CLO1.1, CLO1.2, CLO2.1,…)

***4.1. Ánh xạ chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **CĐR học phần** | **Sự tương thích với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo** | | |
| PLO1.1 | PLO2.1 | PLO 2.2 |
| 1.1.1 | 2.1.1 | 2.2.1 |
| CLO1.1 | 0,6 |  |  |
| CLO1.2 | 0,4 |  |  |
| CLO2.1 |  | 1,0 |  |
| CLO3.1 |  |  | 1,0 |

***4.2. Nội dung chuẩn đầu ra, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá học phần***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **CĐR học phần (CLO)** | **Mức độ năng lực CĐR**  **học phần** | **Mô tả CĐR học phần** | **Phương pháp dạy học** | **Phương pháp đánh giá** |
| CLO1.1 | K3 | *Giải thích* được sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam và vai trò lãnh đạo của Đảng qua các thời kỳ cách mạng. | Thuyết trình | Trắc nghiệm |
| CLO1.2 | K3 | *Vận dụng* lý luận đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam vào giải thích các vấn đề về sự lãnh đạo của Đảng trong thực tiễn. | Thuyết trình; Thảo luận nhóm | Trắc nghiệm; Bài tập nhóm |
| CLO2.1 | S3 | *Có khả năng* bảo vệ đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam trong tiến trình cách mạng. | Thảo luận nhóm | Bài tập nhóm |
| CLO2.2 | A3 | *Thể hiện* bản lĩnh chính trị, tư tưởng vững vàng trên lập trường quan điểm đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam. | Tự hoc | Quan sát;  Tự luận |

**5. Đánh giá học tập và các bộ tiêu chí đánh giá**

***5.1. Đánh giá học tập***

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Bài đánh giá** | **Hình thức đánh giá và**  **lưu hồ sơ** | **Công cụ**  **đánh giá** | **CĐR học phần** | **Tỷ lệ cho bài đánh giá** | | **Tỷ lệ**  **cho học phần** | |
| **A1. Đánh giá thường xuyên** | | | | |  | | **50%** | |
| A1.1 | Quan sát, điểm danh, bài tập cá nhân; GV đánh giá và lưu hồ sơ. | Rubric 1 | CLO2.2 | 100% | | 20% | |
| A1.2 | Thảo luận nhóm; nhóm trưởng nôp báo cáo qua LMS; GV đánh giá và lưu hồ sơ | Rubric 2 | CLO1.2 | 40% | | 20% | |
| CLO2.1 | 60% | |
| A1.3 | Bài thi trắc nghiệm; TT đảm bảo chất lượng tổ chức thi và lưu hồ sơ | Câu hỏi/Đáp án | CLO1.1 | 70% | | 10% | |
| CLO1.2 | 30% | |
| **A2. Đánh giá cuối kỳ** | | | | |  | | **50%** | |
| A2.1 | Bài thi trắc nghiệm; TT đảm bảo chất lượng tổ chức thi và lưu hồ sơ | Câu hỏi/Đáp án | CLO1.1 | 70% | | 50% | |
| CLO1.2 | 30% | |
| **Công thức tính điểm học phần:** (A1.1\*2+A1.2\*2+A1.3+A2.1\*5)**/**10 | | | | | | | | |

***5.2. Các bộ tiêu chí đánh giá***

***5.2.1. Rubric 1: Đánh giá bài A1.1***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí đánh giá** | **Mức độ đánh giá (theo thang điểm)** | | | | |
| **5,0 – 4,5** | **4,0 – 3,0** | **2.5 – 2,0** | **1,5 - 0** |
| **Tham gia lớp học**  ***(5 điểm)*** | - Nghe 100% bài giảng SCORM,  - Tham gia 100% tổng số giờ lên lớp theo quy định  - Tích cực phát biểu xây dựng bài | - Nghe trên 90% bài SCORM;  - Tham gia trên 90% tổng số giờ lên lớp quy định  - Có phát biểu xây dựng bài | - Nghe trên 80% bài SCORM;  - Tham gia trên 80% tổng số giờ lên lớp quy định  - Không phát biểu xây dựng bài | - Nghe dưới 80% bài SCORM;  - Tham gia dưới 80% tổng số giờ lên lớp quy định  - Không phát biểu xây dựng bài |
|  | **5,0 – 4,5** | **4,0 – 3,0** | **2.5 – 2,0** | **1,5 - 0** |
| **Thực hiện bài tập cá nhân**  ***(5 điểm)*** | - Hoàn thành tốt bài tập, đúng tiến độ.  - Nội dung thể hiện rõ sự nhìn nhận khách quan, đúng đắn đối với vấn đề mà bài tập đưa ra  - Thể hiện rõ niềm tin đối với sự lãnh đạo cúa Đảng, sự quản lý của Nhà nước đối với quá trình phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. | - Hoàn thành trên 80% nội dung bài tập, đúng tiến độ.  - Nội dung thể hiện sự nhìn nhận khách quan đúng đắn đối với vấn đề mà bài tập đưa ra  - Có niềm tin đối với sự lãnh đạo cúa Đảng, sự quản lý của Nhà nước đối với quá trình phát triển kinh tế - xã hội. | - Hoàn thành trên 50% nội dung bài tập, đúng tiến độ.  - Nội dung thể hiện sự nhìn nhận khách quan đúng đắn đối với vấn đề mà bài tập đưa ra  - Có niềm tin đối với sự lãnh đạo cúa Đảng, quản lý của Nhà nước đối với quá trình phát triển kinh tế - xã hội. | - Hoàn thành dưới 50% nội dung bài tập, chậm tiến độ  - Nội dung thể hiện sự nhìn nhận khách quan đúng đắn đối với vấn đề mà bài tập đưa ra  - Chưa có niềm tin đối với sự lãnh đạo cúa Đảng, sự quản lý của Nhà nước đối với quá trình phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. |
| **TỔNG ĐIỂM: \_\_\_\_\_/10 (Bằng chữ: ………………………………………………………)** | | | | | |

***5.2.2. Rubric 2: Đánh giá bài A1.2***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí đánh giá** | **Mức độ đánh giá (theo thang điểm)** | | | |
| **2.0** | **1.5** | **1.0** | **0.5 - 0** |
| **Cấu trúc và hình**  ***(2 điểm)*** | - Kết cấu đúng yêu cầu, hợp lý, lôgic  - Hình thức đẹp, đúng quy định, không có lỗi chính tả. | - Kết cấu đúng yêu cầu, khá hợp lý, lôgic  - Hình thức khá đẹp, đúng quy định, không có lỗi chính tả. | - Kết cấu đúng yêu cầu, nhưng chưa hợp lý, lôgic.  - Hình thức đúng quy định, có một số lỗi chính tả chính tả. | - Kết cấu chưa đúng yêu cầu, không hợp lý, lôgic.  - Hình thức chưa đúng quy định, còn nhiều lỗi chính tả. |
|  | **5.0 – 4,5** | **4.0 – 3.5** | **3.0 - 2.0** | **1.5 - 0** |
| **Nội dung**  ***(5 điểm)*** | - Giải quyết tốt mục tiêu, nhiệm vụ vấn đề thảo luận.  - Lập luận logic chặt chẽ, đưa ra được những minh chứng thuyết phục.  - Rút ra được kêt luận đúng đối với vấn đề thảo luận. | - Giải quyêt khá tốt mục tiêu, nhiệm vụ vấn đề thảo luận.  - Lập luận khá chặt chẽ, đưa ra được những minh chứng thuyết phục.  - Rút ra được kêt luận đúng đối với vấn đề thảo luận. | - Giải quyết được một số tiêu, nhiệm vụ vấn đề thảo luận.  - Lập luận khá chặt chẽ, nhưng chưa đưa ra được minh chứng thuyết phục.  - Rút ra được kêt luận đúng đối với vấn đề thảo luận. | - Không giải quyết được mục tiêu, nhiệm vụ vấn đề thảo luận.  - Lập luận không rõ ràng, không có minh chứng.  - Không đưa ra quan điểm đúng đối với vấn đề thảo luận. |
|  | **3,0** | **2,0** | **1,0** | **0,5** |
| **Trình bày *(3 điểm)*** | - Trình bày mạch lạc, rõ ràng, tự tin.  - Tranh luận hiệu quả, đưa ra được nhiều dẫn chứng thuyết phục, phản bác được các ý kiến sai trái. | - Trình bày khá mạch lạc, rõ ràng, khá tự tin.  - Có tranh luận, phản bác và đưa ra được một vài dẫn chứng thuyết phục. | - Trình bày tương đối mạch lạc, rõ ràng, nhưng chưa được tự tin.  - Có tranh luận, đưa ra được dẫn chứng nhưng chưa được thuyết phục và chưa thể hiện được khả năng phản bác các ý kiến sai trái | - Trình bày không mạch lạc, rõ ràng, không tự tin.  - Không thể hiện được khả năng tranh luận, phản bác lại các ý kiến sai trái. |
| **TỔNG ĐIỂM: \_\_\_\_\_/10 (Bằng chữ: ………………………………………………………)** | | | | |

**6. Tài liệu học tập**

***6.1. Giáo trình:***

[1]. Bộ Giáo dục và đào tạo, Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, Nxb CTQG, HN, 2020.

***6.2. Tài liệu tham khảo:***

[2]. Đinh Xuân Lâm, Nguyễn Văn Khánh, Nguyễn Đình Lễ, Đại cương Lịch sử Việt Nam, Tập 2. NXB Giáo dục 2001.

[3]. Lê Mậu Hãn, Trần Bá Đệ, Nguyễn Văn Thư, Đại cương Lịch sử Việt Nam -Tập 3. NXB Giáo dục 2001.

[4]. Bộ Giáo dục và Đào tạo, Một số chuyên đề vềịch sử Đảng Công sản Việt Nam, Nxb Chính trị quốc gia, HN 2008.

**7. Kế hoạch dạy học**

***Lý thuyết:***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tuần, Số tiết** | **Nội dung**  **(2)** | **Hình thức tổ chức DH (3)** | **Chuẩn bị của SV (4)** | **CĐR học phần (5)** | **Bài đánh giá (6)** |
| 1 (2) | Chương nhập môn:  I. Đối tượng nghiên cứu của môn học Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam  II. Chức năng, nhiệm vụ của môn học Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam  III. Phương pháp nghiên cứu, học tập môn học Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam  Chương 1. Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời và lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930 - 1945)  1. Bối cảnh lịch sử  + Thế giới  +Trong nước (tự học) | - Cung cấp đề cương chi tiết học phần; Giới thiệu học phần; phương pháp giảng dạy và học tập; phương pháp đánh giá.  Lý thuyết:  - Thuyết giảng: GV viết bảng, thuyết trình và kết hợp trình chiếu slide các nội dung.  - Sử dụng Phương pháp dạy học gợi mở - vấn đáp; Phương pháp thuyết trình, giải thích. | - Nghe bài giảng Elearning Chương1  - Đọc trước tài liệu số [1] từ trang 12 đến trang 49.  - Tổ chức hoạt động nhóm  - Vở ghi chép, vở | CLO1.1  CLO1.2  CLO2.1  CLO2.2 | A1.1  A1.3  A2.1 |
| 2 (2) | Chương 1 (Tiếp theo)  2. Vai trò của Nguyễn Ái Quốc chuẩn bị các điều kiện thành lập Đảng  3, Thành lập ĐCS Việt Nam |  | - Nghe bài giảng Elearning Chương1  - Đọc trước tài liệu số [1] từ trang 49 đến trang 70.  - Vở ghi chép, giáo trình | CLO1.1  CLO1.2  CLO2.1  CLO2.2 | A1.1  A1.3  A2.1 |
| 3 (2) | II. Đảng lãnh đạo quá trình đấu tranh giải phóng dân tộc, giành chính quyền (1930-1945)  1. Phong trào cách mạng 1930-1935 (Tự học)  2. Cuộc vận động dân chủ 1936-1939 (Tự học)  3. Phong trào giải phóng dân tộc 1939-1945  4. Tính chất, ý nghĩa và kinh nghiệm của Cách mạng Tháng Tám năm 1945 (Tự học) | - Thuyết giảng: GV viết bảng, thuyết trình và kết hợp trình chiếu slide các nội dung.  - Sử dụng Phương pháp dạy học gợi mở - vấn đáp; Phương pháp thuyết trình, giải thích. | - Nghe bài giảng ElearningChương 1  - Đọc trước tài liệu số [1] từ trang 71 đến trang 125.  - Vở ghi chép, giáo trình | CLO1.1  CLO1.2  CLO2.1  CLO2.2 | A1.1  A1.3  A2.1 |
| 4 (2) | Chương 2  Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến giành độc lập hoàn toàn, thống nhất đất nước  (1945 - 1975)  I. Đảng lãnh đạo xây dựng, bảo vệ chính quyền cách mạng và kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1945-1954)  1. Xây dựng và bảo vệ chính quyền cách mạng non trẻ (1945-1946)  2. Đường lối kháng chiến toàn quốc và quá trình tổ chức thực hiện từ năm 1946 đến năm 1950 (Tự học)  Chương 2 (Tiếp theo)  3. Đẩy mạnh cuộc kháng chiến đến thắng lợi (1951-1954)  4. Ý nghĩa lịch sử và kinh nghiệm của Đảng về lãnh đạo kháng chiến (Tự học) | - Thuyết giảng: GV viết bảng, thuyết trình và kết hợp trình chiếu slide các nội dung.  - Sử dụng Phương pháp dạy học gợi mở - vấn đáp; Phương pháp thuyết trình, giải thích. | - Nghe bài giảng Elearning Chương 2  - Đọc trước tài liệu số [1] từ trang 128 đến trang 179.  - Vở ghi chép, giáo trình | CLO1.1  CLO1.2  CLO2.1  CLO2.2 | A1.1  A1.3  A2.1 |
| 5 (2) | II. Lãnh đạo xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và kháng chiến chống đế quốc Mỹ xâm lược, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước (1954-1975)  1. Trong giai đoạn 1954-1965  2. Trong giai đoạn 1965-1975  3. Thành tựu, hạn chế và kinh nghiệm lãnh đạo của Đảng thời kỳ 1954 - 1975 (Tự học) | - Thuyết giảng: GV viết bảng, thuyết trình và kết hợp trình chiếu slide các nội dung.  - Sử dụng Phương pháp dạy học gợi mở - vấn đáp; Phương pháp thuyết trình, giải thích. | - Nghe bài giảng Elearning chương 2  - Đọc trước tài liệu số [1] từ trang 180 đến trang 235.  - Vở ghi chép, giáo trình | CLO1.1  CLO1.2  CLO2.1  CLO2.2 |  |
| 6 (2) | Thảo luận nhóm, nội dung chương 1 | - Hoạt động thảo luận nhóm  + Các nhóm thống nhất nội dung được phân công và thuyết trình trước lớp.  + Các nhóm nhận xét và đặt câu hỏi cho nhau.  - Giáo viên nhận xét và tổng kết vấn đề thảo luận. | - Đọc trước tài liệu số [1] từ trang 12 đến trang 70  - Đọc tài liệu tham khảo  - Chuẩn bị câu hỏi thảo luận nhóm  - Thực hiện thảo luận nhóm | CLO1.1  CLO1.2  CLO2.1  CLO2.2 | A1.1  A.1.2 |
| 7 (2) | Thảo luận nhóm, nội dung chương 1 | - Hoạt động thảo luận nhóm  + Các nhóm thống nhất nội dung được phân công và thuyết trình trước lớp.  + Các nhóm nhận xét và đặt câu hỏi cho nhau.  - Giáo viên nhận xét và tổng kết vấn đề thảo luận. | Đọc trước tài liệu số [1] từ trang 71 đến trang 125  - Đọc tài liệu tham khảo  - Chuẩn bị câu hỏi thảo luận nhóm  - Thực hiện thảo luận nhóm | CLO1.1  CLO1.2  CLO2.1  CLO2.2 | A1.1  A.1.2 |
| 8 (2) | Chương 3  Đảng lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975 - 2018)  I. Lãnh đạo xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc (1975-1986)  1. Bước đầu xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc (1975-1981)  2. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V của Đảng và các bước đột phá tiếp tục đổi mới kinh tế (Tự học) | - Thuyết giảng: GV viết bảng, thuyết trình và kết hợp trình chiếu slide các nội dung.  - Sử dụng Phương pháp dạy học gợi mở - vấn đáp; Phương pháp thuyết trình, giải thích. | -Nghe bài giảng Elearning chương 3 phần giai đoạn 1975 - 1986  - Đọc trước tài liệu số [1] từ trang 238 đến trang 260.  - Vở ghi chép, giáo trình | CLO1.1  CLO1.2  CLO2.1  CLO2.2 | A1.1  A2.1 |
| 9 (2) | Chương 3 (Tiếp theo)  II. Lãnh đạo công cuộc đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế (1986-2018)  1. Đổi mới toàn diện, đưa đất nước ra khỏi khủng hoảng kinh tế-xã hội (1986-1996) | - Thuyết giảng: GV viết bảng, thuyết trình và kết hợp trình chiếu slide các nội dung.  - Sử dụng Phương pháp dạy học gợi mở - vấn đáp; Phương pháp thuyết trình, giải thích. | - Nghe bài giảng Elearning chương 3 phần giai đoạn 1986 - nay  - Đọc trước tài liệu số [1] từ trang 260 đến trang 271.  - Vở ghi chép, giáo trình | CLO1.1  CLO1.2  CLO2.1  CLO2.2 | A1.1  A2.1 |
| 10(2) | Chương 3 (Tiếp theo)  2. Tiếp tục công cuộc đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá và hội nhập quốc tế (1996-2018)  Đại hội VII và Đại hội VIII | - Thuyết giảng: GV viết bảng, thuyết trình và kết hợp trình chiếu slide các nội dung.  - Sử dụng Phương pháp dạy học gợi mở - vấn đáp; Phương pháp thuyết trình, giải thích. | - Nghe bài giảng Elearning chương 3 phần giai đoạn 1986 – nay  - Đọc trước tài liệu số [1] từ trang 272 đến trang 295.  - Vở ghi chép, giáo trình | CLO1.1  CLO1.2  CLO2.1  CLO2.2 | A1.1  A2.1 |
| 11(2) | Chương 3 (Tiếp theo)  2. Tiếp tục công cuộc đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá và hội nhập quốc tế (1996-2018)  Đại hội IX – XI | - Thuyết giảng: GV viết bảng, thuyết trình và kết hợp trình chiếu slide các nội dung.  - Sử dụng Phương pháp dạy học gợi mở - vấn đáp; Phương pháp thuyết trình, giải thích. | - Nghe bài giảng Elearning chương 3 phần giai đoạn 1986 -nay  - Đọc trước tài liệu số [1] từ trang 296 đến trang 366. | CLO1.1  CLO1.2  CLO2.1  CLO2.2 | A1.1  A2.1 |
| 12 (2) | Chương 3 (Tiếp theo)  Đại hội XII - XIII  3. Thành tựu, kinh nghiệm của công cuộc đổi mới  KẾT LUẬN  I. Những thắng lợi vĩ đại của cách mạng Việt Nam  II. Những bài học lớn về sự lãnh đạo của Đảng | - Thuyết giảng: GV viết bảng, thuyết trình và kết hợp trình chiếu slide các nội dung.  - Sử dụng Phương pháp dạy học gợi mở - vấn đáp; Phương pháp thuyết trình, giải thích. | - Nghe bài giảng Elearning chương 3 phần giai đoạn 1986 - nay  - Đọc trước tài liệu số [1] từ trang 367 đến trang 344.  - Vở ghi chép, giáo trình | CLO1.1  CLO1.2  CLO2.1  CLO2.2 | A1.1  A2.1 |
| 13 (2) | Thảo luận  Thảo luận nhóm, nội dung chương 2 | Giáo viên chia nhóm giao bài tập cho các nhóm hoàn thành.  GV đề nghị các nhóm cử đại diện trình bày và nghe góp ý các nhóm bạn | - Đọc trước tài liệu số [1] từ trang 128 đến trang 235.  - Đọc tài liệu tham khảo  - Chuẩn bị câu hỏi thảo luận nhóm  - Thực hiện thảo luận nhóm | CLO1.1  CLO1.2  CLO2.1  CLO2.2 | A1.1  A2.1 |
| 14 (2) | Thảo luận nhóm, nội dung chương 2, 3 | - Hoạt động thảo luận nhóm  + Các nhóm thống nhất nội dung được phân công và thuyết trình trước lớp.  + Các nhóm nhận xét và đặt câu hỏi cho nhau.  - Giáo viên nhận xét và tổng kết vấn đề thảo luận. | - Đọc trước tài liệu số [1] từ trang 180 - 235; 238 - 260.  - Đọc tài liệu tham khảo  - Chuẩn bị câu hỏi thảo luận nhóm  - Thực hiện thảo luận nhóm | CLO1.1  CLO1.2  CLO2.1  CLO2.2 | A1.1  A2.1 |
| 15 (2) | Thảo luận nhóm, nội dung chương 3 | - Hoạt động thảo luận nhóm  + Các nhóm thống nhất nội dung được phân công và thuyết trình trước lớp.  + Các nhóm nhận xét và đặt câu hỏi cho nhau.  - Giáo viên nhận xét và tổng kết vấn đề thảo luận. | Đọc trước tài liệu số [1] từ trang 238 - 434.  - Đọc tài liệu tham khảo  - Chuẩn bị câu hỏi thảo luận nhóm  - Thực hiện thảo luận nhóm | CLO1.1  CLO1.2  CLO2.1  CLO2.2 | A1.1  A1.2  A2.1 |

**8. Nhiệm vụ của người học**

***8.1. Phần tự học***

- Nghiên cứu tài liệu, xem các slide/video/website.

- Chủ động tìm các nguồn tài liệu khác liên quan đến nội dung học phần.

- Thảo luận, trao đổi những vấn đề liên quan đến học phần với bạn học

- Hoàn thành các bài tập được giao trên LMS.

***8.2. Phần học trên lớp trực tiếp hoặc online với giảng viên***

- Dự lớp ≥ 80% tổng thời lượng của học phần.

- Chủ động, tích cực trong giờ học.

- Phát hiện, đưa ra câu hỏi hoặc vấn đề liên quan đến nội dung học tập.

**9. Ngày phê duyệt:**

**10. Cấp phê duyệt:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **KT. HIỆU TRƯỞNG**  **PHÓ HIỆU TRƯỞNG** | **HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG SƯ PHẠM** | **TRƯỞNG KHOA GDCT** |
|  |  |  |

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH**  **VIỆN NÔNG NGHIỆP VÀ TÀI NGUYÊN** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

## **ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN CHI TIẾT**

## **Sinh lý động vật**

**1. Thông tin tổng quát:**

***1.1. Thông tin về giảng viên***

***Giảng viên 1:* Nguyễn Thị Thanh**

Học hàm, học vị: Giảng viên – Tiến sĩ

Địa chỉ liên hệ: Bộ môn Thủy sản và Chăn nuôi – Viện Nông nghiệp và Tài Nguyên

Điện thoại: 0984806773, Email: nguyenthithanhnln@gmail.com

Các hướng nghiên cứu chính:

* Quản lý môi trường và dịch bệnh động vật
* Sinh lý động vật

***Giảng viên 2:*** **Trương Thị Thành Vinh**

Học hàm, học vị: Giảng viên – Thạc sĩ

Địa chỉ liên hệ: Bộ môn Thủy sản và Chăn nuôi – Viện Nông nghiệp và Tài Nguyên

Điện thoại: 0985381343, Email: thanhvinhtruong@gmail.com

Các hướng nghiên cứu chính:

* Vi sinh vật

- Sinh lý và bệnh vật nuôi

***1.2. Thông tin về học phần:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| - Tên học phần (tiếng Việt): **Sinh lý động vật**  (tiếng Anh): **Animal Physiology** | | |
| - Mã số học phần: AHY30003 | | |
| - Thuộc CTĐT ngành: **Chăn nuôi** | | |
| - Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:  Kiến thức cơ bản  Kiến thức cơ sở ngành  Kiến thức ngành | Học phần chuyên về kỹ năng chung  Học phần dạy học theo hình thức dự án/đồ án  Kiến thức khác | |
| - Thuộc loại học phần: **Bắt buộc** | Tự chọn | |
| - Số tín chỉ: 4  + Số tiết lý thuyết: 30  + Số tiết thực hiện đồ án, dự án: 30  + Số tiết tự học: 120 | | |
| - Điều kiện đăng ký học: | |  |
| + Học phần tiên quyết: Mô phôi động vật | | Mã số HP: AQU20001 |
| + Học phần học trước: Hoá sinh động vật | | Mã số HP: AHY20001 |
| - Yêu cầu của học phần: Thực hiện theo Quy chế đào tạo của Trường Đại học Vinh. Cụ thể:  + Thời gian tối thiểu sinh viên phải có mặt trên lớp: 80%  + Sinh viên phải nộp đầy đủ bài tập, báo cáo… qua hệ thống LMS (Mục 5.1). | | |
| - Bộ môn phụ trách học phần: Thủy sản và chăn nuôi  Điện thoại: Email: | | |

**2. Mô tả học phần**

Sinh lý động vật cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về những quy luật hoạt động, các chức năng của cơ thể toàn vẹn, cũng như chức năng của các hệ thống cơ quan, các cơ quan của động vật làm cơ sở để tiếp cận các kiến thức của các học phần chuyên ngành. Đồng thời, môn học sẽ giúp người học có kỹ năng làm việc nhóm, hợp tác nhóm; Áp dụng kỹ thuật căn bản phòng thí nghiệm và ứng dụng trong chăn nuôi.

**3. Mục tiêu học phần:**

**CO1.** Trình bày những kiến thức cơ bản về đặc điểm chức năng của các cơ quan, các hệ cơ quan, nắm được quy luật hoạt động trong cơ thể vật nuôi.

**CO2.** Thể hiện kỹ năng kỹ năng lập luận, phân tích và giải quyết vấn đề, kỹ năng làm việc nhóm; kỹ năng thao tác trong ứng dụng chăn nuôi gia súc, gia cầm

**CO3.** Thể hiện thái độ, đạo đức tốt, chủ động được việc học tập, quản lý thời gian, xử lý các tình huống xảy ra trong chăm sóc vật nuôi.

**CO4.** Vận dụng được quy trình theo dõi chức năng sống của cơ quan trên cơ thể động vật và ứng dụng trong chăn nuôi.

**4. Chuẩn đầu ra học phần, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá**

***4.1. Ánh xạ chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo***

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **CĐR học phần** | ***Ánh xạ chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo*** | | | | | | | | |
| **PLO1.2** | **PLO2.1** | **PLO2.2** | | | **PLO**  **2.3** | **PLO**  **3.1** | **PLO 3.2** | **PLO4.2** |
| 1.2.2 | 2.1.1 | 2.2.1 | 2.2.2 | 2.2.3 | 2.3.1 | 3.1.2 | 3.2.2 | 4.2.1 |
| **CLO 1.1** | 1,0 |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **CLO 2.1** |  | 1,0 |  |  |  |  |  |  |  |
| **CLO 2.2** |  |  | 1,0 | 1.0 | 1,0 |  |  |  |  |
| **CLO 2.3** |  |  |  |  |  | 1,0 |  |  |  |
| **CLO 3.1** |  |  |  |  |  |  | 1,0 |  |  |
| **CLO 3.2** |  |  |  |  |  |  |  | 1,0 |  |
| **CLO 4.1** |  |  |  |  |  |  |  |  | 1,0 |

***4.2. Nội dung chuẩn đầu ra, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá học phần***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **CĐR học phần (CLO)** | **TĐNL CĐR**  **học phần** | **Mô tả CĐR học phần** | **Phương pháp dạy học** | **Phương pháp đánh giá** |
| CLO1.1 | K4 | Hiểu được đặc điểm chức năng sinh lý của các cơ quan, các hệ cơ quan trong cơ thể động vật sống. | Thuyết trình/ tự học qua bài giảng E-learning/ bài tập nhóm | Trả lời câu hỏi trắc nghiệm/ Chấm bài tập nhóm |
| CLO2.1 | S3 | Có kỹ năng phân tích, lập luận, giải quyết vấn đề | Đồ án | Chấm đồ án |
| CLO2.2 | A3 | Có đạo đức, trách nhiệm, tinh thần hợp tác để tích luỹ kiến thức thực hiện đồ án | Đồ án | Chấm đồ án |
| CLO2.3 | S4 | Thực hiện các thao tác kỹ thuật chăm sóc vật nuôi | Tự học/Đồ án | Chấm đồ án |
| CLO3.1 | S4 | Nâng cao kỹ năng làm việc nhóm để tìm hiểu tài liệu và thực hiện đồ án | Bài tập nhóm/ Đồ án | Chấm bài tập nhóm, chấm đồ án |
| CLO3.2 | S3 | Vận dụng kỹ năng giao tiếp bằng văn bản, thuyết trình để báo cáo đồ án. | Đồ án | Chấm đồ án |
| CLO4.2 | C3 | Xác định hình thành ý tưởng và đề xuất các giải pháp kỹ thuật trong chăn nuôi | Đồ án | Chấm đồ án |

**5. Đánh giá học tập và các bộ tiêu chí đánh giá**

***5.1. Đánh giá học tập***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Bài đánh giá** | **Hình thức đánh giá, minh chứng và lưu hồ sơ** | **Công cụ đánh giá** | **CĐR học phần** | **Tỷ lệ cho bài đánh giá** | **Tỷ lệ**  **cho học phần** |
| **A1. Đánh giá quá trình** | |  |  |  | **50%** |
| A1.1. | Bài tập trắc nghiệm trên LMS | Đáp án | CLO1.1 | 100% | 15% |
| A1.2. | Bài tập nhóm, GV chấm điểm | Đáp án | CLO2.1 | 60% | 15% |
| CLO2.3 | 40% |
| A1.3. | Đánh giá tiến độ đồ án | Rubric 1 | CLO1.1 | 20% | 20% |
| CLO2.1 | 20% |
| CLO 3.2 | 30% |
| CLO4.2 | 30% |
| **A2. Đánh giá cuối kỳ** | |  |  |  | **50%** |
| A2.1. | Đánh giá chung của hội đồng chấm đồ án/dự án | Rubric 1 | CLO 2.1 | 10% | 35% |
| CLO2.3 | 10% |
| CLO3.1 | 10% |
| CLO3.2 | 30% |
| CLO4.2 | 40% |
| A2.2. | Nhóm tự đánh giá sự đóng góp của các thành viên cho đồ án | Rubric 2 | CLO2.2 | 50% | 15% |
| CLO3.1 | 50% |  |
| **Công thức tính điểm tổng kết:**  **Điểm TKHP = A1.1x0,15 + A1.2x0,15 + A1.3x0,20 + A2.1x0,35 + A2.2x0,15** | | | | | | |

***5.2. Các bộ tiêu chí đánh giá***

***5.2.1. Rubric 1 đánh giá cho bài A1.3 và A2.1***

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **CĐR** | **Tiêu chí đánh giá** | **Trọng số bài A1.3 (%)** | **Trọng số bài A2.1 (%)** | **Mức độ đánh giá** | | | | | **Điểm** |
| **A** | **B** | **C** | **D** | **F** |  |
| **8.5 - 10** | **7.0 - 8.4** | **5.5 - 6.9** | **4,0 -5,4** | **< 4,0** |
| **CLO2.1**. Nâng cao kỹ năng lập luận, phân tích và giải quyết vấn đề  trong lĩnh vực nghiên cứu | Xác định và nêu vấn đề | 10 | 5 | Xác định rõ ràng vấn đề nghiên cứu | Xác định được vấn đề nghiên cứu | Cơ bản xác định được vấn đề nghiên cứu | xác định được vấn đề nghiên cứu chung chung | Không xác định được vấn đề nghiên cứu |  |
| Lập kế hoạch nội dung cần thực hiện | 10 | 5 | Có khả năng tư duy để lập được kế hoạch và đưa ra các giải pháp quyết vấn đề ở mức tốt | Có khả năng tư duy để lập được kế hoạch và đưa ra giải pháp quyết vấn đề ở mức khá | Có khả năng tư duy để lập được kế hoạch và đưa ra giải pháp quyết vấn đề ở mức cơ bản | Có khả năng tư duy để lập được kế hoạch và đưa ra giải pháp quyết vấn đề ở mức thấp | Không có khả năng tư duy để lập được kế hoạch và giải pháp quyết vấn đề |  |
| **CLO1.2**  Áp dụng được các kiến thức đặc điểm chức năng sinh lý của các cơ quan, các hệ cơ quan trong cơ thể động vật | Xác định được đối tượng nghiên cứu. | 10 |  | Xác định được đối tượng nghiên cứu mới, phù hợp | Xác định được đối tượng nghiên cứu mới, khá phù hợp | Xác định được đối tượng nghiên cứu | Xác định được đối tượng nghiên cứu nhưng không phù hợp với điều kiện cơ sở | Không xác định được đối tượng nghiên cứu |  |
| Xác định yếu tố tác động đến đối tượng nghiên cứu | 10 |  | Xác định được yếu tố ảnh hưởng ở mức độ cao | Xác định được yếu tố ảnh hưởng ở mức độ khá | Xác định được yếu tố ảnh hưởng ở mức độ cơ bản | Xác định được yếu tố ảnh hưởng ở mức độ thấp | Không xác định được yếu tố ảnh hưởng |  |
| **CLO2.3**  Thể hiện các thao tác kỹ thuật chăm sóc vật nuôi | Xác định đặc điểm sinh học và biện pháp chăm sóc quản lý |  | 10 | Xác định được đặc điểm sinh học và áp dụng tốt các biện pháp chăm sóc quản lý | Xác định đặc điểm sinh học và áp dụng được biện pháp chăm sóc quản lý | Cơ bản xác định đặc điểm sinh học và thực hiện biện pháp chăm sóc quản lý | Chưa xác định rõ đặc điểm sinh học và chưa thực hiện được biện pháp chăm sóc quản lý | Không xác định được đặc điểm sinh học và không thực hiện biện pháp chăm sóc quản lý vật nuôi |  |
| **CLO 3.2**  Vận dụng kỹ năng giao tiếp bằng văn bản, thuyết trình để trình bày kết quả báo cáo đồ án. | Nội dung, trình tự bài báo cáo | 10 | 10 | Chủ đề trình bày liên quan và có trọng tâm - Nội dung phù hợp và chính xácChủ đề trình bày liên quan và có trọng tâm - Nội dung phù hợp và chính xác | Chủ đề trình bày liên quan và có trọng tâm - Nội dung có một số phần chưa chính xác | Chủ đề trình bày liên quan và có trọng tâm - Nội dung có nhiều phần chưa chính xác | Chủ đề trình bày không trọng tâm - Nội dung có nhiều phần chưa chính xác | Chủ đề trình bày không trọng tâm, không liên quan - Nội dung có nhiều phần chưa chính xác |  |
| Hình thức trình bày | 5 | 5 | -Báo cáo trình bày với bố cục rõ ràng, hợp lý  - Trình bày các thuật ngữ, hình ảnh, bảng biểu, sơ đồ dễ hiểu | Báo cáo trình bày  các thuật ngữ, hình  ảnh, bảng biểu, sơ đồ hợp lý | Báo cáo trình bày phù hợp Trình bày hình ảnh, bảng biểu, sơ đồ hợp lý  - Dùng một số thuật ngữ khó hiểu, đưa nhiều nội dung vào slide | Báo cáo trình bày phù hợp  Sử dụng một số hình ảnh, bảng biểu, sơ đồ không liên quan - Dùng một số thuật ngữ khó hiểu, đưa nhiều nội dung vào slide | Báo cáo không đảm bảo chất lượng theo yêu cầu |  |
|  | Kỹ năng thuyết trình | 10 | 10 | Nói rõ, tự tin, thuyết phục, báo quát, thu hút được toàn bộ người nghe tốt | Nói mạch lạc những không thu hút người nghe khá tốt, khá bao quát | Nói chưa rõ, thiếu tự tin, chưa bao quát, ít giao lưu với người nghe | Nói nhỏ, không tự tin, không giao lưu với người nghe | Không trình bày được |  |
| Trả lời câu hỏi | 5 | 5 | Biết phân tích và trả lời đầy đủ, ngắn gọn liên quan trực tiếp đến câu hỏi  - Tự tin khi trả lời | Trả lời ngắn gọn và phù hợp  - Tự tin khi trả lời | Câu trả lời tập trung  vào câu hỏi  - Hơi thiếu tự tin khi trả lời | Câu trả lời không rõ  ràng, ít liên quan đến  câu hỏi  - Thiếu tự tin khi trả  lời | Không trả lời được bất kỳ câu hỏi nào hoặc trả lời sai |  |
| **CLO4.2**  Hình thành được ý tưởng và đề xuất các giải pháp kỹ thuật trong chăn nuôi | Hình thành ý tưởng, đề xuất giải pháp kỹ thuật | 30 | 40 | Hình thành được ý tưởng tốt và đề xuất các giải pháp kỹ thuật mới phục vụ chăn nuôi | Hình thành được ý tưởng khá mới và đề xuất các giải pháp kỹ thuật trong chăn nuôi | Ý tưởng chưa sát thực với thực tế để đề xuất các giải pháp kỹ thuật trong chăn nuôi | Chưa hình thành được ý tưởng, đề xuất các giải pháp kỹ thuật chưa thiết thực | Không xác được ý tưởng, không đề xuất được giải pháp kỹ thuật trong chăn nuôi |  |

***5.2.2. Rubric 2 cho bài đánh A2.2***

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **CĐR** | **Nội dung đánh giá** | **Trọng số bài A2.2** | **Mức độ đánh giá** | | | | | **Điểm** |
| **A** | **B** | **C** | **D** | **F** |  |
| **8.5 - 10** | **7.0 - 8.4** | **5.5 - 6.9** | **4,0 -5,4** | **< 4,0** |
| **CLO2.2**  **Thể hiện đạo đức, trách nhiệm khi thực hiện giải quyết các vấn đề** | Ý thức, trách nhiệm khi tham gia hoạt động nhóm | 25 | Ý thức, trách nhiệm cao khi tham gia hoạt động nhóm | Ý thức, trách nhiệm khá cao khi tham gia hoạt động nhóm | Ý thức, trách nhiệm khi tham gia hoạt động nhóm | Ý thức, trách nhiệm khi tham gia hoạt động nhóm đang còn thấp | Ý thức, trách nhiệm thấp hoặc không tham gia hoạt động nhóm |  |
| Mức độ tham gia hoạt động nhóm | 25 | Tham gia hoạt động học tập, nhóm với tần suất cao | Tham gia hoạt động học tập, nhóm tần suất khá cao | Tham gia hoạt động học tập, nhóm | Tham gia hoạt động học tập, nhóm tần suất thấp | Không tham gia hoạt động nhóm |  |
| **CLO3.1**  **Phát triển kỹ năng tổ chức nhóm để giải quyết các vấn đề đặt ra** | Tổ chức nhóm | 10 | Tham gia đầy đủ, tích cực các cuộc hợp nhóm | Tham gia đầy đủ các hoạt động nhóm. | Tham gia còn thiếu một số ít hoạt động | Chỉ tham gia một số ít hoạt động | Không tham gia |  |
| Nhiệm vụ được phân công rõ ràng, đầy đủ cho các thành viên trong nhóm | Nhiệm vụ được phân công khá rõ ràng, đầy đủ cho các thành viên trong nhóm | Nhiệm vụ được phân công cho các thành viên trong nhóm đầy đủ | Nhiệm vụ được phân công cho các thành viên trong nhóm chưa đầy đủ | Chưa có sự phân công nhiệm vụ |  |
| Hoạt động, hợp tác nhóm | 10 | Chủ động tạo ra sự tương tác tích cực thực hiện nhiệm vụ | Chủ động tạo ra sự tương tác khá tích cực thực hiện nhiệm vụ | Tương tác thực hiện nhiệm vụ ở mức cơ bản | Còn bị động, phụ thuộc trong sử dụng các phương thức làm việc nhóm | Thụ động trong việc tương tác với các thành viên |  |
| - Trao đổi, chia sẻ và chấp nhận các ý tưởng trong thực hiện nhiệm vụ với các thành viên ở mức độ cao | - Trao đổi và chấp nhận các ý tưởng trong thực hiện nhiệm vụ với các thành viên mức độ khá | Trao đổi, chia sẻ và chấp nhận các ý tưởng trong thực hiện nhiệm vụ với các thành viên ở mức độ cơ bản | Trao đổi và chấp nhận các ý tưởng trong thực hiện nhiệm vụ với các thành viên ở mức độ thấp | Không trao đổi, chia sẻ trong nhóm |  |
| - Chủ động kết nối, sử dụng các phương thức làm việc nhóm hiệu quả cao | - Chủ động kết nối, sử dụng các phương thức làm việc nhóm hiệu quả khá cao | Kết nối, sử dụng các phương thức làm việc nhóm hiệu quả cơ bản | Kết nối, sử dụng các phương thức làm việc nhóm hiệu quả thấp | Bị động trong kết nối, không hiệu quả |  |
| **Thảo luận nhóm** | 20 | Đề xuất, sáng kiến để đạt được tốt mục tiêu, kết quả nhóm | Đề xuất, sáng kiến để đạt được khá tốt mục tiêu, kết quả nhóm | Đề xuất, sáng kiến để đạt được mục tiêu, kết quả nhóm ở mức cơ bản | Đề xuất, sáng kiến để đạt được mục tiêu, kết quả nhóm thấp | Chưa có các đề xuất, sáng kiến |  |

**6. Tài liệu học tập**

***6.1. Giáo trình:***

*Giáo trình:*

[1] Trần Thị Dân, Dương Nguyên Khang, Sinh lý vật nuôi, NXB Nông Nghiệp, 2021

[2] Trần Sáng Tạo, Sinh lý động vật, NXB Đại học Huế, 2012.

*Tài liệu tham khảo:*

[1] Nguyễn Thị Thanh , Bài giảng Sinh lý động vật, Trường Đại học Vinh, 2020.

[2] Phạm Thị Hiền Lương (chủ biên), Tổ chức và phôi thai động vật, Nông nghiệp Hà Nội, 2009.

**7. Kế hoạch dạy học**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tuần/**  **Buổi**  **học [1]**  **(3 tiết)** | **Nội dung**  **[2]** | **Hình thức tổ chức dạy và học [3]** | **Chuẩn bị của sinh viên [4]** | **CĐR học phần [5]** | **Bài đánh giá**  **[6]** |
| 1 | **Chương 1.** Sinh lý hô hấp  1.1. Ý nghĩa của hoạt động hô hấp ở động vật  1.2. Đặc điểm cấu tạo và chức năng tiêu hóa ở khoang miệng  1.3. Đặc điểm cấu tạo và chức năng tiêu hóa ở dạ dày  1.4. Đặc điểm cấu tạo và chức năng tiêu hóa ở ruột non  1.5. Đặc điểm cấu tạo và chức năng tiêu hóa ở ruột  già  1.6. Đặc điểm hấp thu ở động vật | *Giảng viên:*  - Thuyết trình về ý nghĩa, vai trò của hệ hô hấp đối với cơ thể sống  - Thuyết trình về đặc điểm cấu tạo và chức năng các cơ quan hệ tiêu hóa (khoang miệng, dạ dày, ruột)  - Đặt câu hỏi có liên quan đến chức năng tiêu hóa của các loài vật nuôi  SV: Nghe giảng, trả lời câu hỏi | - Tìm hiểu thông tin có liên quan đến chức năng hệ tiêu hóa ở động vật và ứng dụng trong chăn nuôi | CLO1.1  CLO2.1 | A1.1 |
| 2 | **Chương 2.** Sinh lý tuần hoàn  2.1. Sinh lý máu  2.2. Sinh lý bạch huyết  2.3. Cấu tạo và chức năng sinh lý của tim  2.4. Chức năng sinh lý của hệ mạch | ***Giảng viên:*** Thuyết trình  - Chức năng của máu  - Thành phần và chức năng của các tế bào máu  - Đặt câu hỏi có liên quan đến hiện tượng đông máu  **Sinh viên:**  - Nghe giảng, xây dựng bài  - Trả lời câu hỏi của GV | - Vở ghi chép  - Tài liệu học tập  - Tìm hiểu về hiện tượng đông máu và các ứng dụng trong chăn nuôi | CLO1.1  CLO2.1 | A1.1 |
| 3 | **Chương 3. Sinh lý hô hấp**  3.1. Cơ chế hô hấp ở phổi  3.2. Sự trao đổi khí trong hô hấp  3.3. Sự vận chuyển khí của máu  3.4. Đặc điểm hô hấp ở gia cầm | ***Giảng viên:***  Thuyết trình: cơ chế hô hấp, sự trao đổi khí, sự vận chuyển khí của máu, đặc điểm hô hâp ở gia cầm  Câu hỏi: Các yếu tố ảnh hưởng đến hô hấp và giải pháp khắc phục  ***Sinh viên:***  - Nghe giảng, xây dựng bài  - Thảo luận thông tin liên quan đến bài học | - Vở ghi chép  - Tài liệu học tập  - Tìm hiểu tài liệu để trả lời câu hỏi của GV | CLO1.1  CLO2.1 | A1.1 |
| 4 | **Chương 4.** Sinh lý trao đổi chất và năng lượng   * 1. Trao đổi, chuyển hóa các chất   4.2. Trao đổi chuyển hóa năng lượng ở động vật  4.3. Thân nhiệt và sự điều hòa thân nhiệt | ***Giảng viên:***  - Thuyết trình: trao đổi, chuyển hóa các chất; trao đổi chuyển hoá năng lượng; sự điều hòa thân nhiệt ở động vật  - Câu hỏi: Các yếu tố ảnh hưởng đến sự điều hòa thân nhiệt và các giải pháp ứng dụng trong chăn nuôi.  ***Sinh viên:***  - Nghe giảng, Trả lời câu hỏi | - Vở ghi chép  - Tài liệu học tập  - Tìm hiểu tài liệu để trả lời câu hỏi thảo luận của GV | CLO1.1  CLO2.1 | A1.1  A1.2 |
| 5 | **Chương 5.** Sinh lý bài tiết  5.1. Chức năng hệ bài tiết  5.2. Quá trình bài tiết ở thận  5.3. Cơ chế hình thành nước tiểu  5.4. Kiểm tra nước tiểu ở gia súc  5.5. Tác dụng điều tiết của thận với máu | ***Giảng viên:*** Thuyết trình  **-** Quá trình bài tiết ở thận, cơ chế hình thành và phương pháp kiểm tra nước tiểu  - Đặt câu hỏi có liên quan đến nội dung bài học  ***Sinh viên:***  - Nghe giảng, trả lời câu hỏi của GV | - Vở ghi chép  - Tài liệu học tập | CLO1.1  CLO2.1 | A1.1  A1.2 |
| 6 | **Chương 6.** Sinh lý nội tiết  6.1. Đặc điểm chung về tuyến nội tiết và hormon  6.2. Sinh lý các tuyến nội tiết ở động vật | ***Giảng viên:***  - Thuyết trình đặc điểm và chức năng sinh lý của các tuyến nội tiết  - Đặt câu hỏi: Liên hệ việc sử dụng hormon trong chăn nuôi  ***Sinh viên:***  - Nghe giảng, xây dựng bài  - Trả lời câu hỏi của GV | - Vở ghi chép  - Tài liệu học tập | CLO1.1  CLO2.1 | A1.1 |
| 7 | **Chương 7.** Sinh lý thần kinh  7.1. Sinh lý chung của hệ thần kinh trung ương  7.2. Sinh lý não bộ  7.3. Sinh lý tủy sống  7.4. Sinh lý hệ thần kinh thực vật | ***Giảng viên:***  - Thuyết trình về chức năng sinh lý của hệ thần kinh trung ương (não bộ, tủy sống); hệ thần kinh thực vật  - Thảo luận về tính chất của các trung khu thần kinh  ***Sinh viên:***  Nghe giảng, chuẩn bị bài theo yêu cầu của GV | - Vở ghi chép  - Tài liệu học tập  - Tìm hiểu về ý nghĩa và nguyên tắc hoạt động của hệ thần kinh trung ương và những ứng dụng trong chăn nuôi | CLO1.1  CLO2.1 | A1.2  A2.2 |
| 8 | **Chương 8.** Sinh lý hệ thần kinh cấp cao  8.1. Sinh lý hệ thần kinh cao cấp  8.2. Hoạt động chức năng của vỏ đại não | ***Giảng viên:***  - Thuyết trình sinh lý hệ thần kinh cấp cao, hoạt động chức năng của vỏ đại não  - Thảo luận về các loại hình thần kinh và ứng dụng trong chăn nuôi  ***Sinh viên:***  Nghe giảng  Chuẩn bị bài thảo luận theo yêu cầu của GV | Vở ghi chép  - Tài liệu học tập  - Tìm hiểu các loại hình thần kinh và ứng dụng trong chăn nuôi. | CLO1.1  CLO2.1 | A1.2  A2.2 |
| 9 | **Chương 9.** Sinh lý stress và sự thích nghi 9.1. Khái niệm và phản ứng stress  9.2. Các yếu tố gây stress trong chăn nuôi  **Chương 10.** Sinh lý sinh sản và tiết sữa  10.1. Khái niệm thành thục về tính và thể vóc  10.2. Sinh lý sinh dục đực | ***Giảng viên:*** Thuyết trình  - Khái niệm và đặc điểm phản ứng stress; các yếu tố gây stress  - Đặt câu hỏi: Các giải pháp khắc phục các yếu tố gây stress trong chăn nuôi?  ***Sinh viên:***  - Nghe giảng, xây dựng bài  ***Giảng viên:*** Thuyết trình  - Khái niệm thành thục về tính, thành thục về thể vóc  - Sinh lý sinh dục đực  ***Sinh viên***  - Nghe giảng, phát biểu xây dựng bài | - Vở ghi chép  - Tài liệu học tập  - Tìm hiểu về tuyến nội tiết ở động vật thủy sản | CLO1.1  CLO2.1  CLO1.1  CLO2.1 | A1.3 |
| 10 | **Chương 10.** Sinh lý sinh sản và tiết sữa (tiếp)  10.3. Sinh lý sinh dục cái | ***Giảng viên:*** Thuyết trình  - Sinh lý sinh dục cái  - Đặt câu có liên quan đến nội dung môn học  ***Sinh viên:***  - Thực hiện theo yêu cầu của GV | - Đọc tài liệu về cơ chế thụ tinh và các biện pháp kỹ thuật trong phối giống cho gia súc | CLO1.1  CLO2.1 | A1.2  A2.2 |

**Đồ án**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tuần**  **(5 tiết)** | **Nội dung công việc** | **Địa điểm/không gian thực hiện** | **Hoạt động của sinh viên** | **Kết quả cần đạt được** | **Bài đánh giá** | **CĐR học phần** |
| **10** | Xác định vấn đề nghiên cứu và đề xuất được tên đồ án:  1. Lý do chọn đề tài (đặt vấn đề)  **2.** Mục đích và mục tiêu của đề tài  - Mục đích của đề tài  - Mục tiêu của đề tài | Theo phân công của nhà trường | Nghe hướng dẫn. thảo luận, làm việc nhóm | Xác định được vấn đề nghiên cứu, đề xuất được tên đồ án | A1.3 | CLO2.1  CLO2.2  CLO3.1  CLO4.1 |
| **11** | Xác định vấn đề nghiên cứu và đề xuất được tên đồ án:  3. Nội dung và phương pháp nghiên cứu  - Đối tượng nghiên cứu của đề tài  - Thời gian và địa điểm nghiên cứu của đề tài (phạm vi nghiên cứu)  - Nội dung nghiên cứu  - Phương pháp nghiên cứu  4. Dự kiến kết quả đạt được của đồ án  5. Kế hoạch thực hiện | Theo phân công của nhà trường | Nghe hướng dẫn. thảo luận, làm việc nhóm | Xác định được vấn đề nghiên cứu, đề xuất được tên đồ án  Xây dựng được đề cương đồ án | A1.3  A2.2 | CLO2.1  CLO2.2  CLO3.1  CLO3.2  CLO4.1 |
| **12** | Chuẩn bị vật liệu/ điều kiện thí nghiệm:  - Thiết kế, bố trí thí nghiệm (ô chuồng/ lồng…)  - Đối tượng nghiên cứu  - Hệ thống điện, nước  - Thức ăn, thuốc… | Theo phân công của nhà trường | Thảo luận, làm việc nhóm | Chuẩn bị được các điều kiện thí nghiệm | A1.3 | CLO2.1  CLO2.2  CLO3.1  CLO3.2  CLO4.1 |
| **13** | Thực hiện các nội dung của đồ án:  - Theo dõi các hoạt động chức năng sống của vật nuôi (tiêu hoá, trao đổi chất, phản xạ…)  - Thu thập số liệu, viết báo cáo tiến độ… | Theo phân công của nhà trường | Thảo luận, làm việc nhóm | -Thực hiện được các nội dung của đồ án  - Ghi chép các chỉ tiêu theo dõi hoạt động sống | A1.3 | CLO2.1  CLO2.2  CLO3.1  CLO3.2  CLO4.1 |
| **14** | Thực hiện các nội dung của đồ án (tiếp theo)  - Theo dõi các hoạt động chức năng sống của vật nuôi (tiêu hoá, trao đổi chất, phản xạ…)  - Thu thập số liệu, viết báo cáo tiến độ… | Theo phân công của nhà trường | Thảo luận, làm việc nhóm | Thực hiện được các nội dung của đồ án | A1.3  A2.1 | CLO2.1  CLO2.2  CLO3.1  CLO3.2  CLO4.1 |
| **15** | - Xử lý số liệu và phân tích thống kê  - Hoàn thiện sản phẩm đồ án | Theo phân công của nhà trường | Thảo luận, làm việc nhóm | Hoàn thiện được sản phẩm đồ án | A2.1  A2.2 | CLO2.1  CLO2.2  CLO3.1  CLO3.2  CLO4.1 |

**8. Nhiệm vụ của người học**

***8.1. Phần tự học***

- Nghiên cứu tài liệu, xem các slide/video/website.

- Chủ động tìm các nguồn tài liệu khác liên quan đến nội dung học phần.

- Thảo luận, trao đổi những vấn đề liên quan đến học phần với bạn học/cựu sinh viên/cán bộ tại đơn vị trải nghiệm hoặc các nguồn lực hỗ trợ khác.

- Hoàn thành các bài tập được giao trên LMS.

***8.2. Phần học trên lớp trực tiếp hoặc online với giảng viên***

- Dự lớp ≥ 80% tổng thời lượng của học phần.

- Chủ động, tích cực trong giờ học.

- Phát hiện, đưa ra câu hỏi hoặc vấn đề liên quan đến nội dung học tập.

***8.3. Làm việc nhóm, thực hiện đồ án môn học***

- Tham gia xây dựng kế hoạch hoạt động của nhóm.

- Tôn trọng ý kiến và chịu trách nhiệm về kết quả làm việc chung.

- Hoàn thành đầy đủ nhiệm vụ và sản phẩm dự án được giao.

**9. Ngày phê duyệt:**

**10. Cấp phê duyệt:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **KT. HIỆU TRƯỞNG**  **PHÓ HIỆU TRƯỞNG** | **VIỆN TRƯỞNG**  **TS. Nguyễn Đình Vinh** | **TRƯỞNG BỘ MÔN**  **TS. Lê Minh Hải** |

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH**  **VIỆN NÔNG NGHIỆP VÀ TÀI NGUYÊN** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

## **ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN CHI TIẾT**

## **Vi sinh vật Chăn nuôi**

**1. Thông tin tổng quát:**

***1.1. Thông tin về giảng viên***

***Giảng viên 1:* Trương Thị Thành Vinh**

Học hàm, học vị: Thạc sĩ

Địa chỉ liên hệ: 182 Lê Duẩn, TP Vinh, Nghệ An

Điện thoại, email: thanhvinhtruong@gmail.com

Các hướng nghiên cứu chính: Vi sinh vật, Bệnh động vật thủy sản

***Giảng viên 2:* Nguyễn Thị Thanh**

Học hàm, học vị: Tiến sĩ

Địa chỉ liên hệ: 182 Lê Duẩn, TP Vinh, Nghệ An

Điện thoại, email: nguyenthithanhnln@gmail.com

Các hướng nghiên cứu chính: Sinh lý động vật, Quản lý môi trường nuôi thủy sản

***1.2. Thông tin về học phần:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| - Tên học phần (tiếng Việt): **Vi sinh vật chăn nuôi**  (tiếng Anh): **Livestock microorganisms** | | |
| - Mã số học phần: AHY30005 | | |
| - Thuộc CTĐT ngành: **Chăn nuôi** | | |
| - Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:  Kiến thức cơ bản  Kiến thức cơ sở ngành  Kiến thức ngành  x | Học phần chuyên về kỹ năng chung  Kiến thức khác | |
| - Thuộc loại học phần: Bắt buộc  x | Tự chọn | |
| - Số tín chỉ: 03 | |  |
| + Số tiết lý thuyết: 25 | |  |
| + Số tiết thảo luận/bài tập: 5 | |  |
| + Số tiết thực hành: 15 | |  |
| + Số tiết tự học: 90 | |  |
| - Điều kiện đăng ký học: | |  |
| + Học phần tiên quyết: | | Mã số HP: |
| + Học phần học trước: | | Mã số HP: |
| - Yêu cầu của học phần: Thực hiện theo Quy chế đào tạo của Trường Đại học Vinh. Cụ thể:  + Thời gian tối thiểu sinh viên phải có mặt trên lớp: 80%  + Sinh viên phải nộp đầy đủ bài tập, báo cáo… qua hệ thống LMS (Mục 5.1). + Tham gia đầy đủ các bài thực hành. | | |
| - Bộ môn phụ trách học phần: Thủy sản và Chăn nuôi  Điện thoại: Email: | | |

**2. Mô tả học phần:**

Vi sinh vật chăn nuôi là môn học cơ sở cung cấp những kiến thức cơ bản về lịch sử, quá trình hình thành và phát triển của ngành vi sinh vật, những thành tựu đã đạt được và triển vọng phát triển trong lĩnh vực chăn nuôi nói riêng và trong đời sống. Nghiên cứu đặc điểm về hình thái, cấu trúc, chức năng và các hoạt động sống của vi sinh vật đồng thời tìm hiểu sự phân bố của vi sinh vật trong thịt, trứng, sữa, tôm cá, vi sinh vật trong xử lý chất thải chăn nuôi làm cơ sở trong bảo quản, chế biến, kiểm nghiệm sản phẩm động vật và quản lý môi trường trong chăn nuôi.

**3. Mục tiêu học phần**

**CO1**. Hiểu được kiến thức về lịch sử quá trình phát sinh và phát triển của ngành vi sinh vật, vai trò của vi sinh vật trong các lĩnh vực đời sống và trong chăn nuôi. Những kiến thức về cấu trúc, chức năng và các hoạt động sống của vi sinh vật. Đồng thời biết được sự phân bố của vi sinh vật trong sản phẩm động vật, vi sinh vật trong xử lý chất thải chăn nuôi

**CO2.** Ngoài ra, sinh viên sẽ vận dụng thực hiện được một số kỹ thuật căn bản trong phòng thí nghiệm vi sinh, kỹ thuật nuôi cấy, bảo quản, nghiên cứu đặc điểm sinh học và các phương pháp xác định tăng trưởng của vi sinh vật.

**CO3.** Phát triển kỹ năng tổ chức nhóm để giải quyết các vấn đề đặt ra

**4. Chuẩn đầu ra học phần, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá**

***4.1. Ánh xạ chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **CĐR học phần** | **Ánh xạ với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo** | | |
| **PLO1.2** | **PLO2.3** | **PLO3.1** |
| 1.2.4 | 2.3.1 | 3.1.1 |
| CLO1.1 | 1,0 |  |  |
| CLO2.1 |  | 1,0 |  |
| CLO3.1 |  |  | 1,0 |

***4.2. Nội dung chuẩn đầu ra, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá học phần***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **CĐR học phần (CLO)** | **TĐNL CĐR**  **học phần** | **Mô tả CĐR học phần** | **Phương pháp dạy học** | **Phương pháp đánh giá** |
| CLO1.1 | K3 | Hiểu được đặc điểm hình thái, cấu tạo, dinh dưỡng, phát triển, sinh sản và phân loại của một số nhóm vi sinh vật nhân sơ, vi sinh vật nhận thật, virus. Lịch sử quá trình hình thành, phát triển và vai trò của vi sinh vật trong các lĩnh vực đời sống. | Hướng dẫn  Tự học/tự nghiên cứu  Thực hành | Trắc nghiệm  Thực hành  Bài thi tự luận |
| CLO2.1 | S3 | Có khả năng triển khai, áp dụng được các quy tắc an toàn phòng thí nghiệm, sử dụng một số thiết bị thường dùng trong nghiên cứu vi sinh vật và các thao tác trong quá trình chuẩn bị dụng cụ, môi trường nuôi cấy, bảo quản vi sinh vật. Nghiên cứu đặc điểm sinh học và định lượng vi sinh vật | Làm việc nhóm  Thực hành | Rubric 1 |
| CLO3.1 | S3 | Sử dụng kỹ năng làm việc nhóm trong quá trình cộng tác nhóm để đánh giá các tác động của vi sinh vật trong sản phẩm động vật, vi sinh vật trong xử lý chất thải chăn nuôi | Hướng dẫn  Thực hành | Thực hành  Rubric 1 |

**5. Đánh giá học tập và các bộ tiêu chí đánh giá**

***5.1. Đánh giá học tập***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Bài đánh giá** | **Hình thức đánh giá và lưu hồ sơ** | **Công cụ đánh giá** | **CĐR học phần** | **Tỷ lệ cho bài đánh giá** | **Tỷ lệ**  **cho học phần** |
| **A1. Đánh giá quá trình** | |  |  |  | **50%** |
| A1.1 | - Bài tập nhóm; nhóm SV nạp báo cáo quá LMS; GV đánh giá và lưu hồ sơ | Rubric 1 | CLO2.1 | 40% | 10% |
| CLO3.1 | 60% |
| A1.2 | - Bài thi trắc nghiệm;  TT Đảm bảo chất lượng tổ chức thi và lưu hồ sơ | - Đáp án | CLO1.1 | 100% | 20% |
| A1.3 | - Kiểm tra kỹ năng thực hành tại PTN | - Rubric 1 | CLO2.2 | 80% | 20% |
| CLO3.1 | 20% |  |
| **A.2. Đánh giá cuối kỳ** | |  |  |  |  |
| A2.1 | Bài thi tự luận  TT Đảm bảo chất lượng tổ chức thi và lưu hồ sơ | Đáp án | CLO1.1 | 100% | *50%* |
| **Công thức tính điểm tổng kết:**  **Điểm TKHP = A1.1 \*0,1+A1.2\*0,2+A1.3\*0,2+A2.1\*0,5** | | | | | |

*- Ghi chú: Các bài đánh giá thiết kế sao cho đánh giá được từng CĐR.*

*- Ví dụ về công cụ đánh giá: Rubrics, đáp án, bảng kiểm…*

***5.2. Các bộ tiêu chí đánh gíá***

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| ***Rubric 1: Đánh giá bài A1.1 và bài A1.3*CĐR** | **Tiêu chí đánh giá** | **Trọng số bài A1.1** | **Trọng số bài A1.3** | **Mức độ đánh giá** | | | | | |
| **A** | **B** | **C** | **D** | **F** |
| **8.5 - 10** | **7.0 - 8.4** | **5.5 - 6.9** | **4,0 -5,4** | **< 4,0** |
| **CLO2.1.** Có đạo đức, trách nhiệm, thái độ hành xử chuyên nghiệp, tinh thần hợp tác trong hoạt động nghề nghiệp, sẵn sàng chấp nhận thử thách và rủi ro trong chăn nuôi | **Ý thức, trách nhiệm khi tham gia hoạt động nghề nghiệp** | 20 |  | Ý thức, trách nhiệm cao khi tham gia hoạt động nghề nghiệp | Ý thức, trách nhiệm khá cao khi tham gia hoạt động nghề nghiệp | Ý thức, trách nhiệm khi tham gia hoạt động nghề nghiệp | Ý thức, trách nhiệm khi tham gia hoạt động nghề nghiệp đang còn thấp | Ý thức, trách nhiệm thấp hoặc không có khi tham gia hoạt động nghề nghiệp |
| **Mức độ tham gia hoạt động học tập, nghề nghiệp** | 20 |  | Tham gia hoạt động học tập, nghề nghiệp với tần suất cao | Tham gia hoạt động học tập, nghề nghiệp tần suất khá cao | Tham gia hoạt động học tập, nghề nghiệp | Tham gia hoạt động học tập, nghề nghiệp tần suất thấp | Không tham gia hoạt động học tập, nghề nghiệp |
| Có khả năng thực hiện được sử dụng một số thiết bị thường dùng trong nghiên cứu vi sinh vật và các thao tác trong quá trình chuẩn bị dụng cụ, môi trường nuôi cấy, bảo quản vi sinh vật. Nghiên cứu đặc điểm sinh học và định lượng vi sinh vật | **Chuẩn bị** |  | 20 | Có sự chuẩn bị tốt về bài thực hành | Có sự chuẩn bị khá tốt về bài thực hành | Có sự chuẩn bị về bài thực hành | Có sự chuẩn bị về bài thực hành sơ sài | Chưa có sự chuẩn bị về bài thực hành |
| **Thao tác thực hành, thí nghiệm** |  | 40 | Thực hiện chính xác thao tác thực hành, đúng quy trình thí nghiệm | Thực hiện đúng thao tác thực hành, đúng quy trình thí nghiệm | Thực hiện đúng thao tác thực hành, quy trình thí nghiệm đạt mức cơ bản | Thực hiện đúng thao tác thực hành, quy trình thí nghiệm đạt ở mức độ thấp | Không thực hiện đúng thao tác thực hành, quy trình thí nghiệm |
| **Kết quả thực hành, thí nghiệm** |  | 20 | Kết quả thực hành, thí nghiệm đúng, đạt tiêu chuẩn tốt, | Kết quả thực hành, TN đúng , đạt tiêu chuẩn khá tốt | Kết quả thực hành, TN đúng , đạt tiêu chuẩn | Kết quả thực hành, TN đúng , chưa đạt tiêu chuẩn, một số lỗi sai | Kết quả thực hành, TN sai |
| CLO3.1. Làm việc theo nhóm hiệu quả để đánh giá các tác động của vi sinh vật trong sản phẩm động vật, vi sinh vật trong xử lý chất thải chăn nuôi | **Tổ chức nhóm** | 10 | 5 | Tham gia đầy đủ, tích cực các cuộc hợp nhóm | Tham gia đầy đủ các hoạt động nhóm. | Tham gia còn thiếu một số ít hoạt động | Chỉ tham gia một số ít hoạt động | Không tham gia |
| Nhiệm vụ được phân công rõ ràng, đầy đủ cho các thành viên trong nhóm | Nhiệm vụ được phân công khá rõ ràng, đầy đủ cho các thành viên trong nhóm | Nhiệm vụ được phân công cho các thành viên trong nhóm đầy đủ | Nhiệm vụ được phân công cho các thành viên trong nhóm chưa đầy đủ | Chưa có sự phân công nhiệm vụ |
| **Hợp tác nhóm** | 30 | 10 | - Trao đổi, chia sẻ và chấp nhận các ý tưởng trong thực hiện nhiệm vụ với các thành viên ở mức độ cao | - Trao đổi và chấp nhận các ý tưởng trong thực hiện nhiệm vụ với các thành viên mức độ khá | Trao đổi, chia sẻ và chấp nhận các ý tưởng trong thực hiện nhiệm vụ với các thành viên ở mức độ cơ bản | Trao đổi và chấp nhận các ý tưởng trong thực hiện nhiệm vụ với các thành viên ở mức độ thấp | Không trao đổi, chia sẻ trong nhóm |
| **Thảo luận nhóm** | 20 | 5 | Đề xuất, sáng kiến để đạt được tốt mục tiêu, kết quả nhóm | Đề xuất, sáng kiến để đạt được khá tốt mục tiêu, kết quả nhóm | Đề xuất, sáng kiến để đạt được mục tiêu, kết quả nhóm ở mức cơ bản | Đề xuất, sáng kiến để đạt được mục tiêu, kết quả nhóm thấp | Chưa có các đề xuất, sáng kiến |

***6.1. Giáo trình:***

**1.** Trương Thị Thành Vinh, 2020. Bài giảng vi sinh vật Chăn nuôi, Trường Đại học Vinh

2. Nguyễn Như Thành, 2004. Vi sinh vật học đại cương, Nhà xuất bản Nông Nghiệp. Mã sách thư Viện Đại học Vinh: NLN.004337

3. Nguyễn Hồng Sơn. Giáo trình Vi sinh vật chăn nuôi. Nhà xuất bản Đại học Huế, 2012

**\* Tài liệu tham khảo:**

4. Nguyễn Lân Dũng, Nguyễn Đình Quyến, Phạm Văn Ty, 1977. Vi sinh vật học T2 - Đại học và Trung học chuyên nghiệp , 1977. - 612 tr. ; 27 cm. vie. - 579/ ND 399(2)v/ 77. Mã sách thư Viện Đại học Vinh: DC.011469 - 72 DT.004737 - 46 MV.046470 – 535

5. Nguyễn Lân Dũng, Nguyễn Đình Quyến, Phạm Văn Ty, 2001. Vi sinh vật học /.. - Tái bản lần thứ 3. - H.: Giáo Dục , 2001. - 520 tr. ; 27 cm. vie. - 579/ ND 399v/ 01. Mã sách thư Viện Đại học Vinh: DC.001372 – 76

**7. Kế hoạch dạy học**

***Lý thuyết:***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tuần, số tiết** | **Nội dung** | **Hình thức tổ chức dạy học** | **Yêu cầu SV chuẩn bị** | **CĐR học phần** | **Bài đánh giá** |
| **1(3)** | Chương 1. Đối tượng và lịch sử phát triển của vi sinh vật học  1.1. Đối tượng, đặc điểm chung của vi sinh vật  1.2. Sơ lược lịch sử phát triển của vi sinh vật  1.3. Vai trò của vi sinh vật trong đời sống | - Địa điểm: Phòng học theo Nhà Trường sắp xếp  - Thuyết trình  - Hướng dẫn nghiên cứu tìm kiếm tài tài liệu | - Đọc tài liệu [1], trang 1 - 9  -Tìm kiếm tài liệu (website): về triển vọng ứng dụng vi sinh vật trong Chăn nuôi | **CLO1.1** | A1.2 |
| **2** | Chương 2. Sinh học của các cơ thể nhân sơ và nhân thật  2.1. Vi khuẩn  2.1.1. Hình thái của vi khuẩn  2.1.2. Cấu trúc, chức năng của vi khuẩn  2.1.3. Sơ lược phân loại vi khuẩn | - Địa điểm: Nhà học theo Nhà Trường sắp xếp  - Thuyết trình  - Hướng dẫn quan sát hình ảnh  - Hướng dẫn làm thực hành | - Đọc tài liệu [1], trang 11 - 25 xem hình ảnh, tìm hiểu thực tế trước hình thái, cấu tạo, tính chất bắt màu Gram của một số loài vi khuẩn thường gặp trong chăn nuôi | **CLO1.2** | A1.1  A2.1 |
| **3** | Chương 2. Sinh học của các cơ thể nhân sơ và nhân thật (tiếp)  2.2. Xạ khuẩn  2.2.1. Đặc điểm và vai trò của xạ khuẩn  2.2.2. Cấu tạo và phân loại xạ khuẩn  2.3. Vi nấm  2.3.1. Hình thái, cấu tạo, phân loại của nấm men  2.3.2. Hình thái, cấu tạo, phân loại nấm mốc  2.4. Tảo  2.4.1. Hình thái cấu tạo tế bào vi khuẩn lam  2.4.2. Hình thái cấu tạo tế bào tảo | - Địa điểm: Nhà học theo Nhà Trường sắp xếp  - Thuyết trình  - Hướng dẫn quan sát hình ảnh  - Hướng dẫn làm thực hành | Đọc tài liệu [1], trang 26 - 44, xem hình ảnh, so sánh hình thái, cấu tạo của vi khuẩn, xạ khuẩn, của nấm men với nấm mốc | **CLO1.2** | A1.1  A2.1 |
| **4** | Chương 3. Virus  3.1. Lịch sử nghiên cứu, hình thái, kích thước của virus  3.2. Tính chất của virus  3.3. Hình thái, kích thước của virus  3.4. Cấu trúc của virus | - Địa điểm: Nhà học theo Nhà Trường sắp xếp  - Thuyết trình  - Hướng dẫn quan sát hình ảnh | Đọc tài liệu [1], xem hình ảnh, tìm hiểu thực tế trước về hình thái, cấu tạo của một số loại virus thường gặp trong Chăn nuôi | **CLO1.2** | A1.1  A2.1 |
| **5** | Chương 3. Virus (tiếp)  3.5. Sức đề kháng của virus  3.6. Nuôi cấy virus  3.7.Quá trình nhân lên của virus trong tế bào cảm thụ  3.8. Phân loại virus | - Địa điểm: Nhà học theo Nhà Trường sắp xếp  - Thuyết trình  - Hướng dẫn quan sát hình ảnh | Đọc tài liệu [1], xem hình ảnh, video về quá trình nhân bản của virus. | **CLO1.2** | A1.1  A2.1 |
| **6** | Chương 4. Dinh dưỡng, sinh trưởng và sinh sản của vi sinh vật  4.1. Dinh dưỡng của vi sinh vật  4.1.1. Thành phần hóa học của tế bào vi sinh vật  4.1.2. Các kiểu dinh dưỡng của vi sinh vật  4.1.3. Các loại môi trường sống của vi sinh vật | - Địa điểm: Nhà học theo Nhà Trường sắp xếp  - Thuyết trình  - Hướng dẫn quan sát hình ảnh  - Hướng dẫn làm thực hành | Đọc tài liệu [1], xem hình ảnh, tìm hiểu thực tế trước về một số loại môi trường sống của vi sinh vật | **CLO1.2** | A1.1  A1.2  A2.1 |
| **7** | 4.2. Sinh trưởng và phát triển của vi sinh vật  4.2.1. Đường cong sinh trưởng của vi sinh vật  4.2.2. Các phương pháp xác định sự tăng trưởng và phát triển của vi sinh vật  4.3. Sinh sản của vi sinh vật | - Địa điểm: Nhà học theo Nhà Trường sắp xếp  - Thuyết trình  - Hướng dẫn qua hình ảnh | Đọc tài liệu [1] trang….  Tìm hiểu thông tin, thực tế về một số phương pháp định lượng vi sinh vật, ưu nhược điểm của các phương pháp | **CLO1.2**  **CLO3.1** | A1.1  A1.2  A2.1 |
| **8** | Chương 5. Vi sinh vật trong sản phâm động vật  5.1. Vi sinh vật trên cơ thể gia súc  5.2. Vi sinh vật trong sữa  5.3. Vi sinh vật trong thịt | - Địa điểm: Nhà học theo Nhà Trường sắp xếp  - Thuyết trình  - Hướng dẫn qua hình ảnh | **-** Đọc tài liệu [3] trang 127 đến 172  Tìm hiểu thông tin về khu hệ vi sinh vật bình thường và không bình thường trong các sản phẩm sữa, thịt | **CLO1.2** | A1.1  A1.2  A2.1 |
| **9** | Chương 5. Vi sinh vật trong sản phâm động vật (tiếp)  5.4. Vi sinh vật trong trứng  5.5. Vi sinh vật cá  Chương 6. Vi sinh vật trong xử lý chất thải chăn nuôi  6.1. Vi sinh vật nước thải  6.2. Phân | **-** Địa điểm: Nhà học theo Nhà Trường sắp xếp  - Thuyết trình  - Hướng dẫn qua hình ảnh  -Hướng dẫn nghiên cứu, giải quyết tình huống | **-** Đọc tài liệu [3] trang 173 đến 185  Tìm hiểu thông tin khu hệ vi sinh vật bình thường và không bình thường trong các sản phẩm trứng, cá | **CLO3.1**  **CLO3.2** | A1.1  A1.2  A2.1 |
| **10** | Thảo luận chủ đề 1 | - Hướng dẫn thảo luận | **-**Chuẩn bị hồ sơ làm việc nhóm; Bài tập nhóm theo yêu cầu. | **CLO2.1**  **CLO2.2** | **A1.2** |
|  |  |  |  |  |  |

***Thực hành:***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tuần, số tiết** | **Nội dung** | **Hình thức tổ chức dạy học** | **Yêu cầu SV chuẩn bị** | **CĐR học phần** | **Bài đánh giá** |
| 1 (2) | Các quy tắc an toàn và một số thiết bị sử dụng trong nghiên cứu vi sinh vật | Hướng dẫn thực hiện nội quy, các thao tác sử dụng thiết bị phòng thí nghiệm | Giấy A4; Bút ghi chép, áo blu | CLO3.1 | A2.2 |
| 2(3) | Chuẩn bị dụng cụ, môi trường nuôi cấy vi sinh vật | Hướng dẫn khử trùng các loại dụng cụ, chuẩn bị một số môi trường nuôi cấy vi sinh vật | Giấy A4; Bút ghi chép, áo blu, Máy để chụp ảnh | CLO1.2  CLO3.1 | A2.2 |
| 3(3) | Nuôi cấy phân lập, bảo quản vi sinh vật | Hướng dẫn cấy VSV trên một sô loại môi trường và phương pháp bảo quản vi sinh vật | Giấy A4; Bút ghi chép, áo blu, Máy để chụp ảnh | CLO1.2  CLO3.1 | A2.2 |
| 4(4) | Nghiên cứu một số đặc điểm sinh học của vi snh vật trên kính hiển vi | Hướng dẫn nhuộm Gram, quan sát hình thái, tính chất bắt màu của vi khuẩn | Giấy A4; Bút ghi chép, áo blu, Máy để chụp ảnh | CLO1.2  CLO3.1 | A2.2 |
| 5(3) | Định lượng vi sinh vật | Hướng dẫn định lượng vi sinh vật bằng phương pháp đếm khuẩn lạc | Giấy A4; Bút ghi chép, áo blu, Máy để chụp ảnh | CLO2.1  CLO3.1  CLO3.2 | A2.2 |

**8. Nhiệm vụ của người học**

***8.1. Phần tự học***

- Nghiên cứu tài liệu, xem các slide/video/website.

- Chủ động tìm các nguồn tài liệu khác liên quan đến nội dung học phần.

- Thảo luận, trao đổi những vấn đề liên quan đến học phần với bạn học/cựu sinh viên/cán bộ tại đơn vị trải nghiệm hoặc các nguồn lực hỗ trợ khác.

- Hoàn thành các bài tập được giao trên LMS.

***8.2. Phần học trên lớp trực tiếp hoặc online với giảng viên***

- Dự lớp ≥ 80% tổng thời lượng của học phần.

- Chủ động, tích cực trong giờ học.

- Phát hiện, đưa ra câu hỏi hoặc vấn đề liên quan đến nội dung học tập.

***8.3. Thực hành***

- Tham gia đầy đủ các bài thực hành

- Tôn trọng ý kiến và chịu trách nhiệm về kết quả làm việc chung.

- Hoàn thành đầy đủ nhiệm vụ và sản phẩm thực hành được giao.

**9. Ngày phê duyệt:**

**10. Cấp phê duyệt:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **KT. HIỆU TRƯỞNG**  **PHÓ HIỆU TRƯỞNG** | **VIỆN TRƯỞNG**  **TS. Nguyễn Đình Vinh** | **TRƯỞNG BỘ MÔN**  **TS. Lê Minh Hải** |

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH**  **VIỆN NÔNG NGHIỆP VÀ TÀI NGUYÊN** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

## **ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN CHI TIẾT**

## **Học phần: Chuồng trại và thiết bị chăn nuôi**

**1. Thông tin tổng quát:**

***1.1. Thông tin về giảng viên***

***Giảng viên 1:* Lê Minh hải**

Học hàm, học vị: Tiến sĩ

Địa chỉ liên hệ: 182 Lê Duẩn, TP Vinh, Nghệ An

Điện thoại, email: [hailm@vinhuni.edu.vn](mailto:hailm@vinhuni.edu.vn), minhhaidhv@gmail.com

Các hướng nghiên cứu chính: Công trình và thiết bị chăn nuôi; Di truyền và chọn giống động vật; Bệnh động vật.

***Giảng viên 2:* Nguyễn Thị Thanh**

Học hàm, học vị: Tiến sĩ

Địa chỉ liên hệ: 182 Lê Duẩn, TP Vinh, Nghệ An

Điện thoại, email: nguyenthithanhnln@gmail.com

Các hướng nghiên cứu chính: Sinh lý động vật, Quản lý môi trường nuôi thủy sản

***1.2. Thông tin về học phần:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| - Tên học phần (tiếng Việt): **Chuồng trại và thiết bị chăn nuôi**  (tiếng Anh):  **Barns and livestock equipment** | | |
| - Mã số học phần: AHY30036 | | |
| - Thuộc CTĐT ngành: **Chăn nuôi** | | |
| - Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:  Kiến thức cơ bản  Kiến thức cơ sở ngành  Kiến thức ngành  x | Học phần chuyên về kỹ năng chung  Kiến thức khác | |
| - Thuộc loại học phần: Bắt buộc  x | Tự chọn | |
| - Số tín chỉ: 02 | |  |
| + Số tiết lý thuyết: 24 | |  |
| + Số tiết thảo luận/bài tập: 6 | |  |
| + Số tiết thực hành: 0 | |  |
| + Số tiết tự học: 60 | |  |
| - Điều kiện đăng ký học: | |  |
| + Học phần tiên quyết: | | Mã số HP: |
| + Học phần học trước: | | Mã số HP: |
| - Yêu cầu của học phần: Thực hiện theo Quy chế đào tạo của Trường Đại học Vinh. Cụ thể:  + Thời gian tối thiểu sinh viên phải có mặt trên lớp: 80%  + Sinh viên phải nộp đầy đủ bài tập, báo cáo… qua hệ thống LMS (Mục 5.1). + Tham gia đầy đủ các bài thực hành. | | |
| - Bộ môn phụ trách học phần: Thủy sản và Chăn nuôi  Điện thoại: Email: | | |

**2. Mô tả học phần:**

Học phần Chuồng trại và thiết bị chăn nuôi trang bị cho sinh viên các kiến thức về chuồng trại mối quan hệ mật thiết giữa chồng trại và vật nuôi, ảnh hưởng của các yếu tố môi trường, các giải pháp chuồng nuôi nhằm tạo điều kiện tối ưu cho vật nuôi đạt năng xuất cao và chất lượng sản phẩm tốt. Giúp sinh viên biết được các khái niệm và sự cầ thiết của các thiết bị, dụng cụ trong sản xuất chăn nuôi, các nguyên tắc cơ bản trong thiết kế thiết bị. Cung cấp cho sinh viên các kiến thức về cấu tạo, nguyên lý vận hành và mô tả các thiết bị máy móc trong chăn nuôi.

**3. Mục tiêu học phần**

Học phần Chuồng trại và thiết bị chăn nuôi giúp cho sinh viên các hiểu được kiến thức về chuồng trại mối quan hệ mật thiết giữa chồng trại và vật nuôi, ảnh hưởng của các yếu tố môi trường, các giải pháp chuồng nuôi nhằm tạo điều kiện tối ưu cho vật nuôi đạt năng xuất cao và chất lượng sản phẩm tốt. Hiểu được các khái niệm và sự cầ thiết của các thiết bị, dụng cụ trong sản xuất chăn nuôi, các nguyên tắc cơ bản trong thiết kế thiết bị. Hiểu các kiến thức về cấu tạo, nguyên lý vận hành và mô tả các thiết bị máy móc trong chăn nuôi và ứng dụng trong thực tiễn chăn nuôi.

**4. Chuẩn đầu ra học phần, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá**

***4.1. Ánh xạ chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **CĐR học phần** | **Ánh xạ với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo** | |
| **PLO1.3** | **PLO2.2** |
| 1.3.1 | 2.2.1 |
| CLO1.1 | 0,5 |  |
| CLO1.2 | 0,5 |  |
| CLO2.1 |  | 1,0 |

***4.2. Nội dung chuẩn đầu ra, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá học phần***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **CĐR học phần (CLO)** | **TĐNL CĐR**  **học phần** | **Mô tả CĐR học phần** | **Phương pháp dạy học** | **Phương pháp đánh giá** |
| CLO1.1 | **K3** | Hiểu được kiến thức về chuồng trại, các thiết bị, máy móc, dụng cụ trong sản xuất chăn nuôi, hiểu mối quan hệ mật thiết giữa chồng trại và vật nuôi để vận dụng vào thực tiễn. | Thuyết trình  Hướng dẫn | Thi TNKQ  Bài thi tự luận |
| CLO1.2 | **K4** | Hiểu được kiến thức về vật liệu xây dựng, các cấu kiện của chuồng trại và cách thiết kế và xây dựng chuồng trại. Đề xuất được các giải pháp về chuồng nuôi nhằm tạo điều kiện tối ưu cho vật nuôi đạt năng xuất cao và chất lượng sản phẩm tốt. | Thuyết trình  Hướng dẫn  Làm việc nhóm | Bài thi TNKQ  Bài tập nhóm  Bài thi tự luận |
| CLO2.1 | **A3** | Có đạo đức, trách nhiệm, thái độ chuyên nghiệp, tinh thần hợp tác sẵn sàng chấp nhận thử thách và rủi ro trong vận hành chuồng trại, thiết bị chăn nuôi. | Thuyết trình  Hướng dẫn thảo luận nhóm | Bài tập nhóm |

**5. Đánh giá học tập và các bộ tiêu chí đánh giá**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Bài đánh giá** | **Hình thức đánh giá và lưu hồ sơ** | **Công cụ đánh giá** | **CĐR học phần** | **Tỷ lệ cho bài đánh giá** | **Tỷ lệ**  **cho học phần** |
| **A1. Đánh giá quá trình** | |  |  |  | **50%** |
| A1.1 | - Bài thi trắc nghiệm; GV tổ chức đánh giá và lưu hồ sơ | - Đáp án | CLO1.1 | 70% | 20% |
| CLO1.2 | 30% |
| A1.2. | - Bài tập nhóm; nhóm SV nạp báo cáo quá LMS; GV đánh giá và lưu hồ sơ | Rubric 1 | CLO1.2 | 50% | 30% |
| CLO2.1 | 50% |
| **A2. Đánh giá cuối kỳ** | |  |  |  | **50%** |
| A2.1 | **Bài thi tự luận**  TT Đảm bảo chất lượng tổ chức thi và lưu hồ sơ | Đáp án | CLO1.1 | 100% | *50%* |
| **Công thức tính điểm tổng kết:**  **Điểm TKHP = A1.1 \*0,2+A1.2\*0,3+A2.1\*0,5** | | | | | | |

***5.2. Các bộ tiêu chí đánh giá***

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Chuẩn đầu ra học phần** | **Tiêu chí đánh giá** | **Trọng số (%)** | **Mức độ đánh giá** | | | | |
| **A** | **B** | **C** | **D** | **F** |
| **8.5 - 10** | **7.0 - 8.4** | **5.5 - 6.9** | **4,0 -5,4** | **< 4,0** |
| **CLO2.1.** Có đạo đức, trách nhiệm, thái độ chuyên nghiệp, tinh thần hợp tác sẵn sàng chấp nhận thử thách và rủi ro trong vận hành chuồng trại, thiết bị chăn nuôi. | **Ý thức, trách nhiệm khi tham gia hoạt động nghề nghiệp** | 25 | Ý thức, trách nhiệm cao khi tham gia hoạt động nghề nghiệp | Ý thức, trách nhiệm khá cao khi tham gia hoạt động nghề nghiệp | Ý thức, trách nhiệm khi tham gia hoạt động nghề nghiệp | Ý thức, trách nhiệm khi tham gia hoạt động nghề nghiệp đang còn thấp | Ý thức, trách nhiệm thấp hoặc không có khi tham gia hoạt động nghề nghiệp |
| **Mức độ tham gia hoạt động học tập, nghề nghiệp** | 25 | Tham gia hoạt động học tập, nghề nghiệp với tần suất cao | Tham gia hoạt động học tập, nghề nghiệp tần suất khá cao | Tham gia hoạt động học tập, nghề nghiệp | Tham gia hoạt động học tập, nghề nghiệp tần suất thấp | Không tham gia hoạt động học tập, nghề nghiệp |
| **CLO1.2.** Hiểu được kiến thức về vật liệu xây dựng, các cấu kiện của chuồng trại và cách thiết kế và xây dựng chuồng trại. Đề xuất được các giải pháp về chuồng nuôi nhằm tạo điều kiện tối ưu cho vật nuôi đạt năng xuất cao và chất lượng sản phẩm tốt. | Hiểu được về vật liệu xây dựng, các cấu kiện của chuồng trại và cách thiết kế và xây dựng chuồng trại. Đề xuất được giải pháp về chuồng nuôi hợp lý | 50 | Hiểu rõ về vật liệu xây dựng, các cấu kiện của chuồng trại và cách thiết kế và xây dựng chuồng trại. Đề xuất được giải pháp tốt, khả thi. | Hiểu khá tốt về vật liệu xây dựng, các cấu kiện của chuồng trại và cách thiết kế và xây dựng chuồng trại. Đề xuất được giải pháp. | Hiểu cơ bản về vật liệu xây dựng, các cấu kiện của chuồng trại và cách thiết kế và xây dựng chuồng trại. Đề xuất giải pháp chưa cụ thể. | Hiểu kém về vật liệu xây dựng, các cấu kiện của chuồng trại và cách thiết kế và xây dựng chuồng trại. Đề xuất được giải pháp | Chưa hiểu về vật liệu, thiết bị, chuồng trại chăn nuôi. Chưa đề xuất được giải pháp. |

**6. Tài liệu học tập**

***6.1. Giáo trình:***

[1] ] Lê Minh Hải, *Chuồng trại và thiết bị chăn nuôi*, Bài giảng, Trường Đại học Vinh,2021.

***6.2. Tài liệu tham khảo:***

[2] Trịnh Xuân Lai (2000), *Tính toán thiết kế các công trình xử lý nước thải,* Nhà xuất bản Xây dựng.

[3]. Phùng Văn Lự, Phạm Duy Hữu, Phan Khắc Trí (1995), *Vật liệu xây dựng*, NXB Giáo dục.

**7. Kế hoạch dạy học**

***Lý thuyết:***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tuần, số tiết** | **Nội dung** | **Hình thức tổ chức dạy học** | **Yêu cầu SV chuẩn bị** | **CĐR học phần** | **Bài đánh giá** |
| 1 (3) | Chương 1. Giới thiệu  1.1. Các khái niệm, thuật ngữ về chuồng trại  1.2. Mối quan hệ giữa chuồng trại và các phương thức chăn nuôi  1.3. Vai trò của chuồng trại trong chăn nuôi  1.4. Các yêu cẩu và nguyên tắc cơ bản của một chuồng nuôi. | - Địa điểm: Nhà học theo Nhà Trường sắp xếp  - Thuyết trình  - Hướng dẫn qua hình ảnh, video  -Hướng dẫn nghiên cứu, giải quyết tình huống | - Đọc tài liệu liên quan đến chương 1.  -Vở ghi chép, Tài liệu tham  khảo,  - Chuẩn bị bài liên quan đến nội dung ở nhà. | CLO1.1 | A1.1  A2.1 |
| 2 (3) | Chương 2. Ảnh hưởng của các yếu tố môi trường đến cơ thể vật nuôi  2.1. Ánh sáng  2.2. Nhiệt độ  2.3. Ẩm độ  2.4. Tốc độ gió  2.5. Thành phần không khí  2.6. Âm thanh | Địa điểm: Nhà học theo Nhà Trường sắp xếp  - Thuyết trình  - Hướng dẫn qua hình ảnh, video  -Hướng dẫn thảo luận nhóm | - Đọc tài liệu liên quan đến chương 2.  -Vở ghi chép, Tài liệu tham  khảo,  - Chuẩn bị bài liên quan đến nội dung ở nhà.  - Làm việc nhóm | CLO1.1 | A1.1  A2.1 |
| 3(3) | Chương 3. Vật liệu xây dựng chuồng nuôi  3.1. Các định nghĩa  3.2. Đất và các vật liệu từ đất  3.3. Xi măng  3.4. Kim loại  3.5. Chất dẽo | - Địa điểm: Nhà học theo Nhà Trường sắp xếp  - Thuyết trình  - Hướng dẫn qua hình ảnh, video  -Hướng dẫn nghiên cứu, giải quyết tình huống | - Đọc tài liệu liên quan đến chương 3.  -Vở ghi chép, Tài liệu tham  khảo,  - Chuẩn bị bài liên quan đến nội dung ở nhà. | CLO1.2 | A1.2  A2.1 |
| 4 (3) | Chương 4. Các cấu kiện của chuồng nuôi  4.1. Các định nghĩa  4.2. Cừ và móng  4.3. Hệ thống chịu lực  4.4. Nền và sàn  4.5. Tường | - Địa điểm: Nhà học theo Nhà Trường sắp xếp  - Thuyết trình  - Hướng dẫn qua hình ảnh, video | - Đọc trước tài liệu liên đến quan chương 4 ở nhà;  - Chú ý nghe giảng viên giảng dạy.  - Trả lợi các câu hỏi của giảng viên. | CLO1.2  CLO2.1 | A2.1 |
| 5(3) | Chương 5. Thiết kế xây dựng chuồng trại chăn nuôi  5.1. Các định nghĩa  5.2. Các thành phần của chuồng trại  5.3. Hệ thống chuồng nuôi | - Địa điểm: Nhà học theo Nhà Trường sắp xếp  - Thuyết trình  - Hướng dẫn qua hình ảnh, video | - Đọc trước tài liệu liên đến chương 5 quan ở nhà;  - Chú ý nghe giảng viên giảng dạy.  - Trả lợi các câu hỏi của giảng viên. | CLO1.2  CLO2.1 | A2.1 |
| 6(3) | Chương 6. Các phương tiện và dụng cụ trong quản lý gia súc  6.1. Vai trò của thiết bị, dụng cụ trong chăn nuôi  6.2. Sự chuyển đổi trong sản xuất chăn nuôi  6.3. Các nguyên tắc cơ bản trong thiết kế  6.4. Yêu cầu về các khu vực cần thiết trong trại chăn nuôi  6.5. Cách thức, nhu cầu, tầm nhìn trong tương lai | - Địa điểm: Nhà học theo Nhà Trường sắp xếp  - Thuyết trình, hỏi đáp  - Hướng dẫn qua hình ảnh, video | - Đọc trước tài liệu liên quan đến chương 6 ở nhà;  - Chú ý nghe giảng viên giảng dạy.  - Trả lời câu hỏi của giảng viên và chất vấn của các nhóm sinh viên. | CLO1.2  CLO2.1 | A2.1 |
| 7(2) | Chương 7. Các Thiết bị dụng cụ trong chăn nuôi gia cầm  7.1. Giới thiệu  7.2. Các hệ thống chăn nuôi gia cầm  7.3. Hiệu quả kinh tế trong chăn nuôi gia cầm  7.4. Hệ thống nhà sàn  7.5. Thiết bị, dụng cụ máng ăn  7.6. Thiết bị thông gió và làm mát  7.7. Thiết bị chiếu sáng  7.8. Thiết bi vận chuyển  7.9. Hệ thống xử lý chất thải gia cầm | - Địa điểm: Nhà học theo Nhà Trường sắp xếp  - Thuyết trình, hỏi đáp  - Hướng dẫn qua hình ảnh, video | - Đọc trước tài liệu liên quan đến chương 7 ở nhà;  - Chú ý nghe giảng viên giảng dạy. | CLO1.2  CLO2.1 | A2.1 |
| 8(2) | Chương 7. Các Thiết bị dụng cụ trong chăn nuôi gia cầm  7.6. Thiết bị thông gió và làm mát  7.7. Thiết bị chiếu sáng  7.8. Thiết bi vận chuyển  7.9. Hệ thống xử lý chất thải gia cầm | - Địa điểm: Nhà học theo Nhà Trường sắp xếp  - Thuyết trình, hỏi đáp  - Hướng dẫn qua hình ảnh, video  - Hướng dẫn thảo luận | - Đọc trước tài liệu liên quan đến chương 7 ở nhà;  - Chú ý nghe giảng viên giảng dạy.  - Làm việc nhóm | CLO1.2  CLO2.1 | A1.1  A2.1 |
| 9 | Thi trắc nghiệm khách quan | - Địa điểm: Nhà học theo Nhà Trường sắp xếp | Đọc trước tài liệu liên quan ở nhà   * Làm bài thi trắc nghiệm | CLO1.1  CLO1.2 | A1.2 |
| 10(3) | Chương 8. Các Thiết bị dụng cụ trong chăn nuôi lợn  8.1. Giới thiệu  8.2. Tác động của môi trườn đến chăn nuôi lợn  8.3. Các thiết bị giảm tác động môi trường (thiết bị xử lý chất thải, thiết bị kiểm soát môi trường).  8.4. Các máy móc, thiết bị dùng trong chăn nuôi lợn. | - Địa điểm: Nhà học theo Nhà Trường sắp xếp  - Thuyết trình, hỏi đáp  - Hướng dẫn qua hình ảnh, video | - Đọc trước tài liệu liên quan đến chương 8 ở nhà;  - Chú ý nghe giảng viên giảng dạy. | CLO1.1  CLO1.2 | A2.1 |
| 11(3) | Chương 9. Các Thiết bị dụng cụ trong chăn nuôi bò  9.1. Giới thiệu  9.2. Các loại hình chăn nuôi bò  9.3. Các thiết bị cần cho một trại bò  9.4. Các thiết bị quản lý và chăm sóc sức khỏe bò  9.5. Các thiết bị vắt sữa | - Địa điểm: Nhà học theo Nhà Trường sắp xếp  - Thuyết trình, hỏi đáp  - Hướng dẫn qua hình ảnh, video | - Đọc trước tài liệu liên quan đến chương 9ở nhà;  - Chú ý nghe giảng viên giảng dạy. | CLO1.2  CLO2.1 | A2.1 |

**8. Nhiệm vụ của người học**

***8.1. Phần tự học***

- Nghiên cứu tài liệu, xem các slide/video/website.

- Chủ động tìm các nguồn tài liệu khác liên quan đến nội dung học phần.

- Thảo luận, trao đổi những vấn đề liên quan đến học phần với bạn học/cựu sinh viên/cán bộ tại đơn vị trải nghiệm hoặc các nguồn lực hỗ trợ khác.

- Hoàn thành các bài tập được giao trên LMS.

***8.2. Phần học trên lớp trực tiếp hoặc online với giảng viên***

- Dự lớp ≥ 80% tổng thời lượng của học phần.

- Chủ động, tích cực trong giờ học.

- Phát hiện, đưa ra câu hỏi hoặc vấn đề liên quan đến nội dung học tập.

**9. Ngày phê duyệt:**

**10. Cấp phê duyệt:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **KT. HIỆU TRƯỞNG**  **PHÓ HIỆU TRƯỞNG** | **VIỆN TRƯỞNG**  **TS. Nguyễn Đình Vinh** | **TRƯỞNG BỘ MÔN**  **TS. Lê Minh Hải** |

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH**  **VIỆN NÔNG NGHIỆP VÀ TÀI NGUYÊN** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

## **ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN CHI TIẾT**

## **Học phần: Chăn nuôi lớn**

**1. Thông tin tổng quát:**

***1.1. Thông tin về giảng viên***

***Giảng viên 1: TS. Hoàng Thị Mai***

Học hàm, học vị: Tiến sĩ

Địa chỉ liên hệ: 182 Lê Duẩn, TP Vinh, Nghệ An

Điện thoại, email: hoangmaidhv@gmail.com

Các hướng nghiên cứu chính: Kỹ thuật chăn nuôi; Bệnh ở vật nuôi

***Giảng viên 2: TS. Tạ Thị Bình***

Địa chỉ liên hệ: Bộ môn Nuôi trồng Thủy sản và Chăn nuôi – Viện Nông nghiệp và Tài Nguyên

Điện thoại, email: [tathibinhdhv@gmail.com](mailto:tathibinhdhv@gmail.com); ĐT: 0984.596.189

Các hướng nghiên cứu chính: Kỹ thuật sản xuất giống và nuôi thương phẩm các loài thuỷ sản

***1.2. Thông tin về học phần:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| - Tên học phần (tiếng Việt): **Chăn nuôi Lợn**  (tiếng Anh): PIG PRODUCTION | | |
| - Mã số học phần: AHY31013 | | |
| - Thuộc CTĐT ngành: **Chăn nuôi** | | |
| - Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:  Kiến thức cơ bản  Kiến thức cơ sở ngành  Kiến thức ngành  x | Học phần chuyên về kỹ năng chung  Kiến thức khác | |
| - Thuộc loại học phần: Bắt buộc  x | Tự chọn | |
| - Số tín chỉ: 04 | |  |
| + Số tiết lý thuyết: 24 | |  |
| + Số tiết thảo luận/bài tập: 6 | |  |
| + Số tiết đồ án: 30 | |  |
| + Số tiết tự học: 120 | |  |
| - Điều kiện đăng ký học: | |  |
| + Học phần tiên quyết: | | Mã số HP: |
| + Học phần học trước: Chọn và nhân giống vật nuôi  Dinh dưỡng vật nuôi  Sinh lý động vật | | Mã số HP: AHY30009  Mã số HP: AHY30004  Mã số HP: AHY30003 |
| - Yêu cầu của học phần: Thực hiện theo Quy chế đào tạo của Trường Đại học Vinh. Cụ thể:  + Thời gian tối thiểu sinh viên phải có mặt trên lớp: 80% thời gian học trực tiếp.  + Sinh viên phải nộp đầy đủ bài tập, báo cáo… qua hệ thống LMS. | | |
| - Bộ môn phụ trách học phần: Thủy sản và Chăn nuôi  Điện thoại: Email: | | |

**2. Mô tả học phần:**

Chăn nuôi lợn là môn học chuyên ngành cung cấp những kiến thức về tổng quan tình hình chăn nuôi lợn trong nước và trên thế giới; Nguồn gốc, đặc điểm ngoại hình, khả năng sản xuất và hướng sử dụng của một số giống lợn phổ biến được nuôi ở nước ta; Công tác giống lợn và các biện pháp quản lý giống lợn ở Việt Nam; Nhu cầu dinh dưỡng cho từng loại lợn và nguồn thức ăn cho lợn; Qui trình kỹ thuật chăn nuôi các loại lợn và công tác tổ chức quản lý sản xuất chăn nuôi lợn với quy mô trang trại.

**3. Mục tiêu học phần**

Hoàn thành học phần này sinh viên phân tích được tình hình chăn nuôi lợn trong thời gian qua và định hướng phát triển của ngành trong thời gian tới; Vận dụng được quy trình kỹ thuật trong công tác giống, dinh dưỡng, thức ăn và chăm sóc nuôi dưỡng, quản lý từng đối tượng lợn (lợn đực giống, lợn nái, lợn con, lợn thịt); Hình thành ý tưởng và thiết lập được kế hoạch sản xuất chăn nuôi các loại lợn nhằm đảm bảo hiệu quả chăn nuôi cao và bền vững; Thiết kế, triển khai và vận hành được một quy trình chăn nuôi lợn. Biết quản lý thời gian và nguồn lực để thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ; Thông qua làm việc nhóm sinh viên rèn luyện kỹ năng hợp tác, giao tiếp bằng văn bản và đa phương tiện, đồng thời rèn luyện kỹ năng thuyết trình, đàm phán, thỏa hiệp và giải quyết xung đột; Có đạo đức, trách nhiệm, thái độ hành xử chuyên nghiệp, tinh thần hợp tác trong hoạt động nghề nghiệp, sẵn sàng chấp nhận thử thách và rủi ro trong sản xuất, kinh doanh.

**4. Chuẩn đầu ra học phần, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá**

***4.1. Ánh xạ chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo***

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **CĐR học phần** | **Ánh xạ với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo** | | | | | | | | | | | |
| **PLO**  **1.3** | **PLO**  **2.1** | **PLO**  **2.2** | | | **PLO**  **2.3** | **PLO**  **3.1** | **PLO**  **3.2** | **PLO**  **4.1** | **PLO**  **4.2** | |
| **1.3.1** | **2.1.1** | **2.2.1** | **2.2.2** | **2.2.3** | **2.3.2** | **3.1.2** | **3.2.2** | **4.1.1** | **4.2.1** | **4.2.2** |
| CLO1.1 | 1,0 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO2.1 |  | 1,0 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO2.2 |  |  | 1,0 |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO2.3 |  |  |  | 1,0 |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO2.4 |  |  |  |  | 1,0 |  |  |  |  |  |  |
| CLO2.5 |  |  |  |  |  | 1,0 |  |  |  |  |  |
| CLO3.1 |  |  |  |  |  |  | 1,0 |  |  |  |  |
| CLO3.2 |  |  |  |  |  |  |  | 1,0 |  |  |  |
| CLO4.1 |  |  |  |  |  |  |  |  | 1,0 |  |  |
| CLO4.2 |  |  |  |  |  |  |  |  |  | 1,0 |  |
| CLO4.3 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | 1,0 |

***4.2. Nội dung chuẩn đầu ra, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá học phần***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **CĐR học phần (CLO)** | **TĐNL CĐR**  **học phần** | **Mô tả CĐR học phần** | **Phương pháp dạy học** | **Phương pháp đánh giá** |
| CLO1.1 | K4 | Vận dụng được kiến thức về thức ăn chăn nuôi, chọn và nhân giống vật nuôi, công nghệ sinh sản vật nuôi, chuồng trại, thiết bị và quản lý môi trường trong chăn nuôi lợn; và kỹ thuật chăn nuôi các đối tượng lợn. | Thuyết trình; hướng dẫn làm bài tập; tự học; tự học qua bài giảng E-learning trên LMS; dự án | Trả lời câu hỏi trắc nghiệm;  Chấm đồ án |
| CLO2.1 | S3 | Thể hiện khả năng tư duy và giải quyết vấn đề. | Dự án | Chấm đồ án |
| CLO2.2 | A3 | Có tính chủ động, trách nhiệm, tinh thần hợp tác trong hoạt động nghề nghiệp. | Dự án | Chấm đồ án |
| CLO2.3 | A3 | Biết quản lý thời gian và nguồn lực để thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ | Dự án | Chấm đồ án |
| CLO2.4 | A3 | Lập kế hoạch học tập phù hợp để tích lũy kiến thức và định hướng phát triển nghề nghiệp | Thuyết trình, Tự học, Dự án | Trả lời câu hỏi trắc nghiệm.  Chấm đồ án |
| CLO2.5 | S3 | Thể hiện thành thạo kỹ thuật sinh sản và chăn nuôi các đối tượng lợn | Dự án | Chấm đồ án |
| CLO3.1 | S4 | Có khả năng tổ chức, hoạt động, làm việc theo nhóm. | Bài tập nhóm; | Chấm bài tập nhóm |
| CLO3.2 | S3 | Vận dụng linh hoạt, thành thạo các hình thức giao tiếp khác nhau (thuyết trình, văn bản, điện tử/đa truyền thông). | Bài tập nhóm;  Dự án | Chấm bài tập nhóm  Chấm đồ án |
| CLO4.1 | C3 | Phân tích được tình hình, chiến lược và mục tiêu phát triển của ngành chăn nuôi lợn trong bối cảnh của xã hội và doanh nghiệp | Bài tập nhóm; | Chấm bài tập nhóm |
| CLO4.2 | C3 | Hình thành ý tưởng, lập kế hoạch hoạt động cho một mô hình chăn nuôi lợn ở mức đơn giản | Dự án | Chấm đồ án |
| CLO4.3 | C4 | Thiết kế, triển khai được 1 quy trình chăn nuôi lợn. | Dự án | Chấm đồ án |

**5. Đánh giá học tập và các bộ tiêu chí đánh giá**

***5.1. Đánh giá học tập***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Bài đánh giá** | **Hình thức đánh giá,**  **minh chứng, lưu hồ sơ** | **Công cụ**  **đánh giá** | **CĐR học phần** | **Tỷ lệ**  **Cho bài đánh giá** | **Tỷ lệ cho học phần** |
| **A1. Đánh giá quá trình** | | | |  | **50%** |
| A1.1. Bài tập trắc nghiệm số 1 | - Bài tập trắc nghiệm trên LMS, chấm điểm tự động | Đáp án | CLO 1.1 | 100% | 10% |
| A1.2. Bài tập trắc nghiệm số 2 | - Bài tập trắc nghiệm trên LMS, chấm điểm tự động | Đáp án | CLO 1.1 | 100% | 10% |
| A1.3. Giáo viên đánh giá bài tập nhóm | - Bài tập nhóm trên LMS, GV chấm điểm thông qua báo cáo | Rubric 3 | CLO4.1 | 100% | 10% |
| A1.4. Nhóm tự đánh giá cho bài tập nhóm | Tự đánh giá của nhóm cho các thành viên | Rubric 2 | CLO 2.2 | 50% | 10% |
| CLO 3.1 | 50% |
| A1.5. Đánh giá tiến độ đồ án | Đánh giá tiến độ đồ án/dự án | Rubric 1 | CLO 2.1 | 10% | 10% |
| CLO 2.3 | 20% |
| CLO 4.2 | 30% |
| CLO 4.3 | 40% |
| **A2. Đánh giá cuối kỳ** | | | |  | **50%** |
| A2.1. Hội đồng đánh giá kết thúc đồ án | Đánh giá chung của hội đồng đánh giá đồ án/dự án | - Rubric 1 | CLO 1.1 | 20% | 30% |
| CLO 2.1 | 10 % |
| CLO 2.3 | 5% |
| CLO 2.4 | 5% |
| CLO 2.5 | 5% |
| CLO 3.2 | 10% |
| CLO 4.2 | 15% |
| CLO 4.3 | 30% |
| A2.2. Nhóm tự đánh giá đồ án | Nhóm tự đánh giá sự đóng góp của các thành viên cho đồ án | Rubric 2 | CLO 2.2 | 50% | 20% |
| CLO 3.1 | 50% |
| **Công thức tính điểm tổng kết:**  **Điểm TKHP = A1.1x0,1 + A1.2x0,1 + A1.3x0,1 + A1.4x0,1 + A1.5x0,1+ A2.1x0,3 + A2.2x0,2** | | | | | |

***5.2. Các bộ tiêu chí đánh giá***

*5.2.1. Rubric 1 cho bài đánh giá A1.5 và A2.1*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Rubric 1: Phiếu đánh giá về kỹ năng giải quyết vấn đề, giao tiếp, tìm hiểu bối cảnh xã hội – nghề nghiệp và năng lực CDIO**CĐR học phần | Tiêu chí đánh giá | Trọng số bài A1.5 | Trọng số bài A2.1 | **A** | **B** | **C** | **D** | **F** |
| **8.5 - 10** | **7.0 - 8.4** | **5.5 - 6.9** | **4,0 -5,4** | **< 4,0** |
| CLO1.1  Vận dụng được kiến thức về thức ăn chăn nuôi, chọn và nhân giống vật nuôi, công nghệ sinh sản vật nuôi, chuồng trại, thiết bị và quản lý môi trường trong chăn nuôi lợn; và kỹ thuật chăn nuôi các đối tượng lợn. | Vận dụng được kiến thức về thức ăn chăn nuôi, chọn và nhân giống vật nuôi, công nghệ sinh sản vật nuôi, chuồng trại, thiết bị và quản lý môi trường trong chăn nuôi lợn | 0 | 0,1 | Vận dụng đúng, phù hợp các kiến thức cơ sở ngành liên quan trong quá trình triển khai mô hình chăn nuôi lợn | Vận dụng được cơ bản các kiến thức cơ sở ngành liên quan trong quá trình triển khai mô hình chăn nuôi lợn | Vận dụng được cơ bản các kiến thức cơ sở ngành liên quan trong quá trình triển khai mô hình chăn nuôi lợn nhưng có một số nội dung chưa chính xác, chưa phù hợp. | Chỉ vận dụng một cách hạn chế các kiến thức cơ sở ngành liên quan trong quá trình triển khai mô hình chăn nuôi lợn và có nhiều nội dung chưa chính xác, chưa phù hợp. | Chưa vận dụng được các kiến thức cơ sở ngành liên quan trong quá trình triển khai mô hình chăn nuôi lợn |
| Kỹ thuật chăn nuôi | 0 | 0,1 | Vận dụng đúng các bước kỹ thuật trong chăm sóc, nuôi dưỡng, quản lý đối với từng đối tượng lợn | Vận dụng cơ bản các bước kỹ thuật trong chăm sóc, nuôi dưỡng, quản lý đối với từng đối tượng lợn | Vận dụng cơ bản các bước kỹ thuật trong chăm sóc, nuôi dưỡng, quản lý đối với từng đối tượng lợn; một vài khâu kĩ thuật vận dụng chưa chính xác. | Chỉ vận dụng một cách hạn chế các bước kỹ thuật trong chăm sóc, nuôi dưỡng, quản lý đối với từng đối tượng lợn; nhiều khâu kĩ thuật vận dụng chưa chính xác. | Chưa vận dụng được các bước kỹ thuật trong chăm sóc, nuôi dưỡng, quản lý đối với từng đối tượng lợn |
| CLO2.1  Thể hiện khả năng tư duy và giải quyết vấn đề | Tìm hiểu, xác định vấn đề | 0,05 | 0,025 | Xác định rõ ràng vấn đề nghiên cứu | Xác định được vấn đề nghiên cứu | Cơ bản xác định được vấn đề nghiên cứu | xác định được vấn đề nghiên cứu chung chung | Không xác định được vấn đề nghiên cứu |
| Lập kế hoạch và đề xuất giải pháp giải quyết vấn đề | 0,05 | 0,025 | Có khả năng tư duy để lập được kế hoạch và đưa ra các giải pháp quyết vấn đề ở mức tốt | Có khả năng tư duy để lập được kế hoạch và đưa ra giải pháp quyết vấn đề ở mức khá | Có khả năng tư duy để lập được kế hoạch và đưa ra giải pháp quyết vấn đề ở mức cơ bản | Có khả năng tư duy để lập được kế hoạch và đưa ra giải pháp quyết vấn đề ở mức thấp | Không có khả năng tư duy để lập được kế hoạch và giải pháp quyết vấn đề |
| CLO2.3  Biết quản lý thời gian và nguồn lực để thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ | Quản lý thời gian | 0,1 | 0,025 | Có khả năng quản lý thời gian tốt | Có khả năng quản lý thời gian khá tốt | Có khả năng quản lý thời gian | Quản lý thời gian chưa hợp | Chưa có khả năng quản lý thời gian |
| Quản lý nguồn lực | 0,1 | 0,025 | Có khả năng quản lý nguồn lực tốt | Có khả năng quản lý nguồn lực khá tốt | Có khả năng quản lý nguồn lực | Quản lý nguồn lực chưa hợp lý | Chưa có khả năng quản lý nguồn lực |
| CLO2.4  Lập kế hoạch học tập phù hợp để tích lũy kiến thức và định hướng phát triển nghề nghiệp | Lập kế hoạch học tập | 0 | 0,025 | Có khả năng lập được kế hoạch học tập ở mức độ chi tiết, rõ ràng | Có khả năng lập được kế hoạch học tập ở mức độ khá rõ ràng | Có khả năng lập được kế hoạch học tập | Có khả năng lập được kế hoạch học tập chưa hợp lý | Chưa có khả năng lập được kế hoạch học tập |
| Định hướng nghề nghiệp | 0 | 0,025 | Có định hướng nghề nghiệp ở mức độ rõ ràng | Có định hướng nghề nghiệp ở mức độ khá rõ ràng | Có định hướng nghề nghiệp | Có định hướng nghề nghiệp chưa hợp lý | Chưa định hướng nghề nghiệp |
| CLO2.5  Thể hiện thành thạo kỹ thuật chăn nuôi các đối tượng lợn | Chuẩn bị kiến thức, đối tượng, cơ sở vật chất | 0 | 0,025 | Có sự chuẩn bị đầy đủ về kiến thức, đối tượng, cơ sở vật chất | Có sự chuẩn bị khá đầy đủ về kiến thức, đối tượng, cơ sở vật chất | Có sự chuẩn bị về kiến thức, đối tượng, cơ sở vật chất | Có sự chuẩn bị về kiến thức, đối tượng, cơ sở vật chất còn thiếu | Chưa có sự chuẩn bị về kiến thức hoặc đối tượng hoặc cơ sở vật chất |
| Kỹ thuật thao tác thực hành trong sản xuất | 0 | 0,025 | Thành thạo kỹ thuật thao tác thực hành sản xuất | Kỹ thuật thao tác thực hành sản xuất ở mức độ khá | Kỹ thuật thao tác thực hành sản xuất ở mức độ cơ bản | Kỹ thuật thao tác thực hành sản xuất ở mức độ thấp | Kỹ thuật thao tác thực hành sản xuất ở mức độ thấp |
| CLO3.2  Vận dụng linh hoạt, thành thạo các hình thức giao tiếp khác nhau (thuyết trình, văn bản, điện tử) | Nội dung, trình tự bài thuyết trình | 0 | 0,05 | - Chủ đề trình bày liên quan và có trọng tâm - Nội dung phù hợp và chính xác. | -Chủ đề trình bày liên quan và có trọng tâm  - Nội dung có một số phần chưa chính xác | -Chủ đề trình bày liên quan và có trọng tâm  - Nội dung có nhiều phần chưa chính xác | -Chủ đề trình bày không trọng tâm  - Nội dung có nhiều phần chưa chính xác | -Chủ đề trình bày không trọng tâm, không liên quan  - Nội dung có nhiều phần chưa chính xác |
| Hình thức trình bày | 0 | 0,025 | -Slide trình bày với bố cục rõ ràng, hợp lý  - Trình bày các thuật ngữ, hình ảnh, bảng biểu, sơ đồ dễ hiểu | Slide trình bày  các thuật ngữ, hình  ảnh, bảng biểu, sơ đồ hợp lý | Slide trình bày phù hợp Trình bày hình ảnh, bảng biểu, sơ đồ hợp lý  - Dùng một số thuật ngữ khó hiểu, đưa nhiều nội dung vào slide | Slide trình bày phù hợp  Sử dụng một số hình ảnh, bảng biểu, sơ đồ không liên quan - Dùng một số thuật ngữ khó hiểu, đưa nhiều nội dung vào slide. | Slide không đảmbảo chất lượng theo yêu cầu |
| Kỹ năng trình bày | 0 | 0,025 | Nói rõ, tự tin, thuyết phục, báo quát, thu hút được toàn bộ người nghe tốt | Nói mạch lạc những không thu hút người nghe khá tốt, khá bao quát | Nói chưa rõ, thiếu tự tin, chưa bao quát, ít giao lưu với người nghe | Nói nhỏ, không tự tin, không giao lưu với người nghe | Không trình bày được |
| CLO4.2.  Hình thành ý tưởng, lập kế hoạch hoạt động cho một mô hình chăn nuôi lợn ở mức đơn giản | Hình thành ý tưởng | 0,15 | 0,05 | Đề xuất được ý tưởng tốt, có tính khả thi, tính thực tiễn cao về một mô hình chăn nuôi lợn | Đề xuất được ý tưởng khá tốt, có tính khả thi, tính thực tiễn về một mô hình chăn nuôi lợn | Đề xuất được ý tưởng có tính khả thi và tính thực tiễn ở mức trung bình về một mô hình chăn nuôi lợn | Đề xuất được ý tưởng có tính khả thi và tính thực tiễn ở mức thấp về một mô hình chăn nuôi lợn | Chưa đề xuất được ý tưởng, hoặc ý tưởng không có tính khả thi và tính thực tiễn. |
| Lập kế hoạch hoạt động | 0,15 | 0,1 | Lập được kế hoạch hoạt động một cách chi tiết, hợp lý | Lập được kế hoạch hoạt động một cách khá chi tiết, hợp lý | Lập được kế hoạch hoạt động với các công việc cơ bản | Lập được kế hoạch hoạt động nhưng còn sơ sài, còn thiếu một vài công việc quan trọng | Chưa lập được kế hoạch hoạt động. |
| CLO4.3  Thiết kế, triển khai được 1 mô hình chăn nuôi lợn. |  | 0,4 | 0,3 | Đánh giá:  Thiết kế, triển khai được 1 mô hình chăn nuôi lợn thành công với một vài cách làm sáng tạo giúp đạt được kết quả tốt hơn trong thực tiễn hoặc giúp hoàn thiện hơn quy trình chăn nuôi, đồng thời rút ra, đề xuất được những ý kiến đánh giá phù hợp về quá trình triển khai và sản phẩm mô hình. | Sáng tạo: Thiết kế, triển khai được 1 mô hình chăn nuôi lợn thành công với một vài cách làm sáng tạo giúp đạt được kết quả tốt hơn trong thực tiễn hoặc giúp hoàn thiện hơn quy trình chăn nuôi | Áp dụng: Thiết kế, triển khai được 1 mô hình chăn nuôi lợn theo mô hình đang được áp dụng phổ biến trong thực tiễn. | Thiết kế, triển khai được 1 mô hình chăn nuôi lợn nhưng có một số điểm chưa phù hợp, chưa hiệu quả. | Chưa thiết kế, triển khai được 1 mô hình chăn nuôi lợn. |

*5.2.2. Rubric 2 cho bài đánh giá A1.4 và A2.2*

**Rubric 2: Phiếu tự đánh giá của nhóm cho các thành viên về ý thức tham gia và kỹ năng làm việc nhóm**

Hướng dẫn: Nhóm trưởng tổ chức họp nhóm để đánh giá, cho điểm từng thành viên

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| CĐR học phần | Tiêu chí đánh giá | Trọng số bài A1.4 | Trọng số bài A2.2 | **8.5 - 10** | **7.0 - 8.4** | **5.5 - 6.9** | **4,0 -5,4** | **< 4,0** |
| CLO2.2  Có tính chủ động, trách nhiệm, tinh thần hợp tác trong hoạt động nghề nghiệp | Tính chủ động | 0,25 | 0,25 | Thể hiện vai trò đa dạng trong nhóm | Thể hiện được các vai trò trong nhóm một cách có hiệu quả | Có cố gắng thể hiện nhiều hơn một vai trò trong nhóm | Chỉ thể hiện 1 vai trò được phân công trong nhóm | Từ chối cơ hội, yêu cầu thể hiện vài trò trong nhóm |
| Tinh thần trách nhiệm | 0,25 | 0,25 | Hoàn thành tốt tất cả các nhiệm vụ được giao | Hoàn thành các nhiệm vụ được giao ở mức khá | Hoàn thành các nhiệm vụ được giao nhưng có một vài nhiệm vụ kết quả chưa tốt | Có một vài nhiệm vụ không hoàn thành | Chỉ hoàn thành nhiệm vụ hạn chế |
| CLO3.1  Có khả năng tổ chức, làm việc theo nhóm. | Sự đóng góp để đạt mục tiêu chung của nhóm | 0,25 | 0,25 | -Tham gia đầy đủ các cuộc hợp nhóm  -Tích cực có những ý kiến đóng gióp vào mục tiêu  - Có các đề xuất, sáng kiến để thực hiện mục tiêu nhóm | -Tham gia đầy đủ các cuộc hợp nhóm  -Tích cực có những ý kiến đóng gióp vào mục tiêu  - Tuân thủ các cam kết thực hiện mục tiêu nhóm | -Tham gia đầy đủ các cuộc họp nhóm  - Ít có góp ý đề xuất  - Hiểu được cam kết thực hiện mục tiêu nhóm | -Tham gia không đầy đủ các cuộc họp nhóm  - Ít có góp ý đề xuất  - Không tuân thủ cam kết thực hiện mục tiêu nhóm | - Ít tham gia các cuộc họp nhóm  - Không có góp ý đề xuất  - Không tuân thủ cam kết thực hiện mục tiêu nhóm |
| Sự phối hợp với các thành viên trong nhóm | 0,25 | 0,25 | - Chủ động tạo ra sự tương tác tích cực  - Trao đổi và chấp nhận các ý tưởng trong thực hiện nhiệm vụ với các thành viên  - Phối hợp thực hiện tốt nhiệm vụ  - Chủ động kết nối, sử dụng các phương thức làm việc nhóm | - Trao đổi và chấp nhận các ý tưởng trong thực hiện nhiệm vụ với các thành viên  - Phối hợp thực hiện tốt nhiệm vụ.  - Còn bị động, phụ thuộc trong sử dụng các phương thức làm việc nhóm | - Tham gia chưa tích cực trao đổi, khó chấp nhận các ý tưởng trong thực hiện nhiệm vụ với các thành viên  - Còn bị động, phụ thuộc trong sử dụng các phương thức làm việc nhóm | - Thụ động trong việc tương tác với các thành viên  - Có trao đổi ý kiến nhưng thể hiện tiếp nhận và chia sẻ thông tin hạn chế | - Không tương tác với các thành viên  - Không trao đổi ý kiến |

***5.2.3. Rubric 3 cho bài đánh giá A1.***

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| CĐR học phần | Tiêu chí đánh giá | Trọng số bài A1.3 | **8.5 - 10** | **7.0 - 8.4** | **5.5 - 6.9** | **4,0 -5,4** | **< 4,0** |
| CLO4.1  Phân tích được tình hình, chiến lược và mục tiêu phát triển của ngành chăn nuôi lợn trong bối cảnh của xã hội và doanh nghiệp | Nội dung báo cáo | 0,6 | - Bố cục báo cáo logic, rõ ràng  - Nội dung báo cáo đầy đủ theo yêu cầu, các số liệu, thông tin cập nhật và phong phú. | -Bố cục báo cáo logic, rõ ràng  -Nội dung báo cáo đầy đủ theo yêu cầu.  Tuy nhiên, chưa có nhiều số liệu, thông tin mới được cập nhật. | - Bố cục báo cáo chưa được hợp lý  - Nội dung báo cáo cơ bản đáp ứng yêu cầu đặt ra. Tuy nhiên, các số liệu, thông tin mới chưa được cập nhật. | - Bố cục báo cáo chưa hợp lý  - Một vài nội dung báo cáo chưa đáp ứng yêu cầu đặt ra.  Các số liệu, thông tin mới chưa được cập nhật. | - Bố cục báo cáo chưa hợp lý  - Nội dung báo cáo chưa đáp ứng yêu cầu đặt ra. |
| Hình thức báo cáo | 0,3 | Format đúng quy định: Font chữ Times New Roman, cỡ chữ 13, hàng 1.3 lines.  Hình thức báo cáo đẹp, hấp dẫn, thu hút (có hình ảnh/sơ đồ/biểu đồ thích hợp để minh họa) | Format đúng quy định: Font chữ Times New Roman, cỡ chữ 13, hàng 1.3 lines.  Hình thức báo cáo gọn gàng, chỉnh chu, ít lỗi chính tả | Format đúng quy định: Font chữ Times New Roman, cỡ chữ 13, hàng 1.3 lines.  Hình thức báo cáo còn một số lỗi, chưa thể hiện sự gọn gàng, chỉnh chu, còn nhiều lỗi chính tả | Format một số phần chưa đúng quy định: cỡ chữ, font chữ còn chưa thống nhất, giãn cách hàng chưa đúng.  Hình thức báo cáo chưa gọn gàng, nhiều lỗi chính tả | Format chưa đúng quy định: cỡ chữ, font chữ còn chưa thống nhất, giãn cách hàng chưa đúng.  Hình thức báo cáo cẩu thả, nhiều lỗi chính tả |
| Thời hạn nạp báo cáo | 0,1 | Nạp bài báo cáo trên hệ thống trước thời gian quy định. | Nạp bài báo cáo trên hệ thống trong thời gian quy định. | Nạp bài báo cáo trên hệ thống chậm thời gian quy định từ 1-2 ngày. | Nạp bài báo cáo trên hệ thống chậm thời gian quy định từ 3-5 ngày. | Nạp bài báo cáo trên hệ thống chậm thời gian quy định từ 6 ngày trở lên. |

**6. Tài liệu học tập**

***6.1. Giáo trình:***

1.Hoàng Thị Mai, 2020. Bài giảng Chăn nuôi lợn, Trường Đại học Vinh

2. Nguyễn Quang Linh, Phùng Thăng Long, Giáo trình chăn nuôi lợn, NXB Đại học Huế, 2020.

***6.2. Tài liệu tham khảo***

3. Vũ Đình Tôn, Giáo trình chăn nuôi lợn. NXB Nông nghiệp, Hà Nội, 2010.

4. Nguyễn Thiện, Trần Đình Miên, Võ Trọng Hốt. Con lợn ở Việt Nam. NXBNN, 2005.

5. Hội chăn nuôi, Cẩm nang chăn nuôi lợn công nghiệp. NXB Nông nghiệp, 2000.

**7. Kế hoạch dạy học**

***Lý thuyết:***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tuần, số tiết** | **Nội dung** | **Hình thức tổ chức dạy học** | **Yêu cầu SV chuẩn bị** | **CĐR học phần** | **Bài đánh giá** |
| **1(3)** | CHƯƠNG 1. GIỐNG VÀ CÔNG TÁC GIỐNG LỢN  2.1. Nguồn gốc và sự thuần hoá lợn  2.2. Một số giống lợn chính nuôi ở nước ta  2.3. Công tác giống lợn | - Địa điểm: Phòng học theo Nhà Trường sắp xếp  - Thuyết trình  - Hướng dẫn nghiên cứu tìm kiếm tài liệu | - Đọc tài liệu [1], trang 1 - 9  - Đọc tài liệu [2], trang 5 - 15  - Xem hình ảnh, tìm hiểu thực tế trước về đặc điểm ngoại hình và tính năng sản xuất của một số giống lợn đang được nuôi phổ biến ở Việt Nam. | **CLO1.1** | **A1.1**  **A2.1** |
| **2** | CHƯƠNG 2. DINH DƯỠNG VÀ THỨC ĂN CỦA LỢN  1.1. Dinh dưỡng của lợn | - Địa điểm: Nhà học theo Nhà Trường sắp xếp  - Thuyết trình  - Hướng dẫn quan sát hình ảnh  - Hướng dẫn làm bài tập | - Đọc tài liệu [1], trang 11 – 30, tài liệu [2], trang 15-36, tài liệu [3]. Xem hình ảnh, tìm hiểu thực tế trước, ôn lại các nội dung liên quan đã được học về nhu cầu dinh dưỡng của lợn. | **CLO1.1** | **A1.1**  **A2.1** |
| **3** | CHƯƠNG 2. DINH DƯỠNG VÀ THỨC ĂN CỦA LỢN (tiếp)  1.2. Thức ăn dùng trong chăn nuôi lợn | - Địa điểm: Nhà học theo Nhà Trường sắp xếp  - Thuyết trình  - Hướng dẫn quan sát hình ảnh  - Hỏi đáp nhanh | - Đọc tài liệu [1], trang 11 – 30, tài liệu [2], trang 15-36, tài liệu [3]. | **CLO1.1** | **A1.1**  **A2.1** |
| **4** | CHƯƠNG 3. CHĂN NUÔI LỢN ĐỰC GIỐNG  3.1. Ý nghĩa và yêu cầu của lợn đực giống  3.2. Đặc điểm sinh lý sinh sản của lợn đực giống  3.3. Những nhân tố ảnh hưởng tới năng suất và phẩm chất tinh dịch của lợn đực giống  3.4. Kỹ thuật chăn nuôi lợn đực giống | - Địa điểm: Nhà học theo Nhà Trường sắp xếp  - Thuyết trình  - Hướng dẫn quan sát hình ảnh  - Hỏi đáp nhanh | Đọc tài liệu [1], trang 35 - 44, tài liệu [2], trang 37 - 48, xem hình ảnh, ôn lại các kiến thức đã học liên quan đến cấu tạo và sinh lý sinh dục của lợn đực. | **CLO1.1** | **A1.2**  **A2.1** |
| **5** | CHƯƠNG 4. CHĂN NUÔI LỢN NÁI SINH SẢN  4.1. Vai trò và yêu cầu của lợn nái  4.2. Kỹ thuật chăn nuôi lợn nái hậu bị  4.3. Đặc điểm sinh lý của lợn nái hậu bị  4.4. Nuôi dưỡng, chăm sóc lợn nái hậu bị  4.5. Phối giống cho lợn nái hậu bị  4.6. Các chỉ tiêu đánh giá sức sản xuất của lợn nái | - Địa điểm: Nhà học theo Nhà Trường sắp xếp  - Thuyết trình  - Hỏi đáp nhanh | Đọc tài liệu [1], [2] | **CLO1.1** | **A1.2**  **A2.1** |
| **6** | CHƯƠNG 4. CHĂN NUÔI LỢN NÁI SINH SẢN (tiếp)  4.7. Kỹ thuật chăn nuôi lợn nái có chửa  4.8. Kỹ thuật chăn nuôi lợn nái nuôi con  4.9. Nuôi dưỡng, chăm sóc lợn nái nuôi con | - Địa điểm: Nhà học theo Nhà Trường sắp xếp  - Thuyết trình  - Hướng dẫn quan sát hình ảnh  - Hỏi đáp nhanh | Đọc tài liệu [1], [2] | **CLO1.1** | **A1.2**  **A2.1** |
| **7** | CHƯƠNG 5. CHĂN NUÔI LỢN CON THEO MẸ  5.1. Tầm quan trọng và yêu cầu của chăm sóc lợn con giai đoạn theo mẹ  5.2. Đặc điểm sinh lý của lợn con giai đoạn theo mẹ  5.3. Kỹ thuật chăn nuôi lợn con bú sữa  5.4. Cai sữa cho lợn con  5.5. Kỹ thuật chăn nuôi lợn con sau cai sữa | - Địa điểm: Nhà học theo Nhà Trường sắp xếp  - Thuyết trình  - Hỏi - đáp nhanh  - Nghiên cứu tình huống | Đọc tài liệu [1], [2] | **CLO1.1** | **A1.2**  **A2.1** |
| **8** | CHƯƠNG 6. CHĂN NUÔI LỢN THỊT  6.1. Ý nghĩa và yêu cầu trong chăn nuôi lợn lấy thịt  6.2. Đặc điểm sinh trưởng của nuôi lấy lợn thịt  6.3. Các chỉ tiêu đánh giá năng suất và chất lượng lợn nuôi lấy thịt  6.4. Những nhân tố ảnh hưởng tới năng suất và phẩm chất thịt  6.5. Kỹ thuật chăn nuôi lợn lấy thịt | - Địa điểm: Nhà học theo Nhà Trường sắp xếp  - Thuyết trình  - Hướng dẫn làm bài tập  - Hướng dẫn qua hình ảnh | Đọc tài liệu [1] [2] | **CLO1.1** | **A1.2**  **A2.1** |
| **9** | CHƯƠNG 7. TỔ CHỨC QUẢN LÝ SẢN XUẤT  TRONG CHĂN NUÔI LỢN  7.1. Tổ chức quản lý sản xuất  7.2. Gây dựng đàn lợn và lập kế hoạch phát triển đàn lợn | - Địa điểm: Nhà học theo Nhà Trường sắp xếp  - Thuyết trình  - Hướng dẫn làm bài tập  - Nghiên cứu tình huống | **-** Đọc tài liệu [1], [2]. | **CLO1.1** | **A1.2**  **A2.1** |
| **10** | Tình hình, chiến lược và mục tiêu phát triển của ngành chăn nuôi lợn trong bối cảnh của xã hội và doanh nghiệp | - Hướng dẫn làm bài tập nhóm. | Làm bài tập nhóm theo yêu cầu. | **CLO4.1** | **A1.3** |

**Đồ án**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tuần** | **Nội dung công việc** | **Địa điểm/không gian thực hiện** | **Hoạt động của sinh viên** | **Kết quả cần đạt được** | **Bài đánh giá** | **CĐR học phần** |
| **8** | Xác định vấn đề (hình thành ý tưởng) đồ án và lập kế hoạch thực hiện đồ án.  Chuẩn bị cơ sở vật chất, nguyên vật liệu để triển khai đồ án | Theo phân công của nhà trường | Nghe hướng dẫn.  Thảo luận, làm việc nhóm | - Tên đồ án  - Bản kế hoạch thực hiện đồ án  - Cơ sở vật chất, nguyên vật liệu để triển khai đồ án | A1.5  A2.1  A2.2 | CLO1.1  CLO2.1  CLO2.2  CLO2.3  CLO2.4  CLO2.5  CLO3.1  CLO3.2  CLO4.2  CLO4.3 |
| **9-15** | Triển khai, thực hiện đồ án | Trang trại/ hộ gia đình/trại thực hành chăn nuôi | Thực hiện đồ án theo kế hoạch đã lập dưới sự hướng dẫn, giám sát của GV. | - Khả năng sinh trưởng/sinh sản của vật nuôi  - Tình trạng sức khỏe/bệnh tật/tỷ lệ hao hụt của vật nuôi  - Khả năng/ lượng tiêu thụ thức ăn của vật nuôi  - Quy trình chăm sóc, nuôi dưỡng, quản lý, phòng và điều trị bệnh cho vật nuôi. | A2.1  A2.2 | CLO1.1  CLO2.1  CLO2.2  CLO2.3  CLO2.4  CLO2.5  CLO3.1  CLO3.2  CLO4.2  CLO4.3 |
| **15** | Báo cáo tiến độ thực hiện đồ án | Theo phân công của nhà trường | Báo cáo bằng PPT tiến độ thực hiện đồ án | Kết quả báo cáo tiến độ thực hiện đồ án | A1.5 | CLO2.1  CLO2.3  CLO4.2  CLO4.3 |
| **15-18** | Triển khai, thực hiện đồ án | Trang trại/ hộ gia đình/trại thực hành chăn nuôi | Thực hiện đồ án theo kế hoạch đã lập dưới sự hướng dẫn, giám sát của GV. | - Khả năng sinh trưởng/sinh sản của vật nuôi  - Tình trạng sức khỏe/bệnh tật/tỷ lệ hao hụt của vật nuôi  - Khả năng/ lượng tiêu thụ thức ăn của vật nuôi  - Quy trình chăm sóc, nuôi dưỡng, quản lý, phòng và điều trị bệnh cho vật nuôi. | A2.1  A2.2 | CLO1.1  CLO2.1  CLO2.2  CLO2.3  CLO2.4  CLO2.5  CLO3.1  CLO3.2  CLO4.2  CLO4.3 |
| **19** | Viết báo cáo đồ án | Theo phân công của nhà trường | Thu thập kết quả thực hiện đồ án và viết báo cáo đồ án | Báo cáo đồ án | A2.1  A2.2 | CLO1.1  CLO2.1  CLO2.2  CLO2.3  CLO2.4  CLO2.5  CLO3.1  CLO3.2  CLO4.2  CLO4.3 |
| **20** | Báo cáo đồ án | Theo phân công của nhà trường | - Nộp bản in báo báo đồ án. - Báo cáo đồ án bằng hình thức vấn đáp | Điểm chấm đồ án | A2.1 | CLO1.1  CLO2.1  CLO2.3  CLO2.4  CLO2.5  CLO3.2  CLO4.2  CLO4.3 |

**8. Nhiệm vụ của người học**

***8.1. Phần tự học***

- Nghiên cứu tài liệu, xem các slide/video/website.

- Chủ động tìm các nguồn tài liệu khác liên quan đến nội dung học phần.

- Thảo luận, trao đổi những vấn đề liên quan đến học phần với bạn học/cựu sinh viên/cán bộ tại đơn vị trải nghiệm hoặc các nguồn lực hỗ trợ khác.

- Hoàn thành các bài tập được giao trên LMS.

***8.2. Phần học trên lớp trực tiếp hoặc online với giảng viên***

- Dự lớp ≥ 80% tổng thời lượng của học phần.

- Chủ động, tích cực trong giờ học.

- Phát hiện, đưa ra câu hỏi hoặc vấn đề liên quan đến nội dung học tập.

***8.3. Làm việc nhóm, thực hiện đồ án môn học***

- Tham gia xây dựng kế hoạch hoạt động của nhóm.

- Tôn trọng ý kiến và chịu trách nhiệm về kết quả làm việc chung.

- Hoàn thành đầy đủ nhiệm vụ và sản phẩm dự án được giao.

**9. Ngày phê duyệt:**

**10. Cấp phê duyệt:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **KT. HIỆU TRƯỞNG**  **PHÓ HIỆU TRƯỞNG** | **VIỆN TRƯỞNG**  **TS. Nguyễn Đình Vinh** | **TRƯỞNG BỘ MÔN**  **TS. Lê Minh Hải** |

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH**  **VIỆN NÔNG NGHIỆP VÀ TÀI NGUYÊN** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

## **ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN CHI TIẾT**

## **Công nghệ sinh sản vật nuôi**

**1. Thông tin tổng quát:**

***1.1. Thông tin về giảng viên***

***Giảng viên 1:* Hoàng Thị Mai**

Học hàm, học vị: Tiến sĩ

Địa chỉ liên hệ: 182 Lê Duẩn, TP Vinh, Nghệ An

Điện thoại, email: hoangmaidhv@gmail.com

Các hướng nghiên cứu chính: Kỹ thuật chăn nuôi; Bệnh ở vật nuôi

***Giảng viên 2:* Lê Minh Hải**

Chức danh. Học hàm, học vị: Giảng viên – Tiến sĩ

Địa chỉ liên hệ: Bộ môn Thủy sản và Chăn nuôi – Viện Nông nghiệp và Tài Nguyên

Email: [minhhaidhv@gmail.com](mailto:minhhaidhv@gmail.com); ĐT: 0912383216

***1.2. Thông tin về học phần:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| - Tên học phần (tiếng Việt): **Công nghệ sinh sản vật nuôi**  (tiếng Anh): A**nimal reproduction technology** | | |
| - Mã số học phần: AHY31013 | | |
| - Thuộc CTĐT ngành: **Chăn nuôi** | | |
| - Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:  Kiến thức cơ bản  Kiến thức cơ sở ngành  Kiến thức ngành  x | Học phần chuyên về kỹ năng chung  Kiến thức khác | |
| - Thuộc loại học phần: Bắt buộc  x | Tự chọn | |
| - Số tín chỉ: 03 | |  |
| + Số tiết lý thuyết: 30 | |  |
| + Số tiết thảo luận/bài tập: 0 | |  |
| + Số tiết thực hành: 15 | |  |
| + Số tiết tự học: 90 | |  |
| - Điều kiện đăng ký học: | |  |
| + Học phần tiên quyết: | | Mã số HP: |
| + Học phần học trước: Sinh lý động vật  Giải phẩu vật nuôi | | Mã số HP: AHY30003  Mã số HP: AHY30001 |
| - Yêu cầu của học phần: Thực hiện theo Quy chế đào tạo của Trường Đại học Vinh. Cụ thể:  + Thời gian tối thiểu sinh viên phải có mặt trên lớp: 80%  + Sinh viên phải nộp đầy đủ bài tập, báo cáo… qua hệ thống LMS. + Tham gia đầy đủ các bài thực hành. | | |
| - Bộ môn phụ trách học phần: Thủy sản và Chăn nuôi  Điện thoại: Email: | | |

**2. Mô tả học phần:**

Công nghệ sinh sản vật nuôi là môn học chuyên ngành cung cấp những kiến thức về sinh lý sinh sản của gia súc đực và cái. Trên cơ sở đó, cung cấp những kỹ thuật tiên tiến nhằm chủ động điều khiển quá trình sinh sản theo ý muốn của con người; kỹ thuật huấn luyện đực giống, kỹ thuật khai thác tinh dịch, kỹ thuật kiểm tra đánh giá chất lượng tinh dịch, đặc tính của tinh trùng, pha chế, bảo quản tinh dịch và kỹ thuật dẫn tinh. Giới thiệu các bước cơ bản trong cấy truyền phôi cùng các kỹ thuật như siêu bài noãn và gây động dục nhân tạo cho gia súc.

**3. Mục tiêu học phần**

Hoàn thành học phần này sinh viên hiểu được sinh lý sinh sản của gia súc đực và cái. Hiểu và vận dụng được kiến thức đã học để có thể thực hiện việc khai thác, kiểm tra, đánh giá, pha chế, bảo tồn tinh dịch; kỹ thuật dẫn tinh và cấy truyền phôi cho vật nuôi; thực hiện được quy trình kỹ thuật dẫn tinh cho trâu, bò, lợn; Hiểu và vận dụng được các kỹ thuật cơ bản trong điều khiển sinh sản ở vật nuôi. Có khả năng tổ chức, làm việc nhóm.

**4. Chuẩn đầu ra học phần, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá**

***4.1. Ánh xạ chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **CĐR học phần** | **Ánh xạ với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo** | | |
| PLO1.3 | PLO2.3 | PLO3.1 |
| 1.3.1 | 2.3.1 | 3.1.2 |
| CLO 1.1 | 1,0 |  |  |
| CLO 2.1 |  | 1,0 |  |
| CLO 3.1 |  |  | 1,0 |

***4.2. Nội dung chuẩn đầu ra, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá học phần***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **CĐR học phần (CLO)** | **TĐNL CĐR**  **học phần** | **Mô tả CĐR học phần** | **Phương pháp dạy học** | **Phương pháp đánh giá** |
| CLO1.1 | K4 | Vận dụng được các kiến thức về sinh lý sinh dục đực và cái trong chăn nuôi vật nuôi sinh sản; Vận dụng được kỹ thuật khai thác, kiểm tra, đánh giá, pha chế, bảo tồn tinh dịch; kỹ thuật dẫn tinh, cấy truyền phôi và điều khiển sinh sản ở vật nuôi trong thực tiễn sản xuất. | Thuyết trình; Nghiên cứu tình huống; tự học; tự học qua bài giảng E-learning trên LMS. | Thi TNKQ  Thi viết |
| CLO2.1 | S4 | Thực hiện thành thạo các kỹ thuật phòng thí nghiệm về kiểm tra, đánh giá chất lượng tinh dịch, pha chế và bảo tồn tinh dịch. | Thực hành | Rubric |
| CLO3.1 | S4 | Có khả năng tổ chức, làm việc nhóm hiệu quả. | Thực hành | Rubric |

**5. Đánh giá học tập và các bộ tiêu chí đánh giá**

***5.1. Đánh giá học tập***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Bài đánh giá** | **Hình thức đánh giá,**  **minh chứng, lưu hồ sơ** | **Công cụ**  **đánh giá** | **CĐR học phần** | **Tỷ lệ**  **cho bài đánh giá** | **Tỷ lệ cho học phần** |
| **A1. Đánh giá thường xuyên** | | | |  | **50%** |
| A1.1. Bài trắc nghiệm 1 | - Bài trắc nghiệm trên LMS, chấm điểm tự động | Đáp án | CLO 1.1 | 100% | 25% |
| A1.2. Thực hành | - Đánh giá kỹ năng thực hành tại PTN | Rubric | CLO 2.1 | 70% | 25% |
| CLO3.1 | 30% |
| **A2. Đánh giá cuối kỳ** | | | |  | **50%** |
| A2.1. Thi tự luận | - Thi viết; TT Đảm bảo chất lượng tổ chức thi và lưu hồ sơ | Đáp án | CLO 1.1 | 100% | 50% |
| **Công thức tính điểm tổng kết:**  **Điểm TKHP = A1.1x0,25 + A1.2x0,25 + A2.1x0,5** | | | | | |

*- Ghi chú: Các bài đánh giá thiết kế sao cho đánh giá được từng CĐR.*

*- Ví dụ về công cụ đánh giá: Rubrics, đáp án, bảng kiểm…*

***5.2. Các bộ tiêu chí đánh giá***

***Rubric cho bài đánh giá A1.2***

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **CĐR cấp 2** | **Tiêu chí đánh giá** | **Trọng số**  **bài A1.2 (%)** | **Mức độ đánh giá** | | | | | |
| **A** | **B** | **C** | **D** | **F** | |
| **8.5 - 10** | **7.0 - 8.4** | **5.5 - 6.9** | **4,0 -5,4** | **< 4,0** | |
| CLO2.1.  Thực hiện thành thạo các kỹ thuật phòng thí nghiệm về kiểm tra, đánh giá chất lượng tinh dịch, pha chế và bảo tồn tinh dịch. | Chuẩn bị | 15 | Có sự chuẩn bị tốt về bài thực hành | Có sự chuẩn bị khá tốt về bài thực hành | Có sự chuẩn bị về bài thực hành | Có sự chuẩn bị về bài thực hành sơ sài | Chưa có sự chuẩn bị về bài thực hành | |
| Thao tác thực hành, thí nghiệm | 40 | Thao tác thực hiện chính xác ở mức độ cao | Thao tác thực hiện chính xác ở mức độ khá | Thao tác thực hiện chính xác ở mức độ cơ bản | Thao tác thực hiện chính xác ở mức độ thấp | Không thực hiện được | |
| Kết quả thực hành | 15 | Sản phẩm thực hành đạt tiêu chuẩn cao | Sản phẩm thực hành đạt tiêu chuẩn khá | Sản phẩm thực hành đạt tiêu chuẩn cơ bản | Sản phẩm thực hành đạt tiêu chuẩn khá thấp | Không có sản phẩm hoặc không đạt | |
| CLO3.1  Có khả năng tổ chức, làm việc nhóm hiệu quả. | Tổ chức nhóm | 10 | Tham gia đầy đủ, tích cực các hoạt động nhóm. | Tham gia đầy đủ các hoạt động nhóm. | Tham gia còn thiếu một số ít hoạt động | Chỉ tham gia một số ít hoạt động | Không tham gia | |
| Nhiệm vụ được phân công rõ ràng, đầy đủ cho các thành viên trong nhóm | Nhiệm vụ được phân công khá rõ ràng, đầy đủ cho các thành viên trong nhóm | Nhiệm vụ được phân công cho các thành viên trong nhóm đầy đủ | Nhiệm vụ được phân công cho các thành viên trong nhóm chưa đầy đủ | Chưa có sự phân công nhiệm vụ | |
| Hợp tác nhóm | 20 | Chủ động tạo ra sự tương tác tích cực thực hiện nhiệm vụ | Chủ động tạo ra sự tương tác khá tích cực thực hiện nhiệm vụ | Tương tác thực hiện nhiệm vụ ở mức cơ bản | Còn bị động, phụ thuộc trong sử dụng các phương thức làm việc nhóm | Thụ động trong việc tương tác với các thành viên | |
| - Trao đổi, chia sẻ và chấp nhận các ý tưởng trong thực hiện nhiệm vụ với các thành viên ở mức độ cao | - Trao đổi và chấp nhận các ý tưởng trong thực hiện nhiệm vụ với các thành viên mức độ khá | Trao đổi, chia sẻ và chấp nhận các ý tưởng trong thực hiện nhiệm vụ với các thành viên ở mức độ cơ bản | Trao đổi và chấp nhận các ý tưởng trong thực hiện nhiệm vụ với các thành viên ở mức độ thấp | Không trao đổi, chia sẻ trong nhóm | |
| - Chủ động kết nối, sử dụng các phương thức làm việc nhóm hiệu quả cao | - Chủ động kết nối, sử dụng các phương thức làm việc nhóm hiệu quả khá cao | Kết nối, sử dụng các phương thức làm việc nhóm hiệu quả cơ bản | Kết nối, sử dụng các phương thức làm việc nhóm hiệu quả thấp | Bị động trong kết nối, không hiệu quả | |
| **Tổng** | | | | | | | |  | |

**6. Tài liệu học tập**

***6.1. Giáo trình:***

1. Nguyễn Mạnh Hà, Đào Đức Thà, Nguyễn Đức Hùng (2012), Giáo trình công nghệ sinh sản vật nuôi, Nxb Nông nghiệp, Hà Nội.

***6.2. Tài liệu tham khảo***

1. Nguyễn Đức Hùng, Nguyễn Mạnh Hà, Trần Huê Viên, Phan Văn Kiểm (2003), Truyền giống nhân tạo vật nuôi, Nxb Nông nghiệp, Hà Nội.

2. Đào Đức Thà (1998), Cẩm nang kỹ thuật thụ tinh nhân tạo gia súc – gia cầm, Nxb nông nghiệp, Hà Nội.

3) Hoàng Kim Giao (2003), Công nghệ Cấy truyền phôi ở Gia súc, NXB Khoa học và Kỹ thuật.

**7. Kế hoạch dạy học**

***Lý thuyết:***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tuần, số tiết** | **Nội dung** | **Hình thức tổ chức dạy học** | **Yêu cầu SV chuẩn bị** | **CĐR học phần** | **Bài đánh giá** |
| **1(3)** | **Chương 1. Một số đặc điểm sinh lý sinh sản ở gia súc**  1. 1. Sinh lý sinh dục đực  1.2. Sinh lý sinh dục cái | - Địa điểm: Phòng học theo Nhà Trường sắp xếp  - Thuyết trình  - Hướng dẫn quan sát hình ảnh | - Đọc các phần liên quan ở các tài liệu.  - Xem hình ảnh cấu tạo giải phẫu cơ quan sinh dục đực và cái | **CLO1.1** | A1.1  A2.1 |
| **2** | **Chương 1. Một số đặc điểm sinh lý sinh sản ở gia súc** 1.3. Sinh lý quá trình thụ tinh | - Địa điểm: Nhà học theo Nhà Trường sắp xếp  - Thuyết trình  - Hướng dẫn qua hình ảnh và video | - Đọc các phần liên quan ở các tài liệu.  - Xem hình ảnh, video về quá trình thụ tinh | **CLO1.1** | A1.1  A2.1 |
| **3** | **Chương 2: Quá trình mang thai ở gia súc**  2.1. Thời gian mang thai và số lượng thai  2.2. Quá trình phát triển của thai | - Địa điểm: Nhà học theo Nhà Trường sắp xếp  - Thuyết trình  - Hướng dẫn quan sát hình ảnh.  - Hỏi đáp nhanh | - Đọc các phần liên quan ở các tài liệu. | **CLO1.1** | A1.1  A2.1 |
| **4** | **Chương 3. Quá trình sinh đẻ ở gia súc**  3.1. Những yếu tố thúc đẩy quá trình sinh đẻ  3.2. Vị trí, chiều hướng và tư thế thai  3.3. Quá trình đẻ  3.4. Phương pháp đỡ đẻ cho gia súc | - Địa điểm: Nhà học theo Nhà Trường sắp xếp  - Thuyết trình  - Hướng dẫn quan sát hình ảnh, video  - Hỏi đáp nhanh | - Đọc các phần liên quan ở các tài liệu. | **CLO1.1** | A1.1  A2.1 |
| **5-6** | **Chương 4. Kỹ thuật thụ tinh nhân tạo ở gia súc**  4.1. Lịch sử của khoa học thụ tinh nhân tạo và cấy chuyển phôi  4.2. Lợi ích và khó khan của thụ tinh nhân tạo gia súc  4.3. Kỹ thuật khai thác tinh dịch ở gia súc | - Địa điểm: Nhà học theo Nhà Trường sắp xếp  - Thuyết trình  - Hướng dẫn quan sát hình ảnh, video | - Đọc các phần liên quan ở các tài liệu. | **CLO1.1** | A1.1  A2.1 |
| **7-8** | **Chương 4. Kỹ thuật thụ tinh nhân tạo ở gia súc**  4.4. Kiểm tra phẩm chất tinh dịch  4.5. Kỹ thuật pha loãng, bảo tồn vận chuyển và phân phối tinh dịch  4.6. Kỹ thuật dẫn tinh cho gia súc | - Địa điểm: Nhà học theo Nhà Trường sắp xếp  - Thuyết trình  - Hướng dẫn quan sát hình ảnh | - Đọc các phần liên quan ở các tài liệu. | **CLO1.1** | A1.2  A2.1 |
| **9** | **Chương 5. Kỹ thuật gây rụng trứng và cấy truyền phôi cho gia súc**  5.1. Khái niệm  5.2. Mục đích ý nghĩa và lợi ích của cấy truyền phôi  5.3. Cơ sở khoa học của việc cấy truyền phôi  5.4. Kỹ thuật công nghệ cấy truyền phôi trên bò | - Địa điểm: Nhà học theo Nhà Trường sắp xếp  - Thuyết trình  - Hướng dẫn quan sát hình ảnh | - Đọc các phần liên quan ở các tài liệu. | **CLO1.1** | A1.2  A2.1 |
| **10** | **Chương 5. Kỹ thuật gây rụng trứng và cấy truyền phôi cho gia súc**  5.5. Kỹ thuật công nghệ cấy truyền phôi cho dê, cừu  5.6. Cấy truyền phôi cho lợn | - Địa điểm: Nhà học theo Nhà Trường sắp xếp  - Thuyết trình  - Hướng dẫn quan sát hình ảnh, video | - Đọc các phần liên quan ở các tài liệu. | **CLO1.1** | A1.2  A2.1 |

***Thực hành:***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tuần, số tiết** | **Nội dung** | **Hình thức tổ chức dạy học** | **Yêu cầu SV chuẩn bị** | **CĐR học phần** | **Bài đánh giá** |
| 1 (3) | Phương pháp khai thác tinh đực giống | Thuyết trình  Minh họa/xem video | Bút ghi chép, áo blu | CLO2.1 | A1.2 |
| 2 (3) | Phương pháp kiểm tra chất lượng tinh dịch | Thuyết trình  Minh họa | Vở, bút ghi chép, áo blu | CLO2.1  CLO3.1 | A1.2 |
| 3 (3) | Phương pháp chuẩn bị môi trường pha chế và bảo tồn tinh dịch | Thuyết trình  Minh họa | Vở, bút ghi chép, áo blu. | CLO2.1  CLO3.1 | A1.2 |
| 4 (3) | Phương pháp pha chế tinh dịch | Thuyết trình  Minh họa | Vở, bút ghi chép, áo blu | CLO2.1  CLO3.1 | A1.2 |
| 5 (3) | Phương pháp dẫn tinh cho lợn | Thuyết trình  Minh họa/xem video | Vở, bút ghi chép, áo blu | CLO2.1 | A1.2 |

**8. Nhiệm vụ của người học**

***8.1. Phần tự học***

- Nghiên cứu tài liệu, xem các slide/video/website.

- Chủ động tìm các nguồn tài liệu khác liên quan đến nội dung học phần.

- Thảo luận, trao đổi những vấn đề liên quan đến học phần với bạn học/cựu sinh viên/cán bộ tại đơn vị trải nghiệm hoặc các nguồn lực hỗ trợ khác.

- Hoàn thành các bài tập được giao trên LMS.

***8.2. Phần học trên lớp trực tiếp hoặc online với giảng viên***

- Dự lớp ≥ 80% tổng thời lượng của học phần.

- Chủ động, tích cực trong giờ học.

- Phát hiện, đưa ra câu hỏi hoặc vấn đề liên quan đến nội dung học tập.

***8.3. Thực hành***

- Tham gia đầy đủ các bài thực hành

- Tôn trọng ý kiến và chịu trách nhiệm về kết quả làm việc chung.

- Hoàn thành đầy đủ nhiệm vụ và sản phẩm thực hành được giao.

**9. Ngày phê duyệt:**

**10. Cấp phê duyệt:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **KT. HIỆU TRƯỞNG**  **PHÓ HIỆU TRƯỞNG** | **VIỆN TRƯỞNG**  **TS. Nguyễn Đình Vinh** | **TRƯỞNG BỘ MÔN**  **TS. Lê Minh Hải** |

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH**  **VIỆN NÔNG NGHIỆP VÀ TÀI NGUYÊN** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

## **ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN CHI TIẾT**

## **Phương pháp nghiên cứu khoa học trong Chăn nuôi – Thú y**

**1. Thông tin tổng quát:**

***1.1. Thông tin về giảng viên***

***Giảng viên 1:Tạ Thị Bình***

Học hàm, học vị: Giảng viên – Tiến sỹ

Địa chỉ liên hệ: Bộ môn Nuôi trồng Thủy sản và Chăn nuôi – Viện Nông nghiệp và Tài Nguyên

Điện thoại, email: : [tathibinhdhv@gmail.com](mailto:tathibinhdhv@gmail.com); ĐT: 0984.596.189

Các hướng nghiên cứu chính: Kỹ thuật sản xuất giống và nuôi thương thương phẩm cá loài thuỷ sản, động vật học

***Giảng viên 2: Lê Minh Hải***

Học hàm, học vị: Giảng viên – Tiến sỹ

Địa chỉ liên hệ: Bộ môn Thủy sản và Chăn nuôi – Viện Nông nghiệp và Tài Nguyên Điện thoại, email: minhhaidhv@.gmail.com; ĐT: 0912383216

Các hướng nghiên cứu chính: Di truyền và chọn giống động vật

***1.2. Thông tin về học phần:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| - Tên môn học (tiếng Việt): Phương pháp NCKH trong chăn nuôi  (Tiếng Anh): | | |
| - Mã số môn học: | | |
| - Thuộc CTĐT ngành: Chăn nuôi | | |
| - Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:  Kiến thức cơ bản  x  Kiến thức cơ sở ngành  Kiến thức ngành | Học phần chuyên về kỹ năng chung  Kiến thức khác | |
| - Thuộc loại học phần: Bắt buộc | Tự chọn | |
| - Số tín chỉ: 3  x | |  |
| + Số tiết lý thuyết: 30 | |  |
| + Số tiết thảo luận/bài tập: 0 | |  |
| + Số tiết thực hành: 15 | |  |
| + Số tiết tự học: 45 | |  |
| - Điều kiện đăng ký học: | |  |
| + Học phần tiên quyết: Tin học ứng dụng trong Nông lâm  ngư và Môi trường | | Mã số HP: INF20003 |
| + Học phần học trước: Nguyên lí thiết kế và quản lí dự án  Nông nghiệp và Môi trường | | Mã số HP: ANR20005 |
| - Yêu cầu của học phần: Thực hiện theo Quy chế đào tạo của Trường Đại học Vinh. Cụ thể:  + Thời gian tối thiểu sinh viên phải có mặt tại lớp: 80%  + Sinh viên phải nộp đầy đủ bài tập, báo cáo qua hệ thống LMS (Mục 5.1). | | |
| - Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Thủy sản và Chăn nuôi  Điện thoại: Email: | | |

**2. Mô tả học phần**

Nội dung môn học “*Phương pháp nghiên cứu khoa học trong chăn nuôi – thú y*” cung cấp cho người học những kiến thức khoa học và nghiên cứu khoa học, trình tự nghiên cứu khoa học, đặc thù và các lĩnh vực của nghiên cứu khoa học trong chăn nuôi – thú y. Học phần này còn cung cấp và trang bị những kiến thức về phương pháp thiết kế thí nghiệm, phương pháp xử lý số liệu nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực chăn nuôi- thú y.

**3. Mục tiêu học phần**

*Mục tiêu học phần trình bày thành một đoạn văn; diễn đạt khá tổng quát về kiến thức/kỹ năng/thái độ sẽ đạt được (phù hợp với CĐR CTĐT và TĐNL phân bổ cho học phần); thể hiện được sự học tập chủ động của sinh viên (lấy người học làm trung tâm).*

Học phần này giúp sinh viên sinh viên hiểu được các nguyên tắc thực hiện nghiên cứu khoa học, các kiến thức cơ bản về lựa chọn vấn đề nghiên cứu, phương pháp thiết kế thí nghiệm, phương pháp xử lý số liệu, tổ chức thực hiện nghiên cứu để tham gia nghiên cứu khoa học. Xác định được 1 vấn đề nghiên cứu và đề xuất được tên đề tài NCKH; xây dựng được 1 bản đề cương NCKH. Rèn luyện cho sinh viên có thái độ nghiêm túc trong NCKH.

**4. Chuẩn đầu ra học phần, phương pháp dạy học, phương pháp đánh gía**

***4.1. Ánh xạ chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **CĐR học phần** | **Ánh xạ với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo** | | | | |
| PLO1.1 | PLO1.2 | PLO2.1 | PLO3.1 | PLO4.2 |
| 1.1.3 | 1.2.3 | 2.1.1 | 3.1.2 | 4.2.1 |
| CLO 1.1 |  | 1,0 |  |  |  |
| CLO 1.2 | 1,0 |  |  |  |  |
| CLO 2.1 |  |  | 1,0 |  |  |
| CLO 2.2 |  |  |  | 1,0 |  |
| CLO 3.1 |  |  |  |  | 1,0 |

***4.2. Nội dung chuẩn đầu ra, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá học phần****Ghi chú:*

*- Khi đối sánh với CĐR CTĐT, cần ghi rõ trình độ năng lực (TĐNL) phân nhiệm cho học phần bằng số tương ứng trong ngoặc đơn.*

*- TĐNL được ký hiệu bằng chữ số chẵn tương ứng: 1, 2, 3, 4, 5 (Phụ lục 1)*

*- Ví dụ về phương pháp dạy học: Thuyết trình, bài tập, thảo luận, làm việc nhóm, nghiên cứu tình huống, thực hành, đồ án/dự án, tự học/tự nghiên cứu…*

*- Ví dụ về phương pháp đánh giá:**Trắc nghiệm, tự luận, vấn đáp, thực hành, biểu diễn, bài tập lớn, phỏng vấn, quan sát, hồ sơ học tập, chấm đồ án/dự án…*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **CĐR học phần (CLO)** | **TĐNL CĐR**  **học phần** | **Mô tả CĐR học phần** | **Phương pháp dạy học** | **Phương pháp đánh giá** |
| CLO 1.1 | K3 | Hiểu và vận dụng các kiến thức về phương pháp nghiên cứu khoa học, các đặc thù và lĩnh vực trong chăn nuôi- thú y để thiết kế các thí nghiệm nghiên cứu | Thuyết trình; hướng dẫn; tự học; | Thi TNKQ  Thi viết |
| CLO 1.2 | K4 | Hiểu và vận dụng phương pháp xử lý số liệu nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực chăn nuôi – thú y. | Thuyết trình; hướng dẫn; tự học; bài tập | Bài tập  Thi viết |
| CLO 2.1 | S3 | Giải thích được mục đích, nguyên lý, phương pháp của kỹ năng giải quyết vấn đề và các quá trình tư duy. |  |  |
| CLO 2.2 | S3 | Phát triển kỹ năng tổ chức nhóm để giải quyết các vấn đề đặt ra | Hướng dẫn; tự học; | Bài tập  Rubric 1 |
| CLO 3.1 | C3 | Hình thành ý tưởng, thiết kế xây dựng được 1 bản đề cương NCKH về chăn nuôi | Hướng dẫn; tự học; | Bài tập  Thi viết |

**5. Đánh giá học tập và các bộ tiêu chí đánh giá**

***5.1. Đánh giá học tập***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Bài đánh giá** | **Hình thức đánh giá,**  **minh chứng, lưu hồ sơ** | **Công cụ**  **đánh giá** | **CĐR học phần** | **Tỷ lệ**  **Cho bài đánh giá** | **Tỷ lệ cho học phần** |
| **A1. Đánh giá quá trình** | | | |  | **50%** |
| A1.1. Bài trắc nghiệm | - Bài trắc nghiệm trên LMS, chấm điểm tự động | Đáp án | CLO 1.1 | 100% | 10% |
| A1.2. Giáo viên đánh giá bài tập nhóm 1 | - Bài tập nhóm trên LMS, GV chấm điểm | Rubric 1 | CLO 2.1 | 40% | 15% |
| CLO 3.1 | 60% |
| A1.3. Nhóm tự đánh giá cho bài tập nhóm | Tự đánh giá của nhóm cho các thành viên | Rubric 2 | CLO 2.2 | 100% | 5 % |
| A1.4. Thực hành | - Kiểm tra kỹ năng thực hành xử lý số liệu | Rubric 3 | CLO 1.2 | 100% | 20% |
| **A3. Đánh giá cuối kỳ** | | | |  | **50%** |
| A2.1. Thi tự luận | - Thi viết; TT Đảm bảo chất lượng tổ chức thi và lưu hồ sơ | Đáp án | CLO 1.1 | 50% | 30% |
| CLO 3.1 | 50% |
| **Công thức tính điểm tổng kết:**  **Điểm TKHP = A1.1x0,1 + A1.2x0,15 + A1.3x0,05 + A1.4x0,2 + A2.1x0,5** | | | | | |

*- Ghi chú: Các bài đánh giá thiết kế sao cho đánh giá được từng CĐR.*

*- Ví dụ về công cụ đánh giá: Rubrics, đáp án, bảng kiểm…*

***5.2. Các bộ tiêu chí đánh giá***

***5.2.1. Rubric 1: Đánh giá bài A1.2***

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **CĐR** | **Nội dung đánh giá** | **Trọng số bài A1.3**  **(%)** | **Mức độ đánh giá** | | | | |  |
| **A** | **B** | **C** | **D** | **F** | **Điểm** |
| **8.5 - 10** | **7.0 - 8.4** | **5.5 - 6.9** | **4,0 -5,4** | **< 4,0** |
| **CLO2.1**  **Giải thích được mục đích, nguyên lý, phương pháp của kỹ năng giải quyết vấn đề và các quá trình tư duy..** | **Tìm hiểu, xác định vấn đề** | 10 | Xác định rõ ràng vấn đề nghiên cứu | Xác định được vấn đề nghiên cứu | Cơ bản xác định được vấn đề nghiên cứu | xác định được vấn đề nghiên cứu chung chung | Không xác định được vấn đề nghiên cứu |  |
| **Lập kế hoạch và giải pháp quyết vấn đề** | 15 | Có khả năng tư duy để lập được kế hoạch và đưa ra các giải pháp quyết vấn đề ở mức tốt | Có khả năng tư duy để lập được kế hoạch và đưa ra giải pháp quyết vấn đề ở mức khá | Có khả năng tư duy để lập được kế hoạch và đưa ra giải pháp quyết vấn đề ở mức cơ bản | Có khả năng tư duy để lập được kế hoạch và đưa ra giải pháp quyết vấn đề ở mức thấp | Không có khả năng tư duy để lập được kế hoạch và giải pháp quyết vấn đề |  |
| **Đánh giá kết quả đạt được** | 15 | Đánh giá kết quả đạt được ở mức tốt | Đánh giá kết quả đạt được ở mức khá | Đánh giá kết quả đạt được ở mức cơ bản | Đánh giá kết quả đạt được ở mức thấp | Không đánh giá được kết quả đạt được |  |
| **CLO 3.1**  **Hình thành ý tưởng, thiết kế, xây dựng được 1 bản đề cương NCKH về chăn nuôi** | **Tên đề tài** | 5 | Đã nêu được tên đề tài phù hợp và rõ ràng thông tin. | Đã nêu được tên đề tài phù hợp | Đã nêu được tên đề tài phù hợp nhưng một số thông tin chưa rõ ràng | Đã nêu được tên đề tài nhưng chưa phù hợp | Chưa nêu được tên đề tài |  |
| **Mở đầu** | 10 | Trình bày được hoàn chỉnh lý do chọn đề tài, mục đích, mục tiêu của đề tài | Trình bày được khá hoàn chỉnh lý do chọn đề tài, mục đích, mục tiêu của đề tài | Trình bày được lý do chọn đề tài, mục đích, mục tiêu của đề tài ở mức độ cơ bản | Trình bày được lý do chọn, mục đích, mục tiêu của đề tài nhưng chưa hoàn chỉnh, lủng củng và lan man | Chưa nêu được lý do chọn đề tài, mục đích, mục tiêu của đề tài |  |
| **Tổng quan nghiên cứu** | 15 | Tổng quan đầy đủ và logic các vấn đề liên quan đến đề tài | Tổng quan khá đầy đủ các vấn đề liên quan đến đề tài | Tổng quan tương đối đầy đủ các vấn đề liên quan đến đề tài | Tổng quan chưa đầy đủ các vấn đề liên quan đến đề tài | Chưa nêu được tổng quan nghiên cứu |  |
| **Phương pháp nghiên cứu** | 20 | Trình bày đầy đủ, logic phương pháp nghiên cứu | Trình bày khá đầy đủ phương pháp nghiên cứu | Trình bày chưa đầy đủ phương pháp nghiên cứu | Trình bày chưa đầy đủ, không logic phương pháp nghiên cứu | Không trình bày được phương pháp nghiên cứu |  |
| **Dự kiến kết quả** | 5 | Dự kiến kết quả đầy đủ, phù hợp, logic với mục đích, mục tiêu. | Dự kiến kết quả khá đầy đủ, phù hợp, logic với mục đích, mục tiêu. | Dự kiến kết quả chưa đầy đủ, phù hợp, logic với mục đích, mục tiêu. | Dự kiến kết quả thiếu nhiều, chưa phù hợp với mục đích, mục tiêu. | Không dự kiến được kết quả nghiên cứu |  |
| **Tài liệu tham khảo** | 5 | Tìm được trên 7 tài liệu liên quan đến vấn đề của đồ án. | Tìm được 5-7 tài liệu liên quan đến vấn đề của đồ án. | Tìm được trên 3 - 5 tài liệu liên quan đến vấn đề của đồ án. | Tìm được trên < 3 tài liệu liên quan đến vấn đề của đồ án. | Không có tài liệu tham khảo |  |
| **Tổng** | | | | | | | |  |

***5.2.1. Rubric 2: Đánh giá bài A1.3***

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **CĐR** | **Nội dung đánh giá** | **Trọng số bài A1.4** | **Mức độ đánh giá** | | | | | **Điểm** |
| **A** | **B** | **C** | **D** | **F** |  |
| **8.5 - 10** | **7.0 - 8.4** | **5.5 - 6.9** | **4,0 -5,4** | **< 4,0** |
| **CLO 2.2**  **Phát triển kỹ** **năng tổ chức nhóm để giải quyết các vấn đề đặt ra** | **Tổ chức nhóm** | 30 | Tham gia đầy đủ, tích cực các cuộc hợp nhóm | Tham gia đầy đủ các hoạt động nhóm. | Tham gia còn thiếu một số ít hoạt động | Chỉ tham gia một số ít hoạt động | Không tham gia |  |
| Nhiệm vụ được phân công rõ ràng, đầy đủ cho các thành viên trong nhóm | Nhiệm vụ được phân công khá rõ ràng, đầy đủ cho các thành viên trong nhóm | Nhiệm vụ được phân công cho các thành viên trong nhóm đầy đủ | Nhiệm vụ được phân công cho các thành viên trong nhóm chưa đầy đủ | Chưa có sự phân công nhiệm vụ |  |
| **Hợp tác nhóm** | 40 | Chủ động tạo ra sự tương tác tích cực thực hiện nhiệm vụ | Chủ động tạo ra sự tương tác khá tích cực thực hiện nhiệm vụ | Tương tác thực hiện nhiệm vụ ở mức cơ bản | Còn bị động, phụ thuộc trong sử dụng các phương thức làm việc nhóm | Thụ động trong việc tương tác với các thành viên |  |
| - Trao đổi, chia sẻ và chấp nhận các ý tưởng trong thực hiện nhiệm vụ với các thành viên ở mức độ cao | - Trao đổi và chấp nhận các ý tưởng trong thực hiện nhiệm vụ với các thành viên mức độ khá | Trao đổi, chia sẻ và chấp nhận các ý tưởng trong thực hiện nhiệm vụ với các thành viên ở mức độ cơ bản | Trao đổi và chấp nhận các ý tưởng trong thực hiện nhiệm vụ với các thành viên ở mức độ thấp | Không trao đổi, chia sẻ trong nhóm |  |
| - Chủ động kết nối, sử dụng các phương thức làm việc nhóm hiệu quả cao | - Chủ động kết nối, sử dụng các phương thức làm việc nhóm hiệu quả khá cao | Kết nối, sử dụng các phương thức làm việc nhóm hiệu quả cơ bản | Kết nối, sử dụng các phương thức làm việc nhóm hiệu quả thấp | Bị động trong kết nối, không hiệu quả |  |
| **Thảo luận nhóm** | 30 | Đề xuất, sáng kiến để đạt được tốt mục tiêu, kết quả nhóm | Đề xuất, sáng kiến để đạt được khá tốt mục tiêu, kết quả nhóm | Đề xuất, sáng kiến để đạt được mục tiêu, kết quả nhóm ở mức cơ bản | Đề xuất, sáng kiến để đạt được mục tiêu, kết quả nhóm thấp | Chưa có các đề xuất, sáng kiến |  |
| **Tổng** | | | | | | | |  | |

***5.2.1. Rubric 3: Đánh giá bài A1.4***

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **CĐR** | **Nội dung đánh giá** | **Trọng số bài A1.4**  **(%)** | **Mức độ đánh giá** | | | | | | **Điểm** |
| **A** | **B** | **C** | **D** | **F** | |  |
| **8.5 - 10** | **7.0 - 8.4** | **5.5 - 6.9** | **4,0 -5,4** | **< 4,0** | |
| **CLO 1.2**  **Hiểu và vận dụng phương pháp xử lý số liệu nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực chăn nuôi – thú y**. | **Cách sắp xếp và xử lý số liệu** | 90 | Sắp xếp được > 85% số liệu theo các tiêu chí đánh giá | - Sắp xếp được 70 84% số liệu theo các tiêu chí đánh giá | - Sắp xếp được 55 -69 % số liệu theo các tiêu chí đánh giá | Sắp xếp được 40 -54% số liệu theo các tiêu chí đánh giá | Sắp xếp được < 40% số liệu theo các tiêu chí đánh giá | |  |
| Sắp được > 85% số liệu chạy phần mềm SPSS | Sắp xếp được 70- 84% số liệu chạy phần mềm SPSS | Sắp xếp được 55 -69 % số liệu chạy phần mềm SPSS | Sắp xếp được 40 -54% số liệu chạy phần mềm SPSS | Sắp xếp được < 40% số liệu chạy phần mềm SPSS | |  |
| Chạy ra được > 85% kết quả các tiêu chí đánh giá | Chạy ra được 70- 84% kết quả các tiêu chí đánh giá | Chạy ra được 55 -69% kết quả các tiêu chí đánh giá | Chạy ra được kết quả 40 -54% các tiêu chí đánh giá | Chạy ra được kết quả < 40 các tiêu chí đánh giá | |  |
| Đưa số liệu các tiêu chí đã xử lý SPSS vào bảng chính xác > 85% | Đưa số liệu các tiêu chí đã xử lý SPSS vào bảng chính xác 70- 84% | Đưa số liệu các tiêu chí đã xử lý SPSS vào bảng chính xác 55 -69 % | Đưa số liệu các tiêu chí đã xử lý SPSS vào bảng chính xác 40 -54% | Đưa số liệu các tiêu chí đã xử lý SPSS vào bảng chính xác <40%. | |  |
| Đọc chính xác >85% số liệu xử lý SPSS | Đọc chính xác 70- 84% số liệu xử lý SPSS | Đọc chính xác 55 -69 % số liệu xử lý SPSS | Đọc chính xác 40 -54% số liệu xử lý SPSS | Đọc chính xác < 40% số liệu xử lý SPSS | |  |
| **Thời gian xử lý** | 10 | Hoàn thành trong thời gian quy định | | | | | Chưa hoàn thành trong thời gian quy đinh |  |
| **Tổng** | | | | | | | | |  |

**6. Tài liệu học tập**

**6.1. Tài liệu bắt buộc:**

1. Trương Hữu Dũng, Phạm Đình Thắm, Trần văn Thăng (2018). Giáo trình phương pháp thí nghiệm trong chăn nuôi thú y. Nhà xuất bản Nông nghiệp, 160tr

2. Võ Thị Trà An, Lê Thanh Hiền, Dương Huy Đồng, Hồ Thị Kim Hoa, Nguyễn Tiến Thành, Nghiên cứu khoa học trong chăn nuôi thú y, NXB Đại học quốc gia TPHCM

**6.2 Tài liệu tham khảo:**

3. Nguyễn Xuân Trạch, Đỗ Đức Lực (2016), Phân tích số liệu thí nghiệm và công bố kết quả nghiên cứu chăn nuôi, Nhà xuất bản ĐH Nông nghiệp

4. Lê Đình Phùng. Giáo trình Phương pháp thí nghiệm trong chăn nuôi và thú y. NXB Nông nghiệp, 2010.

5. Nguyễn Đình Hiền, 2007. Bài giảng về xử lý số liệu trong sinh học. NXB Nông Nghiệp. 212tr

**7. Kế hoạch dạy học**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tuần/**  **Buổi học (1)** | **Nội dung**  **(2)** | **Hình thức tổ chức dạy học (3)** | **Chuẩn bị của SV (4)** | **CĐR môn học (5)** | **Bài đánh giá (6)** |
| **1**  **(3 tiết)** | **Chư­ơng 1. Đại cương về khoa học và và NCKH**   * 1. Đại cương về khoa học   1.1.1.Khái niệm khoa học  1.1.2. Phân loại khoa học  1.1.3.Các cuộc cách mạng của khoa học và vai trò khoa học  1.2. Đại cương cương về nghiên cứu khoa học  1.2.1. Khái niệm về nghiên cứu khoa học  1.2.2. Đặc điểm của nghiên cứu khoa học  1.2.2.1. Tính mới  2.2.2.2. Tính tin cậy  2.2.2.3. Tính thông tin  1.2.2.4. Tính khách quan  1.2.2.5. Tính rủi ro  1.2.2.6. Tính kế thừa  1.2.2.7. Tính cá nhân  1.2.2.8. Tính phi kinh tế | **Hoạt động 1:** Thuyết giảng kết hợp trình chiếu Slide các nội dung bài học. Đặt câu hỏi liên quan để sv suy nghĩ trả lời  **Hoạt động 2:** Hướng dẫn tự học trên LMS | - Đọc tài liệu  - Nghiên cứu hệ thống LMS | CLO1.1 | A1.1  A2.1 |
| **2**  **(3 tiết)** | **Chư­ơng 1. Đại cương về khoa học và và NCKH**  1.2. Đại cương cương về nghiên cứu khoa học  1.2.3. Phân loại nghiên cứu khoa học  1.2.3.2. Phân loại theo phương thức thu thập thông tin  - Nghiên cứu tài liệu  -Nghiên cứu phi thực nghiệm  - Nghiên cứu thực nghiệm  1.2.3.3. Phân loại theo tính chất của sản phẩm nghiên cứu  - Nghiên cứu khoa học cơ bản  - Nghiên cứu khoa học ứng dụng  - Nghiên cứu khoa học triển khai  1.2.4. Sản phẩm đặc trưng của các loại hình thức nghiên cứu khoa học  1.2.4.1. Phát minh  1.2.4.2. Phát hiện  1.2.4.3. Sáng chế  1.2.4.4. Sự khác nhau giữa phát minh, phát hiện, sáng chế | **Hoạt động 1:** Thuyết giảng kết hợp trình chiếu Slide các nội dung bài học. Đặt câu hỏi liên quan để sv suy nghĩ trả lời  **Hoạt động 2:** Thảo luận | - Đọc tài liệu  - Nghe bài giảng elearning và làm bài tập trước khi đến lớp | CLO1.1 | A1.1  A2.1 |
| **3**  **(3 tiết)** | **Chương 2. Trình tự nghiên cứu khoa học**  2.1. Phát hiện vấn đề khoa học  2.2. Xây dựng giả thuyết khoa học  2.2.1.Khái niệm và vai trò của giả thuyết khoa học  2.2.2. Mối liên hệ giữa giả thuyết khoa học với vấn đềkhoa học  2.2.3. Thuộc tính cơ bản của giả thuyết khoa học 2.3. Xác định phương pháp nghiên cứu 2.3.1. Khái niệm và vai trò của phương pháp NCKH  2.3.2. Cơ sở xác định phương pháp nghiên cứu khoahọc  2.3.3. Các phương pháp nghiên cứu khoa học | **Hoạt động 1:** Kiểm tra nội dung tự học của sinh viên.  **Hoạt động 2:** Thuyết giảng kết hợp trình chiếu Slide các nội dung bài học. Đặt câu hỏi liên quan để sv suy nghĩ trả lời  **Hoạt động 3:** Thảo luận | - Đọc tài liệu  - Nghe bài giảng elearning và làm bài tập trước khi đến lớp | CLO1.1 | A1.1  A2.1 |
| **4**  **(3 tiết)** | **Chương 2. Trình tự nghiên cứu khoa học**  2.4.Xây dựng cơ sở lý luận của nghiên cứu (luậncứ lý thuyết)  2.4.1. Khái niệm và vai trò của luận cứ lý thuyết  2.4.2. Nội dung của luận cứ lý thuyết  2.5. Thu thập thông tin  2.5.1.Vai trò của thông tin trong nghiên cứu khoa học  2.5.2. Các cách tiếp cận thu thập thông tin  2.5.3. Các cách thu thập thông tin  2.6. Xử lý và phân tích thông tin  2.7. Tổng hợp kết quả  2.7.1. Khái quát về kết quả nghiên cứu  2.7.2. Kết luận về bản chất của sự vật hiện tượng nghiên cứu | **Hoạt động 1:** Kiểm tra nội dung tự học của sinh viên  **Hoạt động 2:** Thuyết giảng kết hợp trình chiếu Slide các nội dung bài học. Đặt câu hỏi liên quan để sv suy nghĩ trả lời  **Hoạt động 3:** Thảo luận | - Nghe bài giảng elearning và làm bài tập trước khi đến lớp  - Nghe bài giảng elearning và làm bài tập trước khi đến lớp | CLO1.1 | A1.1  A2.1 |
| **5**  **3 tiết)** | Chương 3. Nghiên cứu khoa học trong chăn nuôi 3.1. Khái niệm về nghiên cứu trong chăn nuôi  3.1.1. Mục đích của các nghiên cứu trong chăn nuôi  3.1.2. Phân loại các nghiên cứu trong chăn nuôi  3.1.3. Điều kiện để tiến hành tốt các nghiên cứu trong chăn nuôi  3.2. Lĩnh vực nghiên cứu  3.1.1. nghiên cứu về đối tượng nuôi  3.1.2. Nghiên cứu về tiểu khí hậu chuồng nuôi  3.1.3. Nghiên cứu xây dựng các biện pháp kỹ thuật nuôi  3.1.4. Đánh giá tiềm năng phát triển chăn nuôi, điều tra tình hình kinh tế xã hội  3.1.5. Một số ngiên cứu khác  3.3. Nguyên tắc xác định các chỉ tiêu trong chăn nuôi | **Hoạt động 1:** Kiểm tra nội dung tự học của sinh viên  **Hoạt động 2:** Thuyết giảng kết hợp trình chiếu Slide các nội dung bài học. Đặt câu hỏi liên quan để sv suy nghĩ trả lời  **Hoạt động 3:** Thảo luận | - Đọc tài liệu  - Nghe bài giảng elearning và làm bài tập trước khi đến lớp | CLO1.1 | A1.1  A2.1 |
| **6**  **(3 tiết)** | **Chương 4. MỘT SỐ KHÁI NIỆM THỐNG KÊ VÀ PHƯƠNG PHÁP THÍ NGHIỆM TRONG CHĂN NUÔI**  4.1. Khái niệm về biến và phân loại biến  4.1.1. Khái niệm biến  4.1.2. Phân loại biến  4.2. Tham số  4.3. Thống kê mô tả và thống kê suy diễn  4.4. Quần thể và mẫu  4.5. Thí nghiệm và nghiên cứu quan trắc  4.6. Vật liệu thí nghiệm và đơn vị thí nghiệm  4.7. Nhân tố thí nghiệm và nghiệm thức  4.8. Lặp lại và nhắc lại  4.9. Đối chứng  4.10. Quy tắc 3R trong thiết kế thí nghiệm  4.11. Khối và tạo khối  4.12. Sai số thí nghiệm | **Hoạt động 1:** Kiểm tra nội dung tự học của sinh viên  **Hoạt động 2:** Thuyết giảng kết hợp trình chiếu Slide các nội dung bài học. Đặt câu hỏi liên quan để sv suy nghĩ trả lời  **Hoạt động 3:** Thảo luận | - Đọc tài liệu  - Nghe bài giảng elearning và làm bài tập trước khi đến lớp | CLO 1.1 | A1.1  A2.1 |
| **7**  **(3 tiết)** | Chương 5. Phương pháp thiết kế thí nghiệm  5.1. [Tầm quan trọng của thiết kế thí nghiệm](#_TOC_250008)  5.2. Các bước cần thiết để thiết kế thí nghiệm  5.3. [Các loại thí nghiệm](#_TOC_250007)  5.4. Một số lưu ý  5.5. [Các nguyên tắc thiết kế thí nghiệm](#_TOC_250006)  5.7.Một số kiểu thiết kế thí nghiệm | **Hoạt động 1:** Kiểm tra nội dung tự học của sinh viên  **Hoạt động 2:** Thuyết giảng kết hợp trình chiếu Slide các nội dung bài học. Đặt câu hỏi liên quan để sv suy nghĩ trả lời  **Hoạt động 3:** Thảo luận | - Đọc tài liệu  - Nghe bài giảng elearning và làm bài tập trước khi đến lớp | CLO 1.1 | A1.1  A2.1 |
| **8**  **(3 tiết)** | **Chương 6. Phân tích thống kê thường dung trong chăn nuôi**  6.1. [Các bài toán nghiên cứu trong chăn nuôi](#_TOC_250021)  6.2. [Các thông số thống kê mô tả và ý nghĩa của chúng](#_TOC_250020)  6.3. [Phân tích tần suất](#_TOC_250019)  6.4. [So sánh trung bình mẫu bằng kiểm định tham số](#_TOC_250018)  6.5. Phân tích phương sai  6.6. [Phân tích tương quan](#_TOC_250017)  6.7. [Phân tích hồi qui](#_TOC_250016)  6.8. Một số lưu ý khi xử lý số liệu | **Hoạt động 1:** Kiểm tra nội dung tự học của sinh viên tuần 9.  **Hoạt động 2:** Thuyết giảng kết hợp trình chiếu Slide các nội dung bài học. Đặt câu hỏi liên quan để sv suy nghĩ trả lời  **Hoạt động 3:** Thảo luận | - Đọc tài liệu].  - Nghe bài giảng elearning và làm bài tập trước khi đến lớp | CLO1.2 | A1.4 |
| **9**  **(3 tiết)** | **Chương 7. Đề tài nghiên cứu khoa học**  7.1. Các loại đề cương và yêu cầu về nội dung  7.2. Căn cứ lựa chọn và cách đặt tên đề tài  7.2.1. Căn cứ lựa chọn đề tài  7.2.2. Cách đặt tên đề tài  7.3. Xây dựng đề cương và kế hoạch nghiên cứu  7.3.1. Xây dựng đề cương nghiên cứu  7.3.1.1. Lý do chọn đề tài  7.3.1.2. Mục đích và mục tiêu của đề tài  7.3.1.3. Tổng quan tài liệu nghiên cứu  7.3.1.4. Nội dung và phương pháp nghiên cứu  7.3.1.5. Dự kiến kết quả đạt được | **Hoạt động 1:** Kiểm tra nội dung tự học của sinh viên  **Hoạt động 2:** Thuyết giảng kết hợp trình chiếu Slide các nội dung bài học. Đặt câu hỏi liên quan để sv suy nghĩ trả lời  **Hoạt động 3:** Thảo luận | - Đọc tài liệu  - Nghe bài giảng elearning và làm bài tập trước khi đến lớp | CLO1.1  CLO2.1  CLO2.2  CLO3.1 | A1.2  A1.3  A2.1 |
| **10**  **(3 tiết)** | **Chương 7. Đề tài nghiên cứu khoa học**  7.3. Xây dựng đề cương và kế hoạch nghiên cứu  7.3.1. Xây dựng đề cương nghiên cứu  7.3.1.4. Nội dung và phương pháp nghiên cứu  7.3.1.5. Dự kiến kết quả đạt được của đề tài  7.3.2. Xây dựng kế hoạch nghiên cứu khoa học  7.4. Triển khai thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học  7.4.1. Phân công nhiệm vụ trong nhóm nghiên cứu  7.4.2. Thực hiện thu thập thông tin  7.5. Viết báo cáo khoa học  7.5.1. Xây dựng hệ thống bảng biểu  7.5.2. Viết báo cáo khoa học  7.5.2.1. Văn phong, ngôn ngữ sử dụng viết báo cáo  7.5.2.2. Bố cục của một báo cáo khoa học | **Hoạt động 1:** Kiểm tra nội dung tự học của sinh viên  **Hoạt động 2:** Thuyết giảng kết hợp trình chiếu Slide các nội dung bài học. Đặt câu hỏi liên quan để sv suy nghĩ trả lời  **Hoạt động 3:** Thảo luận | - Đọc tài liệu  - Nghe bài giảng elearning và làm bài tập trước khi đến lớp | CLO1.1  CLO2.1  CLO2.2  CLO3.1 | A1.2  A1.3  A2.1 |

***Thực hành***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tuần, số tiết** | **Nội dung** | **Hình thức tổ chức dạy học** | **Yêu cầu SV chuẩn bị** | **CĐR học phần** | **Bài đánh giá** |
| **11**  **(3 tiết)** | Bài 1  Xác định được bài toán nghiên cứu | Hướng dẫn, thảo luận, làm việc nhóm, thực hành | - Vở ghi chép, bút  - Đọc tài liệu liên quan | CLO1.2 | A1.4 |
| **12**  **(3 tiết)** | Bài 2.  Xử lý số liệu và phân tích thống kê | Hướng dẫn, thảo luận, làm việc nhóm, thực hành | - Vở ghi chép, bút  - Đọc tài liệu liên quan | CLO1.2 | A1.4 |
| **13**  **(3 tiết)** | Bài 3. Xử lý số liệu và phân tích thống kê | Hướng dẫn, thảo luận, làm việc nhóm, thực hành | - Vở ghi chép, bút  - Đọc tài liệu liên quan | CLO1.2 | A1.4 |
| **14**  **(3 tiết)** | Bài 4. Xử lý số liệu và phân tích thống kê | Hướng dẫn, thảo luận, làm việc nhóm, thực hành | - Vở ghi chép, bút  - Đọc tài liệu liên quan | CLO1.2 | A1.4 |
| **15**  **(3 tiết)** | Bài 5. Đọc và phân tích số liệu | Hướng dẫn, thảo luận, làm việc nhóm, thực hành | - Vở ghi chép, bút  - Đọc tài liệu liên quan | CLO1.2 | A1.4 |

**8. Nhiệm vụ của người học**

***8.1. Phần tự học***

- Nghiên cứu tài liệu, xem các slide/video/website.

- Chủ động tìm các nguồn tài liệu khác liên quan đến nội dung học phần.

- Thảo luận, trao đổi những vấn đề liên quan đến học phần với bạn học/cựu sinh viên/cán bộ tại đơn vị trải nghiệm hoặc các nguồn lực hỗ trợ khác.

- Hoàn thành các bài tập được giao trên LMS.

***8.2. Phần học trên lớp trực tiếp hoặc online với giảng viên***

- Dự lớp ≥ 80% tổng thời lượng của học phần.

- Chủ động, tích cực trong giờ học.

- Phát hiện, đưa ra câu hỏi hoặc vấn đề liên quan đến nội dung học tập.

***8.3. Thực hành***

- Tham gia đầy đủ các bài thực hành

- Tôn trọng ý kiến và chịu trách nhiệm về kết quả làm việc chung.

- Hoàn thành đầy đủ nhiệm vụ và sản phẩm thực hành được giao.

**9. Ngày phê duyệt:**

**10. Cấp phê duyệt:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **KT. HIỆU TRƯỞNG**  **PHÓ HIỆU TRƯỞNG** | **VIỆN TRƯỞNG**  **TS. Nguyễn Đình Vinh** | **TRƯỞNG BỘ MÔN**  **TS. Lê Minh Hải** |

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH**  **VIỆN NÔNG NGHIỆP VÀ TÀI NGUYÊN** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

## **ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN CHI TIẾT**

## **Thú y cơ bản**

**1. Thông tin tổng quát:**

***1.1. Thông tin về giảng viên***

***Giảng viên 1:* Trương Thị Thành Vinh**

Học hàm, học vị: Thạc sĩ

Địa chỉ liên hệ: 182 Lê Duẩn, TP Vinh, Nghệ An

Điện thoại, email: thanhvinhtruong@gmail.com

Các hướng nghiên cứu chính: Vi sinh vật, Bệnh động vật thủy sản

***Giảng viên 2:* Nguyễn Thị Thanh**

Học hàm, học vị: Tiến sĩ

Địa chỉ liên hệ: 182 Lê Duẩn, TP Vinh, Nghệ An

Điện thoại, email: nguyenthithanhnln@gmail.com

Các hướng nghiên cứu chính: Sinh lý động vật, Quản lý môi trường nuôi thủy sản

***1.2. Thông tin về học phần:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| - Tên học phần (tiếng Việt): **Thú y cơ bản**  (tiếng Anh):  **Basic Veterinary Medicine** | | |
| - Mã số học phần: AHY30007 | | |
| - Thuộc CTĐT ngành: **Chăn nuôi** | | |
| - Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:  Kiến thức cơ bản  Kiến thức cơ sở ngành  Kiến thức ngành  x | Học phần chuyên về kỹ năng chung  Kiến thức khác | |
| - Thuộc loại học phần: Bắt buộc  x | Tự chọn | |
| - Số tín chỉ: 03 | |  |
| + Số tiết lý thuyết: 25 | |  |
| + Số tiết thảo luận/bài tập: 5 | |  |
| + Số tiết thực hành: 15 | |  |
| + Số tiết tự học: 90 | |  |
| - Điều kiện đăng ký học: | |  |
| + Học phần tiên quyết: | | Mã số HP: |
| + Học phần học trước: | | Mã số HP: |
| - Yêu cầu của học phần: Thực hiện theo Quy chế đào tạo của Trường Đại học Vinh. Cụ thể:  + Thời gian tối thiểu sinh viên phải có mặt trên lớp: 80%  + Sinh viên phải nộp đầy đủ bài tập, báo cáo… qua hệ thống LMS (Mục 5.1). + Tham gia đầy đủ các bài thực hành. | | |
| - Bộ môn phụ trách học phần: Thủy sản và Chăn nuôi  Điện thoại: Email: | | |

**2. Mô tả học phần:**

Học phần Thú y cơ bản giúp sinh viên nhận thức được vai trò của Thú y trong hệ thống sản xuất chăn nuôi, vai trò của thú y trong tham gia bảo vệ sức khỏe cộng đồng. Trang bị cho sinh viên các kiến thức về các dụng cụ thường dùng trong thú y và cách sử dụng các dụng cụ đó, biết cách khám bệnh cho vật nuôi và cách mổ khám xác định bệnh tích để chẩn đoán bệnh, tiêm được các vị trí khác nhau trên cơ thể vật nuôi để điều trị bệnh. Biết một số thuốc và vaccine thường dùng trong thú y; phương pháp chẩn đoán bệnh; tìm hiểu về một số bệnh nội, ngoại khoa, thường gặp của vật nuôi và phương pháp xử lý khi gia súc bị ngộ độc.

**3. Mục tiêu học phần**

**CO1.** Hiểu được các khái niệm cơ bản về bệnh; các nhóm bệnh thường gặp trên các đối tượng vật nuôi; một số loại thuốc và vaccine thường dùng trong thú y và đi sâu tìm hiểu một số trường hợp bệnh nội , ngoại khoa thường.

**CO2**. Vận dụng thực hiện được một số kỹ thuật căn bản trong phòng thí nghiệm để nhận biết được các dụng cụ thường dùng trong thú y và cách sử dụng các dụng cụ đó, biết cách khám bệnh cho vật nuôi và cách mổ khám xác định bệnh tích để chẩn đoán bệnh, tiêm được các vị trí khác nhau trên cơ thể vật nuôi để điều trị bệnh

**CO3**. Thể hiện thái độ, đạo đức tốt trong chẩn đoán điều trị bệnh cho vật nuôi. Phát triển kỹ năng tổ chức nhóm để giải quyết các vấn đề đặt ra

**4. Chuẩn đầu ra học phần, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá**

***4.1. Ánh xạ chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **CĐR học phần** | **Ánh xạ với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo** | | | |
| **PLO1.2** | **PLO2.2** | **PLO2.3** | **PLO3.1** |
| 1.2.4 | 2.2.1 | 2.3.1 | 3.1.1 |
| CLO1.1 | 1,0 |  |  |  |
| CLO2.1 |  | 1,0 |  |  |
| CLO2.2 |  |  | 1,0 |  |
| CLO3.1 |  |  |  | 1,0 |

***4.2. Nội dung chuẩn đầu ra, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá học phần***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **CĐR học phần (CLO)** | **TĐNL CĐR**  **học phần** | **Mô tả CĐR học phần** | **Phương pháp dạy học** | **Phương pháp đánh giá** |
| CLO1.1 | K4 | Hiểu được các nguyên lý và quá trình liên quan đến dược lý học đối với vật nuôi. Dấu hiệu bệnh lý, con đường lây truyền bệnh, sự phân bố và các yếu tố liên quan đến sự truyền bệnh trên vật nuôi; kỹ thuật chẩn đoán, phòng và trị mộ số bệnh thường gặp trên vật nuôi. | Hướng dẫn  Tự học/tự nghiên cứu | Trắc nghiệm  Thực hành  Bài thi tự luận |
| CLO2.1 | A3 | Có đạo đức, trách nhiệm, thái độ hành xử chuyên nghiệp, tinh thần hợp tác trong hoạt động nghề nghiệp, sẵn sàng chấp nhận thử thách và rủi ro trong chăn nuôi | Thuyết trình  Nghiên cứu tình huống | Thực hành  Bài thi tự luận |
| CLO2.2 | S4 | Thể hiện kỹ năng nghề nghiệp về áp dụng các kỹ thuật xét nghiệm chẩn đoán bệnh ở vật nuôi; tư vấn giải pháp chữa trị | Làm việc nhóm  Thực hành | Rubric 1 |
| CLO3.1 | S4 | Làm việc nhóm để thực hiện bài tập thiết kế, tổ chức các hoạt động nghiên cứu (đề xuất đề tài, bố trí thí nghiệm, thu thập số liệu, viết báo cáo…) liên quan đến quản lý sức khỏe vật nuôi | Hướng dẫn  Thực hành | Thực hành  Rubric 1 |

**5. Đánh giá học tập và các bộ tiêu chí đánh giá**

***5.1. Đánh giá học tập***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Bài đánh giá** | **Hình thức đánh giá và lưu hồ sơ** | **Công cụ đánh giá** | **CĐR học phần** | **Tỷ lệ cho bài đánh giá** | **Tỷ lệ**  **cho học phần** |
| **A1. Đánh giá quá trình** | |  |  |  | **50%** |
| A1.1 | - Bài tập nhóm; nhóm SV nạp báo cáo quá LMS; GV đánh giá và lưu hồ sơ | Rubric 1 | CLO2.1 | 40% | 10% |
| CLO3.1 | 60% |
| A1.2 | - Bài thi trắc nghiệm;  TT Đảm bảo chất lượng tổ chức thi và lưu hồ sơ | - Đáp án | CLO1.1 | 100% | 20% |
| A1.3 | - Kiểm tra kỹ năng thực hành tại PTN | - Rubric 1 | CLO2.2 | 80% | 20% |
| CLO3.1 | 20% |  |
| **A.2. Đánh giá cuối kỳ** | |  |  |  |  |
| A2.1 | Bài thi tự luận  TT Đảm bảo chất lượng tổ chức thi và lưu hồ sơ | Đáp án | CLO1.1 | 100% | *50%* |
| **Công thức tính điểm tổng kết:**  **Điểm TKHP = A1.1 \*0,1+A1.2\*0,2+A1.3\*0,2+A2.1\*0,5** | | | | | | |

*- Ghi chú: Các bài đánh giá thiết kế sao cho đánh giá được từng CĐR.*

*- Ví dụ về công cụ đánh giá: Rubrics, đáp án, bảng kiểm…*

***5.2. Các bộ tiêu chí đánh giá***

***Rubric 1: Rubric 1: Đánh giá bài A1.1 và bài A1.3.***

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **CĐR** | **Tiêu chí đánh giá** | **Trọng số bài A1.1** | **Trọng số bài A1.3** | **Mức độ đánh giá** | | | | | |
| **A** | **B** | **C** | **D** | **F** |
| **8.5 - 10** | **7.0 - 8.4** | **5.5 - 6.9** | **4,0 -5,4** | **< 4,0** |
| **CLO2.1.** Có đạo đức, trách nhiệm, thái độ hành xử chuyên nghiệp, tinh thần hợp tác trong hoạt động nghề nghiệp, sẵn sàng chấp nhận thử thách và rủi ro trong chăn nuôi | **Ý thức, trách nhiệm khi tham gia hoạt động nghề nghiệp** | 20 |  | Ý thức, trách nhiệm cao khi tham gia hoạt động nghề nghiệp | Ý thức, trách nhiệm khá cao khi tham gia hoạt động nghề nghiệp | Ý thức, trách nhiệm khi tham gia hoạt động nghề nghiệp | Ý thức, trách nhiệm khi tham gia hoạt động nghề nghiệp đang còn thấp | Ý thức, trách nhiệm thấp hoặc không có khi tham gia hoạt động nghề nghiệp |
| **Mức độ tham gia hoạt động học tập, nghề nghiệp** | 20 |  | Tham gia hoạt động học tập, nghề nghiệp với tần suất cao | Tham gia hoạt động học tập, nghề nghiệp tần suất khá cao | Tham gia hoạt động học tập, nghề nghiệp | Tham gia hoạt động học tập, nghề nghiệp tần suất thấp | Không tham gia hoạt động học tập, nghề nghiệp |
| **CLO2.2.** Thể hiện được kỹ năng nghề nghiệp về áp dụng các kỹ thuật xét nghiệm chẩn đoán bệnh ở vật nuôi; tư vấn giải pháp chữa trị trong phòng thí nghiệm | **Chuẩn bị** |  | 20 | Có sự chuẩn bị tốt về bài thực hành | Có sự chuẩn bị khá tốt về bài thực hành | Có sự chuẩn bị về bài thực hành | Có sự chuẩn bị về bài thực hành sơ sài | Chưa có sự chuẩn bị về bài thực hành |
| **Thao tác thực hành, thí nghiệm** |  | 40 | Thực hiện chính xác thao tác thực hành, đúng quy trình thí nghiệm | Thực hiện đúng thao tác thực hành, đúng quy trình thí nghiệm | Thực hiện đúng thao tác thực hành, quy trình thí nghiệm đạt mức cơ bản | Thực hiện đúng thao tác thực hành, quy trình thí nghiệm đạt ở mức độ thấp | Không thực hiện đúng thao tác thực hành, quy trình thí nghiệm |
| **Kết quả thực hành, thí nghiệm** |  | 20 | Kết quả thực hành, thí nghiệm đúng, đạt tiêu chuẩn tốt, | Kết quả thực hành, TN đúng , đạt tiêu chuẩn khá tốt | Kết quả thực hành, TN đúng , đạt tiêu chuẩn | Kết quả thực hành, TN đúng , chưa đạt tiêu chuẩn, một số lỗi sai | Kết quả thực hành, TN sai |
| CLO3.1. Làm việc theo nhóm hiệu quả để đánh giá các hoạt động nghiên cứu liên quan đến quản lý sức khỏe vật nuôi | **Tổ chức nhóm** | 10 | 5 | Tham gia đầy đủ, tích cực các cuộc hợp nhóm | Tham gia đầy đủ các hoạt động nhóm. | Tham gia còn thiếu một số ít hoạt động | Chỉ tham gia một số ít hoạt động | Không tham gia |
| Nhiệm vụ được phân công rõ ràng, đầy đủ cho các thành viên trong nhóm | Nhiệm vụ được phân công khá rõ ràng, đầy đủ cho các thành viên trong nhóm | Nhiệm vụ được phân công cho các thành viên trong nhóm đầy đủ | Nhiệm vụ được phân công cho các thành viên trong nhóm chưa đầy đủ | Chưa có sự phân công nhiệm vụ |
| **Hợp tác nhóm** | 30 | 10 | - Trao đổi, chia sẻ và chấp nhận các ý tưởng trong thực hiện nhiệm vụ với các thành viên ở mức độ cao | - Trao đổi và chấp nhận các ý tưởng trong thực hiện nhiệm vụ với các thành viên mức độ khá | Trao đổi, chia sẻ và chấp nhận các ý tưởng trong thực hiện nhiệm vụ với các thành viên ở mức độ cơ bản | Trao đổi và chấp nhận các ý tưởng trong thực hiện nhiệm vụ với các thành viên ở mức độ thấp | Không trao đổi, chia sẻ trong nhóm |
| **Thảo luận nhóm** | 20 | 5 | Đề xuất, sáng kiến để đạt được tốt mục tiêu, kết quả nhóm | Đề xuất, sáng kiến để đạt được khá tốt mục tiêu, kết quả nhóm | Đề xuất, sáng kiến để đạt được mục tiêu, kết quả nhóm ở mức cơ bản | Đề xuất, sáng kiến để đạt được mục tiêu, kết quả nhóm thấp | Chưa có các đề xuất, sáng kiến |

**6. Tài liệu học tập**

***6.1. Giáo trình:***

1. Phạm Quang Trung. Bài giảng thú y cơ bản. Đại học Nông Lâm Huế, 2006.

2. Phạm Sỹ Lăng, Lê Thị Tài. Thuốc điều trị và vaccine sử dụng trong thú y. NXB Nông nghiệp Hà Nội, 1997.

3. Phạm Ngọc Thạch, Hồ Văn Nam, Chu Đức Thắng. Giáo trình bệnh nội khoa gia súc. NXB Nông nghiệp, Hà Nội, 2006.

4. Huỳnh Văn Kháng. Bệnh Ngoại khoa gia súc. NXB Nông nghiệp, Hà Nội, 2003.

**7. Kế hoạch dạy học**

***Lý thuyết:***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tuần, số tiết** | **Nội dung** | **Hình thức tổ chức dạy học** | **Yêu cầu SV chuẩn bị** | **CĐR học phần** | **Bài đánh giá** |
| **1(3)** | BÀI MỞ ĐẦU  1. Giới thiệu học phần  2. Vai trò và nhiệm vụ của ngành Thú y  3. Hệ thống hoạt động của ngành Thú y  4. Các cơ sở đào tạo chuyên ngành Thú y  CHƯƠNG 1. CÁC KHÁI NIỆM CƠ BẢN VỀ BỆNH  1.1. Sơ lược khái niệm về bệnh qua các thời đại  1.2. Những điều cần chú trọng trong các khái niệm về bệnh  1.3. Khái niệm nguyên nhân bệnh học  1.4. Sinh bệnh học | - Địa điểm: Phòng học theo Nhà Trường sắp xếp  - Thuyết trình  - Hướng dẫn nghiên cứu tìm kiếm tài tài liệu | - Đọc tài liệu 1  -Tìm kiếm tài liệu (website): về triển vọng phát triển ngành thú y ở nước ta hiện nay | **CLO1.1** | A1.1  A1.2 |
| **2** | CHƯƠNG 2. THUỐC VÀ VACCINE DÙNG TRONG THÚ Y  2.1. Thuốc dùng trong thú y  2.1.1. Khái niệm về thuốc  2.1.2. Các chức năng của thuốc  2.1.3. Nguồn gốc của thuốc  2.1.4. Phân biệt giữa thuốc, thứa ăn và chất độc  2.1.5. Các yếu tố ảnh hưởng đến tác dụng dược lý‎ của thuốc  2.1.6. Các phương pháp đưa thuốc vào cơ thể | - Địa điểm: Nhà học theo Nhà Trường sắp xếp  - Thuyết trình  - Hướng dẫn làm thực hành | - Đọc tài liệu 1, 2, xem hình ảnh, tìm hiểu thực tế về các phương pháp đưa thuốc vào cơ thể vật nuôi | **CLO1.2** | A1.1  A2.1 |
| **3** | Chương 2 (tiếp)  2.1.7. Liều lượng và tần số cấp thuốc  2.1.8. Các nhóm thuốc thường dùng  2.2. Vaccine dùng trong thú y  2.2.1. Nguyên lý tác dụng  2.2.2. Một số điều cần chú ý khi sử dụng vacxin | - Địa điểm: Nhà học theo Nhà Trường sắp xếp  - Thuyết trình | Đọc tài liệu 1, 2, Tìm hiểu về triển vọng sản xuất và sử dụng vacxin cho vật nuôi hiện nay ở nước ta | **CLO1.2** | A1.1  A2.1 |
| **4** | CHƯƠNG 3. PHƯƠNG PHÁP KHÁM BỆNH CHO VẬT NUÔI  3.1. Các phương pháp khám cơ bản  3.1.1. Phương pháp quan sát  3.1.2. Phương pháp sờ nắn  3.1.3. Phương pháp gõ  3.1.4. Phương pháp nghe  3.2. Các phương pháp khám đặc biệt  3.3. Trình tự khám bệnh  3.3.1. Hỏi bệnh  3.3.2. Quan sát bên ngoài  3.3.3. Kiểm tra thân nhiệt  3.3.4. Khám các khí quan trong cơ thể | - Địa điểm: Nhà học theo Nhà Trường sắp xếp  - Thuyết trình  - Xem hình ảnh, video về các phương pháp khám bệnh cơ bản cho vật nuôi | Đọc tài liệu 1, 2.  Nắm được trình tự thăm khám bệnh cho vật nuôi | **CLO1.2**  **CLO2.2**  **CLO3.1** | A1.1  A2.1  A2.2 |
| **5** | CHƯƠNG 5. BỆNH NỘI KHOA GIA SÚC  5.1. Khái niệm  5.2. Nguyên tắc chính trong điều trị bệnh nội khoa  5.3. Một số bệnh nội khoa thường gặp ở gia súc  5.3.1. Bệnh chướng hơi dạ cỏ cấp tính  5.3.2. Bệnh bội thực dạ cỏ  5.3.3. Nghẽn dạ lá sách  5.3.4. Bệnh viêm dạ tổ ong do ngoại vật  5.3.5. Bệnh viêm dạ dày - ruột  5.3.6. Bệnh viêm ruột của gia súc non  5.3.7. Bệnh viêm phổi của gia súc non  5.3.8. Bệnh say nắng  5.3.9. Bệnh cảm nóng | - Địa điểm: Nhà học theo Nhà Trường sắp xếp  - Thuyết trình  - Xem các hình ảnh về một só triệu chứng bệnh điển hình | Đọc tài liệu 1, 2, 3.  So sánh và nắm được triệu chứng điển hình của mỗi bệnh đã học | **CLO1.2, CLO2.2**  **CLO3.1** | A1.1  A2.1  A2.2 |
| 6 | CHƯƠNG 6. NGỘ ĐỘC Ở VẬT NUÔI  6.1. Chẩn đoán ngộ độc  6.2. Xử lý khi vật nuôi bị ngộ độc  6.3. Một số dạng ngộ độc thường gặp  6.3.1. Ngộ độc hóa chất bảo vệ thực vật  6.3.2. Ngộ độc sắn (khoai mỳ)  6.3.3. Ngộ độc nấm mốc | - Địa điểm: Nhà học theo Nhà Trường sắp xếp  - Thuyết trình | Đọc tài liệu 1, tìm hiểu hiện trạng vật nuôi bị ngộ độc hóa chất hiện nay | **CLO1.2**  **CLO2.1**  **CLO2.2** | A1.1  A2.1  A2.2 |
| **7** | CHƯƠNG 7. BỆNH TRUYỀN NHIỄM  7.1. Khái niệm  7.2. Điều kiện phát sinh bệnh truyền nhiễm  7.3. Một số bệnh thường gặp  7.3.1. Bệnh nhiệt thán (Anthrax)  7.3.2. Bệnh uốn ván (Tetanus)  7.3.3. Bệnh tụ huyết trùng trâu bò (Pasteurellosis)  7.3.4. Bệnh lở mồm long móng (aphtae epizooticae)  7.3.5. Bệnh đóng dấu lợn (Erysipelas Suum)  7.3.6. Bệnh phó thương hàn lợn (Paratyphus Summ) | - Địa điểm: Nhà học theo Nhà Trường sắp xếp  - Thuyết trình  - Xem các hình ảnh về một số triệu chứng bệnh điển hình | Đọc tài liệu 1, 2  So sánh và nắm được triệu chứng điển hình của mỗi bệnh đã học | **CLO1.2**  **CLO2.1**  **CLO2.2** | A1.1  A2.1  A2.2 |
| **8** | Chương 7 (tiếp)  7.3.7. Bệnh dịch tả lợn (Pestis Suum)  7.3.8. Bệnh tụ huyết trùng lợn (Pasteurellosis)  7.3.9. Bệnh lợn tai xanh (Sốt đỏ, PRRS)  7.3.10. Bệnh Newcastle (bệnh toi gà)  7.3.11. Bệnh tụ huyết trùng gia cầm  7.3.12. Bệnh cúm gia cầm (HPAI - Highly pathogenic avian influenza)  7.3.13. Bệnh Gumboro  7.3.14. Bệnh E. Coli  7.3.15. Bệnh dịch tả vịt | - Địa điểm: Nhà học theo Nhà Trường sắp xếp  - Thuyết trình  - Xem các hình ảnh về một số triệu chứng bệnh điển hình | **-** Đọc tài liệu 1, 2,.  So sánh và nắm được triệu chứng điển hình của mỗi bệnh đã học | **CLO1.2**  **CLO2.1**  **CLO2.2** | A1.1  A2.1  A2.2 |
| **9** | CHƯƠNG 8. BỆNH KÝ SINH TRÙNG  8.1. Định nghĩa về bệnh ký sinh trùng  8.2. Những thiệt hại do bệnh kst  8.3. Biện pháp phòng ngừa tổng hợp đối với bệnh kst  8.4. Một số bệnh ký sinh trùng thường gặp ở vật nuôi  8.4.1. Bệnh sán lá gan ở loài nhai lại  8.4.2. Bệnh tiên mao trùng trâu bò  8.4.3. Bệnh giun đũa bê nghé  8.4.4. Bệnh giun đũa lợn  8.4.5. Bệnh sán lá ruột lợn  8.4.6. Bệnh ghẻ lợn  8.4.7. Bệnh cầu trùng gà | **-** Địa điểm: Nhà học theo Nhà Trường sắp xếp  - Thuyết trình  - Xem các hình ảnh về một số triệu chứng bệnh điển hình | **-** Đọc tài liệu 1, 2  So sánh và nắm được triệu chứng điển hình của mỗi bệnh đã học | **CLO1.2**  **CLO2.1**  **CLO2.2** | A1.1  A2.1  A2.2 |
| **10** | Thảo luận chủ đề 1 | - Hướng dẫn thảo luận | **-**Chuẩn bị hồ sơ làm việc nhóm; Bài tập nhóm theo yêu cầu. | **CLO2.1**  **CLO2.2** | **A1.2** |

***Thực hành:***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tuần, số tiết** | **Nội dung** | **Hình thức tổ chức dạy học** | **Yêu cầu SV chuẩn bị** | **CĐR học phần** | **Bài đánh giá** |
| 1 (3) | Cách sử dụng dụng cụ thường dùng trong thú y | Hướng dẫn thực hiện nội quy, các thao tác sử dụng thiết bị phòng thí nghiệm | Giấy A4; Bút ghi chép, áo blu | CLO1.2, CLO3.1 | A3.2 |
| 2(3) | Pha chế một số loại thuốc thông thường sử dụng trong phòng trị bệnh ở vật nuôi | Hướng dẫn pha chế một số loại thuốc thông thường | Giấy A4; Bút ghi chép, áo blu, Máy để chụp ảnh | CLO1.2, CLO3.1 | A3.2 |
| 3(3) | Phương pháp đưa thuốc vào cơ thể vật nuôi | Hướng dẫn một số phương pháp sử dụng thuốc cho vật nuôi | Giấy A4; Bút ghi chép, áo blu, Máy để chụp ảnh | CLO1.1, CLO1.2, CLO3.1 | A3.2 |
| 4(3) | Mổ khám gà | Hướng dẫn trình tự các bước trong thăm khám bệnh trên gà | Giấy A4; Bút ghi chép, áo blu, Máy để chụp ảnh | CLO1.2, CLO3.1, CLO3.2 | A3.2 |
| 5(3) | Phương pháp thử kháng sinh đồ | Hướng dẫn định lượng vi sinh vật bằng phương pháp đếm khuẩn lạc | Giấy A4; Bút ghi chép, áo blu, Máy để chụp ảnh | CLO1.2, CLO3.1, CLO3.2 | A3.2 |

***8.1. Phần tự học***

- Nghiên cứu tài liệu, xem các slide/video/website.

- Chủ động tìm các nguồn tài liệu khác liên quan đến nội dung học phần.

- Thảo luận, trao đổi những vấn đề liên quan đến học phần với bạn học/cựu sinh viên/cán bộ tại đơn vị trải nghiệm hoặc các nguồn lực hỗ trợ khác.

- Hoàn thành các bài tập được giao trên LMS.

***8.2. Phần học trên lớp trực tiếp hoặc online với giảng viên***

- Dự lớp ≥ 80% tổng thời lượng của học phần.

- Chủ động, tích cực trong giờ học.

- Phát hiện, đưa ra câu hỏi hoặc vấn đề liên quan đến nội dung học tập.

***8.3. Thực hành***

- Tham gia đầy đủ các bài thực hành

- Tôn trọng ý kiến và chịu trách nhiệm về kết quả làm việc chung.

- Hoàn thành đầy đủ nhiệm vụ và sản phẩm thực hành được giao.

**9. Ngày phê duyệt:**

**10. Cấp phê duyệt:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **KT. HIỆU TRƯỞNG**  **PHÓ HIỆU TRƯỞNG** | **VIỆN TRƯỞNG**  **TS. Nguyễn Đình Vinh** | **TRƯỞNG BỘ MÔN**  **TS. Lê Minh Hải** |

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH**  **VIỆN NN VÀ TÀI NGUYÊN**  **---------------------------------** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**  **---------------------------** |

## **ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN CHI TIẾT**

## **Thức ăn chăn nuôi**

**1. Thông tin tổng quát:**

***1.1. Thông tin về giảng viên***

***Giảng viên 1:* Phạm Mỹ Dung**

Chức danh. Học hàm, học vị: Giảng viên – Tiến sĩ

Địa chỉ liên hệ: Bộ môn Thủy sản và CN – Viện Nông nghiệp và Tài Nguyên

Email: [dungpm@vinhuni.edu.vn](mailto:dungpm@vinhuni.edu.vn); ĐT: 0948.231.430

***Giảng viên 2:* Nguyễn Đình Vinh**

Chức danh. Học hàm, học vị: Giảng viên – Tiến sĩ

Địa chỉ liên hệ: Bộ môn Thủy sản và Chăn nuôi – Viện Nông nghiệp và Tài Nguyên

Email: [vinhnd@vinhuni.edu.vn](mailto:vinhnd@vinhuni.edu.vn); ĐT: 0914970709

***1.2. Thông tin về học phần:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| - Tên học phần (tiếng Việt): **Thức ăn chăn nuôi**  (tiếng Anh): **Animal Feeds** | | |
| - Mã số học phần: AHY30008 | | |
| - Thuộc CTĐT ngành: **Thức ăn chăn nuôi** | | |
| - Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:  Kiến thức cơ bản  Kiến thức cơ sở ngành  Kiến thức ngành  x | Học phần chuyên về kỹ năng chung  Kiến thức khác | |
| - Thuộc loại học phần: Bắt buộc  x | Tự chọn | |
| - Số tín chỉ: | |  |
| + Số tiết lý thuyết: 25 | |  |
| + Số tiết thảo luận/bài tập: 5 | |  |
| + Số tiết thực hành: 15 | |  |
| + Số tiết tự học: 90 | |  |
| - Điều kiện đăng ký học: | |  |
| + Học phần tiên quyết: | | Mã số HP: |
| + Học phần học trước: Dinh dưỡng vật nuôi | | Mã số HP: AHY30004 |
| - Yêu cầu của học phần: Thực hiện theo Quy chế đào tạo của Trường Đại học Vinh. Cụ thể:  + Thời gian tối thiểu sinh viên phải có mặt trên lớp: 80%  + Sinh viên phải nộp đầy đủ bài tập, báo cáo… qua hệ thống LMS (Mục 5.1). + Tham gia đầy đủ các bài thực hành. | | |
| - Bộ môn phụ trách học phần: Thủy sản và Chăn nuôi  Điện thoại: Email: | | |

**2. Mô tả học phần:**

Học phần thức ăn chăn nuôi là học phần chuyên ngành chăn nuôi, có nội dung bao gồm (1) các khái niệm và phân loại thức ăn, (2) độc tố chất trong thức ăn và (3) đặc điểm các loại thức ăn thường hay sử dụng trong chăn nuôi hiện nay để đáp ứng sức khỏe gia súc và an toàn thực phẩm, đồng thời đề cập đến (4) cách chế biến, bảo quản một số loại thức ăn thông thường. Trên cơ sở các kiến thức đã học, hướng dẫn cho sinh viên (5) phương pháp thiết lập khẩu phần ăn cho các đối tượng gia súc vừa đảm bảo dinh dưỡng vừa mang lại hiệu quả kinh tế cho người chăn nuôi. Trong xu hướng phát triển hiện nay, việc nghiên cứu về thức ăn gia súc không chỉ đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng của gia súc, hiệu quả của người sản xuất mà còn liên quan đến tính an toàn của sản phẩm và đáp ứng tính đa dạng của các hệ thống sản xuất khác nhau từ qui mô nông hộ nhỏ đến các cơ sở sản xuất thâm canh chuyên nghiệp.

**3. Mục tiêu học phần**

**CO1.** Trình bày những kiến thức cơ bản về lĩnh vực thức ăn chăn nuôi: các loại thức ăn; phối hợp khẩu phần; sản xuất; chế biến; sử dụng thức ăn trong chăn nuôi.

**CO2.** Thể hiện kỹ năng nhận biết, phối hợp khẩu phần theo nhu cầu vật nuôi, chế biến bảo quản và đánh giá chất lượng thức ăn chăn nuôi.

**CO3.** Thể hiện thái độ, đạo đức tốt trong việc sản xuất, sử dụng thức ăn chăn nuôi đảm bảo yêu cầu chất lượng, hiệu quả cao.

**4. Chuẩn đầu ra học phần, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá**

***4.1. Ánh xạ chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **CĐR học phần** | **Ánh xạ với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo** | | | |
| **PLO1.3** | **PLO2.2** | **PLO2.3** | **PLO3.1** |
| 1.3.1 | 2.2.1 | 2.3.1 | 3.1.2 |
| CLO1.1 | 1,0 |  |  |  |
| CLO2.1 |  | 1,0 |  |  |
| CLO2.2 |  |  | 1,0 |  |
| CLO3.1 |  |  |  | 1,0 |

***4.2. Nội dung chuẩn đầu ra, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá học phần***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **CĐR học phần (CLO)** | **TĐNL CĐR**  **học phần** | **Mô tả CĐR học phần** | **Phương pháp dạy học** | **Phương pháp đánh giá** |
| CLO1.1 | K4 | Hiểu được bối cảnh lịch sử phát triển thức ăn chăn nuôi; Hiểu đặc điểm, cách sử dụng và phân loại các loại thức ăn trong chăn nuôi. Vận dụng Kỹ thuật chế biến thức ăn chăn nuôi, trồng cây thức ăn vào thực tiễn. | Hướng dẫn  Tự học/tự nghiên cứu  Thực hành | Trắc nghiệm  Thực hành  Bài thi tự luận |
| CLO2.1 | A3 | Có đạo đức, trách nhiệm, thái độ hành xử chuyên nghiệp, tinh thần hợp tác trong hoạt động nghề nghiệp, sẵn sàng chấp nhận thử thách và rủi ro trong chăn nuôi | Thuyết trình  Nghiên cứu tình huống | Thực hành  Bài thi tự luận |
| CLO2.2 | S4 | Thể hiện được kỹ năng nghề nghiệp về nhận diện, phân loại, chế biến thức ăn chăn nuôi trong phòng thí nghiệm | Làm việc nhóm  Thực hành | Rubric 1 |
| CLO3.1 | S4 | Làm việc theo nhóm hiệu quả để đánh giá chất lượng thức ăn chăn nuôi; chế biến thức ăn chăn nuôi | Hướng dẫn  Thực hành | Thực hành  Rubric 1 |

**5. Đánh giá học tập và các bộ tiêu chí đánh giá**

***5.1. Đánh giá học tập***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Bài đánh giá** | **Hình thức đánh giá và lưu hồ sơ** | **Công cụ đánh giá** | **CĐR học phần** | **Tỷ lệ cho bài đánh giá** | **Tỷ lệ**  **cho học phần** |
| **A1. Đánh giá quá trình** | |  |  |  | **50%** |
| A1.1 | - Bài tập nhóm; nhóm SV nạp báo cáo quá LMS; GV đánh giá và lưu hồ sơ | Rubric 1 | CLO2.1 | 40% | 10% |
| CLO3.1 | 60% |
| A1.2 | - Bài thi trắc nghiệm;  TT Đảm bảo chất lượng tổ chức thi và lưu hồ sơ | - Đáp án | CLO1.1 | 100% | 20% |
| A1.3 | - Kiểm tra kỹ năng thực hành tại PTN | - Rubric 1 | CLO2.2 | 70% | 20% |
| CLO3.1 | 30% |  |
| **A.2. Đánh giá cuối kỳ** | |  |  |  |  |
| A2.1 | Bài thi tự luận  TT Đảm bảo chất lượng tổ chức thi và lưu hồ sơ | Đáp án | CLO1.1 | 100% | *50%* |
| **Công thức tính điểm tổng kết:**  **Điểm TKHP = A1.1 \*0,1+A1.2\*0,2+A1.3\*0,2+A2.1\*0,5** | | | | | | |

***5.2. Các bộ tiêu chí đánh giá***

***Rubric 1: Đánh giá bài A1.1 và bài A1.3.***

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **CĐR** | **Tiêu chí đánh giá** | **Trọng số bài A1.1** | **Trọng số bài A1.3** | **Mức độ đánh giá** | | | | |
| **A** | **B** | **C** | **D** | **F** |
| **8.5 - 10** | **7.0 - 8.4** | **5.5 - 6.9** | **4,0 -5,4** | **< 4,0** |
| **CLO2.1.** Có đạo đức, trách nhiệm, thái độ hành xử chuyên nghiệp, tinh thần hợp tác trong hoạt động nghề nghiệp, sẵn sàng chấp nhận thử thách và rủi ro trong chăn nuôi | **Ý thức, trách nhiệm khi tham gia hoạt động nghề nghiệp** | 20 |  | Ý thức, trách nhiệm cao khi tham gia hoạt động nghề nghiệp | Ý thức, trách nhiệm khá cao khi tham gia hoạt động nghề nghiệp | Ý thức, trách nhiệm khi tham gia hoạt động nghề nghiệp | Ý thức, trách nhiệm khi tham gia hoạt động nghề nghiệp đang còn thấp | Ý thức, trách nhiệm thấp hoặc không có khi tham gia hoạt động nghề nghiệp |
| **Mức độ tham gia hoạt động học tập, nghề nghiệp** | 20 |  | Tham gia hoạt động học tập, nghề nghiệp với tần suất cao | Tham gia hoạt động học tập, nghề nghiệp tần suất khá cao | Tham gia hoạt động học tập, nghề nghiệp | Tham gia hoạt động học tập, nghề nghiệp tần suất thấp | Không tham gia hoạt động học tập, nghề nghiệp |
| **CLO2.2.** Thể hiện được kỹ năng nghề nghiệp về nhận diện, phân loại, chế biến thức ăn chăn nuôi trong phòng thí nghiệm | **Chuẩn bị** |  | 10 | Có sự chuẩn bị tốt về bài thực hành | Có sự chuẩn bị khá tốt về bài thực hành | Có sự chuẩn bị về bài thực hành | Có sự chuẩn bị về bài thực hành sơ sài | Chưa có sự chuẩn bị về bài thực hành |
| **Thao tác thực hành, thí nghiệm** |  | 40 | Thực hiện chính xác thao tác thực hành, đúng quy trình thí nghiệm | Thực hiện đúng thao tác thực hành, đúng quy trình thí nghiệm | Thực hiện đúng thao tác thực hành, quy trình thí nghiệm đạt mức cơ bản | Thực hiện đúng thao tác thực hành, quy trình thí nghiệm đạt ở mức độ thấp | Không thực hiện đúng thao tác thực hành, quy trình thí nghiệm |
| **Kết quả thực hành, thí nghiệm** |  | 20 | Kết quả thực hành, thí nghiệm đúng, đạt tiêu chuẩn tốt, | Kết quả thực hành, TN đúng , đạt tiêu chuẩn khá tốt | Kết quả thực hành, TN đúng , đạt tiêu chuẩn | Kết quả thực hành, TN đúng , chưa đạt tiêu chuẩn, một số lỗi sai | Kết quả thực hành, TN sai |
| **CLO3.1.** **Làm việc theo nhóm hiệu quả để đánh giá chất lượng thức ăn chăn nuôi; chế biến thức ăn chăn nuôi** | **Tổ chức nhóm** | 10 | 5 | Tham gia đầy đủ, tích cực các cuộc hợp nhóm | Tham gia đầy đủ các hoạt động nhóm. | Tham gia còn thiếu một số ít hoạt động | Chỉ tham gia một số ít hoạt động | Không tham gia |
| Nhiệm vụ được phân công rõ ràng, đầy đủ cho các thành viên trong nhóm | Nhiệm vụ được phân công khá rõ ràng, đầy đủ cho các thành viên trong nhóm | Nhiệm vụ được phân công cho các thành viên trong nhóm đầy đủ | Nhiệm vụ được phân công cho các thành viên trong nhóm chưa đầy đủ | Chưa có sự phân công nhiệm vụ |
| **Hợp tác nhóm** | 20 | 10 | - Trao đổi, chia sẻ và chấp nhận các ý tưởng trong thực hiện nhiệm vụ với các thành viên ở mức độ cao | - Trao đổi và chấp nhận các ý tưởng trong thực hiện nhiệm vụ với các thành viên mức độ khá | Trao đổi, chia sẻ và chấp nhận các ý tưởng trong thực hiện nhiệm vụ với các thành viên ở mức độ cơ bản | Trao đổi và chấp nhận các ý tưởng trong thực hiện nhiệm vụ với các thành viên ở mức độ thấp | Không trao đổi, chia sẻ trong nhóm |
| **Thảo luận nhóm** | 10 | 5 | Đề xuất, sáng kiến để đạt được tốt mục tiêu, kết quả nhóm | Đề xuất, sáng kiến để đạt được khá tốt mục tiêu, kết quả nhóm | Đề xuất, sáng kiến để đạt được mục tiêu, kết quả nhóm ở mức cơ bản | Đề xuất, sáng kiến để đạt được mục tiêu, kết quả nhóm thấp | Chưa có các đề xuất, sáng kiến |
|  | **Báo cáo nhóm** | 20 | 10 | Hình thức, bố cục báo cáo nhóm đúng quy định, rõ ràng, đầy đủ, trình bày ở mức tốt | Hình thức, bố cục báo cáo đúng quy định, đầy đủ ở mức khá | Hình thức, bố cục báo cáo đúng quy định, bố cục cơ bản hợp lý. | Hình thức bố cục báo cáo cơ bản hợp lý tuy nhiên đang còn sơ sài. | Hình thức bố cục báo cáo nhóm không đúng quy định |

**6. Tài liệu học tập**

***6.1. Tài liệu bắt buộc***

[1]. Lê Đức Ngoan, Nguyễn Thị Hoa Lý, Dư Thanh Hằng. Giáo trình Thức ăn gia súc. NXB Nông nghiệp, 2005

[2]. Lâm Thái Hùng, Giáo trình Thức ăn vật nuôi, NXB ĐH Cần Thơ, 2019.

***6.2. Tài liệu tham khảo:***

[1]. Lê Đức Ngoan,  Nguyễn Xuân Bả,   Nguyễn Hữu Văn, Thức ăn cho gia súc nhai lại trong nông hộ miền Trung, NXB Nông nghiệp, HN, 2006.

**7. Kế hoạch dạy học**

***Lý thuyết:***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tuần, số tiết** | **Nội dung** | **Hình thức tổ chức dạy học** | **Yêu cầu SV chuẩn bị** | **CĐR học phần** | **Bài đánh giá** |
| **1(3)** | Chương 1. Khái niệm và phân loại thức ăn  1.1. Khái niệm về thức ăn  1.2. Phân loại thức ăn và ‎ nghĩa của phân loại thức ăn | - Địa điểm: Nhà học theo Nhà Trường sắp xếp  - Thuyết trình  - Hướng dẫn nghiên cứu tìm kiếm tài tài liệu | - Đọc tài liệu [1],  -Tìm kiếm tài liệu (website): về thức ăn chăn nuôi | CLO1.1  CLO2.2 | A1.1  A1.3 |
|  | Chương 2. Thức ăn giàu năng lượng  2.1. Khái niệm, phân loại  2.2. Đặc điểm thức ăn giàu năng lượng  2.3. Sử dụng và bảo quản thức ăn giàu năng lượng | - Địa điểm: Nhà học theo Nhà Trường sắp xếp  - Thuyết trình  - Hướng dẫn quan sát hình ảnh  - Hướng dẫn làm thực hành | -Đọc tài liệu [1], xem hình ảnh, tìm hiểu thực tế trước về một số loại thức ăn giàu năng lượng | **CLO1.1**  **CLO3.1**  **CLO2.2** | A1.2  A2.1  A1.3 |
|  | Chương 3. Thức ăn giàu Protein  3.1. Khái niệm, phân loại  3.2. Đặc điểm thức ăn giàu protein  2.3. Sử dụng và bảo quản thức ăn giàu protein | - Địa điểm: Nhà học theo Nhà Trường sắp xếp  - Thuyết trình  - Hướng dẫn quan sát hình ảnh  - Hướng dẫn làm thực hành | Đọc tài liệu [1], xem hình ảnh, tìm hiểu thực tế trước về một số loại thức ăn giàu Protein | **CLO1.1**  **CLO2.1**  **CLO2.2** | A1.2  A1.3  A2.1 |
|  | Chương 4. Thức ăn thô  3.1. Khái niệm, phân loại  3.2. Đặc điểm thức ăn thô  2.3. Sử dụng và bảo quản thức ăn thô  2.4. Một số loại thức ăn thô | - Địa điểm: Nhà học theo Nhà Trường sắp xếp  - Thuyết trình  - Hướng dẫn quan sát hình ảnh  - Hướng dẫn làm thực hành | Đọc tài liệu [1], xem hình ảnh, tìm hiểu thực tế về thức ăn thô cho vật nuôi | **CLO1.1**  **CLO2.2** | A2.1  A1.3 |
|  | Chương 5. Thức ăn bổ sung  3.1. Khái niệm, phân loại  3.2. Đặc điểm thức ăn bổ sung  3.3. Sử dụng và bảo quản thức ăn bổ sung  2.4. Một số loại thức ăn bổ sung | - Địa điểm: Nhà học theo Nhà Trường sắp xếp  - Thuyết trình  - Hướng dẫn quan sát hình ảnh  - Hướng dẫn làm thực hành | Đọc tài liệu [1], xem hình ảnh, tìm hiểu thực tế về thức ăn bổ sung cho vật nuôi | **CLO1.1**  **CLO2.1** | **A1.2**  **A2.1** |
|  | Chương 6. Chất phụ gia thức ăn chăn nuôi  6.1. Khái niệm  6.2. Phân loại  6.3. Đặc điểm một số loại chất phụ gia thức ăn chăn nuôi | - Địa điểm: Nhà học theo Nhà Trường sắp xếp  - Thuyết trình  - Hướng dẫn quan sát hình ảnh  - Hướng dẫn làm thực hành | Đọc tài liệu [1], xem hình ảnh, tìm hiểu thực tế chất phụ gia thức ăn chăn nuôi | **CLO1.1**  **CLO2.1** | **A1.2**  **A2.1** |
|  | Chương 7. Chế biến thức ăn  7.1. Chế biến thức ăn bằng phương pháp làm khô  7.2. Chế biến thức ăn bằng phương pháp ủ chua  7.3. Chế biến thức ăn bằng phương pháp kiềm hóa  7.4. Sản xuất thức ăn hỗn hợp | - Địa điểm: Nhà học theo Nhà Trường sắp xếp  - Thuyết trình  - Hướng dẫn qua hình ảnh, video | Đọc tài liệu [1] trang….  Tìm hiểu thông tin, thực tế về phương pháp chế biến thức ăn chăn nuôi | **CLO1.1**  **CLO3.1** | **A1.2**  **A2.1**  **A1.3** |
|  | Thảo luận: Thức ăn chăn nuôi | - Hướng dẫn thảo luận | **-**Chuẩn bị hồ sơ làm việc nhóm; Bài tập nhóm theo yêu cầu. | **CLO2.1**  **CLO3.1** | **A1.1** |
|  | Chương 8. Tiêu chuẩn ăn và khẩu phần  8.1. Khái niệm  8.2. Nguyên tắc phối hợp khẩu phần  8.3. Phương pháp lập khẩu phần thức ăn cho vật nuôi | **-**Địa điểm: Nhà học theo Nhà Trường sắp xếp  - Thuyết trình  - Hướng dẫn qua hình ảnh, video  -Hướng dẫn nghiên cứu, giải quyết tình huống | **-** Đọc tài liệu [1] trang….  Tìm hiểu thông tin, thực tế về một số phương pháp tính toán, phối hợp khẩu phần | **CLO1.1**  **CLO2.2** | **A2.1**  **A1.3** |

***Thực hành:***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tuần, số tiết** | **Nội dung** | **Hình thức tổ chức dạy học** | **Yêu cầu SV chuẩn bị** | **CĐR học phần** | **Bài đánh giá** |
| 1 (2) | Nhận dạng, phân loại và đánh giá giá trị dinh dưỡng các loại thức ăn bằng phương pháp cảm quan | Hướng dẫn quan sát, nhận biết, mô tả. | Giấy A4; Bút chì  Đồ dùng đựng mẫu, cân,  Máy ảnh; kính hiển vi | CLO2.2 | A1.3 |
| 2(2) | Chế biến thức ăn chăn nuôi 1 | Hướng dẫn quan sát, thực hành chế biến. | Giấy A4; Bút chì  Đồ dùng nguyên liệu, cân..., găng tay y tế  Máy ảnh; kính hiển vi | CLO2.2 | A1.3 |
| 3(3) | Chế biến thức ăn chăn nuôi 2 | Hướng dẫn quan sát, thực hành chế biến. | Giấy A4; Bút chì  Đồ dùng nguyên liệu, cân..., găng tay y tế  Máy ảnh; kính hiển vi | CLO2.2 | A1.3 |
| 4(3) | Thiết kế và phối hợp khẩu phần ăn | Hướng dẫn thực hành | Chuẩn bị dụng cụ, nước biển, khử trùng,  Sổ ghi chép, máy chụp ảnh.. | CLO2.2 | A1.3 |
| 5(5) | Kỹ thuật trồng một số cây thức ăn gia súc | Hướng dẫn thực hành | Chuẩn bị sổ ghi chép, máy chụp ảnh, quay phim; đồ dùng để trồng cây,  -Tự kiểm tra chọn giống, trồng và quản lý | CLO2.2 | A1.3 |

**8. Nhiệm vụ của người học**

***8.1. Phần tự học***

- Nghiên cứu tài liệu, xem các slide/video/website.

- Chủ động tìm các nguồn tài liệu khác liên quan đến nội dung học phần.

- Thảo luận, trao đổi những vấn đề liên quan đến học phần với bạn học/cựu sinh viên/cán bộ tại đơn vị trải nghiệm hoặc các nguồn lực hỗ trợ khác.

- Hoàn thành các bài tập được giao trên LMS.

***8.2. Phần học trên lớp trực tiếp hoặc online với giảng viên***

- Dự lớp ≥ 80% tổng thời lượng của học phần.

- Chủ động, tích cực trong giờ học.

- Phát hiện, đưa ra câu hỏi hoặc vấn đề liên quan đến nội dung học tập.

**8.3. Thực hành**

- Tham gia đầy đủ các bài thực hành - Tôn trọng ý kiến và chịu trách nhiệm về kết quả làm việc chung. - Hoàn thành đầy đủ nhiệm vụ và sản phẩm thực hành được giao.

**9. Ngày phê duyệt:**

**10. Cấp phê duyệt:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **KT. HIỆU TRƯỞNG**  **PHÓ HIỆU TRƯỞNG** | **VIỆN TRƯỞNG**  **TS. Nguyễn Đình Vinh** | **TRƯỞNG BỘ MÔN**  **TS. Lê Minh Hải** |

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH**  **TRƯỜNG SƯ PHẠM**  **KHOA GIÁO DỤC CHÍNH TRỊ**  **----------------------------** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**  **-------------------------** |

## **ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN CHI TIẾT**

## **Tư tưởng Hồ Chí Minh**

**1. Thông tin tổng quát:**

***1.1. Thông tin về giảng viên***

**Giảng viên 1:**

Họ và tên: **Bùi Thị Cần**

Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên chính, Tiến sĩ

Địa điểm làm việc: Khoa Giáo dục Chính trị, Trường Sư phạm, Trường Đại học Vinh

Địa chỉ liên hệ: 182 Lê Duẩn, TP Vinh, tỉnh Nghệ An

Điện thoại: 0916.811.309 Email: canbt@vinhuni.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Tư tưởng Hồ Chí Minh, Chính trị học.

**Giảng viên 2:**

Họ và tên: **Phan Văn Tuấn**

Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Tiến sĩ

Thời gian, địa điểm làm việc: Khoa Chính trị và Báo chí, Trường KHXH&NV, Trường Đại học Vinh

Địa chỉ liên hệ: 182 Lê Duẩn, TP Vinh, tỉnh Nghệ An

Điện thoại: 0985.520211 Email: [phanvantuan@vinhuni.edu.vn](mailto:phanvantuan@vinhuni.edu.vn)

Các hướng nghiên cứu chính: Tư tưởng Hồ Chí Minh, Chính trị học.

**Giảng viên 3:**

Họ và tên: **Hoàng Thị Nga**

Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Thạc sĩ

Thời gian, địa điểm làm việc: Khoa Giáo dục Chính trị, Trường Sư phạm, Trường Đại học Vinh

Địa chỉ liên hệ: 182 Lê Duẩn, TP Vinh, tỉnh Nghệ An

Điện thoại: 0983067973; Email: [htnga@vinhuni.edu.vn](mailto:htnga@vinhuni.edu.vn)

Các hướng nghiên cứu chính: Tư tưởng Hồ Chí Minh, phương pháp giảng dạy.

**Giảng viên 4:**

Họ và tên: **Nguyễn Thị Kim Thi**

Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Thạc sĩ

Thời gian, địa điểm làm việc: Khoa Giáo dục Chính trị, Trường Sư phạm, Trường Đại học Vinh

Địa chỉ liên hệ: 182 Lê Duẩn, TP Vinh, tỉnh Nghệ An

Điện thoại: 0978.503.623; Email: [kimthi@vinhuni.edu.vn](mailto:kimthi@vinhuni.edu.vn)

Các hướng nghiên cứu chính: Tư tưởng Hồ Chí Minh, phương pháp giảng dạy.

**Giảng viên 5:**

Họ và tên: **Nguyễn Thị Kim Chi**

Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Thạc sĩ

Địa điểm làm việc: Khoa Giáo dục Chính trị, Trường Sư phạm, Trường Đại học Vinh

Địa chỉ liên hệ: 182 Lê Duẩn, TP Vinh, tỉnh Nghệ An

Điện thoại: 0943572456 Email: [Ntkchi@vinhuni.edu.vn](mailto:Ntkchi@vinhuni.edu.vn)

Các hướng nghiên cứu chính: Tư tưởng Hồ Chí Minh, phương pháp giảng dạy.

**Giảng viên 6:**

Họ và tên: **Lê Thị Thanh Hiếu**

Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Thạc sĩ

Thời gian, địa điểm làm việc: Khoa Chính trị và Báo chí, Trường KHXH&NV, Trường Đại học Vinh

Địa chỉ liên hệ: 182 Lê Duẩn, TP Vinh, tỉnh Nghệ An

Điện thoại: 0918.528.917; Email: [Ltthieu@vinhuni.edu.vn](mailto:Ltthieu@vinhuni.edu.vn)

Các hướng nghiên cứu chính: Tư tưởng Hồ Chí Minh, Chính trị học.

***1.2. Thông tin về môn học:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| - Tên học phần (tiếng Việt): **Tư tưởng Hồ Chí Minh**  (tiếng Anh): Ho Chi Minh Thought | | |
| - Mã số học phần: POL10002 | | |
| - Thuộc CTĐT ngành: Giáo dục Chính trị | | |
| - Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:  Kiến thức cơ bản  Kiến thức cơ sở ngành  Kiến thức ngành | Học phần chuyên về kỹ năng chung  Kiến thức khác | |
| - Thuộc loại học phần: Bắt buộc | Tự chọn | |
| - Số tín chỉ: 2 | |  |
| + Số tiết lý thuyết: 20 | |  |
| + Số tiết thảo luận/bài tập: 10 | |  |
| + Số tiết thực hành: | |  |
| + Số tiết tự học: 60 | |  |
| - Điều kiện đăng ký học: | |  |
| + Học phần tiên quyết: Triết học Mác - Lênin, Kinh tế chính trị | |  |
| + Học phần học trước: Chủ nghĩa xã hội khoa học, Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam | |  |
| - Yêu cầu của học phần: Thực hiện theo Quy chế đào tạo của Trường Đại học Vinh. Cụ thể:  + Thời gian tối thiểu sinh viên phải có mặt trên lớp: 80% tổng thời lượng của học phần  + Sinh viên phải nộp đầy đủ bài tập, báo cáo học phần qua LMS.  + Tham gia đầy đủ các bài thảo luận, làm việc nhóm. | | |
| - Bộ môn phụ trách học phần: Khoa GDCT - Trường Sư phạm – Trường Đại học Vinh  Điện thoại: Email: giaoducchinhtri2021@gmail.com | | |

**2.** **Mô tả học phần**

Học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh là một trong 5 học phần lý luận chính trị thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương bắt buộc của các chương trình đào tạo đại học. Học phần gồm 6 chương, giúp người học hiểu được nội dung, vai trò, vị trí và ý nghĩa của tư tưởng Hồ Chí Minh, từ đó vận dụng, liên hệ trong thực tiễn học tập, rèn luyện và công tác để trở thành công dân tốt, đáp ứng được yêu cầu nghề nghiệp, đóng góp vào công cuộc xây dựng, phát triển đất nước.

**3. Mục tiêu học phần**

Sinh viên hiểu được những kiến thức cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh; sự vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh của Đảng Cộng sản Việt Nam trong cách mạng dân tộc, dân chủ nhân dân và trong cách mạng xã hội chủ nghĩa; đồng thời, sinh viên bồi dưỡng được kỹ năng tư duy logic và các phẩm chất chính trị, phẩm chất đạo đức trong học tập tư tưởng Hồ Chí Minh.

**4. Chuẩn đầu ra học phần**

*4.1. Ánh xạ chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **CĐR học phần** | **Ánh xạ với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo** | | |
| PLO1.1 | PLO2.1 | PLO2.2 |
| 1.1.1 | 2.1.1 | 2.2.1 |
| CLO1.1 | 1,0 |  |  |
| CLO2.1 |  | 1,0 |  |
| CLO2.2 |  |  | 1,0 |

***4.2. Nội dung chuẩn đầu ra***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **CĐR học phần (CLO)** | **TĐNL CĐR**  **học phần** | **Mô tả CĐR học phần** | **Phương pháp dạy học** | **Phương pháp đánh giá** |
| CLO1.1 | K3 | *Giải thích được* nội dung kiến thức cơ bản về tư tưởng Hồ Chí Minh và nội dung vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh trong thực tiễn. | Thuyết giảng/  Thảo luận/tự học | Trắc nghiệm khách quan/bài thảo luận (cá nhân và nhóm) |
| CLO2.1 | S3 | *Thể hiện* được kỹ năng tư duy logic trong học tập và thảo luận nội dung học phần. | Thảo luận/tự học | Quan sát/ Phiếu đánh giá/bài thảo luận (cá nhân và nhóm) |
| CLO2.2 | A4 | *Thể hiện được* sự chuyên cần, thái độ học tập tích cực; niềm tin chính trị, phẩm chất đạo đức theo tấm gương Bác Hồ vĩ đại. | Thảo luận/tự học | Quan sát/ Phiếu đánh giá/bài thảo luận (cá nhân và nhóm) |

**5. Đánh giá học tập và các bộ tiêu chí đánh giá**

***5.1. Đánh giá học tập***

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Bài đánh giá** | **Hình thức đánh giá và lưu hồ sơ** | **Công cụ đánh giá** | **CĐR học phần** | | **Tỷ lệ Tỷ lệ**  **cho bài đánh giá**  **(%)** | **Tỷ lệ**  **cho học phần**  **(%)** |
| **A1. Đánh giá thường xuyên** | | | | | | **50%** |
| A1.1 | - Sự chuyên cần, thái độ học tập trong giờ lên lớp và tự học, thảo luận.  -> GV đánh giá và lưu hồ sơ | Quan sát, điểm danh/ Phiếu đánh giá  (Rubrics 1) | | CLO1.1  CLO2.2 | 100% | 10% |
| A1.2 | - Bài tập cá nhân; SV nộp bài trực tiếp hoặc qua LMS, email theo yêu cầu của GV-> GV đánh giá và lưu hồ sơ. | Phiếu đánh giá (Rubrics 2,3,4) | | CLO2.1  CLO2.2 | 50% | 20% |
| - Bài tập thảo luận; nhóm trưởng nộp bài trực tiếp hoặc qua LMS, email theo yêu cầu của GV-> GV đánh giá và lưu hồ sơ. | Phiếu đánh giá (Rubrics 2,3,4) | | CLO2.1  CLO2.2 | 50% |
| A1.3 | Bài thi trắc nghiệm khách quan; TT Đảm bảo chất lượng tổ chức thi và lưu hồ sơ. | Bộ câu hỏi và Đáp án  (30 câu hỏi TNKQ) | | CLO1.1 | 100% | 20% |
| **A2. Đánh giá cuối kỳ** | | | | |  | **50%** |
| A2.1 | Bài thi trắc nghiệm khách quan; TT Đảm bảo chất lượng tổ chức thi và lưu hồ sơ. | Bộ câu hỏi và Đáp án | | CLO1.1 | 100% |  |
| **Công thức tính điểm tổng kết: (A1.1\*1+A1.2\*2+A1.3\*2+A2.1\*5)/10** | | | | | | |

***5.2. Bộ tiêu chí đánh giá học tập thường xuyên***

**Bảng 1. Rubric đánh giá chuyên cần, thái độ học tập (GV đánh giá) (A1.1; CLO2.2)**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí** | **Mức độ (theo thang điểm)** | | | |
|  | **5.0 – 4.0** | **3.0** | **2.0** | **1.0** |
| **Mức độ tham dự học theo TKB/ các hoạt động tự học/ buổi thảo luận**  ***(5 điểm)*** | - Nghe 100% bài giảng SCORM,  -Tham gia 100% các buổi học, buổi làm việc nhóm lập kế hoạch và có sản phẩm tự học tốt (đúng, đủ, rõ ràng, sáng tạo). | - Nghe trên 90% bài SCORM;  - Tham gia trên 90% các buổi học, các buổi làm việc nhóm lập kế hoạch và có sản phẩm tự học ở mức khá. | - Nghe trên 80% bài SCORM;  - Tham gia trên 80% các buổi học, các buổi làm việc nhóm và có sản phẩm tự học ở mức trung bình/trung bình khá. | - Nghe dưới 80% bài SCORM;  - Tham gia dưới 80% các buổi học, các buổi làm việc nhóm lập kế hoạch và có sản phẩm tự học ở mức trung bình/dưới trung bình hoặc không có sản phẩm tự học. |
| **Mức độ tham gia xây dựng bài/ phát biểu/ tranh luận**  ***(5 điểm)*** | - Thể hiện tính kỉ luật, chủ động, tích cực trong giờ học, buổi làm việc nhóm/ thảo luận  - Hoàn thành đầy đủ (100%) các bài tập, trả lời tốt các câu hỏi hoặc đưa ra được các câu hỏi/vấn đề trong quá trình học tập. | - Thể hiện tính kỉ luật, khá chủ động, khá tích cực trong các giờ học,  - Hoàn thành 80% các bài tập, có tham gia trả lời các câu hỏi trong quá trình học tập. | - Thể hiện tính kỉ luật, nhưng chưa chủ động, tích cực trong các giờ học,  - Hoàn thành 50% các bài tập, có tham gia trả lời các câu hỏi trong quá trình học tập. | - Không có tính kỉ luật, không chủ động, tích cực trong các giờ học,  - Hoàn thành dưới 50% các bài tập, không tham gia trả lời các câu hỏi trong quá trình học tập. |
| **TỔNG ĐIỂM: \_\_\_\_\_/10 (Bằng chữ: ………………………………………………………)** | | | | |

**Bảng 2. Rubric đánh giá bài thảo luận (GV đánh giá) (A1.2)**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí** | **Mức độ (theo thang điểm)** | | | |
|  | **2.0** | **1.5** | **1.0** | **0.5 - 0** |
| **Cấu trúc và hình thức của bài thảo luận (Đề cương thảo luận)**  ***(2 điểm)*** | - Cấu trúc đầy đủ, đúng yêu cầu và khoa học.  - Hình thức đẹp, đúng quy định. | - Cấu trúc đầy đủ, đúng yêu cầu, nhưng chưa khoa học  - Hình thức đẹp, đúng quy định. | - Cấu trúc đúng yêu cầu, nhưng chưa đầy đủ và chưa khoa học.  - Hình thức đúng quy định. | - Cấu trúc đầy đủ, nhưng chưa đúng yêu cầu và chưa khoa học.  - Hình thức chưa đúng quy định. |
|  | **6.0 – 5.0** | **4.5 – 3.5** | **3.0 - 2.0** | **1.5 - 0** |
| **Nội dung của bài thảo luận**  ***(6 điểm)*** | - Phân tích được đúng, đầy đủ yêu cầu về kiến thức đề bài.  - Thể hiện được rõ ràngniềm tin chính trị, phẩm chất đạo đức theo tấm gương Bác Hồ vĩ đại.  *(Tùy thuộc vào nội dung đề bài đã phân công).*  - Thể hiện được kỹ năng tư duy logic trong các nội dung thảo luận.  *(GV căn cứ vào đề bài thảo luận để xây dựng chi tiết tiêu chí)* | - Phân tích được đúng, nhưng chưa đầy đủ yêu cầu về kiến thức đề bài.  - Thể hiện được niềm tin chính trị  *(Tùy thuộc vào nội dung đề bài đã phân công).*  - Thể hiện được kỹ năng tư duy logic trong các nội dung thảo luận nhưng ở mức chưa rõ ràng.  *(GV căn cứ vào đề bài thảo luận để xây dựng chi tiết tiêu chí)* | - Phân tích đúng một phần yêu cầu về kiến thức đề bài.  - Thể hiện được nhưng chưa rõ ràng niềm tin chính trị, phẩm chất đạo đức theo tấm gương Bác Hồ vĩ đại.  *(Tùy thuộc vào nội dung đề bài đã phân công).*  - Thể hiện được kỹ năng tư duy logic trong nội dung thảo luận nhưng ở mức chưa rõ ràng, chưa chặt chẽ.  *(GV căn cứ vào đề bài thảo luận để xây dựng chi tiết tiêu chí* | - Phân tích không đúng hoặc chỉ đúng một phần yêu cầu về kiến thức đề bài.  - Không thể hiện được hoặc thể hiện rất ít niềm tin chính trị, phẩm chất đạo đức, theo tấm gương Bác Hồ vĩ đại. *(Tùy thuộc vào nội dung đề bài đã phân công).*  - Không thể hiện được kỹ năng tư duy logic trong nội dung thảo luận.  *(GV căn cứ vào đề bài thảo luận để xây dựng chi tiết tiêu chí* |
|  | **2,0** | **1,5** | **1,0** | **0,5** |
| **Slide báo cáo/ hoặc bản word và thuyết trình**  ***(2 điểm)*** | - Hình thức báo cáo đẹp, rõ, không lỗi chính tả.  - Kĩ năng trình bày tốt, tự tin, thuyết phục, có giao lưu với người nghe. | - Hình thức báo cáo khá đẹp, rõ, nhưng có từ 1-5 lỗi chính tả.  - Kĩ năng trình bày khá tốt, khá tự tin, khá thuyết phục, nhưng không có giao lưu với người nghe. | - Hình thức báo cáo đạt, khá rõ, nhưng có từ 6-10 lỗi chính tả.  - Kĩ năng trình bày tương đối tốt, chưa tự tin, chưa thuyết phục, không có giao lưu với người nghe. | - Hình thức báo cáo đơn điệu, không rõ, có trên 10 lỗi chính tả.  - Kĩ năng trình bày không tốt, không tự tin, không thuyết phục, không có giao lưu với người nghe. |
| **TỔNG ĐIỂM: \_\_\_\_\_/10 (Bằng chữ: ………………………………………………………)** | | | | |

**Bảng 3. Rubric đánh giá kỹ năng tư duy logic trong học tập tư tưởng Hồ Chí Minh**

**(GV đánh giá: CLO2.1)**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí** | **Mức độ (theo thang điểm)** | | | |
| **4.0 – 3.5** | **3.0 – 2.5** | **2.0 - 1.0** | **0.5 - 0** |
| **Logic hình thức** | - Nội dung được trình bày đúng, đủ, mạch lạc, trình tự, nhất quán, chặt chẽ; văn phong sáng rõ.  - Xâu chuỗi các vấn đề, sự kiện lịch sử liên quan một cách khoa học. | - Nội dung được trình bày đúng, đầy đủ nhưng chưa chặt chẽ, chưa mạch lạc.  - Xâu chuỗi các vấn đề, sự kiện lịch sử liên quan. | - Nội dung được trình bày đúng nhưng chưa đầy đủ, chưa chặt chẽ, chưa mạch lạc.  - Chưa xâu chuỗi được các sự kiện lịch sử liên quan. | - Chưa biết cách trình bày các vấn đề; các ý rời rạc, không chặt chẽ, nhất quán.  - Trình bày các sự kiện nhưng không xâu chuỗi được các sự kiện lịch sử liên quan. |
|  | **6.0 – 5.0** | **4.5 – 3.5** | **3.0 - 2.0** | **1.5 - 0** |
| **Logic biện chứng** | - Chỉ ra được đầy đủ mối liên hệ, bản chất, sự tác động qua lại của các vấn đề/nội dung tư tưởng Hồ Chí Minh.  - Trình bày và phân tích được sự chuyển biến/phát triển trong nội dung tư tưởng Hồ Chí Minh.  - Đề xuất được những vấn đề/ ví dụ mang tính thực tiễn liên quan tư tưởng Hồ Chí Minh. | - Chỉ ra được mối liên hệ, bản chất, sự tác động qua lại của các vấn đề/nội dung tư tưởng Hồ Chí Minh.  - Trình bày nhưng chưa phân tích được sự chuyển biến/phát triển trong nội dung tư tưởng Hồ Chí Minh.  - Đề xuất được 1 đến 2 vấn đề/ ví dụ mang tính thực tiễn liên quan tư tưởng Hồ Chí Minh. | - Chỉ ra được mối liên hệ nhưng chưa rút ra được bản chất của vấn đề/ nội dung tư tưởng Hồ Chí Minh.  - Trình bày nhưng chưa phân tích được sự chuyển biến/phát triển trong nội dung tư tưởng Hồ Chí Minh.  - Đề xuất được 1 vấn đề/ví dụ mang tính thực tiễn liên quan tư tưởng Hồ Chí Minh. | - Không chỉ ra được mối liên hệ, bản chất của các vấn đề/nội dung tư tưởng Hồ Chí Minh.  - Trình bày nhưng chưa phân tích được sự chuyển biến/phát triển trong nội dung tư tưởng Hồ Chí Minh.  - Đề xuất được 1 vấn đề hoặc không đề xuất được vấn đề/ ví dụ mang tính thực tiễn liên quan tư tưởng Hồ Chí Minh. |
| **TỔNG ĐIỂM: \_\_\_\_\_/10 (Bằng chữ: ………………………………………………………)** | | | | |

**Bảng 4. Rubric đánh giá niềm tin chính trị và phẩm chất đạo đức trong học tập**

**tư tưởng Hồ Chí Minh**

**(GV đánh giá: CLO2.2)**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí** | **Mức độ (theo thang điểm)** | | | |
|  | **5.0 – 4.0** | **3.0** | **2.0** | **1.0** |
| **Niềm tin chính trị**  **(5 điểm)** | - Thể hiện sự tin tưởng, tự hào vào nội dung, giá trị tư tưởng Hồ Chí Minh và sự vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh của Đảng Cộng sản VN.  - Thể hiện được tư tưởng và tình cảm tích cực (bằng lời nói và hành động) trong học tập tư tưởng Hồ Chí Minh. | - Thể hiện sự tin tưởng, tự hào vào nội dung, giá trị tư tưởng Hồ Chí Minh và  sự vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh của Đảng Cộng sản VN nhưng tỏ ra chưa chắc chắn.  - Thể hiện được tư tưởng và tình cảm tích cực (bằng lời nói hoặc hành động) trong học tập tư tưởng Hồ Chí Minh. | - Chỉ thể hiện sự tin tưởng vào nội dung, giá trị tư tưởng Hồ Chí Minh.  - Chưa thực sự tin tưởng sự vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh của Đảng Cộng sản VN.  - Thể hiện được tư tưởng và tình cảm trong học tập tư tưởng Hồ Chí Minh nhưng chưa thực sự tích cực. | - Chỉ thể hiện sự tin tưởng vào nội dung, giá trị tư tưởng Hồ Chí Minh nhưng có nhiều vấn đề vẫn còn mơ hồ.  - Chưa thực sự tin tưởng sự vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh của Đảng Cộng sản VN.  - Chưa thể hiện được tư tưởng và tình cảm đúng đắn trong học tập tư tưởng Hồ Chí Minh (còn thờ ơ, hoặc xem nhẹ việc học tập.... ). |
| ***Phẩm chất đạo đức***  ***(5 điểm)*** | *Thể hiện được các phẩm chất đạo đức đã học trong học phần bằng lời nói và hành động (có ví dụ minh chứng liên hệ bản thân):*  - Thể hiện đạo đức trung với nước, hiếu với dân phù hợp trong học tập, cuộc sống.  - Thể hiện đạo đức cần, kiệm, liêm chính, chí công vô tư trong học tập, cuộc sống.  - Thể hiện đạo đức lòng yêu thương con người trong học tập, cuộc sống.  - Thể hiện đạo đức tinh thần quốc tế trong sáng trong học tập, cuộc sống. | *Thể hiện được các phẩm chất đạo đức đã học trong học phần bằng lời nói (trình bày, phân tích nhưng chưa lấy ví dụ liên hệ bản thân):*  - Thể hiện đạo đức trung với nước, hiếu với dân phù hợp trong học tập, cuộc sống.  - Thể hiện đạo đức cần, kiệm, liêm chính, chí công vô tư trong học tập, cuộc sống.  - Thể hiện đạo đức lòng yêu thương con người trong học tập, cuộc sống.  - Thể hiện đạo đức tinh thần quốc tế trong sáng trong học tập, cuộc sống. | Chỉ mới thể hiện được một phần trong các phẩm chất đạo đức; hoặc thể hiện chưa đầy đủ bằng cả lời nói và hành động. | Chỉ mới biết (trình bày/ nhắc lại) chứ chưa thể hiện được các phẩm chất đạo đức; hoặc thể hiện chưa đầy đủ bằng cả lời nói và hành động. |
| **TỔNG ĐIỂM: \_\_\_\_\_/10 (Bằng chữ: ………………………………………………………)** | | | | |

**6. *Giáo trình và tài liệu tham khảo***

***6.1. Giáo trình:***

[1]. Bộ Giáo dục và Đào tạo: *Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh* (Dùng cho sinh viên đại học cao đẳng khối không chuyên ngành Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh), NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021.

[2]. Hồ Chí Minh, Toàn tập (15 tập) NXB Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà nội - 2011 (*Hồ Chí Minh toàn tập,* đĩa CDROM 15 tập, NXB Chính trị Quốc gia. Hà Nội, 2015).

***6.2. Tài liệu tham khảo:***

[1]. Phạm Văn Đồng, “Hồ Chí Minh – Tinh hoa và khí phách của dân tộc”, NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2012.

[2]. Hoàng Chí Bảo, “Tìm hiểu phương pháp Hồ Chí Minh”, NXB Chính trị - Hành chính, Hà Nội, 2011.

[3]. Trang web: <http://hochiminh.vn>

**7. Kế hoạch dạy học**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tuần**  **số tiết**  **(1)** | **Nội dung**  **(2)** | **Hình thức tổ chức DH**  **(3)** | **Yêu cầu SV chuẩn bị**  **(4)** | **CĐR học phần**  **(5)** | **Bài đánh giá**  **(6)** |
| Tuần 1  **(2 tiết)** | Tín chỉ 1  **Chương 1.**  **Khái niệm, đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn Tư tưởng Hồ Chí Minh** | - Giảng dạy mức 2, 3 và 4  - Địa điểm: Phòng học  - Thuyết trình/đàm thoại  - Hướng dẫn tự học | - Học elearning bài giảng chương 1 (mức 1 và 2)  - Đọc tài liệu [6.1], trang 11-31.  - Thực hiện yêu cầu tự học GV phân công.  - Chuẩn bị các câu hỏi, đề xuất khi nghe giảng  - Tập trung nghe giảng và ghi bài.  - Tham gia phát biểu trả lời câu hỏi. | - CLO1.1  - CLO2.1  - CLO2.2 | A1.1  A1.2  A1.3  A2.1 |
| Tự học của chương 1 | IV. Ý NGHĨA CỦA VIỆC HỌC TẬP MÔN HỌC TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH  1. Góp phần nâng cao năng lực tư duy lý luận  2. Giáo dục và thực hành đạo đức cách mạng, cũng cố niềm tin khoa học gắn liền với trao dồi tình cảm cách mạng, bồi dưỡng lòng yêu nước  3. Xây dựng, rèn luyện phương pháp và phong cách công tác | **Tự học**  - GV phân nhiệm nội dung tự học cho SV  - GV định hướng cho SV các phương pháp tự học tương ứng với nội dung. | - SV thực hiện nghiêm túc các yêu cầu đối với viêc tự học, tự nghiên cứu  **-** Sinh viên tự nghiên cứu giáo trình tài liệu [6.1], trang 28-31.  - Ghi lại kết quả thu được trong quá trình tự học nội dung đó | - CLO1.1  - CLO2.1  - CLO2.2 | A1.1  A1.2  A1.3  A2.1 |
| Tuần 2  **(2 tiết)** | **Chương 2.**  **Cơ sở, quá trình hình thành và phát triển Tư tưởng Hồ Chí Minh.** | - Giảng dạy mức 2, 3 và 4  - Phương pháp thuyết trình, đàm thoại, vấn đáp kết hợp trình chiếu Slide các nội dung, viết bảng.  **-** Chú trọng đặt các câu hỏi để SV làm rõ được Cơ sở, quá trình hình thành và phát triển Tư tưởng Hồ Chí Minh  - Khuyến khích, biểu dương phát huy tính tích cực của sinh viên. | - Học elearning bài giảng chương 2 (mức 1 và 2)  - Sinh viên đọc giáo trình trước khi đến lớp tài liệu [6.1], trang 32-72.  - Chuẩn bị các câu hỏi, đề xuất khi nghe giảng.  - Tập trung nghe giảng và ghi bài. | - CLO1.1  - CLO2.1  - CLO2.2 | A1.1  A1.2  A1.3  A2.1 |
| Tuần 3  **(2 tiết)** | **Chương 2. (tiếp theo)**  **Cơ sở, quá trình hình thành và phát triển Tư tưởng Hồ Chí Minh.** | - Giảng dạy mức 2, 3 và 4  - Phương pháp thuyết trình, đàm thoại, vấn đáp kết hợp trình chiếu Slide các nội dung, viết bảng.  **-** Chú trọng đặt các câu hỏi để SV làm rõ được Cơ sở, quá trình hình thành và phát triển Tư tưởng Hồ Chí Minh  - Khuyến khích, biểu dương phát huy tính tích cực của sinh viên. | - Học elearning bài giảng chương 2 (mức 1 và 2)  - Sinh viên đọc giáo trình trước khi đến lớp tài liệu [6.1], trang 32-72.  - Chuẩn bị các câu hỏi, đề xuất khi nghe giảng.  - Tập trung nghe giảng và ghi bài. | - CLO1.1  - CLO2.1  - CLO2.2 | A1.1  A1.2  A1.3  A2.1 |
| Tự học của chương 2 | III. GIÁ TRỊ TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH  1. Đối với cách mạng Việt Nam  *a. Tư tưởng Hồ Chí Minh đưa cách mạng giải phóng dân tộc Việt Nam đến thắng lợi và bắt đầu xây dựng một xã hội mới trên đất nước ta*  *b. Tư tưởng Hồ Chí Minh là nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho cách mạng Việt Nam*  2. Đối với sự phát triển tiến bộ của nhân loại  *a. Tư tưởng Hồ Chí Minh góp phần mở ra cho các dân tộc thuộc địa con đường giải phóng dân tộc gắn với sự tiến bộ xã hội*  *b. Tư tưởng Hồ Chí Minh góp phần tích cực vào cuộc đấu tranh vì độc lập dân tộc, dân chủ, hòa bình, hợp tác và phát triển trên thế giới* | **Tự học**  - GV phân nhiệm nội dung tự học cho SV  - GV định hướng cho SV các phương pháp tự học tương ứng với nội dung | **-** Sinh viên tự nghiên cứu giáo trình [6.1], trang 65-71.  - Ghi lại kết quả thu được trong quá trình tự học bằng nhiều hình thức khác nhau. | - CLO1.1  - CLO2.1  - CLO2.2 | A1.1  A1.2  A1.3  A2.1 |
| Tuần 4  **(2 tiết)**  **Thảo luận** | THẢO LUẬN CÁC CÂU HỎI ĐÃ PHÂN CÔNG | - Tổ chức thành các nhóm cặp đôi 2 SV  - Phân công nhiệm vụ, thời gian thảo luận, thời gian báo cáo | - SV có đề cương chuẩn bị theo câu hỏi thảo luận  - Tham gia báo cáo bài thảo luận của nhóm. | - CLO1.1  - CLO2.1  - CLO2.2 | A1.1  A1.2  A2.1 |
| Tuần 5  **(2 tiết)** | **Chương 3.**  **Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.** | - Giảng dạy mức 2, 3 và 4  - Phương pháp nêu vấn đề, đàm thoại.  - Khuyến khích, biểu dương phát huy tính tích cực của sinh viên. | - Học elearning bài giảng chương 3 (mức 1 và 2)  - Sinh viên đọc giáo trình [6.1], trang 73-122 trước khi đến lớp.  - Chuẩn bị các câu hỏi, đề xuất khi nghe giảng.  - Tham gia phát biểu trả lời câu hỏi. | - CLO1.1  - CLO2.1  - CLO2.2 | A1.1  A1.2  A1.3  A2.1 |
| Tự học của chương 3 | IV. VẬN DỤNG TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ MỐI QUAN HỆ GIỮA ĐỘC LẬP DÂN TỘC VÀ CNXH TRONG SỰ NGHIỆP CÁCH MẠNG VIỆT NAM GIAI ĐOẠN HIỆN NAY  1. Kiên định mục tiêu và con đường cách mạng mà Hồ Chí Minh đã xác định  Phát huy sức mạnh dân chủ XHCN  2. Củng cố, kiện toàn, phát huy sức mạnh và hiệu quả hoạt động của toàn bộ hệ thống chính trị  3. Đấu tranh chống những biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống và «tự diễn biến», «tự chuyển hóa» trong nội bộ | **Tự học**  - GV phân nhiệm nội dung tự học cho SV  - GV định hướng cho SV các phương pháp tự học tương ứng với nội dung. | - SV thực hiện nghiêm túc các yêu cầu đối với viêc tự học, tự nghiên cứu  **-** Sinh viên tự nghiên cứu giáo trình [6.1], trang 118-122  - Tóm tắt nội dung tự học. | - CLO1.1  - CLO2.1  - CLO2.2 | A1.1  A1.2  A1.3  A2.1 |
| Tuần 6  **(2 tiết)** | **Chương 3. (tiếp theo)**  **Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.** | - Giảng dạy mức 2, 3 và 4  - Phương pháp đàm thoại/ vấn đáp.  **-** Chú trọng đặt các câu hỏi để SV làm rõ Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. | - Học elearning bài giảng chương 3 (mức 1 và 2)  - Sinh viên đọc giáo trình [6.1], trang 73-122 trước khi đến lớp.  - Tham gia phát biểu trả lời câu hỏi. | - CLO1.1  - CLO2.1  - CLO2.2 | A1.1  A1.2  A1.3  A2.1 |
| Tuần 7  **(2 tiết)**  **Thảo luận** | THẢO LUẬN CÁC CÂU HỎI ĐÃ PHÂN CÔNG | - Tổ chức thành các nhóm 4-6 SV  - Phân công nhiệm vụ, thời gian thảo luận, thời gian báo cáo | - Sinh viên có đề cương chuẩn bị theo câu hỏi thảo luận  - Tham gia thảo luận trong nhóm tích cực, có hiệu quả.  - Có thể tham gia báo cáo bài thảo luận của nhóm | - CLO1.1  - CLO2.1  - CLO2.2 | A1.1  A1.2  A2.1 |
| Tuần 8  **(2 tiết)** | **Chương 4.**  **Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản Việt Nam và nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân.** | - Giảng dạy mức 2, 3 và 4  - Phương pháp động não/kích thích sự tò mò của SV về vấn đề nội dung chương 4. Đàm thoại/ chất vấn  **-** Chú trọng đặt các câu hỏi để SV làm rõ được nội dung TTHCM về XD ĐCSVN trong sạch, vững mạnh. | - Học elearning bài giảng chương 4 (mức 1 và 2)  - Sinh viên đọc giáo trình [6.1], trang 123-168 trước khi đến lớp.  - Chuẩn bị các câu hỏi, đề xuất khi nghe giảng | - CLO1.1  - CLO2.1  - CLO2.2 | A1.1  A1.2  A1.3  A2.1 |
| Tự học của chương 4 | III. VẬN DỤNG TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ CÔNG TÁC XÂY DỰNG VÀ XÂY DỰNG NHÀ NƯỚC  1. Xây dựng Đảng thật sự trong sạch, vững mạnh  2. Xây dựng Nhà nước | **Tự học**  - GV phân nhiệm nội dung tự học cho SV  - GV định hướng cho SV các phương pháp tự học tương ứng với nội dung. | - SV thực hiện nghiêm túc các yêu cầu đối với viêc tự học, tự nghiên cứu  **-** Sinh viên tự nghiên cứu giáo trình [6.1], trang 164-168.  - Tóm tắt nội dung tự học. | - CLO1.1  - CLO2.1  - CLO2.2 | A1.1  A1.2  A1.3  A2.1 |
| Tuần 9  **(2 tiết)** | **Chương 4. (tiếp theo)**  **Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản Việt Nam và nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân.** | - Giảng dạy mức 2, 3 và 4  - Phương pháp thuyết trình, Đàm thoại kết hợp trình chiếu Slide các nội dung, viết bảng.  **-** Cho phép SV đặt các câu hỏi liên quan đến nội dung TTHCM về Nhà nước....  - Khuyến khích, biểu dương phát huy tính tích cực của sinh viên. | - Học elearning bài giảng chương 4 (mức 1 và 2)  - Sinh viên đọc giáo trình [6.1], trang 123-168 trước khi đến lớp.  - Chuẩn bị các câu hỏi, đề xuất khi nghe giảng | - CLO1.1  - CLO2.1  - CLO2.2 | A1.1  A1.2  A1.3  A2.1 |
| Tuần 10  **(2 tiết)**  **Thảo luận** | THẢO LUẬN CÁC CÂU HỎI ĐÃ PHÂN CÔNG | - Tổ chức thành các nhóm 3 SV  - Phân công nhiệm vụ, thời gian thảo luận, thời gian báo cáo | - Sinh viên có đề cương chuẩn bị theo câu hỏi thảo luận  - Tham gia thảo luận trong nhóm tích cực, có hiệu quả. | - CLO1.1  - CLO2.1  - CLO2.2 | A1.1  A1.2  A2.1 |
| Tuần 11  **(2 tiết)** | **Chương 5.**  **Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết toàn dân tộc và đoàn kết quốc tế** | - Giảng dạy mức 2, 3 và 4  - Phương pháp nêu vấn đề, thuyết trình, Đàm thoại kết hợp trình chiếu Slide các nội dung, viết bảng.  **-** Chú trọng đặt các câu hỏi để SV làm rõ nội dung TTHCM về đại đoàn kết toàn dân tộc | - Học elearning bài giảng chương 5 (mức 1 và 2)  - SV đọc giáo trình [6.1], trang 168-204 trước khi đến lớp.  - Chuẩn bị các câu hỏi, đề xuất khi nghe giảng.  - Tham gia phát biểu trả lời câu hỏi. | - CLO1.1  - CLO2.1  - CLO2.2 | A1.1  A1.2  A1.3  A2.1 |
| Tự học của chương 5 | III. VẬN DỤNG TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ VỀ ĐẠI ĐOÀN KẾT TOÀN DÂN TỘC VÀ ĐOÀN KẾT QUỐC TẾ TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY  1. Quán triệt TTHCM về đại đoàn kết toàn dân tộc và đoàn kết quốc tế trong hoạch định chủ trương, đường lối của Đảng  2. Xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc trên nền tảng liên minh công – nông – trí dưới sự lãnh đạo của Đảng  3. Đại đoàn kết toàn dân tộc phải kết hợp với đoàn kết quốc tế | **Tự học**  - GV phân nhiệm nội dung tự học cho SV  - GV định hướng cho SV các phương pháp tự học tương ứng với nội dung. | - SV đọc giáo trình [6.1] trang 198-204  - Tóm tắt nội dung tự học  - Ghi chú những nội dung và vấn đề chưa rõ. | - CLO1.1  - CLO2.1  - CLO2.2 | A1.1  A1.2  A1.3  A2.1 |
| Tuần 12  **(2 tiết)**  **Thảo luận** | THẢO LUẬN CÁC CÂU HỎI ĐÃ PHÂN CÔNG | - Tổ chức thành các nhóm cặp đôi SV  - Phân công nhiệm vụ, thời gian thảo luận, thời gian báo cáo | - Sinh viên có đề cương chuẩn bị theo câu hỏi thảo luận  - Tham gia thảo luận trong nhóm tích cực, có hiệu quả. | - CLO1.2  - CLO2.1  - CLO2.2 | A1.1  A1.2  A2.1 |
| Tuần 13  **(2 tiết)** | **Chương 6.**  **Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa, đạo đức, con người.** | - Giảng dạy mức 2, 3 và 4  - Phương pháp nêu vấn đề, thuyết trình, đàm thoại kết hợp trình chiếu Slide các nội dung, viết bảng.  **-** Chú trọng đặt các câu hỏi để SV làm rõ TTHCM về văn hóa, đạo đức. | - Học elearning bài giảng chương 6 (mức 1 và 2)  - SV đọc giáo trình, [6.1] trang 205-265  trước khi đến lớp.  - Chuẩn bị các câu hỏi, đề xuất khi nghe giảng  - Tập trung nghe giảng và ghi bài.  - Tham gia phát biểu trả lời câu hỏi. | - CLO1.1  - CLO2.1  - CLO2.2 | A1.1  A1.2  A1.3  A2.1 |
| Tuần 14  **(2 tiết)** | **Chương 6. (Tiếp theo)**  **Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa, đạo đức, con người.** | - Giảng dạy mức 2, 3 và 4  - Phương pháp nêu vấn đề, thuyết trình, Đàm thoại kết hợp trình chiếu Slide các nội dung, viết bảng.  - Khuyến khích, biểu dương phát huy tính tích cực của sinh viên. | - Học elearning bài giảng chương 6 (mức 1 và 2)  - SV đọc giáo trình, [6.1] trang 205-265 trước khi đến lớp.  - Chuẩn bị các câu hỏi, đề xuất khi nghe giảng  - Tập trung nghe giảng và ghi bài. | - CLO1.1  - CLO2.1  - CLO2.2 | A1.1  A1.2  A1.3  A2.1 |
| Tự học của chương 6 | IV. XÂY DỰNG VĂN HÓA, ĐẠO ĐỨC, CON NGƯỜI VIỆT NAM HIỆN NAY THEO TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH  1. Xây dựng và phát triển văn hóa, con người  2. Về xây dựng đạo đức cách mạng | **Tự học**  - GV phân nhiệm nội dung tự học cho SV  - GV định hướng cho SV các phương pháp tự học tương ứng với nội dung. | - SV đọc giáo trình, [6.1] trang 248-265.  - Tóm tắt nội dung tự học  - Ghi chú những nội dung và vấn đề chưa rõ. | - CLO1.1  - CLO2.1  - CLO2.2 | A1.1  A1.2  A1.3  A2.1 |
| Tuần 15  **(2 tiết)**  **Thảo luận** | THẢO LUẬN CÁC CÂU HỎI ĐÃ PHÂN CÔNG | - Tổ chức thành các nhóm 3-4 SV  - Phân công nhiệm vụ, thời gian thảo luận, thời gian báo cáo | - Sinh viên có đề cương chuẩn bị theo câu hỏi thảo luận  - Tham gia thảo luận trong nhóm tích cực, có hiệu quả. | - CLO1.1  - CLO2.1  - CLO2.2 | A1.1  A1.2  A2.1 |
| *Lưu ý: Theo quy định học phần: 30 tiết (20 lý thuyết +10 thảo luận); mỗi tuần 2 tiết thì học phần sẽ được tổ chức giảng dạy, học tập trong 15 tuần. Đồng thời thực hiện theo hình thức dạy học kết hợp bài giảng elearning nên chỉ thực hiện 70% học trực tiếp và 30% SV học qua bài giảng elearning.* | | | | | | |

**8. Nhiệm vụ của người học**

***8.1. Phần tự học***

- Nghiên cứu tài liệu, xem các slide/video bài giảng.

- Chủ động tìm các nguồn tài liệu tham khảo liên quan đến nội dung học phần.

- Thảo luận, trao đổi những vấn đề liên quan đến học phần với bạn học/ hoặc các nguồn lực hỗ trợ khác.

- Hoàn thành các bài tập được giao trên LMS.

***8.2. Phần học trên lớp trực tiếp hoặc online với giảng viên***

- Dự lớp ≥ 80% tổng thời lượng của học phần.

- Chủ động, tích cực trong giờ học; có đề xuất/ sáng kiến về cách học tập tốt.

- Phát hiện, đưa ra câu hỏi hoặc vấn đề liên quan đến nội dung học tập.

***8.3. Làm bài thảo luận học phần***

- Tham gia 80%-100% các buổi làm việc nhóm, thảo luận hoàn thành bài thảo luận của nhóm.

- Tham gia tích cực các hoạt động thảo luận

- Tuân thủ các quy định của giáo viên và của nhóm.

- Hoàn thành đầy đủ nhiệm vụ học tập được giao.

**9. Ngày phê duyệt:**

**10. Cấp phê duyệt:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **KT. HIỆU TRƯỞNG**  **PHÓ HIỆU TRƯỞNG** | **HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG SƯ PHẠM** | **TRƯỞNG KHOA GDCT** |

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH**  **VIỆN NÔNG NGHIỆP VÀ TÀI NGUYÊN** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

## **ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN CHI TIẾT**

## **Học phần: An toàn thực phẩm**

**1. Thông tin tổng quát:**

***1.1. Thông tin về giảng viên***

***Giảng viên 1:* Trương Thị Thành Vinh**

Học hàm, học vị: Thạc sĩ

Địa chỉ liên hệ: 182 Lê Duẩn, TP Vinh, Nghệ An

Điện thoại, email: thanhvinhtruong@gmail.com

Các hướng nghiên cứu chính: Vi sinh vật, Bệnh động vật thủy sản

***Giảng viên 2:* Nguyễn Thị Thanh**

Học hàm, học vị: Tiến sĩ

Địa chỉ liên hệ: 182 Lê Duẩn, TP Vinh, Nghệ An

Điện thoại, email: nguyenthithanhnln@gmail.com

Các hướng nghiên cứu chính: Sinh lý động vật, Quản lý môi trường nuôi thủy sản

***1.2. Thông tin về học phần:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| - Tên học phần (tiếng Việt): **An toàn thực phẩm**  (tiếng Anh): **Food safety** | | |
| - Mã số học phần: AHY300017 | | |
| - Thuộc CTĐT ngành: **Chăn nuôi** | | |
| - Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:  Kiến thức cơ bản  Kiến thức cơ sở ngành  Kiến thức ngành  x | Học phần chuyên về kỹ năng chung  Kiến thức khác | |
| - Thuộc loại học phần: Bắt buộc  x | Tự chọn | |
| - Số tín chỉ: 03 | |  |
| + Số tiết lý thuyết: 25 | |  |
| + Số tiết thảo luận/bài tập: 5 | |  |
| + Số tiết thực hành: 15 | |  |
| + Số tiết tự học: 90 | |  |
| - Điều kiện đăng ký học: | |  |
| + Học phần tiên quyết: | | Mã số HP: |
| + Học phần học trước: Vi sinh vật chăn nuôi | | Mã số HP: AHIY30005 |
| - Yêu cầu của học phần: Thực hiện theo Quy chế đào tạo của Trường Đại học Vinh. Cụ thể:  + Thời gian tối thiểu sinh viên phải có mặt trên lớp: 80%  + Sinh viên phải nộp đầy đủ bài tập, báo cáo… qua hệ thống LMS (Mục 5.1). + Tham gia đầy đủ các bài thực hành. | | |
| - Bộ môn phụ trách học phần: Thủy sản và Chăn nuôi  Điện thoại: Email: | | |

**2. Mô tả học phần:**

An toàn thực phẩm là môn học cung cấp những kiến thức cơ bản về an toàn thực phẩm, trong đó đi sâu về các nguyên nhân gây ra mất vệ sinh an toàn thực phẩm và cách kiểm soát các mối nguy gây mất vệ sinh an toàn thực phẩm. Tác hại của việc thực phẩm bị mất vệ sinh an toàn: bệnh truyền nhiễm, ngộ độc thực phẩm. Giới thiệu về các hệ thống quản lý chất lượng các văn bản pháp luật về vệ sinh an toàn thực phẩm hiện nay.

**3. Mục tiêu học phần**

**CO1.** Hiểu được kiến thức về an toàn vệ sinh thực phẩm, các nguyên nhân và các yếu tố gây ngộ độc, một số dạng ngộ độc thường gặp, các khái niệm, nguyên tắc của hệ thống quản lý vệ sinh an toàn thực phẩm. và tóm tắt được nội dung chính của một số văn bản quản lý nhà nước về vệ sinh an toàn thực phẩm.

**CO2.** Thực hiện được một số kỹ thuật căn bản trong phòng thí nghiệm. Thể hiện thái độ, đạo đức tốt trong quản lý an toàn chất lượng các sản phẩm thực phẩm.

**CO3.** Phát triển kỹ năng tổ chức nhóm để giải quyết các vấn đề đặt ra

**4. Chuẩn đầu ra học phần, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá**

***4.1. Ánh xạ chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **CĐR học phần** | **Ánh xạ với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo** | | | |
| **PLO1.3** | **PLO2.2** | **PLO2.3** | **PLO3.1** |
| 1.3.3 | 2.2.1 | 2.3.1 | 3.1.1 |
| CLO1.1 | 1,0 |  |  |  |
| CLO2.1 |  | 1,0 |  |  |
| CLO2.2 |  |  | 1,0 |  |
| CLO3.1 |  |  |  | 1,0 |

***4.2. Nội dung chuẩn đầu ra, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá học phần***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **CĐR học phần (CLO)** | **TĐNL CĐR**  **học phần** | **Mô tả CĐR học phần** | **Phương pháp dạy học** | **Phương pháp đánh giá** |
| CLO1.1 | K4 | Hiểu được tầm quan trọng của vệ sinh an toàn thực phẩm. Các nguyên nhân và yếu tố gây ngộ độc thực phẩm, một số dạng ngộ độc thực phẩm thường gặp, các khái niệm, nguyên tắc của quản lý vệ sinh an toàn thực phẩm, các biện pháp đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm ở gia đình và cộng đồng. | Thuyết trình  Tự học/tự nghiên cứu | Tự luận |
| CLO2.1 | A4 | Có đạo đức trách nhiệm nghề nghiệp | Tự học | Rubric 2 |
| CLO2.2 | S4 | Có khả năng thực hiện được các thao tác trong lựa chọn, bảo quản thực phẩm đảm bảo an toàn khi sử dụng | Hướng dẫn thực hành/tự học | Rubric 2 |
| CLO3.1 | S4 | Phát triển kỹ năng tổ chức nhóm để giải quyết các vấn đề đặt ra | Hướng dẫn  Thực hành/ tự học | Rubric 1 |

**5. Đánh giá học tập và các bộ tiêu chí đánh giá**

***5.1. Đánh giá học tập***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Bài đánh giá** | **Hình thức đánh giá và lưu hồ sơ** | **Công cụ đánh giá** | **CĐR học phần** | **Tỷ lệ cho bài đánh giá** | **Tỷ lệ**  **cho học phần** |
| **A1. Đánh giá quá trình** | |  |  |  | **50%** |
| A1.1 | - Bài tập nhóm; nhóm SV nạp báo cáo quá LMS; GV đánh giá và lưu hồ sơ | Rubric 1 | CLO2.1 | 40% | 10% |
| CLO3.1 | 60% |
| A1.2 | - Bài thi trắc nghiệm;  TT Đảm bảo chất lượng tổ chức thi và lưu hồ sơ | - Đáp án | CLO1.1 | 100% | 20% |
| A1.3 | - Kiểm tra kỹ năng thực hành tại PTN | - Rubric 1 | CLO2.2 | 80% | 20% |
| CLO3.1 | 20% |  |
| **A.2. Đánh giá cuối kỳ** | |  |  |  |  |
| A2.1 | Bài thi tự luận  TT Đảm bảo chất lượng tổ chức thi và lưu hồ sơ | Đáp án | CLO1.1 | 100% | *50%* |
| **Công thức tính điểm tổng kết:**  **Điểm TKHP = A1.1 \*0,1+A1.2\*0,2+A1.3\*0,2+A2.1\*0,5** | | | | | | |

*- Ghi chú: Các bài đánh giá thiết kế sao cho đánh giá được từng CĐR.*

*- Ví dụ về công cụ đánh giá: Rubrics, đáp án, bảng kiểm…*

***5.2. Các bộ tiêu chí đánh giá***

***Rubric 1: Đánh giá bài A1.1 và bài A1.3***

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **CĐR** | **Tiêu chí đánh giá** | **Trọng số bài A1.1** | **Trọng số bài A1.3** | **Mức độ đánh giá** | | | | |
| **A** | **B** | **C** | **D** | **F** |
| **8.5 - 10** | **7.0 - 8.4** | **5.5 - 6.9** | **4,0 -5,4** | **< 4,0** |
| **CLO2.1.** Có đạo đức, trách nhiệm, thái độ hành xử chuyên nghiệp, tinh thần hợp tác trong hoạt động nghề nghiệp, sẵn sàng chấp nhận thử thách và rủi ro trong chăn nuôi | **Ý thức, trách nhiệm khi tham gia hoạt động nghề nghiệp** | 20 |  | Ý thức, trách nhiệm cao khi tham gia hoạt động nghề nghiệp | Ý thức, trách nhiệm khá cao khi tham gia hoạt động nghề nghiệp | Ý thức, trách nhiệm khi tham gia hoạt động nghề nghiệp | Ý thức, trách nhiệm khi tham gia hoạt động nghề nghiệp đang còn thấp | Ý thức, trách nhiệm thấp hoặc không có khi tham gia hoạt động nghề nghiệp |
| **Mức độ tham gia hoạt động học tập, nghề nghiệp** | 20 |  | Tham gia hoạt động học tập, nghề nghiệp với tần suất cao | Tham gia hoạt động học tập, nghề nghiệp tần suất khá cao | Tham gia hoạt động học tập, nghề nghiệp | Tham gia hoạt động học tập, nghề nghiệp tần suất thấp | Không tham gia hoạt động học tập, nghề nghiệp |
| Có khả năng thực hiện được các thao tác trong lựa chọn, bảo quản thực phẩm đảm bảo an toàn khi sử dụng | **Chuẩn bị** |  | 20 | Có sự chuẩn bị tốt về bài thực hành | Có sự chuẩn bị khá tốt về bài thực hành | Có sự chuẩn bị về bài thực hành | Có sự chuẩn bị về bài thực hành sơ sài | Chưa có sự chuẩn bị về bài thực hành |
| **Thao tác thực hành, thí nghiệm** |  | 40 | Thực hiện chính xác thao tác thực hành, đúng quy trình thí nghiệm | Thực hiện đúng thao tác thực hành, đúng quy trình thí nghiệm | Thực hiện đúng thao tác thực hành, quy trình thí nghiệm đạt mức cơ bản | Thực hiện đúng thao tác thực hành, quy trình thí nghiệm đạt ở mức độ thấp | Không thực hiện đúng thao tác thực hành, quy trình thí nghiệm |
| **Kết quả thực hành, thí nghiệm** |  | 20 | Kết quả thực hành, thí nghiệm đúng, đạt tiêu chuẩn tốt, | Kết quả thực hành, TN đúng , đạt tiêu chuẩn khá tốt | Kết quả thực hành, TN đúng , đạt tiêu chuẩn | Kết quả thực hành, TN đúng , chưa đạt tiêu chuẩn, một số lỗi sai | Kết quả thực hành, TN sai |
| **CLO3.1.** **Làm việc theo nhóm hiệu quả để đánh giá các yếu tố gây ngộ độc thực phẩm, các nguyên tắc của quản lý vệ sinh an toàn thực phẩm, các biện pháp đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm ở gia đình và cộng đồng.** | **Tổ chức nhóm** | 10 | 5 | Tham gia đầy đủ, tích cực các cuộc hợp nhóm | Tham gia đầy đủ các hoạt động nhóm. | Tham gia còn thiếu một số ít hoạt động | Chỉ tham gia một số ít hoạt động | Không tham gia |
| Nhiệm vụ được phân công rõ ràng, đầy đủ cho các thành viên trong nhóm | Nhiệm vụ được phân công khá rõ ràng, đầy đủ cho các thành viên trong nhóm | Nhiệm vụ được phân công cho các thành viên trong nhóm đầy đủ | Nhiệm vụ được phân công cho các thành viên trong nhóm chưa đầy đủ | Chưa có sự phân công nhiệm vụ |
| **Hợp tác nhóm** | 30 | 10 | - Trao đổi, chia sẻ và chấp nhận các ý tưởng trong thực hiện nhiệm vụ với các thành viên ở mức độ cao | - Trao đổi và chấp nhận các ý tưởng trong thực hiện nhiệm vụ với các thành viên mức độ khá | Trao đổi, chia sẻ và chấp nhận các ý tưởng trong thực hiện nhiệm vụ với các thành viên ở mức độ cơ bản | Trao đổi và chấp nhận các ý tưởng trong thực hiện nhiệm vụ với các thành viên ở mức độ thấp | Không trao đổi, chia sẻ trong nhóm |
| **Thảo luận nhóm** | 20 | 5 | Đề xuất, sáng kiến để đạt được tốt mục tiêu, kết quả nhóm | Đề xuất, sáng kiến để đạt được khá tốt mục tiêu, kết quả nhóm | Đề xuất, sáng kiến để đạt được mục tiêu, kết quả nhóm ở mức cơ bản | Đề xuất, sáng kiến để đạt được mục tiêu, kết quả nhóm thấp | Chưa có các đề xuất, sáng kiến |

**6. Tài liệu học tập**

***6.1. Giáo trình:***

1.Trương Thị Thành Vinh, 2020. Bài giảng An toàn thực phẩm, Trường Đại học Vinh

2. Nguyễn Đức Lượng, Phạm Minh Tâm, Giáo trình vệ sinh và an toàn thực phẩm, Nhà xuất bản Đại học Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh, 2004

3. Lê Thị Hồng Ánh, Cao Xuân Thủy, Giáo trình vệ sinh an toàn thực phẩm, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, 2009

**7. Kế hoạch dạy học**

***Lý thuyết:***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tuần, số tiết** | **Nội dung** | **Hình thức tổ chức dạy học** | **Yêu cầu SV chuẩn bị** | **CĐR học phần** | **Bài đánh giá** |
| **1(3)** | Bài mở đầu  1. Các khái niệm cơ bản  2. Phân loại ô nhiễm thực phẩm  3. Tình hình ô nhiễm thực phẩm tại Việt Nam | - Địa điểm: Phòng học theo Nhà Trường sắp xếp  - Thuyết trình  - Hướng dẫn nghiên cứu tìm kiếm tài tài liệu | - Đọc tài liệu 1, 2, 3  -Tìm kiếm tài liệu (website): về tình hình ô nhiễm thực phẩm tại Việt Nam | **CLO1.1** | A1.1  A1.2  A2.1 |
| **2** | Chương 1. Nhiễm độc thực phẩm và các nguyên nhân  Nhiễm độc thực phẩm do tác nhân sinh học  1.1.1. Vi khẩn gây ngộ độc thực phẩm | - Địa điểm: Nhà học theo Nhà Trường sắp xếp  - Thuyết trình  - Hướng dẫn quan sát hình ảnh  - Hướng dẫn làm thực hành | - Đọc tài liệu 1, 2, 3, xem hình ảnh, tìm hiểu thực tế về một số vi khuẩn gây ngộ độc thực phẩm | **CLO1.2** | A1.1  A1.2  A2.1 |
| **3** | Chương 1. Nhiễm độc thực phẩm và các nguyên nhân (tiếp)  1.1.2. Virus trong thực phẩm  1.1.3. Ký sinh trùng  1.1.4. Các sinh vật có độc tố | - Địa điểm: Nhà học theo Nhà Trường sắp xếp  - Thuyết trình  - Hướng dẫn quan sát hình ảnh  - Hướng dẫn làm thực hành | Đọc tài liệu 1, 2, 3. Xem hình ảnh về các tác nhân virus, ký sinh trùng gây mất an toàn thực phẩm | **CLO1.2** | A1.1  A2.1 |
| **4** | Chương 1. Nhiễm độc thực phẩm và các nguyên nhân (tiếp)  1.2. Nhiễm độc thực phẩm do tác nhân hóa học  1.2.1. Những chất hóa học cho thêm vào thực phẩm theo ý muốn  1.2.2. Những hóa chất lẫn vào thực phẩm  1.2.3. Hóa chất bảo vệ thực phẩm  1.3. Nhiễm độc thực phẩm do tác nhân vật lý  Chương 2. Chất lượng thực phẩm, hoạt động quản lý và kiểm tra chất lượng thực phẩm  2.1. Chất lượng và đặc điểm của chất lượng | - Địa điểm: Nhà học theo Nhà Trường sắp xếp  - Thuyết trình | Đọc tài liệu 1, 2, 3, tìm hiểu thực tế hiện nay về các sản phẩm thực phẩm không an toàn cho người sử dụng do các tác nhân hóa học | **CLO1.2** | A1.1  A2.1 |
| **5** | Chương 2. Chất lượng thực phẩm, hoạt động quản lý và kiểm tra chất lượng thực phẩm (tiếp)  2.2. Quản lý chất lượng  2.2.1. Các nguyên tắc của quản lý chất lượng  2.2.2. Một số phương pháp quản lý chất lượng | - Địa điểm: Nhà học theo Nhà Trường sắp xếp  - Thuyết trình | Đọc tài liệu 1, 2, 3 tìm hiểu thực tiễn về các nguyên tắc quản lý vệ sinh an toàn thực phẩm | **CLO1.2, CLO2.2**  **CLO3.1** | A1.1  A2.1 |
| **6** | Chương 3. Hệ thống tiêu chuẩn hóa  3.1. Hệ thống tiêu chuẩn trong nước  3.1.1. Tiêu chuẩn Việt Nam  3.1.2. Tiêu chuẩn ngành  3.1.3. Tiêu chuẩn cơ sở  3.2. Hệ thống tiêu chuẩn quốc tế | - Địa điểm: Nhà học theo Nhà Trường sắp xếp  - Thuyết trình | Đọc tài liệu 1, 2, 3 tìm hiểu, so sánh đặc điểm của TCVN và một số hệ thống tiêu chuẩn quốc tế | **CLO2.1** | A1.1  A2.1 |
| **7** | Chương 3. Hệ thống tiêu chuẩn hóa (tiếp)  3.2.1. Hệ thống quản lý chất lượng theo ISO 9000  3.2.2. Hệ thống quản lý môi trường theo ISO 14000  3.2.3. Hệ thống quản lý an toàn thực phẩm theo ISO 22000:2005  3.2.4. HACCP | - Địa điểm: Nhà học theo Nhà Trường sắp xếp  - Thuyết trình  - Hướng dẫn qua hình ảnh | Đọc tài liệu 1, 2, 3  Tìm hiểu thực tiễn các doanh nghiệp nước ta hiện nay trong áp dụng các hệ thống tiêu chuẩn hóa, ISO, HACCP | **CLO2.1** | A1.1  A2.1 |
| **8** | Chương 3. Hệ thống tiêu chuẩn hóa (tiếp)  3.2.5. Nguyên tắc thực hành nông nghiệp tốt GAP  3.2.6. Chương trình GMP  3.2.7. Chương trình SSOP  3.2.8. Hệ thống SQF | - Địa điểm: Nhà học theo Nhà Trường sắp xếp  - Thuyết trình | **-** Đọc tài liệu 1, 2, 3.  Tìm hiểu về một mô hình sản xuất ứng dụng GAP mà anh/chị biết | **CLO2.1** | A1.1  A2.1 |
| **9** | Chương 4. Văn bản pháp luật về vệ sinh an toàn thực phẩm  4.1. Danh mục một số văn bản quy phạm pháp luật chủ yếu trong lĩnh vực an toàn thực phâm hiện nay  4.2. Quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm tại Việt Nam  4.2.1. Trách nhiệm quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm  4.2.2. Trách nhiệm quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm của Bộ Y tế | **-** Địa điểm: Nhà học theo Nhà Trường sắp xếp  - Thuyết trình  - Hướng dẫn nghiên cứu, giải quyết tình huống | **-** Đọc tài liệu 1, 2, 3  Tìm hiểu thông tin về một số văn bản pháp luật của nhà nước liên quan đến vấn đề an toàn thực phẩm | **CLO2.1**  **CLO2.2** | A1.1  A2.1 |
| **10** | Thảo luận chủ đề 1 | - Hướng dẫn thảo luận | **-**Chuẩn bị hồ sơ làm việc nhóm; Bài tập nhóm theo yêu cầu. | **CLO2.1**  **CLO2.2** | A1.2 |

***Thực hành:***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tuần, số tiết** | **Nội dung** | **Hình thức tổ chức dạy học** | **Yêu cầu SV chuẩn bị** | **CĐR học phần** | **Bài đánh giá** |
| 1 (3) | Một số quy tắc Lựa chọn, bảo quản thực phẩm an toàn | Hướng dẫn một số quy tắc lựa chọn, bảo quản thực phẩm an toàn | Giấy A4; Bút ghi chép, áo blu | CLO1.2, CLO3.1 | A2.2 |
| 2(3) | Định lượng vi khuẩn hiếu khí tổng số trong mẫu thịt, tôm, cá | Hướng dẫn định lượng vi khuẩn hiếu khí tổng số trong mẫu thịt, tôm, cá | Giấy A4; Bút ghi chép, áo blu, Máy để chụp ảnh | CLO1.2, CLO3.2 | A2.2 |
| 3(3) | Định lượng vi khuẩn hiếu khí tổng số trong mẫu trứng | Hướng dẫn định lượng vi khuẩn hiếu khí tổng số trong mẫu trứng | Giấy A4; Bút ghi chép, áo blu, Máy để chụp ảnh | CLO1.2, CLO3.2 | A2.2 |
| 4(3) | Định lượng vi khuân hiếu khí tổng số trong mẫu sữa | Hướng dẫn định lượng vi khuẩn hiếu khí tổng số trong mẫu sữa | Giấy A4; Bút ghi chép, áo blu, Máy để chụp ảnh | CLO1.2, CLO3.2 | A2.2 |
| 5(3) | Định lượng vi khuân hiếu khí tổng số trong mẫu thực phẩm đóng hộp | Hướng dẫn định lượng vi khuẩn hiếu khí tổng số trong mẫu thực phẩm đóng hộp | Giấy A4; Bút ghi chép, áo blu, Máy để chụp ảnh | CLO1.2, CLO3.2 | A2.2 |

**8. Nhiệm vụ của người học**

***8.1. Phần tự học***

- Nghiên cứu tài liệu, xem các slide/video/website.

- Chủ động tìm các nguồn tài liệu khác liên quan đến nội dung học phần.

- Thảo luận, trao đổi những vấn đề liên quan đến học phần với bạn học/cựu sinh viên/cán bộ tại đơn vị trải nghiệm hoặc các nguồn lực hỗ trợ khác.

- Hoàn thành các bài tập được giao trên LMS.

***8.2. Phần học trên lớp trực tiếp hoặc online với giảng viên***

- Dự lớp ≥ 80% tổng thời lượng của học phần.

- Chủ động, tích cực trong giờ học.

- Phát hiện, đưa ra câu hỏi hoặc vấn đề liên quan đến nội dung học tập.

***8.3. Thực hành***

- Tham gia đầy đủ các bài thực hành

- Tôn trọng ý kiến và chịu trách nhiệm về kết quả làm việc chung.

- Hoàn thành đầy đủ nhiệm vụ và sản phẩm thực hành được giao.

**9. Ngày phê duyệt:**

**10. Cấp phê duyệt:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **KT. HIỆU TRƯỞNG**  **PHÓ HIỆU TRƯỞNG** | **VIỆN TRƯỞNG**  **TS. Nguyễn Đình Vinh** | **TRƯỞNG BỘ MÔN**  **TS. Lê Minh Hải** |

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH**  **VIỆN NÔNG NGHIỆP VÀ TÀI NGUYÊN** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

## **ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN CHI TIẾT**

## **Học phần: Bệnh truyền nhiễm thú y**

**1. Thông tin tổng quát:**

***1.1. Thông tin về giảng viên***

***Giảng viên 1:* Trương Thị Thành Vinh**

Học hàm, học vị: Thạc sĩ

Địa chỉ liên hệ: 182 Lê Duẩn, TP Vinh, Nghệ An

Điện thoại, email: thanhvinhtruong@gmail.com

Các hướng nghiên cứu chính: Vi sinh vật, Bệnh động vật thủy sản

***Giảng viên 2:* Nguyễn Thị Thanh**

Học hàm, học vị: Tiến sĩ

Địa chỉ liên hệ: 182 Lê Duẩn, TP Vinh, Nghệ An

Điện thoại, email: nguyenthithanhnln@gmail.com

Các hướng nghiên cứu chính: Sinh lý động vật, Quản lý môi trường nuôi thủy sản

***1.2. Thông tin về học phần:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| - Tên học phần (tiếng Việt): **Bệnh truyền nhiễm thú y**  (tiếng Anh): **Veterinary infectious diseases** | | |
| - Mã số học phần: AHY30010 | | |
| - Thuộc CTĐT ngành: **Chăn nuôi** | | |
| - Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:  Kiến thức cơ bản  Kiến thức cơ sở ngành  Kiến thức ngành  x | Học phần chuyên về kỹ năng chung  Kiến thức khác | |
| - Thuộc loại học phần: Bắt buộc  x | Tự chọn | |
| - Số tín chỉ: 03 | |  |
| + Số tiết lý thuyết: 25 | |  |
| + Số tiết thảo luận/bài tập: 5 | |  |
| + Số tiết thực hành: 15 | |  |
| + Số tiết tự học: 90 | |  |
| - Điều kiện đăng ký học: | |  |
| + Học phần tiên quyết: | | Mã số HP: |
| + Học phần học trước: | | Mã số HP: |
| - Yêu cầu của học phần: Thực hiện theo Quy chế đào tạo của Trường Đại học Vinh. Cụ thể:  + Thời gian tối thiểu sinh viên phải có mặt trên lớp: 80%  + Sinh viên phải nộp đầy đủ bài tập, báo cáo… qua hệ thống LMS (Mục 5.1). + Tham gia đầy đủ các bài thực hành. | | |
| - Bộ môn phụ trách học phần: Thủy sản và Chăn nuôi  Điện thoại: Email: | | |

**2. Mô tả học phần:**

Học phần Bệnh truyền nhiễm thú y là môn học nghiên cứu những quy luật thuộc về đặc tính bệnh, đặc tính mầm bệnh, quan hệ giữa mầm bệnh và cơ thể động vật trong điều kiện thống nhất với ngoại cảnh, các hiện tượng bệnh lý, điều kiện phát sinh và lây lan bệnh, sự phát sinh, tiến triển và ngừng tắt của dịch thường gặp trên gia súc, gia cầm và động vật cảnh khi không có và có sự can thiệp của con người và từ nhận thức về những quy luật đó, đề ra các biện pháp cụ thể, có cơ sở khoa học chắc chắn, nhằm mục đích cuối cùng là phòng và chống, tiến tới thanh toán các bệnh truyền nhiễm, góp phần tích cực bảo vệ sức khỏe đàn gia súc, gia cầm và động vật khác, thông qua đó gián tiếp hoặc trực tiếp bảo vệ sức khỏe của con người

**3. Mục tiêu học phần**

**CO1.** Hiểu được về một số vấn đề cơ bản của bệnh truyền nhiễm như: cơ chế phát sinh, dịch tễ học, biện pháp chẩn đoán, nguyên tắc phòng và điều trị các bệnh truyền nhiễm và đi sâu nghiên cứu về nguyên nhân, cơ chế sinh bệnh, triệu chứng bệnh tích, các biện pháp phòng trị các bệnh truyền nhiễm chủ yếu thường gặp ở gia súc, gia cầm và động vật cảnh.

**CO2.** Áp dụng một số kỹ thuật căn bản trong phòng thí nghiệm để biết cách cách mổ khám xác định bệnh tích trong chẩn đoán bệnh từ đó đề xuất phương án điều trị, tham quan thực tiễn tại các trại nuôi phát hiện các yếu tố nguy cơ và tổ chức vệ sinh tiêu độc, khử trùng chuồng trại và môi trường xung quanh.

**CO3.** Phát triển kỹ năng tổ chức nhóm để giải quyết các vấn đề đặt ra

**4. Chuẩn đầu ra học phần, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá**

***4.1. Ánh xạ chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **CĐR học phần** | **Ánh xạ với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo** | | | |
| **PLO1.3** | **PLO2.1** | **PLO2.3** | **PLO3.1** |
| 1.3.4 | 2.1.2 | 2.3.1 | 3.1.1 |
| CLO1.1 | 1,0 |  |  |  |
| CLO2.1 |  | 1,0 |  |  |
| CLO2.2 |  |  | 1,0 |  |
| CLO3.1 |  |  |  | 1,0 |

***4.2. Nội dung chuẩn đầu ra, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá học phần***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **CĐR học phần (CLO)** | **TĐNL CĐR**  **học phần** | **Mô tả CĐR học phần** | **Phương pháp dạy học** | **Phương pháp đánh giá** |
| CLO1.1 | K4 | Hiểu được cơ chế phát sinh, dịch tễ học, cũng như nguyên tắc chẩn đoán, dấu hiệu bệnh lý, con đường lây truyền bệnh, sự phân bố và các yếu tố liên quan đến sự truyền bệnh trên vật nuôi; kỹ thuật chẩn đoán, phòng và trị một số bệnh truyền nhiễm ở loài nhai lại, lợn, gia cầm và động vật cảnh.phương pháp phòng chống và điều trị bệnh truyền nhiễm nói chung trên vật nuôi | Thuyết trình  Tự học/tự nghiên cứu | Hướng dẫn  Thực hành |
| CLO2.1 | A3 | Có đạo đức, trách nhiệm, thái độ hành xử chuyên nghiệp, tinh thần hợp tác trong hoạt động nghề nghiệp, sẵn sàng chấp nhận thử thách và rủi ro trong chăn nuôi | Thuyết trình  Nghiên cứu tình huống | Thực hành  Bài thi tự luận |
| CLO2.2 | S4 | Thể hiện được kỹ năng nghề nghiệp về ứng dụng các kỹ thuật xét nghiệm chẩn đoán bệnh ở vật nuôi; tư vấn giải pháp chữa trị một số bệnh truyền nhiễm ở vật nuôi | Làm việc nhóm  Thực hành | Rubric 1 |
| CLO3.1 | S4 | Làm việc theo nhóm hiệu quả để đánh giá các hoạt động nghiên cứu liên quan đến quản lý sức khỏe vật nuôi | Hướng dẫn  Thực hành | Thực hành  Rubric 1 |

**5. Đánh giá học tập và các bộ tiêu chí đánh giá**

***5.1. Đánh giá học tập***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Bài đánh giá** | **Hình thức đánh giá và lưu hồ sơ** | **Công cụ đánh giá** | **CĐR học phần** | **Tỷ lệ cho bài đánh giá** | **Tỷ lệ**  **cho học phần** |
| **A1. Đánh giá quá trình** | |  |  |  | **50%** |
| A1.1 | - Bài tập nhóm; nhóm SV nạp báo cáo quá LMS; GV đánh giá và lưu hồ sơ | Rubric 1 | CLO2.1 | 40% | 10% |
| CLO3.1 | 60% |
| A1.2 | - Bài thi trắc nghiệm;  TT Đảm bảo chất lượng tổ chức thi và lưu hồ sơ | - Đáp án | CLO1.1 | 100% | 20% |
| A1.3 | - Kiểm tra kỹ năng thực hành tại PTN | - Rubric 1 | CLO2.2 | 80% | 20% |
| CLO3.1 | 20% |  |
| **A.2. Đánh giá cuối kỳ** | |  |  |  |  |
| A2.1 | Bài thi tự luận  TT Đảm bảo chất lượng tổ chức thi và lưu hồ sơ | Đáp án | CLO1.1 | 100% | *50%* |
| **Công thức tính điểm tổng kết:**  **Điểm TKHP = A1.1 \*0,1+A1.2\*0,2+A1.3\*0,2+A2.1\*0,5** | | | | | | |

*- Ghi chú: Các bài đánh giá thiết kế sao cho đánh giá được từng CĐR.*

*- Ví dụ về công cụ đánh giá: Rubrics, đáp án, bảng điểm…*

***5.2. Các bộ tiêu chí đánh giá***

***Rubric 1: Đánh giá bài A1.2 và bài A1.3.***

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **CĐR** | **Tiêu chí đánh giá** | **Trọng số bài A1.1** | **Trọng số bài A1.3** | **Mức độ đánh giá** | | | | |
| **A** | **B** | **C** | **D** | **F** |
| **8.5 - 10** | **7.0 - 8.4** | **5.5 - 6.9** | **4,0 -5,4** | **< 4,0** |
| **CLO2.1.** Có đạo đức, trách nhiệm, thái độ hành xử chuyên nghiệp, tinh thần hợp tác trong hoạt động nghề nghiệp, sẵn sàng chấp nhận thử thách và rủi ro trong chăn nuôi | **Ý thức, trách nhiệm khi tham gia hoạt động nghề nghiệp** | 20 |  | Ý thức, trách nhiệm cao khi tham gia hoạt động nghề nghiệp | Ý thức, trách nhiệm khá cao khi tham gia hoạt động nghề nghiệp | Ý thức, trách nhiệm khi tham gia hoạt động nghề nghiệp | Ý thức, trách nhiệm khi tham gia hoạt động nghề nghiệp đang còn thấp | Ý thức, trách nhiệm thấp hoặc không có khi tham gia hoạt động nghề nghiệp |
| **Mức độ tham gia hoạt động học tập, nghề nghiệp** | 20 |  | Tham gia hoạt động học tập, nghề nghiệp với tần suất cao | Tham gia hoạt động học tập, nghề nghiệp tần suất khá cao | Tham gia hoạt động học tập, nghề nghiệp | Tham gia hoạt động học tập, nghề nghiệp tần suất thấp | Không tham gia hoạt động học tập, nghề nghiệp |
| **CLO2.2.** Thể hiện được kỹ năng nghề nghiệp về ứng dụng các kỹ thuật xét nghiệm chẩn đoán bệnh ở vật nuôi; tư vấn giải pháp chữa trị một số bệnh truyền nhiễm ở vật nuôi | **Chuẩn bị** |  | 20 | Có sự chuẩn bị tốt về bài thực hành | Có sự chuẩn bị khá tốt về bài thực hành | Có sự chuẩn bị về bài thực hành | Có sự chuẩn bị về bài thực hành sơ sài | Chưa có sự chuẩn bị về bài thực hành |
| **Thao tác thực hành, thí nghiệm** |  | 40 | Thực hiện chính xác thao tác thực hành, đúng quy trình thí nghiệm | Thực hiện đúng thao tác thực hành, đúng quy trình thí nghiệm | Thực hiện đúng thao tác thực hành, quy trình thí nghiệm đạt mức cơ bản | Thực hiện đúng thao tác thực hành, quy trình thí nghiệm đạt ở mức độ thấp | Không thực hiện đúng thao tác thực hành, quy trình thí nghiệm |
| **Kết quả thực hành, thí nghiệm** |  | 20 | Kết quả thực hành, thí nghiệm đúng, đạt tiêu chuẩn tốt, | Kết quả thực hành, TN đúng , đạt tiêu chuẩn khá tốt | Kết quả thực hành, TN đúng , đạt tiêu chuẩn | Kết quả thực hành, TN đúng , chưa đạt tiêu chuẩn, một số lỗi sai | Kết quả thực hành, TN sai |
| CLO3.1. Làm việc theo nhóm để đánh giá chất lượng các hoạt động nghiên cứu liên quan đến quản lý sức khỏe vật nuôi | **Tổ chức nhóm** | 10 | 5 | Tham gia đầy đủ, tích cực các cuộc hợp nhóm | Tham gia đầy đủ các hoạt động nhóm. | Tham gia còn thiếu một số ít hoạt động | Chỉ tham gia một số ít hoạt động | Không tham gia |
| Nhiệm vụ được phân công rõ ràng, đầy đủ cho các thành viên trong nhóm | Nhiệm vụ được phân công khá rõ ràng, đầy đủ cho các thành viên trong nhóm | Nhiệm vụ được phân công cho các thành viên trong nhóm đầy đủ | Nhiệm vụ được phân công cho các thành viên trong nhóm chưa đầy đủ | Chưa có sự phân công nhiệm vụ |
| **Hợp tác nhóm** | 30 | 10 | - Trao đổi, chia sẻ và chấp nhận các ý tưởng trong thực hiện nhiệm vụ với các thành viên ở mức độ cao | - Trao đổi và chấp nhận các ý tưởng trong thực hiện nhiệm vụ với các thành viên mức độ khá | Trao đổi, chia sẻ và chấp nhận các ý tưởng trong thực hiện nhiệm vụ với các thành viên ở mức độ cơ bản | Trao đổi và chấp nhận các ý tưởng trong thực hiện nhiệm vụ với các thành viên ở mức độ thấp | Không trao đổi, chia sẻ trong nhóm |
| **Thảo luận nhóm** | 20 | 5 | Đề xuất, sáng kiến để đạt được tốt mục tiêu, kết quả nhóm | Đề xuất, sáng kiến để đạt được khá tốt mục tiêu, kết quả nhóm | Đề xuất, sáng kiến để đạt được mục tiêu, kết quả nhóm ở mức cơ bản | Đề xuất, sáng kiến để đạt được mục tiêu, kết quả nhóm thấp | Chưa có các đề xuất, sáng kiến |

**6. Tài liệu học tập**

***6.1. Giáo trình:***

1. Phạm Hồng Sơn, Bùi Quang Anh. Giáo trình bệnh truyền nhiễm thú y. NXB Nông nghiệp, 2005

2. Nguyễn Xuân Hòa, Bùi Thị Hiền, Nguyễn Thị Bích Thủy, Giáo trình bệnh truyền nhiễm thú y. Nhà xuất bản Đại học Huế, 2016

3. Phan Văn Chinh. Bài giảng bệnh truyền nhiễm thú y. Trường ĐHNL Huế, 2006

**7. Kế hoạch dạy học**

***Lý thuyết:***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tuần, số tiết** | **Nội dung** | **Hình thức tổ chức dạy học** | **Yêu cầu SV chuẩn bị** | **CĐR học phần** | **Bài đánh giá** |
| **1(3)** | Bài mở đầu  1. Sơ lược lịch sử phát triển các học thuyết về bệnh truyền nhiễm  2. Các phương pháp nghiên cứu của môn học  3. Tổn thất do bệnh truyền nhiễm gây ra  Chương 1. Cơ chế phát bệnh truyền nhiễm  1.1. Cảm nhiễm và phát bệnh  1.1.1. Mầm bệnh  1.1.2. Cảm nhiễm | - Địa điểm: Phòng học theo Nhà Trường sắp xếp  - Thuyết trình  - Hướng dẫn nghiên cứu tìm kiếm tài tài liệu | - Đọc tài liệu 1  -Tìm kiếm tài liệu (website): về lịch sử phát triển về nghiên cứu bệnh truyền nhiễm trên vật nuôi ở Việt Nam | **CLO1.1** | A1.1  A2.1 |
| **2** | Chương 1 (tiếp)  1.1.3. Cảm nhiễm vi khuẩn và phát bệnh  1.1.4. Cảm nhiễm virut và phát bệnh  1.1.5. Cảm nhiễm nấm và phát bệnh  1.2. Sức đề kháng của cơ thể đối với bệnh  1.2.1. Cơ cấu miễn dịch không đặc hiệu  1.2.2. Cơ cấu miễn dịch đặc hiệu  1.2.3. Các nhân tố bên trong và bên ngoài ký chủ ảnh hưởng đến sức đề kháng | - Địa điểm: Phòng học theo Nhà Trường sắp xếp  - Thuyết trình | - Đọc tài liệu 1 so sánh phương thức cảm nhiễm và phát bệnh của virus, vi khuẩn và nấm | **CLO1.1** | A1.1  A2.1 |
| **3** | Chương 2. Dịch tễ học bệnh truyền nhiễm  2.1. Khái quát về các nguyên nhân gây bệnh  2.2. Nguồn bệnh  2.3. Ảnh hưởng của ngoại cảnh đến sự lan truyền vi sinh vật ngoài cơ thể  2.4. Đường truyền lây và hình thức truyền lây  2.5. Cơ chế và phương thức truyền bệnh  2.6. Các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình phát sinh dịch  2.7. Hình thức và biến động của phát sinh và lưu hành dịch  2.8. Ổ dịch và ổ dịch thiên nhiên | - Địa điểm: Phòng học theo Nhà Trường sắp xếp  - Thuyết trình | Đọc tài liệu 1. Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình phát sinh dịch | **CLO1.1** | A1.1  A2.1 |
| **4** | Chương 3. Phòng chống và điều trị bệnh truyền nhiễm  3.1. Phòng bệnh truyền nhiễm  3.2. Điều trị bệnh truyền nhiễm  3.2.1. Liệu pháp miễn dịch  3.2.2. Thuốc trị cảm nhiễm vi khuẩn | - Địa điểm: Phòng học theo Nhà Trường sắp xếp  - Thuyết trình | Đọc tài liệu 1.  Nắm được trình tự thăm khám bệnh cho vật nuôi, đề xuất một số phương án tổng hợp trong phòng trị bệnh | **CLO1.1**  **CLO2.1**  **CLO2.2**  **CLO3.1** | A1.1  A2.1 |
| **5** | CHƯƠNG 4. Bệnh truyền nhiễm ở loài nhai lại  4.1. Bệnh dịch tả trâu bò (Pestis bovium - Rinderpest) 4.2. Bệnh lở mồm long móng (Aphthae epizooticae – Foot and Mouth Disease) 4.3. Bệnh tụ huyết trùng trâu bò (Pasteurellosis Bovium)  4.4. Bệnh ung khí thán (Gangraena Emphysematosa - Blackleg) | - Địa điểm: Phòng học theo Nhà Trường sắp xếp  - Thuyết trình  - Xem các hình ảnh về một só triệu chứng điển hình của mỗi bệnh | Đọc tài liệu 1, 2, 3.  So sánh và nắm được triệu chứng điển hình của mỗi bệnh đã học | **CLO1.2, CLO2.2**  **CLO3.1** | A1.1  A2.1 |
| 6 | CHƯƠNG 5. Bệnh truyền nhiễm ở lợn  5.1. Bệnh dịch tả lợn (Pestis Suum, Hog Cholera, Classical Swine Fever)  5.2. Bệnh đóng dấu lợn (Erysipelas Suum)  5.3. Bệnh tụ huyết trùng lợn (Pasteurellosis Suum, Haemorrhagic Septicaemia in Swine)  5.4. Bệnh phó thương hàn lợn (Paratyphus Suum)  5.5. Bệnh suyễn lợn (Dịch viêm phổi địa phương ở lợn, Swine Enzootic Pneumonia – SEP)  5.6. Bệnh đậu lợn (Variola Suis) | - Địa điểm: Phòng học theo Nhà Trường sắp xếp  - Thuyết trình  - Xem các hình ảnh về một só triệu chứng điển hình của mỗi bệnh | Đọc tài liệu 1, tìm hiểu hiện trạng các bệnh truyền nhiễm nguy hiểm thường gặp trên lợn ở nước ta hiện nay. Những thiệt hại mà dịch bệnh gây ra như thế nào? Một số giải pháp của các nhà khoa học, doanh nghiệp và nhà nước trong việc giảm thiểu tổn thất về kinh tế khi dịch bệnh xảy ra | **CLO1.2**  **CLO2.2**  **CLO3.1** | A1.1  A2.1 |
| **7** | Chương 5 (tiếp)  5.7. Bệnh giả dại (Aujeszky’s disease)  5.8. Bệnh mụn nước ở lợn (Swine Vesicular Disease)  5.9. Bệnh viêm miệng mụn nước (Vesicular Stomatitis)  5.10. Bệnh ban nước của lợn (Vessicular Exanthema of Swine)  5.11. Bệnh liên cầu khuẩn lợn  5.12. Hội chứng rối loạn sinh sản và hô hấp ở lợn (PRRS) | - Địa điểm: Phòng học theo Nhà Trường sắp xếp  - Thuyết trình  - Xem các hình ảnh về một số triệu chứng điển hình của mỗi bệnh | Đọc tài liệu 1, 2  So sánh và nắm được triệu chứng điển hình của mỗi bệnh đã học | **CLO1.2**  **CLO2.2**  **CLO3.1** | A1.1  A2.1 |
| **8** | Chương 6. Bệnh truyền nhiễm ở gia cầm  6.1. Bệnh Niucatsơn (Newcastle Disease – ND)  6.2. Bệnh đậu gà (Variola Avium, avian pox)  6.3. Bệnh Marek (Neurencephalomyelitis enzootica gallinarum)  6.4. Bệnh Lympho - Leuko (Lymphoid-leucosis)  6.5. Bệnh Gumboro (IBD)  6.6. Bệnh viêm thanh khí quản truyền nhiễm (Infectious Laryngotracheitis – ILT)  6.7. Bệnh tụ huyết trùng gia cầm (Pasteurellosis Avium)  6.8. Bệnh thương hàn gà (Typhus Avium, Fowl typhoid) | - Địa điểm: Phòng học theo Nhà Trường sắp xếp  - Thuyết trình  - Xem các hình ảnh về một số triệu chứng điển hình của mỗi bệnh | **-** Đọc tài liệu 1, 2,.  - So sánh và nắm được triệu chứng điển hình của mỗi bệnh đã học  - Trong các bệnh truyền nhiễm ở gia cầm, hiện nay những bệnh nào xảy ra phổ biến và gây tác hại nghiêm trọng?  - Hiện chúng ta đã có những loại vacxin nào đê phòng cho các bệnh truyền nhiễm trên gia cầm | **CLO1.2**  **CLO2.1**  **CLO2.2** | A1.1  A2.1 |
| **9** | Chương 6. Bệnh truyền nhiễm ở gia cầm (tiếp)  6.9. Bệnh dịch tả vịt (Pestis Anatum)  6.10. Bệnh viêm gan do virut vịt (Hepatitis Anatum)  6.11. Bệnh viêm đường hô hấp mãn tính ở gà (CRD)  6.12. Bệnh cúm gia cầm (Avian Influenza)  Chương 7. Một số bệnh truyền nhiễm thường gặp ở động vật cảnh  7.1. Bệnh sài sốt chó (Bệnh ca rê)  7.2. Bệnh viêm gan truyền nhiễm của chó (infectious canine hepatitis)  7.3. Bệnh viêm ruột do Parvovirus ở chó BKD44  7.4. Bệnh viêm ruột truyền nhiễm ở mèo (Feline infectious enteritis, Feline distemper)  7.5. Bệnh bạch huyết ở mèo (Feline leukemia) | **-** Địa điểm: Nhà học theo Nhà Trường sắp xếp  - Thuyết trình  - Xem các hình ảnh về một số triệu chứng bệnh điển hình | **-** Đọc tài liệu 1, 2  So sánh và nắm được triệu chứng điển hình của mỗi bệnh đã học | **CLO1.2**  **CLO2.1**  **CLO2.2** | A1.1  A2.1 |
| **10** | Thảo luận chủ đề 1 | - Hướng dẫn thảo luận | **-**Chuẩn bị hồ sơ làm việc nhóm; Bài tập nhóm theo yêu cầu. | **CLO2.1**  **CLO2.2** | **A1.2** |

***Thực hành:***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tuần, số tiết** | **Nội dung** | **Hình thức tổ chức dạy học** | **Yêu cầu SV chuẩn bị** | **CĐR học phần** | **Bài đánh giá** |
| 1 (3) | Phương pháp mổ khám bệnh tích và lấy mẫu bệnh phẩm trên gia cầm | Hướng dẫn thực hiện mổ khám bệnh tích và lấy mẫu bệnh phẩm trên gia cầm | Giấy A4; Bút ghi chép, áo blu | CLO1.1, CLO1.2, CLO3.1 | A2.2 |
| 2(3) | Phương pháp mổ khám bệnh tích và lấy mẫu bệnh phẩm trên lợn | Hướng dẫn mổ khám bệnh tích và lấy mẫu bệnh phẩm trên lợn | Giấy A4; Bút ghi chép, áo blu, Máy để chụp ảnh | CLO1.1, CLO1.2, CLO3.1 | A2.2 |
| 3(3) | Thực tế trang trại (phát hiện các yếu tố nguy cơ và tổ chức vệ sinh tiêu độc, khử trùng chuồng trại và môi trường xung quanh) | Hướng dẫn Thực tế tại trang trại, phát hiện các yếu tố nguy cơ và tổ chức vệ sinh tiêu độc, khử trùng chuồng trại và môi trường xung quanh | Giấy A4; Bút ghi chép, áo blu, Máy để chụp ảnh | CLO2.1, CLO3.2 | A2.2 |
| 4(3) | Thực tế trang trại chăn nuôi gia cầm đang xảy ra dịch bệnh (Chẩn đoán bệnh và đưa ra phác đồ điều trị một bệnh truyền nhiễm) | Hướng dẫn chẩn đoán bệnh và đưa ra phác đồ điều trị một bệnh truyền nhiễm trên gia cầm | Giấy A4; Bút ghi chép, áo blu, Máy để chụp ảnh | CLO1.2, CLO2.1, CLO2.2, CLO3.2 | A2.2 |
| 5(3) | Thực tế trang trại chăn nuôi lợn đang xảy ra dịch bệnh (Chẩn đoán và đưa ra phác đồ điều trị một bệnh truyền nhiễm tại trang trại chăn nuôi lợn) | Hướng dẫn chẩn đoán bệnh và đưa ra phác đồ điều trị một bệnh truyền nhiễm trên lợn | Giấy A4; Bút ghi chép, áo blu, Máy để chụp ảnh | CLO1.2, CLO2.1, CLO2.2, CLO3.2 | A2.2 |

**8. Nhiệm vụ của người học**

***8.1. Phần tự học***

- Nghiên cứu tài liệu, xem các slide/video/website.

- Chủ động tìm các nguồn tài liệu khác liên quan đến nội dung học phần.

- Thảo luận, trao đổi những vấn đề liên quan đến học phần với bạn học/cựu sinh viên/cán bộ tại đơn vị trải nghiệm hoặc các nguồn lực hỗ trợ khác.

- Hoàn thành các bài tập được giao trên LMS.

***8.2. Phần học trên lớp trực tiếp hoặc online với giảng viên***

- Dự lớp ≥ 80% tổng thời lượng của học phần.

- Chủ động, tích cực trong giờ học.

- Phát hiện, đưa ra câu hỏi hoặc vấn đề liên quan đến nội dung học tập.

***8.3. Thực hành***

- Tham gia đầy đủ các bài thực hành

- Tôn trọng ý kiến và chịu trách nhiệm về kết quả làm việc chung.

- Hoàn thành đầy đủ nhiệm vụ và sản phẩm thực hành được giao.

**9. Ngày phê duyệt:**

**10. Cấp phê duyệt:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **KT. HIỆU TRƯỞNG**  **PHÓ HIỆU TRƯỞNG** | **VIỆN TRƯỞNG**  **TS. Nguyễn Đình Vinh** | **TRƯỞNG BỘ MÔN**  **TS. Lê Minh Hải** |

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH**  **VIỆN NÔNG NGHIỆP VÀ TÀI NGUYÊN** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

## **ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN CHI TIẾT**

## **Học phần: Chăn nuôi dê, thỏ**

**1. Thông tin tổng quát:**

***1.1. Thông tin về giảng viên***

***Giảng viên 1:* Hoàng Thị Mai**

Học hàm, học vị: Tiến sĩ

Địa chỉ liên hệ: 182 Lê Duẩn, TP Vinh, Nghệ An

Điện thoại, email: hoangmaidhv@gmail.com

Các hướng nghiên cứu chính: Kỹ thuật chăn nuôi; Bệnh ở vật nuôi

***Giảng viên 2: TS. Tạ Thị Bình***

Địa chỉ liên hệ: Bộ môn Nuôi trồng Thủy sản và Chăn nuôi – Viện Nông nghiệp và Tài Nguyên

Điện thoại, email: [tathibinhdhv@gmail.com](mailto:tathibinhdhv@gmail.com); ĐT: 0984.596.189

Các hướng nghiên cứu chính: Kỹ thuật sản xuất giống và nuôi thương phẩm các loài thuỷ sản

***1.2. Thông tin về học phần:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| - Tên học phần (tiếng Việt): **Chăn nuôi dê, thỏ**  (tiếng Anh): **Goat and rabit production** | | |
| - Mã số học phần: AHY31013 | | |
| - Thuộc CTĐT ngành: **Chăn nuôi** | | |
| - Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:  Kiến thức cơ bản  Kiến thức cơ sở ngành  Kiến thức ngành  x | Học phần chuyên về kỹ năng chung  Kiến thức khác | |
| - Thuộc loại học phần: Bắt buộc  x | Tự chọn | |
| - Số tín chỉ: 03 | |  |
| + Số tiết lý thuyết: 24 | |  |
| + Số tiết thảo luận/bài tập: 6 | |  |
| + Số tiết thực hành: 15 | |  |
| + Số tiết tự học: 90 | |  |
| - Điều kiện đăng ký học: | |  |
| + Học phần tiên quyết: | | Mã số HP: |
| + Học phần học trước: Chọn và nhân giống vật nuôi  Dinh dưỡng vật nuôi  Sinh lý động vật | | Mã số HP: AHY30009  Mã số HP: AHY30004  Mã số HP: AHY30003 |
| - Yêu cầu của học phần: Thực hiện theo Quy chế đào tạo của Trường Đại học Vinh. Cụ thể:  + Thời gian tối thiểu sinh viên phải có mặt trên lớp: 80%  + Sinh viên phải nộp đầy đủ bài tập, báo cáo… qua hệ thống LMS  + Tham gia đầy đủ các bài thực hành. | | |
| - Bộ môn phụ trách học phần: Thủy sản và Chăn nuôi  Điện thoại: Email: | | |

**2. Mô tả học phần:**

Chăn nuôi dê, thỏ là môn học chuyên ngành cung cấp những kiến thức về tổng quan tình hình chăn nuôi dê và thỏ trong nước và trên thế giới; Công tác giống dê và thỏ; Đặc điểm dinh dưỡng và thức ăn của dê và thỏ; Kỹ thuật chăn nuôi dê cái sinh sản, dê sữa, dê thịt; Kỹ thuật chăn nuôi thỏ sinh sản và thỏ thịt.

**3. Mục tiêu học phần**

Hoàn thành học phần này sinh viên vận dụng được quy trình kỹ thuật trong công tác giống, dinh dưỡng, thức ăn và chăm sóc từng đối tượng dê, thỏ. Sinh viên có khả năng lặp lại chính xác, nhịp nhàng và độc lập các kỹ thuật nuôi dưỡng, chăm sóc dê thỏ sinh sản, dê sữa, thịt, thỏ con và thỏ thịt. Sinh viên thành thạo các kỹ thuật phân loại giống và kỹ thuật phòng thí nghiệm về đánh giá năng suất và chất lượng sản phẩm chăn nuôi dê, thỏ. Có khả năng tổ chức, làm việc nhóm.

**4. Chuẩn đầu ra học phần, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá**

***4.1. Ánh xạ chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **CĐR học phần** | **Ánh xạ với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo** | | | |
| PLO1.3 | PLO2.3 | | PLO3.1 |
| 1.3.1 | 2.3.1 | 2.3.2 | 3.1.2 |
| CLO 1.1 | 1,0 |  |  |  |
| CLO 2.1 |  | 1,0 |  |  |
| CLO 2.2 |  |  | 1,0 |  |
| CLO 3.1 |  |  |  | 1,0 |

***4.2. Nội dung chuẩn đầu ra, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá học phần***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **CĐR học phần (CLO)** | **TĐNL CĐR**  **học phần** | **Mô tả CĐR học phần** | **Phương pháp dạy học** | **Phương pháp đánh giá** |
| CLO1.1 | K4 | Vận dụng được kiến thức về thức ăn chăn nuôi, chọn và nhân giống vật nuôi, chuồng trại, thiết bị và quản lý môi trường trong chăn nuôi dê thỏ; Vận dụng được kỹ thuật chăn nuôi các đối tượng dê thỏ trong thực tiễn. | Thuyết trình; hướng dẫn làm bài tập; tự học; tự học qua bài giảng E-learning trên LMS. | Thi TNKQ  Thi viết |
| CLO2.1 | S4 | Thực hiện thành thạo các kỹ thuật phân loại giống dê, thỏ; kỹ thuật phòng thí nghiệm về phối hợp khẩu phần thức ăn cho dê, thỏ, kỹ thuật đánh giá năng suất và chất lượng sản phẩm chăn nuôi dê, thỏ. | Hướng dẫn thực hành | Rubric |
| CLO2.2 | S4 | Thể hiện thành thạo kỹ thuật chăn nuôi các đối tượng dê thỏ. | Hướng dẫn, thực hành/tự học | Rubric |
| CLO3.1 | S4 | Có khả năng tổ chức, làm việc nhóm hiệu quả. | Hướng dẫn thực hành/tự học | Rubric |

*Ghi chú:*

*- Khi đối sánh với CĐR CTĐT, cần ghi rõ trình độ năng lực (TĐNL) phân nhiệm cho học phần bằng số tương ứng trong ngoặc đơn.*

*- TĐNL được ký hiệu bằng chữ số chẵn tương ứng: 1, 2, 3, 4, 5 (Phụ lục 1)*

*- Ví dụ về phương pháp dạy học: Thuyết trình, bài tập, thảo luận, làm việc nhóm, nghiên cứu tình huống, thực hành, đồ án/dự án, tự học/tự nghiên cứu…*

*- Ví dụ về phương pháp đánh giá:**Trắc nghiệm, tự luận, vấn đáp, thực hành, biểu diễn, bài tập lớn, phỏng vấn, quan sát, hồ sơ học tập, chấm đồ án/dự án…*

**5. Đánh giá học tập và các bộ tiêu chí đánh giá**

***5.1. Đánh giá học tập***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Bài đánh giá** | **Hình thức đánh giá,**  **minh chứng, lưu hồ sơ** | **Công cụ**  **đánh giá** | **CĐR học phần** | **Tỷ lệ**  **Cho bài đánh giá** | **Tỷ lệ cho học phần** |
| **A1. Đánh giá thường xuyên** | | | |  | **50%** |
| A1.1. Bài trắc nghiệm 1 | - Bài trắc nghiệm trên LMS, chấm điểm tự động | Đáp án | CLO 1.1 | 100% | 25% |
| A1.2. Thực hành | - Đánh giá kỹ năng thực hành tại PTN | Rubric | CLO 2.1 | 50% | 25% |
| CLO 2.2 | 30% |
| CLO 3.1 | 20% |
| **A3. Đánh giá cuối kỳ** | | | |  | **50%** |
| A2.1. Thi tự luận | - Thi viết; TT Đảm bảo chất lượng tổ chức thi và lưu hồ sơ | Đáp án | CLO 1.1 | 100% | 50% |
| **Công thức tính điểm tổng kết:**  **Điểm TKHP = A1.1x0,25 + A1.2x0,25 + A2.1x0,5** | | | | | |

***5.2. Các bộ tiêu chí đánh giá***

***Rubric cho bài đánh giá A1.2***

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **CĐR cấp 2** | **Tiêu chí đánh giá** | **Trọng số (%)** | **Mức độ đánh giá** | | | | |
| **A** | **B** | **C** | **D** | **F** |
| **8.5 - 10** | **7.0 - 8.4** | **5.5 - 6.9** | **4,0 -5,4** | **< 4,0** |
| CLO2.1.  Thực hiện thành thạo các kỹ thuật phòng thí nghiệm về đánh giá năng suất và chất lượng sản phẩm chăn nuôi dê, thỏ. | Chuẩn bị | 10 | Có sự chuẩn bị tốt về bài thực hành | Có sự chuẩn bị khá tốt về bài thực hành | Có sự chuẩn bị về bài thực hành | Có sự chuẩn bị về bài thực hành sơ sài | Chưa có sự chuẩn bị về bài thực hành |
| Thao tác thực hành, thí nghiệm | 30 | Thao tác thực hiện chính xác ở mức độ cao | Thao tác thực hiện chính xác ở mức độ khá | Thao tác thực hiện chính xác ở mức độ cơ bản | Thao tác thực hiện chính xác ở mức độ thấp | Không thực hiện được |
| Kết quả thực hành | 10 | Sản phẩm thực hành đạt tiêu chuẩn cao | Sản phẩm thực hành đạt tiêu chuẩn khá | Sản phẩm thực hành đạt tiêu chuẩn cơ bản | Sản phẩm thực hành đạt tiêu chuẩn khá thấp | Không có sản phẩm hoặc không đạt |
| CLO2.2  Thể hiện thành thạo kỹ thuật chăn nuôi các đối tượng dê thỏ. | Chuẩn bị kiến thức, đối tượng, cơ sở vật chất | 5 | Có sự chuẩn bị đầy đủ về kiến thức, đối tượng, cơ sở vật chất | Có sự chuẩn bị khá đầy đủ về kiến thức, đối tượng, cơ sở vật chất | Có sự chuẩn bị về kiến thức, đối tượng, cơ sở vật chất | Có sự chuẩn bị về kiến thức, đối tượng, cơ sở vật chất còn thiếu | Chưa có sự chuẩn bị về kiến thức hoặc đối tượng hoặc cơ sở vật chất |
| Kỹ thuật thao tác thực hành sản xuất | 20 | Thành thạo kỹ thuật thao tác thực hành sản xuất | Kỹ thuật thao tác thực hành sản xuất ở mức độ khá | Kỹ thuật thao tác thực hành sản xuất ở mức độ cơ bản | Kỹ thuật thao tác thực hành sản xuất ở mức độ thấp | Kỹ thuật thao tác thực hành sản xuất ở mức độ thấp |
| Đánh giá kết quả thực hành sản xuất | 5 | Đạt kết quả thực hành sản xuất cao | Đạt kết quả thực hành sản xuất khá cao | Có kết quả thực hành sản xuất | Có một số ít kết quả thực hành sản xuất | Chưa có kết quả thực hành sản xuất |
| CLO3.1  Có khả năng tổ chức, làm việc nhóm hiệu quả. | Tổ chức nhóm | 10 | Tham gia đầy đủ, tích cực các cuộc hợp nhóm | Tham gia đầy đủ các hoạt động nhóm. | Tham gia còn thiếu một số ít hoạt động | Chỉ tham gia một số ít hoạt động | Không tham gia |
| Nhiệm vụ được phân công rõ ràng, đầy đủ cho các thành viên trong nhóm | Nhiệm vụ được phân công khá rõ ràng, đầy đủ cho các thành viên trong nhóm | Nhiệm vụ được phân công cho các thành viên trong nhóm đầy đủ | Nhiệm vụ được phân công cho các thành viên trong nhóm chưa đầy đủ | Chưa có sự phân công nhiệm vụ |
| Hợp tác nhóm | 10 | Chủ động tạo ra sự tương tác tích cực thực hiện nhiệm vụ | Chủ động tạo ra sự tương tác khá tích cực thực hiện nhiệm vụ | Tương tác thực hiện nhiệm vụ ở mức cơ bản | Còn bị động, phụ thuộc trong sử dụng các phương thức làm việc nhóm | Thụ động trong việc tương tác với các thành viên |
| - Trao đổi, chia sẻ và chấp nhận các ý tưởng trong thực hiện nhiệm vụ với các thành viên ở mức độ cao | - Trao đổi và chấp nhận các ý tưởng trong thực hiện nhiệm vụ với các thành viên mức độ khá | Trao đổi, chia sẻ và chấp nhận các ý tưởng trong thực hiện nhiệm vụ với các thành viên ở mức độ cơ bản | Trao đổi và chấp nhận các ý tưởng trong thực hiện nhiệm vụ với các thành viên ở mức độ thấp | Không trao đổi, chia sẻ trong nhóm |
| - Chủ động kết nối, sử dụng các phương thức làm việc nhóm hiệu quả cao | - Chủ động kết nối, sử dụng các phương thức làm việc nhóm hiệu quả khá cao | Kết nối, sử dụng các phương thức làm việc nhóm hiệu quả cơ bản | Kết nối, sử dụng các phương thức làm việc nhóm hiệu quả thấp | Bị động trong kết nối, không hiệu quả |
| **Tổng** | | | | | | |  |

**6. Tài liệu học tập**

***6.1. Giáo trình:***

1.Hoàng Thị Mai, 2021. Bài giảng Chăn nuôi dê và thỏ, Trường Đại học Vinh.

2. Đinh Văn Bình, Nguyễn Xuân Trạch, Nguyễn Thị Tú, 2008. Giáo trình chăn nuôi dê và thỏ. Nhà xuất bản nông nghiệp - Hà Nội.

***6.2. Tài liệu tham khảo***

1. Nguyễn Xuân Trạch, Mai Thị Thơm, Lê Văn Ban, 2006. Giáo trình Chăn nuôi dê cừu. NXB Nông nghiệp.

2. Hội chăn nuôi Việt Nam, 2000. Cẩm nang chăn nuôi gia súc-gia cầm, Tập 3. Nhà xuất bản nông nghiệp - Hà Nội.

3. Đinh Văn Bình và Nguyễn Quang Sức, 2000. Kỹ thuật chăn nuôi dê. Nhà xuất bản nông nghiệp - Hà Nội.

4. Các sách, tạp chí khoa học, website và băng hình liên quan đến chăn nuôi dê cừu của các tác giả khác bằng tiếng Việt và tiếng Anh.

**7. Kế hoạch dạy học**

***Lý thuyết:***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tuần, số tiết** | **Nội dung** | **Hình thức tổ chức dạy học** | **Yêu cầu SV chuẩn bị** | **CĐR học phần** | **Bài đánh giá** |
| **1(3)** | **PHẦN 1: CHĂN NUÔI DÊ**  **Chương 1: Giống và công tác giống dê**  1.1. Nguồn gốc và đặc thù sinh học của dê  1.2. Giới thiệu một số giống dê phổ biến  1.3. Kỹ thuật chọn lọc và nhân giống dê  1.4. Kỹ thuật theo dõi quản lý đàn dê | - Địa điểm: Phòng học theo Nhà Trường sắp xếp  - Thuyết trình  - Hướng dẫn quan sát hình ảnh  - Hướng dẫn thực hành | - Đọc các phần liên quan ở các tài liệu.  - Xem hình ảnh, tìm hiểu thực tế trước về đặc điểm ngoại hình và tính năng sản xuất của một số giống dê đang được nuôi phổ biến ở Việt Nam. | **CLO1.1**  **CLO2.2** | A1.1  A1.2  A2.1 |
| **2** | **Chương 2: Dinh dưỡng và thức ăn của dê**  2.1. Sinh lý tiêu hoá của dê  2.2. Nhu cầu dinh dưỡng của dê  2.3. Thức ăn cho dê  2.4. Xây dựng khẩu phần ăn cho dê | - Địa điểm: Nhà học theo Nhà Trường sắp xếp  - Thuyết trình  - Hướng dẫn quan sát hình ảnh  - Hướng dẫn làm bài tập  - Hướng dẫn thực hành | - Đọc các phần liên quan ở các tài liệu.  - Xem hình ảnh, tìm hiểu thực tế trước, ôn lại các nội dung liên quan đã được học về cấu tạo bộ máy tiêu hóa của dê; nhu cầu dinh dưỡng và thức ăn cho dê. | **CLO1.1**  **CLO2.2** | A1.1  A1.2  A2.1 |
| **3** | **Chương 3: Kỹ thuật chăn nuôi các loại dê**  3.1. Chăn nuôi dê cái sinh sản  3.2. Chăn nuôi dê đực giống  3.3. Nuôi dưỡng và chăm sóc dê con | - Địa điểm: Nhà học theo Nhà Trường sắp xếp  - Thuyết trình  - Hướng dẫn quan sát hình ảnh.  - Hỏi đáp nhanh | - Đọc các phần liên quan ở các tài liệu. | **CLO1.1** | A1.1  A2.1 |
| **4** | **Chương 3: Kỹ thuật chăn nuôi các loại dê (tiếp)**  3.4. Chăn nuôi dê thịt  3.5. Chăn nuôi dê sữa  3.6. Một số kỹ thuật đặc biệt trong chăm sóc dê | - Địa điểm: Nhà học theo Nhà Trường sắp xếp  - Thuyết trình  - Hướng dẫn quan sát hình ảnh  - Hỏi đáp nhanh  - Nghiên cứu tình huống. | - Đọc các phần liên quan ở các tài liệu. | **CLO1.1** | A1.1  A2.1 |
| **5** | **PHẦN 2: CHĂN NUÔI THỎ**  **Chương 4: Giống và công tác giống thỏ**  4.1. Nguồn gốc và đặc điểm sinh học của thỏ  4.2. Giới thiệu một số giống thỏ phổ biến  4.3. Kỹ thuật chọn lọc và quản lý thỏ giống | - Địa điểm: Nhà học theo Nhà Trường sắp xếp  - Thuyết trình  - Hướng dẫn quan sát hình ảnh | - Đọc các phần liên quan ở các tài liệu. | **CLO1.1**  **CLO2.2** | A1.2  A2.1 |
| **6** | **Chương 5: Dinh dưỡng và thức ăn của thỏ**  5.1. Sinh lý tiêu hoá  5.2. Nhu cầu dinh dưỡng  5.3. Thức ăn cho thỏ  5.4. Xây dựng khẩu phần ăn | - Địa điểm: Nhà học theo Nhà Trường sắp xếp  - Thuyết trình  - Hướng dẫn quan sát hình ảnh  - Hướng dẫn làm bài tập | - Đọc các phần liên quan ở các tài liệu. | **CLO1.1**  **CLO2.2** | A1.2  A2.1 |
| **7** | **Chương 7: Chuồng trại nuôi thỏ**  7.1. Nguyên tắc xây dựng chuồng trại  7.2. Các loại dụng cụ trong chăn nuôi thỏ  7.3. Một số kiểu chuồng nuôi thỏ thông dụng  7.4. Vệ sinh chuồng nuôi | - Địa điểm: Nhà học theo Nhà Trường sắp xếp  - Thuyết trình  - Hướng dẫn quan sát hình ảnh | - Đọc các phần liên quan ở các tài liệu. | **CLO1.1** | A1.2  A2.1 |
| **8** | **Chương 8: Kỹ thuật chăn nuôi các loại thỏ**  8.1. Chăn nuôi thỏ cái sinh sản  8.2. Kỹ thuật chăn nuôi thỏ đực giống | - Địa điểm: Nhà học theo Nhà Trường sắp xếp  - Thuyết trình  - Hướng dẫn quan sát hình ảnh  - Hỏi đáp nhanh  - Nghiên cứu tình huống. | - Đọc các phần liên quan ở các tài liệu. | **CLO1.1** | A1.2  A2.1 |
| **9** | **Chương 8: Kỹ thuật chăn nuôi các loại thỏ (tiếp)**  8.3. Nuôi dưỡng và chăm sóc thỏ con  8.4. Cai sữa  8.5. Nuôi thỏ sau cai sữa  8.6. Nuôi thỏ hậu bị | - Địa điểm: Nhà học theo Nhà Trường sắp xếp  - Thuyết trình  - Hướng dẫn quan sát hình ảnh  - Hỏi đáp nhanh  - Nghiên cứu tình huống. | - Đọc các phần liên quan ở các tài liệu. | **CLO1.1** | A1.2  A2.1 |
| 10 | **Chương 8: Kỹ thuật chăn nuôi các loại thỏ (tiếp)**  8.4. Chăn nuôi thỏ thịt  8.5. Một số kỹ thuật đặc biệt trong chăm sóc thỏ | - Địa điểm: Nhà học theo Nhà Trường sắp xếp  - Thuyết trình  - Hướng dẫn quan sát hình ảnh  - Hỏi đáp nhanh  - Nghiên cứu tình huống. | - Đọc các phần liên quan ở các tài liệu. | **CLO1.1** | A1.2  A2.1 |

***Thực hành:***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tuần, số tiết** | **Nội dung** | **Hình thức tổ chức dạy học** | **Yêu cầu SV chuẩn bị** | **CĐR học phần** | **Bài đánh giá** |
| 1 (3) | Nhận biết, phân loại giống dê, thỏ | Hướng dẫn qua video, hình ảnh. | Bút ghi chép, áo blu | CLO2.2 | A1.2 |
| 2 (3) | Phương pháp phối hợp khẩu phần thức ăn cho dê, thỏ | Hướng dẫn làm bài tập và sử dụng các phần mềm để thiết lập công thức phối hợp khẩu phần ăn | Vở, bút ghi chép, áo blu, máy tính (nếu có) | CLO2.2 | A1.2 |
| 3 (3) | Đánh giá chất lượng sữa dê | Thuyết trình  Minh họa | Vở, bút ghi chép, áo blu. | CLO2.1 | A1.2 |
| 4 (3) | Phương pháp đánh giá năng suất thịt dê | Thuyết trình  Minh họa | Vở, bút ghi chép, áo blu, Máy để chụp ảnh | CLO2.1 | A1.2 |
| 5 (3) | Phương pháp đánh giá năng suất thịt thỏ | Thuyết trình  Minh họa | Vở, bút ghi chép, áo blu, Máy để chụp ảnh | CLO2.1 | A1.2 |

**8. Nhiệm vụ của người học**

***8.1. Phần tự học***

- Nghiên cứu tài liệu, xem các slide/video/website.

- Chủ động tìm các nguồn tài liệu khác liên quan đến nội dung học phần.

- Thảo luận, trao đổi những vấn đề liên quan đến học phần với bạn học/cựu sinh viên/cán bộ tại đơn vị trải nghiệm hoặc các nguồn lực hỗ trợ khác.

- Hoàn thành các bài tập được giao trên LMS.

***8.2. Phần học trên lớp trực tiếp hoặc online với giảng viên***

- Dự lớp ≥ 80% tổng thời lượng của học phần.

- Chủ động, tích cực trong giờ học.

- Phát hiện, đưa ra câu hỏi hoặc vấn đề liên quan đến nội dung học tập.

***8.3. Thực hành***

- Tham gia đầy đủ các bài thực hành

- Tôn trọng ý kiến và chịu trách nhiệm về kết quả làm việc chung.

- Hoàn thành đầy đủ nhiệm vụ và sản phẩm thực hành được giao.

**9. Ngày phê duyệt:**

**10. Cấp phê duyệt:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **KT. HIỆU TRƯỞNG**  **PHÓ HIỆU TRƯỞNG** | **VIỆN TRƯỞNG**  **TS. Nguyễn Đình Vinh** | **TRƯỞNG BỘ MÔN**  **TS. Lê Minh Hải** |

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH**  **VIỆN NÔNG NGHIỆP VÀ TÀI NGUYÊN** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

## **ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN CHI TIẾT**

## **Học phần: Chăn nuôi gia cầm**

**1. Thông tin tổng quát:**

***1.1. Thông tin về giảng viên***

1. ***Giảng viên 1:* Nguyễn Thị Thanh**

Học hàm, học vị: Giảng viên – Tiến sĩ

Địa chỉ liên hệ: Bộ môn Nuôi trồng Thủy sản và Chăn nuôi – Viện Nông nghiệp và Tài Nguyên

Điện thoại: 0984806773, Email: nguyenthithanhnln@gmail.com

Các hướng nghiên cứu chính:

* Quản lý môi trường, chất thải chăn nuôi
* Sinh lý động vật

***Giảng viên 2:*  Hoàng Thị Mai**

Học hàm, học vị: Giảng viên – Tiến sĩ

Địa chỉ liên hệ: Bộ môn Nuôi trồng Thủy sản và Chăn nuôi – Viện Nông nghiệp và Tài Nguyên

Điện thoại: 0977006137, Email: hoangmaidhv@gmail.com

Các hướng nghiên cứu chính:

- Chăn nuôi động vật

- Bệnh truyền nhiễm thú y

***1.2. Thông tin về học phần:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| - Tên học phần (tiếng Việt): **Chăn nuôi gia cầm**  (tiếng Anh): Poultry production | | |
| - Mã số học phần: AHY30014 | | |
| - Thuộc CTĐT ngành: **Chăn nuôi** | | |
| - Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:  Kiến thức cơ bản  Kiến thức cơ sở ngành  Xx  **Kiến thức ngành** | Học phần chuyên về kỹ năng chung  Kiến thức khác | |
| - Thuộc loại học phần: **Bắt buộc**  x | Tự chọn | |
| - Số tín chỉ: | |  |
| + Số tiết lý thuyết: 30 | |  |
| + Số tiết thảo luận/bài tập: | |  |
|  | |  |
| + Số tiết thực hành: 15 | |  |
| + Số tiết tự học: 90 | |  |
| - Điều kiện đăng ký học: | |  |
| + Học phần tiên quyết: Sinh lý động vật | | Mã số HP: AHY30003 |
| + Học phần học trước: Thức ăn chăn nuôi | | Mã số HP: AHY30008 |
| - Yêu cầu của học phần: Thực hiện theo Quy chế đào tạo của Trường Đại học Vinh. Cụ thể:  + Thời gian tối thiểu sinh viên phải có mặt trên lớp: 80%  + Sinh viên phải nộp đầy đủ bài tập, báo cáo… qua hệ thống LMS (Mục 5.1). + Tham gia đầy đủ các bài thực hành. | | |
| - Bộ môn phụ trách học phần: Thủy sản và Chăn nuôi  Điện thoại: Email: | | |

**2. Mô tả học phần**

Chăn nuôi gia cầm cung cấp cho sinh viên hiểu biết cơ bản về đặc điểm giải phẫu và sinh lý, công tác giống và sức sản xuất của gia cầm; các biện pháp kỹ thuật ấp trứng và nuôi dưỡng gia cầm. Đồng thời, môn học sẽ giúp người học có kỹ năng làm việc nhóm, hợp tác nhóm; Áp dụng kỹ thuật thao tác trong phòng thí nghiệm và thực địa trong chăn nuôi.

**3. Mục tiêu học phần**

**CO1.** Trình bày đặc điểm giải phẫu và sinh lý của gia cầm; Hiểu rõ về công tác giống và sức sản xuất của gia cầm; hiểu được quy trình kỹ thuật ấp trứng và nuôi dưỡng gia cầm.

**CO2**. Thể hiện kỹ năng kỹ năng lập luận, phân tích và giải quyết vấn đề, kỹ năng làm việc nhóm để thực hiện các yêu cầu môn học.

**CO3.** Thể hiện thái độ, đạo đức tốt trong học tập, chủ động xử lý các tình huống xảy ra trong chăn nuôi gia cầm hợp lý.

**4. Chuẩn đầu ra học phần, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá**

***4.1. Ánh xạ chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **CĐR học phần** | **Ánh xạ với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo** | | | | |
| **PLO1.3** | | **PLO2.3** | | **PLO3.1** |
| **1.3.1** | **1.3.2** | **2.3.1** | **2.3.2** | **3.1.2** |
| CLO 1.1 | 0,5 | 0,5 |  |  |  |
| CLO 2.1 |  |  | 0,5 |  |  |
| CLO 2.2 |  |  | 0,5 | 0,5 |  |
| CLO 2.3 |  |  |  | 0,5 |  |
| CLO 3.1 |  |  |  |  | 1,0 |

***4.2. Nội dung chuẩn đầu ra, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá học phần***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **CĐR học phần (CLO)** | **TĐNL CĐR**  **học phần** | **Mô tả CĐR học phần** | **Phương pháp dạy học** | **Phương pháp đánh giá** |
| CLO1.1 | K3 | Hiểu được hiện trạng chăn nuôi gia cầm trên thế giới và Việt Nam; Hiểu được các hệ thống sản xuất giống và các phương thức chăn nuôi; được đặc điểm giải phẫu và sinh lý của gia cầm; Nắm vững kiến thức về công tác giống và sức sản xuất của giai cầm; Hiểu được quy trình kỹ thuật ấp trứng và nuôi dưỡng gia cầm. | Thuyết trình, nghiên cứu tình huống | Trắc nghiệm |
| CLO2.1 | S4 | Có khả năng phân tích, lập luận, giải thích được cơ sở khoa học của các biện pháp kỹ thuật ấp trứng và nuôi dưỡng gia cầm; phân tích được các hệ thống chăn nuôi gia cầm tiên tiến hiện nay | Hướng dẫn, tự học | Thi viết |
| CLO2.2 | A4 | Có đạo đức, trách nhiệm nghề nghiệp khi thực hiện yêu cầu môn học: kỹ thuật chăm sóc, nuôi dưỡng các loại gia cầm, thủy cầm | Hướng dẫn, tự học | Rubric 2 |
| CLO2.3 | S4 | Có khả năng thực hiện được nội dung các bài thực hành về đánh giá khả năng sinh trưởng, sức sản xuất thịt, đánh giá chất lượng trứng gia cầm | Hướng dẫn | Rubric 3 |
| CLO3.1 | S4 | Có kỹ năng làm việc nhóm để tìm hiểu tài liệu và thực hiện yêu cầu môn học liên quan đến biện pháp kỹ thuật chăm sóc, nuôi dưỡng các loại gia cầm, thủy cầm | Hướng dẫn, tự học | Rubric 1 |

**5. Đánh giá học tập và các bộ tiêu chí đánh giá**

***5.1. Đánh giá học tập***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Bài đánh giá** | **Hình thức đánh giá,**  **minh chứng, lưu hồ sơ** | **Công cụ**  **đánh giá** | **CĐR học phần** | **Tỷ lệ**  **cho bài đánh giá** | **Tỷ lệ cho học phần** |
| **A1. Đánh giá quá trình** | | | |  | **50%** |
| A1.1. Bài trắc nghiệm | - Bài trắc nghiệm trên LMS, chấm điểm tự động | Đáp án | CLO 1.1 | 100% | 10% |
| A1.2. Giáo viên đánh giá bài tập nhóm | - Bài tập nhóm trên LMS, GV chấm điểm | Rubric 1 | CLO 2.1 | 40% | 15% |
| CLO 3.1 | 60% |
| A1.3. Nhóm tự đánh giá cho bài tập nhóm | Tự đánh giá của nhóm cho các thành viên | Rubric 2 | CLO 2.2 | 50% | 10% |
| CLO3.1 | 50% |
| A1.4. Thực hành | Kiểm tra kỹ năng thực hành tại PTN | Rubric 3 | CLO2.3 | 100% | 15% |
| **A2. Đánh giá cuối kỳ** | | | |  | **50%** |
| A2.1. Thi tự luận | - Thi viết; TT Đảm bảo chất lượng tổ chức thi và lưu hồ sơ | Đáp án | CLO 1.1 | 50% | 50% |
| CLO 2.1 | 50% |
| **Công thức tính điểm tổng kết:**  **Điểm TKHP = A1.1x0,1 + A1.2x0,15 + A1.3x0,1 + A1.4x0,15 + A2.1x0,5** | | | | | |

***5.2. Các bộ tiêu chí đánh giá***

***5.2.1. Rubric 1: Đánh giá bài A1.2***

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **CĐR** | **Nội dung đánh giá** | **Trọng số bài A1.2 (%)** | **Mức độ đánh giá** | | | | |  |
| **A** | **B** | **C** | **D** | **F** | **Điểm** |
| **8.5 - 10** | **7.0 - 8.4** | **5.5 - 6.9** | **4,0 -5,4** | **< 4,0** |
| **CLO2.1**  Có khả năng phân tích, lập luận, giải thích được cơ sở khoa học của các biện pháp kỹ thuật ấp trứng và nuôi dưỡng gia cầm; phân tích được các hệ thống chăn nuôi gia cầm tiên tiến hiện nay | Tìm hiểu, xác định vấn đề | 10 | Xác định rõ ràng vấn đề nghiên cứu | Xác định được vấn đề nghiên cứu | Cơ bản xác định được vấn đề nghiên cứu | xác định được vấn đề nghiên cứu chung chung | Không xác định được vấn đề nghiên cứu |  |
| Lập kế hoạch và giải pháp quyết vấn đề | 20 | Có khả năng tư duy để lập được kế hoạch và đưa ra các giải pháp quyết vấn đề ở mức tốt | Có khả năng tư duy để lập được kế hoạch và đưa ra giải pháp quyết vấn đề ở mức khá | Có khả năng tư duy để lập được kế hoạch và đưa ra giải pháp quyết vấn đề ở mức cơ bản | Có khả năng tư duy để lập được kế hoạch và đưa ra giải pháp quyết vấn đề ở mức thấp | Không có khả năng tư duy để lập được kế hoạch và giải pháp quyết vấn đề |  |
| Đánh giá kết quả đạt được | 10 | Đánh giá kết quả đạt được ở mức tốt | Đánh giá kết quả đạt được ở mức khá | Đánh giá kết quả đạt được ở mức cơ bản | Đánh giá kết quả đạt được ở mức thấp | Không đánh giá được kết quả đạt được |  |
| **CLO 3.1**  Có kỹ năng làm việc nhóm để tìm hiểu tài liệu và thực hiện yêu cầu môn học liên quan đến biện pháp kỹ thuật chăm sóc, nuôi dưỡng các loại gia cầm, thủy cầm |  | 60 | Có kỹ năng tốt thực hiện yêu cầu môn học liên quan đến biện pháp kỹ thuật chăm sóc, nuôi dưỡng các loại gia cầm, thủy cầm | Có kỹ năng thực hiện yêu cầu môn học liên quan đến biện pháp kỹ thuật chăm sóc, nuôi dưỡng các loại gia cầm, thủy cầm ở mức khá | Cơ bản có kỹ năng thực hiện yêu cầu môn học liên quan đến biện pháp kỹ thuật chăm sóc, nuôi dưỡng các loại gia cầm, thủy cầm | Kỹ năng thực hiện yêu cầu môn học ở mức độ thấp | Không có kỹ năng thực hiện yêu cầu môn học |  |
| **Tổng** | | | | | | | |  |

***5.2.2. Rubric 2: Đánh giá bài A1.3***

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **CĐR** | **Nội dung đánh giá** | **Trọng số bài A1.3 (%)** | **Mức độ đánh giá** | | | | | **Điểm** |
| **A** | **B** | **C** | **D** | **F** |  |
| **8.5 - 10** | **7.0 - 8.4** | **5.5 - 6.9** | **4,0 -5,4** | **< 4,0** |
| **PLO2.2.** Có đạo đức, trách nhiệm nghề nghiệp khi thực hiện yêu cầu môn học: kỹ thuật chăm sóc, nuôi dưỡng các loại gia cầm, thủy cầm | Ý thức, trách nhiệm khi tham gia hoạt động nghề nghiệp | 10 | Ý thức, trách nhiệm cao khi tham gia hoạt động nghề nghiệp | Ý thức, trách nhiệm khá cao khi tham gia hoạt động nghề nghiệp | Ý thức, trách nhiệm khi tham gia hoạt động nghề nghiệp | Ý thức, trách nhiệm khi tham gia hoạt động nghề nghiệp đang còn thấp | Ý thức, trách nhiệm thấp, không tham gia hoạt động nghề nghiệp |  |
| Mức độ tham gia hoạt động học tập, nghề nghiệp | 20 | Tham gia hoạt động học tập, nghề nghiệp với tần suất cao | Tham gia hoạt động học tập, nghề nghiệp tần suất khá cao | Tham gia hoạt động học tập, nghề nghiệp | Tham gia hoạt động học tập, nghề nghiệp tần suất thấp | Không tham gia hoạt động học tập, nghề nghiệp |  |
| Quản lý thời gian | 10 | Có khả năng quản lý thời gian tốt | Có khả năng quản lý thời gian khá tốt | Có khả năng quản lý thời gian | Quản lý thời gian chưa hợp | Chưa có khả năng quản lý thời gian |  |
| Quản lý nguồn lực | 10 | Có khả năng quản lý nguồn lực tốt | Có khả năng quản lý nguồn lực khá tốt | Có khả năng quản lý nguồn lực | Quản lý nguồn lực chưa hợp | Chưa có khả năng quản lý nguồn lực |  |
| **PLO3.1.** Có kỹ năng làm việc nhóm để tìm hiểu tài liệu và thực hiện yêu cầu môn học liên quan đến biện pháp kỹ thuật chăm sóc, nuôi dưỡng các loại gia cầm, thủy cầm | Tổ chức nhóm | 15 | Tham gia đầy đủ, tích cực các cuộc hợp nhóm | Tham gia đầy đủ các hoạt động nhóm. | Tham gia còn thiếu một số ít hoạt động | Chỉ tham gia một số ít hoạt động | Không tham gia |  |
| Nhiệm vụ được phân công rõ ràng, đầy đủ cho các thành viên trong nhóm | Nhiệm vụ được phân công khá rõ ràng, đầy đủ cho các thành viên trong nhóm | Nhiệm vụ được phân công cho các thành viên trong nhóm đầy đủ | Nhiệm vụ được phân công cho các thành viên trong nhóm chưa đầy đủ | Chưa có sự phân công nhiệm vụ |  |
| Hợp tác nhóm | 15 | Chủ động tạo ra sự tương tác tích cực thực hiện nhiệm vụ | Chủ động tạo ra sự tương tác khá tích cực thực hiện nhiệm vụ | Tương tác thực hiện nhiệm vụ ở mức cơ bản | Còn bị động, phụ thuộc trong sử dụng các phương thức làm việc nhóm | Thụ động trong việc tương tác với các thành viên |  |
| - Trao đổi, chia sẻ và chấp nhận các ý tưởng trong thực hiện nhiệm vụ với các thành viên ở mức độ cao | - Trao đổi và chấp nhận các ý tưởng trong thực hiện nhiệm vụ với các thành viên mức độ khá | Trao đổi, chia sẻ và chấp nhận các ý tưởng trong thực hiện nhiệm vụ với các thành viên ở mức độ cơ bản | Trao đổi và chấp nhận các ý tưởng trong thực hiện nhiệm vụ với các thành viên ở mức độ thấp | Không trao đổi, chia sẻ trong nhóm |  |
| - Chủ động kết nối, sử dụng các phương thức làm việc nhóm hiệu quả cao | - Chủ động kết nối, sử dụng các phương thức làm việc nhóm hiệu quả khá cao | Kết nối, sử dụng các phương thức làm việc nhóm hiệu quả cơ bản | Kết nối, sử dụng các phương thức làm việc nhóm hiệu quả thấp | Bị động trong kết nối, không hiệu quả |  |
| Thảo luận nhóm | 20 | Đề xuất, sáng kiến để đạt được tốt mục tiêu, kết quả nhóm | Đề xuất, sáng kiến để đạt được khá tốt mục tiêu, kết quả nhóm | Đề xuất, sáng kiến để đạt được mục tiêu, kết quả nhóm ở mức cơ bản | Đề xuất, sáng kiến để đạt được mục tiêu, kết quả nhóm thấp | Chưa có các đề xuất, sáng kiến |  |
| **Tổng** | | | | | | | |  |

***5.2.3. Rubric 3: Đánh giá bài A1.4***

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **CĐR cấp 2** | **Nội dung đánh giá** | **Trọng số (%)** | **Mức độ đánh giá** | | | | | **Điểm** |
| **A** | **B** | **C** | **D** | **F** |  |
| **8.5 - 10** | **7.0 - 8.4** | **5.5 - 6.9** | **4,0 -5,4** | **< 4,0** |
| **PLO2.3.** Thể hiện được kỹ năng nghề nghiệp về thực hành phòng thí nghiệm: đánh giá khả năng sinh trưởng, sức sản xuất thịt, đánh giá chất lượng trứng gia cầm | Chuẩn bị | 20 | Có sự chuẩn bị tốt về bài thực hành | Có sự chuẩn bị khá tốt về bài thực hành | Có sự chuẩn bị về bài thực hành | Có sự chuẩn bị về bài thực hành sơ sài | Chưa có sự chuẩn bị về bài thực hành |  |
| Kỹ thuật thao tác thực hành, thí nghiệm | 50 | Thành thạo kỹ thuật thao tác thực hành thí nghiệm | Kỹ thuật thao tác thực hành thí nghiệm ở mức độ khá | Kỹ thuật thao tác thực hành thí nghiệm ở mức độ cơ bản | Kỹ thuật thao tác thực hành thí nghiệm ở mức độ thấp | Không thực hiện được thao tác thực hành thí nghiệm |  |
| Đánh giá kết quả thực hành, thí nghiệm | 30 | Đạt kết quả thực hành thí nghiệm tốt | Đạt kết quả thực hành thí nghiệm ở mức khá | Có kết quả thực hành thí nghiệm | Có một số ít kết quả thực hành thí nghiệm | Chưa có kết quả thực hành thí nghiệm |  |

**6. Tài liệu học tập**

**6.1. Tài liệu bắt buộc:**

[1] Bùi Xuân Mến (Chủ biên), Giáo trình Chăn nuôi gia cầm, NXB Đại học Cần Thơ, 2014.

[2] Nguyễn Kim Đường, Hoàng Thị Mai, Kỹ thuật Chăn nuôi gia cầm, NXB Đại học Vinh, 2016

**6.2 Tài liệu tham khảo:**

[3] Dương Thanh Liêm, Thức ăn và dinh dưỡng gia cầm*,* NXB Nông nghiệp, 2008

**7. Kế hoạch dạy học**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tuần/**  **Buổi**  **học [1]** | **Nội dung**  **[2]** | **Hình thức tổ chức dạy và học [3]** | **Chuẩn bị của sinh viên [4]** | **CĐR học phần [5]** | **Bài đánh giá**  **[6]** |
| 1 | **Chương 1.** Thành tựu và xu hướng phát triển chăn nuôi gia cầm 1.1. Vai trò và ý nghĩa của Chăn nuôi gia cầm  1.2. Thực trạng chăn nuôi gia cầm trên thế giới và Việt Nam  1.3. Các phương thức chăn nuôi gia cầm | *Giảng viên:*  - Thuyết trình: vai trò, ý nghĩa của ngành chăn nuôi gia cầm, các phương thức chăn nuôi gia cầm.  - Đưa chủ đề thảo luận: thực trạng của ngành chăn nuôi gia cầm tại địa phương  *SV:* Nghe giảng, trả lời câu hỏi | - Vở ghi chép  - Tài liệu tham khảo  - Tìm hiểu tài liệu để trả lời câu hỏi thảo luận của GV | CLO1.1 | A1.1 |
| 2 | **Chương 2. Đặc điểm giải phẫu và sinh lý gia cầm**  2.1. Đặc điểm ngoại hình bên ngoài  2.2. Đặc trưng bên trong | *Giảng viên:*  - Thuyết trình về các đặc điểm ngoại hình, các đặc trưng bên trong cơ thể gia cầm  - Đặt câu hỏi có liên quan đến nội dung bài học  SV: Nghe giảng, trả lời câu hỏi | - Vở ghi chép  - Tài liệu tham khảo  - Tìm hiểu tài liệu để trả lời câu hỏi ôn tập | CLO1.1 | A1.1 |
| 3 | **Chương 3. Công tác giống gia cầm**  3.1. Các giống gà hướng trứng  3.2. Các giống gà hướng thịt  3.3. Các giống gà kiêm dung  3.4. Các giống gà nội  3.5. Các giống vịt  3.6. Các giống ngan  3.7. Các giống ngỗng | ***Giảng viên:***  - Thuyết trình về nguồn gốc, trữ lượng, thành phần chất thải rắn  - Đặt câu hỏi: nêu đặc điểm của một số giống gia cầm được nuôi tại địa phương  **Sinh viên:**  - Nghe giảng, xây dựng bài  - Trả lời câu hỏi của GV | - Vở ghi chép  - Tài liệu học tập  - Tìm hiểu về các giống gia cầm được nuôi tại địa phương | CLO1.1 | A1.1 |
| 4 | **Chương 4. Sức sản xuất của gia cầm**  4.1. Sức sản xuất trứng | ***Giảng viên:***  ***-*** Thuyết trình: đặc điểm sức sản xuất trứng ở gia cầm; các nhân tố ảnh hưởng đến sức sản xuất trứng.  - Đặt câu hỏi: Nêu các giải pháp khắc phục nhằm nâng cao năng suất trứng gia cầm  ***Sinh viên:***  - Nghe giảng, xây dựng bài  - Trả lời câu hỏi của GV | - Vở ghi chép  - Tài liệu tham khảo  - Tìm hiểu thông tin tài liệu để trả lời câu hỏi của GV | CLO1.1 | A1.1 |
| 5 | **Chương 4.** (tiếp theo)  4.2. Sức sản xuất thịt | ***Giảng viên:***  - Thuyết trình: Đặc điểm thịt gia cầm, các chỉ tiêu đánh giá sức sản xuất thịt.  - Đặt câu hỏi có liên quan đến nội dung bài học  ***Sinh viên:***  - Nghe giảng, xây dựng bài  - Thảo luận thông tin liên quan đến bài học | - Vở ghi chép  - Tài liệu học tập  - Tìm hiểu tài liệu để trả lời câu hỏi của GV | CLO1.1  CLO2.1 | A1.1  A2.1 |
| 6 | **Chương 5.** Ấp trứng gia cầm   * 1. Sự phát triển phôi   5.2. Các phương pháp ấp trứng | ***Giảng viên:***  - Thuyết trình: đặc điểm quá trình phát triển phôi, các phương pháp và kỹ thuật ấp trứng gia cầm.  - Đặt câu hỏi: Phân tích ưu và nhược điểm của từng phương pháp ấp?  ***Sinh viên:***  - Nghe giảng  - Trả lời câu hỏi | - Vở ghi chép  - Tài liệu học tập  - Tìm hiểu tài liệu để trả lời câu hỏi của GV | CLO2.1  CLO3.1 | A1.4 |
| 7 | **Chương 6.** Dinh dưỡng và thức ăn gia cầm  6.1. Nhu cầu dinh dưỡng  6.2. Nguồn thức ăn | ***Giảng viên:***  ***-*** Thuyết trình: nhu cầu dinh dưỡng và năng lượng, các nguồn thức ăn chính của gia cầm  **-** Đặt câu hỏi: Nên phối trộn khẩu phần ăn như thế nào để đảm bảo nhu cầu dinh dưỡng và năng lượng cho gia cầm  ***Sinh viên:***  - Nghe giảng, trả lời câu hỏi của GV | - Vở ghi chép  - Tài liệu học tập  - Tìm hiểu tài liệu để trả lời câu hỏi của GV | CLO1.1  CLO2.1 | A2.1 |
| 8 | **Chương 7.** Kỹ thuật chăn nuôi gà  7.1. Các hình thức chăn nuôi  7.2. Kỹ thuật nuôi dưỡng gà | ***Giảng viên:***  - Thuyết trình: các hình thức chăn nuôi, các biện pháp thuật chăn nuôi gà ở các giai đoạn.  - SV tự học: Kỹ thuật chăn nuôi gà theo phương thức chăn thả  ***Sinh viên:***  - Nghe giảng, xây dựng bài  - Tự học theo yêu cầu của GV | - Vở ghi chép  - Tài liệu học tập  - Tìm hiểu thông tin có liên quan đến bài học.  - Tự học, tự nghiên cứu theo yêu cầu của GV | CLO1.1  CLO2.1 | A2.1 |
| 9 | **Chương 8.** Kỹ thuật chăn nuôi thủy cầm  8.1. Kỹ thuật chăn nuôi vịt  8.2. Kỹ thuật nuôi ngan | ***Giảng viên:***  - Thuyết trình: kỹ thuật chăn nuôi vịt ở các giai đoạn phát triển.  - SV tự học: Kỹ thuật nuôi ngỗng, kỹ thuật nuôi chim bồ câu  S***inh viên:***  - Nghe giảng, xây dựng bài  - Tự học theo yêu cầu của GV | - Vở ghi chép  - Tài liệu học tập  - Tự học theo yêu cầu của GV | CLO2.1  CLO2.2  CLO3.1 | A1.2  A1.3 |
| 10 | **Chương 9.** Kỹ thuật chăn nuôi một số loại gia cầm khác  9.1. Kỹ thuật nuôi chim cút  9.2. Kỹ thuật nuôi chim bồ câu  9.3. Kỹ thuật nuôi đà điểu | ***Giảng viên:***  - Thuyết trình: kỹ thuật nuôi chim cút, chim bồ câu.  - SV tự học: Kỹ thuật nuôi đà điểu  S***inh viên:***  - Nghe giảng, xây dựng bài  - Tự học theo yêu cầu của GV | - Vở ghi chép  - Tài liệu học tập  - Tự học theo yêu cầu của GV | CLO2.1  CLO2.2  CLO3.1 | A1.2  A1.3 |

***Thực hành:***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tuần, số tiết** | **Nội dung** | **Hình thức tổ chức dạy học** | **Yêu cầu SV chuẩn bị** | **CĐR học phần** | **Bài đánh giá** |
| 1 (3) | Quan sát đặc điểm hình dạng và xác định các chỉ tiêu tăng trưởng của gia cầm | Trình bày yêu cầu, nội dung bài học; Hướng dẫn quan sát đặc điểm hình dạng và xác định các chỉ tiêu tăng trưởng của gia cầm | Giấy A4; Bút viết, găng tay, khẩu trang, dụng cụ học tập, thực hành | CLO2.3 | A1.4 |
| 2(3) | Khảo sát đánh giá chất lượng trứng | Hướng dẫn chuẩn bị dụng cụ, nguyên vật liệu, hướng dẫn các nội dung khảo sát đánh giá chất lượng trứng | Vở ghi chép, Dụng cụ bảo hộ, nguyên vật liệu, mẫu vật (trứng gia cầm sống) | CLO2.3 | A1.4 |
| 3(3) | Mổ khảo sát đánh giá năng suất thịt gia cầm | Hướng dẫn chuẩn bị dụng cụ, nguyên vật liệu, hướng dẫn mổ khảo sát đánh giá năng suất thịt gia cầm | Giấy A4; Bút viết, găng tay y tế, đồ bảo hộ, dụng cụ giải phẫu, mẫu vật | CLO2.3 | A1.4 |
| 4(3) | Nhận biết đặc điểm một số giống gia cầm phổ biến | Nêu yêu cầu, nội dung bài học, trình chiếu slide về một số giống gia cầm phổ biến | Bút, vở ghi chép, khẩu trang. | CLO2.3 | A1.4 |
| 5(3) | Thăm quan cơ sở sản xuất giống/chăn nuôi gia cầm | Nêu yêu cầu và nội dung bài thực tế, Đưa SV đi thực tế theo kế hoạch của Bộ môn | Bút, vở ghi chép, dụng cụ bảo hộ, khẩu trang. | CLO2.3 | A1.4 |

**8. Nhiệm vụ của người học**

***8.1. Phần tự học***

- Nghiên cứu tài liệu, xem các slide/video/website.

- Chủ động tìm các nguồn tài liệu khác liên quan đến nội dung học phần.

- Thảo luận, trao đổi những vấn đề liên quan đến học phần với bạn học/cựu sinh viên/cán bộ tại đơn vị trải nghiệm hoặc các nguồn lực hỗ trợ khác.

- Hoàn thành các bài tập được giao trên LMS.

***8.2. Phần học trên lớp trực tiếp hoặc online với giảng viên***

- Dự lớp ≥ 80% tổng thời lượng của học phần.

- Chủ động, tích cực trong giờ học.

- Phát hiện, đưa ra câu hỏi hoặc vấn đề liên quan đến nội dung học tập.

***8.3. Thực hành***

- Tham gia đầy đủ các bài thực hành

- Tôn trọng ý kiến và chịu trách nhiệm về kết quả làm việc chung.

- Hoàn thành đầy đủ nhiệm vụ và sản phẩm thực hành được giao.

**9. Ngày phê duyệt:**

**10. Cấp phê duyệt:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **KT. HIỆU TRƯỞNG**  **PHÓ HIỆU TRƯỞNG** | **VIỆN TRƯỞNG**  **TS. Nguyễn Đình Vinh** | **TRƯỞNG BỘ MÔN**  **TS. Lê Minh Hải** |

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH**  **VIỆN NÔNG NGHIỆP VÀ TÀI NGUYÊN** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

## **ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN CHI TIẾT**

## **Học phần: Chăn nuôi Trâu bò**

**1. Thông tin tổng quát:**

***1.1. Thông tin về giảng viên***

***Giảng viên 1:* Hoàng Thị Mai**

Học hàm, học vị: Tiến sĩ

Địa chỉ liên hệ: 182 Lê Duẩn, TP Vinh, Nghệ An

Điện thoại, email: hoangmaidhv@gmail.com

Các hướng nghiên cứu chính: Kỹ thuật chăn nuôi; Bệnh ở vật nuôi

***Giảng viên 2: TS. Tạ Thị Bình***

Địa chỉ liên hệ: Bộ môn Nuôi trồng Thủy sản và Chăn nuôi – Viện Nông nghiệp và Tài Nguyên

Điện thoại, email: [tathibinhdhv@gmail.com](mailto:tathibinhdhv@gmail.com); ĐT: 0984.596.189

Các hướng nghiên cứu chính: Kỹ thuật sản xuất giống và nuôi thương phẩm các loài thuỷ sản

***1.2. Thông tin về học phần:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| - Tên học phần (tiếng Việt): **Chăn nuôi Trâu bò**  (tiếng Anh): CATTLE AND BUFFALO PRODUCTION | | |
| - Mã số học phần: AHY31013 | | |
| - Thuộc CTĐT ngành: **Chăn nuôi** | | |
| - Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:  Kiến thức cơ bản  Kiến thức cơ sở ngành  Kiến thức ngành  x | Học phần chuyên về kỹ năng chung  Kiến thức khác | |
| - Thuộc loại học phần: Bắt buộc  x | Tự chọn | |
| - Số tín chỉ: 04 | |  |
| + Số tiết lý thuyết: 24 | |  |
| + Số tiết thảo luận/bài tập: 6 | |  |
| + Số tiết đồ án: 30 | |  |
| + Số tiết tự học: 120 | |  |
| - Điều kiện đăng ký học: | |  |
| + Học phần tiên quyết: | | Mã số HP: |
| + Học phần học trước: Chọn và nhân giống vật nuôi  Dinh dưỡng vật nuôi  Sinh lý động vật | | Mã số HP: AHY30009  Mã số HP: AHY30004  Mã số HP: AHY30003 |
| - Yêu cầu của học phần: Thực hiện theo Quy chế đào tạo của Trường Đại học Vinh. Cụ thể:  + Thời gian tối thiểu sinh viên phải có mặt trên lớp: 80% thời gian học trực tiếp  + Sinh viên phải nộp đầy đủ bài tập, báo cáo… qua hệ thống LMS. | | |
| - Bộ môn phụ trách học phần: Thủy sản và Chăn nuôi  Điện thoại: Email: | | |

**2. Mô tả học phần:**

Chăn nuôi trâu bò là môn học chuyên ngành cung cấp những kiến thức về cơ thể và sinh lý học trâu bò; giống và công tác giống, dinh dưỡng và thức ăn cho trâu bò; qui trình kỹ thuật chăn nuôi các loại trâu bò và công tác tổ chức sản xuất của ngành chăn nuôi trâu bò.

**3. Mục tiêu học phần**

Hoàn thành học phần này sinh viên phân tích được tình hình chăn nuôi trâu bò trong thời gian qua và định hướng phát triển của ngành trong thời gian tới; Vận dụng được quy trình kỹ thuật trong công tác giống, dinh dưỡng, thức ăn và chăm sóc nuôi dưỡng từng đối tượng trâu bò; Hình thành ý tưởng và thiết lập được kế hoạch sản xuất chăn nuôi các loại trâu bò nhằm đảm bảo hiệu quả chăn nuôi cao và bền vững; Thiết kế, triển khai và vận hành được một quy trình chăn nuôi trâu bò. Biết quản lý thời gian và nguồn lực để thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ; Thông qua làm việc nhóm sinh viên rèn luyện kỹ năng hợp tác, giao tiếp bằng văn bản và đa phương tiện, đồng thời rèn luyện kỹ năng thuyết trình, đàm phán, thỏa hiệp và giải quyết xung đột; Có đạo đức, trách nhiệm, thái độ hành xử chuyên nghiệp, tinh thần hợp tác trong hoạt động nghề nghiệp, sẵn sàng chấp nhận thử thách và rủi ro trong sản xuất, kinh doanh.

**4. Chuẩn đầu ra học phần, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá**

***4.1. Ánh xạ chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo***

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **CĐR học phần** | **Ánh xạ với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo** | | | | | | | | | | | |
| **PLO**  **1.3** | **PLO**  **2.1** | **PLO**  **2.2** | | | **PLO**  **2.3** | **PLO**  **3.1** | **PLO**  **3.2** | **PLO**  **4.1** | **PLO**  **4.2** | |
| **1.3.1** | **2.1.1** | **2.2.1** | **2.2.2** | **2.2.3** | **2.3.2** | **3.1.2** | **3.2.2** | **4.1.1** | **4.2.1** | **4.2.2** |
| CLO1.1 | 1,0 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO2.1 |  | 1,0 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO2.2 |  |  | 1,0 |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO2.3 |  |  |  | 1,0 |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO2.4 |  |  |  |  | 1,0 |  |  |  |  |  |  |
| CLO2.5 |  |  |  |  |  | 1,0 |  |  |  |  |  |
| CLO3.1 |  |  |  |  |  |  | 1,0 |  |  |  |  |
| CLO3.2 |  |  |  |  |  |  |  | 1,0 |  |  |  |
| CLO4.1 |  |  |  |  |  |  |  |  | 1,0 |  |  |
| CLO4.2 |  |  |  |  |  |  |  |  |  | 1,0 |  |
| CLO4.3 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | 1,0 |

***4.2. Nội dung chuẩn đầu ra, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá học phần***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **CĐR học phần (CLO)** | **TĐNL CĐR**  **học phần** | **Mô tả CĐR học phần** | **Phương pháp dạy học** | **Phương pháp đánh giá** |
| CLO1.1 | K4 | Vận dụng được kiến thức về thức ăn chăn nuôi, chọn và nhân giống vật nuôi, công nghệ sinh sản vật nuôi, chuồng trại, thiết bị và quản lý môi trường trong chăn nuôi trâu bò; và kỹ thuật chăn nuôi các đối tượng trâu bò khác nhau. | Thuyết trình; hướng dẫn làm bài tập; tự học; tự học qua bài giảng E-learning trên LMS; dự án | Trả lời câu hỏi trắc nghiệm;  Chấm đồ án |
| CLO2.1 | S3 | Thể hiện khả năng tư duy và giải quyết vấn đề. | Dự án | Chấm đồ án |
| CLO2.2 | A3 | Có tính chủ động, trách nhiệm, tinh thần hợp tác trong hoạt động nghề nghiệp. | Dự án | Chấm đồ án |
| CLO2.3 | A3 | Biết quản lý thời gian và nguồn lực để thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ | Dự án | Chấm đồ án |
| CLO2.4 | A3 | Lập kế hoạch học tập phù hợp để tích lũy kiến thức và định hướng phát triển nghề nghiệp | Thuyết trình, Tự học, Dự án | Trả lời câu hỏi trắc nghiệm.  Chấm đồ án |
| CLO2.5 | S3 | Thể hiện thành thạo kỹ thuật sinh sản và chăn nuôi các đối tượng trâu bò | Dự án | Chấm đồ án |
| CLO3.1 | S4 | Có khả năng tổ chức, hoạt động, làm việc theo nhóm. | Bài tập nhóm; | Chấm bài tập nhóm |
| CLO3.2 | S3 | Vận dụng linh hoạt, thành thạo các hình thức giao tiếp khác nhau (thuyết trình, văn bản, điện tử/đa truyền thông). | Bài tập nhóm;  Dự án | Chấm bài tập nhóm  Chấm đồ án |
| CLO4.1 | C3 | Phân tích được tình hình, chiến lược và mục tiêu phát triển của ngành chăn nuôi trâu bò trong bối cảnh của xã hội và doanh nghiệp | Bài tập nhóm; | Chấm bài tập nhóm |
| CLO4.2 | C3 | Hình thành ý tưởng, lập kế hoạch hoạt động cho một mô hình chăn nuôi trâu bò ở mức đơn giản | Dự án | Chấm đồ án |
| CLO4.3 | C4 | Thiết kế, triển khai được 1 quy trình chăn nuôi trâu bò. | Dự án | Chấm đồ án |

**5. Đánh giá học tập và các bộ tiêu chí đánh giá**

***5.1. Đánh giá học tập***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Bài đánh giá** | **Hình thức đánh giá,**  **minh chứng, lưu hồ sơ** | **Công cụ**  **đánh giá** | **CĐR học phần** | **Tỷ lệ**  **Cho bài đánh giá** | **Tỷ lệ cho học phần** |
| **A1. Đánh giá thường xuyên** | | | |  | **50%** |
| A1.1. Bài tập trắc nghiệm số 1 | - Bài tập trắc nghiệm trên LMS, chấm điểm tự động | Đáp án | CLO 1.1 | 100% | 10% |
| A1.2. Bài tập trắc nghiệm số 2 | - Bài tập trắc nghiệm trên LMS, chấm điểm tự động | Đáp án | CLO 1.1 | 100% | 10% |
| A1.3. Giáo viên đánh giá bài tập nhóm | - Bài tập nhóm trên LMS, GV chấm điểm thông qua báo cáo | Rubric 3 | CLO4.1 | 100% | 10% |
| A1.4. Nhóm tự đánh giá cho bài tập nhóm | Tự đánh giá của nhóm cho các thành viên | Rubric 2 | CLO 2.2 | 50% | 10% |
| CLO 3.1 | 50% |
| A1.5. Đánh giá tiến độ đồ án | Đánh giá tiến độ đồ án/dự án | Rubric 1 | CLO 2.1 | 10% | 10% |
| CLO 2.3 | 20% |
| CLO 4.2 | 30% |
| CLO 4.3 | 40% |
| **A2. Đánh giá cuối kỳ** | | | |  | **50%** |
| A2.1. Hội đồng đánh giá kết thúc đồ án | Đánh giá chung của hội đồng đánh giá đồ án/dự án | - Rubric 1 | CLO 1.1 | 20% | 30% |
| CLO 2.1 | 10 % |
| CLO 2.3 | 5% |
| CLO 2.4 | 5% |
| CLO 2.5 | 5% |
| CLO 3.2 | 10% |
| CLO 4.2 | 15% |
| CLO 4.3 | 30% |
| A2.2. Nhóm tự đánh giá đồ án | Nhóm tự đánh giá sự đóng góp của các thành viên cho đồ án | Rubric 2 | CLO 2.2 | 50% | 20% |
| CLO 3.1 | 50% |
| **Công thức tính điểm tổng kết:**  **Điểm TKHP = A1.1x0,1 + A1.2x0,1 + A1.3x0,1 + A1.4x0,1 + A1.5x0,1+ A2.1x0,3 + A2.2x0,2** | | | | | |

***5.2. Các bộ tiêu chí đánh giá***

*5.2.1. Rubric 1 cho bài đánh giá A1.5 và A2.1*

**Rubric 1: Phiếu đánh giá về kỹ năng giải quyết vấn đề, giao tiếp, tìm hiểu bối cảnh xã hội – nghề nghiệp và năng lực CDIO**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| CĐR học phần | Tiêu chí đánh giá | Trọng số bài A1.5 | Trọng số bài A2.1 | **A** | **B** | **C** | **D** | **F** |
|  |  |  |  | **8.5 - 10** | **7.0 - 8.4** | **5.5 - 6.9** | **4,0 -5,4** | **< 4,0** |
| CLO1.1  Vận dụng được kiến thức về thức ăn chăn nuôi, chọn và nhân giống vật nuôi, công nghệ sinh sản vật nuôi, chuồng trại, thiết bị và quản lý môi trường trong chăn nuôi trâu bò; và kỹ thuật chăn nuôi các đối tượng trâu bò. | Vận dụng được kiến thức về thức ăn chăn nuôi, chọn và nhân giống vật nuôi, công nghệ sinh sản vật nuôi, chuồng trại, thiết bị và quản lý môi trường trong chăn nuôi trâu bò | 0 | 0,1 | Vận dụng đúng, phù hợp các kiến thức cơ sở ngành liên quan trong quá trình triển khai mô hình chăn nuôi trâu bò | Vận dụng được cơ bản các kiến thức cơ sở ngành liên quan trong quá trình triển khai mô hình chăn nuôi trâu bò | Vận dụng được cơ bản các kiến thức cơ sở ngành liên quan trong quá trình triển khai mô hình chăn nuôi trâu bò nhưng có một số nội dung chưa chính xác, chưa phù hợp. | Chỉ vận dụng một cách hạn chế các kiến thức cơ sở ngành liên quan trong quá trình triển khai mô hình chăn nuôi trâu bò và có nhiều nội dung chưa chính xác, chưa phù hợp. | Chưa vận dụng được các kiến thức cơ sở ngành liên quan trong quá trình triển khai mô hình chăn nuôi trâu bò |
| Kỹ thuật chăn nuôi | 0 | 0,1 | Vận dụng đúng các bước kỹ thuật trong chăm sóc, nuôi dưỡng, quản lý đối với từng đối tượng trâu bò | Vận dụng cơ bản các bước kỹ thuật trong chăm sóc, nuôi dưỡng, quản lý đối với từng đối tượng trâu bò | Vận dụng cơ bản các bước kỹ thuật trong chăm sóc, nuôi dưỡng, quản lý đối với từng đối tượng trâu bò; một vài khâu kĩ thuật vận dụng chưa chính xác. | Chỉ vận dụng một cách hạn chế các bước kỹ thuật trong chăm sóc, nuôi dưỡng, quản lý đối với từng đối tượng trâu bò; nhiều khâu kĩ thuật vận dụng chưa chính xác. | Chưa vận dụng được các bước kỹ thuật trong chăm sóc, nuôi dưỡng, quản lý đối với từng đối tượng trâu bò |
| CLO2.1  Thể hiện khả năng tư duy và giải quyết vấn đề | Tìm hiểu, xác định vấn đề | 0,05 | 0,025 | Xác định rõ ràng vấn đề nghiên cứu | Xác định được vấn đề nghiên cứu | Cơ bản xác định được vấn đề nghiên cứu | xác định được vấn đề nghiên cứu chung chung | Không xác định được vấn đề nghiên cứu |
| Lập kế hoạch và đề xuất giải pháp giải quyết vấn đề | 0,05 | 0,025 | Có khả năng tư duy để lập được kế hoạch và đưa ra các giải pháp quyết vấn đề ở mức tốt | Có khả năng tư duy để lập được kế hoạch và đưa ra giải pháp quyết vấn đề ở mức khá | Có khả năng tư duy để lập được kế hoạch và đưa ra giải pháp quyết vấn đề ở mức cơ bản | Có khả năng tư duy để lập được kế hoạch và đưa ra giải pháp quyết vấn đề ở mức thấp | Không có khả năng tư duy để lập được kế hoạch và giải pháp quyết vấn đề |
| CLO2.3  Biết quản lý thời gian và nguồn lực để thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ | Quản lý thời gian | 0,1 | 0,025 | Có khả năng quản lý thời gian tốt | Có khả năng quản lý thời gian khá tốt | Có khả năng quản lý thời gian | Quản lý thời gian chưa hợp | Chưa có khả năng quản lý thời gian |
| Quản lý nguồn lực | 0,1 | 0,025 | Có khả năng quản lý nguồn lực tốt | Có khả năng quản lý nguồn lực khá tốt | Có khả năng quản lý nguồn lực | Quản lý nguồn lực chưa hợp lý | Chưa có khả năng quản lý nguồn lực |
| CLO2.4  Lập kế hoạch học tập phù hợp để tích lũy kiến thức và định hướng phát triển nghề nghiệp | Lập kế hoạch học tập | 0 | 0,025 | Có khả năng lập được kế hoạch học tập ở mức độ chi tiết, rõ ràng | Có khả năng lập được kế hoạch học tập ở mức độ khá rõ ràng | Có khả năng lập được kế hoạch học tập | Có khả năng lập được kế hoạch học tập chưa hợp lý | Chưa có khả năng lập được kế hoạch học tập |
| Định hướng nghề nghiệp | 0 | 0,025 | Có định hướng nghề nghiệp ở mức độ rõ ràng | Có định hướng nghề nghiệp ở mức độ khá rõ ràng | Có định hướng nghề nghiệp | Có định hướng nghề nghiệp chưa hợp lý | Chưa định hướng nghề nghiệp |
| CLO2.5  Thể hiện thành thạo kỹ thuật chăn nuôi các đối tượng trâu bò | Chuẩn bị kiến thức, đối tượng, cơ sở vật chất | 0 | 0,025 | Có sự chuẩn bị đầy đủ về kiến thức, đối tượng, cơ sở vật chất | Có sự chuẩn bị khá đầy đủ về kiến thức, đối tượng, cơ sở vật chất | Có sự chuẩn bị về kiến thức, đối tượng, cơ sở vật chất | Có sự chuẩn bị về kiến thức, đối tượng, cơ sở vật chất còn thiếu | Chưa có sự chuẩn bị về kiến thức hoặc đối tượng hoặc cơ sở vật chất |
| Kỹ thuật thao tác thực hành trong sản xuất | 0 | 0,025 | Thành thạo kỹ thuật thao tác thực hành sản xuất | Kỹ thuật thao tác thực hành sản xuất ở mức độ khá | Kỹ thuật thao tác thực hành sản xuất ở mức độ cơ bản | Kỹ thuật thao tác thực hành sản xuất ở mức độ thấp | Kỹ thuật thao tác thực hành sản xuất ở mức độ thấp |
| CLO3.2  Vận dụng linh hoạt, thành thạo các hình thức giao tiếp khác nhau (thuyết trình, văn bản, điện tử) | Nội dung, trình tự bài thuyết trình | 0 | 0,05 | - Chủ đề trình bày liên quan và có trọng tâm - Nội dung phù hợp và chính xác. | -Chủ đề trình bày liên quan và có trọng tâm  - Nội dung có một số phần chưa chính xác | -Chủ đề trình bày liên quan và có trọng tâm  - Nội dung có nhiều phần chưa chính xác | -Chủ đề trình bày không trọng tâm  - Nội dung có nhiều phần chưa chính xác | -Chủ đề trình bày không trọng tâm, không liên quan  - Nội dung có nhiều phần chưa chính xác |
| Hình thức trình bày | 0 | 0,025 | -Slide trình bày với bố cục rõ ràng, hợp lý  - Trình bày các thuật ngữ, hình ảnh, bảng biểu, sơ đồ dễ hiểu | Slide trình bày  các thuật ngữ, hình  ảnh, bảng biểu, sơ đồ hợp lý | Slide trình bày phù hợp Trình bày hình ảnh, bảng biểu, sơ đồ hợp lý  - Dùng một số thuật ngữ khó hiểu, đưa nhiều nội dung vào slide | Slide trình bày phù hợp  Sử dụng một số hình ảnh, bảng biểu, sơ đồ không liên quan - Dùng một số thuật ngữ khó hiểu, đưa nhiều nội dung vào slide. | Slide không đảmbảo chất lượng theo yêu cầu |
| Kỹ năng trình bày | 0 | 0,025 | Nói rõ, tự tin, thuyết phục, báo quát, thu hút được toàn bộ người nghe tốt | Nói mạch lạc những không thu hút người nghe khá tốt, khá bao quát | Nói chưa rõ, thiếu tự tin, chưa bao quát, ít giao lưu với người nghe | Nói nhỏ, không tự tin, không giao lưu với người nghe | Không trình bày được |
| CLO4.2.  Hình thành ý tưởng, lập kế hoạch hoạt động cho một mô hình chăn nuôi trâu bò ở mức đơn giản | Hình thành ý tưởng | 0,15 | 0,05 | Đề xuất được ý tưởng tốt, có tính khả thi, tính thực tiễn cao về một mô hình chăn nuôi trâu bò | Đề xuất được ý tưởng khá tốt, có tính khả thi, tính thực tiễn về một mô hình chăn nuôi trâu bò | Đề xuất được ý tưởng có tính khả thi và tính thực tiễn ở mức trung bình về một mô hình chăn nuôi trâu bò | Đề xuất được ý tưởng có tính khả thi và tính thực tiễn ở mức thấp về một mô hình chăn nuôi trâu bò | Chưa đề xuất được ý tưởng, hoặc ý tưởng không có tính khả thi và tính thực tiễn. |
| Lập kế hoạch hoạt động | 0,15 | 0,1 | Lập được kế hoạch hoạt động một cách chi tiết, hợp lý | Lập được kế hoạch hoạt động một cách khá chi tiết, hợp lý | Lập được kế hoạch hoạt động với các công việc cơ bản | Lập được kế hoạch hoạt động nhưng còn sơ sài, còn thiếu một vài công việc quan trọng | Chưa lập được kế hoạch hoạt động. |
| CLO4.3  Thiết kế, triển khai được 1 mô hình chăn nuôi trâu bò. |  | 0,4 | 0,3 | Đánh giá:  Thiết kế, triển khai được 1 mô hình chăn nuôi trâu bò thành công với một vài cách làm sáng tạo giúp đạt được kết quả tốt hơn trong thực tiễn hoặc giúp hoàn thiện hơn quy trình chăn nuôi, đồng thời rút ra, đề xuất được những ý kiến đánh giá phù hợp về quá trình triển khai và sản phẩm mô hình. | Sáng tạo: Thiết kế, triển khai được 1 mô hình chăn nuôi trâu bò thành công với một vài cách làm sáng tạo giúp đạt được kết quả tốt hơn trong thực tiễn hoặc giúp hoàn thiện hơn quy trình chăn nuôi | Áp dụng: Thiết kế, triển khai được 1 mô hình chăn nuôi trâu bò theo mô hình đang được áp dụng phổ biến trong thực tiễn. | Thiết kế, triển khai được 1 mô hình chăn nuôi trâu bò nhưng có một số điểm chưa phù hợp, chưa hiệu quả. | Chưa thiết kế, triển khai được 1 mô hình chăn nuôi trâu bò. |

*5.2.2. Rubric 2 cho bài đánh giá A1.4 và A2.2*

**Rubric 2: Phiếu tự đánh giá của nhóm cho các thành viên về ý thức tham gia và kỹ năng làm việc nhóm**

Hướng dẫn: Nhóm trưởng tổ chức họp nhóm để đánh giá, cho điểm từng thành viên

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| CĐR học phần | Tiêu chí đánh giá | Trọng số bài A1.4 | Trọng số bài A2.2 | **8.5 - 10** | **7.0 - 8.4** | **5.5 - 6.9** | **4,0 -5,4** | **< 4,0** |
| CLO2.2  Có tính chủ động, trách nhiệm, tinh thần hợp tác trong hoạt động nghề nghiệp | Tính chủ động | 0,25 | 0,25 | Thể hiện vai trò đa dạng trong nhóm | Thể hiện được các vai trò trong nhóm một cách có hiệu quả | Có cố gắng thể hiện nhiều hơn một vai trò trong nhóm | Chỉ thể hiện 1 vai trò được phân công trong nhóm | Từ chối cơ hội, yêu cầu thể hiện vài trò trong nhóm |
| Tinh thần trách nhiệm | 0,25 | 0,25 | Hoàn thành tốt tất cả các nhiệm vụ được giao | Hoàn thành các nhiệm vụ được giao ở mức khá | Hoàn thành các nhiệm vụ được giao nhưng có một vài nhiệm vụ kết quả chưa tốt | Có một vài nhiệm vụ không hoàn thành | Chỉ hoàn thành nhiệm vụ hạn chế |
| CLO3.1  Có khả năng tổ chức, làm việc theo nhóm. | Sự đóng góp để đạt mục tiêu chung của nhóm | 0,25 | 0,25 | -Tham gia đầy đủ các cuộc hợp nhóm  -Tích cực có những ý kiến đóng gióp vào mục tiêu  - Có các đề xuất, sáng kiến để thực hiện mục tiêu nhóm | -Tham gia đầy đủ các cuộc hợp nhóm  -Tích cực có những ý kiến đóng gióp vào mục tiêu  - Tuân thủ các cam kết thực hiện mục tiêu nhóm | -Tham gia đầy đủ các cuộc họp nhóm  - Ít có góp ý đề xuất  - Hiểu được cam kết thực hiện mục tiêu nhóm | -Tham gia không đầy đủ các cuộc họp nhóm  - Ít có góp ý đề xuất  - Không tuân thủ cam kết thực hiện mục tiêu nhóm | - Ít tham gia các cuộc họp nhóm  - Không có góp ý đề xuất  - Không tuân thủ cam kết thực hiện mục tiêu nhóm |
| Sự phối hợp với các thành viên trong nhóm | 0,25 | 0,25 | - Chủ động tạo ra sự tương tác tích cực  - Trao đổi và chấp nhận các ý tưởng trong thực hiện nhiệm vụ với các thành viên  - Phối hợp thực hiện tốt nhiệm vụ  - Chủ động kết nối, sử dụng các phương thức làm việc nhóm | - Trao đổi và chấp nhận các ý tưởng trong thực hiện nhiệm vụ với các thành viên  - Phối hợp thực hiện tốt nhiệm vụ.  - Còn bị động, phụ thuộc trong sử dụng các phương thức làm việc nhóm | - Tham gia chưa tích cực trao đổi, khó chấp nhận các ý tưởng trong thực hiện nhiệm vụ với các thành viên  - Còn bị động, phụ thuộc trong sử dụng các phương thức làm việc nhóm | - Thụ động trong việc tương tác với các thành viên  - Có trao đổi ý kiến nhưng thể hiện tiếp nhận và chia sẻ thông tin hạn chế | - Không tương tác với các thành viên  - Không trao đổi ý kiến |

***5.2.3. Rubric 3 cho bài đánh giá A1.3***

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| CĐR học phần | Tiêu chí đánh giá | Trọng số bài A1.3 | **8.5 - 10** | **7.0 - 8.4** | **5.5 - 6.9** | **4,0 -5,4** | **< 4,0** |
| CLO4.1  Phân tích được tình hình, chiến lược và mục tiêu phát triển của ngành chăn nuôi trâu bò trong bối cảnh của xã hội và doanh nghiệp | Nội dung báo cáo | 0,6 | - Bố cục báo cáo logic, rõ ràng  - Nội dung báo cáo đầy đủ theo yêu cầu, các số liệu, thông tin cập nhật và phong phú. | -Bố cục báo cáo logic, rõ ràng  -Nội dung báo cáo đầy đủ theo yêu cầu.  Tuy nhiên, chưa có nhiều số liệu, thông tin mới được cập nhật. | - Bố cục báo cáo chưa được hợp lý  - Nội dung báo cáo cơ bản đáp ứng yêu cầu đặt ra. Tuy nhiên, các số liệu, thông tin mới chưa được cập nhật. | - Bố cục báo cáo chưa hợp lý  - Một vài nội dung báo cáo chưa đáp ứng yêu cầu đặt ra.  Các số liệu, thông tin mới chưa được cập nhật. | - Bố cục báo cáo chưa hợp lý  - Nội dung báo cáo chưa đáp ứng yêu cầu đặt ra. |
| Hình thức báo cáo | 0,3 | Format đúng quy định: Font chữ Times New Roman, cỡ chữ 13, hàng 1.3 lines.  Hình thức báo cáo đẹp, hấp dẫn, thu hút (có hình ảnh/sơ đồ/biểu đồ thích hợp để minh họa) | Format đúng quy định: Font chữ Times New Roman, cỡ chữ 13, hàng 1.3 lines.  Hình thức báo cáo gọn gàng, chỉnh chu, ít lỗi chính tả | Format đúng quy định: Font chữ Times New Roman, cỡ chữ 13, hàng 1.3 lines.  Hình thức báo cáo còn một số lỗi, chưa thể hiện sự gọn gàng, chỉnh chu, còn nhiều lỗi chính tả | Format một số phần chưa đúng quy định: cỡ chữ, font chữ còn chưa thống nhất, giãn cách hàng chưa đúng.  Hình thức báo cáo chưa gọn gàng, nhiều lỗi chính tả | Format chưa đúng quy định: cỡ chữ, font chữ còn chưa thống nhất, giãn cách hàng chưa đúng.  Hình thức báo cáo cẩu thả, nhiều lỗi chính tả |
| Thời hạn nạp báo cáo | 0,1 | Nạp bài báo cáo trên hệ thống trước thời gian quy định. | Nạp bài báo cáo trên hệ thống trong thời gian quy định. | Nạp bài báo cáo trên hệ thống chậm thời gian quy định từ 1-2 ngày. | Nạp bài báo cáo trên hệ thống chậm thời gian quy định từ 3-5 ngày. | Nạp bài báo cáo trên hệ thống chậm thời gian quy định từ 6 ngày trở lên. |

**6. Tài liệu học tập**

***6.1. Giáo trình:***

1.Hoàng Thị Mai, 2020. Bài giảng Chăn nuôi trâu bò, Trường Đại học Vinh

2. Nguyễn Xuân Bả, Nguyễn Tiến Vởn, Nguyễn Hữu Văn. *Giáo trình chăn nuôi trâu bò*. NXB Đại học Huế, 2020.

***6.2. Tài liệu tham khảo***

3. Vũ Duy Giảng, Nguyễn Xuân Bả, Lê Đức Ngoan, Nguyễn Xuân Trạch, Vũ Chí Cương, Nguyễn Hữu Văn. *Dinh dưỡng và thức ăn cho bò*. NXB NN, 2008.

4. Preston, T.R., Leng, R.A. *Các hệ thống chăn nuôi gia súc nhai lại dựa trên nguồn tài nguyên sẵn có ở vùng nhiệt đới và á nhiệt đới*. NXB Nông nghiệp, 1991.

5. Các sách, tạp chí khoa học, website và băng hình liên quan đến chăn nuôi trâu bò của các tác giả khác bằng tiếng Việt và tiếng Anh.

**7. Kế hoạch dạy học**

***Lý thuyết:***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tuần, số tiết** | **Nội dung** | **Hình thức tổ chức dạy học** | **Yêu cầu SV chuẩn bị** | **CĐR học phần** | **Bài đánh giá** |
| **1(3)** | CHƯƠNG 1. GIỐNG VÀ CÔNG TÁC GIỐNG TRÂU BÒ  1.1. Nguồn gốc và quá trình thuần hóa trâu bò  1.2. Giới thiệu một số giống trâu bò nổi tiếng trên thế giới và ở nước ta  1.3. Một số vấn đề trong công tác giống trâu bò  1.4. Công tác giống trâu bò ở nước ta | - Địa điểm: Phòng học theo Nhà Trường sắp xếp  - Thuyết trình  - Hướng dẫn nghiên cứu tìm kiếm tài liệu  - Hướng dẫn quan sát hình ảnh | - Đọc tài liệu [1], trang 1 - 9  - Đọc tài liệu [2], trang 5 - 15  - Xem hình ảnh, tìm hiểu thực tế trước về đặc điểm ngoại hình và tính năng sản xuất của một số giống trâu bò đang được nuôi phổ biến ở Việt Nam. | **CLO1.1** | **A1.1**  **A2.1** |
| **2** | CHƯƠNG 2. DINH DƯỠNG VÀ THỨC ĂN CỦA TRÂU BÒ  2.1. Đặc điểm tiêu hóa của trâu bò  2.2. Nhu cầu dinh dưỡng của trâu bò  2.3. Nguồn thức ăn và các giải pháp giải quyết thức ăn cho trâu bò  2.4. Khẩu phần và chế độ cho trâu bò ăn | - Địa điểm: Nhà học theo Nhà Trường sắp xếp  - Thuyết trình  - Hướng dẫn quan sát hình ảnh  - Hướng dẫn làm bài tập | - Đọc tài liệu [1], trang 11 – 30, tài liệu [2], trang 15-36, tài liệu [3]. Xem hình ảnh, tìm hiểu thực tế trước, ôn lại các nội dung liên quan đã được học về cấu tạo bộ máy tiêu hóa của trâu bò; nhu cầu dinh dưỡng và thức ăn cho trâu bò. | **CLO1.1** | **A1.1**  **A2.1** |
| **3** | CHƯƠNG 3. CHĂN NUÔI TRÂU BÒ SINH SẢN  3.1. Một số đặc điểm sinh lý sinh dục của trâu bò cái  3.2. Nuôi dưỡng trâu bò cái sinh sản  3.3. Chăm sóc trâu bò cái sinh sản | - Địa điểm: Nhà học theo Nhà Trường sắp xếp  - Thuyết trình  - Hướng dẫn quan sát hình ảnh | Đọc tài liệu [1], trang 35 - 44, tài liệu [2], trang 37 - 48, xem hình ảnh, ôn lại các kiến thức đã học liên quan đến cấu tạo và sinh lý sinh dục của trâu bò. | **CLO1.1** | **A1.2**  **A2.1** |
| **4** | CHƯƠNG 3. CHĂN NUÔI TRÂU BÒ SINH SẢN (tiếp)  3.4. Đánh giá khả năng sinh sản của trâu bò cái  3.5. Điều khiển sinh sản ở trâu bò cái  3.6. Các giải pháp nâng cao khả năng sinh sản đàn trâu bò nước ta | - Địa điểm: Nhà học theo Nhà Trường sắp xếp  - Thuyết trình  - Quan sát hình ảnh  - Nghiên cứu tình huống  - Hỏi đáp nhanh | Đọc tài liệu [1], [2] ôn lại các kiến thức đã học liên quan đến công nghệ điều khiển sinh sản ở trâu bò cái. | **CLO1.1** | **A1.2**  **A2.1** |
| **5** | CHƯƠNG 4. CHĂN NUÔI TRÂU BÒ ĐỰC GIỐNG  4.1. Một số đặc điểm sinh dục trâu bò đực  4.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến số lượng và chất lượng tinh dịch  4.3. Nuôi dưỡng đực giống  4.4. Quản lý và chăm sóc đực giống  4.5. Sử dụng bò đực giống | - Địa điểm: Nhà học theo Nhà Trường sắp xếp  - Thuyết trình  - Quan sát hình ảnh  - Nghiên cứu tình huống  - Hỏi đáp nhanh | Đọc tài liệu [1], [2] xem hình ảnh, ôn lại các kiến thức đã học liên quan đến cấu tạo và sinh lý sinh dục của trâu bò đực. | **CLO1.1** | **A1.2**  **A2.1** |
| **6** | CHƯƠNG 5. CHĂN NUÔI BÊ NGHÉ  5.1. Đặc điểm của bê nghé  5.2. Chăn nuôi bê nghé sơ sinh  5.3. Chăn nuôi bê nghé bú sữa  5.4. Chăn nuôi bê nghé sau cai sữa  5.5. Chăn nuôi bê nghé tơ lỡ | - Địa điểm: Nhà học theo Nhà Trường sắp xếp  - Thuyết trình  - Quan sát hình ảnh  - Nghiên cứu tình huống  - Hỏi đáp nhanh | Đọc tài liệu [1], [2] | **CLO1.1** | **A1.2**  **A2.1** |
| **7** | CHƯƠNG 6. CHĂN NUÔI TRÂU BÒ SỮA  6.1. Cấu tạo và phát dục bầu vú  6.2. Thành phần và quá trình tạo sữa  6.3. Các yếu tố ảnh hưởng đến năng suất và chất lượng sữa  6.4. Nuôi dưỡng và chăm sóc bò vắt sữa  6.6. Cạn sữa và nuôi dưỡng chăm sóc bò cạn sữa | - Địa điểm: Nhà học theo Nhà Trường sắp xếp  - Thuyết trình  - Hướng dẫn làm bài tập  - Hướng dẫn qua hình ảnh | Đọc tài liệu [1] [2] | **CLO1.1** | **A1.2**  **A2.1** |
| **8** | CHƯƠNG 7. CHĂN NUÔI TRÂU BÒ THỊT  7.1. Vai trò của bò thịt và thịt bò  7.2. Quy luật sinh trưởng của các mô trong thân thịt  7.3. Năng suất và chất lượng thịt  7.4. Các nhân tố ảnh hưởng tới năng suất và chất lượng thịt | - Địa điểm: Nhà học theo Nhà Trường sắp xếp  - Thuyết trình  - Hướng dẫn qua hình ảnh  - Hỏi đáp nhanh | **-** Đọc tài liệu [1], [2]. | **CLO1.1** | **A1.2**  **A2.1** |
| **9** | CHƯƠNG 7. CHĂN NUÔI TRÂU BÒ THỊT  7.5. Kỹ thuật nuôi dưỡng và vỗ béo  7.6. Các hình thức tổ chức chăn nuôi bò thịt | **-** Địa điểm: Nhà học theo Nhà Trường sắp xếp  - Thuyết trình  - Hỏi - đáp nhanh. | **-** Đọc tài liệu [1], [2]. | **CLO1.1** | **A1.2**  **A2.1** |
| **10** | Tình hình, chiến lược và mục tiêu phát triển của ngành chăn nuôi trâu bò trong bối cảnh của xã hội và doanh nghiệp | - Hướng dẫn làm bài tập nhóm. | Làm bài tập nhóm theo yêu cầu. | **CLO4.1** | **A1.3** |

**Đồ án**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tuần** | **Nội dung công việc** | **Địa điểm/không gian thực hiện** | **Hoạt động của sinh viên** | **Kết quả cần đạt được** | **Bài đánh giá** | **CĐR học phần** |
| **8** | Xác định vấn đề (hình thành ý tưởng) đồ án và lập kế hoạch thực hiện đồ án.  Chuẩn bị cơ sở vật chất, nguyên vật liệu để triển khai đồ án | Theo phân công của nhà trường | Nghe hướng dẫn.  Thảo luận, làm việc nhóm | - Tên đồ án  - Bản kế hoạch thực hiện đồ án  - Cơ sở vật chất, nguyên vật liệu để triển khai đồ án | A1.5  A2.1  A2.2 | CLO1.1  CLO2.1  CLO2.2  CLO2.3  CLO2.4  CLO2.5  CLO3.1  CLO3.2  CLO4.2  CLO4.3 |
| **9-15** | Triển khai, thực hiện đồ án | Trang trại/ hộ gia đình/trại thực hành chăn nuôi | Thực hiện đồ án theo kế hoạch đã lập dưới sự hướng dẫn, giám sát của GV. | - Khả năng sinh trưởng/sinh sản của vật nuôi  - Tình trạng sức khỏe/bệnh tật/tỷ lệ hao hụt của vật nuôi  - Khả năng/ lượng tiêu thụ thức ăn của vật nuôi  - Quy trình chăm sóc, nuôi dưỡng, quản lý, phòng và điều trị bệnh cho vật nuôi. | A2.1  A2.2 | CLO1.1  CLO2.1  CLO2.2  CLO2.3  CLO2.4  CLO2.5  CLO3.1  CLO3.2  CLO4.2  CLO4.3 |
| **15** | Báo cáo tiến độ thực hiện đồ án | Theo phân công của nhà trường | Báo cáo bằng PPT tiến độ thực hiện đồ án | Kết quả báo cáo tiến độ thực hiện đồ án | A1.5 | CLO2.1  CLO2.3  CLO4.2  CLO4.3 |
| **15-18** | Triển khai, thực hiện đồ án | Trang trại/ hộ gia đình/trại thực hành chăn nuôi | Thực hiện đồ án theo kế hoạch đã lập dưới sự hướng dẫn, giám sát của GV. | - Khả năng sinh trưởng/sinh sản của vật nuôi  - Tình trạng sức khỏe/bệnh tật/tỷ lệ hao hụt của vật nuôi  - Khả năng/ lượng tiêu thụ thức ăn của vật nuôi  - Quy trình chăm sóc, nuôi dưỡng, quản lý, phòng và điều trị bệnh cho vật nuôi. | A2.1  A2.2 | CLO1.1  CLO2.1  CLO2.2  CLO2.3  CLO2.4  CLO2.5  CLO3.1  CLO3.2  CLO4.2  CLO4.3 |
| **19** | Viết báo cáo đồ án | Theo phân công của nhà trường | Thu thập kết quả thực hiện đồ án và viết báo cáo đồ án | Báo cáo đồ án | A2.1  A2.2 | CLO1.1  CLO2.1  CLO2.2  CLO2.3  CLO2.4  CLO2.5  CLO3.1  CLO3.2  CLO4.2  CLO4.3 |
| **20** | Báo cáo đồ án | Theo phân công của nhà trường | - Nộp bản in báo báo đồ án. - Báo cáo đồ án bằng hình thức vấn đáp | Điểm chấm đồ án | A2.1 | CLO1.1  CLO2.1  CLO2.3  CLO2.4  CLO2.5  CLO3.2  CLO4.2  CLO4.3 |

**. Nhiệm vụ của người học**

***8.1. Phần tự học***

- Nghiên cứu tài liệu, xem các slide/video/website.

- Chủ động tìm các nguồn tài liệu khác liên quan đến nội dung học phần.

- Thảo luận, trao đổi những vấn đề liên quan đến học phần với bạn học/cựu sinh viên/cán bộ tại đơn vị trải nghiệm hoặc các nguồn lực hỗ trợ khác.

- Hoàn thành các bài tập được giao trên LMS.

***8.2. Phần học trên lớp trực tiếp hoặc online với giảng viên***

- Dự lớp ≥ 80% tổng thời lượng của học phần.

- Chủ động, tích cực trong giờ học.

- Phát hiện, đưa ra câu hỏi hoặc vấn đề liên quan đến nội dung học tập.

***8.3. Làm việc nhóm, thực hiện đồ án môn học***

- Tham gia xây dựng kế hoạch hoạt động của nhóm.

- Tôn trọng ý kiến và chịu trách nhiệm về kết quả làm việc chung.

- Hoàn thành đầy đủ nhiệm vụ và sản phẩm dự án được giao.

**10. Cấp phê duyệt:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **KT. HIỆU TRƯỞNG**  **PHÓ HIỆU TRƯỞNG** | **VIỆN TRƯỞNG**  **TS. Nguyễn Đình Vinh** | **TRƯỞNG BỘ MÔN**  **TS. Lê Minh Hải** |

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH**  **VIỆN NÔNG NGHIỆP VÀ TÀI NGUYÊN** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

## **ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN CHI TIẾT**

## **Vệ sinh chăn nuôi**

**1. Thông tin tổng quát:**

***1.1. Thông tin về giảng viên***

1. ***Giảng viên 1:* Nguyễn Thị Thanh**

Học hàm, học vị: Giảng viên – Tiến sĩ

Địa chỉ liên hệ: Bộ môn Nuôi trồng Thủy sản và Chăn nuôi – Viện Nông nghiệp và Tài Nguyên

Điện thoại: 0984806773, Email: nguyenthithanhnln@gmail.com

Các hướng nghiên cứu chính:

* Quản lý môi trường, chất thải chăn nuôi
* Sinh lý động vật

***Giảng viên 2:*  Phạm Mỹ Dung**

Học hàm, học vị: Giảng viên – Tiến sĩ

Địa chỉ liên hệ: Bộ môn Nuôi trồng Thủy sản và Chăn nuôi – Viện Nông nghiệp và Tài Nguyên

Điện thoại: 0948231430, Email: phammydungnln@gmail.com

Các hướng nghiên cứu chính:

- Vệ sinh chăn nuôi

- Quản lý chất thải chăn nuôi

***1.2. Thông tin về học phần:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| - Tên học phần (tiếng Việt): **Vệ sinh chăn nuôi**  (tiếng Anh): Hygienne for Animal husbandry | | |
| - Mã số học phần: AHY30011 | | |
| - Thuộc CTĐT ngành: **Chăn nuôi** | | |
| - Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:  Kiến thức cơ bản  Kiến thức cơ sở ngành  Xx  **Kiến thức ngành** | Học phần chuyên về kỹ năng chung  Kiến thức khác | |
| - Thuộc loại học phần**: Bắt buộc**  x | Tự chọn | |
| - Số tín chỉ: | |  |
| + Số tiết lý thuyết: 30 | |  |
| + Số tiết thảo luận/bài tập: | |  |
| + Số tiết thực hành: 15 | |  |
| + Số tiết tự học: 90 | |  |
| - Điều kiện đăng ký học: | |  |
| + Học phần tiên quyết: Cơ sở quản lí tài nguyên và môi trường | | Mã số HP: ANR20004 |
| + Học phần học trước: Chuồng trại và thiết bị chăn nuôi | | Mã số HP: AHY30036 |
| - Yêu cầu của học phần: Thực hiện theo Quy chế đào tạo của Trường Đại học Vinh. Cụ thể:  + Thời gian tối thiểu sinh viên phải có mặt trên lớp: 80%  + Sinh viên phải nộp đầy đủ bài tập, báo cáo… qua hệ thống LMS (Mục 5.1). + Tham gia đầy đủ các bài thực hành. | | |
| - Bộ môn phụ trách học phần: Thủy sản và Chăn nuôi  Điện thoại: Email: | | |

**2. Mô tả học phần**

Vệ sinh chăn nuôi cung cấp cho sinh viên hiểu biết cơ bản về vệ sinh môi trường chăn nuôi; ảnh hưởng của các yếu tố môi trường tới vật nuôi; các biện pháp vệ sinh chuồng trại, thức ăn, vật nuôi, phòng ngừa dịch bệnh bảo vệ môi trường chăn nuôi. Đồng thời, môn học sẽ giúp người học có kỹ năng làm việc nhóm, hợp tác nhóm; Áp dụng kỹ thuật thao tác trong phòng thí nghiệm và thực địa trong chăn nuôi.

**3. Mục tiêu học phần**

**CO1.** Trình bày những kiến thức cơ bản về vệ sinh môi trường chăn nuôi; ảnh hưởng của các yếu tố môi trường tới vật nuôi; các biện pháp vệ sinh chuồng trại, thức ăn, vật nuôi, phòng ngừa dịch bệnh bảo vệ môi trường chăn nuôi

**CO2.** Thể hiện kỹ năng nhận biết các yếu tố ảnh hưởng tới môi trường sống của vật nuôi; kỹ năng làm việc nhóm và thao tác thành thạo các biện pháp vệ sinh chăn nuôi.

**CO3.** Thể hiện thái độ, đạo đức tốt trong quá trình học tập thực hiện tốt các biện pháp vệ sinh góp phần bảo vệ sức khoẻ và môi trường chăn nuôi

**4. Chuẩn đầu ra học phần, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá**

***4.1. Ánh xạ chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **CĐR học phần** | **Ánh xạ với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo** | | | | |
| **PLO1.2** | **PLO1.3** | | **PLO2.3** | **PLO3.1** |
| 1.2.2 | 1.3.1 | 1.3.2 | 2.3.1 | 3.1.2 |
| CLO 1.1 | 0,5 | 0,5 |  |  |  |
| CLO 2.1 |  |  | 1,0 |  |  |
| CLO 2.2 |  |  |  | 1,0 |  |
| CLO 2.3 |  |  |  | 1,0 |  |
| CLO 3.1 |  |  |  |  | 1,0 |

***4.2. Nội dung chuẩn đầu ra, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá học phần***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **CĐR học phần (CLO)** | **TĐNL CĐR**  **học phần** | **Mô tả CĐR học phần** | **Phương pháp dạy học** | **Phương pháp đánh giá** |
| CLO1.1 | K3 | Hiểu được được các khái niệm cơ bản về vệ sinh môi trường chăn nuôi; các biện pháp vệ sinh cơ thể, thức ăn, vận chuyển, chuồng trại, vệ sinh phòng ngừa dịch bệnh cho vật nuôi. | Thuyết trình, nghiên cứu tình huống | Trắc nghiệm |
| CLO2.1 | S4 | Có kỹ năng phân tích, lập luận, giải thích được cơ sở các biện pháp kỹ thuật để vệ sinh cơ thể, vệ sinh thức ăn, chuồng trại và phòng ngừa dịch bệnh cho vật nuôi | Hướng dẫn, tự học | Thi viết  Bài tập nhóm |
| CLO2.2 | A4 | Có đạo đức, trách nhiệm nghề nghiệp khi thực hiện yêu cầu môn học nhằm bảo vệ sức khỏe cho con vật. | Tự học | Rubric 2 |
| CLO2.3 | S4 | Có kỹ năng thực hiện được nội dung các bài thực hành: biện pháp vệ sinh chuồng trại, thức ăn, vật nuôi phòng ngừa dịch bệnh bảo vệ môi trường chăn nuôi. | Hướng dẫn | Rubric 3 |
| CLO3.1 | S4 | Có kỹ năng làm việc nhóm để tìm hiểu tài liệu và thực hiện yêu cầu môn học liên quan đến các biện pháp vệ sinh chuồng trại, thức ăn, vật nuôi phòng ngừa dịch bệnh bảo vệ môi trường chăn nuôi. | Hướng dẫn, tự học | Rubric 1 |

**5. Đánh giá học tập và các bộ tiêu chí đánh giá**

***5.1. Đánh giá học tập***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Bài đánh giá** | **Hình thức đánh giá,**  **minh chứng, lưu hồ sơ** | **Công cụ**  **đánh giá** | **CĐR học phần** | **Tỷ lệ**  **cho bài đánh giá** | **Tỷ lệ cho học phần** |
| **A1. Đánh giá quá trình** | | | |  | **50%** |
| A1.1. Bài trắc nghiệm | - Bài trắc nghiệm trên LMS, chấm điểm tự động | Đáp án | CLO 1.1 | 100% | 10% |
| A1.2. Giáo viên đánh giá bài tập nhóm | - Bài tập nhóm trên LMS, GV chấm điểm | Rubric 1 | CLO 2.1 | 40% | 15% |
| CLO 3.1 | 60% |
| A1.3. Nhóm tự đánh giá cho bài tập nhóm | Tự đánh giá của nhóm cho các thành viên | Rubric 2 | CLO 2.2 | 50% | 10% |
| CLO3.1 | 50% |
| A1.4. Thực hành | Kiểm tra kỹ năng thực hành tại PTN | Rubric 3 | CLO2.3 | 100% | 15% |
| **A3. Đánh giá cuối kỳ** | | | |  | **50%** |
| A2.1. Thi tự luận | - Thi viết; TT Đảm bảo chất lượng tổ chức thi và lưu hồ sơ | Đáp án | CLO 1.3 | 50% | 50% |
| CLO 2.1 | 50% |
| **Công thức tính điểm tổng kết:**  **Điểm TKHP = A1.1x0,1 + A1.2x0,15 + A1.3x0,1 + A1.4x0,15 + A2.1x0,5** | | | | | |

***5.2. Các bộ tiêu chí đánh giá***

***5.2.1. Rubric 1: Đánh giá bài A1.2***

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **CĐR** | **Nội dung đánh giá** | **Trọng số bài A1.2 (%)** | **Mức độ đánh giá** | | | | |  |
| **A** | **B** | **C** | **D** | **F** | **Điểm** |
| **8.5 - 10** | **7.0 - 8.4** | **5.5 - 6.9** | **4,0 -5,4** | **< 4,0** |
| **CLO2.1**  Có kỹ năng phân tích, lập luận, giải thích được cơ sở các biện pháp kỹ thuật để vệ sinh cơ thể, vệ sinh thức ăn, chuồng trại và phòng ngừa dịch bệnh cho vật nuôi | Tìm hiểu, xác định vấn đề | 10 | Xác định rõ ràng vấn đề nghiên cứu | Xác định được vấn đề nghiên cứu | Cơ bản xác định được vấn đề nghiên cứu | xác định được vấn đề nghiên cứu chung chung | Không xác định được vấn đề nghiên cứu |  |
| Lập kế hoạch và giải pháp quyết vấn đề | 20 | Có khả năng tư duy để lập được kế hoạch và đưa ra các giải pháp quyết vấn đề ở mức tốt | Có khả năng tư duy để lập được kế hoạch và đưa ra giải pháp quyết vấn đề ở mức khá | Có khả năng tư duy để lập được kế hoạch và đưa ra giải pháp quyết vấn đề ở mức cơ bản | Có khả năng tư duy để lập được kế hoạch và đưa ra giải pháp quyết vấn đề ở mức thấp | Không có khả năng tư duy để lập được kế hoạch và giải pháp quyết vấn đề |  |
| Đánh giá kết quả đạt được | 10 | Đánh giá kết quả đạt được ở mức tốt | Đánh giá kết quả đạt được ở mức khá | Đánh giá kết quả đạt được ở mức cơ bản | Đánh giá kết quả đạt được ở mức thấp | Không đánh giá được kết quả đạt được |  |
| **CLO 3.1**  Có kỹ năng làm việc nhóm để tìm hiểu tài liệu và thực hiện yêu cầu môn học liên quan đến các biện pháp vệ sinh chuồng trại, thức ăn, vật nuôi phòng ngừa dịch bệnh bảo vệ môi trường chăn nuôi |  | 60 | Có kỹ năng tốt thực hiện yêu cầu môn học liên quan đến các biện pháp vệ sinh chuồng trại, thức ăn, vật nuôi phòng ngừa dịch bệnh bảo vệ môi trường chăn nuôi | Có kỹ năng thực hiện yêu cầu môn học liên quan đến các biện pháp vệ sinh chuồng trại, thức ăn, vật nuôi phòng ngừa dịch bệnh bảo vệ môi trường chăn nuôi ở mức khá | Cơ bản có kỹ năng thực hiện yêu cầu môn học liên quan đến các biện pháp vệ sinh chuồng trại, thức ăn, vật nuôi phòng ngừa dịch bệnh bảo vệ môi trường chăn nuôi | Kỹ năng thực hiện yêu cầu môn học ở mức độ thấp | Không có kỹ năng thực hiện yêu cầu môn học |  |
| **Tổng** | | | | | | | |  |

***5.2.2. Rubric 2: Đánh giá bài A1.3***

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **CĐR** | **Nội dung đánh giá** | **Trọng số bài A1.3 (%)** | **Mức độ đánh giá** | | | | | **Điểm** |
| **A** | **B** | **C** | **D** | **F** |  |
| **8.5 - 10** | **7.0 - 8.4** | **5.5 - 6.9** | **4,0 -5,4** | **< 4,0** |
| **PLO2.2.** Có đạo đức, trách nhiệm nghề nghiệp khi thực hiện yêu cầu môn học nhằm bảo vệ sức khỏe cho con vật | Ý thức, trách nhiệm khi tham gia hoạt động nghề nghiệp | 10 | Ý thức, trách nhiệm cao khi tham gia hoạt động nghề nghiệp | Ý thức, trách nhiệm khá cao khi tham gia hoạt động nghề nghiệp | Ý thức, trách nhiệm khi tham gia hoạt động nghề nghiệp | Ý thức, trách nhiệm khi tham gia hoạt động nghề nghiệp đang còn thấp | Ý thức, trách nhiệm thấp, không tham gia hoạt động nghề nghiệp |  |
| Mức độ tham gia hoạt động học tập, nghề nghiệp | 20 | Tham gia hoạt động học tập, nghề nghiệp với tần suất cao | Tham gia hoạt động học tập, nghề nghiệp tần suất khá cao | Tham gia hoạt động học tập, nghề nghiệp | Tham gia hoạt động học tập, nghề nghiệp tần suất thấp | Không tham gia hoạt động học tập, nghề nghiệp |  |
| Quản lý thời gian | 10 | Có khả năng quản lý thời gian tốt | Có khả năng quản lý thời gian khá tốt | Có khả năng quản lý thời gian | Quản lý thời gian chưa hợp | Chưa có khả năng quản lý thời gian |  |
| Quản lý nguồn lực | 10 | Có khả năng quản lý nguồn lực tốt | Có khả năng quản lý nguồn lực khá tốt | Có khả năng quản lý nguồn lực | Quản lý nguồn lực chưa hợp | Chưa có khả năng quản lý nguồn lực |  |
| **PLO3.1.** Có kỹ năng làm việc nhóm để tìm hiểu tài liệu và thực hiện yêu cầu môn học liên quan đến các biện pháp vệ sinh chuồng trại, thức ăn, vật nuôi phòng ngừa dịch bệnh bảo vệ môi trường chăn nuôi | Tổ chức nhóm | 15 | Tham gia đầy đủ, tích cực các cuộc hợp nhóm | Tham gia đầy đủ các hoạt động nhóm. | Tham gia còn thiếu một số ít hoạt động | Chỉ tham gia một số ít hoạt động | Không tham gia |  |
| Nhiệm vụ được phân công rõ ràng, đầy đủ cho các thành viên trong nhóm | Nhiệm vụ được phân công khá rõ ràng, đầy đủ cho các thành viên trong nhóm | Nhiệm vụ được phân công cho các thành viên trong nhóm đầy đủ | Nhiệm vụ được phân công cho các thành viên trong nhóm chưa đầy đủ | Chưa có sự phân công nhiệm vụ |  |
| Hợp tác nhóm | 15 | Chủ động tạo ra sự tương tác tích cực thực hiện nhiệm vụ | Chủ động tạo ra sự tương tác khá tích cực thực hiện nhiệm vụ | Tương tác thực hiện nhiệm vụ ở mức cơ bản | Còn bị động, phụ thuộc trong sử dụng các phương thức làm việc nhóm | Thụ động trong việc tương tác với các thành viên |  |
| - Trao đổi, chia sẻ và chấp nhận các ý tưởng trong thực hiện nhiệm vụ với các thành viên ở mức độ cao | - Trao đổi và chấp nhận các ý tưởng trong thực hiện nhiệm vụ với các thành viên mức độ khá | Trao đổi, chia sẻ và chấp nhận các ý tưởng trong thực hiện nhiệm vụ với các thành viên ở mức độ cơ bản | Trao đổi và chấp nhận các ý tưởng trong thực hiện nhiệm vụ với các thành viên ở mức độ thấp | Không trao đổi, chia sẻ trong nhóm |  |
| - Chủ động kết nối, sử dụng các phương thức làm việc nhóm hiệu quả cao | - Chủ động kết nối, sử dụng các phương thức làm việc nhóm hiệu quả khá cao | Kết nối, sử dụng các phương thức làm việc nhóm hiệu quả cơ bản | Kết nối, sử dụng các phương thức làm việc nhóm hiệu quả thấp | Bị động trong kết nối, không hiệu quả |  |
| Thảo luận nhóm | 20 | Đề xuất, sáng kiến để đạt được tốt mục tiêu, kết quả nhóm | Đề xuất, sáng kiến để đạt được khá tốt mục tiêu, kết quả nhóm | Đề xuất, sáng kiến để đạt được mục tiêu, kết quả nhóm ở mức cơ bản | Đề xuất, sáng kiến để đạt được mục tiêu, kết quả nhóm thấp | Chưa có các đề xuất, sáng kiến |  |
| **Tổng** | | | | | | | |  |

***5.2.3. Rubric 3: Đánh giá bài A1.4***

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **CĐR cấp 2** | **Nội dung đánh giá** | **Trọng số (%)** | **Mức độ đánh giá** | | | | | **Điểm** |
| **A** | **B** | **C** | **D** | **F** |  |
| **8.5 - 10** | **7.0 - 8.4** | **5.5 - 6.9** | **4,0 -5,4** | **< 4,0** |
| **PLO2.3.** Có kỹ năng thực hiện được nội dung các bài thực hành: biện pháp vệ sinh chuồng trại, thức ăn, vật nuôi phòng ngừa dịch bệnh bảo vệ môi trường chăn nuôi. | Chuẩn bị | 20 | Có sự chuẩn bị tốt về bài thực hành | Có sự chuẩn bị khá tốt về bài thực hành | Có sự chuẩn bị về bài thực hành | Có sự chuẩn bị về bài thực hành sơ sài | Chưa có sự chuẩn bị về bài thực hành |  |
| Kỹ thuật thao tác thực hành, thí nghiệm | 50 | Thành thạo kỹ thuật thao tác thực hành thí nghiệm | Kỹ thuật thao tác thực hành thí nghiệm ở mức độ khá | Kỹ thuật thao tác thực hành thí nghiệm ở mức độ cơ bản | Kỹ thuật thao tác thực hành thí nghiệm ở mức độ thấp | Không thực hiện được thao tác thực hành thí nghiệm |  |
| Đánh giá kết quả thực hành, thí nghiệm | 30 | Đạt kết quả thực hành thí nghiệm tốt | Đạt kết quả thực hành thí nghiệm ở mức khá | Có kết quả thực hành thí nghiệm | Có một số ít kết quả thực hành thí nghiệm | Chưa có kết quả thực hành thí nghiệm |  |

**6. Tài liệu học tập**

**6.1. Tài liệu bắt buộc:**

[1] Nguyễn Văn Thu (Chủ biên), *Giáo trình Vệ sinh môi trường chăn nuôi*. NXB Đại học Cần Thơ, 2011.

[2] Lê Văn Phước, Lê Trần Hoàng, *Bài giảng Vệ sinh thú y*, NXB Đại học Huế, 2018

**6.2 Tài liệu tham khảo:**

[3] Dương Nguyên Khang, *Thực hành Quản lý tốt hơn Xử lý nước thải trại chăn nuôi heo quy mô lớn,* NXB Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh

**7. Kế hoạch dạy học**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tuần/**  **Buổi**  **học [1]** | **Nội dung**  **[2]** | **Hình thức tổ chức dạy và học [3]** | **Chuẩn bị của sinh viên [4]** | **CĐR học phần [5]** | **Bài đánh giá**  **[6]** |
| 1 | **Mở đầu** 1. Khái niệm, mục tiêu, nhiệm vụ của môn học  2. Các yêu cầu khoa học với Vệ sinh chăn nuôi  3. Thực trạng vệ sinh chăn nuôi hiện nay  **Chương 1.** Vệ sinh môi trường không khí  1.1. Khái niệm về môi trường không khí  1.2. Nhiệt độ không khí chuồng nuôi | *Giảng viên:*  - Thuyết trình khái niệm, nhiệm vụ và các yêu cầu khoa học của Vệ sinh chăn nuôi.  - Đưa chủ đề thảo luận: thực trạng vệ sinh chăn nuôi tại địa phương  *SV:* Nghe giảng, trả lời câu hỏi  *Giảng viên:*  - Thuyết trình các khái niệm về môi trường không khí; nhiệt độ không khí chuồng nuôi  - Thảo luận: Ảnh hưởng của nhiệt độ không khí đến sự điều tiết thân nhiệt của vật nuôi  SV: Nghe giảng, trả lời câu hỏi | - Vở ghi chép  - Tài liệu tham khảo  - Tìm hiểu tài liệu để trả lời câu hỏi thảo luận của GV  - Tìm hiểu tài liệu để trả lời câu hỏi thảo luận của GV | CLO1.1 | A1.1 |
| 2 | **Chương 1.** (tiếp theo)  1.3. Độ ẩm không khí  1.4. Gió  1.5. Áp suất không khí  1.6. Bức xạ mặt trời  1.7. Bụi trong không khí  1.8. Vi sinh vật trong không khí  1.9. Các chất khí trong không khí | *Giảng viên:*  - Thuyết trình về các thành phần trong môi trường không khí, những ảnh hưởng đến đời sống vật nuôi và biện pháp kiểm soát  - Câu hỏi ôn tập: Các biện pháp phòng ngừa ô nhiễm và bảo vệ môi trường không khí trong chăn nuôi  SV: Nghe giảng, trả lời câu hỏi | - Vở ghi chép  - Tài liệu tham khảo  - Tìm hiểu tài liệu để trả lời câu hỏi ôn tập | CLO1.1 | A1.1 |
| 3 | **Chương 2.** Vệ sinh nước trong chăn nuôi  2.1. Vai trò của nước  2.2. Đặc điểm các nguồn nước tự nhiên  2.3. Một số tính chất và tác dụng tự làm sạch của nước  2.4. Các biện pháp làm sạch và tiêu độc nước  2.5. Nhu cầu dùng nước đúng nguyên tắc vệ sinh | ***Giảng viên:***  - Thuyết trình về vai trò của nước, đặc điểm các nguồn nước tự nhiên, các tính chất và tác dụng tự làm sạch của nước, biện pháp làm sạch và tiêu độc, nhu cầu dùng nước hợp vệ sinh  - Đặt câu hỏi về tác dụng tự làm sạch của nước và các ứng dụng trong xử lý nước thải chăn nuôi  **Sinh viên:**  - Nghe giảng, xây dựng bài  - Trả lời câu hỏi của GV | - Vở ghi chép  - Tài liệu học tập  - Tìm hiểu về tác dụng tự làm sạch của nước và các ứng dụng trong xử lý nước thải chăn nuôi | CLO1.1 | A1.1 |
| 4 | **Chương 3.** Vệ sinh môi trường đất  3.1. Thành phần cơ giới và phân loại đất  3.2. Các tính chất của đất  3.3. Tác dụng tự làm sạch của đất | ***Giảng viên:***  ***-*** Thuyết trình: thành phần cơ giới, các tính chất của đất, tác dụng tự làm sạch của đất.  - Đặt câu hỏi về tác dụng tự làm sạch của đất và các ứng dụng trong xử lý chất thải chăn nuôi  ***Sinh viên:***  - Nghe giảng, xây dựng bài  - Trả lời câu hỏi của GV | - Vở ghi chép  - Tài liệu tham khảo  - Tìm hiểu thông tin tài liệu để trả lời câu hỏi của GV | CLO1.1 | A1.1 |
| 5 | **Chương 4.** Vệ sinh cơ thể  4.1. Vệ sinh lông và da  4.2. Vệ sinh chân, móng  4.3. Vệ sinh vận chuyển  4.4. Vệ sinh gia súc giống  4.5. Vệ sinh gia súc non  4.6. Vệ sinh cho gia súc cày kéo  4.7. Vệ sinh cho gia súc lấy sữa | ***Giảng viên:***  - Thuyết trình: ý nghĩa vệ sinh cơ thể: lông, da, chân, móng, trong vận chuyển; vệ sinh cho các nhóm gia súc khác nhau  - Câu hỏi: Hãy nêu các giải pháp vệ sinh nhằm đảm bảo sức khỏe, tăng sức đề kháng cho vật nuôi  ***Sinh viên:***  - Nghe giảng, xây dựng bài  - Thảo luận thông tin liên quan đến bài học | - Vở ghi chép  - Tài liệu học tập  - Tìm hiểu tài liệu để trả lời câu hỏi của GV | CLO1.1  CLO2.1  CLO3.1 | A1.2A2.1 |
| 6 | **Chương 5.** Vệ sinh chuồng trại   * 1. Nguyên tắc chủ yếu trong xây dựng chuồng trại   2. Thực hiện quy hoạch và xây dựng chuồng trại   3. Vệ sinh các bộ phận trong chuồng nuôi   4. Nguyên tắc quản lý chuồng trại | ***Giảng viên:***  - Thuyết trình: nguyên tắc trong xây dựng, thực hiện quy hoạch và xây dựng chuồng, các biện pháp vệ sinh, các nguyên tắc quản lý chuồng trại  ***Sinh viên:***  - Nghe giảng  - Trả lời câu hỏi | - Vở ghi chép  - Tài liệu học tập  - Tìm hiểu tài liệu để trả lời câu hỏi thảo luận của GV | CLO1.1  CLO2.1  CLO3.1 | A1.2A2.1 |
| 7 | **Chương 5.** Vệ sinh chuồng trại (tiếp)  Bài tập: Nêu các biện pháp vệ sinh chuồng trại trước, trong và sau khi nuôi gia súc. | GV: giao bài tập cho SV  SV: Tìm tài liệu và làm bài tập theo yêu cầu | - Tài liệu học tập  - Máy tính | CLO1.1  CLO2.1  CLO3.1 | A1.2A2.1 |
| 8 | **Chương 6.** Vệ sinh thức ăn chăn nuôi  6.1. Thức ăn có độc, hại  6.2. Tiêu chuẩn về các loại thức ăn  6.3. Các biện pháp vệ sinh khi cho vật nuôi ăn | ***Giảng viên:***  ***-*** Thuyết trình: ý nghĩa của vệ sinh thức ăn; các loại thức ăn có độc, hại; tiêu chuẩn, các biện pháp vệ sinh thức ăn khi cho vật nuôi ăn  **-** Đặt câu hỏi có liên quan đến nội dung bài học  ***Sinh viên:***  - Nghe giảng, trả lời câu hỏi của GV | - Vở ghi chép  - Tài liệu học tập  - Tìm hiểu tài liệu để trả lời câu hỏi của GV | CLO1.1  CLO1.3 | A1.1 |
| 9 | **Chương 7.** Vệ sinh phòng trừ dịch bệnh  7.1. Nguyên lý vệ sinh phòng dịch bệnh  7.2. Các yếu tố phát sinh dịch bệnh  7.3. Các biện pháp vệ sinh phòng dịch bệnh  7.4. Công tác chống dịch | ***Giảng viên:***  - Thuyết trình nguyên lý vệ sinh phòng dịch bệnh; các yếu tố phát sinh; công tác chống dịch.  - Đặt câu hỏi: các biện pháp vệ sinh phòng dịch bệnh trong chăn nuôi  ***Sinh viên:***  - Nghe giảng, xây dựng bài  - Trả lời câu hỏi của GV | - Vở ghi chép  - Tài liệu học tập  - Tìm hiểu thông tin về một số dịch bệnh nguy hiểm trên gia súc, gia cầm, các biện pháp phòng dịch bệnh cho vật nuôi. | CLO1.1  CLO2.1 | A3.1A2.1 |
| 10 | **Thảo luận:**  Một số dịch bệnh nguy hiểm trên gia súc, gia cầm; biện pháp vệ sinh phòng dịch bệnh. | GV: Giao chủ đề cho sinh viên  SV: thực hiện bài kiểm tra theo yêu cầu của GV  - Nộp bài trên hệ thống LMS | - Tài liệu học tập | CLO2.1  CLO2.2  CLO3.1 | A1.2  A1.3 |

***Thực hành:***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tuần, số tiết** | **Nội dung** | **Hình thức tổ chức dạy học** | **Yêu cầu SV chuẩn bị** | **CĐR học phần** | **Bài đánh giá** |
| 1 (3) | Chuẩn bị hóa chất tiêu độc sát trùng, xử lý dụng cụ thiết bị chăn nuôi | Hướng dẫn các loại hóa chất và tác dụng, cách pha chế hóa chất | Giấy A4; Bút viết, chai lọ đựng hóa chất sau khi pha, găng tay, khẩu trang, giấy thấm | CLO2.3 | A1.4 |
| 2(3) | Vệ sinh khử trùng chuồng trại chăn nuôi | Hướng dẫn chuẩn bị dụng cụ, hóa chất, đồ bảo hộ | Dụng cụ bảo hộ, khẩu trang, hóa chất, bình phun, chổi. | CLO2.3 | A1.4 |
| 3(3) | Phân tích một số đặc tính của nước dùng trong chăn nuôi | Hướng dẫn chuẩn bị các thiết bị, dụng cụ để phân tích đặc tính của nước | Giấy A4; Bút viết, găng tay y tế, đồ bảo hộ | CLO2.3 | A1.4 |
| 4(3) | Xử lý dụng cụ, chuồng trại sau khi nuôi lợn | Hướng dẫn chuẩn bị dụng cụ, hóa chất, đồ bảo hộ | Dụng cụ bảo hộ, khẩu trang, hóa chất, bình phun, chổi. | CLO2.3 | A1.4 |
| 5(3) | Đánh giá điều kiện vệ sinh tại cơ sở chăn nuôi gia cầm | Hướng dẫn các nội dung, yêu cầu cần thực hiện, đồ bảo hộ | Giấy A4; Bút viết, khẩu trang, găng tay | CLO2.3 | A1.4 |

**8. Nhiệm vụ của người học**

***8.1. Phần tự học***

- Nghiên cứu tài liệu, xem các slide/video/website.

- Chủ động tìm các nguồn tài liệu khác liên quan đến nội dung học phần.

- Thảo luận, trao đổi những vấn đề liên quan đến học phần với bạn học/cựu sinh viên/cán bộ tại đơn vị trải nghiệm hoặc các nguồn lực hỗ trợ khác.

- Hoàn thành các bài tập được giao trên LMS.

***8.2. Phần học trên lớp trực tiếp hoặc online với giảng viên***

- Dự lớp ≥ 80% tổng thời lượng của học phần.

- Chủ động, tích cực trong giờ học.

- Phát hiện, đưa ra câu hỏi hoặc vấn đề liên quan đến nội dung học tập.

***8.3. Thực hành***

- Tham gia đầy đủ các bài thực hành

- Tôn trọng ý kiến và chịu trách nhiệm về kết quả làm việc chung.

- Hoàn thành đầy đủ nhiệm vụ và sản phẩm thực hành được giao.

**9. Ngày phê duyệt:**

**10. Cấp phê duyệt:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **KT. HIỆU TRƯỞNG**  **PHÓ HIỆU TRƯỞNG** | **VIỆN TRƯỞNG**  **TS. Nguyễn Đình Vinh** | **TRƯỞNG BỘ MÔN**  **TS. Lê Minh Hải** |

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH**  **VIỆN NÔNG NGHIỆP VÀ TÀI NGUYÊN** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

## **ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN CHI TIẾT**

## **Bảo quản và chế biến sản phẩm chăn nuôi**

**1. Thông tin tổng quát:**

***1.1. Thông tin về giảng viên***

***Giảng viên 1:Tạ Thị Bình***

Học hàm, học vị: Giảng viên – Tiến sỹ

Địa chỉ liên hệ: Bộ môn Nuôi trồng Thủy sản và Chăn nuôi – Viện Nông nghiệp và Tài Nguyên

Điện thoại, email: : [tathibinhdhv@gmail.com](mailto:tathibinhdhv@gmail.com); ĐT: 0984.596.189

Các hướng nghiên cứu chính:

***Giảng viên 2: Trương Thị Thành Vinh***

Học hàm, học vị: Giảng viên – Thạc sỹ

Địa chỉ liên hệ: Bộ môn Thủy sản và Chăn nuôi – Viện Nông nghiệp và Tài Nguyên Điện thoại, email: thanhvinhtruong@.gmail.com; ĐT: 0985381343

Các hướng nghiên cứu chính:

***1.2. Thông tin về học phần:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| - Tên môn học (tiếng Việt): Bảo quản và chế biến sản phẩm chăn nuôi  (tiếng Anh): | | |
| - Mã số học phần: AHY30021 | | |
| - Thuộc CTĐT ngành: Chăn nuôi | | |
| - Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:  Kiến thức cơ bản  Kiến thức cơ sở ngành  xx  Kiến thức ngành | Học phần chuyên về kỹ năng chung  Kiến thức khác | |
| - Thuộc loại học phần: Bắt buộc | Tự chọn | |
| - Số tín chỉ: 3  x | |  |
| + Số tiết lý thuyết: 30 | |  |
| + Số tiết thảo luận/bài tập: | |  |
| + Số tiết thực hành: 15 | |  |
| + Số tiết tự học: 60 | |  |
| - Điều kiện đăng ký học: | |  |
| + Học phần tiên quyết: Vi sinh vật chăn nuôi | | Mã số HP: AHY30005 |
| + Học phần học trước: An toàn thực phẩm | | Mã số HP: AHY30017 |
| - Yêu cầu của học phần: Thực hiện theo Quy chế đào tạo của Trường Đại học Vinh. Cụ thể:  + Thời gian tối thiểu sinh viên phải có mặt trên lớp: 80%  + Sinh viên phải nộp đầy đủ bài tập, báo cáo qua hệ thống LMS (Mục 5.1).  + Tham gia đầy đủ các bài thực hành | | |
| - Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Thủy sản và Chăn nuôi  Điện thoại: Email: | | |

**2. Mô tả học phần**

Nội dung môn học Bảo quản sản phẩm chăn nuôi cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về các phương pháp, công nghệ bảo quản chế biến sản phẩm chăn nuôi hiện nay đang được áp dụng và ứng dụng sau thu hoạch; Đồng thời, cung cấp kỹ năng nhận biết sản phẩm chăn nuôi và nhận định đúng đắn về tính trung thực trong bảo quản và chế biến sản phẩm chăn nuôi. Từ đó, nhận thức và thực hiện được các luật lệ quy định trong bảo quản và chế biến sản phẩm chăn nuôi.

**3. Mục tiêu học phần**

*Mục tiêu học phần trình bày thành một đoạn văn; diễn đạt khá tổng quát về kiến thức/kỹ năng/thái độ sẽ đạt được (phù hợp với CĐR CTĐT và TĐNL phân bổ cho học phần); thể hiện được sự học tập chủ động của sinh viên (lấy người học làm trung tâm).*

Học phần này giúp sinh viên nắm được một số kiến thức và phương pháp cơ bản trong chế biến bảo quản các sản phẩm chăn nuôi sau thu hoạch. Biết phương hướng và cách thức ứng dụng kỹ thuật và công nghệ trong lĩnh vực bảo quản và chế biến các sản phẩm chăn nuôi. Có phẩm chất cá nhân, sức khỏe, đạo đức;.Phát triển kỹ năng tổ chức nhóm để giải quyết các vấn đề nảy sinh trong sản xuất. Có khả năng thiết kế một số nghiên cứu và ứng dụng cụ thể trong chế biến và bảo quản sản phẩm chăn nuôi sau thu hoạch

**4. Chuẩn đầu ra học phần, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá**

***4.1. Ánh xạ chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **CĐR học phần** | **Ánh xạ với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo** | | | |
| PLO1.3 | PLO2.2 | PLO2.3 | PLO3.1 |
| 1.3.2 | 2.2.1 | 2.3.1 | 3.1.2 |
| CLO 1.1 | 1,0 |  |  |  |
| CLO 2.1 |  | 1,0 |  |  |
| CLO 2.2 |  |  | 1,0 |  |
| CLO 3.1 |  |  |  | 1,0 |

***4.2. Nội dung chuẩn đầu ra, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá học phần***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **CĐR học phần (CLO)** | **TĐNL CĐR**  **học phần** | **Mô tả CĐR học phần** | **Phương pháp dạy học** | **Phương pháp đánh giá** |
| CLO 1.1 | K3 | Hiểu và vận dụng được các phương pháp, công nghệ, quy trình kỹ thuật bảo quản và chế biến các sản phẩm chăn nuôi sau thu hoạch | Thuyết trình; tự học; | Thi TNKQ  Thi viết |
| CLO 2.1 | A4 | Có đạo đức tránh nhiệm nghề nghiệp | Tự học | Rubric 2 |
| CLO 2.2 | S4 | Thế hiện thành thạo một số kỹ thuật bảo quản và chế biến các sản phẩm chăn nuôi | Hướng dẫn, thực hành/tự học | Rubric 2 |
| CLO 3.1 | S4 | Phát triển kỹ năng tổ chức nhóm để giải quyết các vấn đề đặt ra | Hướng dẫn, thực hành/tự học | Rubric1 |

*Ghi chú:*

*- Khi đối sánh với CĐR CTĐT, cần ghi rõ trình độ năng lực (TĐNL) phân nhiệm cho học phần bằng số tương ứng trong ngoặc đơn.*

*- TĐNL được ký hiệu bằng chữ số chẵn tương ứng: 1, 2, 3, 4, 5 (Phụ lục 1)*

*- Ví dụ về phương pháp dạy học: Thuyết trình, bài tập, thảo luận, làm việc nhóm, nghiên cứu tình huống, thực hành, đồ án/dự án, tự học/tự nghiên cứu…*

*- Ví dụ về phương pháp đánh giá:**Trắc nghiệm, tự luận, vấn đáp, thực hành, biểu diễn, bài tập lớn, phỏng vấn, quan sát, hồ sơ học tập, chấm đồ án/dự án…*

**5. Đánh giá học tập và các bộ tiêu chí đánh giá**

***5.1. Đánh giá học tập***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Bài đánh giá** | **Hình thức đánh giá,**  **minh chứng, lưu hồ sơ** | **Công cụ**  **đánh giá** | **CĐR học phần** | **Tỷ lệ**  **Cho bài đánh giá** | **Tỷ lệ cho học phần** |
| **A1. Đánh giá quá trình** | | | |  | **50%** |
| A1.1. Bài trắc nghiệm 1 | - Bài trắc nghiệm trên LMS, chấm điểm tự động | Đáp án | CLO 1.1 | 100% | 30% |
| A1.2. Thực hành | - Đánh giá kỹ năng thực hành tại PTN | Rubric 1 | CLO 2.1 | 20% | 20% |
| CLO 2.2 | 60% |
| CLO 3.1 | 20% |
| **A3. Đánh giá cuối kỳ** | | | |  | **50%** |
| A2.1. Thi tự luận | - Thi viết; TT Đảm bảo chất lượng tổ chức thi và lưu hồ sơ | Đáp án | CLO 1.1 | 100% | 50% |
| **Công thức tính điểm tổng kết:**  **Điểm TKHP = A1.1x0,3 + A1.2x0,2 + A2.1x0,5** | | | | | |

*- Ghi chú: Các bài đánh giá thiết kế sao cho đánh giá được từng CĐR.*

*- Ví dụ về công cụ đánh giá: Rubrics, đáp án, bảng kiểm…*

***5.2. Các bộ tiêu chí đánh giá***

***5.2.1. Rubric 2: Đánh giá bài A1.2***

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **CĐR cấp 2** | **Tiêu chí đánh giá** | **Trọng số (%)** | **Mức độ đánh giá** | | | | |
| **A** | **B** | **C** | **D** | **F** |
| **8.5 - 10** | **7.0 - 8.4** | **5.5 - 6.9** | **4,0 -5,4** | **< 4,0** |
| **CLO 2.1. Có đạo đức tránh nhiệm nghề nghiệp** | **Ý thức, trách nhiệm khi tham gia hoạt động học tập** | 10 | Ý thức, trách nhiệm cao khi tham gia hoạt động học tập | Ý thức, trách nhiệm khá cao khi tham gia hoạt động học tập | Ý thức, trách nhiệm khi tham gia hoạt động học tập | Ý thức, trách nhiệm khi tham gia hoạt động học tập đang còn thấp | Ý thức, trách nhiệm thấp hoặc không có khi tham gia hoạt động học tập |
|  | **Mức độ tham gia hoạt động học tập** | 10 | Tham gia hoạt động học tập, với tần suất cao | Tham gia hoạt động học tập, tần suất khá cao | Tham gia hoạt động học tập | Tham gia hoạt động học tập, tần suất thấp | Không tham gia hoạt động học tập |
| **PLO2.3. Thế hiện thành thạo một số kỹ thuật bảo quản và chế biến các sản phẩm chăn nuôi** | **Chuẩn bị** | 10 | Có sự chuẩn bị tốt về bài thực hành | Có sự chuẩn bị khá tốt về bài thực hành | Có sự chuẩn bị về bài thực hành | Có sự chuẩn bị về bài thực hành sơ sài | Chưa có sự chuẩn bị về bài thực hành |
| **Thao tác thực hành, thí nghiệm** | 30 | Thao tác thực hiện chính xác ở mức độ cao | Thao tác thực hiện chính xác ở mức độ khá | Thao tác thực hiện chính xác ở mức độ cơ bản | Thao tác thực hiện chính xác ở mức độ thấp | Không thực hiện được |
| **Kết quả thực hành** | 20 | Sản phẩm thực hành đạt tiêu chuẩn cao | Sản phẩm thực hành đạt tiêu chuẩn khá | Sản phẩm thực hành đạt tiêu chuẩn cơ bản | Sản phẩm thực hành đạt tiêu chuẩn khá thấp | Không có sản phẩm hoặc không đạt |
| **CLO 3.2**  **Phát triển kỹ** **năng tổ chức nhóm để giải quyết các vấn đề đặt ra** | **Tổ chức nhóm** | 5 | Tham gia đầy đủ, tích cực các cuộc hợp nhóm | Tham gia đầy đủ các hoạt động nhóm. | Tham gia còn thiếu một số ít hoạt động | Chỉ tham gia một số ít hoạt động | Không tham gia |
| Nhiệm vụ được phân công rõ ràng, đầy đủ cho các thành viên trong nhóm | Nhiệm vụ được phân công khá rõ ràng, đầy đủ cho các thành viên trong nhóm | Nhiệm vụ được phân công cho các thành viên trong nhóm đầy đủ | Nhiệm vụ được phân công cho các thành viên trong nhóm chưa đầy đủ | Chưa có sự phân công nhiệm vụ |
| **Hợp tác nhóm** | 10 | Chủ động tạo ra sự tương tác tích cực thực hiện nhiệm vụ | Chủ động tạo ra sự tương tác khá tích cực thực hiện nhiệm vụ | Tương tác thực hiện nhiệm vụ ở mức cơ bản | Còn bị động, phụ thuộc trong sử dụng các phương thức làm việc nhóm | Thụ động trong việc tương tác với các thành viên |
| - Trao đổi, chia sẻ và chấp nhận các ý tưởng trong thực hiện nhiệm vụ với các thành viên ở mức độ cao | - Trao đổi và chấp nhận các ý tưởng trong thực hiện nhiệm vụ với các thành viên mức độ khá | Trao đổi, chia sẻ và chấp nhận các ý tưởng trong thực hiện nhiệm vụ với các thành viên ở mức độ cơ bản | Trao đổi và chấp nhận các ý tưởng trong thực hiện nhiệm vụ với các thành viên ở mức độ thấp | Không trao đổi, chia sẻ trong nhóm |
| - Chủ động kết nối, sử dụng các phương thức làm việc nhóm hiệu quả cao | - Chủ động kết nối, sử dụng các phương thức làm việc nhóm hiệu quả khá cao | Kết nối, sử dụng các phương thức làm việc nhóm hiệu quả cơ bản | Kết nối, sử dụng các phương thức làm việc nhóm hiệu quả thấp | Bị động trong kết nối, không hiệu quả |
| **Thảo luận nhóm** | 5 | Đề xuất, sáng kiến để đạt được tốt mục tiêu, kết quả nhóm | Đề xuất, sáng kiến để đạt được khá tốt mục tiêu, kết quả nhóm | Đề xuất, sáng kiến để đạt được mục tiêu, kết quả nhóm ở mức cơ bản | Đề xuất, sáng kiến để đạt được mục tiêu, kết quả nhóm thấp | Chưa có các đề xuất, sáng kiến |
| **Tổng** | | | | | | |  |

**6. Tài liệu học tập**

**6.1.Tài liệu bắt buộc:**

1. Nguyễn Văn Mười ,Trần Thanh Trúc ,Giáo trình Xử lý sau thu hoạch và chế biến sản phẩm động vật, Nhà Xuất bản ĐH Cần Thơ, 2014

2. Nguyễn Tiến Lực. Công nghệ chế biến thịt và thuỷ sản. NXB Đại học quốc gia TPHCM, 2016

**6.2.Tài liệu tham khảo:**

3. Trần Như Khuyên, Nguyễn Thị Thanh Hải, Giáo trình Công nghệ bảo quản và chế biến sản phẩm chăn nuôi, Nhà xuất bản Hà Nội, 2007

6. Phạm Xuân Vượng, Trần Như Khuyên ,Giáo trình Kỹ thật lạnh và lạnh đông thực phẩm – Đại học Nông nghiệp Hà Nội, 2006.

**7. Kế hoạch dạy học**

***Lý thuyết:***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tuần/**  **Buổi**  **học [1]** | **Nội dung**  **[2]** | **Hình thức tổ chức dạy và học [3]** | **Chuẩn bị của sinh viên [4]** | **CĐR học phần [5]** | **Bài đánh giá**  **[6]** |
| 1  (3 tiết) | **Chương 1. Sữa nguyên liệu**  1.1. Thành phần hoá học và giá trị dinh dưỡng sữa  1.1.1. Nước  1.1.2. Chất khô  1.1.3. Giá trị dinh dưỡng của sữa  1.2. Một số tính chất đặc trưng của sữa  1.2.1. Tính chất vật lý  1.2.2. Tính chất hoá học | **Hoạt động 1:** Thuyết giảng kết hợp trình chiếu Slide các nội dung bài học. Đặt câu hỏi liên quan để sv suy nghĩ trả lời  **Hoạt động 2:** Hướng dẫn tự học trên LMS | - Đọc tài liệu  - Nghiên cứu hệ thống LMS | CLO1.1 | A1.1  A2.1 |
| 2  (3 tiết) | **Chương 1. Sữa nguyên liệu**  1.3. Một số yếu tố ảnh hưởng tới thành phần và chất lượng của sữa  1.3.1. Giống và tuổi  1.3.2. Chu kỳ vắt sữa  1.3.3. Thức ăn  1.3.4. Điều kiện môi trường  1.3.5. Tình trạng sức khoẻ  1.4. Kiểm tra chất lượng sữa  1.4.1. Độ axit chung  1.4.2. Chỉ số độ tươi  1.4.3. Chỉ tiêu vi sinh vật  1.4.4. Tạp chất cơ học  1.4.5. Tỷ trọng  1.4.6. Hàm lượng chất béo  1.4.7. Xác định hàm lượng chất khô  1.5. Vắt sữa, vận chuyển và thu nhận sữa  1.5.1. Vắt sữa  1.5.2. Vận chuyển  1.5.3. Thu nhận | **Hoạt động 1:** Thuyết giảng kết hợp trình chiếu Slide các nội dung bài học. Đặt câu hỏi liên quan để sv suy nghĩ trả lời  **Hoạt động 2** Thảo luận | - Đọc tài liệu  - Nghe bài giảng elearning và làm bài tập trước khi đến lớp | CLO1.1 | A1.1  A2.1 |
| 3  (3 tiết) | **Chương 2. Kỹ thuật sơ chế và bảo quản sữa**  2.1. Những biến đổi của sữa trong quá trình bảo quản  2.1.1. Lên men đường  2.1.2. Phân huỷ mỡ sữa  2.2. Kỹ thuật sơ chế sữa  2.2.1. Làm sạch sữa  2.2.2. Kỹ thuật làm lạnh và bảo quản sữa  2.2.3 bảo quản lạnh  2.3. Thanh trùng sữa  2.3.1. Nguyên lý  2.3.2. Các phương pháp thanh trùng  2.3.3. Chế độ thanh trùng  2.3.4 Thiết bị thanh trùng  2.4. Phân ly sữa  2.4.1. Mục đích của việc phân ly sữa  2.4.2. Nguyên lý phân ly sữa  2.4.3 Thiết bị phân ly sữa  2.4.4. Những yếu tố ảnh hưởng đến quá trình phân ly sữa  2.5. Đồng hoá sữa  2.5.1. Mục đích  2.5.2. Nguyên tắc đồng hoá sữa  2.5.3. Phương pháp xác định hiệu quả đồng hoá  2.6. Tiêu chuẩn hoá sữa  2.6.1. Mục đích tiêu chuẩn hoá  2.6.2. Phương pháp tiêu chuẩn hoá | **Hoạt động 1:** Kiểm tra nội dung tự học của sinh viên.  **Hoạt động 2:** Thuyết giảng kết hợp trình chiếu Slide các nội dung bài học. Đặt câu hỏi liên quan để sv suy nghĩ trả lời  **Hoạt động 3:** Thảo luận | - Đọc tài liệu  - Nghe bài giảng elearning và làm bài tập trước khi đến lớp | CLO1.1 | A1.1  A2.1 |
| 4  (3 tiết) | **Chương 3. Kỹ thuật chế biến sữa**  3.1. Kỹ thuật sản xuất sữa uống  3.1.1. Sữa thanh trùng  3.1.2. Sữa tiệt trùng  3.1.3. Sữa hoàn nguyên, sữa pha lại  3.2. Kỹ thuật sản xuất sữa cô đặc  3.2.1. Khái niệm sữa cô đặc  3.2.2. Quy trình sản xuất sữa cô đặc  3.3. Quy trình sản xuất sữa bột  3.3.1. Khái niệm sữa bột  3.3.2. Quy trình sản xuất sữa bột | **Hoạt động 1:** Kiểm tra nội dung tự học của sinh viên  **Hoạt động 2:** Thuyết giảng kết hợp trình chiếu Slide các nội dung bài học. Đặt câu hỏi liên quan để sv suy nghĩ trả lời  **Hoạt động 3:** Thảo luận | - Nghe bài giảng elearning và làm bài tập trước khi đến lớp  - Nghe bài giảng elearning và làm bài tập trước khi đến lớp | CLO1.1 | A1.1  A2.1 |
| 5  (3 tiết) | **Chương 3. Kỹ thuật chế biến sữa**  3.4. Kỹ thuật sản xuất các sản phẩm lên men  3.4.1. Khái niệm  3.4.2. Sữa chua yoghurt  3.4.3. Sữa chua kefir  3.5. Kỹ thuật sản xuất bơ  3.5.1. Khái niệm  3.5.2. Nguyên liệu để sản xuất cream  3.5.3. Quy trình sản xuất bơ  2.5.4. Những biến đổi của bơ trong quá trình chế biến và bảo quản  3.5.5. Kiểm tra hiệu suất của quá trình sản xuất bơ | **Hoạt động 1:** Kiểm tra nội dung tự học của sinh viên  **Hoạt động 2:** Thuyết giảng kết hợp trình chiếu Slide các nội dung bài học. Đặt câu hỏi liên quan để sv suy nghĩ trả lời  **Hoạt động 3:** Thảo luận | - Đọc tài liệu  - Nghe bài giảng elearning và làm bài tập trước khi đến lớp | CLO1.1 | A1.1  A2.1 |
| 6  (3 tiết) | **Chương 4. Thịt nguyên liệu**  4.1 Một số quy trình giết mổ gia súc, gia cầm  4.1.1 Quy trình giết mổ lợn, cừu  4.1.2 Quy trình giết mổ trâu, bò  4.1.3 Quy trình giết mổ gia cầm  4.1.4 Ảnh hưởng của kỹ thuật giết mổ lên chất lượng thịt  4.2 Dinh dưỡng, thành phần và tính chất của thịt nguyên liệu  4.2.1 Dinh dưỡng thịt nguyên liệu  4.2.2 Thành phần và tính chất thịt nguyên liệu | **Hoạt động 1:** Kiểm tra nội dung tự học của sinh viên  **Hoạt động 2:** Thuyết giảng kết hợp trình chiếu Slide các nội dung bài học. Đặt câu hỏi liên quan để sv suy nghĩ trả lời  **Hoạt động 3:** Thảo luận | - Đọc tài liệu  - Nghe bài giảng elearning và làm bài tập trước khi đến lớp | CLO1.1 | A1.1  A2.1 |
| 7  (3 tiết) | **Chương 4. Thịt nguyên liệu**  4.3 Biến đổi hóa sinh ở thịt sau giết mổ  4.3.1 Giai đoạn tê cưng sau khi chết  4.3.2 Giai đoạn chín tới của thịt.  4.3.3 Giai đoạn tự phân sâu xa .  4.3.4 Các phương pháp làm tăng quá trình chín tới của thịt  4.4. Chất lượng thịt và những quy định về chất lượng thịt  4.4.1 Quy định về chất lượng thịt tươi 4.4.2 Quy định về chất lượng thịt chế biến có xử lý nhiệt  4.4.3 Ảnh hưởng của pH đối với chất lượng thịt  4.4.4 Thịt bình thường, thịt PSE, thịt DFD và các yếu tố ảnh hưởng  4.4.5 Các dạng hư hỏng của thịt | **Hoạt động 1:** Kiểm tra nội dung tự học của sinh viên  **Hoạt động 2:** Thuyết giảng kết hợp trình chiếu Slide các nội dung bài học. Đặt câu hỏi liên quan để sv suy nghĩ trả lời  **Hoạt động 3:** Thảo luận | - Đọc tài liệu  - Nghe bài giảng elearning và làm bài tập trước khi đến lớp | CLO1.1 | A1.1  A2.1 |
| 8  (3 tiết) | **Chương 5. Bảo quản thịt và các sản phẩm chế biến từ thịt**  5.1. Ý nghĩa của việc bảo quản thịt và sản phẩm từ thịt  5.2. Một số phương pháp bảo quản thịt và sản phẩm từ thịt  5.2.1. Bảo quản thịt bằng phương pháp làm lạnh  5.2.2. Bảo quản thịt bằng phương pháp lạnh đông  5.2.3. Bảo quản thịt bằng phương pháp nấu – xử lý nhiệt  5.2.4. Bảo quản thịt bằng phương pháp sấy khô hoặc phơi nắng  5.2.5. Bảo quản thịt bằng phương pháp Hớp muối.  5.2.6. Bảo quản thịt bằng phương pháp hun khói  5.2.7. Bảo quản thịt bằng phương pháp bao gói  5.2.8. Các phương pháp bảo quản khác | **Hoạt động 1:** Kiểm tra nội dung tự học của sinh viên tuần 9.  **Hoạt động 2:** Thuyết giảng kết hợp trình chiếu Slide các nội dung bài học. Đặt câu hỏi liên quan để sv suy nghĩ trả lời  **Hoạt động 3:** Thảo luận | - Đọc tài liệu].  - Nghe bài giảng elearning và làm bài tập trước khi đến lớp | CLO1.1 | A1.1  A2.1 |
| 9  (3 tiết) | **Chương 6. Công nghệ chế biến thịt**  6.1. Công nghệ chế biến đồ hộp thịt  6.2. Công nghệ chế biến các sản phẩm từ hệ nhũ tương thịt  6.3. Công nghệ chế biến các sản phẩm thịt hấp và xông khói | **Hoạt động 1:** Kiểm tra nội dung tự học của sinh viên  **Hoạt động 2:** Thuyết giảng kết hợp trình chiếu Slide các nội dung bài học. Đặt câu hỏi liên quan để sv suy nghĩ trả lời  **Hoạt động 3:** Thảo luận | - Đọc tài liệu  - Nghe bài giảng elearning và làm bài tập trước khi đến lớp | CLO1.1 | A1.1  A2.1 |
| 10  (3 tiết) | **Chương 6. Công nghệ chế biến thịt**  6.4. Công nghệ chế biến các sản phẩm thịt lên men  6.5. Các chất phụ gia, gia vị dùng trong công nghệ chế biến thịt  6.6. Phế liệu trong công nghệ chế biến thịt | **Hoạt động 1:** Kiểm tra nội dung tự học của sinh viên  **Hoạt động 2:** Thuyết giảng kết hợp trình chiếu Slide các nội dung bài học. Đặt câu hỏi liên quan để sv suy nghĩ trả lời  **Hoạt động 3:** Thảo luận | - Đọc tài liệu  - Nghe bài giảng elearning và làm bài tập trước khi đến lớp | CLO1.1 | A1.1  A2.1 |

***Thực hành:***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Số tiết/tuần**  **(1)** | **Nội dung**  **(2)** | **Hình thức tổ chức dạy và học (3)** | **Chuẩn bị**  **của SV (4)** | **CĐR môn học (5)** | **Bài đánh giá**  **(6)** |
| **3** | **Bài thực hành 1**  Sản xuất sữa chua yoghurt | Hướng dẫn, quan sát, thực hành. | Vở ghi chép, bút, giấy A4  Đọc tài liệu liên quan ở nhà | CLO2.1  CLO2.2  CLO3.1 | A1.2 |
| **3** | **Bài thực hành 2**  Sản xuất bơ | Hướng dẫn, quan sát, thực hành. | Vở ghi chép, bút, giấy A4  Đọc tài liệu liên quan ở nhà | CLO2.1  CLO2.2  CLO3.1 | A1.2 |
| **3** | **Bài thực hành 3.**  Chế biến thịt lên men | Hướng dẫn, quan sát, thực hành. | Vở ghi chép, bút, giấy A4  Đọc tài liệu liên quan ở nhà | CLO2.1  CLO2.2  CLO3.1 | A1.2 |
| **3** | **Bài thực hành 4.**  Chế biến thịt gà khô | Hướng dẫn, quan sát, thực hành. | Vở ghi chép, bút, giấy A4  Đọc tài liệu liên quan ở nhà | CLO2.1  CLO2.2  CLO3.1 | A1.2 |
| **3** | **Bài thực hành 5**  Chế biến thịt bò khô | Hướng dẫn quan sát, thực hành. | Vở ghi chép, bút,  Đọc tài liệu liên quan ở nhà | CLO2.1  CLO2.2  CLO3.1 | A1.2 |

***8.1. Phần tự học***

- Nghiên cứu tài liệu, xem các slide/video/website.

- Chủ động tìm các nguồn tài liệu khác liên quan đến nội dung học phần.

- Thảo luận, trao đổi những vấn đề liên quan đến học phần với bạn học/cựu sinh viên/cán bộ tại đơn vị trải nghiệm hoặc các nguồn lực hỗ trợ khác.

- Hoàn thành các bài tập được giao trên LMS.

***8.2. Phần học trên lớp trực tiếp hoặc online với giảng viên***

- Dự lớp ≥ 80% tổng thời lượng của học phần.

- Chủ động, tích cực trong giờ học.

- Phát hiện, đưa ra câu hỏi hoặc vấn đề liên quan đến nội dung học tập.

***8.3. Thực hành***

- Tham gia đầy đủ các bài thực hành

- Tôn trọng ý kiến và chịu trách nhiệm về kết quả làm việc chung.

- Hoàn thành đầy đủ nhiệm vụ và sản phẩm thực hành được giao.

**9. Ngày phê duyệt:**

**10. Cấp phê duyệt:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **KT. HIỆU TRƯỞNG**  **PHÓ HIỆU TRƯỞNG** | **VIỆN TRƯỞNG**  **TS. Nguyễn Đình Vinh** | **TRƯỞNG BỘ MÔN**  **TS. Lê Minh Hải** |

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH**  **VIỆN NÔNG NGHIỆP VÀ TÀI NGUYÊN** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

## **ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN CHI TIẾT**

## **Thực tập nghề Chăn nuôi –Thú y 1**

## **(THỰC TẬP CHĂN NUÔI LỢN)**

**1. Thông tin tổng quát:**

***1.1. Thông tin về giảng viên***

***Giảng viên 1:Tạ Thị Bình***

Học hàm, học vị: Giảng viên – Tiến sỹ

Địa chỉ liên hệ: Bộ môn Nuôi trồng Thủy sản và Chăn nuôi – Viện Nông nghiệp và Tài Nguyên

Điện thoại, email: : [tathibinhdhv@gmail.com](mailto:tathibinhdhv@gmail.com); ĐT: 0984.596.189

Các hướng nghiên cứu chính:

***Giảng viên 2: Hoàng Thị Mai***

Học hàm, học vị: Giảng viên – Tiến sỹ

Địa chỉ liên hệ: Bộ môn Thủy sản và Chăn nuôi – Viện Nông nghiệp và Tài Nguyên

Điện thoại, email: hoangmaidhv@.gmail.com; ĐT:

Các hướng nghiên cứu chính:

***1.2. Thông tin về học phần:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| - Tên môn học (tiếng Việt): **Thực tập nghề chăn nuôi - thú y 1**  (tiếng Anh): | | |
| - Mã số môn học: AHY32016 | | |
| - Thuộc CTĐT ngành: Chăn nuôi | | |
| - Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:  Kiến thức cơ bản  Kiến thức cơ sở ngành  Kiến thức ngành | Học phần chuyên về kỹ năng chung  Học phần dạy học theo hình thức dự án/đồ án  Kiến thức khác | |
| - Thuộc loại học phần: Bắt buộc | Tự chọn | |
| - Số tín chỉ: 6  + Số tiết lý thuyết:  + Số tiết thực hiện đồ án, dự án: 90  + Số tiết tự học: 180 | | |
| - Điều kiện đăng ký học: | |  |
| + Học phần tiên quyết: Chăn nuôi lợn | | Mã số HP: AHY30012 |
| + Học phần học trước: Công nghệ sinh sản vật nuôi | | Mã số HP: AHY30015 |
| - Yêu cầu của học phần: Thực hiện theo Quy chế đào tạo của Trường Đại học Vinh. Cụ thể:  + Thời gian tối thiểu sinh viên phải có mặt tại cơ sở thực tập: 100%  + Sinh viên phải nộp đầy đủ báo cáo theo nhóm, nhật ký thực tập cá nhân và báo cáo sau khi hoàn thành thời gian thực tập tại các cơ sở/trạm trại qua hệ thống LMS (Mục 5.1). | | |
| - Bộ môn phụ trách học phần:  Điện thoại: Email: | | |

**2. Mô tả học phần**

Sinh viên được gưi thực tập tại các trạm/trại/cơ sở sản xuất Chăn nuôi (lợn) tiên tiến trong thời gian 10-12 tuần. Tùy theo cơ sở thực tập, sinh viên nắm vững các công việc cần được thực hiện hàng ngày theo yêu cầu của cơ sở/trại. Tại đây, sinh viên được cung cấp kiến thức thực nghiệm về quy trình kỹ thuật chăm sóc, nuôi dưỡng, vệ sinh thú y và phòng bệnh từng đối tượng lợn (lợn đực giống, lợn nái trước khi phối giống, lợn nái mang thai, lợn nái nuôi con, lợn con bú sữa, lợn thịt); vận dụng, triển khai các kiến thức đã được học vào thực tế chăn nuôi(lợn); đồng thời có sự hỗ trợ của cán bộ kỹ thuật, chủ trại, giáo viên hướng dẫn giúp các sinh viên tiếp cận với phương pháp nghiên cứu khoa học, phương pháp bố trí thí nghiệm, xử lý số liệu, viết báo cáo khoa học,… Từ đó, sinh.viên có được các kiến thức thực tế và kỹ năng sống và làm việc. Trong suốt thời gian thực tập, sinh viên phải viết nhật ký thực tập tại các trạm/trại/cơ sở sản xuất làm cơ sở cho việc đánh giá kết quả môn học. Sau thời gian thực tập, sinh viên trở về trường báo cáo kết quả thực tập dựa trên nhận xét đóng góp của trạm/trại/cơ sở và giáo viên hướng dẫn.

**3. Mục tiêu học phần**

Giúp cho sinh viên nâng cao và củng cố kiến thức chuyên môn, tay nghề kỹ thuật, kỹ năng và trình độ sản xuất thực tế tại trạm/trại/cơ sở sản xuất chăn nuôi (lợn); Giúp sinh viên tích lũy đủ kiến thức trong quản lý vật nuôi (lợn) và các kỹ thuật chăn nuôi và kiểm soát dịch bệnh tốt. Sinh viên phải nắm rõ công việc cần được thực hiện hàng ngày tại cơ sở/trại chăn nuôi; Củng cố các kiến thức thực tế với lý thuyết đã được trang bị ở trường; có khả năng thực hiện tốt hơn, linh động hơn trong việc quản lý vật nuôi cũng như con người ở trang trại/cơ sở chăn nuôi(lợn); Trau dồi kỹ năng làm việc nhóm, khả năng xử lý, kiểm soát và cải thiện các vấn đề các vấn đề trong sản xuất chăn nuôi, giúp vật nuôi (lợn) đạt năng suất cao nhất, giảm thải sự ô nhiễm môi trường; Phát huy được vai trò của người học trong việc lập kế hoạch và tổ chức công việc hợp lý, phân tích, đánh giá và giải quyết các vấn đề liên quan đến chăm sóc và quản lý vật nuôi và con người. Rèn luyện cho sinh viên có ý thức trách nhiệm, đạo đức và tác phong nghề nghiệp cao.

**4. Chuẩn đầu ra học phần, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá**

***4.1. Ánh xạ chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo***

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Chuẩn đầu ra học phần** | ***Ánh xạ với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo*** | | | | | | | | | | | | |
| **PLO1.3** | **PLO2.1** | | **PLO2.2** | | **PLO2.3** | **PLO3.1** | **PLO3.2** | **PLO4.1** | | **PLO4.2** | | **PLO4.3** |
| 1.3.1 | 2.1.1 | 2.1.2 | 2.2.1 | 2.2.3 | 2.3.2 | 3.1.2 | 3.2.2 | 4.1.1 | 4.1.2 | 4.2.1 | 4.2.2 | 4.3.1 |
| *CLO1.1* | 1,0 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| *CLO2.1* |  | 1,0 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| *CLO2.2* |  |  | 1,0 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| *CLO2.3* |  |  |  | 1,0 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| *CLO2.4* |  |  |  |  | 1,0 |  |  |  |  |  |  |  |  |
| *CLO2.5* |  |  |  |  |  | 1,0 |  |  |  |  |  |  |  |
| *CLO3.1* |  |  |  |  |  |  | 1,0 |  |  |  |  |  |  |
| *CLO3.2* |  |  |  |  |  |  |  | 1,0 |  |  |  |  |  |
| *CLO4.1* |  |  |  |  |  |  |  |  | 1,0 |  |  |  |  |
| *CLO4.2* |  |  |  |  |  |  |  |  |  | 1,0 |  |  |  |
| *CLO4.3* |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | 1,0 |  |  |
| *CLO4.4* |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | 1,0 |  |
| *CLO4.5* |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | 1,0 |

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **CĐR học phần (CLO)** | **TĐNL CĐR**  **học phần** | **Mô tả CĐR học phần** | **Phương pháp dạy học** | **Phương pháp đánh giá** |
| CLO 1.1 | K4 | Áp dụng được các kiến thức đã học để quản lý, xử lý, kiểm soát các quy trình kỹ thuật chăm sóc, nuôi dưỡng, vệ sinh thú y và phòng bệnh từng đối tượng lợn. | Hướng dẫn/Thực hành/Đồ án/ Tự học | Đánh giá báo cáo tiến độ /Chấm đồ án |
| CLO 2.1 | S4 | Nâng cao khả năng tư duy và giải quyết vấn đề qua quá trình triển khai thực tập nghề chăn nuôi 1, | Hướng dẫn/Thực hành/Đồ án/ Tự học | Đánh giá báo cáo tiến độ /Chấm đồ án |
| CLO 2.2 | A4 | Nâng cao phẩm chất cá nhân và kỹ năng nghề nghiệp qua quá trình triển khai thực tập nghề chăn nuôi –thú y 1. | Thực hành/ Tự học/Đồ án | Đánh giá cơ sở thực tâp, GVHD |
| CLO 2.3 | S3 | Thể hiện thành thạo kỹ thuật chăm sóc, nuôi dưỡng, vệ sinh thú y và phòng bệnh từng đối tượng lợn | Hướng dẫn/Thực hành/ Tự học/Đồ án | Đánh giá cơ sở thực tâp, GVHD |
| CLO 3.1 | S4 | Nâng cao khả năng làm việc nhóm, lãnh đạo nhóm qua quá trình triển khai thực tập nghề chăn nuôi 1. | Hướng dẫn/Thực hành/Đồ án/ Tự học | Nhóm tự đánh giá |
| CLO 3.2 | S4 | Thể hiện kỹ năng giao tiếp bằng văn bản, thuyết trình để trình bày kết quả báo cáo. | Hướng dẫn/Thực hành/Đồ án/ Tự học | Đánh giá báo cáo tiến độ /Chấm đồ án |
| CLO 4.1 | C3 | Xác định được vai trò của chăn nuôi lợn trong bối cảnh của xã hội | Hướng dẫn/Thực hành/Đồ án/ Tự học | Đánh giá báo cáo tiến độ /Chấm đồ án |
| CLO 4.2 | C3 | Xác định được vai trò của chăn nuôi lợn trong bối cảnh của doanh nghiệp | Hướng dẫn/Thực hành/Đồ án/ Tự học | Đánh giá báo cáo tiến độ /Chấm đồ án |
| CLO 4.3 | C3 | Hình thành ý tưởng, thiết kế được quy trình kỹ thuật chăm sóc, nuôi dưỡng, vệ sinh thú y và phòng bệnh từng đối tượng lợn | Hướng dẫn/Thực hành/Đồ án/ Tự học | Đánh giá báo cáo tiến độ /Chấm đồ án |
| CLO 4.4 | C3 | Triển khai được quy trình kỹ thuật chăm sóc, nuôi dưỡng, vệ sinh thú y và phòng bệnh từng đối tượng lợn | Hướng dẫn/Thực hành/Đồ án/ Tự học | Đánh giá báo cáo tiến độ /Chấm đồ án |
| CLO 4.5 | C3 | Vận hành quy trình kỹ thuật chăm sóc, nuôi dưỡng, vệ sinh thú y và phòng bệnh từng đối tượng lợn | Hướng dẫn/Thực hành/Đồ án/ Tự học | Chấm đồ án |

**5. Đánh giá học tập và các bộ tiêu chí đánh giá**

***5.1. Đánh giá học tập***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Bài đánh giá** | **Hình thức đánh giá và lưu hồ sơ** | **Công cụ đánh giá** | **CĐR học phần** | **Tỷ lệ cho bài đánh giá** | **Tỷ lệ**  **cho học phần** |
| **A1. Đánh giá quá trình** | |  |  |  | **50%** |
| A1.1. Đánh giá nhận xét của cơ sở thực tập | Đánh giá nhận xét của cơ sở thực tập | Rubric 1 | CLO2.2 | 50% | 15% |
| CLO2.3 | 50% |
| A1.2. Đánh giá nhận xét của GVHD | Đánh giá nhận xét của GVHD | Rubric 1 | CLO2.2 | 50% | 15% |
| CLO2.3 | 50% |
| A1.3. Đánh giá tiến độ đồ án | . Đánh giá tiến độ đồ án | Rubric 2 | CLO1.1 | 10% | 20% |
| CLO2.1 | 10% |
| CLO 3.2 | 10% |
| CLO4.1 | 10% |
| CLO4.2 | 10% |
| CLO4.3 | 30% |
| CLO4.4 | 30% |
| **A2. Đánh giá cuối kỳ** | |  |  |  | **50%** |
| A2.1. Hội đồng đánh giá kết thúc đồ án | Đánh giá chung của hội đồng đánh giá đồ án/dự án | Rubric 2 | CLO 2.1 | 10% | 40% |
| CLO 3.2 | 10% |
| CLO4.1 | 10% |
| CLO4.2 | 10% |
| CLO4.4 | 20% |
| CLO4.5 | 40% |
| A2.2. Nhóm tự đánh giá đồ án | Nhóm tự đánh giá sự đóng góp của các thành viên cho đồ án | Rubric 3 | CLO2.3 | 100% | 10% |
| **Công thức tính điểm tổng kết:**  **Điểm TKHP = A1.1x0,15 + A1.2x0,15 + A1.3x0,20 + A2.1x0,4 + A2.2x0,1** | | | | | | |

***5.2. Các bộ tiêu chí đánh giá***

***5.2.1. Rubric 1 cho bài đánh giá A1.1 và A1.2***

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **CĐR** | **Nội dung đánh giá** | **Trọng số bài A1.1**  **(%)** | **Trọng số bài A1.2**  **(%)** | **Mức độ đánh giá** | | | | | | **Điểm** |
| **A** | **B** | **C** | **D** | **F** |  | |
| **8.5 - 10** | **7.0 - 8.4** | **5.5 - 6.9** | **4,0 -5,4** | **< 4,0** |
| **CLO 2.2**  **Nâng cao phẩm chất cá nhân và kỹ năng nghề nghiệp qua quá trình triển khai thực tập nghề chăn nuôi – thú y 1.** | **Ý thức, trách nhiệm khi tham gia hoạt động nghề nghiệp** | 15 | 15 | Ý thức, trách nhiệm cao khi tham gia hoạt động nghề nghiệp | Ý thức, trách nhiệm khá cao khi tham gia hoạt động nghề nghiệp | Ý thức, trách nhiệm khi tham gia hoạt động nghề nghiệp | Ý thức, trách nhiệm khi tham gia hoạt động nghề nghiệp đang còn thấp | Ý thức, trách nhiệm thấp hoặc không tham gia hoạt động nghề nghiệp |  | |
| **Mức độ tham gia hoạt động học tập, nghề nghiệp** | 25 | 25 | Tham gia hoạt động học tập, nghề nghiệp với tần suất cao | Tham gia hoạt động học tập, nghề nghiệp tần suất khá cao | Tham gia hoạt động học tập, nghề nghiệp | Tham gia hoạt động học tập, nghề nghiệp tần suất thấp | Không tham gia hoạt động học tập, nghề nghiệp |  | |
| **Lập kế hoạch học tập** | 10 | 10 | Có khả năng lập được kế hoạch học tập ở mức độ chi tiết, rõ ràng | Có khả năng lập được kế hoạch học tập ở mức độ khá rõ ràng | Có khả năng lập được kế hoạch học tập | Có khả năng lập được kế hoạch học tập chưa hợp lý | Chưa có khả năng lập được kế hoạch học tập |  | |
| **CLO 2.3**  **Thành thạo kỹ thuật chăm sóc, nuôi dưỡng, vệ sinh thú y và phòng bệnh từng đối tượng lợn** | **Chuẩn bị kiến thức, đối tượng, cơ sở vật chất** | 10 | 10 | Có sự chuẩn bị đầy đủ về kiến thức, đối tượng, cơ sở vật chất | Có sự chuẩn bị khá đầy đủ về kiến thức, đối tượng, cơ sở vật chất | Có sự chuẩn bị về kiến thức, đối tượng, cơ sở vật chất | Có sự chuẩn bị về kiến thức, đối tượng, cơ sở vật chất còn thiếu | Chưa có sự chuẩn bị về kiến thức hoặc đối tượng hoặc cơ sở vật chất |  | |
| **Kỹ thuật thao tác thực hành sản xuất** | 20 | 20 | Thành thạo kỹ thuật thao tác thực hành sản xuất | Kỹ thuật thao tác thực hành sản xuất ở mức độ khá | Kỹ thuật thao tác thực hành sản xuất ở mức độ cơ bản | Kỹ thuật thao tác thực hành sản xuất ở mức độ thấp | Kỹ thuật thao tác thực hành sản xuất ở mức độ thấp |  | |
| **Đánh giá kết quả thực hành sản xuất** | 20 | 20 | Đạt kết quả thực hành sản xuất cao | Đạt kết quả thực hành sản xuất khá cao | Có kết quả thực hành sản xuất | Có một số ít kết quả thực hành sản xuất | Chưa có kết quả thực hành sản xuất |  | |
| **TỔNG** | |  |  |  |  |  |  |  |  | |

***5.2.2. Rubric 1 cho bài đánh giá A1.3 và A2.1***

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **CĐR** | **Nội dung đánh giá** | **Trọng số bài A1.1** | **Trọng số bài A1.2** | **Mức độ đánh giá** | | | | | **Điểm** |
| **A** | **B** | **C** | **D** | **F** |
| **8.5 - 10** | **7.0 - 8.4** | **5.5 - 6.9** | **4,0 -5,4** | **< 4,0** |
| **CLO1.1**  **Áp dụng được các kiến thức đã học để quản lý, xử lý, kiểm soát các quy trình kỹ thuật chăm sóc, nuôi dưỡng, vệ sinh thú y và phòng bệnh từng đối tượng lợn.** | **Xác định được đối tượng lợn nghiên cứu.** | 5 |  | Xác định được đối tượng nghiên cứu mới, phù hợp | Xác định được đối tượng nghiên phù hợp | Xác định được đối tượng nghiên cứu | Xác định được đối tượng nghiên cứu nhưng không phù hợp với điều kiện cơ sở | Không xác định được đối tượng nghiên cứu |  |
| **Xác định yếu tố tác động đến đối tượng lợn nghiên cứu** | 5 |  | Xác định được yếu tố ảnh hưởng ở mức độ cao | Xác định được yếu tố ảnh hưởng ở mức độ khã cao | Xác định được yếu tố ảnh hưởng ở mức độ cơ bản | Xác định được yếu tố ảnh hưởng ở mức độ thấp | Không xác định được yếu tố ảnh hưởng |  |
| **CLO 2.1**  **Nâng cao khả năng tư duy và giải quyết vấn đề trong quá quá trình triển khai thực tập nghề chăn nuôi – thú y 1** | **Tìm hiểu, xác định vấn đề** | 2 | 2 | Xác định rõ ràng vấn đề nghiên cứu | Xác định được vấn đề nghiên cứu | Cơ bản xác định được vấn đề nghiên cứu | xác định được vấn đề nghiên cứu chung chung | Không xác định được vấn đề nghiên cứu |  |
| **Lập kế hoạch và giải pháp quyết vấn đề** | 4 | 4 | Có khả năng tư duy để lập được kế hoạch và đưa ra các giải pháp quyết vấn đề ở mức tốt | Có khả năng tư duy để lập được kế hoạch và đưa ra giải pháp quyết vấn đề ở mức khá | Có khả năng tư duy để lập được kế hoạch và đưa ra giải pháp quyết vấn đề ở mức cơ bản | Có khả năng tư duy để lập được kế hoạch và đưa ra giải pháp quyết vấn đề ở mức thấp | Không có khả năng tư duy để lập được kế hoạch và giải pháp quyết vấn đề |  |
| **Đánh giá kết quả đạt được** | 4 | 4 | Đánh giá kết quả đạt được ở mức tốt | Đánh giá kết quả đạt được ở mức khá | Đánh giá kết quả đạt được ở mức cơ bản | Đánh giá kết quả đạt được ở mức thấp | Không đánh giá được kết quả đạt được |  |
| **CLO 3.2**  **Thể hiện kỹ năng giao tiếp bằng văn bản, thuyết trình để trình bày kết quả báo cáo** | **Nội dung, trình tự bài thuyết trình** | 2 | 2 | - Chủ đề trình bày liên quan và có trọng tâm - Nội dung phù hợp và chính xác chủ đề trình bày liên quan và có trọng tâm | -Chủ đề trình bày liên quan và có trọng tâm  - Nội dung có một số phần chưa chính xác | -Chủ đề trình bày liên quan và có trọng tâm  - Nội dung có nhiều phần chưa chính xác | -Chủ đề trình bày không trọng tâm  - Nội dung có nhiều phần chưa chính xác | -Chủ đề trình bày không trọng tâm, không liên quan  - Nội dung có nhiều phần chưa chính xác |  |
| **Hình thức trình bày** | 2 | 2 | -Slide trình bày với bố cục rõ ràng, hợp lý  - Trình bày các thuật ngữ, hình ảnh, bảng biểu, sơ đồ dễ hiểu | -Slide trình bày phù hợp  - Trình bày các thuật ngữ, hình ảnh, bảng biểu, sơ đồ hợp lý | - Slide trình bày phù hợp  - Trình bày hình ảnh, bảng biểu, sơ đồ hợp lý  - Dùng một số thuật ngữ khó hiểu, đưa nhiều nội dung vào slide | - Slide trình bày phù hợp  -Sử dụng một số hình ảnh, bảng biểu, sơ đồ không liên quan  - Dùng một số thuật ngữ khó hiểu, đưa nhiều nội dung vào slide | Slide không đảm bảo chất lượng theo yêu cầu |  |
| **Kỹ năng trình bày** | 3 | 3 | Nói rõ, tự tin, thuyết phục, báo quát, thu hút được toàn bộ người nghe tốt | Nói mạch lạc những không thu hút người nghe khá tốt, khá bao quát | Nói chưa rõ, thiếu tự tin, chưa bao quát, ít giao lưu với người nghe | Nói nhỏ, không tự tin, không giao lưu với người nghe | Không trình bày được |  |
| **Trả lời câu hỏi** | 3 | 3 | -Biết phân tích và trả lời đầy đủ, ngắn gọn liên quan trực tiếp đến câu hỏi  - Tự tin khi trả lời | -Trả lời ngắn gọn và phù hợp  - Tự tin khi trả lời | -Câu trả lời tập trung vào câu hỏi  - Hơi thiếu tự tin khi trả lời | Câu trả lời không rõ  ràng, ít liên quan đến câu hỏi  - Thiếu tự tin khi trả  lời | Không trả lời được bất kỳ câu hỏi nào hoặc trả lời sai |  |
| **CLO4.1**  **Xác định được vai trò của chăn nuôi lợn trong bối cảnh của xã hội** | **Nhận biết bối của xã hội, doanh nghiệp** | 10 | 10 | Có minh chứng từ thực tiễn | Có tìm hiểu từ thực tiễn | Có tìm hiểu từ tài liệu tham khảo | Có tìm hiểu nhưng không thể hiện được | Không tìm hiểu |  |
| **CLO4.1**  **Xác định được vai trò của chăn nuôi lợn trong bối cảnh của xã hội** | **Nhận biết vai trò của chăn nuôi lợn trong bối cảnh của doanh nghiệp,** | 10 | 10 | Có minh chứng từ thực tiễn | Có tìm hiểu từ thực tiễn | Có tìm hiểu từ tài liệu tham khảo | Có tìm hiểu nhưng không thể hiện được | Không tìm hiểu |  |
| **CLO 4.3**  **Hình thành ý tưởng, thiết kế quy trình kỹ thuật chăm sóc, nuôi dưỡng, vệ sinh thú y và phòng bệnh từng đối tượng lợn** | **Hình thành ý tưởng** | 10 |  | Đề xuất được ý tưởng mới và khả thi | Đề xuất được ý tưởng có tính ứng dụng cao, chưa mới | Đề xuất được ý tưởng nhưng không mới | Đề xuất được ý tưởng nhưng không khả thi | Không đề xuất được ý tưởng |  |
| **Thiết kế mô hình thí nghiệm** | 20 |  | Thiết kế được mô hình thí nghiệm đầy đủ và phù hợp | Thiết kế được mô hình thí nghiệm khá đầy đủ và phù hợp | Thiết kế được mô hình thí nghiệm nhưng chưa đủ | Thiết kế được mô hình thí nghiệm nhưng không phù hợp | Không thiết kế được mô hình thí nghiệm |  |
| **CLO 4.4**  **Triển khai quy trình kỹ thuật chăm sóc, nuôi dưỡng, vệ sinh thú y và phòng bệnh từng đối tượng lợn** | **Triển khai mô hình thí nghiệm** | 30 | 20 | Triển khai mô hình thí nghiệm ở mức độ hoàn chỉnh | Triển khai mô hình thí nghiệm ở mức độ khá | Triển khai mô hình thí nghiệm ở mức độ cơ bản | Triển khai mô hình thí nghiệm ở mức độ thấp | Không triển khai được mô hình thí nghiệm |  |
| **CLO 4.4**  **Vận hành quy trình kỹ thuật chăm sóc, nuôi dưỡng, vệ sinh thú y và phòng bệnh từng đối tượng lợn tại nơi thực tập.** | **Đánh giá sản phẩm đạt được từ mô hình thí nghiệm** |  | 20 | Các tiêu chí đạt được phù hợp ở mức độ cao | Các tiêu chí đạt được phù hợp ở mức độ khá | Các tiêu chí đạt được phù hợp ở mức độ cơ bản. | Các tiêu chí đạt được phù hợp ở mức độ thấp. | Các tiêu chí đạt được không phù hợp |  |
| **Vận hành quy trình sản xuất tại cơ sở thực tập** |  | 20 | Hiểu biết và vận hành quy trình sản xuất tại cơ sở thực tập ở mức độ cao | Hiểu biết và vận hành quy trình sản xuất tại cơ sở thực tập ở mức độ khá | Hiểu biết và vận hành quy trình sản xuất tại cơ sở thực tập ở mức độ cơ bản | Hiểu biết và vận hành quy trình sản xuất tại cơ sở thực tập ở mức độ thấp | Không hiểu biết và không vận vận hành quy trình sản xuất tại cơ sở thực tập |  |

***5.2.3. Rubric 3 cho bài đánh A2.2***

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **CĐR** | **Nội dung đánh giá** | **Trọng số bài A2.2**  **(%)** | **Mức độ đánh giá** | | | | | **Điểm** |
| **A** | **B** | **C** | **D** | **F** |
| **8.5 - 10** | **7.0 - 8.4** | **5.5 - 6.9** | **4,0 -5,4** | **< 4,0** |
| **CLO3.1**  **Nâng cao khả năng làm việc nhóm, lãnh đạo nhóm quá trình triển khai thực tập nghề chăn nuôi –thú y 2** | **Tổ chức nhóm** | 30 | Tham gia đầy đủ, tích cực các cuộc hợp nhóm | Tham gia đầy đủ các hoạt động nhóm. | Tham gia còn thiếu một số ít hoạt động | Chỉ tham gia một số ít hoạt động | Không tham gia |  |
| Nhiệm vụ được phân công rõ ràng, đầy đủ cho các thành viên trong nhóm | Nhiệm vụ được phân công khá rõ ràng, đầy đủ cho các thành viên trong nhóm | Nhiệm vụ được phân công cho các thành viên trong nhóm đầy đủ | Nhiệm vụ được phân công cho các thành viên trong nhóm chưa đầy đủ | Chưa có sự phân công nhiệm vụ |  |
| **Hợp tác nhóm** | 40 | Chủ động tạo ra sự tương tác tích cực thực hiện nhiệm vụ | Chủ động tạo ra sự tương tác khá tích cực thực hiện nhiệm vụ | Tương tác thực hiện nhiệm vụ ở mức cơ bản | Còn bị động, phụ thuộc trong sử dụng các phương thức làm việc nhóm | Thụ động trong việc tương tác với các thành viên |  |
| - Trao đổi, chia sẻ và chấp nhận các ý tưởng trong thực hiện nhiệm vụ với các thành viên ở mức độ cao | - Trao đổi và chấp nhận các ý tưởng trong thực hiện nhiệm vụ với các thành viên mức độ khá | Trao đổi, chia sẻ và chấp nhận các ý tưởng trong thực hiện nhiệm vụ với các thành viên ở mức độ cơ bản | Trao đổi và chấp nhận các ý tưởng trong thực hiện nhiệm vụ với các thành viên ở mức độ thấp | Không trao đổi, chia sẻ trong nhóm |  |
| - Chủ động kết nối, sử dụng các phương thức làm việc nhóm hiệu quả cao | - Chủ động kết nối, sử dụng các phương thức làm việc nhóm hiệu quả khá cao | Kết nối, sử dụng các phương thức làm việc nhóm hiệu quả cơ bản | Kết nối, sử dụng các phương thức làm việc nhóm hiệu quả thấp | Bị động trong kết nối, không hiệu quả |  |
| **Thảo luận nhóm** | 30 | Đề xuất, sáng kiến để đạt được tốt mục tiêu, kết quả nhóm | Đề xuất, sáng kiến để đạt được khá tốt mục tiêu, kết quả nhóm | Đề xuất, sáng kiến để đạt được mục tiêu, kết quả nhóm ở mức cơ bản | Đề xuất, sáng kiến để đạt được mục tiêu, kết quả nhóm thấp | Chưa có các đề xuất, sáng kiến |  |

**6. Tài liệu học tập**

**6.1. Tài liệu bắt buộc:**

1. Nguyễn Hùng Nguyệt (2021). Kỹ thuật chăn nuôi lợn. Nhà xuất bản Hà Nội, 236tr

# 2. Trương Hữu Dũng, Phạm Đình Thắm, Trần văn Thăng (2018). Giáo trình phương pháp thí nghiệm trong chăn nuôi thú y. Nhà xuất bản Nông nghiệp, 160tr

**6.2 Tài liệu tham khảo:**

3. Võ Thị Trà An, Lê Thanh Hiền, Dương Huy Đồng, Hồ Thị Kim Hoa, Nguyễn Tiến Thành, Nghiên cứu khoa học trong chăn nuôi thú y, NXB Đại học quốc gia TPHCM

4. Vũ Đình Tôn, Trần Thị Thuận (2006) Giáo trình chăn nuôi lợn - NXB Hà Nội

5. Nguyễn Xuân Trạch, Đỗ Đức Lực (2016), Phân tích số liệu thí nghiệm và công bố kết quả nghiên cứu chăn nuôi, Nhà xuất bản ĐH Nông nghiệp

**7. Kế hoạch dạy học**

**Phần 1. Tìm hiểu sản xuất tại cơ sở thực tập**

**Phần 2: Thực hành sản xuất tại cơ sở thực tập**

**Phần 3: Đồ án**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tuần** | **Nội dung công việc** | **Địa điểm/ không gian thực hiện** | **Hoạt động của sinh viên** | **Kết quả cần đạt được** | **Bài đánh giá** | **CĐR học phần** |
| 1 | 1.1 Tìm hiểu cơ sở thực tập  - Vị trí địa lý  - Nhân sự  - Tổ chức  - Hệ thống chuồng trại chăn nuôi lợ, hệ thống xử lý chất thải.  -Tình hình chăn nuôi lợn của trại trong những năm gần đây  3.1. Khảo sát thực tế đưa ra kế hoach thực hiện đồ án thực tập cho cá nhân/nhóm | Cơ sở thực tập | -SV tìm hiểu về cơ sở thực tập: Vị trí địa lý, cơ cấu tổ chức, tình hình chăn nuôi, cơ sở vật chất, yêu cầu về nội quy, quy định của cơ sở.  - Quan sát, hỏi cán bộ trai, GVHD, đọc các tài liệu liên quan để đưa ra được kế hoach thực hiện đồ án.  - SV ghi nhật ký thực tập, số liệu | - Nắm được vị trí địa lý, cơ cấu tổ chức, tình hình chăn nuôi, cơ sở vật chất, yêu cầu về nội quy, quy định của cơ sở.  - Đưa ra được kế hoạch thực hiện đồ án. | A1.1  A1.2  A1.3  A2.2 | CLO1.1  CLO2.1  CLO2.2  CLO3.1  CLO4.1  CLO4.2 |
| 2 | 1.2. Tìm hiểu hệ thống quản lý trang trại chăn nuôi lợn  - Quản lý nhân sự  - Quản lý giống  - Quản lý đàn  1.3.Tìm hiểu quy trình kỹ thuật chăm sóc, nuôi dưỡng các đối tượng lợn (lợn đực giống, lợn nái trước khi phối giống, lợn nái mang thai, lợn nái nuôi con, lợn con bú sữa, lợn thịt).  - Thức ăn  - Nước uống  - Kỹ thuật chăm sóc, nuôi dưỡng  3.2. Xác định tên, mục tiêu, nội dung và phương pháp triển khai đồ án thực tập cho cá nhân/ nhóm | Cơ sở thực tập | - SV tìm hiểu thực tế về hệ thống quản lý trang trại chăn nuôi lợn của cơ sở; Tìm hiểu quy trình kỹ thuật chăm sóc, nuôi dưỡng các đối tượng lợn mà cơ sở đang triển khai  - Đọc các tài liệu liên quan để hoàn thiện đề cương cho đồ án  -Xác định vấn đề nghiên cứu và đề xuất được tên đề tài, mục tiêu, nội dung.  - SV ghi nhật ký thực tập, số liệu | - Tìm hiểu được về hệ thống quản lý trang trại chăn nuôi lợn của cơ sở và quy trình kỹ thuật chăm sóc, nuôi dưỡng các đối tượng lợn mà cơ sở đang triển khai  - Xác định được vấn đề nghiên cứu  - Đề xuất được tên đề tài, mục tiêu, nội dung. | A1.1  A1.2  A1.3  A2.2 | CLO1.1  CLO2.1  CLO2.2  CLO3.1  CLO4.1  CLO4.2  CLO4.3 |
| 3 | 1.4. Tìm hiểu quy trình vệ sinh thú y, phòng bệnh từng đối tượng lợn (lợn đực giống, lợn nái trước khi phối giống, lợn nái mang thai, lợn nái nuôi con, lợn con bú sữa, lợn thịt).  - Công tác vệ sinh  - Quy trình tiêm thuốc và vacxin cho từng đối tượng lợn.  1.5.Tìm hiểu các quy trình xử lý chất thải.  3.3. Hoàn thiện đề cương đồ án cá nhân/nhóm | Cơ sở thực tập | - SV tìm hiểu thực tế về các quy trình vệ sinh thú y, phòng bệnh từng đối tượng lợn mà cơ sở áp dụng.  -SV đọc tài liệu để hoàn thiện đề cương đồ án  - SV ghi nhật ký thực tập, số liệu. | - SV tìm hiểu được các quy trình vệ sinh thú y, phòng bệnh từng đối tượng lợn mà cơ sở áp dụng.  - Xây dựng được đề cương đồ án | A1.1  A1.2  A1.3  A2.2 | CLO1.1  CLO2.1  CLO2.2  CLO2.3  CLO3.1  CLO4.1  CLO4.2  CLO4.3 |
| 4 | 2.1. Thực hành kỹ thuật chăn nuôi lợn nái sinh sản (lợn nái trước khi phối giống, lợn nái chửa, lợn nái nuôi con) tại cơ sở (1)  2.2.Thực hành kỹ thuật chăn nuôi lợn con bú sữa (1)  2.3. Thực hành kỹ thuật chăn nuôi lợn thịt (1)  3.4.Triển khai đồ án cá nhân/nhóm (1) | Cơ sở thực tập | - SV thực hiện các thao tác kỹ thuật theo góp ý, hướng dẫn của cán bộ CS.  - SV thực hiện đồ án.  - SV ghi nhật ký thực tập, số liệu. | -Thực hiện được các thao tác kỹ thuật theo góp ý, hướng dẫn của cán bộ CS.  - Tiến hành được các tiểu thí nghiệm. | A1.1  A1.2  A1.3  A2.1  A2.2 | CLO1.1  CLO2.1  CLO2.2  CLO2.3  CLO3.1  CLO4.4  CLO4.5 |
| 5 | 2.1.Thực hành kỹ thuật chăn nuôi lợn nái sinh sản (lợn nái trước khi phối giống, lợn nái chửa, lợn nái nuôi con) tại cơ sở (2)  2.2.Thực hành kỹ thuật chăn nuôi lợn con bú sữa (2)  2.3. Thực hành kỹ thuật chăn nuôi lợn thịt (2)  3.4.Triển khai đồ án cá nhân/nhóm (1) | Cơ sở thực tập | - SV thực hiện các thao tác kỹ thuật theo góp ý, hướng dẫn của cán bộ CS.  - SV thực hiện đồ án.  - SV ghi nhật ký thực tập, số liệu. | -Thực hiện được các thao tác kỹ thuật theo góp ý, hướng dẫn của cán bộ CS.  -Theo dõi, vận hành được thí nghiệm đồ án.  -Ghi nhận được số liệu của các chỉ tiêu thí nghiệm. | A1.1  A1.2  A1.3  A2.1  A2.2 | CLO1.1  CLO2.1  CLO2.2  CLO2.3  CLO3.1  CLO4.4  CLO4.5 |
| 6 | 2.1.Thực hành kỹ thuật chăn nuôi lợn nái sinh sản (lợn nái trước khi phối giống, lợn nái chửa, lợn nái nuôi con) tại cơ sở (3)  2.2.Thực hành kỹ thuật chăn nuôi lợn con bú sữa (3)  2.3. Thực hành kỹ thuật chăn nuôi lợn thịt (3)  3.4.Triển khai đồ án cá nhân/nhóm (3) | Cơ sở thực tập | - SV thực hiện các thao tác kỹ thuật theo góp ý, hướng dẫn của cán bộ CS.  - SV thực hiện đồ án.  -Thu thập số liệu và báo cáo thông tin cho GVHD  - SV ghi nhật ký thực tập, số liệu | - Thực hiện được các kỹ thuật theo góp ý, hướng dẫn của Cán bộ CS.  -Theo dõi, vận hành được thí nghiệm đồ án.  -Ghi nhận được số liệu của các chỉ tiêu thí nghiệm. | A1.1  A1.2  A2.1  A2.2 | CLO1.1  CLO2.1  CLO2.2  CLO2.3  CLO3.1  CLO4.4  CLO4.5 |
| 7 | 2.1.Thực hành kỹ thuật chăn nuôi lợn nái sinh sản (lợn nái trước khi phối giống, lợn nái chửa, lợn nái nuôi con) tại cơ sở (4)  2.2.Thực hành kỹ thuật chăn nuôi lợn con bú sữa (4)  2.3. Thực hành kỹ thuật chăn nuôi lợn thịt (4)  3.4.Triển khai đồ án cá nhân/nhóm (4) | Cơ sở thực tập | - SV thực hiện các thao tác kỹ thuật theo góp ý, hướng dẫn của cán bộ CS.  - SV thực hiện đồ án.  -Thu thập số liệu và báo cáo thông tin cho GVHD  - SV ghi nhật ký thực tập, số liệu | - Thực hiện được các kỹ thuật theo góp ý, hướng dẫn của Cán bộ CS.  -Theo dõi, vận hành được thí nghiệm đồ án.  -Ghi nhận được số liệu của các chỉ tiêu thí nghiệm. | A1.1  A1.2  A2.1  A2.2 | CLO1.1  CLO2.1  CLO2.2  CLO2.3  CLO3.1  CLO4.4  CLO4.5 |
| 8 | 2.1.Thực hành kỹ thuật chăn nuôi lợn nái sinh sản (lợn nái trước khi phối giống, lợn nái chửa, lợn nái nuôi con) tại cơ sở (5)  2.2.Thực hành kỹ thuật chăn nuôi lợn con bú sữa (5)  2.3. Thực hành kỹ thuật chăn nuôi lợn thịt (5)  3.4.Triển khai đồ án cá nhân/nhóm (5) | Cơ sở thực tập | - SV thực hiện các thao tác kỹ thuật theo góp ý, hướng dẫn của cán bộ CS.  - SV thực hiện đồ án.  -Thu thập số liệu và báo cáo thông tin cho GVHD  - SV ghi nhật ký thực tập, số liệu | - Thực hiện được các kỹ thuật theo góp ý, hướng dẫn của Cán bộ CS.  -Theo dõi, vận hành được thí nghiệm đồ án.  -Ghi nhận được số liệu của các chỉ tiêu thí nghiệm. | A1.1  A1.2  A1.3  A2.2 | CLO1.1  CLO2.1  CLO2.2  CLO2.3  CLO3.1  CLO4.4  CLO4.5 |
| 9 | 2.1.Thực hành kỹ thuật chăn nuôi lợn nái sinh sản (lợn nái trước khi phối giống, lợn nái chửa, lợn nái nuôi con) tại cơ sở (6)  2.2.Thực hành kỹ thuật chăn nuôi lợn con bú sữa (6)  2.3. Thực hành kỹ thuật chăn nuôi lợn thịt (6)  3.4.Triển khai đồ án cá nhân/nhóm (6) | Cơ sở thực tập | - SV thực hiện các thao tác kỹ thuật theo góp ý, hướng dẫn của cán bộ CS.  - SV thực hiện đồ án.  -Thu thập số liệu và báo cáo thông tin cho GVHD  - SV ghi nhật ký thực tập, số liệu | - Thực hiện được các kỹ thuật theo góp ý, hướng dẫn của Cán bộ CS.  -Theo dõi, vận hành được thí nghiệm đồ án.  -Ghi nhận được số liệu của các chỉ tiêu thí nghiệm. | A1.1  A1.2  A2.1  A2.2 | CLO1.1  CLO2.1  CLO2.2  CLO2.3  CLO3.1  CLO4.4  CLO4.5 |
| 10 | 1.6.Viết và báo cáo kết quả tìm hiểu cơ sở thực tập  2.4.Viết và báo cáo kết quả thực hành sản xuất  3.5.Xử lý số liệu và viết báo cáo đồ án cá nhân/nhóm | Cơ sở thực tập | - Sinh viên tổng hợp số liệu trên hệ thống sản xuất để viết báo cáo tìm hiểu cơ sở thực tập và thực hành sản xuất.  - SV viết và hoàn thiện báo cáo đồ án  - Hoàn thiện hồ sơ thực tập cần thiết  -Báo cáo cho CBCS, GVHD, về kết quả thu được. | - Viết và hoàn thiện các báo cáo yêu cầu.  -Tổng hợp được số liệu, phân tích, so sánh và kết luận kết quả, thí nghiệm viết báo cáo.  - Hoàn thiện hồ sơ thực tập cần thiết | A1.1  A1.2  A2.1  A2.2 | CLO1.1  CLO2.1  CLO2.2  CLO3.1  CLO3.2  CLO4.5 |
| 11 | 2.5. Báo cáo kết quả thực hành sản xuất  3.6. Báo cáo kết quả đồ án cá nhân/nhóm | Theo phân công của bộ môn | -Báo cáo kết quả cho cán bộ chuyên môn và giảng viên | Hoàn thành thực tâp | A1.1  A1.2  A2.1  A2.2 | CLO1.1  CLO2.1  CLO2.2  CLO3.1  CLO3.2  CLO4.5 |

**8. Nhiệm vụ của người học**

***8.1. Phần tự học***

- Nghiên cứu tài liệu, xem các slide/video/website.

- Chủ động tìm các nguồn tài liệu khác liên quan đến nội dung thực tập

- Thảo luận, trao đổi những vấn đề liên quan đến học phần với bạn học/cựu sinh viên/cán bộ tại đơn vị trải nghiệm hoặc các nguồn lực hỗ trợ khác.

- Hoàn thành các bài tập được giao trên LMS.

***8.2. Phần thực tập***

- Tham dự thực tập ≥ 80% tổng thời lượng

- Chủ động, tích cực trong giờ học.

- Phát hiện, đưa ra câu hỏi hoặc vấn đề liên quan đến nội dung thực tập

- Tham gia xây dựng kế hoạch hoạt động của nhóm.

- Tôn trọng ý kiến và chịu trách nhiệm về kết quả làm việc chung.

- Hoàn thành đầy đủ nhiệm vụ và đề tài được giao.

**9. Ngày phê duyệt:**

**10. Cấp phê duyệt:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **KT. HIỆU TRƯỞNG**  **PHÓ HIỆU TRƯỞNG** | **VIỆN TRƯỞNG**  **TS. NGUYỄN ĐÌNH VINH** | **TRƯỞNG BỘ MÔN**  **TS. LÊ MINH HẢI** |

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH**  **VIỆN NÔNG NGHIỆP VÀ TÀI NGUYÊN** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

## **ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN CHI TIẾT**

## **Học phần: Chăn nuôi động vật cảnh**

**1. Thông tin tổng quát:**

***1.1. Thông tin về giảng viên***

***Giảng viên 1:* Hoàng Thị Mai**

Học hàm, học vị: Tiến sĩ

Địa chỉ liên hệ: 182 Lê Duẩn, TP Vinh, Nghệ An

Điện thoại, email: hoangmaidhv@gmail.com

Các hướng nghiên cứu chính: Kỹ thuật chăn nuôi; Bệnh ở vật nuôi

***Giảng viên 2: Trương Thị Thành Vinh***

Học hàm, học vị: Giảng viên – Thạc sỹ

Địa chỉ liên hệ: Bộ môn Thủy sản và Chăn nuôi – Viện Nông nghiệp và Tài Nguyên Điện thoại, email: thanhvinhtruong@gmail.com; ĐT: 0985381343

Các hướng nghiên cứu chính: Bệnh động vật thủy sản

***1.2. Thông tin về học phần:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| - Tên học phần (tiếng Việt): **Chăn nuôi động vật cảnh**  (tiếng Anh): **Pet production** | | |
| - Mã số học phần: AHY30035 | | |
| - Thuộc CTĐT ngành: **Chăn nuôi** | | |
| - Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:  Kiến thức cơ bản  Kiến thức cơ sở ngành  Kiến thức ngành  x | Học phần chuyên về kỹ năng chung  Kiến thức khác | |
| - Thuộc loại học phần: Bắt buộc  x | Tự chọn | |
| - Số tín chỉ: 03 | |  |
| + Số tiết lý thuyết: 39 | |  |
| + Số tiết thảo luận/bài tập: 6 | |  |
| + Số tiết thực hành: 0 | |  |
| + Số tiết tự học: 90 | |  |
| - Điều kiện đăng ký học: | |  |
| + Học phần tiên quyết: | | Mã số HP: |
| + Học phần học trước: Dinh dưỡng vật nuôi  Sinh lý động vật | | Mã số HP: AHY30004  Mã số HP: AHY30003 |
| - Yêu cầu của học phần: Thực hiện theo Quy chế đào tạo của Trường Đại học Vinh. Cụ thể:  + Thời gian tối thiểu sinh viên phải có mặt trên lớp: 80%  + Sinh viên phải nộp đầy đủ bài tập, báo cáo… qua hệ thống LMS  + Tham gia đầy đủ các bài thực hành. | | |
| - Bộ môn phụ trách học phần: Thủy sản và Chăn nuôi  Điện thoại: Email: | | |

**2. Mô tả học phần:**

Chăn nuôi động vật cảnh là môn học chuyên ngành cung cấp những kiến thức về tổng quan tình hình chăn nuôi động vật cảnh trong nước và trên thế giới; nguồn gốc, tập tính, các giống và cách phân loại, đặc điểm sinh lý, sinh sản của chó, mèo; cách chăm sóc, nuôi dưỡng và thiết lập khẩu phần dinh dưỡng; cách thiết kế chuồng trại và quản lý chó, mèo; cách phòng trị một số bệnh thường gặp cho chó, mèo.

**3. Mục tiêu học phần**

Hoàn thành học phần này sinh viên phân tích được tình hình chăn nuôi chó mèo trong nước và thế giới; Hiểu về nguồn gốc, tập tính, các giống và cách phân loại, đặc điểm sinh lý, sinh sản của chó, mèo; Vận dụng được quy trình kỹ thuật trong dinh dưỡng, thức ăn và chăm sóc, nuôi dưỡng, quản lý, phòng trị bệnh cho từng đối tượng chó, mèo; Có khả năng tổ chức, làm việc nhóm; Có thái độ học tập nghiêm túc, biết yêu thương, chăm sóc, bảo vệ động vật cảnh.

**4. Chuẩn đầu ra học phần, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá**

***4.1. Ánh xạ chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **CĐR học phần** | **Ánh xạ với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo** | | | |
| PLO1.3 | PLO2.2 | PLO3.1 | PLO3.2 |
| 1.3.1 | 2.2.1 | 3.1.2 | 3.2.2 |
| CLO 1.1 | 1,0 |  |  |  |
| CLO 2.1 |  | 1,0 |  |  |
| CLO 3.1 |  |  | 1,0 |  |
| CLO 3.2 |  |  |  | 1,0 |

***4.2. Nội dung chuẩn đầu ra, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá học phần***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **CĐR học phần (CLO)** | **TĐNL CĐR**  **học phần** | **Mô tả CĐR học phần** | **Phương pháp dạy học** | **Phương pháp đánh giá** |
| CLO1.1 | K4 | Vận dụng được kiến thức về dinh dưỡng, thức ăn chăn nuôi, chọn và nhân giống vật nuôi trong chăn nuôi động vật cảnh; Vận dụng được kỹ thuật chăn nuôi và phòng trị bệnh cho các đối tượng chó, mèo trong thực tiễn. | Thuyết trình; Nghiên cứu tình huống; tự học; tự học qua bài giảng E-learning trên LMS. | Thi TNKQ  Thi viết |
| CLO2.1 | A4 | Có đạo đức, trách nhiệm, tinh thần hợp tác trong hoạt động nghề nghiệp | Bài tập nhóm Tự học | Rubric |
| CLO3.1 | S4 | Có khả năng tổ chức, làm việc nhóm hiệu quả. | Bài tập nhóm | Rubric |
| CLO3.2 | S4 | Có khả năng vận dụng linh hoạt các hình thức giao tiếp bằng thuyết trình và văn bản | Bài tập nhóm | Rubric |

**5. Đánh giá học tập và các bộ tiêu chí đánh giá**

***5.1. Đánh giá học tập***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Bài đánh giá** | **Hình thức đánh giá,**  **minh chứng, lưu hồ sơ** | **Công cụ**  **đánh giá** | **CĐR học phần** | **Tỷ lệ**  **Cho bài đánh giá** | **Tỷ lệ cho học phần** |
| **A1. Đánh giá quá trình** | | | |  | **50%** |
| A1.1. Bài trắc nghiệm 1 | - Bài trắc nghiệm trên LMS, chấm điểm tự động | Đáp án | CLO 1.1 | 100% | 20% |
| A1.2. Giáo viên đánh giá bài tập nhóm | - Bài tập nhóm trên LMS, GV chấm điểm thông qua báo cáo và thuyết trình | Rubric | CLO2.1 | 30% | 20% |
| CLO3.1 | 30% |
| CLO3.2 | 40% |
| A1.3. Nhóm tự đánh giá cho bài tập nhóm | Tự đánh giá của nhóm cho các thành viên | Rubric | CLO2.1 | 50% | 10% |
| CLO3.1 | 50% |
| **A2. Đánh giá cuối kỳ** | | | |  | **50%** |
| A2.1. Thi tự luận | - Thi viết; TT Đảm bảo chất lượng tổ chức thi và lưu hồ sơ | Đáp án | CLO 1.1 | 100% | 50% |
| **Công thức tính điểm tổng kết:**  **Điểm TKHP = A1.1x0,2 + A1.2x0,2 + A1.3x0,1 + A2.1x0,5** | | | | | |

***5.2. Các bộ tiêu chí đánh giá***

***Rubric 1: Đánh giá bài A1.2***

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| CĐR học phần | Tiêu chí đánh giá | Trọng số bài A1.3 | Trọng số bài A1.4 | **A** | **B** | **C** | **D** | **F** |
|  |  |  |  | **8.5 - 10** | **7.0 - 8.4** | **5.5 - 6.9** | **4,0 -5,4** | **< 4,0** |
| CLO2.1  Có đạo đức, trách nhiệm, tinh thần hợp tác trong hoạt động nghề nghiệp | Ý thức, trách nhiệm khi tham gia hoạt động học tập | 15 | 25 | Ý thức, trách nhiệm cao khi tham gia hoạt động học tập | Ý thức, trách nhiệm khá cao khi tham gia hoạt động học tập | Ý thức, trách nhiệm khi tham gia hoạt động học tập | Ý thức, trách nhiệm khi tham gia hoạt động học tập đang còn thấp | Ý thức, trách nhiệm thấp hoặc không có khi tham gia hoạt động học tập |
| Mức độ tham gia hoạt động học tập | 15 | 25 | Tham gia hoạt động học tập, với tần suất cao | Tham gia hoạt động học tập, tần suất khá cao | Tham gia hoạt động học tập | Tham gia hoạt động học tập, tần suất thấp | Không tham gia hoạt động học tập |
| CLO3.1  Có khả năng tổ chức, làm việc nhóm hiệu quả | Sự đóng góp để đạt mục tiêu chung của nhóm | 15 | 25 | -Tham gia đầy đủ các cuộc hợp nhóm  -Tích cực có những ý kiến đóng gióp vào mục tiêu  - Có các đề xuất, sáng kiến để thực hiện mục tiêu nhóm | -Tham gia đầy đủ các cuộc hợp nhóm  -Tích cực có những ý kiến đóng gióp vào mục tiêu  - Tuân thủ các cam kết thực hiện mục tiêu nhóm | -Tham gia không đầy đủ các cuộc hợp nhóm  - Ít có góp ý đề xuất  - Hiểu được cam kết thực hiện mục tiêu nhóm | -Tham gia không đầy đủ các cuộc hợp nhóm  - Ít có góp ý đề xuất  - Không tuân thủ cam kết thực hiện mục tiêu nhóm | - Không tham gia các cuộc hợp nhóm  - Không có góp ý đề xuất  - Không tuân thủ cam kết thực hiện mục tiêu nhóm |
| Sự phối hợp với các thành viên trong nhóm | 15 | 25 | - Chủ động tạo ra sự tương tác tích cực  - Trao đổi và chấp nhận các ý tưởng trong thực hiện nhiệm vụ với các thành viên  - Phối hợp thực hiện tốt nhiệm vụ  - Chủ động kết nối, sử dụng các phương thức làm việc nhóm | - Trao đổi và chấp nhận các ý tưởng trong thực hiện nhiệm vụ với các thành viên  - Phối hợp thực hiện tốt nhiệm vụ  - Còn bị động, phụ thuộc trong sử dụng các phương thức làm việc nhóm | - Tham gia chưa tích cực trao đổi, khó chấp nhận các ý tưởng trong thực hiện nhiệm vụ với các thành viên  - Còn bị động, phụ thuộc trong sử dụng các phương thức làm việc nhóm | - Thụ động trong việc tương tác với các thành viên  - Có trao đổi ý kiến nhưng thể hiện tiếp nhận và chia sẻ thông tin hạn chế | - Không tương tác với các thành viên trong nhóm. |
| CLO3.2  Có khả năng vận dụng linh hoạt các hình thức giao tiếp bằng thuyết trình và văn bản | Nội dung, bố cục và hình thức báo cáo | 15 | 0 | - Chủ đề trình bày liên quan và có trọng tâm.  - Nội dung phù hợp và chính xác. | - Chủ đề trình bày liên quan và có trọng tâm  - Nội dung có một số phần chưa chính xác | - Chủ đề trình bày liên quan và có trọng tâm  - Nội dung có nhiều phần chưa chính xác | - Chủ đề trình bày không trọng tâm  - Nội dung có nhiều phần chưa chính xác | - Chủ đề trình bày không trọng tâm, không liên quan  - Nội dung có nhiều phần chưa chính xác |
| Hình thức bài thuyết trình | 10 | 0 | - Slide trình bày với bố cục rõ ràng, hợp lý  - Trình bày các thuật ngữ, hình ảnh, bảng biểu, sơ đồ dễ hiểu | - Slide trình bày  các thuật ngữ, hình  ảnh, bảng biểu, sơ đồ hợp lý | - Slide trình bày phù hợp  - Trình bày hình ảnh, bảng biểu, sơ đồ hợp lý  - Dùng một số thuật ngữ khó hiểu, đưa nhiều nội dung vào slide | - Slide trình bày phù hợp  - Sử dụng một số hình ảnh, bảng biểu, sơ đồ không liên quan  - Dùng một số thuật ngữ khó hiểu, đưa nhiều nội dung vào slide. | Slide không đảm bảo chất lượng theo yêu cầu |
| Kỹ năng thuyết trình | 15 | 0 | Nói rõ, tự tin, thuyết phục, báo quát, thu hút toàn bộ người nghe tốt | Nói mạch lạc, thu hút người nghe khá tốt, khá bao quát | Nói chưa rõ, thiếu tự tin, chưa bao quát, ít giao lưu với người nghe | Nói nhỏ, không tự tin, không giao lưu với người nghe | Không trình bày được |

**6. Tài liệu học tập**

***6.1. Giáo trình:***

1.Hoàng Thị Mai, 2021. Bài giảng Chăn nuôi chó mèo, Trường Đại học Vinh.

2. Tô Du, Xuân Giao, 2004. Kỹ thuật nuôi chó mèo và phòng trị bệnh thường gặp. NXB Lao động - Xã hội.

***6.2. Tài liệu tham khảo***

1. Vương Đức Chất, Lê Thị Tài, 2004. Bệnh thường gặp ở chó mèo và cách phòng trị. NXB Nông nghiệp – Hà Nội.

2. Các sách, tạp chí khoa học, website và băng hình liên quan đến chăn nuôi chó mèo của các tác giả khác bằng tiếng Việt và tiếng Anh.

**7. Kế hoạch dạy học**

***Lý thuyết:***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tuần, số tiết** | **Nội dung** | **Hình thức tổ chức dạy học** | **Yêu cầu SV chuẩn bị** | **CĐR học phần** | **Bài đánh giá** |
| **1(3)** | **Chương 1: Giới thiệu**  1.1. Lịch sử về sự tiến hóa ở chó, mèo – sự thuần hóa chó, mèo  1.2. Tổng quan về cơ thể và sinh lý sinh sản của chó, mèo  1.3. Các giống chó, mèo và hệ thống phân loại  1.3.1. Các giống chó và hệ thống phân loại  1.3.2. Các giống mèo và hệ thống phân loại | - Địa điểm: Phòng học theo Nhà Trường sắp xếp  - Thuyết trình  - Hướng dẫn quan sát hình ảnh | - Đọc các phần liên quan ở các tài liệu. | **CLO1.1** | A1.1  A2.1 |
| **2** | **Chương 1: Giới thiệu (tiếp)**  1.3. Các giống chó, mèo và hệ thống phân loại  1.3.1. Các giống chó và hệ thống phân loại  1.3.2. Các giống mèo và hệ thống phân loại | - Địa điểm: Nhà học theo Nhà Trường sắp xếp  - Thuyết trình  - Hướng dẫn quan sát hình ảnh | - Đọc các phần liên quan ở các tài liệu.  - | **CLO1.1** | A1.1  A2.1 |
| **3** | **Chương 2. Dinh dưỡng của chó, mèo**  2.1. Đặc điểm bộ máy tiêu hóa và sinh lý tiêu hóa của chó, mèo  2.2. Nhu cầu dinh dưỡng của chó mèo | - Địa điểm: Nhà học theo Nhà Trường sắp xếp  - Thuyết trình  - Hướng dẫn quan sát hình ảnh.  - Hướng dẫn làm bài tập | - Đọc các phần liên quan ở các tài liệu. | **CLO1.1** | A1.1  A2.1 |
| **4** | **Chương 2. Dinh dưỡng của chó, mèo (tiếp)**  2.2. Nhu cầu dinh dưỡng của chó mèo (tiếp) 2.2.2. Nhu cầu năng lượng và protein (tiếp) 2.2.3. Nhu cầu khoáng và vitamin  2.2.4. Nhu cầu nước uống | - Địa điểm: Nhà học theo Nhà Trường sắp xếp  - Thuyết trình  - Hướng dẫn quan sát hình ảnh  - Hướng dẫn làm bài tập | - Đọc các phần liên quan ở các tài liệu. | **CLO1.1** | A1.1  A2.1 |
| **5** | **Chương 3. Thức ăn cho chó, mèo**  3.1. Các loại thức ăn thông dụng cho chó mèo  3.2. Các tiêu chuẩn đánh giá thức ăn công nghiệp  3.3. Một số điều cần lưu ý trong tự phối trộn thức ăn | - Địa điểm: Nhà học theo Nhà Trường sắp xếp  - Thuyết trình  - Hướng dẫn quan sát hình ảnh | - Đọc các phần liên quan ở các tài liệu. | **CLO1.1** | A1.1  A2.1 |
| **6** | **Chương 4. Chăm sóc và nuôi dưỡng chó mèo**  4.1. Chăm sóc và nuôi dưỡng chó  4.2. Chăm sóc và nuôi dưỡng mèo  4.3. Các vấn đề cần lưu ý khi nuôi chó mèo  4.4. Chuồng trại dành cho chó, mèo | - Địa điểm: Nhà học theo Nhà Trường sắp xếp  - Thuyết trình  - Hướng dẫn quan sát hình ảnh | - Đọc các phần liên quan ở các tài liệu. | **CLO1.1** | A1.1  A2.1 |
| **7** | **Chương 5. Các bệnh phổ biến trên chó, mèo và biện pháp phòng trị**  5.1. Bệnh do virus  5.1.1. Bệnh care ở chó  5.1.2. Bệnh viêm gan truyền nhiễm chó  5.1.3. Bệnh viêm ruột do parvovirus ở chó  5.1.4. Bệnh viêm ruột truyền nhiễm ở mèo  5.1.5. Bệnh bạch huyết ở mèo  5.2. Bệnh do vi khuẩn  5.2.1. Bệnh do Rickettsia  5.2.2. Bệnh viêm ruột cấp do nhiễm khuẩn  5.2.3. Bệnh do *Entamoeba Histolytica*  5.2.4*.* Bệnh lị do *Giardia Intestinalis* | - Địa điểm: Nhà học theo Nhà Trường sắp xếp  - Thuyết trình  - Hướng dẫn quan sát video, hình ảnh  - Nghiên cứu tình huống | - Đọc các phần liên quan ở các tài liệu. | **CLO1.1** | A1.1  A2.1 |
| **8** | **Chương 5. Các bệnh phổ biến trên chó, mèo và biện pháp phòng trị (tiếp)**  5.3. Bệnh nội khoa  5.4. Bệnh ngoại khoa | - Địa điểm: Nhà học theo Nhà Trường sắp xếp  - Thuyết trình  - Hướng dẫn quan sát hình ảnh  - Nghiên cứu tình huống. | - Đọc các phần liên quan ở các tài liệu. | **CLO1.1** | A1.1  A2.1 |
| **9** | **Chương 5. Các bệnh phổ biến trên chó, mèo và biện pháp phòng trị (tiếp)**  5.5. Bệnh dinh dưỡng  5.6. Bệnh ký sinh trùng | - Địa điểm: Nhà học theo Nhà Trường sắp xếp  - Thuyết trình  - Hướng dẫn quan sát hình ảnh  - Nghiên cứu tình huống. | - Đọc các phần liên quan ở các tài liệu. | **CLO1.1** | A1.1  A2.1 |
| 10 | Báo cáo bài tập nhóm | - Hướng dẫn thảo luận | - Chuẩn bị hồ sơ làm việc nhóm; Bài tập nhóm theo yêu cầu. | CLO2.1  CLO3.1  CLO3.2 | A1.2  A1.3 |

**8. Nhiệm vụ của người học**

***8.1. Phần tự học***

- Nghiên cứu tài liệu, xem các slide/video/website.

- Chủ động tìm các nguồn tài liệu khác liên quan đến nội dung học phần.

- Thảo luận, trao đổi những vấn đề liên quan đến học phần với bạn học/cựu sinh viên/cán bộ tại đơn vị trải nghiệm hoặc các nguồn lực hỗ trợ khác.

- Hoàn thành các bài tập được giao trên LMS.

***8.2. Phần học trên lớp trực tiếp hoặc online với giảng viên***

- Dự lớp ≥ 80% tổng thời lượng của học phần.

- Chủ động, tích cực trong giờ học.

- Phát hiện, đưa ra câu hỏi hoặc vấn đề liên quan đến nội dung học tập.

***8.3. Làm việc nhóm***

- Tham gia xây dựng kế hoạch hoạt động của nhóm.

- Tôn trọng ý kiến và chịu trách nhiệm về kết quả làm việc chung.

- Hoàn thành đầy đủ nhiệm vụ và sản phẩm dự án được giao.

**9. Ngày phê duyệt:**

**10. Cấp phê duyệt:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **KT. HIỆU TRƯỞNG**  **PHÓ HIỆU TRƯỞNG** | **VIỆN TRƯỞNG**  **TS. NGUYỄN ĐÌNH VINH** | **TRƯỞNG BỘ MÔN**  **TS. LÊ MINH HẢI** |

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH**  **VIỆN NÔNG NGHIỆP VÀ TÀI NGUYÊN** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

## **ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN CHI TIẾT**

## **Học phần: Kiểm ngiệm sản phẩm động vật**

**1. Thông tin tổng quát:**

***1.1. Thông tin về giảng viên***

***Giảng viên 1:Tạ Thị Bình***

Học hàm, học vị: Giảng viên – Tiến sỹ

Địa chỉ liên hệ: Bộ môn Nuôi trồng Thủy sản và Chăn nuôi – Viện Nông nghiệp và Tài Nguyên

Điện thoại, email: : [tathibinhdhv@gmail.com](mailto:tathibinhdhv@gmail.com); ĐT: 0984.596.189

Các hướng nghiên cứu chính:

***Giảng viên 2: Trương Thị Thành Vinh***

Học hàm, học vị: Giảng viên – Thạc sỹ

Địa chỉ liên hệ: Bộ môn Thủy sản và Chăn nuôi – Viện Nông nghiệp và Tài Nguyên Điện thoại, email: thanhvinhtruong@.gmail.com; ĐT: 0985381343

Các hướng nghiên cứu chính:

***1.2. Thông tin về học phần:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| - Tên môn học (tiếng Việt): Kiểm nghiệm sản phẩm động vật  (tiếng Anh): | | |
| - Mã số học phần: AHY30021 | | |
| - Thuộc CTĐT ngành: Chăn nuôi | | |
| - Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:  Kiến thức cơ bản  Kiến thức cơ sở ngành  xx  Kiến thức ngành  x | Học phần chuyên về kỹ năng chung  Kiến thức khác | |
| - Thuộc loại học phần: Bắt buộc | Tự chọn | |
| - Số tín chỉ: 3 | |  |
| + Số tiết lý thuyết: 39 | |  |
| + Số tiết thảo luận/bài tập:6 | |  |
| + Số tiết thực hành: 0 | |  |
| + Số tiết tự học: 60 | |  |
| - Điều kiện đăng ký học: | |  |
| + Học phần tiên quyết: An toàn thực phẩm | | Mã số HP: AHY30017 |
| + Học phần học trước: Vi sinh vật chăn nuôi | | Mã số HP: AHY30005 |
| - Yêu cầu của học phần: Thực hiện theo Quy chế đào tạo của Trường Đại học Vinh. Cụ thể:  + Thời gian tối thiểu sinh viên phải có mặt trên lớp: 80%  + Sinh viên phải nộp đầy đủ bài tập, báo cáo qua hệ thống LMS (Mục 5.1).  + Tham gia đầy đủ các bài thực hành | | |
| - Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Thủy sản và Chăn nuôi  Điện thoại: Email: | | |

**2. Mô tả học phần**

Nội dung môn học Kiểm nghiệm sản phẩm động vật cung cấp cho người học các kiến thức cơ bản về: Vận chuyển và kiểm dịch động vật, vệ sinh thú y của nơi giết mổ và chế biến sản phẩm động vật, Kiểm tra và Chăm sóc động vật trước khi giết mổ, Quá trình giết mổ và kiểm tra sau giết mổ, Kiểm tra và xử lý thân thịt phủ tạng động vật không đảm bảo tiêu chuẩn vệ sinh thú y, Bảo quản và chế biến thịt, Kiểm nghiệm trứng, Kiểm nghiệm sữa và sản phẩm sữa.

**3. Mục tiêu học phần**

Học phần này giúp sinh viên nắm được một số kiến thức về kiểm tra chất lượng vệ sinh thú y, đảm bảo an toàn động vật và các SP có nguồn gốc động vật. Có phẩm chất cá nhân, sức khỏe, đạo đức;.Phát triển kỹ năng tổ chức nhóm để giải quyết các vấn đề nảy sinh trong sản xuất. Có khả năng kiểm soát được các hoạt động giết mổ tại các cơ sở giết mổ và chế biến các sản phẩm động vật, đảm bảo sức khoẻ cho người tiêu dùng.

**4. Chuẩn đầu ra học phần, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá**

***4.1. Ánh xạ chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **CĐR học phần** | **Ánh xạ với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo** | | | |
| PLO1.3 | PLO2.2 | PLO3.1 | PLO 3.2 |
| 1.3.2 | 2.2.1 | 3.1.2 | 3.2.2 |
| CLO 1.1 | 0,5 |  |  |  |
| CLO 1.2 | 0,5 |  |  |  |
| CLO 2.1 |  | 1,0 |  |  |
| CLO 3.1 |  |  | 1,0 |  |
| CLO 3.2 |  |  |  | 1,0 |

***4.2. Nội dung chuẩn đầu ra, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá học phần***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **CĐR học phần (CLO)** | **TĐNL CĐR**  **học phần** | **Mô tả CĐR học phần** | **Phương pháp dạy học** | **Phương pháp đánh giá** |
| CLO 1.1 | K4 | Hiểu và vận dụng được các kiến thức về kiểm tra chất lượng vệ sinh thú y, đảm bảo an toàn động vật và các SP có nguồn gốc động vật, | Thuyết trình; hướng dẫn tự học; | Bài trắc nghiệm  Thi viết |
| CLO 1.2 | K4 | Kiểm soát được các hoạt động giết mổ tại các cơ sở giết mổ và chế biến các sản phẩm động vật, đảm bảo sức khoẻ cho người tiêu dùng. | Thuyết trình; hướng dẫn tự học; | Rubric 1  Thi viết |
| CLO 2.1 | A4 | Có thái độ hành xử chuyên nghiệp, tinh thần hợp tác trong học tập | Tự học | Rubric2 |
| CLO 3.1 | S4 | Tổ chức hoạt động nhóm hiệu quả | Tự học | Rubric2 |
| CLO 3.2 | S4 | Thế hiện thành thạo kỹ năng thuyết trình | Tự học | Rubric1 |

**5. Đánh giá học tập và các bộ tiêu chí đánh giá**

***5.1. Đánh giá học tập***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Bài đánh giá** | **Hình thức đánh giá,**  **minh chứng, lưu hồ sơ** | **Công cụ**  **đánh giá** | **CĐR học phần** | **Tỷ lệ**  **Cho bài đánh giá** | **Tỷ lệ cho học phần** |
| **A1. Đánh giá quá trình** | | | |  | **50%** |
| A1.1. Bài trắc nghiệm | - Bài trắc nghiệm trên LMS, chấm điểm tự động | Đáp án | CLO 1.1 | 100% | 20% |
| A1.2. Seminar | - Seminar; SV nạp báo cáo quá LMS; GV đánh giá và lưu hồ sơ | Rubric 1 | CLO 1.2 | 50% | 20% |
| CLO 3.2 | 50% |
| A1.3. Nhóm tự đánh giá cho bài tập nhóm | Tự đánh giá của nhóm cho các thành viên | Rubric 2 | CLO 2.1 | 30% | 10% |
| CLO 3.1 | 70% |
| **A3. Đánh giá cuối kỳ** | | | |  | **50%** |
| A2.1. Thi tự luận | - Thi viết; TT Đảm bảo chất lượng tổ chức thi và lưu hồ sơ | Đáp án | CLO 1.1 | 50 % | 50% |
| CLO 1.2 | 50 % |
| **Công thức tính điểm tổng kết:**  **Điểm TKHP = A1.1x0,2 + A1.2x0,2 + A1.3x0,1 + A2.1x0,5** | | | | | |

## - Ghi chú: Các bài đánh giá thiết kế sao cho đánh giá được từng CĐR.

*- Ví dụ về công cụ đánh giá: Rubrics, đáp án, bảng kiểm…*

***5.2. Các bộ tiêu chí đánh giá***

***5.2.1. Rubric 1: Đánh giá bài A1.2***

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **CĐR** | **Nội dung đánh giá** | **Trọng số bài A1.4** | **Mức độ đánh giá** | | | | |  |
| **A** | **B** | **C** | **D** | **F** | **Điểm** |
| **8.5 - 10** | **7.0 - 8.4** | **5.5 - 6.9** | **4,0 -5,4** | **< 4,0** |
| **CLO1.1**  **Kiểm soát được các hoạt động giết mổ tại các cơ sở giết mổ và chế biến các sản phẩm động vật, đảm bảo sức khoẻ cho người tiêu dùng..** | **Xác định được lĩnh vực thảo luận.** | 10 | Xác định rõ được lĩnh vực thảo luận | Xác định được lĩnh vực thảo luận | Xác định được cơ bản lĩnh vực thảo luận | Xác định chưa rõ được lĩnh vực thảo luận | Không xác định được lĩnh vực thảo luận |  |
| **Xác định trình tự nội dung bài thảo luận** | 15 | Rất hợp lý | Khá hợp lý | Hợp lý | Chưa hợp lý | Không hợp lỹ |  |
| **Kiểm soát được các hoạt động giết mổ tại các cơ sở giết mổ và chế biến các sản phẩm động vật, đảm bảo sức khoẻ cho người tiêu dùng** | 25 | Có minh chứng từ thực tiễn | Có tìm hiểu từ thực tiễn | Có tìm hiểu từ tài liệu tham khảo | Có tìm hiểu nhưng không thể hiện được | Không tìm hiểu |  |
| **CLO 3.2**  **Thế hiện thành thạo kỹ năng thuyết trình** | **Nội dung, trình tự bài thuyết trình** | 10 | - Chủ đề trình bày liên quan và có trọng tâm - Nội dung phù hợp và chính xác chủ đề trình bày liên quan và có trọng tâm | -Chủ đề trình bày liên quan và có trọng tâm  - Nội dung có một số phần chưa chính xác | -Chủ đề trình bày liên quan và có trọng tâm  - Nội dung có nhiều phần chưa chính xác | -Chủ đề trình bày không trọng tâm  - Nội dung có nhiều phần chưa chính xác | -Chủ đề trình bày không trọng tâm, không liên quan  - Nội dung có nhiều phần chưa chính xác |  |
| **Hình thức trình bày** | 10 | -Slide trình bày với bố cục rõ ràng, hợp lý  - Trình bày các thuật ngữ, hình ảnh, bảng biểu, sơ đồ dễ hiểu | -Slide trình bày phù hợp  - Trình bày các thuật ngữ, hình ảnh, bảng biểu, sơ đồ hợp lý | - Slide trình bày phù hợp  - Trình bày hình ảnh, bảng biểu, sơ đồ hợp lý  - Dùng một số thuật ngữ khó hiểu, đưa nhiều nội dung vào slide | - Slide trình bày phù hợp  -Sử dụng một số hình ảnh, bảng biểu, sơ đồ không liên quan  - Dùng một số thuật ngữ khó hiểu, đưa nhiều nội dung vào slide | Slide không đảm bảo chất lượng theo yêu cầu |  |
| **Kỹ năng trình bày** | 15 | Nói rõ, tự tin, thuyết phục, báo quát, thu hút được toàn bộ người nghe tốt | Nói mạch lạc những không thu hút người nghe khá tốt, khá bao quát | Nói chưa rõ, thiếu tự tin, chưa bao quát, ít giao lưu với người nghe | Nói nhỏ, không tự tin, không giao lưu với người nghe | Không trình bày được |  |
| **Trả lời câu hỏi** | 15 | -Biết phân tích và trả lời đầy đủ, ngắn gọn liên quan trực tiếp đến câu hỏi  - Tự tin khi trả lời | -Trả lời ngắn gọn và phù hợp  - Tự tin khi trả lời | -Câu trả lời tập trung vào câu hỏi  - Hơi thiếu tự tin khi trả lời | Câu trả lời không rõ  ràng, ít liên quan đến câu hỏi  - Thiếu tự tin khi trả  lời | Không trả lời được bất kỳ câu hỏi nào hoặc trả lời sai |  |
| **Tổng** | | | | | | | |  | |

***5.2.2. Rubric 2: Đánh giá bài A1.3***

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **CĐR cấp 3** | **Tiêu chí đánh giá** | **Trọng số (%)** | **Mức độ đánh giá** | | | | |
| **A** | **B** | **C** | **D** | **F** |
| **8.5 - 10** | **7.0 - 8.4** | **5.5 - 6.9** | **4,0 -5,4** | **< 4,0** |
| **CLO 2.1.**  **Thể hiện thái độ hành xử chuyên nghiệp, tinh thần hợp tác trong học tập** | **Ý thức, trách nhiệm khi tham gia hoạt động học tập** | 15 | Ý thức, trách nhiệm cao khi tham gia hoạt động học tập | Ý thức, trách nhiệm khá cao khi tham gia hoạt động học tập | Ý thức, trách nhiệm khi tham gia hoạt động học tập | Ý thức, trách nhiệm khi tham gia hoạt động học tập đang còn thấp | Ý thức, trách nhiệm thấp hoặc không có khi tham gia hoạt động học tập |
| **Mức độ tham gia hoạt động học tập** | 15 | Tham gia hoạt động học tập, với tần suất cao | Tham gia hoạt động học tập, tần suất khá cao | Tham gia hoạt động học tập | Tham gia hoạt động học tập, tần suất thấp | Không tham gia hoạt động học tập |
| **CLO 3.1**  **Tổ chức hoạt động nhóm hiệu quả** | **Tổ chức nhóm** | 15 | Tham gia đầy đủ, tích cực các cuộc hợp nhóm | Tham gia đầy đủ các hoạt động nhóm. | Tham gia còn thiếu một số ít hoạt động | Chỉ tham gia một số ít hoạt động | Không tham gia |
| Nhiệm vụ được phân công rõ ràng, đầy đủ cho các thành viên trong nhóm | Nhiệm vụ được phân công khá rõ ràng, đầy đủ cho các thành viên trong nhóm | Nhiệm vụ được phân công cho các thành viên trong nhóm đầy đủ | Nhiệm vụ được phân công cho các thành viên trong nhóm chưa đầy đủ | Chưa có sự phân công nhiệm vụ |
| **Hợp tác nhóm** | 40 | Chủ động tạo ra sự tương tác tích cực thực hiện nhiệm vụ | Chủ động tạo ra sự tương tác khá tích cực thực hiện nhiệm vụ | Tương tác thực hiện nhiệm vụ ở mức cơ bản | Còn bị động, phụ thuộc trong sử dụng các phương thức làm việc nhóm | Thụ động trong việc tương tác với các thành viên |
| - Trao đổi, chia sẻ và chấp nhận các ý tưởng trong thực hiện nhiệm vụ với các thành viên ở mức độ cao | - Trao đổi và chấp nhận các ý tưởng trong thực hiện nhiệm vụ với các thành viên mức độ khá | Trao đổi, chia sẻ và chấp nhận các ý tưởng trong thực hiện nhiệm vụ với các thành viên ở mức độ cơ bản | Trao đổi và chấp nhận các ý tưởng trong thực hiện nhiệm vụ với các thành viên ở mức độ thấp | Không trao đổi, chia sẻ trong nhóm |
| - Chủ động kết nối, sử dụng các phương thức làm việc nhóm hiệu quả cao | - Chủ động kết nối, sử dụng các phương thức làm việc nhóm hiệu quả khá cao | Kết nối, sử dụng các phương thức làm việc nhóm hiệu quả cơ bản | Kết nối, sử dụng các phương thức làm việc nhóm hiệu quả thấp | Bị động trong kết nối, không hiệu quả |
| **Thảo luận nhóm** | 15 | Đề xuất, sáng kiến để đạt được tốt mục tiêu, kết quả nhóm | Đề xuất, sáng kiến để đạt được khá tốt mục tiêu, kết quả nhóm | Đề xuất, sáng kiến để đạt được mục tiêu, kết quả nhóm ở mức cơ bản | Đề xuất, sáng kiến để đạt được mục tiêu, kết quả nhóm thấp | Chưa có các đề xuất, sáng kiến |
| **Tổng** | | | | | | |  |

**6. Tài liệu học tập**

**6.1.Tài liệu bắt buộc:**

1. Dương Văn Nhiệm (2011), *Ki*ể*m nghi*ệ*m thú s*ả*n*, Nxb ĐHNN Hà Nội.

2. Châu Bá Lộc, Lý Thị Liên Khai (2008), *Ki*ể*m soát v*ệ *sinh thú y các s*ả*n ph*ẩ*m* độ*ng*

**6.2.Tài liệu tham khảo:**

3. Trần Như Khuyên, Nguyễn Thị Thanh Hải, Giáo trình Công nghệ bảo quản và chế biến sản phẩm chăn nuôi, Nhà xuất bản Hà Nội, 2007

**7. Kế hoạch dạy học**

***Lý thuyết:***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tuần/**  **Buổi**  **học [1]** | **Nội dung**  **[2]** | **Hình thức tổ chức dạy và học [3]** | **Chuẩn bị của sinh viên [4]** | **CĐR học phần [5]** | **Bài đánh giá**  **[6]** |
| 1  (3 tiết) | **Chư­ơng 1. Mở đầu**  1.1. Khái niệm về môn học  1.2. Mục đích ý nghĩa của môn học  1.3. Sơ lược lịch sử phát triển môn học  1.4. Mối quan hệ của môn học với các môn học khác.  1.5. Hệ thống tổ chức hoạt động kiểm dịch,kiểm soát giết mổ và kiểm tra vệ sinh thú y động vật và sản phẩm động vật trong ngành thú y | **Hoạt động 1:** Thuyết giảng kết hợp trình chiếu Slide các nội dung bài học. Đặt câu hỏi liên quan để sv suy nghĩ trả lời  **Hoạt động 2:** Hướng dẫn tự học trên LMS | - Đọc tài liệu  - Nghiên cứu hệ thống LMS | CLO1.1 | A1.1  A2.1 |
| 2  (3 tiết) | **Chương 2. Kiểm dịch động vật**  2.1. Ý nghĩa của hoạt động kiểm dịch đối với công tác vận chuyển SPĐV.  2.2. Những quy định về thủ tục kiểm dịch ĐV và SPĐV  2.3. Hiện tượng Stress trong vận chuyển.  2.4. Các bệnh phát sinh trong quá trình vận chuyển | **Hoạt động 1:** Thuyết giảng kết hợp trình chiếu Slide các nội dung bài học. Đặt câu hỏi liên quan để sv suy nghĩ trả lời  **Hoạt động 2** Thảo luận | - Đọc tài liệu  - Nghe bài giảng elearning và làm bài tập trước khi đến lớp | CLO1.1  CLO 1.2 | A1.1  A2.1 |
| 3  (3 tiết) | **Chương 3. Kiểm tra và chăm sóc động vật trước khi giết mổ**  3.1. Yêu cầu vệ sinh thú y của nơi giết mổ và chế biến thịt động vật  3.1.1. Nguyên tắc chung  3.1.2. Các hình thức của cơ sở giết mổ, chế biến thịt động vật  3.1.3. Hệ thống nước của nơi giết mổ và chế biến thịt động vật  3.1.4. Công tác vệ sinh tiêu độc tại cơ sở giết mổ, chế biến thịt. | **Hoạt động 1:** Kiểm tra nội dung tự học của sinh viên.  **Hoạt động 2:** Thuyết giảng kết hợp trình chiếu Slide các nội dung bài học. Đặt câu hỏi liên quan để sv suy nghĩ trả lời  **Hoạt động 3:** Thảo luận | - Đọc tài liệu  - Nghe bài giảng elearning và làm bài tập trước khi đến lớp | CLO1.1  CLO 1.2 | A1.1  A2.1 |
| 4  (3 tiết) | **Chương 3. Kiểm tra và chăm sóc động vật trước khi giết mổ**  3.2. Kiểm tra và chăm sóc động vật trước khi giết mổ  3.2.1.Mục đích của việc kiểm tra và chăm sóc động vật trước khi giết mổ.  3.2.2.Kiểm tra động vật đến lò mổ   * + 1. Chăm sóc động vật giết thịt   3.2.4. Kiểm tra động vật trước giết mổ  3.2.5.Biện pháp xử lý động vật sau khi khám sống | **Hoạt động 1:** Kiểm tra nội dung tự học của sinh viên  **Hoạt động 2:** Thuyết giảng kết hợp trình chiếu Slide các nội dung bài học. Đặt câu hỏi liên quan để sv suy nghĩ trả lời  **Hoạt động 3:** Thảo luận | - Nghe bài giảng elearning và làm bài tập trước khi đến lớp  - Nghe bài giảng elearning và làm bài tập trước khi đến lớp | CLO1.1  CLO1.2 | A1.1  A2.1 |
| 5  (3 tiết) | **Thảo luận** | **Hoạt động 1:** Chia nhóm  **Hoạt động 2:** Đi tìm hiểu thực tế tại các lò mổ  **Hoạt động 3:** Thảo luận | - Đọc tài liệu  - Chuẩn bị giấy bút | CLO1.2 | A1.2  A1.3 |
| 6  (3 tiết) | **Chương 4. Quá trình giết mổ và kiểm tra thú y sau giết mổ**  4.1. Quá trình giết mổ động vật  4.1.1. Khái niệm  4.1.2. Quá trình giết mổ  4.1.3.Vệ sinh trong sản xuất  4 | **Hoạt động 1:** Kiểm tra nội dung tự học của sinh viên  **Hoạt động 2:** Thuyết giảng kết hợp trình chiếu Slide các nội dung bài học. Đặt câu hỏi liên quan để sv suy nghĩ trả lời  **Hoạt động 3:** Thảo luận | - Đọc tài liệu  - Nghe bài giảng elearning và làm bài tập trước khi đến lớp | CLO1.2 | A2.1 |
| 7  (3 tiết) | **Chương 4. Quá trình giết mổ và kiểm tra thú y sau giết mổ**  4.2. Kiểm tra gia súc sau khi giết mổ  4.2.1. Yêu cầu trong công tác kiểm tra  4.2.2. Hệ thống hạch lâm ba – ý nghĩa việc kiểm tra hạch lâm ba  4.2.3.Trình tự kiểm tra gia súc sau giết mổ | **Hoạt động 1:** Kiểm tra nội dung tự học của sinh viên  **Hoạt động 2:** Thuyết giảng kết hợp trình chiếu Slide các nội dung bài học. Đặt câu hỏi liên quan để sv suy nghĩ trả lời  **Hoạt động 3:** Thảo luận | - Đọc tài liệu  - Nghe bài giảng elearning và làm bài tập trước khi đến lớp | CLO1.2 | A2.1 |
| 8  (3 tiết) | **Chương 4. Quá trình giết mổ và kiểm tra thú y sau giết mổ**  4.3. Kiểm tra và xử lý thân thịt phủ tạng động vật không đảm bảo tiêu chuẩn vệ sinh thú y  4.3.1. Kiểm tra và xử lý thân thịt phủ tạng động vật mắc bệnh truyền nhiễm 4.3.2. Bệnh Ký sinh trùng  4.3.3. Các bệnh khác  4.4. Ghi kết quả và đóng dấu trên thân thịt | **Hoạt động 1:** Kiểm tra nội dung tự học của sinh viên  **Hoạt động 2:** Thuyết giảng kết hợp trình chiếu Slide các nội dung bài học. Đặt câu hỏi liên quan để sv suy nghĩ trả lời  **Hoạt động 3:** Thảo luận | - Đọc tài liệu  - Nghe bài giảng elearning và làm bài tập trước khi đến lớp | CLO1.2 | A2.1 |
| 9  (3 tiết) | **Chương 5. Kiểm tra vệ sinh thú ý thịt và các sản phẩm của thịt**  5.1. Thành phần hóa học của thịt động vật nuôi  5.2. Hình thái học của thịt động vật  5.3. Đặc trưng của thịt một số vật nuôi | **Hoạt động 1:** Kiểm tra nội dung tự học của sinh viên tuần 9.  **Hoạt động 2:** Thuyết giảng kết hợp trình chiếu Slide các nội dung bài học. Đặt câu hỏi liên quan để sv suy nghĩ trả lời  **Hoạt động 3:** Thảo luận | - Đọc tài liệu].  - Nghe bài giảng elearning và làm bài tập trước khi đến lớp | CLO1.2 | A2.1 |
| 10  (3 tiết) | **Chương 5. Kiểm tra vệ sinh thú ý thịt và các sản phẩm của thịt**  5.4. Những biến đổi ở thịt động vật sau khi giết mổ  5.5. Sư hư hỏng của thịt | **Hoạt động 1:** Kiểm tra nội dung tự học của sinh viên tuần 9.  **Hoạt động 2:** Thuyết giảng kết hợp trình chiếu Slide các nội dung bài học. Đặt câu hỏi liên quan để sv suy nghĩ trả lời  **Hoạt động 3:** Thảo luận | - Đọc tài liệu].  - Nghe bài giảng elearning và làm bài tập trước khi đến lớp | CLO1.2 | A2.1 |
| 11  (3 tiết) | **Chương 5. Kiểm tra vệ sinh thú ý thịt và các sản phẩm của thịt**  5.6. Phương pháp xác định độ tươi của thịt vật nuôi.  5.7.Các phương pháp bảo quản thịt  5.8. Kiểm tra vệ sinh thú y các sản phẩm thịt | **Hoạt động 1:** Kiểm tra nội dung tự học của sinh viên tuần 9.  **Hoạt động 2:** Thuyết giảng kết hợp trình chiếu Slide các nội dung bài học. Đặt câu hỏi liên quan để sv suy nghĩ trả lời  **Hoạt động 3:** Thảo luận | - Đọc tài liệu].  - Nghe bài giảng elearning và làm bài tập trước khi đến lớp | CLO1.2 | A2.1 |
| 12  (3 tiết) | **Chương 6. Kiểm tra vệ sinh thu ý trứng, sữa và các sản phẩm của trứng, sữa**  6.1. Kiểm tra vệ sinh thu ý trứng và các sản phẩm của trứng  6.1.2. Hình thái và cấu tạo của trứng  6.1.2. Những tính chất của trứng  6.1.3. Đánh giá chất lượng trứng  6.1.4. Bảo quản, vận chuyển trứng | **Hoạt động 1:** Kiểm tra nội dung tự học của sinh viên  **Hoạt động 2:** Thuyết giảng kết hợp trình chiếu Slide các nội dung bài học. Đặt câu hỏi liên quan để sv suy nghĩ trả lời  **Hoạt động 3:** Thảo luận | - Đọc tài liệu  - Nghe bài giảng elearning và làm bài tập trước khi đến lớp | CLO1.2 | A2.1 |
| 14  (3 tiết) | **Chương 6. Kiểm tra vệ sinh thu ý trứng, sữa và các sản phẩm của trứng, sữa**  6.2. Kiểm tra vệ sinh thu ý sữa và các sản phẩm của sữa  6.2.1.Thành phần hóa học của sữa  6.2.2. Tính chất của sữa  6.2.3. Thu nhận và chế biến sơ bộ sữa  6.2.4. Các dạng hư hỏng của sữa  6.2.5. Phương pháp bảo quản sữa  6.2.6. Kiểm nghiệm sữa và các sản phẩm sữa | **Hoạt động 1:** Kiểm tra nội dung tự học của sinh viên  **Hoạt động 2:** Thuyết giảng kết hợp trình chiếu Slide các nội dung bài học. Đặt câu hỏi liên quan để sv suy nghĩ trả lời  **Hoạt động 3:** Thảo luận | - Đọc tài liệu  - Nghe bài giảng elearning và làm bài tập trước khi đến lớp | CLO1.2 | A2.1 |
| 15  (3 tiết) | **Thảo luận** | **Hoạt động 1:** Báo cáo nhóm  **Hoạt động 3:** Thảo luận | - Đọc tài liệu  - Chuẩn bị bài báo cáo | CLO1.2 | A1.2  A1.3 |

**8. Nhiệm vụ của người học**

***8.1. Phần tự học***

- Nghiên cứu tài liệu, xem các slide/video/website.

- Chủ động tìm các nguồn tài liệu khác liên quan đến nội dung học phần.

- Thảo luận, trao đổi những vấn đề liên quan đến học phần với bạn học/cựu sinh viên/cán bộ tại đơn vị trải nghiệm hoặc các nguồn lực hỗ trợ khác.

- Hoàn thành các bài tập được giao trên LMS.

***8.2. Phần học trên lớp trực tiếp hoặc online với giảng viên***

- Dự lớp ≥ 80% tổng thời lượng của học phần.

- Chủ động, tích cực trong giờ học.

- Phát hiện, đưa ra câu hỏi hoặc vấn đề liên quan đến nội dung học tập.

**9. Ngày phê duyệt:**

**10. Cấp phê duyệt:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **KT. HIỆU TRƯỞNG**  **PHÓ HIỆU TRƯỞNG** | **VIỆN TRƯỞNG**  **TS. Nguyễn Đình Vinh** | **TRƯỞNG BỘ MÔN**  **TS. Lê Minh Hải** |

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH**  **VIỆN NÔNG NGHIỆP VÀ TÀI NGUYÊN** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN CHI TIẾT**

**THUỐC VÀ VẮC XIN DÙNG TRONG THÚ Y**

**1. Thông tin tổng quát:**

***1.1. Thông tin về giảng viên***

1. **Nguyễn Thức Tuấn**

Chức danh. Học hàm, học vị: Giảng viên – Tiến sĩ

Địa chỉ liên hệ: Bộ môn Nuôi trồng Thủy sản và Chăn nuôi – Viện Nông nghiệp và Tài Nguyên

Email: nttuan@vinhuni.edu.vn ĐT: 0988506099

1. **Hoàng Thị Mai**

Chức danh. Học hàm, học vị: Giảng viên – Tiến sĩ

Địa chỉ liên hệ: Bộ môn Thủy sản và Chăn nuôi – Viện Nông nghiệp và Tài Nguyên

Email: hoangmaidhv[@gmail](mailto:binhtt@vinhuni.edu.vn).com; ĐT: 0977.006.137

***1.2. Thông tin về học phần:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| - Tên môn học (tiếng Việt): **Thuốc và vắc xin dùng trong thú y**  (tiếng Anh): **Veterinary Medicine** | | |
| - Thuộc CTĐT ngành: **Chăn nuôi** | | |
| - Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:  Kiến thức cơ bản  Kiến thức cơ sở ngành  Kiến thức ngành  x | Học phần chuyên về kỹ năng chung  Kiến thức khác | |
| - Thuộc loại học phần: Bắt buộc  x | Tự chọn | |
| - Số tín chỉ: 3 | |  |
| + Số tiết lý thuyết: 39 | |  |
| + Số tiết thảo luận/bài tập: 6 | |  |
| + Số tiết thực hành: 0 | |  |
| + Số tiết tự học: 90 | |  |
| - Điều kiện đăng ký học: | |  |
| + Học phần tiên quyết: | | Mã số HP: |
| + Học phần học trước: | | Mã số HP: |
| - Yêu cầu của học phần: Thực hiện theo Quy chế đào tạo của Trường Đại học Vinh. Cụ thể:  + Thời gian tối thiểu sinh viên phải có mặt trên lớp: 80%  + Sinh viên phải nộp đầy đủ bài tập, báo cáo… qua hệ thống LMS (Mục 5.1). + Tham gia đầy đủ các bài thực hành. | | |
| - Bộ môn phụ trách học phần: Thủy sản và Chăn nuôi  Điện thoại: Email: | | |

**2. Mô tả học phần**

Học phần đề cập đến những nội dung cơ bản nhất về phân loại thuốc, cơ chế tác động của thuốc, các yếu tố ảnh hưởng đến tác dụng của thuốc, cơ chế tác dụng và những con đừng đưa thuốc vào cơ thể động vật cũng như cơ chế đào thải của thuốc và ứng dụng vào việc sử dụng thuốc trong phòng và trị bệnh cho động vật nuôi. Qua môn học, sinh viên cũng sẽ nắm được lịch sử nghiên cứu thuốc thú y và có được các kỹ năng cơ bản trong sử dụng thuốc để phòng và trị bệnh trong chăn nuôi.

**3. Mục tiêu học phần**

**CO1.** Trình bày kiến thức vềphân loại thuốc, cơ chế tác động của thuốc, các yếu tố ảnh hưởng đến tác dụng của thuốc, cơ chế tác dụng và những con đừng đưa thuốc vào cơ thể động vật cũng như cơ chế đào thải của thuốc và ứng dụng vào việc sử dụng thuốc trong phòng và trị bệnh cho động vật nuôi.

**CO2.** Thể hiện kỹ năng lập luận, phân tích và giải quyết vấn đề; kỹ năng làm việc nhóm; kỹ năng sử dụng các loại thuốc và vắc xin dùng trong chăn nuôi

**CO3.** Thể hiện thái độ, đạo đức tốt, chủ động được việc học tập, xử lý các tình huống trong quá trình dùng thuốc và hoá chất trong chăn nuôi.

**4. Chuẩn đầu ra học phần, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá**

***4.1. Ánh xạ chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **CĐR học phần** | **Ánh xạ với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo** | | | |
| **PLO1.3** | **PLO2.2** | **PLO3.1** | **PLO3.2** |
| 1.3.4 | 2.2.1 | 3.1.1 | 3.2.2 |
| CLO 1.1 | 1,0 |  |  |  |
| CLO 2.1 |  | 0,5 |  |  |
| CLO 2.2 |  | 0,5 |  |  |
| CLO 3.1 |  |  | 1,0 | 1,0 |

***4.2. Nội dung chuẩn đầu ra, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá học phần***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **CĐR học phần (CLO)** | **TĐNL CĐR**  **học phần** | **Mô tả CĐR học phần** | **Phương pháp dạy học** | **Phương pháp đánh giá** |
| CLO1.1 | K4 | Hiểu được kiến thức cơ bản về thuốc thú y thông qua phân loại thuốc, cơ chế tác động của thuốc, các yếu tố ảnh hưởng đến tác dụng của thuốc, cơ chế tác dụng, các cách tác dụng và các con đường thải trừ của thuốc, từ đó ứng dụng vào việc sử dụng thuốc trong phòng và trị bệnh cho động vật nuôi | Thuyết trình, | Trắc nghiệm |
| CLO2.1 | A4 | Thể hiện kỹ năng lựa chọn và sử dụng thuốc trong phòng và trị bệnh cho động vật một cách có hiệu quả và biết cách hạn chế kháng thuốc và tác dụng phụ của thuốc | Hướng dẫn, tự học | Thi viết |
| CLO2.2 | A4 | Có đạo đức trách nhiệm, tinh thần hợp tác trong hoạt động nghề nghiệp liên quan đến phương pháp dùng thuốc trong phòng và trị bệnh cho động vật một cách có hiệu quả | Hướng dẫn, tự học | Rubric 2 |
| CLO3.1 | S4 | Có kỹ năng làm việc nhóm để thực hiện yêu cầu môn học: sử dụng thuốc trong phòng và trị bệnh cho động vật một cách có hiệu quả và biết cách hạn chế kháng thuốc và tác dụng phụ của thuốc | Hướng dẫn, tự học | Rubric 1 |

**5. Đánh giá học tập và các bộ tiêu chí đánh giá**

***5.1. Đánh giá học tập***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Bài đánh giá** | **Hình thức đánh giá,**  **minh chứng, lưu hồ sơ** | **Công cụ**  **đánh giá** | **CĐR học phần** | **Tỷ lệ**  **cho bài đánh giá** | **Tỷ lệ cho học phần** |
| **A1. Đánh giá quá trình** | | | |  | **50%** |
| A1.1. Bài trắc nghiệm | - Bài trắc nghiệm trên LMS, chấm điểm tự động | Đáp án | CLO 1.1 | 100% | 15% |
| A1.2. Giáo viên đánh giá bài tập nhóm | - Bài tập nhóm trên LMS, GV chấm điểm | Rubric 1 | CLO 2.1 | 40% | 20% |
| CLO 3.1 | 60% |
| A1.3. Nhóm tự đánh giá cho bài tập nhóm | Tự đánh giá của nhóm cho các thành viên | Rubric 2 | CLO 2.2 | 50% | 15% |
| CLO3.1 | 50% |
| **A3. Đánh giá cuối kỳ** | | | |  | **50%** |
| A2.1. Thi tự luận | - Thi viết; TT Đảm bảo chất lượng tổ chức thi và lưu hồ sơ | Đáp án | CLO 1.2 | 50% | 50% |
| CLO 2.1 | 50% |
| **Công thức tính điểm tổng kết:**  **Điểm TKHP = A1.1x0,15 + A1.2x0,2 + A1.3x0,15 + A2.1x0,5** | | | | | |

***5.2. Các bộ tiêu chí đánh giá***

***5.2.1. Rubric 1: Đánh giá bài A1.2***

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **CĐR** | **Nội dung đánh giá** | **Trọng số bài A1.2 (%)** | **Mức độ đánh giá** | | | | |  |
| **A** | **B** | **C** | **D** | **F** | **Điểm** |
| **8.5 - 10** | **7.0 - 8.4** | **5.5 - 6.9** | **4,0 -5,4** | **< 4,0** |
| **CLO2.1**  Có khả năng phân tích, lập luận, giải thích được cơ sở sử dụng thuốc trong phòng và trị bệnh cho động vật một cách có hiệu quả | Tìm hiểu, xác định vấn đề | 10 | Xác định rõ ràng vấn đề nghiên cứu | Xác định được vấn đề nghiên cứu | Cơ bản xác định được vấn đề nghiên cứu | xác định được vấn đề nghiên cứu chung chung | Không xác định được vấn đề nghiên cứu |  |
| Lập kế hoạch và giải pháp quyết vấn đề | 20 | Có khả năng tư duy để lập được kế hoạch và đưa ra các giải pháp quyết vấn đề ở mức tốt | Có khả năng tư duy để lập được kế hoạch và đưa ra giải pháp quyết vấn đề ở mức khá | Có khả năng tư duy để lập được kế hoạch và đưa ra giải pháp quyết vấn đề ở mức cơ bản | Có khả năng tư duy để lập được kế hoạch và đưa ra giải pháp quyết vấn đề ở mức thấp | Không có khả năng tư duy để lập được kế hoạch và giải pháp quyết vấn đề |  |
| Đánh giá kết quả đạt được | 10 | Đánh giá kết quả đạt được ở mức tốt | Đánh giá kết quả đạt được ở mức khá | Đánh giá kết quả đạt được ở mức cơ bản | Đánh giá kết quả đạt được ở mức thấp | Không đánh giá được kết quả đạt được |  |
| **CLO 3.1**  Có kỹ năng làm việc nhóm để thực hiện yêu cầu môn học, khi sử dụng thuốc trong phòng và trị bệnh cho động vật có hiệu quả và biết cách hạn chế kháng thuốc và tác dụng phụ của thuốc |  | 60 | Có kỹ năng tốt thực hiện yêu cầu môn học, khi sử dụng thuốc trong phòng và trị bệnh cho động vật có hiệu quả và biết cách hạn chế kháng thuốc và tác dụng phụ của thuốc | Có kỹ năng thực hiện yêu cầu môn học, khi sử dụng thuốc trong phòng và trị bệnh cho động vật có hiệu quả và biết cách hạn chế kháng thuốc và tác dụng phụ của thuốc ở mức khá | Cơ bản có kỹ năng thực hiện yêu cầu môn học, sử dụng thuốc trong phòng và trị bệnh cho động vật có hiệu quả | Kỹ năng thực hiện yêu cầu môn học, ở mức độ thấp | Không có kỹ năng thực hiện yêu cầu môn học |  |
| **Tổng** | | | | | | | |  |

***5.2.1. Rubric 2: Đánh giá bài A1.3***

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **CĐR** | **Nội dung đánh giá** | **Trọng số bài A1.3 (%)** | **Mức độ đánh giá** | | | | | **Điểm** |
| **A** | **B** | **C** | **D** | **F** |
| **8.5 - 10** | **7.0 - 8.4** | **5.5 - 6.9** | **4,0 -5,4** | **< 4,0** |
| **PLO2.2.** Có đạo đức trách nhiệm, tinh thần hợp tác trong hoạt động nghề nghiệp liên quan đến sử dụng thuốc trong phòng và trị bệnh cho động vật | Ý thức, trách nhiệm khi tham gia hoạt động nghề nghiệp | 10 | Ý thức, trách nhiệm cao khi tham gia hoạt động nghề nghiệp | Ý thức, trách nhiệm khá cao khi tham gia hoạt động nghề nghiệp | Ý thức, trách nhiệm khi tham gia hoạt động nghề nghiệp | Ý thức, trách nhiệm khi tham gia hoạt động nghề nghiệp đang còn thấp | Ý thức, trách nhiệm thấp hoặc không tham gia hoạt động nghề nghiệp |  |
| Mức độ tham gia hoạt động học tập, nghề nghiệp | 20 | Tham gia hoạt động học tập, nghề nghiệp với tần suất cao | Tham gia hoạt động học tập, nghề nghiệp tần suất khá cao | Tham gia hoạt động học tập, nghề nghiệp | Tham gia hoạt động học tập, nghề nghiệp tần suất thấp | Không tham gia hoạt động học tập, nghề nghiệp |  |
| Quản lý thời gian | 10 | Có khả năng quản lý thời gian tốt | Có khả năng quản lý thời gian khá tốt | Có khả năng quản lý thời gian | Quản lý thời gian chưa hợp | Chưa có khả năng quản lý thời gian |  |
| Quản lý nguồn lực | 10 | Có khả năng quản lý nguồn lực tốt | Có khả năng quản lý nguồn lực khá tốt | Có khả năng quản lý nguồn lực | Quản lý nguồn lực chưa hợp | Chưa có khả năng quản lý nguồn lực |  |
| **PLO3.1.** Có kỹ năng làm việc nhóm để thực hiện yêu cầu môn học, sử dụng thuốc trong phòng và trị bệnh cho động vật | Tổ chức nhóm | 15 | Tham gia đầy đủ, tích cực các cuộc hợp nhóm | Tham gia đầy đủ các hoạt động nhóm. | Tham gia còn thiếu một số ít hoạt động | Chỉ tham gia một số ít hoạt động | Không tham gia |  |
| Nhiệm vụ được phân công rõ ràng, đầy đủ cho các thành viên trong nhóm | Nhiệm vụ được phân công khá rõ ràng, đầy đủ cho các thành viên trong nhóm | Nhiệm vụ được phân công cho các thành viên trong nhóm đầy đủ | Nhiệm vụ được phân công cho các thành viên trong nhóm chưa đầy đủ | Chưa có sự phân công nhiệm vụ |  |
| Hợp tác nhóm | 15 | Chủ động tạo ra sự tương tác tích cực thực hiện nhiệm vụ | Chủ động tạo ra sự tương tác khá tích cực thực hiện nhiệm vụ | Tương tác thực hiện nhiệm vụ ở mức cơ bản | Còn bị động, phụ thuộc trong sử dụng các phương thức làm việc nhóm | Thụ động trong việc tương tác với các thành viên |  |
| - Trao đổi, chia sẻ và chấp nhận các ý tưởng trong thực hiện nhiệm vụ với các thành viên ở mức độ cao | - Trao đổi và chấp nhận các ý tưởng trong thực hiện nhiệm vụ với các thành viên mức độ khá | Trao đổi, chia sẻ và chấp nhận các ý tưởng trong thực hiện nhiệm vụ với các thành viên ở mức độ cơ bản | Trao đổi và chấp nhận các ý tưởng trong thực hiện nhiệm vụ với các thành viên ở mức độ thấp | Không trao đổi, chia sẻ trong nhóm |  |
| - Chủ động kết nối, sử dụng các phương thức làm việc nhóm hiệu quả cao | - Chủ động kết nối, sử dụng các phương thức làm việc nhóm hiệu quả khá cao | Kết nối, sử dụng các phương thức làm việc nhóm hiệu quả cơ bản | Kết nối, sử dụng các phương thức làm việc nhóm hiệu quả thấp | Bị động trong kết nối, không hiệu quả |  |
| Thảo luận nhóm | 20 | Đề xuất, sáng kiến để đạt được tốt mục tiêu, kết quả nhóm | Đề xuất, sáng kiến để đạt được khá tốt mục tiêu, kết quả nhóm | Đề xuất, sáng kiến để đạt được mục tiêu, kết quả nhóm ở mức cơ bản | Đề xuất, sáng kiến để đạt được mục tiêu, kết quả nhóm thấp | Chưa có các đề xuất, sáng kiến |  |
| **Tổng** | | | | | | | |  |

**6. Tài liệu học tập**

**6.1. Tài liệu bắt buộc:**

[1] Phạm Đức Chương, Cao Văn, Từ Quang Hiển, Nguyễn Thị Kim Lan (2003), *Giáo trình dược lý học thú y*, NXB Nông nghiệp.

[2] Phạm Khắc Hiếu (2009), *Giáo trình dược lý học thú y*, NXB Giáo dục Việt Nam.

**6.2 Tài liệu tham khảo:**

[3] Phạm Sỹ Lăng, Lê Thị Tài (1997), *Thuốc điều trị và vacxin sử dụng trong thú y*, NXB Nông nghiệp.

**7. Kế hoạch dạy học**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tuần/**  **Buổi học (1)** | **Nội dung**  **(2)** | **Hình thức tổ chức dạy học (3)** | **Chuẩn bị của SV (4)** | **CĐR học phần (5)** | **Bài đánh giá (6)** |
| 1 | Bài mở đầu:  Khái niệm và lịch sử phát triển của  môn học | \* Giảng viên (GV):  Truyền thụ, diễn giảng; vấn đáp; cây vấn đề  - Hướng dẫn SV tự học  \* Sinh viên (SV):  **-** Trả lời các câu hỏi của Giảng viên | - Vở ghi chép, Tài liệu tham khảo, | CLO1.1 | A1.1 |
| 2 | Chương 1: ĐẠI CƯƠNG VỀ THUỐC THÚ Y 1. Khái niệm về thuốc, thức ăn và chất độc  2. Các yếu tố ảnh hƣởng đến tác dụng của thuốc  2.1. Yếu tố cơ thể  2.2. Yếu tố ngoài cơ thể  3. Các phương pháp đưa thuốc vào cơ thể gia súc, gia cầm  3.1 Đưa thuốc qua đường tiêu hóa  3.2 Đưa thuốc ngoài đường tiêu hóa | \* Giảng viên (GV):  Truyền thụ, diễn giảng; vấn đáp; cây vấn đề  - Hướng dẫn SV tự học  \* Sinh viên (SV):  **-** Trả lời các câu hỏi của Giảng viên | - Vở ghi chép, Tài liệu tham khảo, | CLO1.1 | A1.1 |
| 3 | Chương 1: ĐẠI CƯƠNG VỀ THUỐC THÚ Y 4. Sự hấp thu phân bố và thải trừ  4.1 Sự hấp thu của thuốc qua màng sinh học  4.2 Sự phân bố thuốc trong cơ thể  4.3 Biến đổi thuốc trong cơ thể  4.4. Thải trừ thuốc  5. Cơ chế tác dụng của thuốc  6. Các tác dụng của thuốc | \* Giảng viên (GV):  Truyền thụ, diễn giảng; vấn đáp; cây vấn đề  - Hướng dẫn SV tự học  \* Sinh viên (SV):  **-** Trả lời các câu hỏi của Giảng viên | - Vở ghi chép, Tài liệu tham khảo, | CLO1.1  CLO2.1 | A1.1 |
| 4 | Chương 1: THUỐC TÁC DỤNG TRÊN HỆ THẦN KINH TRUNG ƯƠNG  1.1 Các thuốc kích thích thần kinh trung ương | \* Giảng viên (GV):  Truyền thụ, diễn giảng; vấn đáp; cây vấn đề  - Hướng dẫn SV tự học  \* Sinh viên (SV):  - Làm việc nhóm để trao đổi về các loại thuốc kích thích thần kinh | - Vở ghi chép, Tài liệu tham khảo,  **-** Tự học: các loại thuốc kích thích thần kinh | CLO1.1  CLO2.1 | A1.1  A 1.2 |
| 5 | Chương 1: THUỐC TÁC DỤNG TRÊN HỆ THẦN KINH TRUNG ƯƠNG  1.2 Các thuốc ức chế thần kinh trung ương | \* Giảng viên (GV):  Truyền thụ, diễn giảng; vấn đáp; cây vấn đề  - Hướng dẫn SV tự học | - Vở ghi chép, Tài liệu tham khảo, | CLO1.1  CLO2.1 | A 1.2 |
| 6 | Chương 2: THUỐC TÁC DỤNG TRÊN ĐẦU MÚT THẦN KINH CẢM GIÁC  2.2. Thuốc bảo vệ đầu mút thần kinh cảm giác  2.3. Thuốc kích thích đầu mút thần kinh cảm giác | \* Giảng viên (GV):  Truyền thụ, diễn giảng; vấn đáp; cây vấn đề  - Hướng dẫn SV tự học  \* Sinh viên (SV):  - Làm việc nhóm để trao đổi thuốc có tác dụng với hệ thần kinh  **-** Trả lời các câu hỏi của Giảng viên | - Vở ghi chép, Tài liệu tham khảo, | CLO2.1  CLO2.2  CLO3.1 | A1.2  A1.3 |
| 7 | Chương 3: HORMONE  3.1 Các chất có tác dụng kháng tuyến giáp  3.2 Implats – cattle hay các mảnh ghép  3.3 Huyết thanh ngựa chứa  3.4 Prolactin – galuctin mammotropin LTH | \* Giảng viên (GV):  Truyền thụ, diễn giảng; vấn đáp; cây vấn đề  - Hướng dẫn SV tự học  \* Sinh viên (SV):  - Làm việc nhóm để trao đổi về hormon  **-** Trả lời các câu hỏi của Giảng viên | - Vở ghi chép, Tài liệu tham khảo,  **-** Tự học: đặc tính một số hormon thường dùng trong chăn nuôi | CLO1.2  CLO2.1 | A2.1 |
| 8 | Chương 4: VITAMIN VÀ CÁC KHOÁNG CHẤT  4.1 Các vitamin  4.2 Các khoáng chất | \* Giảng viên (GV):  Truyền thụ, diễn giảng; vấn đáp; cây vấn đề  - Hướng dẫn SV tự học  \* Sinh viên (SV):  - Làm việc nhóm để trao đổi về vitamin và chất khoáng  **-** Trả lời các câu hỏi của Giảng viên | - Vở ghi chép, Tài liệu tham khảo, | CLO1.2  CLO2.1 | A2.1 |
| 9 | Chương 5: CÁC THUỐC HÓA HỌC TRỊ LIỆU CHỐNG VI TRÙNG  5.1 Thuốc kháng khuẩn (Sulfamid) | \* Giảng viên (GV):  Truyền thụ, diễn giảng; vấn đáp; cây vấn đề  - Hướng dẫn SV tự học  \* Sinh viên (SV):  - Làm việc nhóm để trao đổi về thuốc kháng sinh  **-** Trả lời các câu hỏi của Giảng viên | - Vở ghi chép, Tài liệu tham khảo,  **-** | CLO1.2  CLO2.1 | A2.1 |
| 10 | Chương 5: CÁC THUỐC HÓA HỌC TRỊ LIỆU CHỐNG VI TRÙNG  5.2 Thuốc kháng sinh | \* Giảng viên (GV):  Truyền thụ, diễn giảng; vấn đáp; cây vấn đề  - Hướng dẫn SV tự học  \* Sinh viên (SV):  - Làm việc nhóm để trao đổi về thuốc kháng sinh | - Vở ghi chép, Tài liệu tham khảo,  **-** Tự học: thuốc hoá trị liệu chống vi trùng | CLO1.2  CLO2.1 | A2.1 |
| 11 | Chương 6: THUỐC ĐIỀU TRỊ BỆNH KÝ SINH TRÙNG  6.1 Thuốc tẩy giun tròn  6.2 Thuốc trị sán dây  6.3 Thuốc trị sán lá gan của loài nhai lại | \* Giảng viên (GV):  Truyền thụ, diễn giảng; vấn đáp; cây vấn đề  - Hướng dẫn SV tự học  \* Sinh viên (SV):  - Làm việc nhóm để trao đổi về thuốc điều trị ký sinh trùng | - Vở ghi chép, Tài liệu tham khảo,  **-** Tự học: thuốc điều trị ký sinh trùng | CLO1.2  CLO2.1 | A2.1 |

**8. Nhiệm vụ của người học**

***8.1. Phần tự học***

- Nghiên cứu tài liệu, xem các slide/video/website.

- Chủ động tìm các nguồn tài liệu khác liên quan đến nội dung học phần.

- Thảo luận, trao đổi những vấn đề liên quan đến học phần với bạn học/cựu sinh viên/cán bộ tại đơn vị trải nghiệm hoặc các nguồn lực hỗ trợ khác.

- Hoàn thành các bài tập được giao trên LMS.

***8.2. Phần học trên lớp trực tiếp hoặc online với giảng viên***

- Dự lớp ≥ 80% tổng thời lượng của học phần.

- Chủ động, tích cực trong giờ học.

- Phát hiện, đưa ra câu hỏi hoặc vấn đề liên quan đến nội dung học tập.

***8.3. Làm việc nhóm***

- Tham gia xây dựng kế hoạch hoạt động của nhóm.

- Tôn trọng ý kiến và chịu trách nhiệm về kết quả làm việc chung.

**10. Cấp phê duyệt:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **KT. HIỆU TRƯỞNG**  **PHÓ HIỆU TRƯỞNG** | **VIỆN TRƯỞNG**  **TS. Nguyễn Đình Vinh** | **TRƯỞNG BỘ MÔN**  **TS. Lê Minh Hải** |

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH**  **VIỆN NÔNG NGHIỆP VÀ TÀI NGUYÊN** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

## **ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN CHI TIẾT**

## **Học phần: Tiếng Anh chuyên ngành chăn nuôi**

**1. Thông tin tổng quát:**

***1.1. Thông tin về giảng viên***

***Giảng viên 1:* Phạm Mỹ Dung**

Chức danh. Học hàm, học vị: Giảng viên – Tiến sĩ

Địa chỉ liên hệ: Bộ môn Thủy sản và CN – Viện Nông nghiệp và Tài Nguyên

Email: [dungpm@vinhuni.edu.vn](mailto:dungpm@vinhuni.edu.vn); ĐT: 0948.231.430

***Giảng viên 2:* Nguyễn Thức Tuấn**

Chức danh. Học hàm, học vị: Giảng viên – Tiến sĩ

Địa chỉ liên hệ: Bộ môn Thủy sản và Chăn nuôi – Viện Nông nghiệp và Tài Nguyên

Email: [tuannt@vinhuni.edu.vn](mailto:tuannt@vinhuni.edu.vn); ĐT: 0988506099

***1.2. Thông tin về học phần:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| - Tên học phần (tiếng Việt): **Tiếng anh chuyên ngành Chăn nuôi – Thú y**  (tiếng Anh): **English for Animal Husbandry - Veterinary Medicine** | | |
| - Mã số học phần: AHY30038 | | |
| - Thuộc CTĐT ngành: Chăn nuôi | | |
| - Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:  Kiến thức cơ bản  Kiến thức cơ sở ngành  Kiến thức ngành  x | Học phần chuyên về kỹ năng chung  Kiến thức khác | |
| - Thuộc loại học phần: Bắt buộc | Tự chọn  x | |
| - Số tín chỉ: | |  |
| + Số tiết lý thuyết: 39 | |  |
| + Số tiết thảo luận/bài tập: 6 | |  |
| + Số tiết thực hành: | |  |
| + Số tiết tự học: 90 | |  |
| - Điều kiện đăng ký học: | |  |
| + Học phần tiên quyết: Tiếng Anh 1; tiếng Anh 2 | | Mã số HP: |
| + Học phần học trước: | | Mã số HP: |
| - Yêu cầu của học phần: Thực hiện theo Quy chế đào tạo của Trường Đại học Vinh. Cụ thể:  + Thời gian tối thiểu sinh viên phải có mặt trên lớp: 80%  + Sinh viên phải nộp đầy đủ bài tập, báo cáo… qua hệ thống LMS (Mục 5.1). + Tham gia đầy đủ các bài thực hành. | | |
| - Bộ môn phụ trách học phần: Thủy sản và Chăn nuôi  Điện thoại: Email: | | |

**2. Mô tả học phần:**

Tiếng Anh chuyên ngành Chăn nuôi – Thú y cung cấp cho sinh viên vốn từ vựng chuyên môn tiếng Anh trong lĩnh vực, hệ thống chăn nuôi- thú y; trang bị các kỹ năng đọc hiểu tài liệu, kỹ năng làm việc nhóm, chủ động tự tin và sáng tạo. Đồng thời học phần còn tạo cho sinh viên có ý thức học tập nâng cao trình độ ngoại ngữ và yêu ngành nghề chăn nuôi – Thú y.

**3. Mục tiêu học phần:**

**CO1.** Giúp sinh viên hiểu được vốn từ vựng tiếng Anh chuyên ngành để có thể hoàn thành khoá học,

**CO2.** Giúp người học có kỹ năng đọc hiểu tài liệu chuyên ngành chăn nuôi – thú y bằng tiếng anh, kỹ năng làm việc nhóm, chủ động tự tin và sáng tạo trong quá trình học tập và làm việc sau này.

**CO3.** Hướng cho người học luôn có ý thức phấn đấu học tập để nâng cao trình độ ngoại ngữ và yêu ngành nghề hơn.

**4. Chuẩn đầu ra học phần, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá**

***4.1. Ánh xạ chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **CĐR học phần** | **Ánh xạ với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo** | | | |
| **PLO1.1** | **PLO1.3** | **PLO2.2** | **PLO3.3** |
| 1.1.3 | 1.3.1 | 2.2.2 | 3.3.2 |
| CLO1.1 | 1,0 |  |  |  |
| CLO1.2 |  | 1,0 |  |  |
| CLO2.1 |  |  | 1,0 |  |
| CLO3.1 |  |  |  | 1,0 |

***4.2. Nội dung chuẩn đầu ra, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá học phần***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **CĐR học phần (CLO)** | **TĐNL CĐR**  **học phần** | **Mô tả CĐR học phần** | **Phương pháp dạy học** | **Phương pháp đánh giá** |
| CLO1.1 | K3 | Biết được vốn từ vựng tiếng Anh để đọc hiểu tài liệu chuyên môn về chăn nuôi – thú y. | Thuyết trình | Trắc nghiệm |
| CLO1.2 | K4 | Hiểu được vốn từ vựng để đọc tài liệu, giao tiếp cơ bản bằng tiếng Anh trong lĩnh vực chuyên môn về chăn nuôi – thú y.. | Thuyết trình  Thảo luận | Trắc nghiệm |
| CLO2.1 | A4 | Có khả năng quản lý thời gian và nguồn lực để thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ bài học tiếng Anh chuyên ngành về chăn nuôi – thú y.. | Thuyết trình, nghiên cứu tình huống | Trắc nghiệm |
| CLO3.1 | S4 | Có khả năng sử dụng được tiếng Anh để tìm kiếm thông tin, giao tiếp cơ bản, chủ động làm việc với người nước ngoài trong lĩnh vực về chăn nuôi – thú y. | Thuyết trình  Làm việc nhóm  Tự học | Rubric 1  Trắc nghiệm |

**5. Đánh giá học tập và các bộ tiêu chí đánh giá**

***5.1. Đánh giá học tập***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Bài đánh giá** | **Hình thức đánh giá và lưu hồ sơ** | **Công cụ đánh giá** | **CĐR học phần** | **Tỷ lệ cho bài đánh giá** | **Tỷ lệ**  **cho học phần** |
| **A1. Đánh giá quá trình** | |  |  |  | **50%** |
| A1.1 | - Bài thi trắc nghiệm; GV tổ chức đánh giá và lưu hồ sơ | - Đáp án | CLO1.1 | 100% | 20% |
| A1.2. | - Bài tập nhóm; nhóm SV nạp báo cáo quá LMS; GV đánh giá và lưu hồ sơ | Rubric 1 | CLO2.1 | 40% | 30% |
| CLO3.1 | 60% |
| **A2. Đánh giá cuối kỳ** | |  |  |  | **50%** |
| A2.1 | **Bài thi tự luận**  TT Đảm bảo chất lượng tổ chức thi và lưu hồ sơ | Đáp án | CLO1.1 | 100% | *50%* |
| **Công thức tính điểm tổng kết:**  **Điểm TKHP = A1.1 \*0,2+A1.2\*0,3+A2.1\*0,5** | | | | | | |

***5.2. Các bộ tiêu chí đánh giá***

***Rubric 1: Đánh giá bài A1.2***

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **CĐR** | **Tiêu chí đánh giá** | **Trọng số bài A1.2** | **Mức độ đánh giá** | | | | |
| **A** | **B** | **C** | **D** | **F** |
| **8.5 – 10** | **7.0 - 8.4** | **5.5 - 6.9** | **4,0 -5,4** | **< 4,0** |
| **CLO2.1.** Có khả năng quản lý thời gian và nguồn lực để thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ bài học tiếng Anh chuyên ngành về chăn nuôi – thú y. | **Quản lý thời gian** | **20** | Có khả năng quản lý thời gian tốt | Có khả năng quản lý thời gian khá tốt | Có khả năng quản lý thời gian | Quản lý thời gian chưa hợp | Chưa có khả năng quản lý thời gian |
| **Quản lý nguồn lực** | **20** | Có khả năng quản lý nguồn lực của nhóm tốt | Có khả năng quản lý nguồn lực của nhóm khá tốt | Có khả năng quản lý nguồn lực của nhóm | Quản lý nguồn lực ở mức thấp | Chưa có khả năng quản lý nguồn lực |
| **CLO3.1.** Có khả năng sử dụng được tiếng Anh để tìm kiếm thông tin, giao tiếp cơ bản, chủ động làm việc với người nước ngoài trong lĩnh vực về chăn nuôi – thú y. | **Nội dung, trình tự bài báo cáo nhóm** | **30** | Chủ đề trình bày liên quan và có trọng tâm - Nội dung phù hợp và chính xácChủ đề trình bày liên quan và có trọng tâm - Nội dung phù hợp và chính xác | Chủ đề trình bày liên quan và có trọng tâm - Nội dung có một số phần chưa chính xác | Chủ đề trình bày liên quan và có trọng tâm - Nội dung có nhiều phần chưa chính xác | Chủ đề trình bày không trọng tâm - Nội dung có nhiều phần chưa chính xác | Chủ đề trình bày không trọng tâm, không liên quan - Nội dung có nhiều phần chưa chính xác |
| **Hình thức bài báo cáo nhóm** | **10** | -Báo cáo trình bày với bố cục rõ ràng, hợp lý  - Trình bày các thuật ngữ, hình ảnh, bảng biểu, sơ đồ dễ hiểu | Báo cáo trình bày  các thuật ngữ, hình  ảnh, bảng biểu, sơ đồ hợp lý | Báo cáo trình bày phù hợp Trình bày hình ảnh, bảng biểu, sơ đồ hợp lý  - Dùng một số thuật ngữ khó hiểu, đưa nhiều nội dung vào báo cáo | Báo cáo trình bày phù hợp  Sử dụng một số hình ảnh, bảng biểu, sơ đồ không liên quan - Dùng một số thuật ngữ khó hiểu, đưa nhiều nội dung vào báo cáo | Báo cáo không đảmbảo chất lượng theo yêu cầu |
|  | **Trả lời câu hỏi** | 20 | Biết phân tích và trả lời đầy đủ, ngắn gọn liên quan trực tiếp đến câu hỏi  - Tự tin khi trả lời | Trả lời ngắn gọn và phù hợp  - Tự tin khi trả lời | Câu trả lời tập trung  vào câu hỏi  - Hơi thiếu tự tin khi trả lời | Câu trả lời không rõ  ràng, ít liên quan đến  câu hỏi  - Thiếu tự tin khi trả  lời | Không trả lời được bất kỳ câu hỏi nào hoặc trả lời sai |

**6. Tài liệu học tập**

***6.1. Giáo trình:***

[1] Nguyen Xuan Trach, 2007. ENGLISH for Animal Science and Aquaculture.

***6.2. Tài liệu tham khảo:***

[2] Tổ chức Lương thực và Nông nghiệp Liên Hợp Quốc (FAO), *Từ điển thuật ngữ Chăn nuôi – Thú y của FAO,* 2020.

[3] Anatomy and physiology of tropical livestock. Heath E & Olunsanya S Longman, London, 1986 – 144p

**7. Kế hoạch dạy học**

***Lý thuyết:***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tuần/**  **Buổi**  **học [1]** | **Nội dung**  **[2]** | **Hình thức tổ chức dạy và học [3]** | **Chuẩn bị của sinh viên [4]** | **CĐR học phần [5]** | **Bài đánh giá**  **[6]** |
| 1 | **Introduction to the Course of English for**  **Animal Science**   * 1. Giới thiệu về môn học   2. Yêu cầu môn học | - Thuyết trình giới thiệu  - Hướng dẫn  - Đặt câu hỏi liên quan đến kỹ năng đọc hiểu  - Bài tập | - Vở ghi chép  - Đọc tài liệu tham khảo  -Hoàn thành bài tập | CLO2.1 | A1.1 |
| 2 | **Bài 1. Sinh học (Biology)**   * 1. Từ vựng (Vocabulary)   2. Ngữ pháp (Grammar)   3. Đọc hiểu (Reading)   4. Bài tập (Home work ) | - Thuyết trình giới thiệu  - Hướng dẫn  - Đặt câu hỏi liên quan đến kỹ năng đọc hiểu  - Bài tập | - Vở ghi chép  - Đọc tài liệu tham khảo  -Hoàn thành bài tập | CLO1.2  CLO2.2  CLO3.1 | A1.1  A2.1 |
| 3 | **Bài 2. Giải phẩu động vật (Anatomy animal)**   * 1. Từ vựng (Vocabulary)   2. Ngữ pháp (Grammar)   3. Đọc hiểu (Reading)   2.4. Bài tập (Home work ) | - Thuyết trình giới thiệu  - Hướng dẫn  - Đặt câu hỏi liên quan đến kỹ năng đọc hiểu  - Bài tập | - Vở ghi chép  - Đọc tài liệu tham khảo  -Hoàn thành bài tập | CLO1.2  CLO2.2  CLO3.1 | A1.1  A2.1 |
| 4 | **Luyện tập (Practice)**  Mô tả hình thái, cấu tạo 1 con vật | Hướng dẫn | Đọc tài liệu  Thực hành mô tả hình thái 1 cong vật |  | A2.1 |
| 5 | **Bài 3. Hệ thống chăn nuôi**   * 1. Từ vựng (Vocabulary)   2. Ngữ pháp (Grammar)   3. Đọc hiểu (Reading)   3.4. Bài tập (Home work ) | - Thuyết trình giới thiệu  - Hướng dẫn  - Đặt câu hỏi liên quan đến kỹ năng đọc hiểu  - Bài tập | - Vở ghi chép  - Đọc tài liệu tham khảo  -Hoàn thành bài tập | CLO1.2  CLO2.2  CLO3.1 | A2.1A1.1 |
| 6 | **Bài 4. Dinh dưỡng vật nuôi (Animal Nutrition)**   * 1. Từ vựng (Vocabulary)   2. Ngữ pháp (Grammar)   3. Đọc hiểu (Reading)   4. Thảo luận (Discussion)   4.5. Bài tập (Home work ) | - Thuyết trình giới thiệu  - Hướng dẫn  - Đặt câu hỏi liên quan đến kỹ năng đọc hiểu  - Bài tập | - Vở ghi chép  - Đọc tài liệu tham khảo  -Hoàn thành bài tập | CLO1.2  CLO2.2  CLO3.1 | A1.1  A2.1 |
|  | **Đánh giá bài thi A1.1. trắc nghiệm khách quan** | | | | A1.1 |
| 7 | **Luyện tập (Practice)**  -Một số từ vựng về cấu tạo, phân loại động vật, | -Hướng dẫn cách trình bày phân loại, cấu tạo 1 đối tượng động vật bằng tiếng anh.  - Quan sát hình ảnh | - Đọc tài liệu  -Thực hành luyện tập theo nhóm, cá nhân từ vựng tiếng ánh về cấu tạo, phân loại động vật nuôi |  | A2.1 |
| 8 | **Bài 5. Kỹ thuật chăn nuôi lợn (Pig farming techniques)**   * 1. Từ vựng (Vocabulary)   2. Ngữ pháp (Grammar)   3. Đọc hiểu (Reading)   4. Bài tập (Home work ) | - Thuyết trình giới thiệu  - Hướng dẫn  - Đặt câu hỏi liên quan đến kỹ năng đọc hiểu  - Bài tập | - Vở ghi chép  - Đọc tài liệu tham khảo  -Hoàn thành bài tập | CLO1.1  CLO1.2 | A2.1 |
| 9 | **Luyện tập (Practice)**  -Một số quy trình kỹ thuật, nghiên cứu về lợn (bài báo khoa học công bố quốc tế bằng tiếng anh)  **(1)Reading**  - Đọc 1 số bài báo nghiên cứu lợn bằng tiếng anh từ đó đưa ra nội dung, thông tin chính. | -Hướng dẫn cách trình đọc tóm tắt, nội dung một nghiên cứu về vật nuôi (lợn)  -Thuyết trình một số kỹ năng đọc hiểu lấy thông tin bài báo: Scan; Skim | - Đọc tài liệu  -Thực hành luyện tập theo nhóm, cá nhân về dịch, đọc hiểu nội dung về vật nuôi là lợn. | CLO3.1 | A2.1 |
| 10 | **Bài 6. Kỹ thuật chăn nuôi gia cầm (Poultry farming techniques)**   * 1. Từ vựng (Vocabulary)   2. Ngữ pháp (Grammar)   3. Đọc hiểu (Reading)   4. Thảo luận (Discussion)   6.5. Bài tập (Home work ) | - Thuyết trình giới thiệu  - Hướng dẫn  - Đặt câu hỏi liên quan đến kỹ năng đọc hiểu  - Bài tập | - Vở ghi chép  - Đọc tài liệu tham khảo  -Hoàn thành bài tập | CLO1.1  CLO1.2 | A2.1 |
| 11 | **Luyện tập (Practice)**  -Một số quy trình kỹ thuật, nghiên cứu về lợn (bài báo khoa học công bố quốc tế bằng tiếng anh)  **(1) Writing**  -Viết 1 bài/1 đoạn tóm tắt bài báo nghiên cứu lợn bằng tiếng anh | -Hướng dẫn cách trình đọc tóm tắt, nội dung một nghiên cứu về vật nuôi (lợn)  -Thuyết trình một số kỹ năng viết tóm tắt 1 nghiên cứu bằng tiếng anh. | - Đọc tài liệu  -Thực hành luyện tập theo nhóm, cá nhân về dịch, đọc hiểu nội dung về vật nuôi là gia cầm. | CLO3.1 | A1.2 |
| 12 | **Bài 6. Kỹ thuật chăn nuôi gia cầm (Poultry farming techniques) (tiếp)**   * 1. Từ vựng (Vocabulary)   2. Ngữ pháp (Grammar)   3. Đọc hiểu (Reading)   4. Bài tập (Home work ) | - Thuyết trình giới thiệu  - Hướng dẫn  - Đặt câu hỏi liên quan đến kỹ năng đọc hiểu  - Bài tập | - Vở ghi chép  - Đọc tài liệu tham khảo  -Hoàn thành bài tập | CLO1.1  CLO1.2 | A2.1 |
| 13 | **Bài 7. Kỹ thuật chăn nuôi động vật nhai lại (Technology of rearing ruminant animals)**   * 1. Từ vựng (Vocabulary)   2. Ngữ pháp (Grammar)   3. Đọc hiểu (Reading)   7.4 Bài tập (Home work ) | - Thuyết trình giới thiệu  - Hướng dẫn  - Đặt câu hỏi liên quan đến kỹ năng đọc hiểu  - Bài tập | - Vở ghi chép  - Đọc tài liệu tham khảo  -Hoàn thành bài tập | CLO1.2  CLO2.2 | A2.1 |
| 14 | **Thảo luận (Seminar)**  **Topic 1.** Translate one technical process of pig/Poultry from Vietnamese to English | -Đưa 1 số chủ đề thảo luận  -Phân chia nhóm chuẩn bị | - Báo cáo thảo luận  -Báo cáo/hồ sơ làm việc nhóm  - Tài liệu liên quan cho bài thảo luận | CLO3.1 | A1.2 |
| 15 | **Thảo luận (Seminar)**  **Topic 2.** Translate one article about animial situation (VN to ENG or ENG to VN) | -Đưa 1 số chủ đề thảo luận  -Phân chia nhóm chuẩn bị | - Báo cáo thảo luận  -Báo cáo/hồ sơ làm việc nhóm  - Tài liệu liên quan cho bài thảo luận | CLO3.1 | A1.2 |

**8. Nhiệm vụ của người học**

***8.1. Phần tự học***

- Nghiên cứu tài liệu, xem các slide/video/website.

- Chủ động tìm các nguồn tài liệu khác liên quan đến nội dung học phần.

- Thảo luận, trao đổi những vấn đề liên quan đến học phần với bạn học/cựu sinh viên/cán bộ tại đơn vị trải nghiệm hoặc các nguồn lực hỗ trợ khác.

- Hoàn thành các bài tập được giao trên LMS.

***8.2. Phần học trên lớp trực tiếp hoặc online với giảng viên***

- Dự lớp ≥ 80% tổng thời lượng của học phần.

- Chủ động, tích cực trong giờ học.

- Phát hiện, đưa ra câu hỏi hoặc vấn đề liên quan đến nội dung học tập.

***8.3. Làm việc nhóm***

- Tham gia xây dựng kế hoạch hoạt động của nhóm.

- Tôn trọng ý kiến và chịu trách nhiệm về kết quả làm việc chung.

**9. Ngày phê duyệt:**

**10. Cấp phê duyệt:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **KT. HIỆU TRƯỞNG**  **PHÓ HIỆU TRƯỞNG** | **VIỆN TRƯỞNG**  **TS. NGUYỄN ĐÌNH VINH** | **TRƯỞNG BỘ MÔN**  **TS. LÊ MINH HẢI** |

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH**  **VIỆN NÔNG NGHIỆP VÀ TÀI NGUYÊN** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

## **ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN CHI TIẾT**

## **Bệnh dinh dưỡng**

**1. Thông tin tổng quát:**

***1.1. Thông tin về giảng viên***

***Giảng viên 1:* Trương Thị Thành Vinh**

Học hàm, học vị: Thạc sĩ

Địa chỉ liên hệ: 182 Lê Duẩn, TP Vinh, Nghệ An

Điện thoại, email: thanhvinhtruong@gmail.com

Các hướng nghiên cứu chính: Vi sinh vật chăn nuôi, Thú y cơ bản

***Giảng viên 2:* Nguyễn Thị Thanh**

Học hàm, học vị: Tiến sĩ

Địa chỉ liên hệ: 182 Lê Duẩn, TP Vinh, Nghệ An

Điện thoại, email: nguyenthithanhnln@gmail.com

Các hướng nghiên cứu chính: Sinh lý động vật, Vệ sinh chăn nuôi

***1.2. Thông tin về học phần:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| - Tên học phần (tiếng Việt): **Bệnh dinh dưỡng**  (tiếng Anh): **Nutritional disease** | | |
| - Mã số học phần: AHY30028 | | |
| - Thuộc CTĐT ngành: **Chăn nuôi** | | |
| - Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:  Kiến thức cơ bản  Kiến thức cơ sở ngành  Kiến thức ngành  x | Học phần chuyên về kỹ năng chung  Kiến thức khác | |
| - Thuộc loại học phần: Bắt buộc | Tự chọn | |
| - Số tín chỉ: 03 | |  |
| + Số tiết lý thuyết: 39 | |  |
| + Số tiết thảo luận/bài tập: 6 | |  |
| + Số tiết thực hành: 0 | |  |
| + Số tiết tự học: 90 | |  |
| - Điều kiện đăng ký học: | |  |
| + Học phần tiên quyết: Thú y cơ bản | | Mã số HP: AHY30007 |
| + Học phần học trước: Bệnh truyền nhiễm thú y | | Mã số HP: AHY30010 |
| - Yêu cầu của học phần: Thực hiện theo Quy chế đào tạo của Trường Đại học Vinh. Cụ thể:  + Thời gian tối thiểu sinh viên phải có mặt trên lớp: 80%  + Sinh viên phải nộp đầy đủ bài tập, báo cáo… qua hệ thống LMS (Mục 5.1). + Tham gia đầy đủ các bài thực hành. | | |
| - Bộ môn phụ trách học phần: Thủy sản và Chăn nuôi  Điện thoại: Email: | | |

**2. Mô tả học phần:**

Học phần Bệnh dinh dưỡng giúp sinh viên hiểu được cơ chế phát sinh, nguyên nhân, triệu chứng và cách phòng tránh các bệnh dinh dưỡng thường xảy ra trên gia súc nhai lại, lợn, gia cầm và chó mèo. Một số độc tố có trong thức ăn vật nuôi và cách hạn chế, khử độc tố

**3. Mục tiêu học phần**

**CO1.** Hiểu được kiến thức cơ bản về các bệnh xảy ra trên vật nuôi (động vật nhai lại, lợn, gia cầm, chó mèo) mà nguyên nhân là do thừa hoặc thiếu các chất dinh dưỡng; các độc chất trong thức ăn gia súc.

**CO2.** Thể hiện thái độ, đạo đức tốt trong tổng hợp, phân tích, chọn lọc và cập nhật thông tin, chẩn đoán, điều trị và phòng các bệnh dinh dưỡng ở vật nuôi, áp dụng tốt các nguyên tắc để quản lý sức khỏe vật nuôi.

**CO3**. Phát triển kỹ năng tổ chức nhóm để giải quyết các vấn đề đặt ra

**4. Chuẩn đầu ra học phần, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá**

***4.1. Ánh xạ chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **CĐR học phần** | **Ánh xạ với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo** | | |
| **PLO1.3** | **PLO2.1** | **PLO3.1** |
| 1.3.4 | 2.2.1 | 3.1.1 |
| CLO1.1 | 1,0 |  |  |
| CLO2.1 |  | 1,0 |  |
| CLO3.1 |  |  | 1,0 |

***4.2. Nội dung chuẩn đầu ra, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá học phần***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **CĐR học phần (CLO)** | **TĐNL CĐR**  **học phần** | **Mô tả CĐR học phần** | **Phương pháp dạy học** | **Phương pháp đánh giá** |
| CLO1.1 | K4 | Hiểu được các kiến thức về dinh dưỡng trong khẩu phần ăn và sự mất cân đối dưỡng chất. Phân biệt được các bệnh do dinh dưỡng và ngộ độc thức ăn ở vật nuôi | Hướng dẫn  Tự học/tự nghiên cứu | Trắc nghiệm  Bài thi tự luận |
| CLO2.1 | A3 | Có đạo đức, trách nhiệm, thái độ hành xử chuyên nghiệp, trong tổng hợp, phân tích, chọn lọc và cập nhật thông tin, chẩn đoán, điều trị và phòng các bệnh dinh dưỡng ở vật nuôi, áp dụng tốt các nguyên tắc để quản lý sức khỏe vật nuôi. | Thuyết trình  Nghiên cứu tình huống | Bài thi tự luận  Rubric 1 |
| CLO3.1 | S4 | Làm việc theo nhóm hiệu quả đê đánh giá các nguyên tắc chẩn đoán, chữa trị một số bệnh dinh dưỡng thường gặp để nâng cao sức khỏe vật nuôi | Làm việc nhóm | Rubric 1 |

**5. Đánh giá học tập và các bộ tiêu chí đánh giá**

***5.1. Đánh giá học tập***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Bài đánh giá** | **Hình thức đánh giá và lưu hồ sơ** | **Công cụ đánh giá** | **CĐR học phần** | **Tỷ lệ cho bài đánh giá** | **Tỷ lệ**  **cho học phần** |
| **A1. Đánh giá quá trình** | |  |  |  | **50%** |
| A1.1 | - Bài tập nhóm; nhóm SV nạp báo cáo quá LMS; GV đánh giá và lưu hồ sơ | Rubric 1 | CLO2.1 | 40% | 30% |
| CLO3.1 | 60% |
| A1.2 | - Bài thi trắc nghiệm;  TT Đảm bảo chất lượng tổ chức thi và lưu hồ sơ | - Đáp án | CLO1.1 | 100% | 20% |
| **A.2. Đánh giá cuối kỳ** | |  |  |  |  |
| A2.1 | Bài thi tự luận  TT Đảm bảo chất lượng tổ chức thi và lưu hồ sơ | Đáp án | CLO1.1 | 100% | *50%* |
| **Công thức tính điểm tổng kết:**  **Điểm TKHP = A1.1 \*0,3+A1.2\*0,2+A2.1\*0,5** | | | | | | |

*- Ghi chú: Các bài đánh giá thiết kế sao cho đánh giá được từng CĐR.*

*- Ví dụ về công cụ đánh giá: Rubrics, đáp án, bảng kiểm…*

***5.2. Các bộ tiêu chí đánh giá***

***Rubric 1: Đánh giá bài A1.1 và bài A1.3.***

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **CĐR** | **Tiêu chí đánh giá** | **Trọng số bài A1.1** | **Trọng số bài A1.3** | **Mức độ đánh giá** | | | | |
| **A** | **B** | **C** | **D** | **F** |
| **8.5 - 10** | **7.0 - 8.4** | **5.5 - 6.9** | **4,0 -5,4** | **< 4,0** |
| **CLO2.1.** Có đạo đức, trách nhiệm, thái độ hành xử chuyên nghiệp, trong tổng hợp, phân tích, chọn lọc và cập nhật thông tin, chẩn đoán, điều trị và phòng các bệnh dinh dưỡng ở vật nuôi, áp dụng tốt các nguyên tắc để quản lý sức khỏe vật nuôi. | **Ý thức, trách nhiệm khi tham gia hoạt động nghề nghiệp** | 20 | 20 | Ý thức, trách nhiệm cao khi tham gia hoạt động nghề nghiệp | Ý thức, trách nhiệm khá cao khi tham gia hoạt động nghề nghiệp | Ý thức, trách nhiệm khi tham gia hoạt động nghề nghiệp | Ý thức, trách nhiệm khi tham gia hoạt động nghề nghiệp đang còn thấp | Ý thức, trách nhiệm thấp hoặc không có khi tham gia hoạt động nghề nghiệp |
| **Mức độ tham gia hoạt động học tập, nghề nghiệp** | 20 | 20 | Tham gia hoạt động học tập, nghề nghiệp với tần suất cao | Tham gia hoạt động học tập, nghề nghiệp tần suất khá cao | Tham gia hoạt động học tập, nghề nghiệp | Tham gia hoạt động học tập, nghề nghiệp tần suất thấp | Không tham gia hoạt động học tập, nghề nghiệp |
| CLO3.1. Làm việc theo nhóm hiệu quả để đánh giá đê đánh giá các nguyên tắc chẩn đoán, chữa trị một số bệnh dinh dưỡng thường gặp để nâng cao sức khỏe vật nuôi | **Tổ chức nhóm** | 10 | 10 | Tham gia đầy đủ, tích cực các cuộc hợp nhóm | Tham gia đầy đủ các hoạt động nhóm. | Tham gia còn thiếu một số ít hoạt động | Chỉ tham gia một số ít hoạt động | Không tham gia |
| Nhiệm vụ được phân công rõ ràng, đầy đủ cho các thành viên trong nhóm | Nhiệm vụ được phân công khá rõ ràng, đầy đủ cho các thành viên trong nhóm | Nhiệm vụ được phân công cho các thành viên trong nhóm đầy đủ | Nhiệm vụ được phân công cho các thành viên trong nhóm chưa đầy đủ | Chưa có sự phân công nhiệm vụ |
| **Hợp tác nhóm** | 30 | 30 | - Trao đổi, chia sẻ và chấp nhận các ý tưởng trong thực hiện nhiệm vụ với các thành viên ở mức độ cao | - Trao đổi và chấp nhận các ý tưởng trong thực hiện nhiệm vụ với các thành viên mức độ khá | Trao đổi, chia sẻ và chấp nhận các ý tưởng trong thực hiện nhiệm vụ với các thành viên ở mức độ cơ bản | Trao đổi và chấp nhận các ý tưởng trong thực hiện nhiệm vụ với các thành viên ở mức độ thấp | Không trao đổi, chia sẻ trong nhóm |
| **Thảo luận nhóm** | 20 | 20 | Đề xuất, sáng kiến để đạt được tốt mục tiêu, kết quả nhóm | Đề xuất, sáng kiến để đạt được khá tốt mục tiêu, kết quả nhóm | Đề xuất, sáng kiến để đạt được mục tiêu, kết quả nhóm ở mức cơ bản | Đề xuất, sáng kiến để đạt được mục tiêu, kết quả nhóm thấp | Chưa có các đề xuất, sáng kiến |

**6. Tài liệu học tập**

***6.1. Giáo trình:***

1. Hồ Thị Phương Thảo. Giáo trình Bệnh Dinh Dưỡng Gia Súc. Trường Đại học An Giang, 2012.

2. Nguyễn Nhựt Xuân Dung. Giáo trình Bệnh Dinh Dưỡng Gia Súc. Nhà xuất bản Đại học Cần Thơ, 2005.

**7. Kế hoạch dạy học**

***Lý thuyết:***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tuần, số tiết** | **Nội dung** | **Hình thức tổ chức dạy học** | **Yêu cầu SV chuẩn bị** | **CĐR học phần** | **Bài đánh giá** |
| **1(3)** | Chương 1. Dinh dưỡng trong khẩu phần ăn và sự mất cân đối dưỡng chất   * 1. Khái niệm   2. Năng lượng, protein, chất béo, chất khoáng, vitamin | - Địa điểm: Phòng học theo Nhà Trường sắp xếp  - Thuyết trình  - Hướng dẫn nghiên cứu tìm kiếm tài tài liệu | - Đọc tài liệu 1, 2  -Tìm kiếm tài liệu | **CLO1.1** | A1.1  A1.2  A1.3  A2.1 |
| **2** | Chương 1 (tiếp)   * 1. Năng lượng, protein, chất béo, chất khoáng, vitamin   1.3. Ứng dụng | - Địa điểm: Phòng học theo Nhà Trường sắp xếp  - Thuyết trình | - Đọc tài liệu 1, 2 | **CLO1.1** | A1.1  A1.2  A2.1 |
| **3** | Chương 2. Bệnh dinh dưỡng ở vật nuôi  2.1. Bệnh xảy ra trên gia súc nhai lại  2.1.1. Bệnh xeton huyết (ketosis)  2.1.2. Bệnh axit dạ cỏ  2.1.3. Bệnh sốt sữa | - Địa điểm: Phòng học theo Nhà Trường sắp xếp  - Thuyết trình | Đọc tài liệu 1, 2  - So sánh nguyên nhân của bệnh xeton huyết, axit dạ cỏ, sốt sữa | **CLO1.2** | A1.1  A1.2  A2.1 |
| 4 | Chương 2 (tiếp)  2.1.4. Đau móng  2.1.5. Dạ cỏ lệch chỗ  2.1.6. Loãng xương - còi xương  2.1.7. Chướng hơi dạ cỏ | - Địa điểm: Phòng học theo Nhà Trường sắp xếp  - Thuyết trình | Đọc tài liệu 1, 2  - Nắm được đặc điểm đặc trưng của bệnh đau móng, loãng xương – còi xương | **CLO1.2**  **CLO2.1**  **CLO2.2**  **CLO3.1** | A1.1  A1.2  A2.1 |
| **5** | Chương 2 (tiếp)  2.2. Bệnh xảy ra trên lợn  2.2.1. Sẩy thai  2.2.2. Bệnh thiếu máu  2.2.3. Bệnh tiêu chảy – viêm đại tràng  2.3.4. Sự xuất huyết  2.3.5. Triệu chứng thần kinh – mất phối hợp – què quặt  2.2.6. Gãy xương – xương bị biến đổi – què quặt | - Địa điểm: Phòng học theo Nhà Trường sắp xếp  - Thuyết trình  - Xem các hình ảnh về một só triệu chứng điển hình của mỗi bệnh | Đọc tài liệu 1, 2  So sánh và nắm được triệu chứng điển hình của mỗi bệnh đã học | **CLO1.2, CLO2.2**  **CLO3.1** | A1.1  A1.2  A2.1 |
| 6 | Chương 2 (tiếp)  2.2.7. Chậm tăng trưởng – chán ăn  2.2.8. Nái đẻ ít con  2.2.9. Khó sinh  2.2.10. Bệnh đường hô hấp  2.2.11. Da thay đổi  2.2.12. Đột tử | - Địa điểm: Phòng học theo Nhà Trường sắp xếp  - Thuyết trình  - Xem các hình ảnh về một só triệu chứng điển hình của mỗi bệnh | Đọc tài liệu 1, 2 | **CLO1.2**  **CLO2.2**  **CLO3.1** | A1.2  A2.1 |
| **7** | Chương 2 (tiếp)  2.3. Bệnh xảy ra trên gia cầm  2.3.1. Bệnh do thiếu protein  2.3.2. Bệnh do thiếu carbonhydrate  2.3.3. Bệnh do thiếu lipid  2.3.4. Bệnh do thiếu khoáng  2.3.5. Bệnh do thiếu vitamin | - Địa điểm: Phòng học theo Nhà Trường sắp xếp  - Thuyết trình  - Xem các hình ảnh về một số triệu chứng điển hình của mỗi bệnh | Đọc tài liệu 1, 2  So sánh và nắm được triệu chứng điển hình của mỗi bệnh đã học | **CLO1.2**  **CLO2.2**  **CLO3.1** | A1.2  A2.1 |
| **8** | Chương 3. Ngộ độc thức ăn  3.1. Chất phi dinh dưỡng có trong thức ăn vật nuôi  3.1.1. Các hợp chất kháng dinh dưỡng  3.1.2. Cây thức ăn có độc chất  3.2. Ngộ độc nông dược  3.3. Chất phụ gia  3.4. Ngộ độc hóa chất nông nghiệp | - Địa điểm: Phòng học theo Nhà Trường sắp xếp  - Thuyết trình  - Xem các hình ảnh về một số triệu chứng điển hình của mỗi bệnh | **-** Đọc tài liệu 1, 2,.  - So sánh và nắm được triệu chứng điển hình của mỗi bệnh đã học, phân loại các khối u thường gặp ở vật nuôi | **CLO1.2**  **CLO2.1**  **CLO2.2** | A1.2  A2.1 |
| 9 | Chương 3 (tiếp)  3.5. Mycotocin  3.5.1. Nấm *Aspergillus flavus* và nhóm độc tố aflatoxin  3.5.2. Tính gây bệnh và triệu chứng ngộ độc  3.5.3. Phương pháp phòng ngừa và làm giảm độc tính | **-** Địa điểm: Nhà học theo Nhà Trường sắp xếp  - Thuyết trình  - Xem các hình ảnh về một số triệu chứng bệnh điển hình | **-** Đọc tài liệu 1, 2  So sánh và nắm được triệu chứng điển hình của mỗi bệnh đã học | **CLO1.2**  **CLO2.1**  **CLO2.2** | **A1.1**  **A2.1** |
| **10** | Thảo luận chủ đề 1 | - Hướng dẫn thảo luận | **-**Chuẩn bị hồ sơ làm việc nhóm; Bài tập nhóm theo yêu cầu. | **CLO2.1**  **CLO2.2** | **A1.3** |

***8.1. Phần tự học***

- Nghiên cứu tài liệu, xem các slide/video/website.

- Chủ động tìm các nguồn tài liệu khác liên quan đến nội dung học phần.

- Thảo luận, trao đổi những vấn đề liên quan đến học phần với bạn học/cựu sinh viên/cán bộ tại đơn vị trải nghiệm hoặc các nguồn lực hỗ trợ khác.

- Hoàn thành các bài tập được giao trên LMS.

***8.2. Phần học trên lớp trực tiếp hoặc online với giảng viên***

- Dự lớp ≥ 80% tổng thời lượng của học phần.

- Chủ động, tích cực trong giờ học.

- Phát hiện, đưa ra câu hỏi hoặc vấn đề liên quan đến nội dung học tập.

***8.3. Làm việc nhóm, thực hiện đồ án môn học***

- Tham gia xây dựng kế hoạch hoạt động của nhóm.

- Tôn trọng ý kiến và chịu trách nhiệm về kết quả làm việc chung.

- Hoàn thành đầy đủ nhiệm vụ và sản phẩm dự án được giao.

**9. Ngày phê duyệt:**

**10. Cấp phê duyệt:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **KT. HIỆU TRƯỞNG**  **PHÓ HIỆU TRƯỞNG** | **VIỆN TRƯỞNG**  **TS. Nguyễn Đình Vinh** | **TRƯỞNG BỘ MÔN**  **TS. Lê Minh Hải** |

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH**  **VIỆN NÔNG NGHIỆP VÀ TÀI NGUYÊN** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

## **ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN CHI TIẾT**

## **Bệnh nội khoa**

**1. Thông tin tổng quát:**

***1.1. Thông tin về giảng viên***

1. ***Giảng viên 1:* Nguyễn Thị Thanh**

Học hàm, học vị: Giảng viên – Tiến sĩ

Địa chỉ liên hệ: Bộ môn Nuôi trồng Thủy sản và Chăn nuôi – Viện Nông nghiệp và Tài Nguyên

Điện thoại: 0984806773, Email: nguyenthithanhnln@gmail.com

Các hướng nghiên cứu chính:

* Quản lý môi trường, chất thải chăn nuôi
* Sinh lý động vật

***Giảng viên 2: :* Hoàng Thị Mai**

Học hàm, học vị: Giảng viên – Tiến sĩ

Địa chỉ liên hệ: Bộ môn Nuôi trồng Thủy sản và Chăn nuôi – Viện Nông nghiệp và Tài Nguyên

Điện thoại: 0977006137, Email: hoangmaidhv@gmail.com

Các hướng nghiên cứu chính:

- Chăn nuôi động vật

- Bệnh truyền nhiễm thú y

***1.2. Thông tin về học phần:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| - Tên học phần (tiếng Việt): **Bệnh nội khoa**  (tiếng Anh): Internal medicine | | |
| - Mã số học phần: AHY30026 | | |
| - Thuộc CTĐT ngành: **Chăn nuôi** | | |
| - Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:  Kiến thức cơ bản  Kiến thức cơ sở ngành  Xx  **Kiến thức ngành** | Học phần chuyên về kỹ năng chung  Kiến thức khác | |
| - Thuộc loại học phần: Bắt buộc  xx | **Tự chọn** | |
| - Số tín chỉ: | |  |
| + Số tiết lý thuyết: 39 | |  |
| + Số tiết thảo luận/bài tập: 6 | |  |
| + Số tiết thực hành: 0 | |  |
| + Số tiết tự học: 90 | |  |
| - Điều kiện đăng ký học: | |  |
| + Học phần tiên quyết: Thú y cơ bản | | Mã số HP: AHY30007 |
| + Học phần học trước: Bệnh truyền nhiễm thú y | | Mã số HP: AHY30010 |
| - Yêu cầu của học phần: Thực hiện theo Quy chế đào tạo của Trường Đại học Vinh. Cụ thể:  + Thời gian tối thiểu sinh viên phải có mặt trên lớp: 80%  + Sinh viên phải nộp đầy đủ bài tập, báo cáo… qua hệ thống LMS (Mục 5.1). + Tham gia đầy đủ các bài thực hành. | | |
| - Bộ môn phụ trách học phần: Thủy sản và Chăn nuôi  Điện thoại: Email: | | |

**2. Mô tả học phần**

Bệnh nội khoa cung cấp cho sinh viên chuyên ngành chăn nuôi những kiến thức cơ bản của điều trị học, đồng thời đi sâu tìm hiểu những đặc điểm bệnh lý, nguyên nhân, triệu chứng và các phương pháp điều trị bệnh nội khoa ở từng khí quan trong cơ thể các loài vật nuôi.

**3. Mục tiêu học phần**

**CO1.** Trình bày những kiến thức cơ bản trong điều trị học; hiểu rõ về đặc điểm bệnh lý, nguyên nhân, triệu chứng và các phương pháp điều trị bệnh nội khoa.

**CO2.** Thể hiện kỹ năng lập luận, phân tích và giải quyết vấn đề; kỹ năng làm việc nhóm; kỹ năng chẩn đoán và điều trị được các bệnh nội khoa phổ biến ở vật nuôi

**CO3.** Thể hiện thái độ, đạo đức tốt, chủ động được việc học tập, xử lý các tình huống trong phòng và điều trị bệnh nội khoa xảy ra trong chăn nuôi hợp lý.

**4. Chuẩn đầu ra học phần, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá**

***4.1. Ánh xạ chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **CĐR học phần** | **Ánh xạ với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo** | | | |
| **PLO1.2** | **PLO1.3** | **PLO2.2** | **PLO3.1** |
| 1.2.2 | 1.3.2 | 2.2.1 | 3.1.2 |
| CLO 1.1 | 1,0 |  |  |  |
| CLO 2.1 |  | 1,0 |  |  |
| CLO 2.2 |  |  | 1,0 |  |
| CLO 3.1 |  |  |  | 1,0 |

***4.2. Nội dung chuẩn đầu ra, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá học phần***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **CĐR học phần (CLO)** | **TĐNL CĐR**  **học phần** | **Mô tả CĐR học phần** | **Phương pháp dạy học** | **Phương pháp đánh giá** |
| CLO1.1 | K3 | Hiểu được đặc điểm, nguyên nhân, cơ chế sinh bệnh, triệu chứng bệnh tích, phương pháp chẩn đoán và cách điều trị các bệnh ở hệ tim mạch; hệ tiêu hóa; hệ hô hấp; hệ tiết niệu; hệ thần kinh; các bệnh về máu và hệ thống tạo máu; bệnh rối loạn trao đổi chất; bệnh về lông và da; bệnh trúng độc và các bệnh ở gia súc non | Thuyết trình, | Trắc nghiệm |
| CLO2.1 | A4 | Có khả năng phân tích, lập luận, giải thích được cơ sở khoa học của cơ chế sinh bệnh và cách điều trị các bệnh nội khoa ở động vật nuôi | Hướng dẫn, tự học | Thi viết |
| CLO2.2 | A4 | Có đạo đức trách nhiệm, tinh thần hợp tác trong hoạt động nghề nghiệp liên quan đến phương pháp chẩn đoán và biện pháp điều trị bệnh nội khoa ở các loài vật nuôi; | Hướng dẫn, tự học | Rubric 2 |
| CLO3.1 | S4 | Có kỹ năng làm việc nhóm để thực hiện yêu cầu môn học: chẩn đoán, phòng và điều trị bệnh nội khoa ở vật nuôi. | Hướng dẫn, tự học | Rubric 1 |

**5. Đánh giá học tập và các bộ tiêu chí đánh giá**

***5.1. Đánh giá học tập***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Bài đánh giá** | **Hình thức đánh giá,**  **minh chứng, lưu hồ sơ** | **Công cụ**  **đánh giá** | **CĐR học phần** | **Tỷ lệ**  **cho bài đánh giá** | **Tỷ lệ cho học phần** |
| **A1. Đánh giá quá trình** | | | |  | **50%** |
| A1.1. Bài trắc nghiệm | - Bài trắc nghiệm trên LMS, chấm điểm tự động | Đáp án | CLO 1.1 | 100% | 15% |
| A1.2. Giáo viên đánh giá bài tập nhóm | - Bài tập nhóm trên LMS, GV chấm điểm | Rubric 1 | CLO 2.1 | 40% | 20% |
| CLO 3.1 | 60% |
| A1.3. Nhóm tự đánh giá cho bài tập nhóm | Tự đánh giá của nhóm cho các thành viên | Rubric 2 | CLO 2.2 | 50% | 15% |
| CLO3.1 | 50% |
| **A3. Đánh giá cuối kỳ** | | | |  | **50%** |
| A2.1. Thi tự luận | - Thi viết; TT Đảm bảo chất lượng tổ chức thi và lưu hồ sơ | Đáp án | CLO 1.2 | 50% | 50% |
| CLO 2.1 | 50% |
| **Công thức tính điểm tổng kết:**  **Điểm TKHP = A1.1x0,15 + A1.2x0,2 + A1.3x0,15 + A2.1x0,5** | | | | | |

***5.2. Các bộ tiêu chí đánh giá***

***5.2.1. Rubric 1: Đánh giá bài A1.2***

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **CĐR** | **Nội dung đánh giá** | **Trọng số bài A1.2 (%)** | **Mức độ đánh giá** | | | | |  | |
| **A** | **B** | **C** | **D** | **F** | **Điểm** | |
| **8.5 - 10** | **7.0 - 8.4** | **5.5 - 6.9** | **4,0 -5,4** | **< 4,0** |
| **CLO2.1**  Có khả năng phân tích, lập luận, giải thích được cơ sở khoa học của cơ chế sinh bệnh và cách điều trị các bệnh nội khoa ở động vật nuôi | Tìm hiểu, xác định vấn đề | 10 | Xác định rõ ràng vấn đề nghiên cứu | Xác định được vấn đề nghiên cứu | Cơ bản xác định được vấn đề nghiên cứu | xác định được vấn đề nghiên cứu chung chung | Không xác định được vấn đề nghiên cứu |  | |
| Lập kế hoạch và giải pháp quyết vấn đề | 20 | Có khả năng tư duy để lập được kế hoạch và đưa ra các giải pháp quyết vấn đề ở mức tốt | Có khả năng tư duy để lập được kế hoạch và đưa ra giải pháp quyết vấn đề ở mức khá | Có khả năng tư duy để lập được kế hoạch và đưa ra giải pháp quyết vấn đề ở mức cơ bản | Có khả năng tư duy để lập được kế hoạch và đưa ra giải pháp quyết vấn đề ở mức thấp | Không có khả năng tư duy để lập được kế hoạch và giải pháp quyết vấn đề |  | |
| Đánh giá kết quả đạt được | 10 | Đánh giá kết quả đạt được ở mức tốt | Đánh giá kết quả đạt được ở mức khá | Đánh giá kết quả đạt được ở mức cơ bản | Đánh giá kết quả đạt được ở mức thấp | Không đánh giá được kết quả đạt được |  | |
| **CLO 3.1**  Có kỹ năng làm việc nhóm để thực hiện yêu cầu môn học: chẩn đoán, phòng và điều trị bệnh nội khoa ở vật nuôi. |  | 60 | Có kỹ năng tốt thực hiện yêu cầu môn học, kỹ năng phân tích các yếu tố liên quan chẩn đoán, phòng và điều trị bệnh nội khoa ở vật nuôi. | Có kỹ năng thực hiện yêu cầu môn học, kỹ năng phân tích các yếu tố liên quan đến chẩn đoán, phòng và điều trị bệnh nội khoa ở vật nuôi.ở mức khá | Cơ bản có kỹ năng thực hiện yêu cầu môn học, chẩn đoán, phòng và điều trị bệnh nội khoa ở vật nuôi. | Kỹ năng thực hiện yêu cầu môn học, ở mức độ thấp | Không có kỹ năng thực hiện yêu cầu môn học |  | |
| **Tổng** | | | | | | | | |  | |

***5.2.1. Rubric 2: Đánh giá bài A1.3***

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **CĐR** | **Nội dung đánh giá** | **Trọng số bài A1.3 (%)** | **Mức độ đánh giá** | | | | | **Điểm** |
| **A** | **B** | **C** | **D** | **F** |
| **8.5 - 10** | **7.0 - 8.4** | **5.5 - 6.9** | **4,0 -5,4** | **< 4,0** |
| **PLO2.2.** Có đạo đức trách nhiệm, tinh thần hợp tác trong hoạt động nghề nghiệp liên quan đến phương pháp chẩn đoán và biện pháp điều trị bệnh nội khoa ở các loài vật nuôi | Ý thức, trách nhiệm khi tham gia hoạt động nghề nghiệp | 10 | Ý thức, trách nhiệm cao khi tham gia hoạt động nghề nghiệp | Ý thức, trách nhiệm khá cao khi tham gia hoạt động nghề nghiệp | Ý thức, trách nhiệm khi tham gia hoạt động nghề nghiệp | Ý thức, trách nhiệm khi tham gia hoạt động nghề nghiệp đang còn thấp | Ý thức, trách nhiệm thấp hoặc không tham gia hoạt động nghề nghiệp |  |
| Mức độ tham gia hoạt động học tập, nghề nghiệp | 20 | Tham gia hoạt động học tập, nghề nghiệp với tần suất cao | Tham gia hoạt động học tập, nghề nghiệp tần suất khá cao | Tham gia hoạt động học tập, nghề nghiệp | Tham gia hoạt động học tập, nghề nghiệp tần suất thấp | Không tham gia hoạt động học tập, nghề nghiệp |  |
| Quản lý thời gian | 10 | Có khả năng quản lý thời gian tốt | Có khả năng quản lý thời gian khá tốt | Có khả năng quản lý thời gian | Quản lý thời gian chưa hợp | Chưa có khả năng quản lý thời gian |  |
| Quản lý nguồn lực | 10 | Có khả năng quản lý nguồn lực tốt | Có khả năng quản lý nguồn lực khá tốt | Có khả năng quản lý nguồn lực | Quản lý nguồn lực chưa hợp | Chưa có khả năng quản lý nguồn lực |  |
| **PLO3.1.** Có kỹ năng làm việc nhóm để thực hiện yêu cầu môn học: chẩn đoán, phòng và điều trị bệnh nội khoa ở vật nuôi. | Tổ chức nhóm | 15 | Tham gia đầy đủ, tích cực các cuộc hợp nhóm | Tham gia đầy đủ các hoạt động nhóm. | Tham gia còn thiếu một số ít hoạt động | Chỉ tham gia một số ít hoạt động | Không tham gia |  |
| Nhiệm vụ được phân công rõ ràng, đầy đủ cho các thành viên trong nhóm | Nhiệm vụ được phân công khá rõ ràng, đầy đủ cho các thành viên trong nhóm | Nhiệm vụ được phân công cho các thành viên trong nhóm đầy đủ | Nhiệm vụ được phân công cho các thành viên trong nhóm chưa đầy đủ | Chưa có sự phân công nhiệm vụ |  |
| Hợp tác nhóm | 15 | Chủ động tạo ra sự tương tác tích cực thực hiện nhiệm vụ | Chủ động tạo ra sự tương tác khá tích cực thực hiện nhiệm vụ | Tương tác thực hiện nhiệm vụ ở mức cơ bản | Còn bị động, phụ thuộc trong sử dụng các phương thức làm việc nhóm | Thụ động trong việc tương tác với các thành viên |  |
| - Trao đổi, chia sẻ và chấp nhận các ý tưởng trong thực hiện nhiệm vụ với các thành viên ở mức độ cao | - Trao đổi và chấp nhận các ý tưởng trong thực hiện nhiệm vụ với các thành viên mức độ khá | Trao đổi, chia sẻ và chấp nhận các ý tưởng trong thực hiện nhiệm vụ với các thành viên ở mức độ cơ bản | Trao đổi và chấp nhận các ý tưởng trong thực hiện nhiệm vụ với các thành viên ở mức độ thấp | Không trao đổi, chia sẻ trong nhóm |  |
| - Chủ động kết nối, sử dụng các phương thức làm việc nhóm hiệu quả cao | - Chủ động kết nối, sử dụng các phương thức làm việc nhóm hiệu quả khá cao | Kết nối, sử dụng các phương thức làm việc nhóm hiệu quả cơ bản | Kết nối, sử dụng các phương thức làm việc nhóm hiệu quả thấp | Bị động trong kết nối, không hiệu quả |  |
| Thảo luận nhóm | 20 | Đề xuất, sáng kiến để đạt được tốt mục tiêu, kết quả nhóm | Đề xuất, sáng kiến để đạt được khá tốt mục tiêu, kết quả nhóm | Đề xuất, sáng kiến để đạt được mục tiêu, kết quả nhóm ở mức cơ bản | Đề xuất, sáng kiến để đạt được mục tiêu, kết quả nhóm thấp | Chưa có các đề xuất, sáng kiến |  |
| **Tổng** | | | | | | | |  |

**6. Tài liệu học tập**

**6.1. Tài liệu bắt buộc:**

[1] Vũ Đình Vượng (Chủ biên), Giáo trình Bệnh nội khoa gia súc, NXB Nông nghiệp, 2004.

[2] Phạm Ngọc Thạch, Hồ Văn Nam, Chu Đức Thắng. *Giáo trình bệnh nội khoa gia súc*. NXB Nông nghiệp, 2006

**6.2 Tài liệu tham khảo:**

[3] Phạm Ngọc Thạch (Chủ biên), Chẩn đoán bệnh và bệnh nội khoa thú y*,* NXB Giáo dục

**7. Kế hoạch dạy học**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tuần/**  **Buổi**  **học [1]** | **Nội dung**  **[2]** | **Hình thức tổ chức dạy và học [3]** | **Chuẩn bị của sinh viên [4]** | **CĐR học phần [5]** | **Bài đánh giá**  **[6]** |
| 1 | **Chương 1.** Đại cương chung về bệnh nội khoa 1.1. Khái niệm, phân loại và các thời kỳ phát triển của bệnh  1.2. Khái niệm về bệnh nội khoa  1.3. Khái niệm về điều trị học  1.4. Đặc điểm của truyền máu và truyền dung dịch  1.5. Các nguyên tắc cơ bản trong điều trị bệnh nội khoa | *Giảng viên:*  - Thuyết trình: khái niệm, phân loại, các thời thời kỳ phát triển của bệnh nội khoa; khái niệm điều trị học; đặc điểm truyền máu, truyền dịch; các nguyên tắc cơ bản trong điều trị bệnh nội khoa.  - Đưa chủ đề thảo luận: hiểu như thế nào về bệnh nội khoa? Một số bệnh nội khoa thường gặp ở vật nuôi?  *SV:* Nghe giảng, trả lời câu hỏi | - Vở ghi chép  - Tài liệu tham khảo  - Tìm hiểu tài liệu để trả lời câu hỏi thảo luận của GV | CLO1.1 | A1.1 |
| 2 | **Chương 2.** Bệnh hệ tim mạch  2.1. Bệnh viêm ngoại tâm mạc  2.2. Bệnh viêm nội tâm mạc cấp tính  2.3. Bệnh tích nước trong xoang bao tim  2.4. Bệnh viêm cơ tim cấp tính | *Giảng viên:*  - Thuyết trình về các đặc điểm, nguyên nhân, cơ chế sinh bệnh, triệu chứng, phương pháp chẩn đoán và điều trị các bệnh hệ tim mạch.  - Đặt câu hỏi có liên quan đến nội dung bài học  SV: Nghe giảng, trả lời câu hỏi | - Vở ghi chép  - Tài liệu tham khảo  - Tìm hiểu tài liệu để trả lời câu hỏi của GV | CLO1.1 | A1.1 |
| 3 | **Chương 3.** Bệnh hệ hô hấp  3.1. Bệnh về mũi  3.2. Bệnh hệ thanh quản  3.3. Bệnh phế quản  3.4. Bệnh khí quản  3.5. Bệnh về phổi | ***Giảng viên:***  - Thuyết trình: đặc điểm, nguyên nhân và cơ chế sinh bệnh, triệu chứng, phương pháp chẩn đoán và điều trị các bệnh hệ hô hấp  - Đặt câu hỏi: nêu đặc điểm của một bệnh ở đường hô hấp mà anh/chị biết?  **Sinh viên:**  - Nghe giảng, xây dựng bài  - Trả lời câu hỏi của GV | - Vở ghi chép  - Tài liệu học tập  - Tìm hiểu một số bệnh nội khoa liên quan đến hệ hô hấp ở vật nuôi | CLO1.1  CLO3.1 | A1.1A2.1 |
| 4 | **Chương 4.** Bệnh ở hệ tiêu hóa  4.1. Các bệnh ở miệng  4.2. Bệnh viêm họng  4.3. Bệnh ở thực quản  4.4. Bệnh về diều gia cầm  4.5. Bệnh ở túi dạ dày và ruột gia súc nhai lại  4.6. Hội chứng đau bụng ở ngựa  4.7. Các về bệnh gan  4.8. Viêm phúc mạc | ***Giảng viên:***  ***-*** Thuyết trình: đặc điểm, nguyên nhân và cơ chế sinh bệnh, triệu chứng, phương pháp chẩn đoán và điều trị các bệnh ở hệ tiêu hóa.  - Đặt câu hỏi: Nêu một số bệnh liên quan đến hệ tiêu hóa và hướng điều trị?  ***Sinh viên:***  - Nghe giảng, xây dựng bài  - Trả lời câu hỏi của GV | - Vở ghi chép  - Tài liệu tham khảo  - Tìm hiểu thông tin tài liệu để trả lời câu hỏi của GV | CLO1.1  CLO2.1  CLO3.1 | A1.1A2.1 |
| 5 | **Chương 5.** Bệnh ở hệ tiết niệu   * 1. Bệnh viêm thận cấp   2. Bệnh viêm thận cấp và mãn tính   3. Bệnh viêm bể thận   5.4. Bệnh bàng quang  5.5. Bệnh viêm niệu đạo  5.6. Cội niệu | ***Giảng viên:***  - Thuyết trình: đặc điểm, nguyên nhân, cơ chế sinh bệnh, triệu chứng, phương pháp chẩn đoán và điều trị các bệnh hệ ở hệ tiết niệu  - Đặt câu hỏi có liên quan đến nội dung bài học  ***Sinh viên:***  - Nghe giảng, xây dựng bài  - Thảo luận thông tin liên quan đến bài học | - Vở ghi chép  - Tài liệu học tập  - Tìm hiểu tài liệu để trả lời câu hỏi của GV | CLO1.1  CLO2.1 | A1.1  A2.1 |
| 6 | **Chương 6.** Bệnh ở hệ thần kinh  6.1. Bệnh cảm nắng, cảm nóng  6.2. Bệnh viêm não và viêm màng não  6.3. Bệnh viêm tủy sống  6.4. Bệnh động kinh | ***Giảng viên:***  - Thuyết trình: đặc điểm, nguyên nhân, cơ chế sinh bệnh, triệu chứng và hướng điều trị các bệnh ở hệ thần kinh.  - Đặt câu hỏi: Phân biệt triệu chứng của bệnh viêm não và bệnh động kinh ở gia súc?  ***Sinh viên:***  - Nghe giảng, trả lời câu hỏi | - Vở ghi chép  - Tài liệu học tập  - Tìm hiểu tài liệu để trả lời câu hỏi của GV | CLO1.1  CLO2.1 | A1.1  A2.1 |
| 7 | **Chương 7.** Bệnh rối loạn trao đổi chất  7.1. Chứng xeton huyết  7.2. Bệnh còi xương  7.3. Bệnh mềm xương  7.4. Hội chứng thiếu vitamin | ***Giảng viên:***  ***-*** Thuyết trình: đặc điểm, nguyên nhân và cơ chế sinh bệnh, triệu chứng, phương pháp chẩn đoán và điều trị các bệnh do rối loạn trao đổi chất  **-** Đặt câu hỏi: Nêu các giải pháp để phòng các bệnh do rối loạn trao đổi chất trong chăn nuôi?  ***Sinh viên:***  - Nghe giảng, trả lời câu hỏi của GV | - Vở ghi chép  - Tài liệu học tập  - Tìm hiểu tài liệu để trả lời câu hỏi của GV | CLO1.1  CLO2.1 | A1.1  A2.1 |
| 8 | **Chương 8.** Bệnh trúng độc  8.1. Khái niệm về chất độc và trúng độc  8.2. Nguyên nhân gây trúng độc  8.3. Cơ chế trúng độc  8.4. Triệu chứng  8.5. Chẩn đoán chất độc và ngộ độc chất độc  8.6. Phương pháp cấp cứu ngộ độc cấp tính | ***Giảng viên:***  - Thuyết trình: khái niệm về chất độc và trúng độc, nguyên nhân, cơ chế trúng độc, triệu chứng, phương pháp chẩn đoán và cấp cứu các bệnh trúng độc.  - SV tự học: Các biện pháp phòng ngừa bệnh trúng độc trong chăn nuôi  ***Sinh viên:***  - Nghe giảng, xây dựng bài  - Tự học theo yêu cầu của GV | - Vở ghi chép  - Tài liệu học tập  - Tìm hiểu thông tin có liên quan đến bài học.  - Tự học, tự nghiên cứu theo yêu cầu của GV | CLO1.1  CLO2.1 | A2.1 |
| 9 | **Chương 9.** Bệnh ở gia súc non  9.1. Chứng suy dinh dưỡng  9.2. Bệnh viêm ruột  9.3. Bệnh viêm phổi  **Chương 10**. Bệnh về lông và da  10.1. Bệnh chàm da  10.2. Chứng nổi mề đay  10.3. Bệnh huyết thanh | ***Giảng viên:***  - Thuyết trình: đặc điểm, nguyên nhân, cơ chế sinh bệnh, triệu chứng, phương pháp chẩn đoán và điều trị một số bệnh ở gia súc non.  - SV tự học: Nguyên nhân, cơ chế sinh bệnh, dấu hiệu và cách điều trị một số bệnh về lông và da  S***inh viên:***  - Nghe giảng, xây dựng bài  - Tự học theo yêu cầu của GV | - Vở ghi chép  - Tài liệu học tập  - Tự học theo yêu cầu của GV | CLO1.1  CLO2.1 | A2.1 |
| 10 | **Thảo luận nhóm theo yêu cầu của GV** | GV: Giao chủ đề bài thảo luận, chia các nhóm sinh viên  SV: Làm việc nhóm để thực hiện bài tiểu luận theo yêu cầu của GV  - Báo cáo bài thảo luận trước lớp | - Máy tính  - Tài liệu  - Thuyết trình | CLO1.1  CLO2.2  CLO3.1 | A1.2  A1.3 |

**8. Nhiệm vụ của người học**

***8.1. Phần tự học***

- Nghiên cứu tài liệu, xem các slide/video/website.

- Chủ động tìm các nguồn tài liệu khác liên quan đến nội dung học phần.

- Thảo luận, trao đổi những vấn đề liên quan đến học phần với bạn học/cựu sinh viên/cán bộ tại đơn vị trải nghiệm hoặc các nguồn lực hỗ trợ khác.

- Hoàn thành các bài tập được giao trên LMS.

***8.2. Phần học trên lớp trực tiếp hoặc online với giảng viên***

- Dự lớp ≥ 80% tổng thời lượng của học phần.

- Chủ động, tích cực trong giờ học.

- Phát hiện, đưa ra câu hỏi hoặc vấn đề liên quan đến nội dung học tập.

***8.3. Làm việc nhóm, thực hiện đồ án môn học***

- Tham gia xây dựng kế hoạch hoạt động của nhóm.

- Tôn trọng ý kiến và chịu trách nhiệm về kết quả làm việc chung.

- Hoàn thành đầy đủ nhiệm vụ và sản phẩm dự án được giao.

**9. Ngày phê duyệt:**

**10. Cấp phê duyệt:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **KT. HIỆU TRƯỞNG**  **PHÓ HIỆU TRƯỞNG** | **VIỆN TRƯỞNG**  **TS. Nguyễn Đình Vinh** | **TRƯỞNG BỘ MÔN**  **TS. Lê Minh Hải** |

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH**  **VIỆN NÔNG NGHIỆP VÀ TÀI NGUYÊN** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

## **ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN CHI TIẾT**

## **Bệnh ngoại khoa**

**1. Thông tin tổng quát:**

***1.1. Thông tin về giảng viên***

***Giảng viên 1:* Trương Thị Thành Vinh**

Học hàm, học vị: Thạc sĩ

Địa chỉ liên hệ: 182 Lê Duẩn, TP Vinh, Nghệ An

Điện thoại, email: thanhvinhtruong@gmail.com

Các hướng nghiên cứu chính: Vi sinh vật chăn nuôi, Thú y cơ bản

***Giảng viên 2:* Nguyễn Thị Thanh**

Học hàm, học vị: Tiến sĩ

Địa chỉ liên hệ: 182 Lê Duẩn, TP Vinh, Nghệ An

Điện thoại, email: nguyenthithanhnln@gmail.com

Các hướng nghiên cứu chính: Sinh lý động vật, Vệ sinh chăn nuôi

***1.2. Thông tin về học phần:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| - Tên học phần (tiếng Việt): **Bệnh ngoại khoa**  (tiếng Anh): **Surgical patients** | | |
| - Mã số học phần: AHY30027 | | |
| - Thuộc CTĐT ngành: **Chăn nuôi** | | |
| - Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:  Kiến thức cơ bản  Kiến thức cơ sở ngành  Kiến thức ngành  x | Học phần chuyên về kỹ năng chung  Kiến thức khác | |
| - Thuộc loại học phần: Bắt buộc | Tự chọn | |
| - Số tín chỉ: 03 | |  |
| + Số tiết lý thuyết: 25 | |  |
| + Số tiết thảo luận/bài tập: 5 | |  |
| + Số tiết thực hành: 0 | |  |
| + Số tiết tự học: 90 | |  |
| - Điều kiện đăng ký học: | |  |
| + Học phần tiên quyết: Thú y cơ bản | | Mã số HP: AHY30007 |
| + Học phần học trước: Bệnh truyền nhiễm thú y | | Mã số HP: AHY30010 |
| - Yêu cầu của học phần: Thực hiện theo Quy chế đào tạo của Trường Đại học Vinh. Cụ thể:  + Thời gian tối thiểu sinh viên phải có mặt trên lớp: 80%  + Sinh viên phải nộp đầy đủ bài tập, báo cáo… qua hệ thống LMS (Mục 5.1). + Tham gia đầy đủ các bài thực hành. | | |
| - Bộ môn phụ trách học phần: Thủy sản và Chăn nuôi  Điện thoại: Email: | | |

**2. Mô tả học phần:**

Học phần Bệnh ngoại khoa gồm các kiến thức về cầm máu, gây tê, gây mê và khâu để phẫu thuật chữa bệnh cho con vật và tìm hiểu về chứng viêm, các loại nhiễm trùng ngoại khoa và các tổn thương. Ngoài ra sẽ tìm hiểu một số bệnh ngoại khoa ở vật nuôi như bệnh ở cơ, xương – khớp - móng, mắt, đường sinh dục – tiết niệu và các khối u, các tổn thương vật lý – hóa học và một số trường hợp hecni thường gặp ở gia súc.

**3. Mục tiêu học phần**

**CO1.** Hiểu được về một số vấn đề cơ bản về ngoại khoa đại cương và các bệnh ngoại khoa ở vật nuôi. Từ đó sinh viên sẽ được trang bị kỹ năng về thu thập, tổng hợp, phân tích, chọn lọc và cập nhật thông tin, áp dụng tốt các nguyên tắc để quản lý sức khỏe vật nuôi. Ngoài ra, sinh viên sẽ

**CO2.** Thể hiện kỹ năng thực hiện thành thạo thao tác các loại dao mổ và kim, kéo các loại. Xử lý tốt trong phẫu thuật, mổ khám và điều trị các bệnh ngoại khoa để biết cách cách mổ khám xác định bệnh tích trong chẩn đoán bệnh từ đó đề xuất phương án điều trị.

**CO3.** Phát triển kỹ năng tổ chức nhóm để giải quyết các vấn đề đặt ra

**4. Chuẩn đầu ra học phần, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá**

***4.1. Ánh xạ chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **CĐR học phần** | **Ánh xạ với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo** | | |
| **PLO1.3** | **PLO2.1** | **PLO3.1** |
| 1.3.4 | 2.2.1 | 3.1.1 |
| CLO1.1 | 1,0 |  |  |
| CLO2.1 |  | 1,0 |  |
| CLO3.1 |  |  | 1,0 |

***4.2. Nội dung chuẩn đầu ra, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá học phần***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **CĐR học phần (CLO)** | **TĐNL CĐR**  **học phần** | **Mô tả CĐR học phần** | **Phương pháp dạy học** | **Phương pháp đánh giá** |
| CLO1.1 | K4 | Hiểu được các kiến thức về cầm máu, gây tê, gây mê và khâu để phẫu thuật chữa bệnh cho con vật và tìm hiểu về chứng viêm. Một số bệnh ngoại khoa ở vật nuôi như bệnh ở cơ, xương – khớp - móng, mắt, đường sinh dục - tiết niệu và các khối u, các tổn thương vật lý - hóa học và một số trường hợp hecni thường gặp ở gia súc | Hướng dẫn  Tự học/tự nghiên cứu | Trắc nghiệm  Bài thi tự luận |
| CLO2.1 | S4 | Thể hiện kỹ năng nghề nghiệp chẩn đoán, chữa trị một số bệnh ngoại khoa thường gặp để quản lý sức khỏe vật nuôi | Làm việc nhóm | Rubric 1 |
| CLO3.1 | S4 | Làm việc nhóm hiệu quả để đánh giá các hoạt động nghiên cứu liên quan đến quản lý sức khỏe vật nuôi | Hướng dẫn | Rubric 1 |

**5. Đánh giá học tập và các bộ tiêu chí đánh giá**

***5.1. Đánh giá học tập***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Bài đánh giá** | **Hình thức đánh giá và lưu hồ sơ** | **Công cụ đánh giá** | **CĐR học phần** | **Tỷ lệ cho bài đánh giá** | **Tỷ lệ**  **cho học phần** |
| **A1. Đánh giá quá trình** | |  |  |  | **50%** |
| A1.1 | - Bài tập nhóm; nhóm SV nạp báo cáo quá LMS; GV đánh giá và lưu hồ sơ | Rubric 1 | CLO2.1 | 40% | 30% |
| CLO3.1 | 60% |
| A1.2 | - Bài thi trắc nghiệm;  TT Đảm bảo chất lượng tổ chức thi và lưu hồ sơ | - Đáp án | CLO1.1 | 100% | 20% |
| **A.2. Đánh giá cuối kỳ** | |  |  |  |  |
| A2.1 | Bài thi tự luận  TT Đảm bảo chất lượng tổ chức thi và lưu hồ sơ | Đáp án | CLO1.1 | 100% | *50%* |
| **Công thức tính điểm tổng kết:**  **Điểm TKHP = A1.1 \*0,3+A1.2\*0,2+A2.1\*0,5** | | | | | | |

*- Ghi chú: Các bài đánh giá thiết kế sao cho đánh giá được từng CĐR.*

*- Ví dụ về công cụ đánh giá: Rubrics, đáp án, bảng kiểm…*

***5.2. Các bộ tiêu chí đánh giá***

***Rubric 1: Đánh giá bài A1.2 và bài A1.3.***

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **CĐR** | **Tiêu chí đánh giá** | **Trọng số bài A1.1** | **Trọng số bài A1.3** | **Mức độ đánh giá** | | | | | |
| **A** | **B** | **C** | **D** | **F** |
| **8.5 - 10** | **7.0 - 8.4** | **5.5 - 6.9** | **4,0 -5,4** | **< 4,0** |
| **CLO2.1.** Có đạo đức, trách nhiệm, thái độ hành xử chuyên nghiệp, tinh thần hợp tác trong hoạt động nghề nghiệp, sẵn sàng chấp nhận thử thách và rủi ro trong chăn nuôi | **Ý thức, trách nhiệm khi tham gia hoạt động nghề nghiệp** | 20 | 20 | Ý thức, trách nhiệm cao khi tham gia hoạt động nghề nghiệp | Ý thức, trách nhiệm khá cao khi tham gia hoạt động nghề nghiệp | Ý thức, trách nhiệm khi tham gia hoạt động nghề nghiệp | Ý thức, trách nhiệm khi tham gia hoạt động nghề nghiệp đang còn thấp | Ý thức, trách nhiệm thấp hoặc không có khi tham gia hoạt động nghề nghiệp |
| **Mức độ tham gia hoạt động học tập, nghề nghiệp** | 20 | 20 | Tham gia hoạt động học tập, nghề nghiệp với tần suất cao | Tham gia hoạt động học tập, nghề nghiệp tần suất khá cao | Tham gia hoạt động học tập, nghề nghiệp | Tham gia hoạt động học tập, nghề nghiệp tần suất thấp | Không tham gia hoạt động học tập, nghề nghiệp |
| CLO3.1. Làm việc theo nhóm hiệu quả để đánh giá các hoạt động nghiên cứu liên quan đến quản lý sức khỏe vật nuôi | **Tổ chức nhóm** | 10 | 10 | Tham gia đầy đủ, tích cực các cuộc hợp nhóm | Tham gia đầy đủ các hoạt động nhóm. | Tham gia còn thiếu một số ít hoạt động | Chỉ tham gia một số ít hoạt động | Không tham gia |
| Nhiệm vụ được phân công rõ ràng, đầy đủ cho các thành viên trong nhóm | Nhiệm vụ được phân công khá rõ ràng, đầy đủ cho các thành viên trong nhóm | Nhiệm vụ được phân công cho các thành viên trong nhóm đầy đủ | Nhiệm vụ được phân công cho các thành viên trong nhóm chưa đầy đủ | Chưa có sự phân công nhiệm vụ |
| **Hợp tác nhóm** | 30 | 30 | - Trao đổi, chia sẻ và chấp nhận các ý tưởng trong thực hiện nhiệm vụ với các thành viên ở mức độ cao | - Trao đổi và chấp nhận các ý tưởng trong thực hiện nhiệm vụ với các thành viên mức độ khá | Trao đổi, chia sẻ và chấp nhận các ý tưởng trong thực hiện nhiệm vụ với các thành viên ở mức độ cơ bản | Trao đổi và chấp nhận các ý tưởng trong thực hiện nhiệm vụ với các thành viên ở mức độ thấp | Không trao đổi, chia sẻ trong nhóm |
| **Thảo luận nhóm** | 20 | 20 | Đề xuất, sáng kiến để đạt được tốt mục tiêu, kết quả nhóm | Đề xuất, sáng kiến để đạt được khá tốt mục tiêu, kết quả nhóm | Đề xuất, sáng kiến để đạt được mục tiêu, kết quả nhóm ở mức cơ bản | Đề xuất, sáng kiến để đạt được mục tiêu, kết quả nhóm thấp | Chưa có các đề xuất, sáng kiến |

**6. Tài liệu học tập**

***6.1. Giáo trình:***

1. Huỳnh Văn Kháng. Bệnh ngoại khoa gia súc. NXB Nông nghiệp Hà Nội, 2003

**7. Kế hoạch dạy học**

***Lý thuyết:***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tuần, số tiết** | **Nội dung** | **Hình thức tổ chức dạy học** | **Yêu cầu SV chuẩn bị** | **CĐR học phần** | **Bài đánh giá** |
| **1(3)** | Chương 1. Ngoại khoa đại cương  1.1.Các phương pháp gây tê, gây mê, cầm máu và khâu trong phẫu thuật  1.1.1. Các phương pháp gây tê  1.1.2. Các phương pháp gây mê  1.1.3. Các phương pháp cầm máu  1.1.4. Các phương pháp khâu trong phẫu thuật | - Địa điểm: Phòng học theo Nhà Trường sắp xếp  - Thuyết trình  - Hướng dẫn nghiên cứu tìm kiếm tài tài liệu | - Đọc tài liệu 1  -Tìm kiếm tài liệu | **CLO1.1** | A1.1  A1.2  A2.1 |
| **2** | Chương 1 (tiếp)   * 1. Chứng viêm   1.3. Nhiễm trùng ngoại khoa | - Địa điểm: Phòng học theo Nhà Trường sắp xếp  - Thuyết trình | - Đọc tài liệu 1  - Xem hình ảnh các loại nhiễm trùng  - Phân tích các nhân tố thúc đẩy nhiễm trùng | **CLO1.1** | A1.1  A1.2  A2.1 |
| **3** | 1.4. Tổn thương  1.4.1. Khái niệm  1.4.2. Tổn thương kín tổ chức mềm  1.4.3. Tổn thương hở tổ chức mềm  CHƯƠNG 2. BỆNH Ở CƠ  2.1. Bệnh thấp cơ  2.2. Hoại tử và hoại thư  2.3. Loét  2.4. Lỗ dò | - Địa điểm: Phòng học theo Nhà Trường sắp xếp  - Thuyết trình | Đọc tài liệu 1  - So sánh tổn thương kín và hở  - Phân biệt hoại tử, hoại thư | **CLO1.1** | A1.1  A1.2  A2.1 |
| 4 | Chương 3. Bệnh ở xương – khớp - móng  3.1. Bệnh ở xương  3.1.1. Hoại thư  3.1.2. Viêm màng xương  3.1.3. Viêm tủy xương  3.1.4. Gãy xương  3.2. Bệnh ở khớp  3.2.1. Trật khớp  3.2.2. Viêm khớp  3.3. Bệnh ở móng  3.3.1. Viêm móng cấp tính  3.3.2. Hà móng  3.3.3. Thối móng ở bò sữa | - Địa điểm: Phòng học theo Nhà Trường sắp xếp  - Thuyết trình | Đọc tài liệu 1.  Nắm được một số bệnh ở xương, khớp và móng | **CLO1.1**  **CLO2.1**  **CLO2.2**  **CLO3.1** | A1.1  A1.2  A2.1 |
| **5** | CHƯƠNG 4. Bệnh ở mắt  4.1. Viêm giác mạc  4.2. Viêm kết mạc  4.3. Viêm giác mạc chu kỳ | - Địa điểm: Phòng học theo Nhà Trường sắp xếp  - Thuyết trình  - Xem các hình ảnh về một só triệu chứng điển hình của mỗi bệnh | Đọc tài liệu 1  So sánh và nắm được triệu chứng điển hình của mỗi bệnh đã học | **CLO1.2, CLO2.2**  **CLO3.1** | A1.1  A1.2  A2.1 |
| ***Test online*** | | | | | |
| 6 | Chương 5. Bệnh ở đường sinh dục – tiết niệu  5.1. Sỏi niệu đạo  5.2. Bệnh hẹp bao dương vật  5.3. Bệnh viêm bao dương vật | - Địa điểm: Phòng học theo Nhà Trường sắp xếp  - Thuyết trình  - Xem các hình ảnh về một só triệu chứng điển hình của mỗi bệnh | Đọc tài liệu 1 | **CLO1.2**  **CLO2.2**  **CLO3.1** | A1.1  A1.2  A2.1 |
| **7** | Chương 5 (tiếp)  5.4. Viêm dịch hoàn  5.5. Những biến chứng sau khi thiến gia súc đực | - Địa điểm: Phòng học theo Nhà Trường sắp xếp  - Thuyết trình  - Xem các hình ảnh về một số triệu chứng điển hình của mỗi bệnh | Đọc tài liệu 1, 2  So sánh và nắm được triệu chứng điển hình của mỗi bệnh đã học | **CLO1.2**  **CLO2.2**  **CLO3.1** | A1.1  A1.2  A2.1 |
| **8** | Chương 6. Khối u  6.1. Định nghĩa  6.2. Phân loại  6.3. Nguyên nhân  6.4. Chẩn đoán  6.5. Điều trị  6.6. Các loại khối u thường thấy | - Địa điểm: Phòng học theo Nhà Trường sắp xếp  - Thuyết trình  - Xem các hình ảnh về một số triệu chứng điển hình của mỗi bệnh | **-** Đọc tài liệu 1, 2,.  - So sánh và nắm được triệu chứng điển hình của mỗi bệnh đã học, phân loại các khối u thường gặp ở vật nuôi | **CLO1.2**  **CLO2.1**  **CLO2.2** | A1.1  A1.2  A2.1 |
| 9 | Chương 7. Các tổn thương vật lý - hóa học  7.1. Bỏng do nhiệt độ cao  7.2. Phát cước  7.3. Bỏng do hóa chất | **-** Địa điểm: Nhà học theo Nhà Trường sắp xếp  - Thuyết trình  - Xem các hình ảnh về một số triệu chứng bệnh điển hình | **-** Đọc tài liệu 1, 2  So sánh và nắm được triệu chứng điển hình của mỗi bệnh đã học | **CLO1.2**  **CLO2.1**  **CLO2.2** | A1.1  A1.2  A2.1 |
| **10** | Thảo luận chủ đề 1 | - Hướng dẫn thảo luận | **-**Chuẩn bị hồ sơ làm việc nhóm; Bài tập nhóm theo yêu cầu. | **CLO2.1**  **CLO2.2** | **A1.2** |

**8. Nhiệm vụ của người học**

***8.1. Phần tự học***

- Nghiên cứu tài liệu, xem các slide/video/website.

- Chủ động tìm các nguồn tài liệu khác liên quan đến nội dung học phần.

- Thảo luận, trao đổi những vấn đề liên quan đến học phần với bạn học/cựu sinh viên/cán bộ tại đơn vị trải nghiệm hoặc các nguồn lực hỗ trợ khác.

- Hoàn thành các bài tập được giao trên LMS.

***8.2. Phần học trên lớp trực tiếp hoặc online với giảng viên***

- Dự lớp ≥ 80% tổng thời lượng của học phần.

- Chủ động, tích cực trong giờ học.

- Phát hiện, đưa ra câu hỏi hoặc vấn đề liên quan đến nội dung học tập.

***8.3. Làm việc nhóm, thực hiện đồ án môn học***

- Tham gia xây dựng kế hoạch hoạt động của nhóm.

- Tôn trọng ý kiến và chịu trách nhiệm về kết quả làm việc chung.

- Hoàn thành đầy đủ nhiệm vụ và sản phẩm dự án được giao.

**9. Ngày phê duyệt:**

**10. Cấp phê duyệt:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **KT. HIỆU TRƯỞNG**  **PHÓ HIỆU TRƯỞNG** | **VIỆN TRƯỞNG**  **TS. Nguyễn Đình Vinh** | **TRƯỞNG BỘ MÔN**  **TS. Lê Minh Hải** |

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH**  **VIỆN NÔNG NGHIỆP VÀ TÀI NGUYÊN** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

## **ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN CHI TIẾT**

## **Dịch tễ học thú y**

**1. Thông tin tổng quát:**

***1.1. Thông tin về giảng viên***

1. ***Giảng viên 1:* Nguyễn Thị Thanh**

Học hàm, học vị: Giảng viên – Tiến sĩ

Địa chỉ liên hệ: Bộ môn Nuôi trồng Thủy sản và Chăn nuôi – Viện Nông nghiệp và Tài Nguyên

Điện thoại: 0984806773, Email: nguyenthithanhnln@gmail.com

Các hướng nghiên cứu chính:

* Quản lý môi trường, chất thải chăn nuôi
* Sinh lý động vật

***Giảng viên 2: :* Hoàng Thị Mai**

Học hàm, học vị: Giảng viên – Tiến sĩ

Địa chỉ liên hệ: Bộ môn Nuôi trồng Thủy sản và Chăn nuôi – Viện Nông nghiệp và Tài Nguyên

Điện thoại: 0977006137, Email: hoangmaidhv@gmail.com

Các hướng nghiên cứu chính:

- Chăn nuôi động vật

- Bệnh truyền nhiễm thú y

***1.2. Thông tin về học phần:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| - Tên học phần (tiếng Việt): **Dịch tễ học thú y**  (tiếng Anh): Verterinary epidemiology | | |
| - Mã số học phần: AHY30026 | | |
| - Thuộc CTĐT ngành: **Chăn nuôi** | | |
| - Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:  Kiến thức cơ bản  Kiến thức cơ sở ngành  Xx  **Kiến thức ngành** | Học phần chuyên về kỹ năng chung  Kiến thức khác | |
| - Thuộc loại học phần: Bắt buộc  xx | **Tự chọn** | |
| - Số tín chỉ: | |  |
| + Số tiết lý thuyết: 39 | |  |
| + Số tiết thảo luận/bài tập: 6 | |  |
| + Số tiết thực hành: 0 | |  |
| + Số tiết tự học: 90 | |  |
| - Điều kiện đăng ký học: | |  |
| + Học phần tiên quyết: Thú y cơ bản | | Mã số HP: AHY30007 |
| + Học phần học trước: Bệnh truyền nhiễm thú y | | Mã số HP: AHY30010 |
| - Yêu cầu của học phần: Thực hiện theo Quy chế đào tạo của Trường Đại học Vinh. Cụ thể:  + Thời gian tối thiểu sinh viên phải có mặt trên lớp: 80%  + Sinh viên phải nộp đầy đủ bài tập, báo cáo… qua hệ thống LMS (Mục 5.1). + Tham gia đầy đủ các bài thực hành. | | |
| - Bộ môn phụ trách học phần: Thủy sản và Chăn nuôi  Điện thoại: Email: | | |

**2. Mô tả học phần**

Dịch tễ học thú y là môn học nghiên cứu sự phân bố bệnh, các yếu tố liên quan đến bệnh trong một quần thể xác định. Kiến thức môn học được ứng dụng trong việc xác định nguyên nhân và kiểm soát dịch bệnh. Các kiến thức của môn học sẽ giúp sinh viên hiểu được các yếu tố có liên quan đến sức khoẻ và dịch bệnh của động vật; nghiên cứu xác định nguyên nhân gây bệnh cùng các yếu tố nguy cơ hình thành dịch bệnh từ đó đưa ra định hướng phòng chống dịch bệnh cho động vật nuôi.

**3. Mục tiêu học phần**

**CO1.** Trình bày những kiến thức cơ bản về dịch tễ học, quá trình phát sinh dịch bệnh, các phương pháp giám sát điều tra ổ dịch; nghiên cứu xác định nguyên nhân gây bệnh cùng các yếu tố nguy cơ hình thành dịch bệnh.

**CO2.** Thể hiện kỹ năng kỹ năng lập luận, phân tích và giải quyết vấn đề, kỹ năng làm việc nhóm. nâng cao khả năng ứng xử và cách giải quyết các vấn đề về sức khoẻ đàn vật nuôi

**CO3.** Thể hiện thái độ, đạo đức tốt trong quá trình phòng và điều trị bệnh cho động vật nuôi góp phần phát triển ngành Chăn nuôi theo hướng bền vững

**4. Chuẩn đầu ra học phần, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá**

***4.1. Ánh xạ chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **CĐR học phần** | **Ánh xạ với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo** | | | |
| **PLO1.2** | **PLO1.3** | **PLO2.2** | **PLO3.1** |
| 1.2.2 | 1.3.2 | 2.2.1 | 3.1.2 |
| CLO 1.1 | 1,0 |  |  |  |
| CLO 2.1 |  | 1,0 |  |  |
| CLO 2.2 |  |  | 1,0 |  |
| CLO 3.1 |  |  |  | 1,0 |

***4.2. Nội dung chuẩn đầu ra, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá học phần***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **CĐR học phần (CLO)** | **TĐNL CĐR**  **học phần** | **Mô tả CĐR học phần** | **Phương pháp dạy học** | **Phương pháp đánh giá** |
| CLO1.1 | K3 | Hiểu được những kiến thức cơ bản về dịch tễ học, quá trình sinh dịch bệnh; Hiểu được phương pháp giám sát điều tra ổ dịch, cách giải quyết các vấn đề liên qua đến sức khoẻ và dịch bệnh động vật | Thuyết trình, | Trắc nghiệm |
| CLO2.1 | A4 | Có khả năng nghiên cứu xác định nguyên nhân gây bệnh cùng các yếu tố nguy cơ hình thành dịch bệnh từ đó định hướng cho công tác phòng chống bệnh động vật | Hướng dẫn, tự học | Thi viết |
| CLO2.2 | A4 | Có ý thức trách nhiệm và đạo đức nghề nghiệp để ứng xử và giải quyết vấn đề về sức khoẻ động vật nuôi trong thực tế sản xuất | Hướng dẫn, tự học | Rubric 2 |
| CLO3.1 | S4 | Có kỹ năng làm việc nhóm để thực hiện yêu cầu môn học; kỹ năng phân tích các yếu tố liên quan đến dịch bệnh trong quần thể vật nuôi | Hướng dẫn, tự học | Rubric 1 |

**5. Đánh giá học tập và các bộ tiêu chí đánh giá**

***5.1. Đánh giá học tập***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Bài đánh giá** | **Hình thức đánh giá,**  **minh chứng, lưu hồ sơ** | **Công cụ**  **đánh giá** | **CĐR học phần** | **Tỷ lệ**  **cho bài đánh giá** | **Tỷ lệ cho học phần** |
| **A1. Đánh giá quá trình** | | | |  | **50%** |
| A1.1. Bài trắc nghiệm | - Bài trắc nghiệm trên LMS, chấm điểm tự động | Đáp án | CLO 1.1 | 100% | 15% |
| A1.2. Giáo viên đánh giá bài tập nhóm | - Bài tập nhóm trên LMS, GV chấm điểm | Rubric 1 | CLO 2.1 | 40% | 20% |
| CLO 3.1 | 60% |
| A1.3. Nhóm tự đánh giá cho bài tập nhóm | Tự đánh giá của nhóm cho các thành viên | Rubric 2 | CLO 2.2 | 50% | 15% |
| CLO3.1 | 50% |
| **A3. Đánh giá cuối kỳ** | | | |  | **50%** |
| A2.1. Thi tự luận | - Thi viết; TT Đảm bảo chất lượng tổ chức thi và lưu hồ sơ | Đáp án | CLO 1.2 | 50% | 50% |
| CLO 2.1 | 50% |
| **Công thức tính điểm tổng kết:**  **Điểm TKHP = A1.1x0,15 + A1.2x0,2 + A1.3x0,15 + A2.1x0,5** | | | | | |

***5.2. Các bộ tiêu chí đánh giá***

***5.2.1. Rubric 1: Đánh giá bài A1.2***

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **CĐR** | **Nội dung đánh giá** | **Trọng số bài A1.2 (%)** | **Mức độ đánh giá** | | | | |  |
| **A** | **B** | **C** | **D** | **F** | **Điểm** |
| **8.5 - 10** | **7.0 - 8.4** | **5.5 - 6.9** | **4,0 -5,4** | **< 4,0** |
| **CLO2.1**  Có khả năng nghiên cứu xác định nguyên nhân gây bệnh cùng các yếu tố nguy cơ hình thành dịch bệnh từ đó định hướng cho công tác phòng chống bệnh động vật | Tìm hiểu, xác định vấn đề | 10 | Xác định rõ ràng vấn đề nghiên cứu | Xác định được vấn đề nghiên cứu | Cơ bản xác định được vấn đề nghiên cứu | xác định được vấn đề nghiên cứu chung chung | Không xác định được vấn đề nghiên cứu |  |
| Lập kế hoạch và giải pháp quyết vấn đề | 20 | Có khả năng tư duy để lập được kế hoạch và đưa ra các giải pháp quyết vấn đề ở mức tốt | Có khả năng tư duy để lập được kế hoạch và đưa ra giải pháp quyết vấn đề ở mức khá | Có khả năng tư duy để lập được kế hoạch và đưa ra giải pháp quyết vấn đề ở mức cơ bản | Có khả năng tư duy để lập được kế hoạch và đưa ra giải pháp quyết vấn đề ở mức thấp | Không có khả năng tư duy để lập được kế hoạch và giải pháp quyết vấn đề |  |
| Đánh giá kết quả đạt được | 10 | Đánh giá kết quả đạt được ở mức tốt | Đánh giá kết quả đạt được ở mức khá | Đánh giá kết quả đạt được ở mức cơ bản | Đánh giá kết quả đạt được ở mức thấp | Không đánh giá được kết quả đạt được |  |
| **CLO 3.1**  Có kỹ năng làm việc nhóm để thực hiện yêu cầu môn học; kỹ năng phân tích các yếu tố liên quan đến dịch bệnh trong quần thể vật nuôi |  | 60 | Có kỹ năng tốt thực hiện yêu cầu môn học, kỹ năng phân tích các yếu tố liên quan đến dịch bệnh trong quần thể vật nuôi | Có kỹ năng thực hiện yêu cầu môn học, kỹ năng phân tích các yếu tố liên quan đến dịch bệnh trong quần thể vật nuôi ở mức khá | Cơ bản có kỹ năng thực hiện yêu cầu môn học, kỹ năng phân tích các yếu tố liên quan đến dịch bệnh trong quần thể vật nuôi | Kỹ năng thực hiện yêu cầu môn học, ở mức độ thấp | Không có kỹ năng thực hiện yêu cầu môn học |  |
| **Tổng** | | | | | | | |  |

***5.2.1. Rubric 2: Đánh giá bài A1.3***

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **CĐR** | **Nội dung đánh giá** | **Trọng số bài A1.3 (%)** | **Mức độ đánh giá** | | | | | **Điểm** |
| **A** | **B** | **C** | **D** | **F** |
| **8.5 - 10** | **7.0 - 8.4** | **5.5 - 6.9** | **4,0 -5,4** | **< 4,0** |
| **PLO2.2.** Có ý thức trách nhiệm và đạo đức nghề nghiệp để ứng xử và giải quyết vấn đề về sức khoẻ động vật nuôi trong thực tế sản xuất | Ý thức, trách nhiệm khi tham gia hoạt động nghề nghiệp | 10 | Ý thức, trách nhiệm cao khi tham gia hoạt động nghề nghiệp | Ý thức, trách nhiệm khá cao khi tham gia hoạt động nghề nghiệp | Ý thức, trách nhiệm khi tham gia hoạt động nghề nghiệp | Ý thức, trách nhiệm khi tham gia hoạt động nghề nghiệp đang còn thấp | Ý thức, trách nhiệm thấp hoặc không tham gia hoạt động nghề nghiệp |  |
| Mức độ tham gia hoạt động học tập, nghề nghiệp | 20 | Tham gia hoạt động học tập, nghề nghiệp với tần suất cao | Tham gia hoạt động học tập, nghề nghiệp tần suất khá cao | Tham gia hoạt động học tập, nghề nghiệp | Tham gia hoạt động học tập, nghề nghiệp tần suất thấp | Không tham gia hoạt động học tập, nghề nghiệp |  |
| Quản lý thời gian | 10 | Có khả năng quản lý thời gian tốt | Có khả năng quản lý thời gian khá tốt | Có khả năng quản lý thời gian | Quản lý thời gian chưa hợp | Chưa có khả năng quản lý thời gian |  |
| Quản lý nguồn lực | 10 | Có khả năng quản lý nguồn lực tốt | Có khả năng quản lý nguồn lực khá tốt | Có khả năng quản lý nguồn lực | Quản lý nguồn lực chưa hợp | Chưa có khả năng quản lý nguồn lực |  |
| **PLO3.1.** Có kỹ năng làm việc nhóm để thực hiện yêu cầu môn học; kỹ năng phân tích các yếu tố liên quan đến dịch bệnh trong quần thể vật nuôi | Tổ chức nhóm | 15 | Tham gia đầy đủ, tích cực các cuộc hợp nhóm | Tham gia đầy đủ các hoạt động nhóm. | Tham gia còn thiếu một số ít hoạt động | Chỉ tham gia một số ít hoạt động | Không tham gia |  |
| Nhiệm vụ được phân công rõ ràng, đầy đủ cho các thành viên trong nhóm | Nhiệm vụ được phân công khá rõ ràng, đầy đủ cho các thành viên trong nhóm | Nhiệm vụ được phân công cho các thành viên trong nhóm đầy đủ | Nhiệm vụ được phân công cho các thành viên trong nhóm chưa đầy đủ | Chưa có sự phân công nhiệm vụ |  |
| Hợp tác nhóm | 15 | Chủ động tạo ra sự tương tác tích cực thực hiện nhiệm vụ | Chủ động tạo ra sự tương tác khá tích cực thực hiện nhiệm vụ | Tương tác thực hiện nhiệm vụ ở mức cơ bản | Còn bị động, phụ thuộc trong sử dụng các phương thức làm việc nhóm | Thụ động trong việc tương tác với các thành viên |  |
| - Trao đổi, chia sẻ và chấp nhận các ý tưởng trong thực hiện nhiệm vụ với các thành viên ở mức độ cao | - Trao đổi và chấp nhận các ý tưởng trong thực hiện nhiệm vụ với các thành viên mức độ khá | Trao đổi, chia sẻ và chấp nhận các ý tưởng trong thực hiện nhiệm vụ với các thành viên ở mức độ cơ bản | Trao đổi và chấp nhận các ý tưởng trong thực hiện nhiệm vụ với các thành viên ở mức độ thấp | Không trao đổi, chia sẻ trong nhóm |  |
| - Chủ động kết nối, sử dụng các phương thức làm việc nhóm hiệu quả cao | - Chủ động kết nối, sử dụng các phương thức làm việc nhóm hiệu quả khá cao | Kết nối, sử dụng các phương thức làm việc nhóm hiệu quả cơ bản | Kết nối, sử dụng các phương thức làm việc nhóm hiệu quả thấp | Bị động trong kết nối, không hiệu quả |  |
| Thảo luận nhóm | 20 | Đề xuất, sáng kiến để đạt được tốt mục tiêu, kết quả nhóm | Đề xuất, sáng kiến để đạt được khá tốt mục tiêu, kết quả nhóm | Đề xuất, sáng kiến để đạt được mục tiêu, kết quả nhóm ở mức cơ bản | Đề xuất, sáng kiến để đạt được mục tiêu, kết quả nhóm thấp | Chưa có các đề xuất, sáng kiến |  |
| **Tổng** | | | | | | | |  |

**6. Tài liệu học tập**

**6.1. Tài liệu bắt buộc:**

[1] Nguyễn Văn Long (Chủ biên), Dịch tễ học thú y ứng dụng, NXB Nông nghiệp, 2013.

[2] Trần Ngọc Bích (Chủ biên). *Giáo trình Dịch tễ học thú y nâng cao*. NXB Đại học Cần Thơ, 2013

**6.2 Tài liệu tham khảo:**

[[3] Trương Hà Thái, Bài giảng Dịch tễ học thú y

**7. Kế hoạch dạy học**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tuần/**  **Buổi**  **học [1]** | **Nội dung**  **[2]** | **Hình thức tổ chức dạy và học [3]** | **Chuẩn bị của sinh viên [4]** | **CĐR học phần [5]** | **Bài đánh giá**  **[6]** |
| 1 | **Chương 1.** Tổng quan dịch tễ học 1.1. Một số khái niệm  1.2. Phương pháp tiếp cận của dịch tễ học  1.3. Dịch tễ học phân tử  1.4. Mục đích thực tiễn của dịch tễ học | *Giảng viên:*  - Thuyết trình: một số khái niệm cơ bản, phương pháp tiếp cận, dịch tễ học phân tử.  - Đưa chủ đề thảo luận: Mục đích thực tiễn của dịch tễ học thú y?  *SV:* Nghe giảng, trả lời câu hỏi | - Vở ghi chép  - Tài liệu tham khảo  - Tìm hiểu tài liệu để trả lời câu hỏi thảo luận của GV | CLO1.1 | A1.1 |
| 2 | **Chương 2.** Dịch bệnh trong quần thể và quá trình sinh bệnh  2.1. Quá trình tự nhiên của bệnh  2.2. Điều kiện để bệnh, dịch bệnh xuất hiện  2.3. Truyền lây dịch bệnh và chuỗi truyền nhiễm | *Giảng viên:*  - Thuyết trình: quá trình tự nhiên của bệnh; điều kiện để bệnh, dịch bênh phát triển; truyền lây dịch bệnh và chuỗi truyền nhiễm.  - Đặt câu hỏi có liên quan đến nội dung bài học  SV: Nghe giảng, trả lời câu hỏi | - Vở ghi chép  - Tài liệu tham khảo  - Tìm hiểu tài liệu để trả lời câu hỏi của GV | CLO1.1 | A1.1 |
| 3 | **Chương 2. (tiếp theo)**  2.4. Các nhân tố nguy cơ tiềm tàng  2.5. Khái niệm của miễn dịch học  2.6. Vai trò của miễn dịch học đối với các bệnh truyền nhiễm  2.7. Quần thể động vật | ***Giảng viên:***  - Thuyết trình: các nhân tố nguy cơ tiềm tàng; khái niệm và vai trò của miễn dịch học; quần thể động vật  - Đặt câu hỏi: nêu đặc điểm của một loại vắc xin phòng bệnh truyền nhiễm cho vật nuôi?  **Sinh viên:**  - Nghe giảng, xây dựng bài  - Trả lời câu hỏi của GV | - Vở ghi chép  - Tài liệu học tập  - Tìm hiểu về vắc xin và chất kích thích miễn dịch ở động vật. | CLO1.1 | A1.1 |
| 4 | **Chương 3.** Đo lường tần suất của dịch bệnh   * 1. Tỷ số, tỷ lệ, tỷ suất của dịch bệnh   2. Đo lường sự xuất hiện của bệnh và dịch bệnh | ***Giảng viên:***  ***-*** Thuyết trình: cách tính tỷ số, tỷ lệ, tỷ suất của dịch bệnh; Phương pháp đo lường sự xuất hiện .  - Đặt câu hỏi: Nêu một số bệnh và dịch bệnh tại địa phương mà anh/chị biết?  ***Sinh viên:***  - Nghe giảng, xây dựng bài  - Trả lời câu hỏi của GV | - Vở ghi chép  - Tài liệu tham khảo  - Tìm hiểu thông tin tài liệu để trả lời câu hỏi của GV | CLO1.1 | A1.1 |
| 5 | **Chương 4.** Dịch tễ mô tả và phân tích số liệu  4.1. Tổng quát về dịch tễ mô tả  4.2. Chuẩn bị dữ liệu để phân tích  4.3. Phân tích mô tả | ***Giảng viên:***  - Thuyết trình: tổng quát về dịch tễ mô tả; chuẩn bị các dữ liệu để phân tích mô tả  - Đặt câu hỏi có liên quan đến nội dung bài học  ***Sinh viên:***  - Nghe giảng, xây dựng bài  - Thảo luận thông tin liên quan đến bài học | - Vở ghi chép  - Tài liệu học tập  - Tìm hiểu tài liệu để trả lời câu hỏi của GV | CLO1.1 | A1.1 |
| 6 | **Chương 5.** Giám sát dịch tễ   * 1. Định nghĩa   2. Mục tiêu và chức năng   3. Nguồn gốc dữ liệu phục vụ giám sát dịch tễ   4. Nhiệm vụ thường xuyên   5. Giám sát dịch tễ | ***Giảng viên:***  - Thuyết trình: mục tiêu, chức năng, nguồn gốc dữ liệu phục vụ giám sát  - Đặt câu hỏi: nhiệm vụ thường xuyên của giám sát dịch tễ?  ***Sinh viên:***  - Nghe giảng, trả lời câu hỏi | - Vở ghi chép  - Tài liệu học tập  - Tìm hiểu tài liệu để trả lời câu hỏi của GV | CLO1.1  CLO2.1 | A2.1 |
| 7 | **Chương 6.** Điều tra ổ dịch  6.1. Khái niệm ổ dịch  6.2. Điều tra xử lý vụ dịch  6.3. Biện pháp thực hiện trong ổ dịch  6.4. Biện pháp khống chế ổ dịch | ***Giảng viên:***  ***-*** Thuyết trình: khái niệm ổ dịch; điều tra xử lý, biện pháp thực hiện trong ổ dịch  **-** Đặt câu hỏi: Nêu các biện pháp để khống chế ổ dịch trong chăn nuôi?  ***Sinh viên:***  - Nghe giảng, trả lời câu hỏi của GV | - Vở ghi chép  - Tài liệu học tập  - Tìm hiểu tài liệu để trả lời câu hỏi của GV | CLO1.1  CLO2.1 | A2.1 |
| 8 | **Thảo luận:**  **Điều tra ổ dịch trên gia súc/ gia cầm tại Nghệ An** | GV: Giao chủ đề bài thảo luận, chia các nhóm sinh viên  SV: Làm việc nhóm để thực hiện bài tiểu luận theo yêu cầu của GV  - Báo cáo bài thảo luận trước lớp | - Máy tính  - Tài liệu  - Thuyết trình | CLO1.1  CLO2.2  CLO3.1 | A1.2  A1.3 |
| 9 | **Chương 7.** Biện pháp phòng – chống dịch bệnh ở động vật  7.1. Nguyên tắc cơ bản  7.2. Biện pháp đối với nguồn bệnh  7.3. Biện pháp đối với yếu tố truyền lây  7.4. Biện pháp bảo vệ động vật cảm thụ  7.5. Các biện pháp thực hiện trong ổ dịch động vật | ***Giảng viên:***  - Thuyết trình: các nguyên tắc cơ bản trong phòng chống dịch bệnh; các biện pháp đối với nguồn bệnh, yếu tố truyền lây, bảo vệ động vật cảm thụ.  - SV tự học: Các biện pháp thực hiện trong ổ dịch động vật.  ***Sinh viên:***  - Nghe giảng, xây dựng bài  - Tự học theo yêu cầu của GV | - Vở ghi chép  - Tài liệu học tập  - Tự học, tự nghiên cứu theo yêu cầu của GV | CLO1.1  CLO2.2  CLO3.1 | A1.2  A2.1 |
| 9 | **Chương 8.** Lấy mẫu trong điều tra dịch tễ học thú y  8.1. Quần thể và mẫu  8.2. Phương pháp lấy mẫu  8.3. Ước lượng cỡ mẫu  8.4. Lấy mẫu, bảo quản, đóng gói và gửi mẫu  8.5. Yếu tố sai lệch khi lấy mẫu thực tế | ***Giảng viên:***  - Thuyết trình: quần thể và mẫu; phương pháp lấy mẫu; ước lượng cỡ mẫu; một số sai lệch khi lấy mẫu thực tế.  - SV tự học: cách lấy mẫu, bảo quản, đóng gói và gửi mẫu để điều tra dịch tễ học  ***Sinh viên:***  - Nghe giảng, xây dựng bài  - Tự học theo yêu cầu của GV | - Vở ghi chép  - Tài liệu học tập  - Tự học theo yêu cầu của GV | CLO1.1  CLO2.1 | A2  .1 |
| 10 | **Thảo luận nhóm theo yêu cầu của GV** | GV: Giao chủ đề bài thảo luận, chia các nhóm sinh viên  SV: Làm việc nhóm để thực hiện bài tiểu luận theo yêu cầu của GV  - Báo cáo bài thảo luận trước lớp | - Máy tính  - Tài liệu  - Thuyết trình | CLO1.1  CLO2.2  CLO3.1 | A1.2  A1.3 |

**8. Nhiệm vụ của người học**

***8.1. Phần tự học***

- Nghiên cứu tài liệu, xem các slide/video/website.

- Chủ động tìm các nguồn tài liệu khác liên quan đến nội dung học phần.

- Thảo luận, trao đổi những vấn đề liên quan đến học phần với bạn học/cựu sinh viên/cán bộ tại đơn vị trải nghiệm hoặc các nguồn lực hỗ trợ khác.

- Hoàn thành các bài tập được giao trên LMS.

***8.2. Phần học trên lớp trực tiếp hoặc online với giảng viên***

- Dự lớp ≥ 80% tổng thời lượng của học phần.

- Chủ động, tích cực trong giờ học.

- Phát hiện, đưa ra câu hỏi hoặc vấn đề liên quan đến nội dung học tập.

***8.3. Làm việc nhóm***

- Tham gia xây dựng kế hoạch hoạt động của nhóm.

- Tôn trọng ý kiến và chịu trách nhiệm về kết quả làm việc chung.

- Hoàn thành đầy đủ nhiệm vụ và sản phẩm dự án được giao.

**9. Ngày phê duyệt:**

**10. Cấp phê duyệt:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **KT. HIỆU TRƯỞNG**  **PHÓ HIỆU TRƯỞNG** | **VIỆN TRƯỞNG**  **TS. Nguyễn Đình Vinh** | **TRƯỞNG BỘ MÔN**  **TS. Lê Minh Hải** |

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH**  **VIỆN NÔNG NGHIỆP VÀ TÀI NGUYÊN**  **----------------------------** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**  **-------------------------** |

## **ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN CHI TIẾT**

## **Chính sách nông nghiệp và phát triển nông thôn**

**1. Thông tin tổng quát:**

***1.1. Thông tin về giảng viên***

***Giảng viên 1:*  TS. Nguyễn Đình Vinh**

Chức danh, học hàm, học vị: Tiến sĩ

Địa chỉ liên hệ: Viện Nông Nghiệp và Tài Nguyên - Đại học Vinh

Email: [vinhnguyendinh@gmail.com](mailto:vinhnguyendinh@gmail.com)

***Giảng viên 2:* TS. Nguyễn Công Thành**

Chức danh, học hàm, học vị: Tiến sĩ

Địa chỉ liên hệ: Bộ môn Khuyến nông và PTNT. Viện Nông nghiệp và Tài

Điện thoại, email: 0904159379, ngcongthanh@yahoo.com

***1.2. Thông tin về học phần:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| - Tên môn học (tiếng Việt): **Chính sách nông nghiệp và phát triển nông thôn**  (tiếng Anh): Agricultural and Rural development Policy | | |
| - Mã số học phần: AGR20006 | | |
| - Thuộc CTĐT ngành: Nuôi trồng thủy sản, Chăn nuôi, Nông học | | |
| - Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:  Kiến thức cơ bản  Kiến thức cơ sở ngành  Kiến thức ngành | Học phần chuyên về kỹ năng chung  Kiến thức khác | |
| - Thuộc loại học phần**: Bắt buộc**  xx  x | Tự chọn | |
| - Số tín chỉ: 3 | |  |
| + Số tiết lý thuyết: 39 | |  |
| + Số tiết thảo luận/bài tập:6 | |  |
| + Số tiết thực hành: 0 | |  |
| + Số tiết tự học: 60 | |  |
| - Điều kiện đăng ký học: | |  |
| + Học phần tiên quyết: Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội. | | Mã số HP: ANR20006 |
| + Học phần học trước: Nguyên lý về thiết kế và quản lý dự án Nông nghiệp | | Mã số HP: ANR20005 |
| - Yêu cầu của học phần: Thực hiện theo Quy chế đào tạo của Trường Đại học Vinh. Cụ thể:  + Thời gian tối thiểu sinh viên phải có mặt trên lớp: 80%  + Sinh viên phải nộp đầy đủ bài tập, báo cáo qua hệ thống LMS (Mục 5.1).  + Tham gia đầy đủ các bài thực hành | | |
| - Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Thủy sản và Chăn nuôi  Điện thoại: Email: | | |

**2. Mô tả học phần**

Học phần Chính sách nông nghiệp và phát triển nông thôn là học phần trang bị cho người học những kiến thức chung về chính sách và phân tích chính sách nông nghiệp, nông thôn. Qua đó để người học hiểu rõ các nội dung của một văn bản chính sách, làm thế nào để soạn thảo được một văn bản chính sách đáp ứng yêu cầu thực tiễn phát triển nông nghiệp, nông thôn. Trên cơ sở kiến thức đã học, người học có khẳ năng nghiên cứu và ứng xử linh hoạt trong việc sử dụng các công cụ để phân tích chính sách trong thực tiễn.

**3. Mục tiêu học phần**

**CO1.** Biết được được vai trò, phân loại, cách tổ chức xây dựng và thực hiện Chính sách Nông nghiệp. Quá trình hoạch định và phân tích Chính sách Nông nghiệp. Phân tích được một số chính sách Nông nghiệp chủ yếu, hiện trạng các chính sách trong phát triển thủy sản.

**CO2.** Phát triển kỹ năng làm việc độc lập, chuyên nghiệp, giao tiếp để giải quyết các vấn đề thực tiễn thể hiện ý thức đạo đức, trách nhiệm nghề nghiệp, phát triển năng lực tự học, học tập nâng cao trình độ và học tập suốt đời.

**CO3.** Vận dụng được một số điều luật trong nuôi trồng, khai thác và bảo vệ nguồn lợi và trong các hoạt động dịch vụ nông nghiệp

**4. Chuẩn đầu ra học phần, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá**

***4.1. Ánh xạ chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **CĐR học phần** | **Ánh xạ với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo** | |
| PLO1.1 | PLO1.3 |
| 1.1.1 | 1.3.5 |
| CLO 1.1 | 0,5 |  |
| CLO 1.2 | 0,5 |  |
| CLO 2.1 |  | 1,0 |

***4.2. Nội dung chuẩn đầu ra, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá học phần***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **CĐR học phần (CLO)** | **TĐNL CĐR**  **học phần** | **Mô tả CĐR học phần** | **Phương pháp dạy học** | **Phương pháp đánh giá** |
| CLO 1.1 | K3 | Hiểu và vận dụng được các kiến thức về khoa học xã hội, chính trị và pháp luật | Thuyết trình; hướng dẫn tự học; | Thi TNKQ  Thi viết |
| CLO 1.2 | K4 | Hiểu và vận dụng được trong hoạch định và đánh giá tác động của chính sách nông nghiệp | Thuyết trình; hướng dẫn tự học; | Bài kiểm tra nhanh  Thi viết |
| CLO 2.1 | S4 | Phát triển kỹ năng tổ chức nhóm để giải quyết các vấn đề đặt ra | Hướng dẫn, tự học | Rubric1 |

**5. Đánh giá học tập và các bộ tiêu chí đánh giá**

***5.1. Đánh giá học tập***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Bài đánh giá** | **Hình thức đánh giá,**  **minh chứng, lưu hồ sơ** | **Công cụ**  **đánh giá** | **CĐR học phần** | **Tỷ lệ**  **cho bài đánh giá** | **Tỷ lệ cho học phần** |
| **A1. Đánh giá quá trình** | | | |  | **50%** |
| A1.1. Bài trắc nghiệm | - Bài trắc nghiệm trên LMS, chấm điểm tự động | Đáp án | CLO 1.1 | 100% | 25% |
| A1.2. Giáo viên đánh giá bài tập nhóm | - Bài tập nhóm trên LMS, GV chấm điểm | Rubric 1 | CLO 1.2 | 40% | 25% |
| CLO 2.1 | 60% |
| **A2. Đánh giá cuối kỳ** | | | |  | **50%** |
| A2.1. Thi tự luận | - Thi viết; TT Đảm bảo chất lượng tổ chức thi và lưu hồ sơ | Đáp án | CLO 1.2 | 50% | 50% |
| CLO 2.1 | 50% |
| **Công thức tính điểm tổng kết:**  **Điểm TKHP = A1.1x0,25 + A1.2x0,25 + A2.1x0,5** | | | | | |

***5.2. Các bộ tiêu chí đánh giá***

***5.2.1. Rubric 1: Đánh giá bài A1.2***

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **CĐR** | **Nội dung đánh giá** | **Trọng số bài A1.2 (%)** | **Mức độ đánh giá** | | | | |  | |
| **A** | **B** | **C** | **D** | **F** | **Điểm** | |
| **8.5 - 10** | **7.0 - 8.4** | **5.5 - 6.9** | **4,0 -5,4** | **< 4,0** |
| **CLO2.1**  Có khả năng phân tích, lập luận, giải thích được hoạch định và đánh giá tác động của chính sách nông nghiệp | Tìm hiểu, xác định vấn đề | 10 | Xác định rõ ràng vấn đề nghiên cứu | Xác định được vấn đề nghiên cứu | Cơ bản xác định được vấn đề nghiên cứu | xác định được vấn đề nghiên cứu chung chung | Không xác định được vấn đề nghiên cứu |  | |
| Lập kế hoạch và giải pháp quyết vấn đề | 20 | Có khả năng tư duy để lập được kế hoạch và đưa ra các giải pháp quyết vấn đề ở mức tốt | Có khả năng tư duy để lập được kế hoạch và đưa ra giải pháp quyết vấn đề ở mức khá | Có khả năng tư duy để lập được kế hoạch và đưa ra giải pháp quyết vấn đề ở mức cơ bản | Có khả năng tư duy để lập được kế hoạch và đưa ra giải pháp quyết vấn đề ở mức thấp | Không có khả năng tư duy để lập được kế hoạch và giải pháp quyết vấn đề |  | |
| Đánh giá kết quả đạt được | 10 | Đánh giá kết quả đạt được ở mức tốt | Đánh giá kết quả đạt được ở mức khá | Đánh giá kết quả đạt được ở mức cơ bản | Đánh giá kết quả đạt được ở mức thấp | Không đánh giá được kết quả đạt được |  | |
| **CLO2.1.**  Phát triển kỹ năng tổ chức nhóm để giải quyết các vấn đề đặt ra |  | 60 | Có kỹ năng tốt thực hiện yêu cầu môn học | Có kỹ năng thực hiện yêu cầu môn học ở mức khá | Cơ bản có kỹ năng thực hiện yêu cầu môn học | Kỹ năng thực hiện yêu cầu môn học ở mức độ thấp | Không có kỹ năng thực hiện yêu cầu môn học |  | |
| **Tổng** | | | | | | | | |  |

**6. Tài liệu học tập**

**6.1. Tài liệu bắt buộc:**

1.Phạm Văn Đình (Chủ biên), *Giáo trình chính sách nông nghiệp*, NXB Nông nghiệp, Hà Nội, 2010.

2. Phạm Văn Khôi (2007), Giáo trình phân tích chính sách nông nghiệp, nông thôn, NXB Đại học Kinh tế quốc dân, Hà Nội, 2007

**6.2 Tài liệu tham khảo:**

3. Đỗ Kim Chung, *Bài giảng phân tích chính sách nông nghiệp*, Hà Nội, 2005.

4. Ngô Đức Cát, Vũ Đình Thắng, Phân tích chính sách nông nghiệp, nông thôn. NXB Thống Kê 2005

**7. Kế hoạch dạy học**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tuần/**  **Buổi học**  **(1)** | **Nội dung**  **(2)** | **Hình thức tổ chức dạy học (3)** | **Chuẩn bị**  **của SV (4)** | **CĐR môn học (5)** | **Bài đánh giá**  **(6)** |
| **Tuần 1**  **(3 tiết)** | Chương 1. NHẬP MÔN  1.1.Tính cần thiết về sự can thiệp của Chính phủ đối với nền kinh tế  1.2. Chính sách nông nghiệp  1.3. Đối tượng, nhiệm vụ, nội dung và phương pháp nghiên cứu của môn học | Giảng viên:  -Thuyết trình khái quát về nhập môn chính sách.  - Đặt câu hỏi liên quan  Sinh viên: Nghe giảng, trả lời câu hỏi | Đọc: [1] (tr 5-10;)  ***Câu hỏi/vấn đề cần chuẩn bị:***  - Lý do cần thiết về sự can thiệp của nhà nước đối với nền kinh tế?  - Tại sao Chính phủ phải ban hành chính sách nông nghiệp? | CLO1.1  CLO1.2 | A1.1 |
| **Tuần 2**  **(3 tiết)** | **Chương 2**. HOẠCH ĐỊNH CHÍNH SÁCH NÔNG NGHIỆP   * 1. Khái niệm hoạch định chính sách nông nghiệp   2. Căn cứ để hoạch định chính sách nông nghiệp | Giảng viên:  -Thuyết trình khái quát về hoạch định chính sách nông nghiệp  - Đặt câu hỏi liên quan  Sinh viên: Nghe giảng, trả lời câu hỏi | Đọc: [1] (Tr 14-25)  ***Câu hỏi/vấn đề cần chuẩn bị:***  -Căn cứ nào để hoạch định chính sách nông nghiệp? | CLO1.1  CLO1.2 | A1.1 |
| **Tuần 3**  **(3 tiết)** | * 1. Yêu cầu của chính sách nông nghiệp   2. Điều kiện để hoạch định chính sách nông nghiệp | Giảng viên:  -Thuyết trình về các yêu cầu của chính sách  - Đặt câu hỏi liên quan  Sinh viên: Nghe giảng, trả lời câu hỏi | Đọc: [1] (18-25)  ***Câu hỏi/vấn đề cần chuẩn bị:***- Phân tích các yêu cầu đối với chính sách nông nghiệp  - Phân tích các điều kiện hoạch định chính sách nông nghiệp | CLO1.1  CLO1.2 | A1.1 |
| **Tuần 4**  **(3 tiết)** | * 1. Phân loại chính sách nông nghiệp   2. Công cụ để hoạch định chính sách nông nghiệp   3. Trình tự hoạch định chính sách nông nghiệp | Giảng viên:  -Thuyết trình khái quát về cách phân loại chính sách nông nghiệp.  - Đặt câu hỏi liên quan  Sinh viên: Nghe giảng, trả lời câu hỏi | Đọc: [1] (21-25; 28);  ***Câu hỏi/vấn đề cần chuẩn bị:***  -Các bước trong hoạch định chính sách nông nghiệp | CLO1.1  CLO1.2 | A1.1 |
| **Tuần 5**  **(3 tiết)** | **Thảo luận:**  Phân tích các bước trong hoạch định chính sách nông nghiệp | Cho các nhóm tập hợp, thống nhất bài làm của nhóm trong 5-10 phút. Giáo viên điều hành các nhóm trình bày bài của mình (mỗi nhóm 10 phút). Cho các nhóm nhận xét và đặt câu hỏi hoặc bổ sung cho nhau. Giáo viên nhận xét và tổng kết | Đọc: [1] (23-25)  ***Câu hỏi/vấn đề cần chuẩn bị:***  - GV chia nhóm  Yêu cầu SV chuẩn bị từ tuần thứ 3, nạp bài cho GV cuối tuần thừ 4  - Đại diện các nhóm báo cáo vấn đề thảo luận | CLO1.1  CLO1.2  CLO2.1 | A1.2 |
| **Tuần 6**  **( 3 tiết)** | Chương 3. CHÍNH SÁCH NÔNG NGHIỆP ĐIỂN HÌNH TRÊN THẾ GIỚI  3.1. Quá trình phát triển nông nghiệp trên thế giới  3.2. Đặc điểm phát triển nông nghiệp trên thế giới | Giảng viên:  -Phân tích một số chính sách điển hình trên thế giới.  - Đặt câu hỏi liên quan  Sinh viên: Nghe giảng, trả lời câu hỏi | Đọc: [1] (27-45)  **Chuẩn bị:** SV đọc tài liệu và chuẩn bị những vấn đề sau:  - Đặc điểm phát triển nông nghiệp ở các nước phát triển trên thế giới? | CLO1.1  CLO1.2 | A2.1 |
| **Tuần 7**  **(3 tiết)** | 3.3. Một số chính sách nông nghiệp điển hình trên thế giới | Giảng viên:  - Phân tích tác động của một số chính sách  - Đặt câu hỏi liên quan  Sinh viên: Nghe giảng, trả lời câu hỏi | Đọc: [1] (27-45)  **Chuẩn bị:** SV đọc tài liệu và chuẩn bị những vấn đề sau:  -Nêu một số chính sách điển hình tác động trực tiếp và gián tiếp đến phát triển nông nghiệp trên thế giới? | CLO1.1  CLO1.2 | A2.1 |
| **Tuần 8**  **(3 tiết)** | Chương 4. CHÍNH SÁCH NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM  4.1. Các giai đoạn phát triển của nông nghiệp Việt Nam  4.2. Đặc điểm của chính sách nông nghiệp Việt Nam  4.3. Một số chính sách nông nghiệp Việt Nam | Giảng viên:  - Phân tích một số chính sách nông nghiệp điển hình của Việt Nam  - Đặt câu hỏi liên quan  Sinh viên: Nghe giảng, trả lời câu hỏi | Đọc: [1] (46-67)  **Chuẩn bị:** SV đọc tài liệu và chuẩn bị những vấn đề sau:  - Nhiệm vụ chủ yếu trong từng giai đoạn phát triển của các mạng Việt Nam?  - Đặc điểm hoạch định chính sách nông nghiệp ở Việt Nam? | CLO1.1  CLO1.2 | A1.1  A2.1 |
| **Tuần 9**  **(3 tiết)** | Chương 4. CHÍNH SÁCH NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM  4.3. Một số chính sách nông nghiệp Việt Nam (tiếp theo) | Giảng viên:  - Phân tích một số chính sách nông nghiệp điển hình của Việt Nam  - Đặt câu hỏi liên quan  Sinh viên: Nghe giảng, trả lời câu hỏi | Đọc: [1] (46-67)  **Chuẩn bị:** SV đọc tài liệu và chuẩn bị những vấn đề sau:  - Nhiệm vụ chủ yếu trong từng giai đoạn phát triển của các mạng Việt Nam?  - Đặc điểm hoạch định chính sách nông nghiệp ở Việt Nam? | CLO1.1  CLO1.2 | A1.1  A2.1 |
| **Tuần 10**  **(3 tiết)** | Chương 4. CHÍNH SÁCH NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM  4.4. Tổ chức WTO và những chính sách ảnh hưởng đến nông nghiệp Việt Nam  4.5. Hợp tác ASEAN trong lĩnh vực nông nghiệp | Giảng viên:  - Phân tích tác động của một số chính sách nông nghiệp điển hình  - Đặt câu hỏi liên quan  Sinh viên: Nghe giảng, trả lời câu hỏi | Đọc: [1] (51-67)  **Chuẩn bị:** SV đọc tài liệu và chuẩn bị những vấn đề sau:  -Những chính sách nông nghiệp chủ yếu của Việt Nam | CLO1.1  CLO1.2 | A1.1  A2.1 |
| **Tuần 11**  **(3 tiết)** | Chương 5. PHÂN TÍCH CHÍNH SÁCH NÔNG NGHIỆP  5.1. Sự cần thiết phải phân tích chính sách nông nghiệp  5.2.Mục tiêu của phân tích chính sách nông nghiệp  5.3. Nội dung của phân tích chính sách nông nghiệp | Giảng viên:  - Phân tích chính sách nông nghiệp  - Đặt câu hỏi liên quan  Sinh viên: Nghe giảng, trả lời câu hỏi | Đọc: [1] (68-99)  **Chuẩn bị:** SV đọc tài liệu và chuẩn bị những vấn đề sau:  -Tại sao phải phân tích chính sách nông nghiệp? | CLO1.1  CLO1.2 | A1.1  A2.1 |
| **Tuần 12**  **(3 tiết)** | Chương 5. PHÂN TÍCH CHÍNH SÁCH NÔNG NGHIỆP  5.3. Nội dung của phân tích chính sách nông nghiệp  5.4 Các công cụ phân tích chính sách nông nghiệp | Giảng viên:  - Phân tích chính sách nông nghiệp  - Đặt câu hỏi liên quan  Sinh viên: Nghe giảng, trả lời câu hỏi | Đọc: [1] (68-99)  **Chuẩn bị:** SV đọc tài liệu và chuẩn bị những vấn đề sau:  -Tại sao phải phân tích chính sách nông nghiệp?  -Thặng dư người sản xuất và thặng dư người tiêu dùng? | CLO1.1  CLO1.2 | A1.1  A2.1 |
| **Tuần 13**  **(3 tiết)** | Chương 5. PHÂN TÍCH CHÍNH SÁCH NÔNG NGHIỆP  5.5. Trình tự phân tích chính sách nông nghiệp. | Giảng viên:  - Trình bày các mô hình và phương pháp phân tích chính sách nông nghiệp  - Đặt câu hỏi liên quan  Sinh viên: Nghe giảng, trả lời câu hỏi | Đọc: [1] (68-99)  **Chuẩn bị:** SV đọc tài liệu và chuẩn bị những vấn đề sau:  -Giá thế giới và chi phí cơ hội?  -Trình tự các bước trong phân tích chính sách nông nghiệp? | CLO1.1  CLO1.2 | A2.1 |
| **Tuần 14**  **(2 tiết)** | 5.6. Mô hình phân tích chính sách nông nghiệp  5.7. Phương pháp phân tích chính sách nông nghiệp | Giảng viên:  - Tiếp tục trình bày các mô hình và phương pháp phân tích chính sách nông nghiệp  - Đặt câu hỏi liên quan  Sinh viên: Nghe giảng, trả lời câu hỏi | Đọc: [1] (68-99)  **Chuẩn bị:** SV đọc tài liệu và chuẩn bị những vấn đề sau:  -Các mô hình phân tích chính sách nông nghiệp chủ yếu?  -Các phương pháp phân tích chính sách nông nghiệp? | CLO1.1  CLO1.2 | A2.1 |
| **Tuần 15**  **(3 tiết)** | **Thảo luận:**  Áp dụng Phương pháp phân tích dự án để phân tích một chính sách trong thực tiễn | Cho các nhóm tập hợp, thống nhất bài làm của nhóm trong 5-10 phút. Giáo viên điều hành các nhóm trình bày bài của mình (mỗi nhóm 10 phút). Cho các nhóm nhận xét và đặt câu hỏi hoặc bổ sung cho nhau. Giáo viên nhận xét và tổng kết | Đọc: [1] (68-99)  ***Câu hỏi/vấn đề cần chuẩn bị:***  - GV chia nhóm  Yêu cầu SV chuẩn bị từ tuần thứ 13, nạp bài cho GV cuối tuần thừ 14  - Đại diện các nhóm báo cáo vấn đề thảo luận | CLO1.1  CLO1.2  CLO2.1 | A1.2 |

**8. Nhiệm vụ của người học**

***8.1. Phần tự học***

- Nghiên cứu tài liệu, xem các slide/video/website.

- Chủ động tìm các nguồn tài liệu khác liên quan đến nội dung học phần.

- Thảo luận, trao đổi những vấn đề liên quan đến học phần với bạn học/cựu sinh viên/cán bộ tại đơn vị trải nghiệm hoặc các nguồn lực hỗ trợ khác.

- Hoàn thành các bài tập được giao trên LMS.

***8.2. Phần học trên lớp trực tiếp hoặc online với giảng viên***

- Dự lớp ≥ 80% tổng thời lượng của học phần.

- Chủ động, tích cực trong giờ học.

- Phát hiện, đưa ra câu hỏi hoặc vấn đề liên quan đến nội dung học tập.

***8.3. Làm việc nhóm***

- Tham gia xây dựng kế hoạch hoạt động của nhóm.

- Tôn trọng ý kiến và chịu trách nhiệm về kết quả làm việc chung.

- Hoàn thành đầy đủ nhiệm vụ được giao.

**9. Ngày phê duyệt:**

**10. Cấp phê duyệt:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **KT. HIỆU TRƯỞNG**  **PHÓ HIỆU TRƯỞNG** | **VIỆN TRƯỞNG**  **TS. Nguyễn Đình Vinh** | **TRƯỞNG BỘ MÔN**  **TS. Lê Minh Hải** |

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH**  **VIỆN NÔNG NGHIỆP VÀ TÀI NGUYÊN** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

## **ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN CHI TIẾT**

## **THỰC TẬP NGHỀ CHĂN NUÔI – THÚ Y 2**

**(THỰC TẬP CHĂN NUÔI TRÂU BÒ HOẶC GIA CẦM)**

**1. Thông tin tổng quát:**

***1.1. Thông tin về giảng viên***

***Giảng viên 1:Tạ Thị Bình***

Học hàm, học vị: Giảng viên – Tiến sỹ

Địa chỉ liên hệ: Bộ môn Nuôi trồng Thủy sản và Chăn nuôi – Viện Nông nghiệp và Tài Nguyên

Điện thoại, email: : [tathibinhdhv@gmail.com](mailto:tathibinhdhv@gmail.com); ĐT: 0984.596.189

Các hướng nghiên cứu chính:

***Giảng viên 2: Hoàng Thị Mai***

Học hàm, học vị: Giảng viên – Tiến sỹ

Địa chỉ liên hệ: Bộ môn Thủy sản và Chăn nuôi – Viện Nông nghiệp và Tài Nguyên

Điện thoại, email: hoangmaidhv@.gmail.com; ĐT:

Các hướng nghiên cứu chính:

***1.2. Thông tin về học phần:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| - Tên môn học (tiếng Việt): **Đồ án thực tập nghề Chăn nuôi - Thú y 2** (tiếng Anh): | | |
| - Mã số môn học: AHY32018 | | |
| - Thuộc CTĐT ngành: Chăn nuôi | | |
| - Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:  Kiến thức cơ bản  Kiến thức cơ sở ngành  Kiến thức ngành | Học phần chuyên về kỹ năng chung  Học phần dạy học theo hình thức dự án/đồ án  Kiến thức khác | |
| - Thuộc loại học phần: Bắt buộc | Tự chọn | |
| - Số tín chỉ: 6  + Số tiết lý thuyết:  + Số tiết thực hiện đồ án, dự án: 90  + Số tiết tự học: 180 | | |
| - Điều kiện đăng ký học: | |  |
| + Học phần tiên quyết: Chăn nuôi trâu bò  Chăn nuôi gia cầm | | Mã số HP: AHY31013  Mã số HP: AHY30014 |
| + Học phần học trước: Công nghệ sinh sản vật nuôi | | Mã số HP: AHY30015 |
| - Yêu cầu của học phần: Thực hiện theo Quy chế đào tạo của Trường Đại học Vinh. Cụ thể:  + Thời gian tối thiểu sinh viên phải có mặt tại cơ sở thực tập: 100%  + Sinh viên phải nộp đầy đủ báo cáo theo nhóm, nhật ký thực tập cá nhân và báo cáo sau khi hoàn thành thời gian thực tập tại các cơ sở/trạm trại qua hệ thống LMS (Mục 5.1). | | |
| - Bộ môn phụ trách học phần: Thuỷ sản và Chăn nuôi  Điện thoại: Email: | | |

**2. Mô tả học phần**

Sinh viên được gưi thực tập tại các trạm/trại/cơ sở sản xuất Chăn nuôi (gia cầm/trâu bò) tiên tiến trong thời gian 10-12 tuần. Tùy theo cơ sở thực tập, sinh viên nắm vững các công việc cần được thực hiện hàng ngày theo yêu cầu của cơ sở/trại. Tại đây, sinh viên được cung cấp kiến thức thực nghiệm về quy trình kỹ thuật chăm sóc, nuôi dưỡng, vệ sinh thú y và phòng bệnh từng đối tượng (gia cầm/trâu bò); vận dụng, triển khai các kiến thức đã được học vào thực tế chăn nuôi(gia cầm/trâu bò); đồng thời có sự hỗ trợ của cán bộ kỹ thuật, chủ trại, giáo viên hướng dẫn giúp các sinh viên tiếp cận với phương pháp nghiên cứu khoa học, phương pháp bố trí thí nghiệm, xử lý số liệu, viết báo cáo khoa học,… Từ đó, sinh.viên có được các kiến thức thực tế và kỹ năng sống và làm việc. Trong suốt thời gian thực tập, sinh viên phải viết nhật ký thực tập tại các trạm/trại/cơ sở sản xuất làm cơ sở cho việc đánh giá kết quả môn học. Sau thời gian thực tập, sinh viên trở về trường báo cáo kết quả thực tập dựa trên nhận xét đóng góp của trạm/trại/cơ sở và giáo viên hướng dẫn.

**3. Mục tiêu học phần**

Giúp cho sinh viên nâng cao và củng cố kiến thức chuyên môn, tay nghề kỹ thuật, kỹ năng và trình độ sản xuất thực tế tại trạm/trại/cơ sở sản xuất chăn nuôi ((gia cầm/trâu bò); Giúp sinh viên tích lũy đủ kiến thức trong quản lý vật nuôi (gia cầm/trâu bò) và các kỹ thuật chăn nuôi và kiểm soát dịch bệnh tốt. Sinh viên phải nắm rõ công việc cần được thực hiện hàng ngày tại cơ sở/trại chăn nuôi; Củng cố các kiến thức thực tế với lý thuyết đã được trang bị ở trường; có khả năng thực hiện tốt hơn, linh động hơn trong việc quản lý vật nuôi cũng như con người ở trang trại/cơ sở chăn nuôi(gia cầm/trâu bò); Trau dồi kỹ năng làm việc nhóm, khả năng xử lý, kiểm soát và cải thiện các vấn đề các vấn đề trong sản xuất chăn nuôi, giúp vật nuôi (gia cầm/trâu bò) đạt năng suất cao nhất, giảm thải sự ô nhiễm môi trường; Phát huy được vai trò của người học trong việc lập kế hoạch và tổ chức công việc hợp lý, phân tích, đánh giá và giải quyết các vấn đề liên quan đến chăm sóc và quản lý vật nuôi và con người. Rèn luyện cho sinh viên có ý thức trách nhiệm, đạo đức và tác phong nghề nghiệp cao.

**4. Chuẩn đầu ra học phần, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá**

***4.1. Ánh xạ chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo***

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Chuẩn đầu ra học phần** | ***Ánh xạ với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo*** | | | | | | | | | | | | | |
| **PLO1.3** | **PLO2.1** | | **PLO2.2** | | **PLO2.3** | **PLO3.1** | **PLO3.2** | **PLO4.1** | | **PLO4.2** | | **PLO4.3** | |
| 1.3.1 | 2.1.1 | 2.1.2 | 2.2.1 | 2.2.3 | 2.3.2 | 3.1.2 | 3.2.2 | 4.1.1 | 4.1.2 | 4.2.1 | 4.2.2 | 4.3.1 |
| *CLO1.1* | 1,0 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| *CLO2.1* |  | 1,0 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| *CLO2.2* |  |  | 1,0 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| *CLO2.3* |  |  |  | 1,0 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| *CLO2.4* |  |  |  |  | 1,0 |  |  |  |  |  |  |  |  |
| *CLO2.5* |  |  |  |  |  | 1,0 |  |  |  |  |  |  |  |
| *CLO3.1* |  |  |  |  |  |  | 1,0 |  |  |  |  |  |  |
| *CLO3.2* |  |  |  |  |  |  |  | 1,0 |  |  |  |  |  |
| *CLO4.1* |  |  |  |  |  |  |  |  | 1,0 |  |  |  |  |
| *CLO4.2* |  |  |  |  |  |  |  |  |  | 1,0 |  |  |  |
| *CLO4.3* |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | 1,0 |  |  |
| *CLO4.4* |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | 1,0 |  |
| *CLO4.5* |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | 1,0 |

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **CĐR học phần (CLO)** | **TĐNL CĐR**  **học phần** | **Mô tả CĐR học phần** | **Phương pháp dạy học** | **Phương pháp đánh giá** |
| CLO 1.1 | K4 | Áp dụng được các kiến thức đã học để quản lý, xử lý, kiểm soát các quy trình kỹ thuật chăm sóc, nuôi dưỡng, vệ sinh thú y và phòng bệnh từng đối tượng chăn nuôi. | Hướng dẫn/Thực hành/Đồ án/ Tự học | Đánh giá báo cáo tiến độ /Chấm đồ án |
| CLO 2.1 | S4 | Nâng cao khả năng tư duy và giải quyết vấn đề qua quá trình triển khai thực tập nghề chăn nuôi 2 | Hướng dẫn/Thực hành/Đồ án/ Tự học | Đánh giá báo cáo tiến độ /Chấm đồ án |
| CLO 2.2 | A4 | Nâng cao phẩm chất cá nhân và kỹ năng nghề nghiệp qua quá trình triển khai thực tập nghề chăn nuôi –thú y 2 | Thực hành/ Tự học/Đồ án | Đánh giá cơ sở thực tâp, GVHD |
| CLO 2.3 | S3 | Thể hiện thành thạo kỹ thuật chăm sóc, nuôi dưỡng, vệ sinh thú y và phòng bệnh từng đối tượng chăn nuôi. | Hướng dẫn/Thực hành/ Tự học/Đồ án | Đánh giá cơ sở thực tâp, GVHD |
| CLO 3.1 | S4 | Nâng cao khả năng làm việc nhóm, lãnh đạo nhóm qua quá trình triển khai thực tập nghề chăn nuôi 2 | Hướng dẫn/Thực hành/Đồ án/ Tự học | Nhóm tự đánh giá |
| CLO 3.2 | S4 | Vận dụng kỹ năng giao tiếp bằng văn bản, thuyết trình để trình bày kết quả báo cáo. | Hướng dẫn/Thực hành/Đồ án/ Tự học | Đánh giá báo cáo tiến độ Chấm đồ án |
| CLO 4.1 | C4 | Xác định được vai trò của chăn nuôi trâu bò/gia cầm trong bối cảnh của xã hôi, doanh nghiệp | Hướng dẫn/Thực hành/Đồ án/ Tự học | Đánh giá báo cáo tiến độ /Chấm đồ án |
| CLO 4.2 | C4 | Xác định được vai trò của chăn nuôi trâu bò/gia cầm trong bối cảnh doanh nghiệp | Hướng dẫn/Thực hành/Đồ án/ Tự học | Đánh giá báo cáo tiến độ /Chấm đồ án |
| CLO 4.3 | C4 | Hình thành ý tưởng, thiết kế được quy trình kỹ thuật chăm sóc, nuôi dưỡng, vệ sinh thú y và phòng bệnh từng đối tượng chăn nuôi. | Hướng dẫn/Thực hành/Đồ án/ Tự học | Đánh giá báo cáo tiến độ /Chấm đồ án |
| CLO 4.4 | C4 | Triển khai được quy trình kỹ thuật chăm sóc, nuôi dưỡng, vệ sinh thú y và phòng bệnh từng đối tượng chăn nuôi. | Hướng dẫn/Thực hành/Đồ án/ Tự học | Đánh giá báo cáo tiến độ /Chấm đồ án |
| CLO 4.5 | C4 | Vận hành quy trình kỹ thuật chăm sóc, nuôi dưỡng, vệ sinh thú y và phòng bệnh từng đối tượng chăn nuôi | Hướng dẫn/Thực hành/Đồ án/ Tự học | Chấm đồ án |

*Ghi chú:*

*- Khi đối sánh với CĐR CTĐT, cần ghi rõ trình độ năng lực (TĐNL) phân nhiệm cho học phần bằng số tương ứng trong ngoặc đơn.*

*- TĐNL được ký hiệu bằng chữ số chẵn tương ứng: 1, 2, 3, 4, 5 (Phụ lục 1)*

*- Ví dụ về phương pháp dạy học: Thuyết trình, bài tập, thảo luận, làm việc nhóm, nghiên cứu tình huống, thực hành, đồ án/dự án, tự học/tự nghiên cứu…*

*- Ví dụ về phương pháp đánh giá:**Trắc nghiệm, tự luận, vấn đáp, thực hành, biểu diễn, bài tập lớn, phỏng vấn, quan sát, hồ sơ học tập, chấm đồ án/dự án…*

**5. Đánh giá học tập và các bộ tiêu chí đánh giá**

***5.1. Đánh giá học tập***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Bài đánh giá** | **Hình thức đánh giá và lưu hồ sơ** | **Công cụ đánh giá** | **CĐR học phần** | **Tỷ lệ cho bài đánh giá** | **Tỷ lệ**  **cho học phần** |
| **A1. Đánh giá thường xuyên** | |  |  |  | **50%** |
| A1.1. Đánh giá nhận xét của cơ sở thực tập | Đánh giá nhận xét của cơ sở thực tập | Rubric 1 | CLO2.2 | 50% | 15% |
| CLO2.3 | 50% |
| A1.2. Đánh giá nhận xét của GVHD | Đánh giá nhận xét của GVHD | Rubric 1 | CLO2.2 | 50% | 15% |
| CLO2.3 | 50% |
| A1.3. Đánh giá tiến độ đồ án | . Đánh giá tiến độ đồ án | Rubric 2 | CLO1.1 | 10% | 20% |
| CLO2.1 | 10% |
| CLO 3.2 | 10% |
| CLO4.1 | 10% |
| CLO4.2 | 10% |
| CLO4.3 | 30% |
| CLO4.4 | 20% |
| **A2. Đánh giá cuối kỳ** | |  |  |  | **50%** |
| A2.1. Hội đồng đánh giá kết thúc đồ án | Đánh giá chung của hội đồng đánh giá đồ án/dự án | Rubric 2 | CLO 2.1 | 10% | 40% |
| CLO 3.2 | 10% |
| CLO4.1 | 10% |
| CLO4.2 | 10% |
| CLO4.4 | 20% |
| CLO4.5 | 40% |
| A2.2. Nhóm tự đánh giá đồ án | Nhóm tự đánh giá sự đóng góp của các thành viên cho đồ án | Rubric 3 | CLO2.3 | 100% | 10% |
| **Công thức tính điểm tổng kết:**  **Điểm TKHP = A1.1x0,15 + A1.2x0,15 + A1.3x0,20 + A2.1x0,4 + A2.2x0,1** | | | | | | |

***5.2. Các bộ tiêu chí đánh giá***

***5.2.1. Rubric 1 cho bài đánh giá A1.1 và A1.2***

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **CĐR** | **Nội dung đánh giá** | **Trọng số bài A1.1** | **Trọng số bài A1.2** | **Mức độ đánh giá** | | | | | **Điểm** |
| **A** | **B** | **C** | **D** | **F** |
| **8.5 - 10** | **7.0 - 8.4** | **5.5 - 6.9** | **4,0 -5,4** | **< 4,0** |
| **CLO 2.2**  **Nâng cao phẩm chất cá nhân và kỹ năng nghề nghiệp qua quá trình triển khai thực tập nghề chăn nuôi –thú y 2** | **Ý thức, trách nhiệm khi tham gia hoạt động nghề nghiệp** | 15 | 15 | Ý thức, trách nhiệm cao khi tham gia hoạt động nghề nghiệp | Ý thức, trách nhiệm khá cao khi tham gia hoạt động nghề nghiệp | Ý thức, trách nhiệm khi tham gia hoạt động nghề nghiệp | Ý thức, trách nhiệm khi tham gia hoạt động nghề nghiệp đang còn thấp | Ý thức, trách nhiệm thấp hoặc không tham gia hoạt động nghề nghiệp |  |
| **Mức độ tham gia hoạt động học tập, nghề nghiệp** | 25 | 25 | Tham gia hoạt động học tập, nghề nghiệp với tần suất cao | Tham gia hoạt động học tập, nghề nghiệp tần suất khá cao | Tham gia hoạt động học tập, nghề nghiệp | Tham gia hoạt động học tập, nghề nghiệp tần suất thấp | Không tham gia hoạt động học tập, nghề nghiệp |  |
| **Lập kế hoạch học tập** | 10 | 10 | Có khả năng lập được kế hoạch học tập ở mức độ chi tiết, rõ ràng | Có khả năng lập được kế hoạch học tập ở mức độ khá rõ ràng | Có khả năng lập được kế hoạch học tập | Có khả năng lập được kế hoạch học tập chưa hợp lý | Chưa có khả năng lập được kế hoạch học tập |  |
| **CLO 2.3**  **Thể hiện thành thạo kỹ thuật chăm sóc, nuôi dưỡng, vệ sinh thú y và phòng bệnh từng đối tượng chăn nuôi.** | **Chuẩn bị kiến thức, đối tượng, cơ sở vật chất** | 10 | 10 | Có sự chuẩn bị đầy đủ về kiến thức, đối tượng, cơ sở vật chất | Có sự chuẩn bị khá đầy đủ về kiến thức, đối tượng, cơ sở vật chất | Có sự chuẩn bị về kiến thức, đối tượng, cơ sở vật chất | Có sự chuẩn bị về kiến thức, đối tượng, cơ sở vật chất còn thiếu | Chưa có sự chuẩn bị về kiến thức hoặc đối tượng hoặc cơ sở vật chất |  |
| **Kỹ thuật thao tác thực hành sản xuất** | 20 | 20 | Thành thạo kỹ thuật thao tác thực hành sản xuất | Kỹ thuật thao tác thực hành sản xuất ở mức độ khá | Kỹ thuật thao tác thực hành sản xuất ở mức độ cơ bản | Kỹ thuật thao tác thực hành sản xuất ở mức độ thấp | Kỹ thuật thao tác thực hành sản xuất ở mức độ thấp |  |
| **Đánh giá kết quả thực hành sản xuất** | 20 | 20 | Đạt kết quả thực hành sản xuất cao | Đạt kết quả thực hành sản xuất khá cao | Có kết quả thực hành sản xuất | Có một số ít kết quả thực hành sản xuất | Chưa có kết quả thực hành sản xuất |  |
| **TỔNG** | |  |  |  |  |  |  |  |  |

***5.2.2. Rubric 1 cho bài đánh giá A1.3 và A2.1***

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **CĐR** | **Nội dung đánh giá** | **Trọng số bài A1.1** | **Trọng số bài A1.2** | **Mức độ đánh giá** | | | | | **Điểm** |
| **A** | **B** | **C** | **D** | **F** |
| **8.5 - 10** | **7.0 - 8.4** | **5.5 - 6.9** | **4,0 -5,4** | **< 4,0** |
| **CLO1.1**  **Áp dụng được các kiến thức đã học để quản lý, xử lý, kiểm soát các quy trình kỹ thuật chăm sóc, nuôi dưỡng, vệ sinh thú y và phòng bệnh từng đối tượng chăn nuôi.** | **Xác định được đối tượng nghiên cứu.** | 5 |  | Xác định được đối tượng nghiên cứu mới, phù hợp | Xác định được đối tượng nghiên phù hợp | Xác định được đối tượng nghiên cứu | Xác định được đối tượng nghiên cứu nhưng không phù hợp với điều kiện cơ sở | Không xác định được đối tượng nghiên cứu |  |
| **Xác định yếu tố tác động đến đối tượng nghiên cứu** | 5 |  | Xác định được yếu tố ảnh hưởng ở mức độ cao | Xác định được yếu tố ảnh hưởng ở mức độ khã cao | Xác định được yếu tố ảnh hưởng ở mức độ cơ bản | Xác định được yếu tố ảnh hưởng ở mức độ thấp | Không xác định được yếu tố ảnh hưởng |  |
| **CLO 2.1**  **Nâng cao khả năng tư duy và giải quyết vấn đề trong quá quá trình triển khai thực tập nghề chăn nuôi – thú y 2** | **Tìm hiểu, xác định vấn đề** | 2 | 2 | Xác định rõ ràng vấn đề nghiên cứu | Xác định được vấn đề nghiên cứu | Cơ bản xác định được vấn đề nghiên cứu | xác định được vấn đề nghiên cứu chung chung | Không xác định được vấn đề nghiên cứu |  |
| **Lập kế hoạch và giải pháp quyết vấn đề** | 4 | 4 | Có khả năng tư duy để lập được kế hoạch và đưa ra các giải pháp quyết vấn đề ở mức tốt | Có khả năng tư duy để lập được kế hoạch và đưa ra giải pháp quyết vấn đề ở mức khá | Có khả năng tư duy để lập được kế hoạch và đưa ra giải pháp quyết vấn đề ở mức cơ bản | Có khả năng tư duy để lập được kế hoạch và đưa ra giải pháp quyết vấn đề ở mức thấp | Không có khả năng tư duy để lập được kế hoạch và giải pháp quyết vấn đề |  |
| **Đánh giá kết quả đạt được** | 4 | 4 | Đánh giá kết quả đạt được ở mức tốt | Đánh giá kết quả đạt được ở mức khá | Đánh giá kết quả đạt được ở mức cơ bản | Đánh giá kết quả đạt được ở mức thấp | Không đánh giá được kết quả đạt được |  |
| **CLO 3.2**  **Thể hiện kỹ năng giao tiếp bằng văn bản, thuyết trình để trình bày kết quả báo cáo** | **Nội dung, trình tự bài thuyết trình** | 2 | 2 | - Chủ đề trình bày liên quan và có trọng tâm - Nội dung phù hợp và chính xác chủ đề trình bày liên quan và có trọng tâm | -Chủ đề trình bày liên quan và có trọng tâm  - Nội dung có một số phần chưa chính xác | -Chủ đề trình bày liên quan và có trọng tâm  - Nội dung có nhiều phần chưa chính xác | -Chủ đề trình bày không trọng tâm  - Nội dung có nhiều phần chưa chính xác | -Chủ đề trình bày không trọng tâm, không liên quan  - Nội dung có nhiều phần chưa chính xác |  |
| **Hình thức trình bày** | 2 | 2 | -Slide trình bày với bố cục rõ ràng, hợp lý  - Trình bày các thuật ngữ, hình ảnh, bảng biểu, sơ đồ dễ hiểu | -Slide trình bày phù hợp  - Trình bày các thuật ngữ, hình ảnh, bảng biểu, sơ đồ hợp lý | - Slide trình bày phù hợp  - Trình bày hình ảnh, bảng biểu, sơ đồ hợp lý  - Dùng một số thuật ngữ khó hiểu, đưa nhiều nội dung vào slide | - Slide trình bày phù hợp  -Sử dụng một số hình ảnh, bảng biểu, sơ đồ không liên quan  - Dùng một số thuật ngữ khó hiểu, đưa nhiều nội dung vào slide | Slide không đảm bảo chất lượng theo yêu cầu |  |
| **Kỹ năng trình bày** | 3 | 3 | Nói rõ, tự tin, thuyết phục, báo quát, thu hút được toàn bộ người nghe tốt | Nói mạch lạc những không thu hút người nghe khá tốt, khá bao quát | Nói chưa rõ, thiếu tự tin, chưa bao quát, ít giao lưu với người nghe | Nói nhỏ, không tự tin, không giao lưu với người nghe | Không trình bày được |  |
| **Trả lời câu hỏi** | 3 | 3 | -Biết phân tích và trả lời đầy đủ, ngắn gọn liên quan trực tiếp đến câu hỏi  - Tự tin khi trả lời | -Trả lời ngắn gọn và phù hợp  - Tự tin khi trả lời | -Câu trả lời tập trung vào câu hỏi  - Hơi thiếu tự tin khi trả lời | Câu trả lời không rõ  ràng, ít liên quan đến câu hỏi  - Thiếu tự tin khi trả  lời | Không trả lời được bất kỳ câu hỏi nào hoặc trả lời sai |  |
| **CLO4.1**  **Xác định được vai trò của chăn nuôi gia cầm/trâu bò trong bối cảnh của xã hôi** | **Nhận biết bối của xã hội** | 10 | 10 | Có minh chứng từ thực tiễn | Có tìm hiểu từ thực tiễn | Có tìm hiểu từ tài liệu tham khảo | Có tìm hiểu nhưng không thể hiện được | Không tìm hiểu |  |
| **CLO4.1**  **Xác định được vai trò của chăn nuôi gia cầm/trâu bò trong bối cảnh của doanh nghiệp** | **Nhận biết vai trò của chăn nuôi gia cầm/trâu bò trong bối cảnh của doanh nghiệp,** | 10 | 10 | Có minh chứng từ thực tiễn | Có tìm hiểu từ thực tiễn | Có tìm hiểu từ tài liệu tham khảo | Có tìm hiểu nhưng không thể hiện được | Không tìm hiểu |  |
| **CLO 4.3**  **Hình thành ý tưởng, thiết kế quy trình kỹ thuật chăm sóc, nuôi dưỡng, vệ sinh thú y và phòng bệnh từng đối tượng chăn nuôi.** | **Hình thành ý tưởng** | 10 |  | Đề xuất được ý tưởng mới và khả thi | Đề xuất được ý tưởng có tính ứng dụng cao, chưa mới | Đề xuất được ý tưởng nhưng không mới | Đề xuất được ý tưởng nhưng không khả thi | Không đề xuất được ý tưởng |  |
| **Thiết kế mô hình thí nghiệm** | 20 |  | Thiết kế được mô hình thí nghiệm đầy đủ và phù hợp | Thiết kế được mô hình thí nghiệm khá đầy đủ và phù hợp | Thiết kế được mô hình thí nghiệm nhưng chưa đủ | Thiết kế được mô hình thí nghiệm nhưng không phù hợp | Không thiết kế được mô hình thí nghiệm |  |
| **CLO 4.4**  **Triển khai quy trình kỹ thuật chăm sóc, nuôi dưỡng, vệ sinh thú y và phòng bệnh từng đối tượng chăn nuôi.** | **Triển khai mô hình thí nghiệm** | 20 | 20 | Triển khai mô hình thí nghiệm ở mức độ hoàn chỉnh | Triển khai mô hình thí nghiệm ở mức độ khá | Triển khai mô hình thí nghiệm ở mức độ cơ bản | Triển khai mô hình thí nghiệm ở mức độ thấp | Không triển khai được mô hình thí nghiệm |  |
| **CLO 4.3**  **Vận hành quy trình kỹ thuật chăm sóc, nuôi dưỡng, vệ sinh thú y và phòng bệnh từng đối tượngchăn nuôi tại nơi thực tập.** | **Đánh giá sản phẩm đạt được từ mô hình thí nghiệm** |  | 20 | Các tiêu chí đạt được phù hợp ở mức độ cao | Các tiêu chí đạt được phù hợp ở mức độ khá | Các tiêu chí đạt được phù hợp ở mức độ cơ bản. | Các tiêu chí đạt được phù hợp ở mức độ thấp. | Các tiêu chí đạt được không phù hợp |  |
| **Vận hành quy trình sản xuất tại cơ sở thực tập** |  | 20 | Hiểu biết và vận hành quy trình sản xuất tại cơ sở thực tập ở mức độ cao | Hiểu biết và vận hành quy trình sản xuất tại cơ sở thực tập ở mức độ khá | Hiểu biết và vận hành quy trình sản xuất tại cơ sở thực tập ở mức độ cơ bản | Hiểu biết và vận hành quy trình sản xuất tại cơ sở thực tập ở mức độ thấp | Không hiểu biết và không vận vận hành quy trình sản xuất tại cơ sở thực tập |  |
| **Tổng** | |  |  |  |  |  |  |  |  |

***5.2.3. Rubric 3 cho bài đánh A2.2***

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **CĐR** | **Nội dung đánh giá** | **Trọng số bài A2.2**  **(%)** | **Mức độ đánh giá** | | | | | **Điểm** |
| **A** | **B** | **C** | **D** | **F** |
| **8.5 - 10** | **7.0 - 8.4** | **5.5 - 6.9** | **4,0 -5,4** | **< 4,0** |
| **CLO3.1**  **Nâng cao khả năng làm việc nhóm, lãnh đạo nhóm quá trình triển khai thực tập nghề chăn nuôi –thú y 2** | **Tổ chức nhóm** | 30 | Tham gia đầy đủ, tích cực các cuộc hợp nhóm | Tham gia đầy đủ các hoạt động nhóm. | Tham gia còn thiếu một số ít hoạt động | Chỉ tham gia một số ít hoạt động | Không tham gia |  |
| Nhiệm vụ được phân công rõ ràng, đầy đủ cho các thành viên trong nhóm | Nhiệm vụ được phân công khá rõ ràng, đầy đủ cho các thành viên trong nhóm | Nhiệm vụ được phân công cho các thành viên trong nhóm đầy đủ | Nhiệm vụ được phân công cho các thành viên trong nhóm chưa đầy đủ | Chưa có sự phân công nhiệm vụ |  |
| **Hợp tác nhóm** | 40 | Chủ động tạo ra sự tương tác tích cực thực hiện nhiệm vụ | Chủ động tạo ra sự tương tác khá tích cực thực hiện nhiệm vụ | Tương tác thực hiện nhiệm vụ ở mức cơ bản | Còn bị động, phụ thuộc trong sử dụng các phương thức làm việc nhóm | Thụ động trong việc tương tác với các thành viên |  |
| - Trao đổi, chia sẻ và chấp nhận các ý tưởng trong thực hiện nhiệm vụ với các thành viên ở mức độ cao | - Trao đổi và chấp nhận các ý tưởng trong thực hiện nhiệm vụ với các thành viên mức độ khá | Trao đổi, chia sẻ và chấp nhận các ý tưởng trong thực hiện nhiệm vụ với các thành viên ở mức độ cơ bản | Trao đổi và chấp nhận các ý tưởng trong thực hiện nhiệm vụ với các thành viên ở mức độ thấp | Không trao đổi, chia sẻ trong nhóm |  |
| - Chủ động kết nối, sử dụng các phương thức làm việc nhóm hiệu quả cao | - Chủ động kết nối, sử dụng các phương thức làm việc nhóm hiệu quả khá cao | Kết nối, sử dụng các phương thức làm việc nhóm hiệu quả cơ bản | Kết nối, sử dụng các phương thức làm việc nhóm hiệu quả thấp | Bị động trong kết nối, không hiệu quả |  |
| **Thảo luận nhóm** | 30 | Đề xuất, sáng kiến để đạt được tốt mục tiêu, kết quả nhóm | Đề xuất, sáng kiến để đạt được khá tốt mục tiêu, kết quả nhóm | Đề xuất, sáng kiến để đạt được mục tiêu, kết quả nhóm ở mức cơ bản | Đề xuất, sáng kiến để đạt được mục tiêu, kết quả nhóm thấp | Chưa có các đề xuất, sáng kiến |  |
| **Tổng** | |  |  |  |  |  |  |  |

**6. Tài liệu học tập**

**6.1. Tài liệu bắt buộc:**

1. Nguyễn Hùng Nguyệt (2021). Kỹ thuật chăn nuôi lợn. Nhà xuất bản Hà Nội, 236tr

# 2. Trương Hữu Dũng, Phạm Đình Thắm, Trần văn Thăng (2018). Giáo trình phương pháp thí nghiệm trong chăn nuôi thú y. Nhà xuất bản Nông nghiệp, 160tr

**6.2 Tài liệu tham khảo:**

3. Võ Thị Trà An, Lê Thanh Hiền, Dương Huy Đồng, Hồ Thị Kim Hoa, Nguyễn Tiến Thành, Nghiên cứu khoa học trong chăn nuôi thú y, NXB Đại học quốc gia TPHCM

4. Vũ Đình Tôn, Trần Thị Thuận (2006) Giáo trình chăn nuôi lợn - NXB Hà Nội

5. Nguyễn Xuân Trạch, Đỗ Đức Lực (2016), Phân tích số liệu thí nghiệm và công bố kết quả nghiên cứu chăn nuôi, Nhà xuất bản ĐH Nông nghiệp

**7. Kế hoạch dạy học**

**Phần 1. Tìm hiểu sản xuất tại cơ sở thực tập**

**Phần 2: Thực hành sản xuất tại cơ sở thực tập**

**Phần 3: Đồ án**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tuần** | **Nội dung công việc** | **Địa điểm/ không gian thực hiện** | **Hoạt động của sinh viên** | **Kết quả cần đạt được** | **Bài đánh giá** | **CĐR học phần** |
| 1 | 1.1 Tìm hiểu cơ sở thực tập  - Vị trí địa lý  - Nhân sự  - Tổ chức  - Hệ thống chuồng trại chăn nuôi (gia cầm/trâu bò), hệ thống xử lý chất thải.  -Tình hình chăn nuôi (gia cầm/trâu bò) của trại trong những năm gần đây  3.1. Khảo sát thực tế đưa ra kế hoach thực hiện đồ án thực tập cho cá nhân/nhóm | Cơ sở thực tập | -SV tìm hiểu về cơ sở thực tập: Vị trí địa lý, cơ cấu tổ chức, tình hình chăn nuôi, cơ sở vật chất, yêu cầu về nội quy, quy định của cơ sở.  - Quan sát, hỏi cán bộ trai, GVHD, đọc các tài liệu liên quan để đưa ra được kế hoach thực hiện đồ án.  - SV ghi nhật ký thực tập, số liệu | - Nắm được vị trí địa lý, cơ cấu tổ chức, tình hình chăn nuôi, cơ sở vật chất, yêu cầu về nội quy, quy định của cơ sở.  - Đưa ra được kế hoạch thực hiện đồ án. | A1.1  A1.2  A1.3  A2.2 | CLO1.1  CLO2.1  CLO2.2  CLO3.1  CLO4.1  CLO4.2  CLO4.3 |
| 2 | 1.2. Tìm hiểu hệ thống quản lý trang trại chăn nuôi (gia cầm/trâu bò  - Quản lý nhân sự  - Quản lý giống  - Quản lý đàn  1.3.Tìm hiểu quy trình kỹ thuật chăm sóc, nuôi dưỡng các đối tượng (gia cầm/trâu bò.  - Thức ăn  - Nước uống  - Kỹ thuật chăm sóc, nuôi dưỡng  3.2. Xác định tên, mục tiêu, nội dung và phương pháp triển khai đồ án thực tập cho cá nhân/ nhóm | Cơ sở thực tập | - SV tìm hiểu thực tế về hệ thống quản lý trang trại chăn nuôi gia cầm/trâu bò của cơ sở; Tìm hiểu quy trình kỹ thuật chăm sóc, nuôi dưỡng các đối tượng gia cầm/trâu bò mà cơ sở đang triển khai  - Đọc các tài liệu liên quan để hoàn thiện đề cương cho đồ án  -Xác định vấn đề nghiên cứu và đề xuất được tên đề tài, mục tiêu, nội dung.  - SV ghi nhật ký thực tập, số liệu | - Tìm hiểu được về hệ thống quản lý trang trại chăn nuôi gia cầm/trâu bò của cơ sở và quy trình kỹ thuật chăm sóc, nuôi dưỡng các đối tượng gia cầm/trâu bò mà cơ sở đang triển khai  - Xác định được vấn đề nghiên cứu  - Đề xuất được tên đề tài, mục tiêu, nội dung. | A1.1  A1.2  A1.3  A2.2 | CLO1.1  CLO2.1  CLO2.2  CLO3.1  CLO4.1  CLO4.2  CLO4.3 |
| 3 | 1.4. Tìm hiểu quy trình vệ sinh thú y, phòng bệnh từng đối tượng (gia cầm/trâu bò).  - Công tác vệ sinh  - Quy trình tiêm thuốc và vacxin cho từng đối tượng (gia cầm/trâu bò).  1.5.Tìm hiểu các quy trình xử lý chất thải.  3.3. Hoàn thiện đề cương đồ án cá nhân/nhóm | Cơ sở thực tập | - SV tìm hiểu thực tế về các quy trình vệ sinh thú y, phòng bệnh từng đối tượng gia cầm/trâu bò mà cơ sở áp dụng.  -SV đọc tài liệu để hoàn thiện đề cương đồ án  - SV ghi nhật ký thực tập, số liệu. | - SV tìm hiểu được các quy trình vệ sinh thú y, phòng bệnh từng đối tượng gia cầm/trâu bò mà cơ sở áp dụng.  - Xây dựng được đề cương đồ án | A1.1  A1.2  A1.3  A2.2 | CLO1.1  CLO2.1  CLO2.2  CLO2.3  CLO3.1  CLO4.1  CLO4.2  CLO4.3 |
| 4 | 2.1.Thực hành kỹ thuật chăn nuôi (gia cầm/trâu bò) sinh sản tại cơ sở (1)  2.2.Thực hành kỹ thuật âp trứng gia cầm và nuôi gia cầm con/ chăn nuôi bê nghé (1)  2.3.Thực hành kỹ thuật chăn nuôi gia cầm thịt/ trâu bò sữa / trâu bò thịt (1)  3.4.Triển khai đồ án cá nhân/nhóm (1) | Cơ sở thực tập | - SV thực hiện các thao tác kỹ thuật theo góp ý, hướng dẫn của cán bộ CS.  - SV thực hiện đồ án.  - SV ghi nhật ký thực tập, số liệu. | -Thực hiện được các thao tác kỹ thuật theo góp ý, hướng dẫn của cán bộ CS.  - Tiến hành được các tiểu thí nghiệm. | A1.1  A1.2  A1.3  A2.1  A2.2 | CLO1.1  CLO2.1  CLO2.2  CLO2.3  CLO3.1  CLO4.4  CLO4.5 |
| 5 | 2.1.Thực hành kỹ thuật chăn nuôi (gia cầm/trâu bò) sinh sản tại cơ sở (2)  2.2.Thực hành kỹ thuật âp trứng gia cầm và nuôi gia cầm con/ chăn nuôi bê nghé (2)  2.3.Thực hành kỹ thuật chăn nuôi gia cầm thịt/ trâu bò sữa / trâu bò thịt (2)  3.4.Triển khai đồ án cá nhân/nhóm (2) | Cơ sở thực tập | - SV thực hiện các thao tác kỹ thuật theo góp ý, hướng dẫn của cán bộ CS.  - SV thực hiện đồ án.  - SV ghi nhật ký thực tập, số liệu. | -Thực hiện được các thao tác kỹ thuật theo góp ý, hướng dẫn của cán bộ CS.  -Theo dõi, vận hành được thí nghiệm đồ án.  -Ghi nhận được số liệu của các chỉ tiêu thí nghiệm. | A1.1  A1.2  A1.3  A2.1  A2.2 | CLO1.1  CLO2.1  CLO2.2  CLO2.3  CLO3.1  CLO4.4  CLO4.5 |
| 6 | .1.Thực hành kỹ thuật chăn nuôi (gia cầm/trâu bò) sinh sản tại cơ sở (3)  2.2.Thực hành kỹ thuật âp trứng gia cầm và nuôi gia cầm con/ chăn nuôi bê nghé (3)  2.3.Thực hành kỹ thuật chăn nuôi gia cầm thịt/ trâu bò sữa / trâu bò thịt (3)  3.4.Triển khai đồ án cá nhân/nhóm (3) | Cơ sở thực tập | - SV thực hiện các thao tác kỹ thuật theo góp ý, hướng dẫn của cán bộ CS.  - SV thực hiện đồ án.  -Thu thập số liệu và báo cáo thông tin cho GVHD  - SV ghi nhật ký thực tập, số liệu | - Thực hiện được các kỹ thuật theo góp ý, hướng dẫn của Cán bộ CS.  -Theo dõi, vận hành được thí nghiệm đồ án.  -Ghi nhận được số liệu của các chỉ tiêu thí nghiệm. | A1.1  A1.2  A2.1  A2.2 | CLO1.1  CLO2.1  CLO2.2  CLO2.3  CLO3.1  CLO4.4  CLO4.5 |
| 7 | 2.1.Thực hành kỹ thuật chăn nuôi (gia cầm/trâu bò) sinh sản tại cơ sở (4)  2.2.Thực hành kỹ thuật âp trứng gia cầm và nuôi gia cầm con/ chăn nuôi bê nghé (4)  2.3.Thực hành kỹ thuật chăn nuôi gia cầm thịt/ trâu bò sữa / trâu bò thịt (4)  3.4.Triển khai đồ án cá nhân/nhóm (4) | Cơ sở thực tập | - SV thực hiện các thao tác kỹ thuật theo góp ý, hướng dẫn của cán bộ CS.  - SV thực hiện đồ án.  -Thu thập số liệu và báo cáo thông tin cho GVHD  - SV ghi nhật ký thực tập, số liệu | - Thực hiện được các kỹ thuật theo góp ý, hướng dẫn của Cán bộ CS.  -Theo dõi, vận hành được thí nghiệm đồ án.  -Ghi nhận được số liệu của các chỉ tiêu thí nghiệm. | A1.1  A1.2  A2.1  A2.2 | CLO1.1  CLO2.1  CLO2.2  CLO2.3  CLO3.1  CLO4.4  CLO4.5 |
| 8 | 2.1.Thực hành kỹ thuật chăn nuôi (gia cầm/trâu bò) sinh sản tại cơ sở (5)  2.2.Thực hành kỹ thuật âp trứng gia cầm và nuôi gia cầm con/ chăn nuôi bê nghé (5)  2.3.Thực hành kỹ thuật chăn nuôi gia cầm thịt/ trâu bò sữa / trâu bò thịt (5)  3.4.Triển khai đồ án cá nhân/nhóm (5) | Cơ sở thực tập | - SV thực hiện các thao tác kỹ thuật theo góp ý, hướng dẫn của cán bộ CS.  - SV thực hiện đồ án.  -Thu thập số liệu và báo cáo thông tin cho GVHD  - SV ghi nhật ký thực tập, số liệu | - Thực hiện được các kỹ thuật theo góp ý, hướng dẫn của Cán bộ CS.  -Theo dõi, vận hành được thí nghiệm đồ án.  -Ghi nhận được số liệu của các chỉ tiêu thí nghiệm. | A1.1  A1.2  A1.3  A2.2 | CLO1.1  CLO2.1  CLO2.2  CLO2.3  CLO3.1  CLO4.4  CLO4.5 |
| 9 | .1.Thực hành kỹ thuật chăn nuôi (gia cầm/trâu bò) sinh sản tại cơ sở (6)  2.2.Thực hành kỹ thuật âp trứng gia cầm và nuôi gia cầm con/ chăn nuôi bê nghé (6)  2.3.Thực hành kỹ thuật chăn nuôi gia cầm thịt/ trâu bò sữa / trâu bò thịt (6)  3.4.Triển khai đồ án cá nhân/nhóm (6) | Cơ sở thực tập | - SV thực hiện các thao tác kỹ thuật theo góp ý, hướng dẫn của cán bộ CS.  - SV thực hiện đồ án.  -Thu thập số liệu và báo cáo thông tin cho GVHD  - SV ghi nhật ký thực tập, số liệu | - Thực hiện được các kỹ thuật theo góp ý, hướng dẫn của Cán bộ CS.  -Theo dõi, vận hành được thí nghiệm đồ án.  -Ghi nhận được số liệu của các chỉ tiêu thí nghiệm. | A1.1  A1.2  A2.1  A2.2 | CLO1.1  CLO2.1  CLO2.2  CLO2.3  CLO3.1  CLO4.4  CLO4.5 |
| 10 | 1.6.Viết và báo cáo kết quả tìm hiểu cơ sở thực tập  2.4.Viết và báo cáo kết quả thực hành sản xuất  3.5.Xử lý số liệu và viết báo cáo đồ án cá nhân/nhóm | Cơ sở thực tập | - Sinh viên tổng hợp số liệu trên hệ thống sản xuất để viết báo cáo tìm hiểu cơ sở thực tập và thực hành sản xuất.  - SV viết và hoàn thiện báo cáo đồ án  - Hoàn thiện hồ sơ thực tập cần thiết  -Báo cáo cho CBCS, GVHD, về kết quả thu được. | - Viết và hoàn thiện các báo cáo yêu cầu.  -Tổng hợp được số liệu, phân tích, so sánh và kết luận kết quả, thí nghiệm viết báo cáo.  - Hoàn thiện hồ sơ thực tập cần thiết | A1.1  A1.2  A2.1  A2.2 | CLO1.1  CLO2.1  CLO2.2  CLO4.5 |
| 11 | 2.5. Báo cáo kết quả thực hành sản xuất  3.6. Báo cáo kết quả đồ án cá nhân/nhóm | Theo phân công của bộ môn | -Báo cáo kết quả cho cán bộ chuyên môn và giảng viên | Hoàn thành thực tâp | A1.1  A1.2  A2.1  A2.2 | CLO1.1  CLO2.1  CLO2.2  CLO3.1  CLO3.2  CLO4.5 |

**8. Nhiệm vụ của người học**

***8.1. Phần tự học***

- Nghiên cứu tài liệu, xem các slide/video/website.

- Chủ động tìm các nguồn tài liệu khác liên quan đến nội dung thực tập

- Thảo luận, trao đổi những vấn đề liên quan đến học phần với bạn học/cựu sinh viên/cán bộ tại đơn vị trải nghiệm hoặc các nguồn lực hỗ trợ khác.

- Hoàn thành các bài tập được giao trên LMS.

***8.2. Phần thực tập***

- Tham dự thực tập ≥ 80% tổng thời lượng

- Chủ động, tích cực trong giờ học.

- Phát hiện, đưa ra câu hỏi hoặc vấn đề liên quan đến nội dung thực tập

***8.3. Làm việc nhóm***

- Tham gia xây dựng kế hoạch hoạt động của nhóm.

- Tôn trọng ý kiến và chịu trách nhiệm về kết quả làm việc chung.

- Hoàn thành đầy đủ nhiệm vụ và sản phẩm dự án được giao.

**9. Ngày phê duyệt:**

**10. Cấp phê duyệt:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **KT. HIỆU TRƯỞNG**  **PHÓ HIỆU TRƯỞNG** | **VIỆN TRƯỞNG**  **TS. NGUYỄN ĐÌNH VINH** | **TRƯỞNG BỘ MÔN**  **TS. LÊ MINH HẢI** |

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH**  **VIỆN NÔNG NGHIỆP VÀ TÀI NGUYÊN**  **----------------------------** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**  **-------------------------** |

## **ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN CHI TIẾT**

## **Marketing trong nông nghiệp**

**1. Thông tin tổng quát:**

***1.1. Thông tin về giảng viên***

***Giảng viên 1:* Nguyễn Tài Toàn**

Học hàm, học vị: Tiến sĩ, GVC

Địa chỉ liên hệ: 182 Lê Duẩn, TP Vinh, Nghệ An

Điện thoại: 0946.777.676 Email: toannguyentai@gmail.com

Các hướng nghiên cứu chính: Chọn tạo giống cây trồng, Nghiên cứu bảo tồn và phát triển nguồn gen cây trồng; Nghiên cứu và phát triển nguồn gen dược liệu; Hoàn thiện quy trình kỹ thuật canh tác cho cây trồng và cây dược liệu; Phát triển thương hiệu các sản phẩm OCOP.

***Giảng viên 2:*** **Nguyễn Đình Vinh**

Học hàm, học vị: Tiến sĩ

Địa chỉ liên hệ: 182 Lê Duẩn, TP Vinh, Nghệ An

Điện thoại: 0914.970.709 Email: vinhnguyendinhdhv@gmail.com

Các hướng nghiên cứu chính: Dinh dưỡng và thức ăn động vật thủy sản; Nghiên cứu bảo tồn và phát triển nguồn gen các loại động vật thủy sản; Nghiên cứu về công nghệ sản xuất giống thủy sản

***1.2. Thông tin về học phần:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| - Tên học phần (tiếng Việt): **Marketing trong nông nghiệp**  (tiếng Anh): Agricultural Marketing | | |
| - Mã số học phần: AQU20002 | | |
| - Thuộc CTĐT ngành: Nuôi trồng thủy sản; Nông học; Chăn nuôi, Chăn nuôi – Thú Y | | |
| - Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:  Kiến thức cơ bản  Kiến thức cơ sở ngành  Kiến thức ngành | Học phần chuyên về kỹ năng chung  Học phần dạy học theo hình thức dự án/đồ án  Kiến thức khác | |
| - Thuộc loại học phần: Bắt buộc | Tự chọn | |
| - Số tín chỉ: (*đối với học phần có dự án/đồ án có ít nhất tối thiểu 4 tín chỉ*)  + Số tiết lý thuyết: 30  + Số tiết thực hiện đồ án, dự án: 30  + Số tiết tự học: 120 | | |
| - Điều kiện đăng ký học: | |  |
| + Học phần tiên quyết: | | Mã số HP: |
| + Học phần học trước: | | Mã số HP: |
| - Yêu cầu của học phần: Thực hiện theo Quy chế đào tạo của Trường Đại học Vinh. Cụ thể:  + Thời gian tối thiểu sinh viên phải có mặt trên lớp: > 75%  + Sinh viên phải nộp đầy đủ bài tập, báo cáo… qua hệ thống LMS (Mục 5.1). + Tham gia đầy đủ các nội dung liên quan đến bài giảng. | | |
| - Bộ môn phụ trách học phần: Thủy sản và chăn nuôi  Điện thoại: 0912.383.216 Email: minhhaidhv@gmail.com | | |

**2. Mô tả học phần**

Học phần này cung cấp các kiến thức cơ bản về hoạt động marketing của doanh nghiệp trong nông nghiệp như môi trường và vai trò của marketing; định hướng hoạt động marketing kinh doanh nông nghiệp; xây dựng chiến lược phát triển, phân phối và hỗ trợ marketing sản phẩm; các hành vi marketing xuất khẩu các sản phẩm nông lâm thủy sản và một số bài học kinh nghiệm của Việt Nam trong quá trình marketing các loại sản phẩm nông lâm thủy sản chủ yếu.

**3. Mục tiêu học phần**

**CO1.** Trình bày quá trình marketing mục tiêu và các chính sách marketing của doanh nghiệp; sự tác động của môi trường marketing và đưa ra được các chính sách marketing trong phát triển các sản phẩm nông lâm thủy sản.

**CO2.** Phát triển kỹ năng làm việc độc lập, chuyên nghiệp, giao tiếp để giải quyết các vấn đề thực tiễn thể hiện ý thức đạo đức, trách nhiệm nghề nghiệp, phát triển năng lực tự học, học tập nâng cao trình độ và học tập suốt đời.

**CO3.** Có kỹ năng tư duy sáng tạo, khả năng thích ứng với sự phức tạp của môi trường và phát triển các mối quan hệ xã hội trong kinh doanh; Có khả năng làm việc trong các nhóm đa ngành, thuyết trình hiệu quả và hành xử chuyên nghiệp

**CO4.** Nhận thức đúng đắn về vai trò của hoạt động marketing và các chính sách Marketing – mix đối với hoạt động của doanh nghiệp/tổ chức

**4. Chuẩn đầu ra học phần, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá**

***4.1. Ánh xạ chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo***

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **CĐR học phần** | **Ánh xạ với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo** | | | | | | |
| **PLO1.1** | **PLO2.1** | **PLO3.2** | **PLO4.1** | | **PLO4.2** | |
| 1.3.3 | 2.1.1 | 3.2.2 | 4.1.1 | 4.1.2 | 4.2.1 | 4.2.2 |
| CLO 1.1 | 1,0 |  |  |  |  |  |  |
| CLO 2.1 |  | 1,0 |  |  |  |  |  |
| CLO 3.1 |  |  | 0,5 |  |  |  |  |
| CLO 3.2 |  |  | 0,5 |  |  |  |  |
| CLO 4.1 |  |  |  | 1,0 | 1,0 |  |  |
| CLO 4.2 |  |  |  |  |  | 1,0 | 1,0 |

***4.2. Nội dung chuẩn đầu ra, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá học phần***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **CĐR học phần (CLO)** | **TĐNL CĐR**  **học phần** | **Mô tả CĐR học phần** | **Phương pháp dạy học** | **Phương pháp đánh giá** |
| CLO1.1 | 4.0 | Vận hành và quản lý các trang thiết bị, hệ thống sản xuất, marketing và kinh doanh dịch vụ Nông nghiệp (trồng trọt, thủy sản, chăn nuôi, thú Y). | Hướng dẫn  Tự học/tự nghiên cứu | Trắc nghiệm |
| CLO2.1 | 4.0 | Đạo đức, trách nhiệm, thái độ hành xử chuyên nghiệp, tinh thần hợp tác trong hoạt động nghề nghiệp, sẵn sàng chấp nhận thử thách và rủi ro trong sản xuất, kinh doanh. | Làm việc nhóm  Nghiên cứu tình huống | Rubric 1  Rubric 2 |
| CLO3.1 | 4.0 | Tổ chức, hoạt động, phát triển và lãnh đạo nhóm | Thuyết trình  Hướng dẫn  Nghiên cứu tình huống | Trắc nghiệm  Đồ án (Rubric 2) |
| CLO3.2 | 4.0 | Áp dụng thành thạo giao tiếp bằng văn bản và đa phương tiện | Hướng dẫn  Đồ án | Trắc nghiệm  Đồ án (Rubric 2) |
| CLO4.1 | 4.0 | Hình thành ý tưởng, lập kế hoạch về hoạt động sản xuất, kinh doanh thủy sản, chăn nuôi và trồng trọt. | Hướng dẫn  Đồ án | Rubric 2 |
| CLO4.2 | 3.5 | Quản lý quá trình triển khai | Hướng dẫn  Đồ án | Rubric 2 |

**5. Đánh giá học tập và các bộ tiêu chí đánh giá**

***5.1. Đánh giá học tập***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Bài đánh giá** | **Hình thức đánh giá, minh chứng và lưu hồ sơ** | **Công cụ đánh giá** | **CĐR học phần** | **Tỷ lệ cho bài đánh giá** | **Tỷ lệ**  **cho học phần** |
| **A1. Đánh giá quá trình** | |  |  |  | **50%** |
| A1.1. | Bài tập trắc nghiệm trên LMS | Đáp án | CLO1.1 | 100% | 15% |
| A1.2. | Bài tập nhóm, GV chấm điểm | Đáp án | CLO2.1 | 60% | 15% |
| CLO3.1 | 40% |
| A1.3. | Đánh giá tiến độ đồ án | Rubric 1 | CLO1.1 | 20% | 20% |
| CLO2.1 | 20% |
| CLO 3.1 | 30% |
| CLO4.1 | 30% |
| **A2. Đánh giá cuối kỳ** | |  |  |  | **50%** |
| A2.1. | Đánh giá chung của hội đồng chấm đồ án/dự án | Rubric 1 | CLO 2.1 | 10% | 35% |
| CLO3.1 | 10% |
| CLO3.2 | 10% |
| CLO4.1 | 30% |
| CLO4.2 | 40% |
| A2.2. | Nhóm tự đánh giá sự đóng góp của các thành viên cho đồ án | Rubric 2 | CLO2.1 | 50% | 15% |
| CLO3.1 | 50% |  |
| **Công thức tính điểm tổng kết:**  **Điểm TKHP = A1.1x0,15 + A1.2x0,15 + A1.3x0,20 + A2.1x0,35 + A2.2x0,15** | | | | | | |

***5.2. Các bộ tiêu chí đánh giá***

***5.2.1. Rubric 1: Đánh giá bài A1.2***

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **CĐR** | **Nội dung đánh giá** | **Trọng số bài A1.2 (%)** | **Mức độ đánh giá** | | | | |  |
| **A** | **B** | **C** | **D** | **F** | **Điểm** |
| **8.5 - 10** | **7.0 - 8.4** | **5.5 - 6.9** | **4,0 -5,4** | **< 4,0** |
| **CLO2.1**  Có khả năng phân tích, lập luận, giải thích được hoạch định và đánh giá tác động của chính sách nông nghiệp | Tìm hiểu, xác định vấn đề | 10 | Xác định rõ ràng vấn đề nghiên cứu | Xác định được vấn đề nghiên cứu | Cơ bản xác định được vấn đề nghiên cứu | xác định được vấn đề nghiên cứu chung chung | Không xác định được vấn đề nghiên cứu |  |
| Lập kế hoạch và giải pháp quyết vấn đề | 20 | Có khả năng tư duy để lập được kế hoạch và đưa ra các giải pháp quyết vấn đề ở mức tốt | Có khả năng tư duy để lập được kế hoạch và đưa ra giải pháp quyết vấn đề ở mức khá | Có khả năng tư duy để lập được kế hoạch và đưa ra giải pháp quyết vấn đề ở mức cơ bản | Có khả năng tư duy để lập được kế hoạch và đưa ra giải pháp quyết vấn đề ở mức thấp | Không có khả năng tư duy để lập được kế hoạch và giải pháp quyết vấn đề |  |
| Đánh giá kết quả đạt được | 10 | Đánh giá kết quả đạt được ở mức tốt | Đánh giá kết quả đạt được ở mức khá | Đánh giá kết quả đạt được ở mức cơ bản | Đánh giá kết quả đạt được ở mức thấp | Không đánh giá được kết quả đạt được |  |
| **CLO3.1.**  Tổ chức, hoạt động, phát triển và lãnh đạo nhóm |  | 60 | Có kỹ năng tốt thực hiện yêu cầu môn học | Có kỹ năng thực hiện yêu cầu môn học ở mức khá | Cơ bản có kỹ năng thực hiện yêu cầu môn học | Kỹ năng thực hiện yêu cầu môn học ở mức độ thấp | Không có kỹ năng thực hiện yêu cầu môn học |  |
| **Tổng** | | | | | | | |  |

***5.2.2. Rubric 2 cho bài đánh A2.2***

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **CĐR** | **Nội dung đánh giá** | **Trọng số bài A2.2** | **Mức độ đánh giá** | | | | | **Điểm** |
| **A** | **B** | **C** | **D** | **F** |
| **8.5 - 10** | **7.0 - 8.4** | **5.5 - 6.9** | **4,0 -5,4** | **< 4,0** |
| **CLO2.2**  **Thể hiện đạo đức, trách nhiệm khi thực hiện giải quyết các vấn đề** | Ý thức, trách nhiệm khi tham gia hoạt động nhóm | 25 | Ý thức, trách nhiệm cao khi tham gia hoạt động nhóm | Ý thức, trách nhiệm khá cao khi tham gia hoạt động nhóm | Ý thức, trách nhiệm khi tham gia hoạt động nhóm | Ý thức, trách nhiệm khi tham gia hoạt động nhóm đang còn thấp | Ý thức, trách nhiệm thấp hoặc không tham gia hoạt động nhóm |  |
| Mức độ tham gia hoạt động nhóm | 25 | Tham gia hoạt động học tập, nhóm với tần suất cao | Tham gia hoạt động học tập, nhóm tần suất khá cao | Tham gia hoạt động học tập, nhóm | Tham gia hoạt động học tập, nhóm tần suất thấp | Không tham gia hoạt động nhóm |  |
| **CLO3.1**  **Phát triển kỹ năng tổ chức nhóm để giải quyết các vấn đề đặt ra** | Tổ chức nhóm | 10 | Tham gia đầy đủ, tích cực các cuộc hợp nhóm | Tham gia đầy đủ các hoạt động nhóm. | Tham gia còn thiếu một số ít hoạt động | Chỉ tham gia một số ít hoạt động | Không tham gia |  |
| Nhiệm vụ được phân công rõ ràng, đầy đủ cho các thành viên trong nhóm | Nhiệm vụ được phân công khá rõ ràng, đầy đủ cho các thành viên trong nhóm | Nhiệm vụ được phân công cho các thành viên trong nhóm đầy đủ | Nhiệm vụ được phân công cho các thành viên trong nhóm chưa đầy đủ | Chưa có sự phân công nhiệm vụ |  |
| Hoạt động, hợp tác nhóm | 10 | Chủ động tạo ra sự tương tác tích cực thực hiện nhiệm vụ | Chủ động tạo ra sự tương tác khá tích cực thực hiện nhiệm vụ | Tương tác thực hiện nhiệm vụ ở mức cơ bản | Còn bị động, phụ thuộc trong sử dụng các phương thức làm việc nhóm | Thụ động trong việc tương tác với các thành viên |  |
| - Trao đổi, chia sẻ và chấp nhận các ý tưởng trong thực hiện nhiệm vụ với các thành viên ở mức độ cao | - Trao đổi và chấp nhận các ý tưởng trong thực hiện nhiệm vụ với các thành viên mức độ khá | Trao đổi, chia sẻ và chấp nhận các ý tưởng trong thực hiện nhiệm vụ với các thành viên ở mức độ cơ bản | Trao đổi và chấp nhận các ý tưởng trong thực hiện nhiệm vụ với các thành viên ở mức độ thấp | Không trao đổi, chia sẻ trong nhóm |  |
| - Chủ động kết nối, sử dụng các phương thức làm việc nhóm hiệu quả cao | - Chủ động kết nối, sử dụng các phương thức làm việc nhóm hiệu quả khá cao | Kết nối, sử dụng các phương thức làm việc nhóm hiệu quả cơ bản | Kết nối, sử dụng các phương thức làm việc nhóm hiệu quả thấp | Bị động trong kết nối, không hiệu quả |  |
| **Thảo luận nhóm** | 20 | Đề xuất, sáng kiến để đạt được tốt mục tiêu, kết quả nhóm | Đề xuất, sáng kiến để đạt được khá tốt mục tiêu, kết quả nhóm | Đề xuất, sáng kiến để đạt được mục tiêu, kết quả nhóm ở mức cơ bản | Đề xuất, sáng kiến để đạt được mục tiêu, kết quả nhóm thấp | Chưa có các đề xuất, sáng kiến |  |

**6. Tài liệu học tập**

**6.1. Tài liệu bắt buộc:**

1. Vũ Đình Thắng, *Giáo trình Marketing nông nghiệp,* Trường Đại học Kinh tế quốc dân, Nxb. Thống kê, 2013.

2. Nguyễn Nguyên Cự, M*arketing nông nghiệp*, Trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội, Nxb. Nông nghiệp, 2010

* 1. **Tài liệu tham khảo:**

3. Trần Minh Đạo, *Giáo trình* *Marketing căn bản*, Nxb. Đại học Kinh tế Quốc dân, 2013.

4. Ngô Minh Cách, Đào Thị Minh Thanh (Đồng chỉ biên), *Giáo trình Marketing căn bản,* Nxb. Tài chính, 2008.

**7. Kế hoạch dạy học**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tuần, số tiết** | **Nội dung** | **Hình thức tổ chức dạy học** | **Yêu cầu SV chuẩn bị** | **CĐR học phần** | **Bài đánh giá** |
| **1**  **(3 tiết)** | * 1. **CÁC KHÁI NIỆM CƠ BẢN VỀ MARKETING, ĐẶC ĐIỂM VÀ CHỨC NĂNG CỦA MARKETING NÔNG NGHIỆP**   2. 1.1. Hiểu biết chung về Marketing   3. 1.2. Một số khái niệm cơ bản   4. 1.3. Các quan điểm định hướng kinh doanh   5. 1.4. Đặc điểm và chức năng của marketing nông nghiệp | Sử dụng các hình thức dạy sau:  - Viết nhanh: nhận biết của sinh viên về các hoạt động marketing mà sinh viên đã được biết và đã tiếp xúc trong thực tiễn.  - Phát vấn: Gv đặt câu hỏi cho SV trả lời và ngược laị (nếu có) về các vấn đề liên quan.  - Thuyết giảng kết hợp với bài giảng slile  - Điển cứu: đưa ra một số tình huống điển hình trên thực tế về các nội dung của chương. | - Chuẩn bị giáo trình chính và tài liệu tham khảo.  - Vở ghi chép cá nhân  - Vở bài tập nhóm và sổ theo dõi các thành viên của nhóm trưởng  - Lập email group của từng nhóm/ hoặc ứng dụng CNTT để tạo group khác của nhóm và kết nối với giáo viên  - Sinh viên đọc trước các nội dung ở Giáo trình chính 1 từ trang 1-16; giáo trình chính 2 từ trang 14-29 về các nội dung: Quá trình ra đời của hoạt động marketing; Các thuật ngữ liên quan đến marketing; Các loại hình marketing; Vai trò và chức năng của marketing. | CLO1.1 | A1.1 |
| **2**  **(3 tiết)** | **CHƯƠNG 2. THỊ TRƯỜNG CÁC SẢN PHẨM NÔNG LÂM THỦY SẢN VÀ ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG MARKETING KINH DOANH NÔNG NGHIỆP**  2.1. Khái niệm vai trò và chức năng của thị trường 2.2. Đặc điểm cung cầu thị trường các sản phẩm nông lâm thủy sản  2.3. Môi trường marketing nông nghiệp  2.4. Thị trường người tiêu dùng và hành vi mua hàng của người tiêu dùng sản phẩm nông nghiệp  2.5. Thị trường các doanh nghiệp nông nghiệp  2.6. Phân khúc thị trường lựa chọn thị trường mục tiêu | - Địa điểm: Nhà học theo Nhà Trường sắp xếp  - Thuyết giảng kết hợp với bài giảng slile  - Phát vấn  - Viết nhanh:  - Phân tích hướng dẫn  - Điển cứu: đưa ra một số tình huống điển hình trên thực tế về các nội dung của chương.  - Tranh luận: Gv đưa ra chủ đề tranh luận | - Đọc trước nội dung trong giáo trình chính 1 trang 17-44, giáo trình chính 2 trang 59 – 84 về các nội dung sau:  + Khái niệm môi trường marketing  + Môi trường marketing vi mô  - Môi trường marketing vĩ mô  - Sản phẩm/ý tưởng mà nhóm dự định sẽ nghiên cứu các tác động của môi trường lên hoạt động marketing của nó. | CLO1.1 | A1.1 |
| **3**  **(3 tiết)** | **CHƯƠNG 3. CHIẾN LƯỢC SẢN PHẨM TRONG KINH DOANH NÔNG NGHIỆP**  3.1. Sản phẩm hàng hoá và đặc điểm của sản phẩm hàng hoá nông nghiệp  3.2. Các quyết định marketing về chiến lược sản phẩm hàng hoá trong kinh doanh nông nghiệp  3.3. Chu kỳ sống của sản phẩm  3.4. Một số chiến lược sản phẩm được áp dụng trong kinh doanh nông nghiệp | - Địa điểm: Nhà học theo Nhà Trường sắp xếp  - Thuyết giảng kết hợp với bài giảng slile  - Viết nhanh  - Phát vấn  - Tranh luận  - Phân tích hướng dẫn  - Điển cứu  **-** Cuối buổi học giao câu hỏi các nhóm chuẩn bị ở nhà và thuyết trình trên lớp:Thiết lập chính sách sản phẩm cho sản phẩm/dịch vụ mà nhóm lưạ chọn (đặc tính, nhãn hiệu, bao bì và dịch vụ). | - Đọc trước nội dung trong giáo trình chính 1 trang 45-65 về các nội dung sau:  + Sản phẩm hàng hoá và đặc điểm của sản phẩm hàng hoá nông nghiệp  + Các quyết định marketing về chiến lược sản phẩm hàng hoá trong kinh doanh nông nghiệp  + Chu kỳ sống của sản phẩm  + Một số chiến lược sản phẩm được áp dụng trong kinh doanh nông nghiệp  - Tìm hiểu về chiến lược sản phẩm của một doanh nghiệp cụ thể từ mạng internet hoặc từ nguồn khác mà sinh viên có thể khai thác. | CLO1.1  CLO2.1 | A1.1 |
| **4**  **(3 tiết)** | **CHƯƠNG 4. CHIẾN LƯỢC GIÁ CẢ CÁC SẢN PHẨM NÔNG LÂM THỦY SẢN TRONG KINH DOANH NÔNG NGHIỆP**  4.1. Giá cả và vai trò của giá cả kinh doanh nông nghiệp  4.2. Các yếu tố ảnh hưởng đến giá cả hàng hoá  4.3. Tiến trình xác định mức giá ban đầu  4.4. Các kiểu chiến lược giá  4.**5.** Chủ động và phản ứng đối với sự thay đổi giá và hạn chế rủi ro trong kinh doanh nông nghiệp | - Địa điểm: Nhà học theo Nhà Trường sắp xếp  - Thuyết giảng kết hợp với bài giảng slile  - Viết nhanh  - Phát vấn  - Tranh luận  - Phân tích hướng dẫn  - Điển cứu  **Giao đồ án và báo cáo tại tuần thứ 15:** Tiến hành nghiên cứu thị trường và lập kế hoạch marketing – mix cho ý tưởng kinh doanh về sản phẩm/dịch vụ mà nhóm lựa chọn. | - Đọc trước nội dung trong giáo trình chính 1 trang 66-86 về các nội dung sau:  + Giá cả và vai trò của giá cả kinh doanh nông nghiệp  + Các kiểu chiến lược giá  + Chủ động và phản ứng đối với sự thay đổi giá và hạn chế rủi ro trong kinh doanh nông nghiệp  - Đọc Nghị định số 30/2018/NĐ-CP ngày 07/3/2018 của Chính phủ.  - Tra cứu các chiến lược về giá để thương mại hóa sản phẩm | CLO1.1  CLO2.1 | A1.1  A1.2. |
| **5**  **(3 tiết)** | **CHƯƠNG 5. CHIẾN LƯỢC PHÂN PHỐI SẢN PHẨM NÔNG LÂM THỦY SẢN**  5.1. Một số vấn đề chung  5.2. Cấu trúc kênh phân phối và các loại kênh phân phối  5.3. Quyết định lựa chọn kênh phân phối  5.4. Quản trị kênh phân phối sản phẩm hàng hoá nông nghiệp | - Địa điểm: Nhà học theo Nhà Trường sắp xếp  - Thuyết giảng kết hợp với bài giảng slile  - Viết nhanh  - Phát vấn  - Tranh luận  - Phân tích hướng dẫn  - Điển cứu | - Đọc trước nội dung trong giáo trình chính 1 trang 87-99, tài liệu tham khảo 1 trang 405-474, tài liệu tham khảo 2 trang 241 – 274 về các nội dung:  + Khái niệm kênh phân phối  + Cấu trúc và tổ  chức kênh phân phối  + Cách thức lựa chọn và quản lý kênh phân phối  - Các quyết định về lưu thông hàng hóa vật chất  - Các quyết định marketing cho các doanh nghiệp bán buôn và bán lẻ  - Tìm hiểu về cấu trúc kênh phân phối của một doanh nghiệp cụ thể từ mạng internet hoặc từ nguồn khác mà sinh viên có thể khai thác  - Sản phẩm/dịch vụ của nhóm | CLO1.1  CLO2.1 | A1.1  A1.2 |
| **6**  **(3 tiết)** | **CHƯƠNG 6. CHIẾN LƯỢC HỖ TRỢ MARKETING KINH DOANH NÔNG NGHIỆP**  6.1.Khái quát về chiến lược hỗ trợ marketing kinh doanh nông nghiệp  6.2. Các hình thức hoạt động hỗ trợ marketing của doanh nghiệp kinh doanh nông nghiệp  6.3. Các hình thức hoạt động hỗ trợ marketing kinh doanh nông nghiệp của chính phủ | - Địa điểm: Nhà học theo Nhà Trường sắp xếp  - Thuyết trình  - Hướng dẫn | - Đọc trước nội dung trong giáo trình chính 1 trang 100-119, tài liều tham khảo 1 trang 475-555, tài liệu tham khảo 2 trang 275 – 302 về các nội dung:  + Khái niệm về truyền thông marketing  + Các công cụ truyền thông marketing  - Tìm hiểu các hình thức truyền thông của một doanh nghiệp cụ thể nào đó trên thị trường.  - Sản phẩm/dịch vụ của nhóm  **Nhiệm vụ nhóm trưởng:** Nộp **s**ổ theo dõi các thành viên của nhóm trưởng, đánh giá các thành viên trong nhóm về chuyên cần, thái độ, mức độ làm bài tập thảo luận và bài thu hoạch của nhóm cho giảng viên. | CLO1.1  CLO2.1  CLO3.1 | A1.2  A1.3 |
| **7**  **(3 tiết)** | **CHƯƠNG 7. MARKETING DỊCH VỤ TRONG SẢN XUẤT KINH DOANH NÔNG NGHIỆP**  7.1. Khái niệm, phân loại và đặc điểm của dịch vụ  7.2. Dịch vụ khách hàng vấn đề trung tâm của marketing dịch vụ trong doanh nghiệp nông nghiệp  7.3. Sơ lược về dịch vụ sản xuất nông nghiệp Việt Nam | -- Địa điểm: Nhà học theo Nhà Trường sắp xếp  - Thuyết trình  -Hướng dẫn | - Đọc trước nội dung trong giáo trình chính 1 trang 120-131 về các nội dung: Dịch vụ khách hàng vấn đề trung tâm của marketing dịch vụ trong doanh nghiệp nông nghiệp  - Tìm hiểu về chiến lược marketing dịch vụ của một doanh nghiệp cụ thể từ mạng internet hoặc từ nguồn khác mà sinh viên có thể khai thác. | CLO1.1  CLO2.1  CLO3.1 | A1.2  A1.3 |
| **8**  **(3 tiết)** | **CHƯƠNG 8. MARKETING XUẤT KHẨU CÁC SẢN PHẨM NÔNG LÂM THỦY SẢN**  8.1. Marketing xuất khẩu các sản phẩm nông lâm thủy sản  8.2. Nghiên cứu, lựa chọn thị trường xuất khẩu các sản phẩm nông lâm thủy sản và phương thức thâm nhập  8.3. Lựa chọn phương thức thâm nhập thị trường xuất khẩu các sản phẩm nông lâm thủy sản  8.4. Các quyết định marketing mix trên thị trường xuất khẩu các sản phẩm nông lâm thủy sản | - Địa điểm: Nhà học theo Nhà Trường sắp xếp  - Hướng dẫn  - Thảo luận  - Điển cứu | - Đọc trước nội dung trong giáo trình chính 1 trang 132-147 về các nội dung: Nghiên cứu, lựa chọn thị trường xuất khẩu các sản phẩm nông lâm thủy sản và phương thức thâm nhập  - Tìm hiểu về cách thức lựa chọn thị trường của một doanh nghiệp cụ thể, xây dựng bài học kinh nghiệm | CLO2.1  CLO3.1  CLO3.2  CLO4.1  CLO4.2 | A1.3  A2.1  A2.2 |
| **9**  **(3 tiết)** | **CHƯƠNG 9. MARKETING MỘT SỐ SẢN PHẨM NÔNG LÂM THỦY SẢN CHỦ YẾU CỦA VIỆT NAM**  9.1. Marketing kinh doanh lúa gạo  9.**2.** Marketing kinh doanh cà phê  9.3. Marketing kinh doanh rau quả ở Việt Nam  9.4. Marketing kinh doanh thủy sản ở Việt Nam  9.5. Marketing kinh doanh ngành chăn nuôi ở Việt Nam | - Địa điểm: Nhà học theo Nhà Trường sắp xếp  - Thuyết trình  - Hướng dẫn  - Điển cứu  **-** Cuối buổi học các nhóm chuẩn thuyết trình trên lớp thực trạng xuất nhập khẩu các mặt hàng nông lâm thủy sản Việt Nam | - Đọc trước nội dung trong giáo trình chính 1 trang 148-160 về nội dung: Nghiên cứu, lựa chọn thị trường xuất khẩu các sản phẩm nông lâm thủy sản và phương thức thâm nhập  - Chuẩn bị trước nội dung: Đánh giá thực trạng xuất nhập khẩu các mặt hàng nông lâm thủy sản Việt Nam trong 20 năm qua. | CLO2.1  CLO3.1  CLO3.2  CLO4.1  CLO4.2 | A1.3  A2.1  A2.2 |
| **10**  **(3 tiết)** | **CHƯƠNG 10. TỔ CHỨC BỘ MÁY HOẠT ĐỘNG MARKETING VÀ ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG MARKETING TRONG DOANH NGHIỆP**  10.1. Các hình thức tổ chức bộ máy hoạt động marketing trong doanh nghiệp  10.2. Xây dựng ngân sách marketing  10.3. Tổ chức kiểm tra đánh giá hoạt động marketing trong doanh nghiệp | - Địa điểm: Nhà học theo Nhà Trường sắp xếp  - Thuyết trình  - Hướng dẫn | - Đọc trước nội dung trong giáo trình chính 1 trang 161-166 về các nội dung: Xây dựng ngân sách marketing và Tổ chức kiểm tra đánh giá hoạt động marketing trong doanh nghiệp  - Đánh giá chi phí Marketing của một số sản phẩm nông lâm thủy sản cụ thể mà sinh viên có thể khai thác từ các nguồn tài liệu có sẵn hoặc doanh nghiệp cụ thể. | CLO2.1  CLO3.1  CLO3.2  CLO4.1  CLO4.2 | A1.3  A2.1  A2.2 |

**8. Nhiệm vụ của người học**

***8.1. Phần tự học***

- Nghiên cứu tài liệu, xem các slide/video/website.

- Chủ động tìm các nguồn tài liệu khác liên quan đến nội dung học phần.

- Thảo luận, trao đổi những vấn đề liên quan đến học phần với bạn học/cựu sinh viên/cán bộ tại đơn vị trải nghiệm hoặc các nguồn lực hỗ trợ khác.

- Hoàn thành các bài tập được giao trên LMS.

***8.2. Phần học trên lớp trực tiếp hoặc online với giảng viên***

- Dự lớp ≥ 80% tổng thời lượng của học phần.

- Chủ động, tích cực trong giờ học.

- Phát hiện, đưa ra câu hỏi hoặc vấn đề liên quan đến nội dung học tập.

***8.3. Làm việc nhóm, thực hiện đồ án môn học***

- Tham gia xây dựng kế hoạch hoạt động của nhóm.

- Tôn trọng ý kiến và chịu trách nhiệm về kết quả làm việc chung.

- Hoàn thành đầy đủ nhiệm vụ và sản phẩm dự án được giao.

**9. Ngày phê duyệt:**

**10. Cấp phê duyệt:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **KT. HIỆU TRƯỞNG**  **PHÓ HIỆU TRƯỞNG** | **VIỆN TRƯỞNG**  **TS. Nguyễn Đình Vinh** | | **TRƯỞNG BỘ MÔN**  **TS. Lê Minh Hải** |
| **TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH**  **VIỆN NÔNG NGHIỆP VÀ TÀI NGUYÊN** | | | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** | | |  |

## **ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN CHI TIẾT**

## **Nhập môn Nông Lâm Ngư và Môi trường**

**QUẢN LÝ CHẤT THẢI CHĂN NUÔI**

**1. Thông tin tổng quát:**

***1.1. Thông tin về giảng viên***

1. ***Giảng viên 1:* Nguyễn Thị Thanh**

Học hàm, học vị: Giảng viên – Tiến sĩ

Địa chỉ liên hệ: Bộ môn Nuôi trồng Thủy sản và Chăn nuôi – Viện Nông nghiệp và Tài Nguyên

Điện thoại: 0984806773, Email: nguyenthithanhnln@gmail.com

Các hướng nghiên cứu chính:

* Quản lý môi trường, chất thải chăn nuôi
* Sinh lý động vật

***Giảng viên 2:* Phạm Mỹ Dung**

Học hàm, học vị: Giảng viên – Tiến sĩ

Địa chỉ liên hệ: Bộ môn Nuôi trồng Thủy sản và Chăn nuôi – Viện Nông nghiệp và Tài Nguyên

Điện thoại: 0948231430, Email: phammydungnln@gmail.com

Các hướng nghiên cứu chính:

- Vệ sinh chăn nuôi

- Quản lý chất thải chăn nuôi

***1.2. Thông tin về học phần:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| - Tên học phần (tiếng Việt): **Quản lý chất thải chăn nuôi**  (tiếng Anh): Animal wastes management | | |
| - Mã số học phần: AHY30020 | | |
| - Thuộc CTĐT ngành: **Chăn nuôi** | | |
| - Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:  Kiến thức cơ bản  Kiến thức cơ sở ngành  Xx  **Kiến thức ngành** | Học phần chuyên về kỹ năng chung  Kiến thức khác | |
| - Thuộc loại học phần: **Bắt buộc**  x | Tự chọn | |
| - Số tín chỉ: | |  |
| + Số tiết lý thuyết: 24 | |  |
| + Số tiết thảo luận/bài tập: 6 | |  |
| + Số tiết thực hành: 0 | |  |
| + Số tiết tự học: 60 | |  |
| - Điều kiện đăng ký học: | |  |
| + Học phần tiên quyết: Cơ sở quản lí tài nguyên và môi trường | | Mã số HP: ANR20004 |
| + Học phần học trước: Vệ sinh chăn nuôi | | Mã số HP: AHY30011 |
| - Yêu cầu của học phần: Thực hiện theo Quy chế đào tạo của Trường Đại học Vinh. Cụ thể:  + Thời gian tối thiểu sinh viên phải có mặt trên lớp: 80%  + Sinh viên phải nộp đầy đủ bài tập, báo cáo… qua hệ thống LMS (Mục 5.1). + Tham gia đầy đủ các bài thực hành. | | |
| - Bộ môn phụ trách học phần: Thủy sản và Chăn nuôi  Điện thoại: Email: | | |

**2. Mô tả học phần**

Quản lý chất thải chăn nuôi cung cấp cho sinh viên hiểu biết cơ bản về quá trình phát sinh các dạng chất thải; số lượng thành phần chất thải; tác hại của chất thải tới sức khỏe vật nuôi và môi trường sống; các biện pháp quản lý chất thải đảm bảo hệ sinh thái an toàn và phát triển chăn nuôi bền vững. Đồng thời, môn học sẽ giúp người học có kỹ năng làm việc nhóm, hợp tác nhóm; Áp dụng kỹ thuật thao tác trong phòng thí nghiệm và thực địa trong chăn nuôi.

**3. Mục tiêu học phần**

**CO1.** Trình bày những kiến thức cơ bản về quá trình phát sinh các dạng chất thải trong chăn nuôi; Hiểu được số lượng và thành phần các chất thải cũng như tác hại của chất thải tới sức khỏe vật nuôi và môi trường sống.

**CO2.** Thể hiện kỹ năng nhận biết các dạng chất thải và phương pháp quản lý chất thải trong chăn nuôi; kỹ năng lập luận, phân tích và giải quyết vấn đề, kỹ năng làm việc nhóm.

**CO3.** Thể hiện thái độ, đạo đức tốt trong quá trình học tập thực hiện quy định về chăn nuôi an toàn sinh học góp phần phát triển ngành Chăn nuôi theo hướng bền vững

**4. Chuẩn đầu ra học phần, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá**

***4.1. Ánh xạ chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **CĐR học phần** | **Ánh xạ với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo** | | | |
| **PLO1.2** | **PLO1.3** | **PLO2.2** | **PLO3.1** |
| 1.2.2 | 1.3.1 | 2.2.1 | 3.1.2 |
| CLO 1.1 | 1,0 |  |  |  |
| CLO 2.1 |  | 1,0 |  |  |
| CLO 2.2 |  |  | 1,0 |  |
| CLO 3.1 |  |  |  | 1,0 |

***4.2. Nội dung chuẩn đầu ra, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá học phần***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **CĐR học phần (CLO)** | **TĐNL CĐR**  **học phần** | **Mô tả CĐR học phần** | **Phương pháp dạy học** | **Phương pháp đánh giá** |
| CLO1.1 | K3 | Hiểu được nguồn gốc phát sinh chất thải rắn, nước thải và khí thải; đặc điểm và phân loại các dạng chất thải; tác hại của chất thải tới đời sống vật nuôi và môi trường sinh thái. | Thuyết trình, nghiên cứu tình huống | Trắc nghiệm |
| CLO2.1 | A4 | Có khả năng phân tích, lập luận, giải thích được cơ chế gây tác hại của các dạng chất thải, cơ sở khoa học các biện pháp kỹ thuật nhằm quản lý chất thải chăn nuôi có hiệu quả | Hướng dẫn, tự học | Thi viết |
| CLO2.2 | A4 | Có đạo đức, trách nhiệm nghề nghiệp khi đề xuất lựa chọn các giải pháp để quản lý chất thải chăn nuôi phù hợp, có hiệu quả | Hướng dẫn, tự học | Rubric 2 |
| CLO3.1 | S4 | Có kỹ năng làm việc nhóm để tìm hiểu tài liệu và thực hiện được bài tiểu luận liên quan đến biện pháp quản lý các dạng chất thải trong chăn nuôi nhằm bảo vệ sức khỏe cho vật nuôi, giảm ô nhiễm môi trường sinh thái. | Hướng dẫn, tự học | Rubric 1 |

*…*

**5. Đánh giá học tập và các bộ tiêu chí đánh giá**

***5.1. Đánh giá học tập***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Bài đánh giá** | **Hình thức đánh giá,**  **minh chứng, lưu hồ sơ** | **Công cụ**  **đánh giá** | **CĐR học phần** | **Tỷ lệ**  **cho bài đánh giá** | **Tỷ lệ cho học phần** |
| **A1. Đánh giá quá trình** | | | |  | **50%** |
| A1.1. Bài trắc nghiệm | - Bài trắc nghiệm trên LMS, chấm điểm tự động | Đáp án | CLO 1.1 | 100% | 15% |
| A1.2. Giáo viên đánh giá bài tập nhóm | - Bài tập nhóm trên LMS, GV chấm điểm | Rubric 1 | CLO 2.1 | 40% | 20% |
| CLO 3.1 | 60% |
| A1.3. Nhóm tự đánh giá cho bài tập nhóm | Tự đánh giá của nhóm cho các thành viên | Rubric 2 | CLO 2.2 | 50% | 15% |
| CLO3.1 | 50% |
| **A3. Đánh giá cuối kỳ** | | | |  | **50%** |
| A2.1. Thi tự luận | - Thi viết; TT Đảm bảo chất lượng tổ chức thi và lưu hồ sơ | Đáp án | CLO 1.2 | 50% | 50% |
| CLO 2.1 | 50% |
| **Công thức tính điểm tổng kết:**  **Điểm TKHP = A1.1x0,15 + A1.2x0,2 + A1.3x0,15 + A2.1x0,5** | | | | | |

***5.2. Các bộ tiêu chí đánh giá***

***5.2.1. Rubric 1: Đánh giá bài A1.2***

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **CĐR** | **Nội dung đánh giá** | **Trọng số bài A1.2 (%)** | **Mức độ đánh giá** | | | | |  |
| **A** | **B** | **C** | **D** | **F** | **Điểm** |
| **8.5 - 10** | **7.0 - 8.4** | **5.5 - 6.9** | **4,0 -5,4** | **< 4,0** |
| **CLO2.1**  Có khả năng phân tích, lập luận, giải thích được cơ chế gây tác hại của các dạng chất thải, cơ sở khoa học các biện pháp kỹ thuật nhằm quản lý chất thải chăn nuôi có hiệu quả | **Tìm hiểu, xác định vấn đề** | 10 | Xác định rõ ràng vấn đề nghiên cứu | Xác định được vấn đề nghiên cứu | Cơ bản xác định được vấn đề nghiên cứu | xác định được vấn đề nghiên cứu chung chung | Không xác định được vấn đề nghiên cứu |  |
| **Lập kế hoạch và giải pháp quyết vấn đề** | 20 | Có khả năng tư duy để lập được kế hoạch và đưa ra các giải pháp quyết vấn đề ở mức tốt | Có khả năng tư duy để lập được kế hoạch và đưa ra giải pháp quyết vấn đề ở mức khá | Có khả năng tư duy để lập được kế hoạch và đưa ra giải pháp quyết vấn đề ở mức cơ bản | Có khả năng tư duy để lập được kế hoạch và đưa ra giải pháp quyết vấn đề ở mức thấp | Không có khả năng tư duy để lập được kế hoạch và giải pháp quyết vấn đề |  |
| **Đánh giá kết quả đạt được** | 10 | Đánh giá kết quả đạt được ở mức tốt | Đánh giá kết quả đạt được ở mức khá | Đánh giá kết quả đạt được ở mức cơ bản | Đánh giá kết quả đạt được ở mức thấp | Không đánh giá được kết quả đạt được |  |
| **CLO 3.1**  Có kỹ năng làm việc nhóm để tìm hiểu tài liệu và thực hiện được bài tiểu luận liên quan đến biện pháp quản lý các dạng chất thải trong chăn nuôi nhằm bảo vệ sức khỏe cho vật nuôi, giảm ô nhiễm môi trường sinh thái |  | 60 | Có kỹ năng tốt thực hiện yêu cầu môn học, để xuất giải pháp quản lý các dạng chất thải trong chăn nuôi nhằm bảo vệ sức khỏe cho vật nuôi, giảm ô nhiễm môi trường sinh thái | Có kỹ năng thực hiện yêu cầu môn học, để xuất giải pháp quản lý các dạng chất thải trong chăn nuôi nhằm bảo vệ sức khỏe cho vật nuôi, giảm ô nhiễm môi trường sinh thái ở mức khá | Cơ bản có kỹ năng thực hiện yêu cầu môn học, để xuất giải pháp quản lý các dạng chất thải trong chăn nuôi nhằm bảo vệ sức khỏe cho vật nuôi, giảm ô nhiễm môi trường sinh thái | Kỹ năng thực hiện yêu cầu môn học, ở mức độ thấp | Không có kỹ năng thực hiện yêu cầu môn học |  |
| **Tổng** | | | | | | | |  |

***5.2.1. Rubric 2: Đánh giá bài A1.3***

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **CĐR** | **Nội dung đánh giá** | **Trọng số bài A1.3 (%)** | **Mức độ đánh giá** | | | | | **Điểm** |
| **A** | **B** | **C** | **D** | **F** |
| **8.5 - 10** | **7.0 - 8.4** | **5.5 - 6.9** | **4,0 -5,4** | **< 4,0** |
| **PLO2.2. Có đạo đức, trách nhiệm nghề nghiệp và thái độ hành xử chuyên nghiệp trong các nhiệm vụ chuyên môn.** | Ý thức, trách nhiệm khi tham gia hoạt động nghề nghiệp | 10 | Ý thức, trách nhiệm cao khi tham gia hoạt động nghề nghiệp | Ý thức, trách nhiệm khá cao khi tham gia hoạt động nghề nghiệp | Ý thức, trách nhiệm khi tham gia hoạt động nghề nghiệp | Ý thức, trách nhiệm khi tham gia hoạt động nghề nghiệp đang còn thấp | Ý thức, trách nhiệm thấp hoặc không tham gia hoạt động nghề nghiệp |  |
| Mức độ tham gia hoạt động học tập, nghề nghiệp | 20 | Tham gia hoạt động học tập, nghề nghiệp với tần suất cao | Tham gia hoạt động học tập, nghề nghiệp tần suất khá cao | Tham gia hoạt động học tập, nghề nghiệp | Tham gia hoạt động học tập, nghề nghiệp tần suất thấp | Không tham gia hoạt động học tập, nghề nghiệp |  |
| Quản lý thời gian | 10 | Có khả năng quản lý thời gian tốt | Có khả năng quản lý thời gian khá tốt | Có khả năng quản lý thời gian | Quản lý thời gian chưa hợp | Chưa có khả năng quản lý thời gian |  |
| Quản lý nguồn lực | 10 | Có khả năng quản lý nguồn lực tốt | Có khả năng quản lý nguồn lực khá tốt | Có khả năng quản lý nguồn lực | Quản lý nguồn lực chưa hợp | Chưa có khả năng quản lý nguồn lực |  |
| **PLO3.1. Làm việc theo nhóm hiệu quả để giải quyết các vấn đề, công việc liên quan đến hoạt động nghề nghiệp.** | Tổ chức nhóm | 15 | Tham gia đầy đủ, tích cực các cuộc hợp nhóm | Tham gia đầy đủ các hoạt động nhóm. | Tham gia còn thiếu một số ít hoạt động | Chỉ tham gia một số ít hoạt động | Không tham gia |  |
| Nhiệm vụ được phân công rõ ràng, đầy đủ cho các thành viên trong nhóm | Nhiệm vụ được phân công khá rõ ràng, đầy đủ cho các thành viên trong nhóm | Nhiệm vụ được phân công cho các thành viên trong nhóm đầy đủ | Nhiệm vụ được phân công cho các thành viên trong nhóm chưa đầy đủ | Chưa có sự phân công nhiệm vụ |  |
| Hợp tác nhóm | 15 | Chủ động tạo ra sự tương tác tích cực thực hiện nhiệm vụ | Chủ động tạo ra sự tương tác khá tích cực thực hiện nhiệm vụ | Tương tác thực hiện nhiệm vụ ở mức cơ bản | Còn bị động, phụ thuộc trong sử dụng các phương thức làm việc nhóm | Thụ động trong việc tương tác với các thành viên |  |
| - Trao đổi, chia sẻ và chấp nhận các ý tưởng trong thực hiện nhiệm vụ với các thành viên ở mức độ cao | - Trao đổi và chấp nhận các ý tưởng trong thực hiện nhiệm vụ với các thành viên mức độ khá | Trao đổi, chia sẻ và chấp nhận các ý tưởng trong thực hiện nhiệm vụ với các thành viên ở mức độ cơ bản | Trao đổi và chấp nhận các ý tưởng trong thực hiện nhiệm vụ với các thành viên ở mức độ thấp | Không trao đổi, chia sẻ trong nhóm |  |
| - Chủ động kết nối, sử dụng các phương thức làm việc nhóm hiệu quả cao | - Chủ động kết nối, sử dụng các phương thức làm việc nhóm hiệu quả khá cao | Kết nối, sử dụng các phương thức làm việc nhóm hiệu quả cơ bản | Kết nối, sử dụng các phương thức làm việc nhóm hiệu quả thấp | Bị động trong kết nối, không hiệu quả |  |
| Thảo luận nhóm | 20 | Đề xuất, sáng kiến để đạt được tốt mục tiêu, kết quả nhóm | Đề xuất, sáng kiến để đạt được khá tốt mục tiêu, kết quả nhóm | Đề xuất, sáng kiến để đạt được mục tiêu, kết quả nhóm ở mức cơ bản | Đề xuất, sáng kiến để đạt được mục tiêu, kết quả nhóm thấp | Chưa có các đề xuất, sáng kiến |  |
| **Tổng** | | | | | | | |  |

**6. Tài liệu học tập**

**6.1. Tài liệu bắt buộc:**

[1] Lê Văn Phước, Giáo trình Quản lý môi trường và chất thải chăn nuôi, NXB Đại học Huế, 2017.

[2] Bùi Hữu Đoàn (Chủ biên), Bài giảng Quản lý chất thải chăn nuôi, NXB Nông nghiệp, 2011

**6.2 Tài liệu tham khảo:**

[3] Dương Nguyên Khang, *Thực hành Quản lý tốt hơn Xử lý nước thải trại chăn nuôi heo quy mô lớn,* NXB Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh

**7. Kế hoạch dạy học**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tuần/**  **Buổi**  **học [1]** | **Nội dung**  **[2]** | **Hình thức tổ chức dạy và học [3]** | **Chuẩn bị của sinh viên [4]** | **CĐR học phần [5]** | **Bài đánh giá**  **[6]** |
| 1 | **Chương 1.** Chăn nuôi và ô nhiễm môi trường 1.1. Tình hình sản xuất và tiêu thụ thịt  1.2. Các hệ thống chăn nuôi  1.3. Xu hướng phát triển và thách thức của ngành chăn nuôi  1.4. Thực trạng môi trường trong chăn nuôi  1.5. Các nguồn phát sinh chất thải  1.6. Thành phần chất thải  1.7. Tác động của ngành chăn nuôi và các giải pháp | *Giảng viên:*  - Thuyết trình tình hình sản xuất thịt, các hệ thống chăn nuôi, xu hướng phát triển của ngành chăn nuôi.  - Thuyết trình về các nguồn phát sinh chất thải, thành phần của chất thải, các tác động của ngành chăn nuôi  - Đưa chủ đề thảo luận: thực trạng của ngành chăn nuôi tại địa phương  *SV:* Nghe giảng, trả lời câu hỏi | - Vở ghi chép  - Tài liệu tham khảo  - Tìm hiểu tài liệu để trả lời câu hỏi thảo luận của GV | CLO1.1 | A1.1 |
| 2 | **Chương 2.** Quản lý chất thải rắn  2.1. Nguồn gốc của chất thải rắn  2.2. Trữ lượng chất thải rắn  2.3. Thành phần chất thải rắn  2.4. Tác hại của chất thải rắn | ***Giảng viên:***  - Thuyết trình về nguồn gốc, trữ lượng, thành phần chất thải rắn  - Đặt câu hỏi: tác hại của chất thải rắn đối với vật nuôi và môi trường  **Sinh viên:**  - Nghe giảng, xây dựng bài  - Trả lời câu hỏi của GV | - Vở ghi chép  - Tài liệu học tập  - Tìm hiểu về tác hại của chất thải rắn đối với vật nuôi và môi trường | CLO1.1 | A1.1 |
| 3 | **Chương 2.** (tiếp theo)  2.5. Các phương pháp quản lý chất thải rắn | ***Giảng viên:***  ***-*** Thuyết trình: các phương pháp quản lý chất thải rắn.  - Đặt câu hỏi: Hiện trạng chăn nuôi lợn sử dụng hầm biogas để kiểm soát chất thải  ***Sinh viên:***  - Nghe giảng, xây dựng bài  - Trả lời câu hỏi của GV | - Vở ghi chép  - Tài liệu tham khảo  - Tìm hiểu thông tin tài liệu để trả lời câu hỏi của GV | CLO1.1 | A1.1 |
| 4 | **Chương 3.** Quản lý nước thải chăn nuôi  3.1. Khái niệm, thành phần nước thải chăn nuôi  3.2. Căn cứ để thiết kế hệ thống xử lý nước thải | ***Giảng viên:***  - Thuyết trình: thành phần của nước thải, căn cứ để thiết kế hệ thống xử lý nước thải.  - Đặt câu hỏi có liên quan đến nội dung bài học  ***Sinh viên:***  - Nghe giảng, xây dựng bài  - Thảo luận thông tin liên quan đến bài học | - Vở ghi chép  - Tài liệu học tập  - Tìm hiểu tài liệu để trả lời câu hỏi của GV | CLO1.1 | A1.1 |
| 5 | **Chương 3.** (tiếp theo)  3.3. Các phương pháp xử lý nước thải | ***Giảng viên:***  - Thuyết trình: các phương pháp xử lý nước thải hiện nay  - Đặt câu hỏi: Tại địa phương hiện đang áp dụng phương pháp nào?  ***Sinh viên:***  - Nghe giảng  - Trả lời câu hỏi | - Vở ghi chép  - Tài liệu học tập  - Tìm hiểu tài liệu để trả lời câu hỏi của GV | CLO2.1  CLO3.1 | A1.2 |
| 6 | **Thảo luận:**  **Ứng dụng đệm lót sinh học trong chăn nuôi** | GV: Giao chủ đề bài thảo luận, chia các nhóm sinh viên  SV: Làm việc nhóm để thực hiện bài tiểu luận theo yêu cầu của GV  - Báo cáo bài thảo luận trước lớp | - Máy tính  - Tài liệu  - Thuyết trình | CLO2.1  CLO2.2  CLO3.1 | A1.2  A1.3 |
| 7 | **Chương 4.** Quản lý khí thải  4.1. Nguồn phát sinh khí thải  4.2. Các yếu tố ảnh hưởng đến sự hình thành và phán tán khí thải  4.3. Phân loại và đặc điểm khí thải  4.4. Ảnh hưởng của thành phần hạt và bụi | ***Giảng viên:***  ***-*** Thuyết trình: nguồn phát sinh, các yếu tố ảnh hưởng đến sự hình thành và phát tán khí thải  **-** Đặt câu hỏi: Ảnh hưởng của thành phần hạt và bụi đến sức khỏe vật nuôi và người chăn nuôi  ***Sinh viên:***  - Nghe giảng, trả lời câu hỏi của GV | - Vở ghi chép  - Tài liệu học tập  - Tìm hiểu tài liệu để trả lời câu hỏi của GV | CLO1.1  CLO2.1 | A2.1 |
| 8 | **Chương 4.** (tiếp theo)  4.5. Các yếu tố gây mùi từ chất thải  4.6. Ảnh hưởng của khí thải  4.7. Kiểm soát ô nhiễm mùi trong chăn nuôi  4.8. Kiểm soát ô nhiễm chuồng nuôi qua điều chỉnh thức ăn | ***Giảng viên:***  - Thuyết trình: các yếu tố gây mùi; phương pháp kiểm soát ô nhiễm mùi/ chuồng nuôi.  - Đặt câu hỏi: Kiểm soát ô nhiễm mùi trong chăn nuôi Lợn tại địa phương  ***Sinh viên:***  - Nghe giảng, xây dựng bài  - Trả lời câu hỏi của GV | - Vở ghi chép  - Tài liệu học tập  - Tìm hiểu thông tin có liên quan đến bài học. | CLO1.1  CLO2.1 | A2.1 |
| 9 | **Chương 5.** Sản xuất sạch hơn trong chăn nuôi   * 1. Khái quát chung về sản xuất sạch hơn   2. Áp dụng công nghệ sản xuất sạch hơn trong chăn nuôi | ***Giảng viên:***  - Thuyết trình: khái quát chung về sản xuất sạch hơn trong chăn nuôi, những khó khăn khi áp dụng công nghệ sản xuất sạch hơn.  - Làm bài tập: xây dựng các biện pháp sản xuất sạch hơn trong quy trình nuôi thâm canh gia súc/gia cầm  ***Sinh viên:***  - Nghe giảng, xây dựng bài  - Trả lời câu hỏi của GV | - Vở ghi chép  - Tài liệu học tập  - Tìm hiểu thông tin để làm bài tập theo yêu cầu của GV | CLO1.1  CLO2.1 | A2.1 |
| 10 | **Thảo luận**  **Thiết kế hệ thống chăn nuôi với mô hình VAC cải tiến** | GV: Giao chủ đề bài thảo luận, chia các nhóm sinh viên  SV: Làm việc nhóm để thực hiện bài tiểu luận theo yêu cầu của GV  - Báo cáo bài thảo luận trước lớp | - Máy tính  - Tài liệu  - Thuyết trình | CLO2.1  CLO2.2  CLO3.1 | A1.2  A1.3 |

***8.1. Phần tự học***

- Nghiên cứu tài liệu, xem các slide/video/website.

- Chủ động tìm các nguồn tài liệu khác liên quan đến nội dung học phần.

- Thảo luận, trao đổi những vấn đề liên quan đến học phần với bạn học/cựu sinh viên/cán bộ tại đơn vị trải nghiệm hoặc các nguồn lực hỗ trợ khác.

- Hoàn thành các bài tập được giao trên LMS.

***8.2. Phần học trên lớp trực tiếp hoặc online với giảng viên***

- Dự lớp ≥ 80% tổng thời lượng của học phần.

- Chủ động, tích cực trong giờ học.

- Phát hiện, đưa ra câu hỏi hoặc vấn đề liên quan đến nội dung học tập.

***8.3. Làm việc nhóm***

- Tham gia xây dựng kế hoạch hoạt động của nhóm.

- Tôn trọng ý kiến và chịu trách nhiệm về kết quả làm việc chung.

- Hoàn thành đầy đủ nhiệm vụ và sản phẩm dự án được giao.

**9. Ngày phê duyệt:**

**10. Cấp phê duyệt:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **KT. HIỆU TRƯỞNG**  **PHÓ HIỆU TRƯỞNG** | **VIỆN TRƯỞNG**  **TS. Nguyễn Đình Vinh** | **TRƯỞNG BỘ MÔN**  **TS. Lê Minh Hải** |

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH**  **VIỆN NÔNG NGHIỆP VÀ TÀI NGUYÊN** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

## **ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN CHI TIẾT**

## **Đồ án tốt nghiệp**

**1. Thông tin tổng quát:**

***1.1. Thông tin về giảng viên***

***Giảng viên 1:* Phạm Mỹ Dung**

Học hàm, học vị: Tiến sĩ

Địa chỉ liên hệ: 182 Lê Duẩn, TP Vinh, Nghệ An

Điện thoại, email: phammydungnln@gmail.com

Các hướng nghiên cứu chính: Dinh dưỡng và thức ăn động vật chăn nuôi; công nghệ sinh học sản xuất và nuôi chăn nuôi; Công nghệ tảo và ứng dụng

***Giảng viên 2:*** **Lê Minh Hải**

Học hàm, học vị: Tiến sĩ

Địa chỉ liên hệ: 182 Lê Duẩn, TP Vinh, Nghệ An

Điện thoại, email: minhhaidhv@gmail.com

Các hướng nghiên cứu chính: Di truyền động vật, bệnh động vật chăn nuôi; sản xuất giống và nuôi chăn nuôi.

***1.2. Thông tin về học phần:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| - Tên học phần (tiếng Việt): **Đồ án tốt nghiệp**  (tiếng Anh): **Graduation thesis** | | |
| - Mã số học phần: | | |
| - Thuộc CTĐT ngành: | | |
| - Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:  Kiến thức cơ bản  Kiến thức cơ sở ngành  Kiến thức ngành | Học phần chuyên về kỹ năng chung  Học phần dạy học theo hình thức dự án/đồ án  Kiến thức khác | |
| - Thuộc loại học phần: **Bắt buộc** | Tự chọn | |
| - Số tín chỉ: 10  + Số tiết lý thuyết: 0  + Số tiết thực hiện đồ án, dự án: 150  + Số tiết tự học: 300 | | |
| - Điều kiện đăng ký học: | |  |
| + Học phần tiên quyết: mã học phần | |  |
| + Học phần học trước: | | Mã số HP:AQU30010 |
| - Yêu cầu của học phần: Thực hiện theo Quy chế đào tạo của Trường Đại học Vinh. Cụ thể:  + Thời gian tối thiểu sinh viên phải có mặt trên lớp:  + Sinh viên phải nộp đầy đủ bài tập, báo cáo… qua hệ thống LMS (Mục 5.1). + Tham gia đầy đủ các bài thực hành. | | |
| - Bộ môn phụ trách học phần: Chăn nuôi và chăn nuôi  Điện thoại: Email: | | |

**2. Mô tả học phần**

Đồ án tốt nghiệp là môn học chuyên ngành cung cấp các quy trình kỹ thuật sản xuất, chăn nuôi, giúp sinh viên tiếp cận với phương pháp nghiên cứu khoa học, phương pháp bố trí thí nghiệm, xử lý số liệu, viết báo cáo khoa học. Cung cấp kiến thức thực nghiệm về quy trình kỹ thuật sản xuất các đối tượng chăn nuôi và ứng dụng vào thực tiễn chăn nuôi sau khi tốt nghiệp. Rèn luyện kỹ năng cá nhân, nghề nghiệp để thực hiện và tổ chức thực hiện các quy trình kỹ thuật, các thí nghiệm nghiên cứu khoa học, viết và trình bày báo cáo khoa học trong lĩnh vực chăn nuôi. Đồng thời, người học có được kỹ năng tự quản lý, sắp xếp thời gian, thiết kế, triển khai và vận hành một hệ thống/ quy trình sản xuất chăn nuôi.

**3. Mục tiêu học phần**

CO1. Vận dụng được kiến thức về dinh dưỡng, thức ăn, quản lý môi trường, bệnh động vật, công trình và thiết bị, kỹ thuật sản xuất chăn nuôi. Hiểu được thực tế hiện trạng (kỹ thuật, kinh tế, xã hội) của nghề sản xuất chăn nuôi ở các vùng của Việt Nam.

CO2. Có khả năng quản lý hiệu quả nguồn lực và lập kế hoạch sản xuất, có ý thức, trách nhiệm, đạo đức nghề nghiệp kỹ sư chăn nuôi.

CO3. Sử dụng cơ bản tiếng anh để giao tiếp với người nước ngoài tại cơ sở thực tập; Vận dụng kỹ năng giao tiếp bằng văn bản, thuyết trình để trình bày kết quả báo cáo đồ án.

CO4. Có khả năng lắp đặt, tổ chức, vận hành, đánh giá hệ thống công trình, thiết bị chăn nuôi và quy trình sản xuất đối tượng chăn nuôi.

**4. Chuẩn đầu ra học phần, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá**

***4.1. Ánh xạ chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo***

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Chuẩn đầu ra học phần** | **Ánh xạ với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo** | | | | | | | | | | | |
| **PLO2.1** | **PLO2.2** | | **PLO2.2** | **PLO3.2** | **PLO3.3** | **PLO4.1** |  |  |  |  | |
| 2.1.2 | 2.2.1 | 2.2.3 | 2.3.2 | 3.2.2 | 3.3.2 | 4.1.1 | 4.1.2 | 4.2.1 | 4.2.2 | 4.3.1 | 4.3.2 |
| *CLO2.1* | 1,0 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| *CLO2.2* |  | 1,0 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| *CLO2.3* |  |  | 1,0 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| *CLO2.4* |  |  |  | 1,0 |  |  |  |  |  |  |  |  |
| *CLO3.1* |  |  |  |  | 1,0 |  |  |  |  |  |  |  |
| *CLO3.2* |  |  |  |  |  | 1,0 |  |  |  |  |  |  |
| *CLO4.1* |  |  |  |  |  |  | 1,0 |  |  |  |  |  |
| *CLO4.2* |  |  |  |  |  |  |  | 1,0 |  |  |  |  |
| *CLO4.3* |  |  |  |  |  |  |  |  | 1,0 |  |  |  |
| *CLO4.4* |  |  |  |  |  |  |  |  |  | 1,0 |  |  |
| *CLO4.5* |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | 1,0 |  |
| *CLO4.6* |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | 1,0 |

***4.2. Nội dung chuẩn đầu ra, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá học phần***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **CĐR học phần (CLO)** | **TĐNL CĐR**  **học phần** | **Mô tả CĐR học phần** | **Phương pháp dạy học** | **Phương pháp đánh giá** |
| CLO2.1 | S4 | Vận dụng kỹ năng tư duy hệ thống, phản biện và sáng tạo đưa ra hướng giải quyết để triển khai thực tập chăn nuôi | Hướng dẫn/ Tự học/Đồ án | Đánh giá ; GVHD |
| CLO2.2 | A4 | Đạo đức, trách nhiệm, thái độ hành xử chuyên nghiệp, tinh thần hợp tác trong hoạt động nghề nghiệp, sẵn sàng chấp nhận thử thách và rủi ro trong chăn nuôi | Hướng dẫn/ Tự học | Đánh giá cơ sở thực tâp; GVHD |
| CLO2.3 | A4 | Vận dụng các chiến lược học tập phù hợp để tích lũy kiến thức và định hướng phát triển nghề nghiệp chăn nuôi | Tự học | Đánh giá của GVHD |
| CLO2.4 | S3 | Thể hiện thành thạo kỹ thuật sản xuất chăn nuôi | Hướng dẫn/Thực hành/ Tự học/Đồ án | Đánh giá cơ sở thực tâp, GVHD |
| CLO3.1 | S4 | Vận dụng kỹ năng giao tiếp bằng văn bản, thuyết trình để trình bày kết quả báo cáo đồ án. | Hướng dẫn/ đồ án | Đánh giá báo cáo tiến độ; Chấm đồ án |
| CLO3.2 | S4 | Sử dụng được tiếng Anh hoặc ngoại ngữ khác trong lĩnh vực chăn nuôi | Tự học/Đồ án | Chấm đồ án |
| CLO4.1 | C4 | Xác định được vai trò của chăn nuôi trong bối cảnh của xã hôi | Hướng dẫn/Đồ án | Chấm đồ án |
| CLO4.2 | C4 | Xác định được vai trò của chăn nuôi trong bối cảnh của doanh nghiệp | Hướng dẫn/Đồ án | Chấm đồ án |
| CLO4.3 | C4 | Hình thành ý tưởng, lập kế hoạch hoạt động sản xuất, kinh doanh dịch vụ chăn nuôi | Thực hành/Đồ án | Đánh giá báo cáo tiến độ; Chấm đồ án |
| CLO4.4 | C4 | Thiết kế, triển khai quy trình, hệ thống, hoạt động sản xuất, kinh doanh dịch vụ chăn nuôi | Thực hành/Đồ án | Chấm đồ án |
| CLO4.5 | C4 | Vận hành được hệ thống và hoạt động chăn nuôi tại nơi thực tập. | Thực hành/Đồ án | Chấm đồ án |
| CLO4.6 | C3 | Cải tiến và phát triển công nghệ, hệ thống, quy trình, hoạt động chăn nuôi | Thực hành/Đồ án | Chấm đồ án |

**5. Đánh giá học tập và các bộ tiêu chí đánh giá**

***5.1. Đánh giá học tập***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Bài đánh giá** | **Hình thức đánh giá và lưu hồ sơ** | **Công cụ đánh giá** | **CĐR học phần** | **Tỷ lệ cho bài đánh giá** | **Tỷ lệ**  **cho học phần** |
| **A1. Đánh giá thường xuyên** | |  |  |  | **50%** |
| A1.1. | Đánh giá nhận xét của cơ sở thực tập | Rubric 1 | CLO2.2 | 20% | 15% |
| CLO2.3 | 10% |
| CLO2.4 | 50% |
| CLO4.5 | 20% |
| A1.2. | Đánh giá nhận xét của GVHD | Rubric 1 | CLO2.2 | 40% | 15% |
| CLO2.3 | 40% |
| CLO2.4 | 20% |
| A1.3. | Đánh giá tiến độ đồ án | Rubric 2 | CLO2.1 | 20% | 20% |
| CLO 3.1 | 30% |
| CLO4.3 | 50% |
| **A2. Đánh giá cuối kỳ** | |  |  |  | **50%** |
| A2.1. | Hội đồng đánh giá sản phẩm đồ án  (*bảng đánh giá chung của hội đồng đánh giá đồ án/dự án*) | Rubric 2 | CLO3.1 | 35% | 40% |
| CLO4.1 | 10% |
| CLO4.2 | 10% |
| CLO4.3 | 20% |
| CLO4.4 | 20% |
| CLO4.6 | 5% |
| A2.2. | Báo cáo đồ án  (*bản đánh giá của Giảng viên phản biện đồ án*) | CLO3.1 | 80% | 10% |
| CLO3.2 | 20% |
| **Công thức tính điểm tổng kết:**  **Điểm TKHP = A1.1x0,15 + A1.2x0,15 + A1.3x0,20 + A2.1x0,4 + A2.2x0,1** | | | | | | |

***5.2. Các bộ tiêu chí đánh giá***

***5.2.1. Rubric 1 cho bài đánh giá A1.1 và A1.2***

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **CĐR** | **Tiêu chí đánh giá** | **Trọng số bài A1.1 (%)** | **Trọng số bài A1.2(%)** | **Mức độ đánh giá** | | | | |
| **A** | **B** | **C** | **D** | **F** |
| **8.5 – 10** | **7.0 - 8.4** | **5.5 - 6.9** | **4,0 -5,4** | **< 4,0** |
| **CLO2.2.** Đạo đức, trách nhiệm, thái độ hành xử chuyên nghiệp, tinh thần hợp tác trong hoạt động nghề nghiệp, sẵn sàng chấp nhận thử thách và rủi ro trong chăn nuôi | Ý thức, trách nhiệm khi tham gia hoạt động nghề nghiệp | 10 | 20 | Ý thức, trách nhiệm cao khi tham gia hoạt động nghề nghiệp | Ý thức, trách nhiệm khá cao khi tham gia hoạt động nghề nghiệp | Ý thức, trách nhiệm khi tham gia hoạt động nghề nghiệp | Ý thức, trách nhiệm khi tham gia hoạt động nghề nghiệp đang còn thấp | Ý thức, trách nhiệm thấp hoặc không có khi tham gia hoạt động nghề nghiệp |
| Mức độ tham gia hoạt động học tập, nghề nghiệp | 10 | 20 | Tham gia hoạt động học tập, nghề nghiệp với tần suất cao | Tham gia hoạt động học tập, nghề nghiệp tần suất khá cao | Tham gia hoạt động học tập, nghề nghiệp | Tham gia hoạt động học tập, nghề nghiệp tần suất thấp | Không tham gia hoạt động học tập, nghề nghiệp |
| **CLO2.3.** Vận dụng các chiến lược học tập phù hợp để tích lũy kiến thức và định hướng phát triển nghề nghiệp chăn nuôi | Lập kế hoạch học tập để phát triển nghề | 10 | 40 | Có khả năng lập được kế hoạch học tập ở mức độ chi tiết, rõ ràng | Có khả năng lập được kế hoạch học tập ở mức độ khá rõ ràng | Có khả năng lập được kế hoạch học tập | Có khả năng lập được kế hoạch học tập chưa hợp lý | Chưa có khả năng lập được kế hoạch học tập |
| **CLO2.4.** **Thể hiện thành thạo kỹ thuật sản xuất chăn nuôi** | Chuẩn bị kiến thức, đối tượng, cơ sở vật chất | 10 | 10 | Có sự chuẩn bị đầy đủ về kiến thức, đối tượng, cơ sở vật chất | Có sự chuẩn bị khá đầy đủ về kiến thức, đối tượng, cơ sở vật chất | Có sự chuẩn bị về kiến thức, đối tượng, cơ sở vật chất | Có sự chuẩn bị về kiến thức, đối tượng, cơ sở vật chất còn thiếu | Chưa có sự chuẩn bị về kiến thức hoặc đối tượng hoặc cơ sở vật chất |
| Kỹ thuật thao tác thực hành sản xuất thủy sản | 30 |  | Thành thạo kỹ thuật thao tác thực hành sản xuất chăn nuôi | Kỹ thuật thao tác thực hành sản xuất chăn nuôi ở mức độ khá | Kỹ thuật thao tác thực hành sản xuất chăn nuôi ở mức độ cơ bản | Kỹ thuật thao tác thực hành sản xuất chăn nuôi ở mức độ thấp | Kỹ thuật thao tác thực hành sản xuất chăn nuôi ở mức độ thấp |
| Đánh giá kết quả thực hành sản xuất | 10 | 10 | Đạt kết quả thực hành sản xuất cao | Đạt kết quả thực hành sản xuất khá cao | Có kết quả thực hành sản xuất | Có một số ít kết quả thực hành sản xuất | Chưa có kết quả thực hành sản xuất |
| **CLO 4.5.**  Vận hành được hệ thống và hoạt động chăn nuôi tại nơi thực tập. | Đánh giá sản phẩm đạt được từ mô hình thí nghiệm | 10 |  | Các tiêu chí đạt được phù hợp ở mức độ cao |  | Các tiêu chí đạt được phù hợp ở mức độ cơ bản. | Các tiêu chí đạt được phù hợp ở mức độ thấp | Các tiêu chí đạt được không phù hợp |
| Vận hành quy trình sản xuất tại cơ sở thực tập | 10 |  | Hiểu biết và vận hành quy trình sản xuất tại cơ sở thực tập ở mức độ cao | Hiểu biết và vận hành quy trình sản xuất tại cơ sở thực tập ở mức độ khá | Hiểu biết và vận hành quy trình sản xuất tại cơ sở thực tập ở mức độ cơ bản | Có hiểu biết về quy trình sản xuất tại cơ sở thực tập nhưng không vận hành được | Không hiểu biết và không vận vận hành quy trình sản xuất tại cơ sở thực tập |

***5.2.2. Rubric 2 đánh giá cho bài A1.3; A2.1***

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **CĐR** | **Tiêu chí đánh giá** | **Trọng số bài A1.3 (%)** | **Trọng số bài A2.1 (%)** | **Trọng số bài A2.2 (%)** | **Mức độ đánh giá** | | | | | |
| **A** | **B** | **C** | **D** | **F** |
| **8.5 – 10** | **7.0 - 8.4** | **5.5 - 6.9** | **4,0 -5,4** | **< 4,0** |
| **CLO2.1.**Vận dụng kỹ năng tư duy hệ thống, phản biện và sáng tạo đưa ra hướng giải quyết để triển khai thực tập chăn nuôi | Lập kế hoạch và đề xuất giải pháp về vấn đề thủy sản mặn | **20** |  |  | Có khả năng tư duy để lập được kế hoạch và đưa ra các giải pháp quyết vấn đề ở mức tốt | Có khả năng tư duy để lập được kế hoạch và đưa ra giải pháp quyết vấn đề ở mức khá | Có khả năng tư duy để lập được kế hoạch và đưa ra giải pháp quyết vấn đề ở mức cơ bản | Có khả năng tư duy để lập được kế hoạch và đưa ra giải pháp quyết vấn đề ở mức thấp | Không có khả năng tư duy để lập được kế hoạch và giải pháp quyết vấn đề |
| **CLO4.1**  Xác định được vai trò của chăn nuôi trong bối cảnh của xã hội | Nhận biết vai trò của chăn nuôi trong bối cảnh của xã hội |  | 10 |  | Nhận biết của chăn nuôi trong bối cảnh của xã hội với mức cao | Nhận biết của chăn nuôi trong bối cảnh của xã hội với mức độ khá | Nhận biết của chăn nuôi trong bối cảnh của xã hội với mức độ cơ bản | Nhận biết của chăn nuôi trong bối cảnh của xã hội với mức độ thấp | Không nhận biết được của chăn nuôi trong bối cảnh xã hội |
| **CLO4.2**  Xác định được vai trò của chăn nuôi trong bối cảnh của doanh nghiệp | Nhận biết vai trò của chăn nuôi trong bối cảnh của doanh nghiệp, |  | 10 |  | Nhận biết của chăn nuôi trong bối cảnh của doanh nghiệp với mức cao | Nhận biết của chăn nuôi trong bối cảnh của doanh nghiệp với mức độ khá | Nhận biết của chăn nuôi trong bối cảnh của doanh nghiệp với mức độ cơ bản | Nhận biết của chăn nuôi trong bối cảnh của doanh nghiệp với mức độ thấp | Không nhận biết được của chăn nuôi trong bối cảnh doanh nghiệp |
| **CLO 4.3**  Hình thành ý tưởng, lập kế hoạch hoạt động chăn nuôi | Hình thành ý tưởng | 30 | 10 |  | Đã đề xuất được ý tưởng mới và khả thi | Đề xuất được ý tưởng có tính ứng dụng cao, chưa mới | Đề xuất được ý tưởng nhưng không mới | Đề xuất được ý tưởng nhưng không khả thi | Không đề xuất được ý tưởng |
| Thiết kế mô hình thí nghiệm | 20 | 10 |  | Thiết kế được mô hình thí nghiệm đầy đủ và phù hợp | Thiết kế được mô hình thí nghiệm khá đầy đủ và phù hợp | Thiết kế được mô hình thí nghiệm nhưng chưa đủ | Thiết kế được mô hình thí nghiệm nhưng không phù hợp | Không thiết kế được mô hình thí nghiệm |
| **CLO4.4**. Thiết kế, triển khai quy trình, hệ thống, hoạt động chăn nuôi | Triển khai mô hình thí nghiệm |  | 20 |  | Triển khai mô hình thí nghiệm ở mức độ hoàn chỉnh | Triển khai mô hình thí nghiệm ở mức độ khá | Triển khai mô hình thí nghiệm ở mức độ cơ bản | Triển khai mô hình thí nghiệm ở mức độ thấp | Không triển khai được mô hình thí nghiệm |
| **CLO4.6.** Cải tiến và phát triển hệ thống, quy trình, hoạt động chăn nuôi | Cải tiến và phát triển mô hình, quy trình |  | 5 |  | Có khả năng cải tiến và phát triển mô hình, quy trình | Có khả năng cải tiến mô hình, quy trình ở mức khá | Có khả năng cải tiến mô hình, quy trình ở mức cơ bản | Có khả năng cải tiến mô hình, quy trình ở mức thấp | Không có khả năng cải tiến mô hình, quy trình ở mức thấp |
| **CLO3.1.** Vận dụng kỹ năng giao tiếp bằng văn bản, thuyết trình để trình bày kết quả báo cáo đồ án. | Hình thức báo cáo đồ án | 5 | 5 | 10 | Hình thức báo cáo đúng quy định , rõ ràng, đầy đủ, trình bày đẹp, không phạm lỗi chính tả, trích dẫn tài liệu tham khảo đầy đủ và đúng quy định | Hình thức báo cáo đúng quy định , rõ ràng, đầy đủ, có trích dẫn tài liệu tham khảo theo quy định, có vi phạm 1 số lỗi chính tả không quan trọng | Hình thức báo cáo đúng quy định, bố cục cơ bản hợp lý, Trích dẫn tài liệu cơ bản đúng quy định , vi phạm 1 vài lỗi chính tả quan trọng | Thiếu một vài nội dung quan trọng, trình bày chưa rõ ràng, có nhiều lỗi chính tả quan trọng  Trích dẫn tài liệu còn sơ sài, hoặc chưa đúng quy định | Hình thức báo cáo không đúng quy định.  Bố cục không rõ ràng,  Không trích dẫn |
| Mục tiêu và nội dung nghiên cứu | 5 | 5 | 10 | Mục tiêu rõ ràng, hợp lý, nêu được ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề tài, hệ thống được nội dung nghiên cứu hợp lý | Mục tiêu khá rõ ràng, nêu được một số ý nghĩa của đề tài, nội dung nghiên cứu khá hợp lý | Mục tiêu nghiên cứu và hệ thống nội dung tương đối rõ ràng, nhưng chưa thể hiện được ý nghĩa của đề tài | Mục tiêu nghiên cứu không rõ ràng, có hệ thống nội dung nhưng không nêu được ý nghĩa của đề tài | Không có mục tiêu nghiên cứu không nêu được ý nghĩa của đề tài, hệ thống nội dung chưa hợp lý |
| Phương pháp nghiên cứu | 5 | 5 | 20 | Có sơ đồ nghiên cứu hợp lý, khoa học, mô tả đầy đủ phương pháp nghiên cứu, bố trí thí nghiệm và phương pháp phân tích xử lý số liệu | Sơ đồ nghiên cứu khá hợp lý, mô tả được các phương pháp trong nghiên cứu và xử lý số liệu | Sơ đồ tương đối hợp lý, mô tả sơ sài các phương pháp nghiên cứu và xử lý số liệu | Sơ đồ nghiên cứu chưa rõ ràng ở một số điểm quan trong, phương pháp nghiên cứu và xử lý số liệu không đầy đủ | Sơ đồ nghiên cứu không đạt, không đề cập đến phương pháp nghiên cứu hoặc phương pháp xử lý số liệu |
|  | Kết quả nghiên cứu | 5 | 10 | 40 | Số liệu đầy đủ, chính xác, trung thức, có đầy đủ số liệu thô trong bài, cách thể hiện và trình bày số liệu hợp lý, biện luận khoa học, đạt được mục tiêu đề ra | Số liệu khá đầy đủ, chính xác, có đủ số liệu thô, cách trình bày khá hợp lý, có biện luận nhưng chưa chặt chẽ | Số liệu khá đầy đủ, có số liệu thô, có trình bày nhưng chưa đi sâu vào giải thích biện luận | Số liệu còn thiếu, biện luận sơ sài | Số liệu không trung thực, không có biện luận |
|  | Tiến độ hoàn thành công việc, hoạt động của đồ án | 10 |  |  | Hoàn thành toàn bộ công việc được giao vượt tiến độ | Hoàn thành toàn bộ công việc được giao khá đúng tiến độ | Hoàn thành cơ bản một số công việc chưa đúng tiến độ | Cơ bản chậm tiến độ các công việc, mới chỉ đạt được số ít hoạt động đồ án | Chậm tiến độ |
|  | Kỹ năng thuyết trình |  | 10 |  | Nói rõ, tự tin, thuyết phục, báo quát, thu hút được toàn bộ người nghe tốt | Nói mạch lạc những không thu hút người nghe khá tốt, khá bao quát | Nói chưa rõ, thiếu tự tin, chưa bao quát, ít giao lưu với người nghe | Nói nhỏ, không tự tin, không giao lưu với người nghe | Không trình bày được |
| **CLO3.2.** Sử dụng được tiếng Anh hoặc ngoại ngữ khác trong lĩnh vực nuôi trồng thuỷ sản | Đọc tài liệu chuyên ngành, Nói bằng tiếng Anh trong khi thực hiện đồ án |  |  | 20 | Đọc, trích dẫn một số tài liệu tiếng anh chuyên ngành;  Có thể giao tiếp tiếng anh với cán bộ kỹ thuật cơ sở (nếu có) ở mức tốt | Đọc, trích dẫn một số tài liệu tiếng anh chuyên ngành;  Có thể giao tiếp tiếng anh với cán bộ kỹ thuật cơ sở (nếu có) mức khá | Đọc, trích dẫn một số ít tài liệu tiếng anh chuyên ngành;  Có thể giao tiếp tiếng anh với cán bộ kỹ thuật cơ sở (nếu có) mức cơ bản | Đọc, trích dẫn một số ít tài liệu tiếng anh chuyên ngành;  Có thể giao tiếp tiếng anh với cán bộ kỹ thuật cơ sở (nếu có) mức thấp | Không trích dẫn một số tài liệu tiếng anh chuyên ngành;  Không thể giao tiếp tiếng anh với cán bộ kỹ thuật cơ sở (nếu có) |

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH**  **VIỆN NÔNG NGHIỆP - TN**  **\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  **\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*** |

**PHIẾU NHẬN XÉT THỰC TẬP**

**(**Phiếunhận xét của cơ sở thực tập )

Họ và tên sinh viên: MSSV: Lớp: Khoá:

Địa điểm thực tập (Cơ quan/Doanh nghiệp/ Công ty tiếp nhận thực tập):…………...…….

Thời gian thực tập:………………………………………………………………………….

Nội dung thực tập:………………………………………………………………………….

Người nhận xét:…………………………………………………………………………….

Nội dung và kết quả nhận xét của cơ sở thực tập:

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí** | **CĐR** | **Trọng số (%)** | **Mô tả mức chất lượng** | | | | **Điểm cơ sở** |
| **A** | **B** | **C** | **D** |
| **8.5 - 10** | **7.0 - 8.4** | **5.0 - 6.9** | **4.9 – 0.0** |
| Chấp hành nội quy của đơn vị | CLO2.3 | 10 | Chấp hành đúng | Chấp hành | Cơ bản chấp hành, còn có lúc vi phạm | Không chấp hành |  |
| Thái độ học hỏi, làm việc, hợp tác | 10 | Rất tích cực  Luôn hỗ trợ đồng nghiệp | Tích cực  Có hỗ trợ với đồng nghiệp | Bình thường  Thỉnh thoảng mới hỗ trợ | Thụ động, không chịu học hỏi, hợp tác |  |
| Kỹ năng giao tiếp ngoại ngữ với cán bộ kỹ thuật (Nếu có) | 5 | Rất tốt | Tốt | Cơ bản | Không giao tiếp được |  |
| Khả năng giải quyết vấn đề, hoàn thành công việc | CLO2.5 | 15 | Hoàn thành rất tốt | Hoàn thành đầy đủ | Hoàn thành cơ bản | Không hoàn thành được |  |
| Kiến thức, kỹ năng thực hành thu nhận | CLO2.5  CLO4.4 | 50 | Thu nhận tốt kiến thức và kỹ năng thao thác thực hành thành thạo | Thu nhận đầy đủ kiến thức và kỹ năng thao tác thực hành tốt | Thu nhận ở mức cơ bản kiến thức và kỹ năng thao tác thực hành đạt yêu cầu | Thu nhận kém kiến thức và kỹ năng thao tác thực hành chưa đạt yêu cầu |  |
| **Điểm tổng** | | | | | | |  |

Kết luận và đánh giá thực tập: (*Đạt/Không đạt/Khác (nếu có*)) .......................................

...............................................................................................................................................

*..............., ngày tháng năm 20*

**Xác nhận của cơ sở thực tập Người đánh giá/nhận xét**

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH**  **VIỆN NÔNG NGHIỆP -TN**  **\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  **\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*** |

**PHIẾU NHẬN XÉT THỰC TẬP**

**(**Phiếu nhận xét của giáo viên hướng dẫn)

Họ và tên người đánh giá: ……………………………………………………………….

Học hàm: Học vị:

Họ và tên sinh viên: MSSV: Lớp: Khoá:

Địa điểm thực tập:…………………………………………………………………………

Thời gian thực tập:…………………………………………………………………………

Nội dung nhận xét và đánh giá:……………………………………………………………

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí** | **CĐR** | **Trọng số (%)** | **Mô tả mức chất lượng** | | | | **Điểm** |
| **Giỏi** | **Khá** | **Trung bình** | **Trung bình yếu** |
| **8.5 - 10** | **7.0 - 8.4** | **5.0 - 6.9** | **4.9 – 0.0** |
| Ý thức, thái độ với công việc | CLO2.2 | 10 | Tích cực | Khá  Tích cực | Bình thường | Rất thụ động |  |
| Thái độ học hỏi, hợp tác | 10 | Rất tích cực | Tích cực | Học hỏi cơ bản | Không chịu học hỏi |  |
| Đề xuất giải pháp để giải quyết vấn đề | CLO2.2 | 10 | Rất tốt | Tốt | Cơ bản | Không đề xuất |  |
| Khả năng sáng tạo, lập kế hoạch và quản lý thời gian | CLO2.3 | 20 | Lập được kế hoạch chi tiết, sáng tạo, quản lý tốt | Lập được kế hoạch chi tiết, quản lý được công việc | Lập được kế hoạch và quản lý ở mức cơ bản | Không lập kế hoạch, Không biết quản lý thời gian, công việc |  |
| Kỹ năng giao tiếp với giảng viên (văn bản, nói…) | CLO2.4 | 10 | Tốt  Thường xuyên | Khá | Bình thường | Kém |  |
| Khả năng hoàn thành công việc đảm nhận | CLO2.5 | 40 | Hoàn thành xuất sắc | Hoàn thành tốt | Hoàn thành ở mức cơ bản | Chưa hoàn thành |  |
| **Điểm tổng** | | | | | | |  |

**Kết luận và đánh giá:**..........................................................................................................

...............................................................................................................................................

*Nghệ An, ngày tháng năm 20*

Người đánh giá/nhận xét

**6. Tài liệu học tập**

***6.1. Giáo trình:***

*Giáo trình:*

**[**[1]. Lê Đức Ngoan, Nguyễn Thị Hoa Lý, Dư Thanh Hằng. Giáo trình Thức ăn gia súc. NXB Nông nghiệp, 2005

[2]. Lã Văn Kính, Lê Đức Ngoan, Nguyễn Hải Quân (2019). Dinh dưỡng và thức ăn chăn nuôi lợn. NXB Nông Nghiệp, 214 tr.

[3] Bùi Thị Mến và Đỗ Võ Anh Khoa, 2014. Giáo trình chăn nuôi Gia cầm. NXB Đại học Cần Thơ.

[4] Lê Thị Mến, 2010. Giáo trình chăn nuôi heo. NXB Đại học Cần Thơ.

*Tham khảo*

[1] Đỗ Đức Lực, Nguyễn Đình Hiền và Hà Xuân Bộ (2017). Giáo trình Thiết kế thí nghiệm. Nhà xuất bản Đại học Nông nghiệp

**[2] Nguyễn Bá Hiên, Huỳnh Thị Mỹ Lệ, 2020. Giáo trình Giáo trình Bệnh truyền nhiễm thú y. Học viện Nông nghiệp, 2019, 644 Tr.**

**7. Kế hoạch dạy học**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tuần** | **Nội dung công việc** | **Địa điểm/không gian thực hiện** | **Hoạt động của sinh viên** | **Kết quả cần đạt được** | **Bài đánh giá** | **CĐR học phần** |
| **1** | **Tìm hiểu trại Chăn nuôi**  **/ Doanh nghiệp chăn nuôi (cơ sở triển khai đồ án)**  Hình thành đồ án tốt nghiệp cho cá nhân | Theo Bộ môn sắp xếp | - Tìm hiểu về trại chăn nuôi nơi thực tập, nắm các yêu cầu về nội quy, quy định của cơ sở.  - Tự phác thảo thiết kế , kết cấu trại, liệt kê các phương tiện, trang thiết bị, các nguyên vật liệu phục vụ sx và chăn nuôi | Tìm hiểu được cơ sở thực tập; | A1.1  A1.3 | CLO1.2  CLO2.1  CLO2.2  CLO2.3  CLO3.1 |
| **2** | **Thực hành kỹ thuật sản xuất giống và nuôi thịt, vận hành trại sản xuất**  2.1.Thực hành về thiết kế, vận hành một số hệ thống, thiết bị chăn nuôi.  2.2. Thực hành về kỹ thuật sản xuất giống vật nuôi | Theo Bộ môn sắp xếp | - Thao tác các kỹ thuật theo hướng dẫn của Cán bộ CS. | Thao tác được các kỹ thuật sx và chăn nuôi, vận hành được thiết bị, hệ thống của trại sản xuất. | A1.1  A2.2 | CLO1.2  CLO2.3  CLO3.1  CLO4.1 |
| **3** | **Xây dựng và hoàn thiện thuyết minh đề cương, thiết kế thí nghiệm đồ án tốt nghiệp** | Theo Bộ môn sắp xếp | - Xây dựng và hoàn thiện đề cương đồ án  -Thiết kế được thí nghiệm, kế hoạch của đồ án | Bản đề cương đồ án.  Bố trí thí nghiệm đồ án tốt nghiệp | A1.2  A1.3  A2.2 | CLO2.1  CLO2.2  CLO3.1 |
| **4 ÷ 10** | **Triển khai thí nghiệm/đồ án tốt nghiệp** | Theo Bộ môn sắp xếp | Lắp đặt hệ thống thí nghiệm của đồ án.  -Tiến hành triển khai thí nghiệm đồ án.  - Ghi nhật ký thực tập, số liệu.  -Viết báo cáo tiến độ. | Triển khai các nội dung của đồ án,  Báo cáo tiến độ, Nhật ký | A2.1  A2.2 | CLO1.2  CLO2.2  CLO2.3  CLO3.1  CLO4.1  CLO4.2  CLO4.3 |
| **11** | **Viết và hoàn thiện báo cáo đồ án tốt nghiệp**  **Phỏng vấn đồ án** |  | Viết và hoàn thiện báo cáo đồ án | Báo cáo đồ án  Nhật ký thực tập | A2.1  A2.2 | CLO1.2  CLO2.2  CLO3.1  CLO4.1  CLO4.2  CLO4.3 |

**8. Nhiệm vụ của người học**

***8.1. Phần tự học***

- Nghiên cứu tài liệu, xem các slide/video/website.

- Chủ động tìm các nguồn tài liệu khác liên quan đến nội dung thực tập

- Thảo luận, trao đổi những vấn đề liên quan đến học phần với bạn học/cựu sinh viên/cán bộ tại đơn vị trải nghiệm hoặc các nguồn lực hỗ trợ khác.

- Hoàn thành các bài tập được giao trên LMS.

***8.2. Phần thực tập***

- Tham dự thực tập ≥ 80% tổng thời lượng

- Chủ động, tích cực trong giờ học.

- Phát hiện, đưa ra câu hỏi hoặc vấn đề liên quan đến nội dung thực tập

- Tham gia xây dựng kế hoạch hoạt động của nhóm.

- Tôn trọng ý kiến và chịu trách nhiệm về kết quả làm việc chung.

- Hoàn thành đầy đủ nhiệm vụ và đề tài được giao.

**9. Ngày phê duyệt:**

**10. Cấp phê duyệt:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **KT. HIỆU TRƯỞNG**  **PHÓ HIỆU TRƯỞNG** | **VIỆN TRƯỞNG**  **TS. Nguyễn Đình Vinh** | **TRƯỞNG BỘ MÔN**  **TS. Lê Minh Hải** |